



HOÀI ANH
TUYỂN TẬP
TRUYỆN LỊCH SỬ
QUYỂN 4

Hung Đạo Vương

văn hững
truyện khác
Tập truyện

Vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HOÀI ANH
TUYỂN TẬP TRUYỆN LỊCH SỬ

Quyển 4:

HÙNG ĐẠO VƯƠNG
VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC

Truyện lịch sử

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRIỆU XUÂN

Sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu

NHÀ VĂN HOÀI ANH, ĐA TÀI VÀ LẶNG LẼ

Lời tựa của nhà văn Triệu Xuân

I

Lần đầu tiên, Nhà xuất bản Văn học tuyển chọn để xuất bản một lúc mười sáu cuốn tiểu thuyết và truyện về đề tài lịch sử của một tác giả. Đó là mười sáu tác phẩm của nhà văn Hoài Anh.

Hoài Anh là nhà văn đa tài, tự học mà có nguồn tri thức uyên thâm, cả đời lặng lẽ sống và viết. Ông viết nhiều thể loại: thơ, kịch, truyện ngắn, tiểu thuyết, khảo cứu, phê bình văn học... Ở thể loại nào ông cũng có những thành tựu. Tên khai sinh là Trần Trung Phương, ông sinh ngày 8-7-1938, tại Bình Lục, Hà Nam. Ông là con trai trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học và yêu nước. Lên tám tuổi, cha mẹ xích mích, cha đi làm Việt Minh, dắt ông theo. Bởi thế ông giúp việc cho cách mạng từ khi còn nhỏ, có lẽ là sớm nhất trong các nhà văn là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam! Kháng chiến chống Pháp, ông làm việc tại Văn phòng huyện đội Bình Lục, rồi Ban Chính trị Tỉnh đội Hà Nam, Ban Định vận trung đoàn 254 thuộc Bộ tư lệnh Liên khu 3. Hòa bình lập lại, ông về tiếp quản Hà Nội, mới mười sáu tuổi! Ông công tác tại Phòng Văn nghệ và Nhà sáng tác Sở Văn hóa Hà Nội, biên tập viên Hội Văn nghệ Hà Nội.

Hoài Anh được học chữ Hán và tiếng Pháp từ rất nhỏ. Tại Hà

Nội, ông tiếp tục tự học để hoàn thiện Hán văn, nâng cao tiếng Pháp và tiếng Anh. Cũng trong thời gian này ông viết nhiều thơ, kịch, truyện. Ông có nhiều bài thơ hay được tuyển vào các tuyển tập. Ông viết nhiều vở kịch, nhưng phần lớn phải ký tên người khác mới được dựng (thời ấy mới có chuyện kỳ cục như thế!). Đất nước hòa bình thống nhất, ba mươi tám tuổi đời, ông bôn ba vào sống ở Sài Gòn với quyết tâm viết cho được những tiểu thuyết và truyện lịch sử về những danh nhân quê gốc Nam Bộ. Ông làm biên tập ở Xưởng phim Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, rồi Biên tập viên tuần báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1978, Hội viên Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam. Cả đời lao động sáng tạo nghệ thuật không mệt mỏi, ông chỉ đi bộ, và đặc biệt là ông chưa bao giờ được nhận một chức sắc nào trong guồng máy Nhà nước!

Tập thơ đầu tay của ông được xuất bản in chung với hai người khác mang tên *Gió vào trận bão* (Nxb Văn học, 1967), Kế đó là *Ngựa ông đã về* (Truyện, Nxb. Kim Đồng, 1978); *Đuốc lá dừa* (truyện, Nxb Măng non - Nxb Trẻ, 1981, 1994, 1995; Nxb Kim Đồng, 2002); *Đầu gió* (truyện, Nxb Trẻ, 1986); *Rồng đá chuyển mình* (truyện, Nxb Đồng Nai, 1987; Nxb Kim Đồng 2002); *Từ hương đến mật* (thơ, Nxb Văn Nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1987); *Dạ lan* (thơ, Nxb Tác phẩm mới, 1989); *Chim gọi nắng* (truyện, Nxb Tiền Giang, 1989); *Chuyện tình Dương Vân Nga* (truyện, Nxb Thanh niên, 1990); *Hương thơm và nọc độc* (truyện, Nxb Long An, 1990); *Chúa Chổm ba mươi sáu tàn vàng* (tiểu thuyết, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 1990); *Sứ mệnh phù Lê* (tiểu thuyết, Nxb Lao động, 1991); *99 ngọn* (thơ, Nxb Văn học, 1991); *Trường ca Điện Biên. Tổ khúc Hà Nội* (thơ, Nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh,

1995); *Bùi Hữu Nghĩa, mối duyên vàng đá* (truyện, Nxb Văn học, 1998; Nxb Kim Đồng, 2003); *Có công mài sắt* (truyện, Nxb Trẻ, 1996, 1998); *Ỗ Lan phu nhân* (truyện, Nxb Văn học, 1996; Nxb Kim Đồng, 2002); *Nguyễn Thông - Vọng Mai Đình* (truyện, Nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh, 2000); *Tầng ngày* (thơ, Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2001); *Thư - Thơ* (thơ, Nxb Trẻ, 2001); *Chân dung văn học* (tiểu luận - phê bình, Nxb Hội Nhà văn, 2001); *Chân dung thơ* (tiểu luận - phê bình, Nxb Hội Nhà văn, 2001); *Tìm hoa quá bước* (tiểu luận - phê bình, Nxb Văn học, 2001); *Một trăm bài thơ Đường* (dịch, Nxb Đồng Nai, 2001); *7 thế kỷ thơ tình Pháp* (dịch, Nxb Đồng Nai, 2001); *Tác gia kịch nói và kịch thơ* (nghiên cứu - phê bình, Nxb Sân khấu, 2003); *Gia Định tam gia* (biên dịch, chú giải, Nxb Đồng Nai, 2003).

Năm 1961, Hoài Anh được nhận Giải thưởng của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam cho tác phẩm kịch *Xe pháo mã*. Giải thưởng Văn học Thiếu nhi 1981-1983 của Hội nhà văn Việt Nam cho tiểu thuyết lịch sử *Đuốc lá dừa*. Tặng thưởng lý luận phê bình 2002-2003 của Hội nhà văn Việt Nam cho tác phẩm *Chân dung văn học* (hơn 1000 trang). Giải A về nghiên cứu phê bình 2003 của Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam cho tác phẩm *Tác gia kịch nói và kịch thơ*.

*

Tôi đọc thơ Hoài Anh in trong tập *Gió vào trận bão* thấy tứ thơ của ông lạ, ngôn từ giàu hình ảnh nhưng bình dị, cách diễn đạt - cho dù về những vấn đề hiện đại - vẫn mang âm hưởng dân gian. Ông viết về những người trai Hà Nội bỏ lại tất cả để đi kháng chiến, lao vào đạn bom khói lửa, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh mà nhẹ tựa lông hồng:

*Một người bạn tôi gặp trong đêm ấy
Ra phố mua một bao thuốc lá
Chín năm sau anh mới trở về nhà*

...

*Ta mang ba mươi sáu phố phường đi chiến đấu
Chín năm rừng lòng vẫn Thủ đô*

Nhớ ngày Thủ đô kháng chiến

Hoài Anh yêu Hà Nội, suốt đời hướng về Hà Nội. Ông nói khát vọng của biết bao nhiêu người muốn vươn tới những tầng cao, vươn tới hạnh phúc:

*Làn mây trắng nhắc cánh bướm lông lộng
Một con tem cũng gọi cả chân trời
Ôi bóng dừa và tiếng sóng
Lòng như tàu muốn vượt cạn ra khơi*

Thơ tình của Hoài Anh có nét riêng, khá đặc sắc. Ông cảm xúc trước cảnh hai người yêu nhau tâm sự ở đâu đó trong vườn hoa, người không thấy, chỉ thấy hai chiếc xe đạp dựa vào nhau:

*Tiếng gì sột soạt trong khe lá
Ước mơ vỗ cánh bay trên đầu...*

...

*Nắng ôm lưng cây nhả giữa vườn hoa
Gió khoác tay lá dạo trên mặt đất*

Không biết người ngồi đâu khuất...

Tình ca

Càng lớn tuổi, thơ tình của Hoài Anh càng đậm thắm, da diết:

Hồn xin làm đóa dạ lan

Lặng thầm dấu mặt trong làn hương bay

Dạ lan

Bài *Cầu thang*, Hoài Anh viết:

Cầu thang nhà em

Lên rất khó, xuống rất dễ

Nhưng với anh

Lên rất dễ, xuống rất khó

Lên: Lồng ngực lao về phía trước

Xuống: Trái tim rớt lại đằng sau.

Viết về tình yêu, sự si mê, về nỗi đau mất mát như thế thì thật ngộ nghĩnh, độc đáo và sâu sắc! *Cầu thang* của Hoài Anh viết từ những năm đất nước còn chìm đắm trong nỗi khốn khó tứ bề của cơ chế hành chính quan liêu bao cấp. Giữa Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông mà thiếu gạo ăn, nhà văn viết trong ánh đèn dầu; các chung cư cao tầng bị cúp điện, thang máy ngưng hoạt động, người ta phải leo thang bộ mà lên, khi gặp người yêu, trái tim đập gấp như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực! Đọc *Cầu thang*, hình ảnh lồng ngực lao lên phía trước, trái tim rớt lại đằng sau... tôi chợt nhớ đến bài thơ thất tình, mà tôi nghĩ là hay nhất trong các bài thơ thất tình, của Chế Lan Viên:

*Người mang lại ái tình không ở cùng tôi nữa
Nhưng hương em còn quấn mỗi câu thơ
Trời xanh của sông Hàn nay đã vỡ
Mỗi câu thơ là một mảnh trời xưa!*

Những mảnh trời xanh (*Toàn tập Chế Lan Viên*,
NXB Văn học, 2004).

II

Hoài Anh nói: “Thể loại mà tôi thích nhất là thơ... Thể loại tôi thích thứ hai là tiểu thuyết và truyện lịch sử”. Từ năm 2004 trở về trước, Hoài Anh sống cô độc trong căn phòng ở tầng 6, chung cư 190 Nam Kỳ Khởi nghĩa. Ông ăn uống kham khổ, được chăng hay chớ. Ông quá say mê viết lách cho nên nơi ở khá lộn xộn, sách vở, tài liệu chồng chất... Một lần đến chơi, tôi hỏi ông về cuốn *Đuốc lá dừa*. Đây là tác phẩm ông viết tại nhà tôi. Lúc đó tôi có một mình, được cấp hai phòng gần sáu chục mét vuông ở tầng 8, chung cư 727 Trần Hưng Đạo (trước 1975 gọi là President), Quận 5. Năm 1980, khi vợ chồng ông *cơm không lành canh không ngọt*, ông phải ôm máy đánh chữ (Hoài Anh chỉ viết bằng máy chữ, đến nay vẫn không biết dùng computer) chạy lên President tá túc tại nhà bạn bè. Ông lên đó được vài ngày thì chuyển sang trụ lại ở nhà tôi gần một tháng. Ban ngày tôi đi làm, ông ở nhà gõ máy chữ. Chiều, tôi về, ông bắt đầu nói. Ông không có nhu cầu gì hơn việc được nói và tôi lắng nghe ông nói! Ông cứ nói trong khi tôi vừa nấu cơm, giặt giũ, lau nhà... Lúc ăn, ông nói hăng hơn. Thậm chí, khi tôi vào toilet, ông đứng ngoài nói chớ vào qua cánh cửa. Với Hoài Anh, nói tức là đang sáng tác. Ông nói từ chương đầu tiên đến chương cuối cùng là

gần một tháng, kém một ngày là tròn một tháng. Hôm ông đánh máy xong trang bản thảo cuối cùng của *Đuốc lá dừa*, đưa cho tôi đọc, giọng rưng rưng: *Tôi vừa làm xong cái việc ghi lại những điều đã thôi thúc trong tim, cũng là những điều đã nói cho ông nghe suốt bốn tuần qua!*

Về *Đuốc lá dừa*, Hoài Anh kể rằng năm 1981, sau khi viết xong ở President, ông đưa cho người của một nhà xuất bản. Mấy tháng sau, anh ta trả lời là không may bị kẻ cắp lấy mất túi xách, trong đó có bản thảo *Đuốc lá dừa*! Hoài Anh chết lặng, vì không còn bản lưu. Thời đó giấy hiếm lắm. Đánh máy mà Hoài Anh không có tiền mua giấy, chỉ đánh có một bản. Thế là đành phải viết lại. May mà ông có trí nhớ *hơi bị* siêu phàm, cho nên chỉ trong hai tuần lễ, ông đánh máy xong tiểu thuyết *Đuốc lá dừa*, để rồi được Nxb Măng Non và sau là Nxb Trẻ in nhiều lần: 1981, 1994, 1995; Nxb Kim Đồng in năm 2002. *Đuốc lá dừa* được Hội Nhà văn Việt Nam trao Giải thưởng văn học viết cho thiếu nhi 1981-1983. Tác phẩm cũng long đong y hệt như tác giả, nhưng may mà... *tiền hung hậu cát!*

Tôi hỏi ông đã viết bao nhiêu tác phẩm về đề tài lịch sử? Hoài Anh chỉ vào đống bản thảo đầy bụi ở gầm giường. Tôi moi ra hơn hai chục bản thảo, có cái in nhiều lần, và nhiều bản thảo viết lâu rồi, giấy đánh máy đã ố vàng nhưng chưa hề xuất bản. Tôi ngỏ ý tuyển chọn để xuất bản Tuyển tập truyện lịch sử. Ông vui vẻ nói: Thế là Châu về Hợp phố rồi!

Ngoại trừ nhu cầu được *nói* trước khi đánh máy chữ, Hoài Anh là người sống khiêm nhường và lặng thầm! Trong cuộc đời lao động đầy gian truân, khổ ải, ông luôn có ý thức không bao giờ lặp lại, luôn tự làm mới mình, một cách lặng lẽ, y hệt như ông đã

và đang lặng lẽ đi bộ mỗi khi cần di chuyển. Đời sống hàng ngày thì thế, nhưng văn chương của ông, số phận những nhân vật trong tiểu thuyết và truyện lịch sử của ông thì không lặng lẽ chút nào! Nó năng động, hiển hiện cứ y như là cuộc đời thực trong lịch sử đầy bão táp, lửa đạn, máu và nước mắt của dân tộc!

Tuyển tập truyện lịch sử của Hoài Anh gồm mười sáu tựa sách, trong đó có hai tập truyện, còn lại là mười bốn tiểu thuyết:

1. MÊ LINH TỰ NGHĨA

Tác giả miêu tả cuộc đời đầy ngang trái éo le của những phụ nữ tài sắc, không chịu khuất phục trước quân xâm lược nhà Hán, đã tự nghĩa ở Mê Linh, rửa thù nhà đền nợ nước. Hoài Anh tái hiện hiện thực và thế thái nhân tình những năm đầu thế kỷ thứ Nhất của nước ta. Tác giả khắc họa thân phận những người phụ nữ như Phương Dung, Thiều Hoa, Thiên Thanh (sau là Thánh Thiên), Thục Nương (sau là Bát Nàn), Lê Chân, Đào Kỳ, Đông Bảng... cùng các nghĩa sỹ khác, dưới ách đô hộ nhà Hán trước khi đến Mê Linh tự nghĩa với nàng Chắc. Nàng Chắc và em là nàng Nhì, có cha là Hùng Định, lạc tướng Mê Linh. Hùng Định bị tên thái thú Tích Quang ép buộc phải bắt dân Lạc Việt tuân theo phong tục, thể chế nhà Hán. Hùng Định không chịu, cuối cùng sinh bệnh, qua đời. Chồng nàng Chắc là Thi Sách, lạc tướng Chu Diên, khuyên thái thú Tô Định không nên áp bức bóc lột nặng nề dân Lạc Việt. Thi Sách bị Tô Định giết. Thù nhà, nợ nước, nàng Chắc, nàng Nhì phát cờ khởi nghĩa ở Mê Linh, được nghĩa sỹ và dân chúng bốn phương hưởng ứng đã lật đổ chế độ đô hộ của nhà Hán, giành lại nền tự chủ cho đất nước.

Viết về Hai Bà Trưng, Hoài Anh không tùy tiện hư cấu mà dựa vào thần tích các làng thờ Hai Bà Trưng, các nữ tướng của

Hai Bà. Trên cơ sở đó tái hiện bộ mặt lịch sử thời kỳ đầu Công nguyên. Tác giả nghiên cứu, đối chiếu lịch sử Việt Nam, lịch sử Trung Quốc và những thành tựu khảo cổ học về thời kỳ Hùng Vương. Ông còn tham khảo công trình nghiên cứu sử học VN của học giả Mỹ: Stephen O'Harrow. Hoài Anh tung ra những chi tiết sinh động về sinh hoạt, phong tục, tập quán tín ngưỡng tinh thần thời Hai Bà Trưng, nêu bật sự đối tỷ giữa văn minh Lạc Việt / văn minh Hán. Tác giả lên án mưu đồ đồng hóa dân tộc Lạc Việt để mở đường bành trướng xuống các nước phương Nam của đế chế nhà Hán, tiêu biểu là nhân vật Hán Quang Vũ.

Núi Nghĩa Lĩnh, nơi có đền thờ và mộ Vua Hùng. Theo truyền thuyết, có 99 con voi quay đầu về phương Nam, chỉ có một con quay về phương Bắc. Vua Hùng rút gươm chém đầu con voi bất nghĩa đó. Di tích là ngọn Bất Nghĩa Sơn bị sạt mất một góc. Nhân dân ta đời đời trung thành với đất nước, kẻ nào phản bội Tổ quốc sẽ bị trừng trị đích đáng. Về nghệ thuật, tác giả học tập lối viết truyện của Walter Scott (Anh), Alexandre Dumas cha (Pháp) và Kim Dung (Trung Quốc) để tăng thêm tính hấp dẫn cho tiểu thuyết lịch sử. Tác giả tránh dùng những chi tiết huyền hoặc, phi lý. Ông luôn tôn trọng cứ liệu lịch sử.

2. TẮM LONG BÀO

Dương Vân Nga là cháu, gọi Dương Như Ngọc - vợ Ngô Quyền bằng cô ruột, được Ngô Quyền nuôi ở trong cung. Ngô Quyền mất, em vợ là Dương Tam Kha cướp ngôi của cháu là Xương Ngập. Ngô Xương Văn trừ được Dương Tam Kha, lên ngôi vua là Nam Tấn Vương. Nam Tấn Vương đem quân đi đánh Đinh Bộ Lĩnh. Thấy Bộ Lĩnh là người có chính nghĩa, vì dân vì nước, Dương Vân Nga ủng hộ Đinh Bộ Lĩnh nên bị Nam Tấn

Vương giam vào lãnh cung. Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong các sứ quân, thống nhất đất nước, lên làm vua, lập Dương Vân Nga làm Hoàng hậu. Nhà Tống chỉ phong Đinh Bộ Lĩnh là Giao Chỉ Quận vương. Dương Vân Nga đã vận động dân chúng may tấm long bào cho Đinh Bộ Lĩnh bằng tơ lụa dệt trong nước. Khi Đinh Bộ Lĩnh bị giết, con nhỏ là Đinh Tuệ lên nối ngôi. Quân Tống sang xâm lược nước ta. Biết Thập đạo tướng quân Lê Hoàn là người có đủ tài lãnh đạo cuộc kháng chiến chống xâm lược, Dương Vân Nga đã khoác tấm long bào lên mình Lê Hoàn để ông ra chiến trường đánh giặc cứu nước.

Tác giả khéo tay khi viết về Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn, đã thông qua nhân vật xuyên suốt lịch sử thời đại này là Thái hậu Dương Vân Nga. Bà Thái hậu hiểu được tình thế mất còn của dân tộc, nguyện vọng dân chúng cần một người tài năng, trí tuệ hơn người để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Vì thế bà đã chủ động khoác áo long bào (áo rồng), biểu tượng của nhà vua, lên mình Lê Hoàn. Bào rồng cũng là áo frận. Dương Vân Nga đã thay mặt toàn dân trao sứ mệnh chống giặc cứu nước cho người hiền tài.

Tác phẩm minh định nhân vật Nguyễn Bặc: không hề dính líu gì đến quân xâm lược Tống. Nguyễn Bặc chỉ vì trung nghĩa với triều Đinh nên chống lại Lê Hoàn. Đây chỉ là mâu thuẫn nội bộ, không phải là mâu thuẫn ta - địch. Lê Hoàn đánh dẹp Nguyễn Bặc nhưng vẫn dùng con trai Bặc là Nguyễn Đê làm tướng. Sau, Nguyễn Đê trở thành một vị tướng quan trọng ngang với Lý Công Uẩn.

3. NHƯ NGUYỆT

Ỗ Lan là một thôn nữ hái dâu, được vua Thần Vũ, tức Lý Thánh Tông đưa về cung, phong làm Nguyên Phi. Nàng đã dốc

lòng trị nước an dân. Vua Thần Vũ mất, con là Càn Đức lên nối ngôi còn nhỏ dại. Hoàng hậu Thượng Dương được Thái sư Lý Đạo Thành ủng hộ, tôn làm Nhiếp chính. Thượng Dương nghe lời xúi giục của bọn tay sai gián điệp nhà Tống, sai người dâng biểu xin thần phục nhà Tống. Phò mã Thân Cảnh Phúc, chồng của Công chúa Động Thiên, trấn ở biên giới, bắt được người mang biểu sang nhà Tống, đem nộp cho Lý Thường Kiệt. Lý Thường Kiệt cùng các đại thần tâu vua. Vua bắt Thượng Dương giam lại, giáng chức Lý Đạo Thành, đày đi Nghệ An; tôn Ý Lan lên làm Nhiếp chính, tức Linh Nhân Hoàng thái hậu. Lý Thường Kiệt dẹp bỏ hiềm riêng, đã xin Linh Nhân cho đón Lý Đạo Thành về Kinh lo việc nội trị cho ông yên lòng đi đánh quân Tống xâm lược. Sau khi chiến thắng ngoại xâm, âm mưu của Thượng Dương vu cáo hãm hại Ý Lan được Công chúa Động Thiên tố giác. Mọi chuyện mờ ám xung quanh cái chết của vua Thần Vũ được sáng tỏ.

Hoài Anh xây dựng thành công nhân vật Lý Thường Kiệt, anh hùng dân tộc. Xuất phát từ tư tưởng Tam giáo đồng tôn, Lý Thường Kiệt chủ trương đoàn kết toàn dân để tạo sức mạnh chống ngoại xâm. Lý Thường Kiệt sử dụng những người có chính kiến khác như Lý Đạo Thành và trọng dụng con trai Lý Đạo Thành là Lý Kế Nguyên. Hình ảnh Ý Lan thật đẹp. Như Nguyệt tượng trưng cho tấm lòng của Ý Lan với Lý Thánh Tông. Đây là sự sát son chung thủy, nhưng không tiêu cực như chuyện cũ trong thơ Đường xưa:

Tự quân chi xuất hỹ

Bất phục lí tàn kì

Tư quân như nguyệt mãn

Dạ dạ giảm thanh huy

Thơ của Trương Cửu Linh, đời Đường

Từ chàng cất bước ra đi

Việc canh cử chẳng thiết gì mớ tay

Nhớ chàng như mặt trăng đầy

Đêm đêm vầng sáng hao gầy đêm đêm

Ngô Tất Tố dịch

Sau khi Lý Thánh Tông băng, Ý Lan vẫn lo đảm đương việc nước như khi chồng còn sống. Như Nguyệt cũng là tên con sông, phòng tuyến chống quân Tống. Bài *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* của Lý Thường Kiệt đã được ông từ coi đền thờ Trương Hống, Trương Hát ngâm lên trong đêm để động viên quân sỹ. Thời đó, mọi người tin là thơ của thần linh, ý chí của thần linh! Từ đó tăng thêm lòng tin tưởng, dốc lòng dốc sức tiêu diệt quân thù.

4. HƯNG ĐẠO VƯƠNG VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC

Quân Nguyên sang đánh nước ta lần thứ hai, thấy thế địch mạnh, Hưng Đạo Vương rút quân về Vạn Kiếp củng cố lực lượng. Giặc tiến đánh Vạn Kiếp, Hưng Đạo Vương lại đưa Thái Thượng hoàng và vua Trùng Hưng (tức Nhân Tông) rút về Thanh Hoa. Tại Thanh Hoa, Hưng Đạo Vương đứng hầu hai vua thường mang cây gậy đầu bịt mũi sắt nhọn để tiện leo núi. Thấy có người nghi ngờ là Hưng Đạo Vương có thể hại vua để trả mối thù của cha là Trần Liễu, giành lại ngôi vua về tay ngành trưởng, Hưng Đạo Vương đã rút mũi sắt nhọn để dẹp mối nghi ngờ. Việc làm đó cổ vũ mọi người, dồn tất cả ý chí và sức lực vào tiêu diệt quân giặc. Hưng Đạo Vương tổ chức phản công giải

phóng Kinh đô Thăng Long, đuổi sạch quân xâm lược, non sông vững tựa âu vàng.

Sau truyện Hưng Đạo Vương là các truyện khác, khắc họa sinh động những anh hùng dân tộc, danh nhân đất Việt: Phùng Hưng, Nguyễn Thuyên, Thái Thuận, Lê Thánh Tông, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Hữu Trác, Nguyễn Du, Hoàng Diệu. Cao Thắng, Quản Hồn, Đội Nhân (Hà Thành đầu độc)... Cuối cùng là truyện *Phố Sử* viết về 12 ngày đêm chiến thắng B52 của đế quốc Mỹ trên bầu trời Hà Nội. Hoài Anh tỏ ra rất lành nghề khi viết tiểu thuyết, sắc sảo khi làm truyện ngắn. Tác giả khắc họa tính cách của từng nhân vật tập trung vào những khoảnh khắc của lịch sử mà nhân vật phải lựa chọn cách suy nghĩ, hành động để trở thành người chính nghĩa, hữu ích cho dân tộc, có công với dân với nước. Ông khai triển chất liệu sử thi, chất thơ, chất triết lý. Hình ảnh dòng sông Lục Đầu đầy nghĩa biểu trưng. Sáu con sông gặp nhau tại Vạn Kiếp, thái ấp của Trần Hưng Đạo, là nơi *đầu gió*, đương đầu với sức mạnh của quân xâm lược từ phương Bắc tràn tới. Như câu tục ngữ: *Có cứng mới đứng đầu gió*. Trong tập này có một số tấm gương phấn đấu, tìm tòi phát minh như Cao Thắng chế vũ khí chống Pháp, *có công mài sắt có ngày nên kim*.

Thời Trần là thời đại oanh liệt của lịch sử nước ta. Vì sao Hoài Anh không viết tiểu thuyết về đời Trần? Đời Trần, người trong họ lấy lẫn nhau, nay tái hiện thời ấy, ắt không thể né tránh vấn đề luân lý! Tác giả cho rằng rất khó thể hiện trong tiểu thuyết những nhân vật như: Trần Thị Dung là chị con nhà bác lấy em là Trần Thủ Độ. Trần Hưng Đạo lấy Thiên Thành Công chúa là cháu lấy cô ruột. Trình Quận chúa con gái Trần Hưng Đạo lấy Trần Nhân Tông là chị con nhà bác lấy em. Trần Thủ

Độ bắt Trần Cảnh phải lấy Thuận Thiên Công chúa khi đó đã có mang với Trần Liễu, đẻ ra con là Trần Quốc Khang, nhưng sau đó lại không được lập làm vua mà lập con ruột là Trần Hoảng (tức Trần Thánh Tông). Sau này con Trần Quốc Khang là Trần Kiện đã theo giặc Nguyên. Trần Ích Tắc, con thứ tư Trần Cảnh cũng đi theo giặc Nguyên (có lẽ vì tranh giành ngôi vua). Mẹ Trần Hưng Đạo là ai, chính sử cũng không chép! Trong khi đó nhà Trần không sử dụng Nguyễn Phi Khanh chỉ vì Phi Khanh lấy con gái hoàng tộc, con gái Trần Nguyên Đán. Hồ Quý Ly lập Hồ Hán Thương mà không lập Hồ Nguyên Trừng chỉ vì Hồ Hán Thương là cháu ngoại của vua Trần... Những chuyện thật của lịch sử như thế đều rất khó viết. Bởi khi viết tiểu thuyết lịch sử, dù có hư cấu thế nào chăng nữa thì cũng phải trung thành với sự thật lịch sử chứ không thể xuyên tạc lịch sử!

5. NGỰA ÔNG ĐÃ VỀ

Tác phẩm rất hấp dẫn, gồm những mẩu chuyện về Lê Lợi từ khi khởi nghĩa ở Lam Sơn, tạm rút về Chí Linh, cho đến khi phát triển vào Nghệ An rồi đem quân ra Bắc, dựng trại ở bến Bồ Đề, đánh thành Đông Quan, được nhân dân hưởng ứng. “Nhong nhong ngựa Ông đã về. Cát cỏ Bồ Đề cho ngựa Ông ăn”. Nhờ Nguyễn Trãi giúp mưu, đánh vào lòng người và chặn đánh viện binh của giặc kéo sang, cuối cùng giải phóng Đông Quan (Thăng Long): “Non sông muôn dặm lấy lại, Chợt búa Đông Đô chẳng thay”, đuổi quân Minh về nước, “rửa sạch nỗi hổ thẹn nghìn thu. Mang lại nền thái bình muôn thuở”. Cũng giống như Hưng Đạo Vương, đưa Lê Lợi vào tiểu thuyết sẽ gặp rất nhiều vấn đề lịch sử rất khó xử lý! Còn nhớ, sau khi tác phẩm *Ngựa Ông đã về* ra đời, năm 1979 có người chê Hoài Anh: Tại sao nhân vật Lê Lợi hay như vậy, thời Khởi nghĩa Lam Sơn hào hùng như vậy mà

không viết tiểu thuyết, lại đi viết những mẩu chuyện? Ông bảo: *Chê như thế là chưa hiểu hết nghề viết tiểu thuyết lịch sử, là chưa cận nhân tình!* Lê Lợi là anh hùng dân tộc, là nhân vật lịch sử quá nổi tiếng, không thể tùy tiện hư cấu. Ông có những mối quan hệ phức tạp. Thí dụ như mối quan hệ của ông với ba bà vợ, với hai con Tư Tề và Nguyên Long, không chỉ phức tạp mà nhiều khi mang màu sắc huyền thoại: Việc bà Phạm Thị Trần bị ném xuống sông dâng cho Thần Sông. Mối quan hệ của Lê Lợi với những người khai quốc công thần như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo, đầy bi kịch, cũng không dễ giải thích và tái hiện. Hoài Anh thật khôn ngoan chọn phương thức viết những mẩu chuyện xung quanh nhân vật Lê Lợi. Theo cách này, ông có dư dật dụng võ! Mỗi chuyện trong *Ngựa Ông đã về* giống như một truyện ngắn mini, có thể độc lập, nhưng đứng kế tiếp nhau thì thành một tập truyện liên hoàn. Xưa, M. Gorki viết *Những mẩu chuyện nước Ý* cũng theo phương cách này.

6. ĐẤT THANG MỘC I: CHÚA CHỐM

Công cuộc tung hứng nhà Lê được thể hiện qua hình ảnh tượng trưng: Đất thang mộc. Nghĩa đen là đất tắm gội của vua khi tế trời đất, thần linh, xã tắc và tổ tiên. Nghĩa bóng là nơi phát tích của một triều đại. Đất phát tích của nhà Lê là Lam Sơn, của Chúa Trịnh: Sóc Sơn, của Chúa Nguyễn: Gia Miêu, đều thuộc tỉnh Thanh Hóa. Thanh Hóa được coi là đất Thang mộc, cũng là hậu bị chiến lược của quân đội ta. Tiểu thuyết *Đất Thang Mộc* chia làm hai phần:

Phần I, viết về Chúa Chổm, tức vua Lê Trang Tông. Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Trung thần nhà Lê là Hữu điện tiền đô chỉ huy sứ An Thành hầu Nguyễn Kim lánh sang Ai Lao

dấy binh khôi phục nhà Lê. Ông tìm con cháu nhà Lê là Lê Ninh, tức Chúa Chởm, con vua Chiêu Tông, về lập làm vua, tức vua Nguyên Hòa, sau là Lê Trang Tông. Nguyễn Kim tiến hành công cuộc diệt Mạc phù Lê, nêu rõ chính thống. Được Trịnh Kiểm, Vũ Sư Thước và các tướng giúp đỡ, Nguyễn Kim đem quân về đóng ở Thanh Hoa, đánh nhau với quân Mạc. Khi tiến quân ra Yên Mô (nay thuộc Ninh Bình), Nguyễn Kim bị hàng tướng Mạc là Dương Chấp Nhất đánh thuốc độc chết. Dù bị Trịnh Kiểm nghi ngờ, chèn ép, Vũ Sư Thước vẫn ủng hộ Trịnh Kiểm lên làm người đứng đầu quân đội, đồng lòng phù Lê diệt Mạc.

7. ĐẤT THANG MỘC II: SỬ MỆNH PHÙ LÊ

Phần II của *Đất thang mộc* mang tên: *Sử mệnh phù Lê*. Sau khi Nguyễn Kim, Lê Trang Tông qua đời, những người còn lại vẫn kiên trì sự nghiệp diệt Mạc phù Lê, trung hưng nhà Lê. Vua Nguyên Hòa mất, con lên nối ngôi là vua Thuận Bình, sau là Lê Trung Tông. Thuận Bình mất sớm, Trịnh Kiểm lập Duy Bang, dòng dõi Lê Trừ, anh Lê Thái Tổ lên làm vua, tức là vua Chính Trị, sau là Lê Anh Tông. Trịnh Kiểm mất, con là Trịnh Tùng lên thay, lại giết vua Chính Trị, lập vua Gia Thái lên ngôi, sau là Lê Thế Tông. Trịnh Tùng mang quân về Thăng Long diệt được nhà Mạc. Vũ Sư Thước hy sinh nhưng con là Vũ Trần Phúc vẫn đi tiếp con đường của cha hoàn thành sự nghiệp phù Lê. Mẹ Vũ Trần Phúc là Công chúa Ngọc Lan, con gái Mạc Đăng Doanh, vì cứu Vũ Sư Thước nên bị vua Mạc khoét mắt, phải đi làm nghề hát rong nuôi thân, cuối cùng vào núi Yên Tử trút xác. Vũ Trần Phúc có ý định theo Nguyễn Hoàng vào mở mang vùng đất mới phía Nam...

Những tác phẩm viết theo đề tài phế lập trong văn học ta đã xuất hiện từ những năm đầu thế kỷ trước. Thế nhưng những tác phẩm thời đó theo kết cấu chương hồi, thuật chuyện là chính, tâm trạng nhân vật thường rất sơ lược, tác giả tùy tiện khi hư cấu, khi sử dụng sử liệu. Đọc tiểu thuyết *Đất Thang mộc* mới thấy Hoài Anh rất tài hoa trong việc miêu tả và xử lý những tình huống, sự kiện lịch sử.

8. LỜI THỀ LỬA

Thời kỳ vua Lê chúa Trịnh có lẽ là thời bi hài nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam buổi thoái trào. Họ Trịnh chuyên quyền ngày càng hiếp bức vua Lê. Vua Lê chỉ còn là bù nhìn. Đến đời Trịnh Giang, lại càng lộng hành, bỏ vua này lập vua khác. Trịnh Giang già tay bóc lột nhân dân, ăn chơi xa xỉ, xây cất nhiều cung quán chùa chiền phủ đệ khắp nơi, bắt dân chúng phục dịch vất vả. Hoàng tử Lê Duy Mật, con vua Dụ Tông đứng lên phát động cuộc khởi nghĩa nông dân ở Sơn Tây, sau đó rút về Thanh Hoa, lập căn cứ ở Trấn Ninh chống nhau với Trịnh ròng rã suốt ba mươi năm. Cuối cùng, bị con rể là Lại Thế Thiều phản bội, mở cửa cho quân Trịnh lọt vào thành, nghĩa quân tan vỡ. Lê Duy Mật nhảy vào lửa tự thiêu để vẹn lời thề với dân với nước.

Trấn Ninh cũng là căn cứ đầu tiên của Nguyễn Kim khi khởi nghĩa diệt Mạc phù Lê. Trấn Ninh giáp Lào. Những nghĩa sỹ Việt Nam đã được nhân dân Lào ủng hộ. Tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Lào Việt có từ lâu đời. Hoài Anh đã nhấn mạnh tính nhân dân trong cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật. Duy Mật không chỉ vì quyền lợi hoàng tộc mà còn cứu vớt nhân dân khỏi sự áp bức bóc lột tàn bạo của chính quyền Trịnh Giang.

9. MƯU SĨ CỦA QUANG TRUNG: TRẦN VĂN KỶ

Tiểu thuyết có nhân vật chính là Trần Văn Kỷ, nhưng tác phẩm đã làm sống lại cả một thời đại lẫy lừng trong lịch sử dân tộc: Thời đại Quang Trung. Kỷ là nho sĩ ở Thuận Hóa, từ chối không ra thi với chúa Nguyễn. Khi chúa Trịnh mang quân vào đánh Thuận Hóa, Kỷ cho rằng chúa Trịnh khá hơn chúa Nguyễn nên ra thi với chúa Trịnh, đỗ Giải nguyên. Khi ra Thăng Long chuẩn bị dự kỳ thi Hội, Kỷ mới hiểu ra chúa Trịnh cũng áp bức bóc lột dân chẳng khác gì chúa Nguyễn nên đã hưởng ứng phong trào nghĩa quân Tây Sơn diệt cả Nguyễn và Trịnh. Nguyễn Huệ phong Kỷ làm Trung thư phụng chính Kỷ thiện hầu. Kỷ đã tiến cử cho Nguyễn Huệ những nhân tài Bắc Hà như: Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Thiếp... Sau đó lại giúp mưu cho Quang Trung đánh quân Thanh xâm lược. Sau ngày đại thắng, Trần Văn Kỷ, Ngô Thì Nhậm... đã giúp Quang Trung trong việc xây dựng lại đất nước như lời chiếu: “Nay Trẫm cùng dân đổi mới, đưa trăm họ lên đài xuân...”

Cũng như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, nhân vật Nguyễn Huệ rất khó đưa vào tiểu thuyết lịch sử bởi nhiều mối quan hệ phức tạp: Quan hệ của Nguyễn Huệ với Nguyễn Nhạc khi vợ Nguyễn Huệ bị Nhạc thông dâm, để rồi anh em ruột mang quân đánh giết nhau! Mối quan hệ của Nguyễn Huệ với Bùi Đắc Tuyên là em trai bà vợ cả họ Phạm, mẹ của Nguyễn Quang Toàn. Mối quan hệ của ông với Nguyễn Quang Thùy, con bà vợ lẽ, không được lập làm Thái tử mặc dù lớn tuổi hơn Toàn và có tài hơn. Mối quan hệ với Ngọc Hân và các con bà; Hay là việc ông cầu hôn Công chúa con vua Càn Long... Có phải tác giả né tránh những chuyện phức tạp, uẩn khúc trong cuộc đời thật của các danh nhân để giữ vẻ đẹp muôn đời cho các anh hùng dân tộc đã trở thành thần

tượng chẳng?

Tác giả thông minh khi chọn một sỹ phu Nam hà là Trần Văn Kỷ làm nhân vật chính. Trần Văn Kỷ có quan hệ với các sỹ phu Bắc hà như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Đoàn Nguyễn Tuấn, Ninh Tồn, Nguyễn Thiếp... Qua đó Hoài Anh khéo thể hiện sự anh minh, biết dùng nhân tài của Nguyễn Huệ, cũng như kế hoạch hành binh thần tốc của ông. Tác phẩm khắc họa thành công nhiều gương mặt không phải ai cũng đã biết là những tướng lĩnh quê Đảng trong, đặc biệt là đất võ Bình Định.

10. VUA MINH MẠNG

Có một thời kỳ, khi viết sử và giảng sử, chúng ta đánh giá về nhà Nguyễn chưa công bằng, chưa khách quan, khoa học. Hoài Anh trong tác phẩm này đề cao vua Minh Mạng là người tư chất thông minh, hiếu học, ham hiểu biết. Nhà vua rất quan tâm học hành, khoa cử, tuyển chọn nhân tài. Trong việc dùng người, Minh Mạng đặc biệt chú ý đến học thức. Ngay sau khi lên ngôi, nhà vua củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý đất nước. Năm Tân Mão, 1831, Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính trên quy mô lớn, chia cả nước làm ba mươi một tỉnh. Từ đây, tỉnh là đơn vị hành chính thống nhất trong cả nước, có cương vực và địa hình khá hợp lý.

Minh Mạng thiết lập được chế độ trung ương tập quyền ở Việt Nam, hạn chế quyền hành các thế lực địa phương. Thời Minh Mạng, đất nước ta rộng nhất. Các nước Ai Lao, Chân Lạp đều quy phục. Người Xiêm cũng không dám gây hấn. Các thể chế luật pháp, được xây dựng quy mô. Có thể gọi Minh Mạng là kiến trúc sư của nước Đại Nam, tượng trưng cho chủ quyền dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ. Hoài Anh dùng hình tượng Cửu đỉnh

để nói lên thế vững mạnh của nước ta thời đó. Tác phẩm thể hiện xung khắc giữa tư tưởng pháp trị và tư tưởng nhân đạo; ca ngợi những nhân vật ủng hộ đường lối chính sách của Minh Mạng như Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Tri Phương; phê phán những nhân vật chống lại chính sách đó như Lê Chất... Riêng với Lê Văn Duyệt, tác giả có sự đánh giá đúng mức, sức thuyết phục cao.

Tiểu thuyết *Vua Minh Mạng* vạch rõ âm mưu của vua Louis XVIII, De Richelieu... sử dụng Chaigneau và các thừa sai, linh mục Gia tô giáo làm tay trong để xâm lược nước ta. Tác giả khai thác những tài liệu của Pháp để làm chất liệu tiểu thuyết. Có không ít người xưa nay đổ lỗi cho Minh Mạng vì chủ trương bế quan tỏa cảng và cấm đạo, cho nên Pháp đánh Việt Nam! Không thể đổ lỗi như vậy. Minh Mạng vâng theo lời vua Gia Long, cảnh giác với âm mưu xâm lược của Pháp, cảnh giác với những kẻ đội lốt tôn giáo, chứ không chống tất cả các nước ngoài, muốn giao thương, giao hảo. Bằng chứng là Minh Mạng đã từng đồng ý tiếp sứ thần Hoa Kỳ. Thế nhưng do sứ thần Mỹ chưa theo đúng thể thức ngoại giao của ta nên cuộc đàm phán giao thương không thành. Lần thứ hai sứ thần Hoa Kỳ vừa cập bến, chưa kịp mở hội nghị giao thương thì sứ thần đột ngột lâm bệnh rồi chết. Vì thế hiệp ước thông thương với Mỹ đã không được ký kết. Đó là một trở trêu của lịch sử!

11. ĐUỐC LÁ DỪA

Tiểu thuyết *Đuốc lá dừa* viết về Nguyễn Đình Chiểu. Qua tiểu thuyết này Hoài Anh ca ngợi tâm hồn, nghĩa khí của người dân Nam Bộ đối diện với bọn xâm lược Pháp. Tiểu thuyết rất thành công với những trang miêu tả về thiên nhiên và con người

miệt vườn. Nguyễn Đình Chiểu sinh ở làng Tân Thới huyện Bình Dương phủ Tân Bình tỉnh Gia Định. Năm 1843, đỗ tú tài ở Gia Định. 25 tuổi, ông ra Huế học tập chờ khoa thi Hội. Nhưng chưa kịp thi thì được tin mẹ mất. Trên đường trở về chịu tang mẹ, vì khóc thương và vì thời tiết nóng bức, ông bị mù. Năm 1859, Gia Định bị giặc Pháp chiếm, nhà thơ phải về Cần Giuộc. Năm 1861, Pháp đánh chiếm Cần Giuộc, ông phải tị địa sang Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông mở trường dạy học và làm thuốc, làm thơ văn kêu gọi nhân dân đứng lên chống Pháp. Các tác phẩm hùng hực tinh thần chống Pháp của ông như: *Chạy Tây*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, văn tế và thơ điệu Trương Định, thơ điệu Phan Tòng, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*... Thực dân Pháp và tay sai tìm mọi cách mua chuộc dụ dỗ nhưng ông dứt khoát từ chối. Năm 1888, đau buồn vì cảnh Huế thất thủ, vua Hàm Nghi bị bắt, ông lâm bệnh trầm trọng, qua đời ở Ba Tri. Thông qua hình tượng Nguyễn Đình Chiểu, Hoài Anh khái quát phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ. Cây dừa và hình ảnh ngọn đuốc lá dừa từ Trương Định được truyền sang tay Võ Duy Dương, Nguyễn Tấn Kiều... tượng trưng cho tinh thần bất khuất, xả thân chống Pháp vì độc lập Tổ quốc.

12. CHIẾN LŨY THÁP MƯỜI

Ngọn đuốc lá dừa truyền từ tay Trương Định qua Thiên Hộ Võ Duy Dương, Đốc Binh Kiều, rồi đến Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Phan Ngọc Tòng, Trương Quyền, Phan Tôn, Phan Liêm, Lê Tấn Kế rồi Phan Văn Hớn... Triều đình Huế đầu hàng giặc nhưng nhân dân Nam Kỳ đồng lòng bất khuất. Thiên Hộ Dương lập chiến khu ở Đồng Tháp Mười, đánh cho giặc Pháp nhiều trận thất điên bát đảo. Sau khi tên phản bội Phạm Công Khanh dẫn đường cho Pháp đánh đồn Tiền, nghĩa quân phải tạm

rút lui. Thiên hộ Dương giao binh quyền cho đốc binh Nguyễn Tấn Kiều, tung tin là ông ra Huế xin quân cứu viện, nhưng kỳ thực là ông đi liên lạc với các đám nghĩa quân ở khắp nơi, huấn luyện những hàng binh Âu Phi, trong đó có người Pháp Linguet và những người lính Tagals gồm người Angiêri, Maroc, Tuynidi... Cuối cùng ông mang đội quân chí nguyện đó phối hợp cùng đại quân thành linh xuất hiện, đánh đồn giặc ở Cần Lố, tiêu diệt quân Pháp và bọn tay sai phản bội, mở thông con đường tiếp tế lương thực vũ khí cho căn cứ trung tâm Đồng Tháp. Hoài Anh là người rất yêu thiên nhiên và con người Nam Bộ. Tiểu thuyết *Chiến lũy Tháp Mười* chứng tỏ điều đó.

13. RỒNG ĐÁ CHUYỂN MÌNH

Tiểu thuyết *Rồng đá chuyển mình* là thiên hùng ca về cuộc chiến đấu của nhân dân Hà Nội kháng Pháp dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Tri Phương. Đề tài Hà Nội, như Hoài Anh tâm sự là đề tài ông thích nhất. Viết tiểu thuyết lịch sử về Hà Nội, Hoài Anh như muốn lấy cái hào hùng của quá khứ để tiếp thêm lửa cho người đọc. Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương là người đi đầu đánh Pháp khi tàu giặc vào đánh cửa Đà Nẵng. Pháp đánh chiếm Gia Định, ông đã lập phòng tuyến Chí Hòa chống Pháp. Sau ông được điều ra Hà Nội làm kinh lược Bắc Kỳ. Quân Pháp đánh thành Hà Nội, ông chỉ huy cuộc phản công mãnh liệt gây cho Pháp nhiều thiệt hại nặng nề. Ông bị thương, bị giặc bắt, ông xé bông băng, tuyết thực, rồi moi ruột tự tử mà chết. Cái chết anh hùng của ông kích thích lòng căm thù giặc tột độ của quân dân ta, trong trận Cầu Giấy, đã giết chết tên đại úy Pháp Francis Garnier. Thông qua hình tượng nhân vật Nguyễn Tri Phương, tác giả tái hiện khí thế chống Pháp của nhân dân Hà Nội và Bắc Kỳ. Hình tượng con rồng đá ở điện Kính Thiên tượng

trưng truyền thống vẻ vang của dân tộc. Rồng đá đã bay lên trong khí thế chống Pháp của nhân dân Hà Nội.

14. BÙI HỮU NGHĨA - MỐI DUYÊN VÀNG ĐÁ

Tiểu thuyết *Bùi Hữu Nghĩa - mối duyên vàng đá* là tấm lòng của nhà văn Hoài Anh với đất và người Nam Bộ. Bùi Hữu Nghĩa con nhà dân chài ở Cần Thơ, sau lên Biên Hòa trọ học trong nhà ông Nguyễn Văn Lý. Cô Nguyễn Thị Tồn, con gái ông Lý yêu Nghĩa. Nghĩa bị bệnh phung, cô hết lòng thuốc thang chăm sóc cho Nghĩa khỏi bệnh... Nghĩa làm tri huyện Trà Vang, bảo vệ dân người Việt gốc Miên ở vùng rạch Láng Thè, bị bọn quan lại tỉnh Vĩnh Long bắt giam vào ngục, lại đút lót cho Thượng thư bộ Hình ở Kinh để khép Nghĩa vào tội tử hình. Bà Tồn đã lên Kinh tố nỗi oan cho chồng. Nghĩa được tha tội chết nhưng được cử đi làm Thủ ngữ đồn Vĩnh Thông để chống dân Miên nổi loạn. Nghĩa chủ trương không tàn sát dân Miên nên khi đồn Vĩnh Thông vỡ, Nghĩa bị dân Miên bắt, họ tha cho Nghĩa trở về quê hương.

Khi Nghĩa ở Bình Thủy thì quân Pháp chiếm thành Vĩnh Long. Nghĩa đã cùng Phan Văn Trị dùng thơ văn kêu gọi nhân dân đứng lên chống Pháp. Nghĩa bị Pháp bắt giam ở Khám Lớn, Sài Gòn. Sau đó, chúng cho Đỗ Hữu Phương lãnh về giam lỏng ở nhà y. Thấy không thuyết phục, mua chuộc nổi Nghĩa, chúng buộc phải trả tự do cho ông. Nghĩa lại đi khắp nơi cổ vũ mọi người đứng lên chống Pháp, giúp mưu cho nghĩa quân rút về vùng Bảy Núi làm căn cứ chống giặc lâu dài. Tái hiện nhân vật Bùi Hữu Nghĩa, Hoài Anh ca ngợi tầng lớp sỹ phu Nam Kỳ đã đi đầu chống Pháp, khẳng định rằng những ai mang danh sỹ phu mà theo giặc thì nhân dân đời đời căm ghét, nguyên rủa; những

sỹ phu yêu nước thì sống mãi trong lòng dân. Trong tác phẩm này, nhân vật Trương Vĩnh Ký được tác giả nhìn nhận, đánh giá đúng mức.

15. NGUYỄN THÔNG - VỌNG MAI ĐÌNH

Nguyễn Thông quê Vàm Cỏ, Tân An, đậu cử nhân năm 1849 và làm Huấn đạo huyện Phú Phong, An Giang. Khi Pháp đánh chiếm Gia Định, ông đang làm việc tại Huế, xin tòng quân và trở lại Nam Kỳ làm việc dưới quyền của thống đốc Tôn Thất Hiệp. Ba tỉnh miền Đông Nam kỳ bị mất, ông ra khỏi quân đội triều đình và tị địa ở miền Tây. Tại đây, ông được cử giữ chức Đốc học Vĩnh Long. Ba tỉnh này bị mất, ông ra Bình Thuận tị địa, lập Đồng Châu Xã, giúp những người Nam Kỳ ở Bình Thuận và các tỉnh cực Nam Trung Kỳ làm ăn sinh sống. Năm 1870, Nguyễn Thông làm Biện lý bộ Hình rồi Bố chánh Quảng Ngãi. Ở đây, ông vận động nhân dân làm thủy lợi, trồng cây... Thấy ông làm được nhiều việc có ích cho dân, bọn quan lại địa phương dèm pha, có kẻ vu cáo ông nên ông bị cách chức, bị giam và xử đòn. Nhân dân địa phương thương mến, đứng ra kêu oan cho ông nên ông được tha. Năm 1873, Nguyễn Thông bị bệnh, xin về nghỉ ở một trại núi Bình Thuận, lập Thi xã cùng bạn bè ngâm vịnh. Năm 1876, ông trở lại Huế làm Tu nghiệp Quốc tử giám. Sau đó ông đổi về Bình Thuận giữ chức Phó sứ điển nông, kiêm Đốc học. Nguyễn Thông dựng một ngôi nhà nhỏ trên bờ sông Phan Thiết đặt tên là Ngọa Du sào. Ông tiếp tục con đường canh tân đất nước do Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện đề xướng. Ông lập lò vôi sò, làm đồ gốm, tổ chức đánh cá bằng lưới rừng, buôn bán với đồng bào dân tộc ít người, xây dựng một ngôi nhà gọi là nhà Ngư chứa dụng cụ đánh cá và làm kho chứa cá làm mắm. Ông đang tính mở công ty buôn Liên

Thành⁽¹⁾ và mở trường Dục Thanh để mở mang dân trí thì lâm bệnh, qua đời. Chí nguyện của ông đã được các con và đồng chí của ông thực hiện. Viết về Nguyễn Thông, Hoài Anh khẳng định tinh thần yêu nước và xu hướng đổi mới của sỹ phu ba miền Bắc Trung Nam ngay từ thời đó. Nhờ sáng kiến của Nguyễn Thông mà Hội buôn Liên Thành và trường Dục Thanh ra đời. Cũng trong tiểu thuyết này, nhân vật Phan Thanh Giản được tái hiện rất có tình có lý.

16. CHIM GỌI NẮNG

Tiểu thuyết viết về bà Nguyễn Thị Minh Khai. Minh Khai quê gốc Từ Liêm, Hà Nội, theo gia đình vào sống ở thành Vinh, Nghệ An. (Do vậy bà đã từng mang tên là Vịnh; Vịnh là tên cũ của thành Vinh). Năm 1930, Minh Khai trở thành đảng viên Cộng sản Đông Dương, được cử ra nước ngoài hoạt động. Bà công tác ở văn phòng Chi nhánh Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Hương Cảng. Nguyễn Thị Minh Khai được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp điều dặt, giáo dục, bồi dưỡng. Cuối năm 1934, Nguyễn Thị Minh Khai tham gia đoàn đại biểu của đảng ta do Lê Hồng Phong làm trưởng đoàn đi dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ Bảy tại Moscow. Trong dịp này hai anh chị đã thành hôn. Năm 1935 về nước, được chỉ định làm Bí thư thành ủy Sài Gòn. Nguyễn Thị Minh Khai ra sức hoạt động đầy nhanh phong trào cách mạng cùng với cả nước đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống, giải phóng phụ nữ, chống phản động thuộc địa và các loại tay sai, chống phát xít và chiến tranh; chống bọn Trôtxkít xuyên tạc đường lối của Đảng.

⁽¹⁾ Tức thành hoa sen, chỉ Phan Thiết; còn Bàn Thành, tức thành Đồ Bàn là Quy Nhơn.

Khi đang hoạt động thành lập Mặt trận phản đế và chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, tháng 7 - 1940, vì bị một tên phản bội chỉ điểm, Nguyễn Thị Minh Khai bị địch bắt. Pháp dùng mọi thủ đoạn dã man tra tấn để khai thác tài liệu, tin tức bí mật của Đảng, nhưng Nguyễn Thị Minh Khai vẫn trung kiên bất khuất. Địch thất bại, chúng tuyên án tử hình người nữ đảng viên cộng sản. Ngày 28-8-1941, Nguyễn Thị Minh Khai đã anh dũng hy sinh ở Hóc Môn cùng một số đồng chí khác. Hoài Anh tái dựng hai nhân vật lịch sử Nguyễn Thị Minh Khai và Lê Hồng Phong với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ và yêu thương các bậc cách mạng tiền bối. Tác giả kể lại phong trào đấu tranh chống Pháp do Đảng cộng sản lãnh đạo. Trên cái nền ấy, tác giả thể hiện hình ảnh của các chiến sỹ cộng sản như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thị Quang Thái (là người vợ đầu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã hy sinh)...; một số nhân vật chính diện như Nguyễn Thị Ngọc Tốt (tức Nguyễn Thị Thập), Nguyễn Văn Tiến (người vẽ lá cờ Tổ quốc), bà Hai Sốc...; tác giả viết về những nhân vật có chính kiến khác như: Tạ Thu Thâu, Đinh Nho Hàng... nhưng biết phân tích sâu hoàn cảnh lịch sử nên mức độ phê phán có lý, có tình.

III

Từ khi loài người có văn tự, văn xuôi lịch sử sớm xuất hiện. Nhưng cả một thời gian dài, văn và sử là một, chưa tách rời nhau.

Từ thế kỷ thứ V trước công nguyên, tại Hy Lạp đã xuất hiện những tác phẩm văn xuôi lịch sử. Trung Hoa xuất hiện văn xuôi lịch sử từ thời Xuân Thu, nhưng đỉnh cao là *Sử ký* của Tư Mã

Thiên, tác phẩm vĩ đại viết về ba ngàn năm lịch sử từ thượng cổ đến đầu đời Hán, ảnh hưởng sâu rộng đến sử học, văn học nghệ thuật Trung Quốc và thế giới mãi cho đến ngày nay.

Thời Phục hưng ở châu Âu, lịch sử với văn học mới được phân biệt. Cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, xuất hiện nhiều tác phẩm nổi tiếng của V. Huygô, A. Đuyma. Trong văn học Anh, Xcốt (Walter Scott, 1771-1832), với tiểu thuyết Aivanhô (1820) viết về nước Anh thời vua Risa I, thực sự là người sáng tạo ra tiểu thuyết lịch sử. Ở Mỹ có nhà văn Cupơ (James Fenimore Cooper, 1789-1851). H. Banzac viết trong *Lời nói đầu* cho bộ *Tấn trò đời*: *Xcốt đã nâng tiểu thuyết lên cấp độ triết học của lịch sử. Còn Ăngghen đánh giá Tấn trò đời... cấp cho ta cái lịch sử hiện thực tuyệt vời của xã hội Pháp từ 1816 đến 1848.* Thể loại tiểu thuyết lịch sử có tác động rất lớn với sự phát triển của văn học và được đánh giá rất cao. Thế nhưng phải chờ đến khi *Chiến tranh và hòa bình* của nhà văn Nga, bá tước L. Tônxtôi xuất hiện, người ta mới thấy giá trị vô cùng lớn lao của tiểu thuyết lịch sử. Tônxtôi là bậc thầy về tiểu thuyết lịch sử. Dưới ngòi bút của ông, nhân vật lịch sử và nhân vật hư cấu đều thấm đậm tính lịch sử, tính lãng mạn và tính hiện thực. Tâm lý nhân vật được miêu tả, phân tích vô cùng tài hoa.

Tại phương Đông, tiểu thuyết lịch sử phát triển mạnh tại Trung Quốc thời Minh, Thanh. Nổi nhất là *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, *Thủy hử truyện* của Thi Nại Am, hai pho này đã trở thành kinh điển của loại truyện chương hồi, là niềm say mê của cả nhân loại, ảnh hưởng rất sâu rộng đến các loại hình nghệ thuật khác cho đến tận ngày nay.

Ở Việt Nam, văn xuôi lịch sử viết bằng chữ Hán có *Đại Việt*

sử ký toàn thư, 1479, của Ngô Sĩ Liên là chính sử của nước Việt. Kế đó phải kể đến *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái. Đầu thế kỷ XX, văn xuôi lịch sử viết bằng quốc ngữ có nhiều tác giả như Tân Dân Tử, Phạm Minh Kiên, Đinh Gia Thuyết, Nguyễn Tử Siêu... vẫn viết theo kết cấu chương hồi, chủ yếu là thuật chuyện kiểu *truyện Tàu*, ít đi sâu phân tích tâm lý nhân vật. Cuối những năm Ba mươi, nhà văn không còn viết theo lối chương hồi nữa. *Từ điển Văn học* bộ mới liệt kê những tác giả và tác phẩm: Phan Trần Chúc với *Vua Hàm Nghi* 1935, *Hồi chuông Thiên Mục* 1940, *Dưới lũy Trường Dục* 1942. Lan Khai với *Chiếc ngai vàng* 1935, *Cái hột mận* 1937, *Ai lên phố Cát* 1937, *Gái thời loạn* 1938, *Đỉnh non thần* 1940, *Treo bức chiến bào* 1942, *Trong cơn binh lửa* 1942... Nguyễn Triệu Luật với *Hòm đựng người* 1938, *Bà Chúa chè* 1938, *Loạn kiều binh* 1939, *Ngược đường trường thi* 1939, *Chúa Trịnh Khải* 1940... Chu Thiên với *Lê Thái Tổ* 1941, *Thoát cung vua Mạc* 1941, *Bà Quận Mỹ* 1942, *Cháy cung Chương Võ* 1942. Nguyễn Huy Tưởng với *Đêm hội Long Trì* 1942, *An Tư* 1944... Nguyễn Triệu Luật là nhà văn chắc tay hơn cả trong thể loại này.

Sau cách mạng tháng Tám, có *Sống mãi với Thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng; *Bóng nước hồ Gươm* của Chu Thiên; *Người Thăng Long* của Hà Ân; *Núi rừng Yên Thế* của Nguyễn Hồng; *Cờ nghĩa Ba Đình* của Thái Vũ; *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác (California 1991. NXB Văn học, 1998, 2005); Hoàng Lại Giang với *Lê Văn Duyệt từ năm mồ oan khuất đến Lăng Ông* 1999, và *Trương Vĩnh Ký - Bi kịch muôn đời*, 2001; *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh, 2000. Tại Pháp, nhờ cụ Hoàng Xuân Hãn tư vấn, nữ văn sĩ Pháp Éveline Féray viết *Vạn Xuân* (NXB Văn học, 2002). Vạn Xuân ca ngợi Nguyễn Trãi và cuộc khởi

nghĩa Lam Sơn. Rất tiếc là về phong tục tập quán Việt Nam, bà E. Féray không hiểu kỹ, cho nên có nhiều điều nhầm lẫn đáng tiếc. Ví dụ: Khi vợ chết, Nguyễn Phi Khanh cho người ra Côn Sơn, Kiếp Bạc báo tin cho bố vợ là Trần Nguyên Đán, thì tác giả cho vợ chồng Trần Nguyên Đán đội nón rơm, thắt khăn tang, mặc áo xô trắng đi dép cỏ làm lễ tang, y như con cái làm lễ tang cho cha mẹ vậy!

Trong vòng một trăm năm qua, Việt Nam có khá nhiều nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử. Hoài Anh là một trong số ấy và ông đã gặt hái nhiều thành công. Cảm nhận rõ nhất trong các tiểu thuyết lịch sử của Hoài Anh là ông rất tôn trọng sự kiện lịch sử, rất kỹ tính khi xử lý các chi tiết lịch sử và rất chu toàn khi hư cấu, văn chương hóa, nghệ thuật hóa các danh nhân lịch sử. Vai trò của đám đông, của quần chúng nhân dân trong tiểu thuyết và truyện lịch sử của Hoài Anh rất được trân trọng. Quan điểm của tác giả là: Chỉ có hợp lòng dân, vì dân, các nhân vật mới làm nên lịch sử! Khoảng trời bao la của trí tưởng tượng trong Hoài Anh đôi khi như bị kìm nén lại bởi ông bao giờ cũng trân trọng sự thật lịch sử. Nhà văn có quyền hư cấu, nhưng không bao giờ được ngông nghênh phủ nhận lịch sử, thậm chí có kẻ còn chà đạp sự thật lịch sử, bóp méo lịch sử. Ông nói như thế khi chúng tôi trao đổi về một số truyện ngắn, tiểu thuyết viết về lịch sử mà một số người hề nhau *bơm thổi* lên quá mức. Theo Hoài Anh, khi đụng tới lịch sử, cái tâm của người viết phải trong sáng. Một pho sử chỉ có giá trị khi ghi đầy đủ công và tội của nhân vật lịch sử. Nhưng một tiểu thuyết hay truyện ngắn lịch sử, giá trị thẩm mỹ là mục tiêu cuối cùng, thì việc dùng chất liệu này, không xài chất liệu lịch sử kia là cả một vấn đề thể hiện tài và tâm tác giả.

Sông Côn mùa lũ là một ví dụ. Khi viết về cuộc đời Nguyễn

Huệ, một nhân vật có nhiều mối quan hệ vô cùng phức tạp, Nguyễn Mộng Giác không chú tâm miêu tả những trận đánh, những cuộc hành binh, những mối quan hệ rắc rối, đầy bi kịch trong đại gia đình ba anh em Tây Sơn, mà chỉ xoáy vào những chi tiết đời thường, nhằm cắt nghĩa cội nguồn tạo nên danh nhân. Tác phẩm nhờ thế mà thành công. Trong chuyến du khảo Hoa Kỳ từ đầu tháng Ba đến cuối tháng Tư năm 2000, tôi được nhà văn Nguyễn Mộng Giác mời đến nhà chơi. Ông Giác cho tôi coi tập bản thảo SCML viết tay sạch sẽ, chữ rất đẹp, đúng là chữ của một nhà giáo. Tập bản thảo này do vợ ông mang từ Thị Nghè, Sài Gòn sang Mỹ khi bà cùng con đi định cư chính thức, còn tác giả của nó thì ra đi bằng thuyền ngay sau khi viết xong SCML! *Sông Côn mùa lũ* được ông Giác viết vào ban đêm vì ban ngày phải đi làm mướn cho một tổ hợp mì sợi ở Chợ Lớn. Ông viết từ năm 1978 đến đầu năm 1981 thì hoàn thành, in lần đầu ở California 1991. NXB Văn học và Trung tâm Quốc học xuất bản ở Việt Nam năm 1998, tái bản 2005. Nay, ông Giác đã ủy quyền cho nhà văn Triệu Xuân tái bản lần thứ ba (2006). Đồng thời, hãng TFS đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh vừa mua bản quyền của ông để chuyển SCML thành phim truyền hình. Một người làm viên chức cho chế độ Sài Gòn cũ, sau năm 1975 đi học tập cải tạo, học về rồi, lại phải đi tiếp một đợt nữa chỉ vì ông đã viết tác phẩm khảo cứu văn chương chương của Kim Dung. Lúc đó Sài Gòn đang “đấu tranh chống nọc độc của văn hóa đồi trụy và tàn dư của văn hóa thực dân mới” mà! Cuộc đời phút chốc rớt xuống dưới đáy, vậy mà Nguyễn Mộng Giác vẫn tỉnh táo phân biệt được cái gì là vĩnh hằng, cái gì chỉ là nhất thời, cái gì là trọng, cái gì chỉ là nhỏ nhặt. Ông giữ được sự thanh thản, tâm hồn trong trẻo khi viết SCML. Lòng yêu nước, tình cảm thiết tha với dân tộc luôn bùng cháy trong lòng nhà giáo, nhà

văn Nguyễn Mộng Giác, cho nên không khó khăn, oan khổ nào có thể khiến ngòi bút của ông phủ nhận lịch sử. Ông viết về Nguyễn Huệ mà như có hơi thở, như có nhịp đập của chính trái tim mình, như là ông đã gửi vào đó biết bao niềm tin yêu và khát vọng của ông, của cả nhân dân, đất nước ông!

Nhà văn Hoài Anh nói rằng những anh em từng bị “treo bút” nhiều năm như Nguyễn Xuân Khánh (tác giả *Hồ Quý Ly*), những người vì hoàn cảnh, phải sống xa Tổ quốc như Nguyễn Mộng Giác, mà cái tâm sáng như thế, cứ gì có những người sống ngay trên Tổ quốc mình lại không trân trọng lịch sử? Đáng trách hay đáng thương? Sáu mươi chín tuổi rồi, Hoài Anh vẫn còn đang viết không ngưng nghỉ. Ngọn lửa sáng tạo trong ông hầu như còn mãnh liệt lắm, bởi vì ông sống lặng lẽ, chỉ ham sáng tạo, không màng danh lợi. Ông chân thật với bạn bè, ưu ái người viết trẻ, và rất chịu đọc văn của những người khác. Văn chương ông trong sáng, giàu hình ảnh, giàu vốn sống; ngôn ngữ trong tác phẩm của ông chứng tỏ ông rất chịu đi, chịu học ngôn ngữ từng địa phương. Có nhiều người hỏi tôi: Cái ông Hoài Anh lủ khủ lủ khủ thế mà sao viết khỏe, viết dữ dội vậy? Tôi đáp: Ông viết được như thế là nhờ tình yêu! Ông yêu đời, yêu nghề như yêu chính cuộc đời mình. Ông có trí nhớ tuyệt vời, do bẩm sinh, tất nhiên, nhưng tôi cho rằng chủ yếu cũng là nhờ tình yêu nghề. Ông chưa bao giờ *ăn xổi ở thì* trong nghề viết! Những ai đã thấy ông ghi chép, làm việc, dịch thuật, sáng tác, đọc ở thư viện, đọc ở nhà và những ai đã từng nghe ông nói trước khi ngồi vào bàn đánh máy chữ, thì mới hiểu được Hoài Anh. Ông xứng đáng được tặng Huân chương lao động hạng nhất, và những giải thưởng cao quý khác!

Thế mà cả đời, ít nhất là cho đến nay, sáu mươi chín tuổi rồi,

ngoài Huân chương chống Mỹ, ông vẫn chưa hề được tặng Huân chương dành cho người lao động chân chính! Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt này cũng không có tên ông! Tại quán nhậu cực bình dân 81 Trần Quốc Thảo, nhân lúc mọi người bàn chuyện năm tới, ông Hoài Anh bảy mươi tuổi, tôi đã tổng kết về ông với bảy cái không: *Không thích nói về mình, không xe cộ (suốt đời cuốc bộ), không bao giờ ăn mặc bảnh bao, không nhà đất, không danh hiệu, chức vị, không xu nịnh, cơ hội, không chung chiếu với những kẻ phi nhân cách!* Tôi từng nghe Thu Bồn thốt lên: “Ông Hoài Anh ơi! Ông tài, nhưng kín đáo quá xá! Về tôi, thơ phú thế nào, tiểu thuyết ra sao, bạn bè, bồ bịch nhiều ít, cái gì ông cũng biết. Vậy mà, về đời tư của ông, tôi mù tịt, cạy răng ông cũng không nói!”. Hoài Anh không thích nói về mình, nhưng ông đã nói về, viết về ít nhất hơn một ngàn nhà văn, và viết khá kỹ khoảng hai trăm nhà văn! Làm được điều đó, ông đã đọc rất nhiều tác phẩm của đồng nghiệp. Không phải nhà văn nào cũng đọc nhiều như thế!

Nhà văn *bảy không* nặng tai đã vài năm nay. Độ rày ông bị điếc hẳn, không nghe được điện thoại nữa. Người cao tuổi, điếc cũng có cái hay! Nghe nhiều chuyện không đẹp, không vui, những chuyện nhớ nhãng... chả để làm gì, chỉ thêm buồn. *Bảy không* nhưng ông lại có rất nhiều thứ: Sự trân trọng, quý mến của bạn bè, những tác phẩm văn học nhiều người nhắc đến... Đó phải chăng mới thực là gia tài vô giá của một nhà văn?

Sài Gòn - Tp Hồ Chí Minh, tháng Tám, 2006

Triệu Xuân

HƯNG ĐẠO VƯƠNG

Có cũng mới đứng đầu gió

Tục ngữ

Sông Lục Đầu đón nước ba con sông rồi tỏa ra ba nhánh lớn đổ ra biển cả. Sông chảy qua hương Vạn Kiếp, thái ấp của Trần Hưng Đạo.

Đầu năm Ất Dậu (năm 1825) quân Nguyên vượt đèo Khâu Cấp vào ải Xa Lý, ào ạt vào Biển Động. Nhưng bọn giặc lọt ngay vào trận địa mai phục do Vũ Thành bày sẵn.

Cha Vũ Thành là Vũ Tĩnh, từng làm tới chức Tả Bộc Xạ thời Lý. Mẹ ông là Công chúa Thái Đường, em ruột của Lý Chiêu Hoàng. Ngay từ nhỏ, Vũ Thành đã đã bộc lộ tài năng văn võ kiêm toàn. Lớn lên, Vũ Thành tự tổ chức trai tráng trong làng ngày đêm luyện tập võ nghệ để bảo vệ xóm làng và giữ gìn biên cương của Tổ quốc. Tới khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn phiên chế đội dân binh của Vũ Thành trấn giữ nơi hiểm yếu trên phòng tuyến, ông ngày đêm có mặt trên chiến tuyến.

Một lực lượng lớn của địch bị đội dân binh tiêu diệt ở vòng vây Biển Động.

Do biết được Hưng Đạo Vương đang đóng đại bản doanh ở Bình Nội, giặc cố mở đường máu tràn qua Chũ, rồi chia quân thành sáu mũi bao vây nhằm tiêu diệt đại quân ta.

Trước thế giặc hung hãn, với chiến thuật “tránh cái thế hăng hái lúc ban mai, đánh cái thế tàn lụi lúc buổi chiều”, Hưng Đạo Vương mở cuộc rút lui chiến lược về Vạn Kiếp. Nhiệm vụ chặn quân giặc được giao cho Vũ Thành. Vũ Thành dẫn đạo quân của mình, theo đường tắt, triển khai lực lượng, bẻ gãy tất cả các mũi chủ yếu của giặc, tạo điều kiện thuận lợi cho Hưng Đạo vương xuôi thuyền theo sông Lục Nam xuống sông Thương rồi về Vạn Kiếp.

Ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn điều thêm quân dân lộ Hải Đông và các vương hầu. Riêng ba con trai của ông Hưng Vũ vương Hiến và Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Nghiễn cùng với Minh Hiến vương Uất cũng có đến hai mươi vạn quân.

Dựa vào địa thế vùng này, Trần Quốc Tuấn quyết định bố trí một phòng tuyến lớn. Ông đã đóng quân ở Vạn Kiếp và một số địa điểm khác dựa vào thế núi tả ngạn sông Bình Than (sông Lục Đầu), ở hữu ngạn sông quân ta còn đóng ở núi Phả Lại. Trên sông Bình Than, thuyền chiến của quân Trần tập trung khá đông có thể tiếp ứng cho các cứ điểm trên bộ. Hơn nghìn thuyền chiến đóng cách Vạn Kiếp mười dặm, gần cửa sông Đuống. Đồng thời, ông còn chia quân đóng giữ Bắc Giang⁽¹⁾ tức là vùng phía sau phòng tuyến Bình Than trên đường tiến về Thăng Long.

Thấy mặt trời còn cao, Quốc Tuấn chưa muốn về vương phủ. Ông cho quân hầu mang đồ nghi trượng về trước, rồi một mình ra xem hình thế sông Lục Đầu, coi có thể dùng đường sông Nhật Đức, sông Lục Ngạn ứng phó được với mạn Lạng Giang. Đường

⁽¹⁾ Tức vùng Bắc Ninh ngày nay.

sông Hàm Giang và Kinh Thầy có thể ra sông Bạch Đằng, cửa Lục và những đồn thủy quân ở Vân Hải, Vân Đồn. Đường sông Nguyệt Đức có thể đến Bình Lỗ. Đường sông Thiên Đức có thể ra sông Cái đến Đông Bộ Đầu ở Thăng Long và ải Hàm Tử, bến Chương Dương, xuôi mãi về Thiên Trường tổ quán nhà Trần, đến sát vùng rừng núi Trường Yên, hay rẽ sang sông Thiên Mạc để đến vùng Hải Đông. Gần Vạn Kiếp có bến Bình Than, cửa Đại Than. Trước mặt có đường nước, vận tải lưu thông, bên kia cửa sông là núi Pháo Sơn và đồn Phả Lại, bên này là đồng ruộng Vạn Kiếp, ở đúng vào vị trí như đã nói trong quyển *Binh thư yếu lược* mà Quốc Tuấn mới soạn:

Phàm đóng quân thì phải chọn nơi sau cao trước thấp, trông ra hướng sáng, quay lưng hướng tối, nuôi sống ở đủ, nước lửa không lo, vận tải tiếp tế không trở ngại, tiến có thể đánh, lui có thể giữ, chằm cỏ suối nước lấy củi chặn gia súc đều được cả. Chân núi Thuộc có một bãi chặn súc vật, trước núi có hai cái giếng, sau núi có rừng cây có thể lấy củi, sông Lục Đầu phía ngược tiếp giáp đến gần ải Chi Lăng, xuôi ra đến biển không chế cả hai con đường giặc Mông Thát có thể kéo vào. Nơi lợi thế như vậy, giặc tất phải cố tránh với ta. Muốn tìm đất lập một đại đồn án ngữ chỗ này, ông đi xuôi mãi theo bờ sông. Ông ngạc nhiên trước quang cảnh vắng vẻ của vùng đất bạc màu...

Gió sông ù ù tấp vào mặt. Ngựa tiến một bước lùi mấy bước... Gió mang vị mặn của biển cả thông thoáng thổi về. Không có một sức nào ngăn giữ. Đắc thắng và hả hê, nó quật những cây xà cừ ngã nghiêng trên mặt đất. Thỉnh thoảng, tình nghịch, nó cuốn cát bãi xoay tít một vòng rồi ném ra ngoài sông. Ngựa bơi giữa một biển gió như thuyền không có hướng.

Tiếng nước oàm oạp ngoài sông. Một lão nô chạt vật neo thuyền vào bờ. Quốc Tuấn vội nhảy xuống ngựa, hai cánh tay rần chắc gò thuyền vào bờ. Ông chợt nhận ra, cánh tay của ông vẫn còn gân sức. Tuổi mình đã ngoài năm mươi rồi còn gì, Quốc Tuấn bùi ngùi... Tuổi tráng niên đã qua đi trong cảnh thái bình vô sự, không ngờ đến lúc đầu điểm bạc thì lại phải lo nạn nước...

Người lão nô nhận ra màu tía của áo bào, run sợ nhảy lên bờ, sụp lạy:

- Kính lạy vương gia, con không ngờ Người lại...

Quốc Tuấn xua tay:

- Không sao. Người dẫn ta về nhà, ta muốn xem cảnh sống của dân trong ấp.

Chiếc thuyền độc mộc đã được kéo lên bãi, nằm phơi mình sưởi nắng. Tay ông lão xách một xâu cá to, sắc xanh biếc, mồm cong mà đỏ, vẩy như mỏ chim. Vừa đi ông lão vừa phân bua:

- Sớm nay, ông quản gia truyền cho con đi tìm cá về làm tiệc đón Vương gia vì đã được tin báo trước.

- Thôi không phải đưa về phủ nữa, người cứ làm gỏi ta ăn tại đây.

Gió thổi làm những mái lá gồi lên bờ sông kêu sần sạt. Gió phất phật tấm áo bào, cọ miết vào da thịt, ông càng thương những nô tì làm ở bãi sông này. Có lẽ họ mang thân mình ra chấn gió để cho cây cối trong kia sống được? Quốc Tuấn không hỏi ông lão, mà biết có hỏi ông lão cũng không nói và chính điều đó đã khắc sâu vào tâm khảm ông...

Bước vào ngôi nhà lợp lá, tường xây gạch *cay* chân móng đắp bằng đá ong đào từ dưới đất lên, ông già mời Quốc Tuấn ngồi rồi hối hả đi làm gỏi. Quốc Tuấn nhìn vào chiếc cửa sổ trát đất sét chỉ hở những lỗ mắt cáo thông hơi. Gió vẫn lùa hun hút qua lỗ, nghe như tiếng cánh ong vo ve xoay tít. Dù ngồi ở góc khuất, Quốc Tuấn vẫn cảm thấy những luồng gió như mũi xoáy trong không khí rồi xuyên thẳng vào mặt...

Bồn chồn, không đành ngồi trong nhà ấm, ông bước nhanh ra cửa. Phía ngoài, những tàn cây thông run rẩy, vật vã, không biết thứ tiếng thảm thiết ngoài trời kia là tiếng gió gào hay chính tiếng cây rên rĩ... Nhìn vào khu đất sau nhà: những rặng mít, rặng dừa, lá chỉ hơi động đậy. Những cây quít tán tròn như mâm xôi, những buồng chuối lớn quả cong như lưỡi liềm. Những vườn dâu um tùm ngoài giậu tre bao bọc, thứ tre gai lớn bầy, tám tác gai cứng như sắt. Lá tre trước gió, trông như đàn rồng vẫy đuôi. Gió lọt vào giữa khóm tre, chao động như nước sóng sánh trong bình. Xa nữa là cánh đồng bao la, gió chỉ hơi gợn sóng mạ non xanh mướt... tưởng chừng cả dải vườn rộng kia đều là bóng của dãy nhà, cái bóng xanh ấy kéo rợp cả một vùng.

Ông lão đem đánh vẩy cá, mổ bóc hết màng tanh rồi chặt ra từng khúc, vùi vào gạo giã dối để nó ngấm hết nước, lấy lá sung đại lau, lấy giấy bản thấm cẩn thận cho hết máu tươi. Xong ông thái nhỏ, lọc xương, bóp thính gạo nếp... Mãi mê như một công trình nghệ thuật, ông không biết Quốc Tuấn đã đứng sau lưng từ lúc nào. Mãi đến khi ra vườn hái lá đài bi, lá vọng cách, lá sung, lá mơ tam thể làm gia vị, ông mới chợt trông thấy. Ông suýt xoa mời Quốc Tuấn vào nhà, kéo ở ngoài bị lạnh. Món gỏi đã dâng lên. Ông già mang bình rượu ra rót một chén, rượu sủi tăm trong

lòng chén. Quốc Tuấn gói cá vào lá gia vị, chấm thứ giấm trộn bằng mắm tôm, chua chắt, gừng, ớt tươi và mật. Thấy thịt cá dày mình, ăn giòn mà thơm phức vị trầm hương, Quốc Tuấn biết đây là giống cá anh vũ. Ông chợt hiểu sông Lục Đầu là chỗ hỗn nước, cá nhát thịt lại bỏ, nên ông lão phải lặn lội lên tận nguồn kiếm cá quý về dâng mình. Thì ra, mỗi người dù tâm thường đến đâu chăng nữa, cũng làm được việc hết sức mình. Ông cảm động:

- Người đã vì ta mà vất vả quá nhỉ!

Người lão nô cố giấu cái việc tự cho như một kì công, kiếm được giống cá ngon nhất về dâng Quốc Tuấn. Nhưng khi thấy cặp mắt đầy vẻ ưu ái, ông biết Quốc Tuấn đã hiểu công lao của mình... Ông lão cảm động đáp ứng:

- Dạ, chúng con được sống yên ổn là nhờ ơn đức của Vương gia mà chưa báo đền được muôn một, mấy con cá đáng kể vào đâu...

Vừa thưởng thức vị cá tươi, Quốc Tuấn vừa như sống lại cảnh dân chài ăn gỏi ngay trên thuyền khi vừa vớt từ sông con cá trắng bạc dầy dụa. Dòng máu dân chài dào dạt trong người. Thì mới cách đây bốn đời thôi, cụ tổ họ Trần - cụ Trần Lý - còn là một người dân chài Hải ấp, cũng phải ra khơi vất vả mới đánh được con cá và chắc có buổi cũng ăn gỏi thế này. Mới ba đời khoác áo vương hầu, sao đã vội quên gốc?

Bỗng viên quản gia hốt hải chạy đến. Thấy bậc Vương tước ngồi ăn với một lão gia nô, y sững sốt đến nói lắp bắp:

- Bẩm...! Bẩm... xin kính mời vương gia về phủ.

Nhác thấy quản gia, người lão nô đã tái mặt đứng dậy, nhưng Quốc Tuấn nhanh tay giữ lại. Ông bảo quản gia:

- Người ở đây ăn với ta một miếng gỏi đã. Mấy khi được cá tươi thế này!

Quản gia khúm núm:

- Đội ơn vương gia ban lộc, con xin thừa huệ...

Thấy quản gia ăn nhỏ nhẹ, Quốc Tuấn cười:

- Ăn gỏi phải bồ bã, cứ nhấm tí một thế thì còn gì là hương vị. Người xem đây này...

Cứ nhìn Quốc Tuấn ăn gỏi cũng phát thèm. Ông nhắm mắt như để thấm hết vị bùi, chất tanh trong miệng. Muốn phá không khí nặng nề của sự tách biệt trên dưới, ông pha trò:

- Ta đọc Tam Quốc thấy nói Hoa Đà chữa cho ông Thái Thù gì hay ăn gỏi cá, ông ta thổ ra ba đấu vị trùng(!). Nhưng ta vừa ăn vào đã thấy khoái trá trong người, sức khỏe dường như cũng tăng lên...

Người lão nô rụt rè:

- Dạ, không biết cái ông Thái Thù ấy ăn gỏi cá với cái gì, nhưng ở ta, các cụ bảo uống rượu tằm thì tiêu gỏi, còn năm thứ lá gia vị thì kị trùng đấy ạ.

Quản gia lừ mắt nhìn người lão nô rồi khẩn khoản mời Quốc Tuấn về kéo trời sắp tối. Bỗng nghe trong buồng có tiếng rên hừ hừ, Quốc Tuấn hỏi nhà có ai ốm thì lão nô liếc nhanh viên quản gia rồi trả lời lúng búng trong miệng.

Mặt trời đã gần lặn. Sông Lục Đầu vẫn thản nhiên gầm réo dường như vô tâm trước nỗi lo âu của con người. Xa xa, về phía đông bắc là biển cả, một đám mây đen nặng nề kéo qua làm u ám cả một khoảng trời chiều vàng óng. Bao đời tai họa của dân tộc cũng từ phía ấy ùn ùn kéo đến. Thuyền chiến của giặc có thể từ Hải Môn vào cửa Nam Triệu, qua sông Bạch Đằng rồi theo sông Nguyệt Đức hoặc sông Thiên Đức để sang Nhị Hà, đánh thẳng vào Thăng Long. Đường nước thông thống dẫn đến Kinh đô. Đứng ở đầu luồng gió, Quốc Tuấn cảm thấy hơi gió lạnh thổi vào rất mặt. Ông thầm nghĩ dưới lòng sông cửa biển, ta phải dựng một ải nước ngàn năm, ngăn chặn mưu mô sâu hiểm của quân thù.

Quốc Tuấn mỉm cười nghĩ đến một câu huyền thoại trong sách Hán *Xích tử lộng binh giáp ư hoàng trì chi trung: Trẻ con chơi trò chiến tranh trong ao vàng*. Đúng là cái lối khinh bạc của những kẻ quen cây lớn hiếp bể, coi sông biển người ta như ao nhà họ! Nhưng nhất định cuộc chiến sắp tới không phải là trò đùa giỡn như họ tưởng. Vốn con cháu nhà dân chài, Quốc Tuấn không ưa lối đại ngôn, đầy vẻ khoa trương trong sách cổ.

Ông thích một kiểu ví von giản dị, gần gũi hơn. Thuở nhỏ, cùng ông nội là cụ Trần Thừa ra biển khơi, cụ đã kể chuyện cửa biển vốn là cái đó đơm cá của ông Khổng Lồ đặt từ lúc mới khai thiên lập địa. Đúng, cửa biển Đại Việt phải thành một chiếc đó khổng lồ, đơm sẵn chờ lũ giặc xâm lược chui đầu vào rồi đóng chặt miệng đó lại.

Mỗi đợt sóng bạc đầu tưởng chừng như đã có mặt trong trận đánh Nam Hán thời Ngô Vương Quyền, vẫn nhấp nhô dưới chân ông như đội bạch đầu quân chờ hiệu lệnh. Dưới lớp thủy triều

phải là mưu cao thâm lặng. Giặc có thể mượn thế nước lên mà vào nhưng chính nước ấy sẽ quay lại giết chúng khi nước rút xuống. Ngay đến vật vô tri như cây cỏ cũng không chịu để dày xéo, sẽ trôi lên thành chông nhọn để đâm thủng thuyền giặc. Có phải vì ánh mặt trời chiều đỏ gắt chiếu xuống mà Quốc Tuấn thấy dòng sông vẫn lên một sắc máu hồng.

Trước một ngôi nhà đồ sộ, lợp ngói hình tấm ván, trên vuông dưới nhọn, úp từng lớp đẹp như vẩy cá, các nô tì quần áo đen, tóc búi xòa quỳ rạp đón Quốc Tuấn. Ông vẫy tay cho họ đứng dậy.

Giữa phủ, chiếc ghế sừng linh dương đang đón chờ ông. Trời đã tối, đôi đèn cộc bằng vàng hai bên thấp sáng. Một hồi chuông bạc điểm, gia nô khiêng một vạc đồng lớn đặt trước sân, rồi bưng một mâm bằng đá hoa nạm bạc mạ vàng, trên có đĩa sừng tê đựng gân hươu, vẩy cá, bát ngọc đựng long tu, yến sào... Rượu bồ đào trong bình lưu ly rót đầy chén gỗ trầm hương, Quốc Tuấn cầm nĩa vàng có tua rủ, xiên một miếng thịt nai ăn rồi nhấp một hớp rượu. Tiệc rượu linh đình mà sao không thấy ngon bằng bữa gỏi cá vừa rồi? Hay vì ông nghĩ đến những người đem thân chấn gió ở ngoài bãi sông, để có những hạt gạo trắng thơm ông ăn mỗi bữa? Hay vì nỗi quốc sỉ khi thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang bắt nạt triều đình nước Việt, mà ăn không biết ngon? Hay ông lo lắng trước gánh nặng đất nước và trăm họ giao phó mà ông chưa làm tròn?

Quản gia dâng thêm một tuần rượu rồi hô: nhạc tấu. Mỗi bên mười người nam nữ ra ngồi xếp xuống đất. Trống cơm bập bùng, tiếng đàn tì bà, đàn tranh, đàn bầu cùng cất lên, trong trẻo rõ ràng, tiếng hát hòa tiếng đàn, bắt đầu ê a rồi mới đến lời. Nam

khố vải, mình trần, nhảy nhót la hét rồi kê vai dẫm chân vòng quanh mà hát. Nữ đi chân không, mười móng tay cọ nhau đứng múa. Nam đi lại vùn vụt như chim, ngón chân chỉ hơi lướt mặt đất, nhiều khi chỉ thấy một luồng gió đen quay tròn. Nữ đứng múa, mỗi khi một người giơ tay thì cả mấy người cũng giơ tay, hạ xuống cũng như vậy. Tiếng đàn trầm bổng nhất khoan hòa cùng nhịp múa. Nhạc nổi khúc Yến Dao Trì. Khi hai mươi người nam nữ đóng chư tiên đứng sang hai bên, hai em đồng nam đồng nữ tiến ra, em dâng rượu, em dâng đào. Em nam dâng rượu chân dẻo tay mềm, mắt long lanh, phơ phất trái đào, trông thơ ngây đáng yêu, nhún nhảy hết bên này lại vụt qua bên kia như sóc chuyền cành. Dù nhào lộn thế nào, bình rượu trong tay vẫn không sóng một giọt. Mọi người suýt xoa tán thưởng. Nhưng Quốc Tuấn nhìn kỹ, thấy không phải em bé lần trước đã múa cho ông xem. Biết quản gia đã đánh tráo một em khác vào, ông bỗng thấy thương hại kẻ phải làm cái việc gian lận ấy. Đã toan không hỏi vì biết để người ta sợ sệt thì họ sẽ xa mình, nhưng lo lắng cho em bé múa bữa trước không biết có gặp rủi ro gì không, ông đành phải gọi quản gia lại hỏi.

Quản gia sợ toát mồ hôi. Chiều nay khi gọi đội nhạc đến, y thấy thiếu em bé lần trước được Quốc Tuấn hết sức khen. Hỏi ra em đó đi chăn ngựa bị ngã gãy chân. Y đành phải tìm một em bé khác trạc tuổi em thay vào, lại bắt hóa trang cho thật giống. Y lại còn bắt cười thử xem đã thật hết chưa, mãi đến lúc không thể phân biệt được mới thôi. Quốc Tuấn cười thâm. Người có chân tài thì sao có thể hóa trang mà thành được.

Quản gia đã lôi người lão nô đến để Quốc Tuấn trách phạt về tội nuông cháu, không ngăn cấm, để nó quần ngựa ngã suýt xoa.

Quốc Tuấn nhận ra chính là người vừa thết mình gỏi cá. Lúc ấy ông mới hiểu tiếng rên trong buồng lúc nãy là của cháu ông ta.

Ông già hết sức phân trần:

- Dạ, con cũng đã rắn dạy nhưng thằng bé ngỗ nghịch quá, con ngựa nào nó cũng quăn cho đến lúc thuần mới thôi. Vừa rồi, bị con ngựa dữ nhất đàn đá cháu suýt xoa. Thật con cũng đến khổ vì nó.

- Không sao - Quốc Tuấn thích thú - Ta lại thích những đứa bé ngang tàng như thế. Quản gia, người mang võng đưa cháu bé lại đây gặp ta.

Khi võng tới nơi, Quốc Tuấn thấy mặt chú bé tái mét nhưng vẫn cố gượng tươi tỉnh. Nghe hỏi, chú bé thưa:

- Bẩm Vương gia, cháu nghe ông cháu kể chuyện giặc Mông Thát rất thạo cưỡi ngựa, có khi ba tháng ròng ngồi trên ngựa, khi khát thì lấy gươm rạch một mạch máu ở cổ ngựa rồi cúi xuống húp để có sức đi được ngay. Ngựa Thát lại nhin ăn bao nhiêu ngày đi qua sa mạc được, nên cháu muốn luyện ngựa để ngựa Nam chơi được với ngựa Thát.

Trần Quốc Tuấn gật gù nhưng ông vẫn gắng hỏi:

- Cháu múa giỏi như thế sao lại tập ngựa, nhỡ suýt xoa không múa được nữa có phải hoài không?

- Bẩm Vương gia, cháu nghĩ múa cũng hay, nhưng lúc này phải lo đuổi giặc trước đã. Tiếng hát hay có thể làm cho giặc điếc tai mà chết được đâu.

- Hay lắm! Hay lắm! - Quốc Tuấn sáng khoái cười vang rồi quay lại nói với các gia tướng - Các người lớn tuổi mà chưa biết nghĩ bằng đứa nhỏ này. Ta thấy các người hằng ngày chỉ mải mê trong cuộc chọi gà, trong thú săn bắn, giữa lúc giặc đang rập rình ngoài cõi, ta rất phiền lòng. Đúng! Tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai, cũng như cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, chó săn tuy khỏe không đuổi được quân thù! Nếu giặc cướp được nước ta thì không những thái ấp của ta mất mà bổng lộc của các người cũng không còn. Mà muốn thắng giặc thì trước hết phải nổi bật sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc. Các người phải biết yêu thương những người nô tì như ruột thịt, dựa vào đó để đủ sức mạnh ngăn giặc. Chim hồng hộc bay cao là nhờ có sáu trụ xương cánh, nếu không thì cũng chỉ như chim thường thôi. Chiều nay qua bãi sông, ta thấy những người đem thân chắn gió để cho vườn ruộng được xanh tốt. Có cứng mới đứng đầu gió. Nước ta quay mặt ra biển Đông, cũng cần phải đem thân mình ra ngăn họa xâm lược từ phương Bắc tới mới giữ vững được đất nước.

Các gia tướng chấp tay cúi đầu nghe. Họ đứng như một bức tranh trước mặt ông, đằng sau là những nô tì, trán thích chàm ba chữ *quan trung khách* đứng vây bọc chung quanh.

Ông nghĩ ra rồi. Đất độ lượng nhưng cũng cần phải có tay người khai phá mới thành phì nhiêu. Đất hiểm trở nhưng cũng cần phải có mưu cao mẹo giỏi mới tận dụng được lợi thế của địa hình. Có khi vào chỗ đất sống thì lại chết mà vào chỗ đất chết thì lại sống. Muốn thế không thể chỉ dựa vào đất hiểm mà cần có người đức cao.

Ông truyền lấy thứ thuốc dẫu mà một vị thiền sư tặng ông

trước đây, tự tay đắp vào vết thương cho em bé sao cho lòng nhân ái của Thượng Hoàng, dùng chặn cả gối dài, chung cảnh êm ấm với các bậc vương hầu, phải được trải rộng ra, chia sẻ đều cho mọi người dân trong nước.

Gió sông Lục Đầu thổi về làm con rồng thêu trên nghi môn - thứ rồng mình trơn giống mình rắn, đầu nhỏ không có sừng - như đang uốn mình lung linh đầy sức sống. Đứng giữa đám gia tướng, nô tì, Quốc Tuấn ngửa mặt lên đón làn gió càng về khuya càng mạnh.

*

Tiến đến gần Vạn Kiếp, Tôgan và Arickhaya⁽¹⁾ dừng lại, chuẩn bị cẩn thận cho cuộc tấn công vào phòng tuyến Bình Than. Ngày 11 tháng 3 năm Ất Dậu, 1285, bốn quân bộ của địch đánh vào các cứ điểm của ta ở hai bờ sông như Vạn Kiếp và núi Phả Lại. Quân ta đã chống trả mãnh liệt. Trong khi tấn công Vạn Kiếp, tên tướng Vạn hộ Nghê Thuận đã bỏ mạng ở Lưu Thôn. Vua Trần thân dẫn quân Thánh Dực và hơn một nghìn thuyền chiến đến tăng viện cho Trần Quốc Tuấn. Cuộc chiến đấu anh dũng của quân ta kéo dài bốn ngày. Ngày thứ tư, bốn tướng Nguyên là Ôma, Nakhai và Tôn Lâm Đức đã đem thuyền chiến giao chiến với binh thuyền của ta do vua Trần chỉ huy. Một cuộc chiến đấu ác liệt đã diễn ra trên sông nước Bình Than.

Thấy chưa thể chặn đứng được đường tiến quân của giặc, sau trận Bình Than quân ta rút khỏi Vạn Kiếp và Phả Lại. Sau khi chiếm được vùng này Tôgan và Arickhaya tiến quân chiếm đánh

⁽¹⁾ Theo âm Hán Việt, Tôgan là Thoát Hoan, Arickhaya là A Lý Hải Như. Ôma là Ô Mã Nhi.

Vũ Ninh rồi tràn xuống Đông Ngàn. Đến sông Đuống, quân Nguyên chạm trán với một bộ phận binh thuyền của ta có nhiệm vụ cản giặc ở đây. Sau một trận giao chiến quân ta lại rút, giặc kết bè làm cầu phao, vượt sông Đuống, tiến đến Gia Lâm.

Quân ta sau khi rút từ các nơi về, đã tổ chức một phòng tuyến trên sông Hồng trước Kinh thành Thăng Long. Thuyền chiến bố trí dọc sông. Trên bờ, rào gỗ được dựng lên làm chiến lũy. Sau chiến lũy, các cỗ pháo đã chuẩn bị sẵn sàng bắn vào quân giặc.

Ngày 11 tháng giêng năm Ất Dậu, quân Nguyên tiến đến bờ bắc sông Hồng. Trên trận địa, quân ta hò reo vang dội hô lên thách đánh, các cỗ pháo nã đạn vào trận giặc. Quân Nguyên tìm cách vượt sông nhưng không được.

Cuộc chiến đấu trên sông Hồng không phải là để chặn giặc tiến vào Thăng Long mà chỉ là để tạm thời ngăn bước tiến của kẻ thù, bảo đảm cho cuộc rút quân của triều đình khỏi Kinh thành được an toàn.

Trong ngày 13 tháng giêng năm Ất Dậu, khi những lực lượng cuối cùng đã ra khỏi Kinh thành, binh thuyền của ta trên sông Hồng cũng rút về xuôi. Tôgan và Arickhaya mới có thể cho quân vượt sông, tiến sang Thăng Long.

Bấy giờ thượng hoàng và vua Trùng Hưng cùng triều đình theo sông Hồng, rút về hướng phủ Thiên Trường. Sau khi chiếm được Thăng Long, Tôgan cử những cánh quân lớn đuổi theo quân ta. Hữu thừa Côntrếch cùng với Vạn hộ Mangkhudai⁽¹⁾ đuổi

⁽¹⁾ Theo âm Hán Việt, Côntrếch là Khoan Triệt, Mangkhudai là Mang Cổ Đại.

theo bằng đường bộ. Tả thừa Lý Hằng cùng Ôma đuổi theo bằng đường thủy.

Ở cửa Hải Thị quân ta cũng đóng cọc chặn sông để ngăn địch. Côntrếch và Lý Hằng phải phối hợp quân bộ và quân thủy mới vượt qua được. Sau những trận đánh cản giặc trên sông Hồng, triều đình Trần lui về vùng Thiên Trường và Trường Yên. Về tới đây, Trần Quốc Tuấn lo củng cố và bổ sung lực lượng. Trong một thời gian ngắn thế quân lại mạnh.

Trên đường hành quân, Trần Quốc Tuấn ghé vào chỗ ở của Tuệ Trung thượng sĩ Trần Tung để ghé thăm anh. Bỗng ông thấy trên bờ đầm có một người xõa tóc, chống gậy vừa đi vừa hát ngao, lời ca như gió nổi trên đầm lộng toả hương sen ngát:

Thiên địa diếu vọng hê hà mang mang

Trượng sách ưu du hê phương ngoại phương

Hoặc cao cao hê vân chi sơn

Hoặc thâm thâm hê thủy chi dương

Cơ tắc xan hê hòa la phạn

Khốn tắc miên hê hà hữu hương

Hứng thời xuy hê vô khổng địch

Tĩnh xứ phần hê giải thoát hương

Quyện tiểu kế hê hoan hỷ địa

Khát bão xuyết hê tiêu dao thang⁽¹⁾

⁽¹⁾ Trời đất với trông chờ sao mệnh mang

Trần Quốc Tuấn nhận ra người đó là Trần Tung bèn tới vái chào. Trần Tung mừng rỡ, đưa Quốc Tuấn vào am cỏ, dọn cơm khoản đãi.

Trong bữa cơm, thấy Trần Tung vẫn ăn cá ăn thịt, Quốc Tuấn hỏi đùa:

- Anh tu thiền mà ăn mặn thì sao thành Phật được?

Trần Tung cười đáp:

- Phật là Phật, anh là anh, mình chẳng cần làm Phật, Phật cũng chẳng cần làm anh. Chú chẳng nghe bậc cổ đức nói: Văn thù là Văn thù, giải thoát là giải thoát đó sao?

- Theo anh thì Phật là gì?

- Hằng ngày đối diện với cảnh. Cảnh do tâm hiện ra. Khung cảnh lẫn tâm hồn đều vốn là không. Phật không thể thấy, tâm không thể nói. Khi Phật diệt thì tâm cũng diệt, chẳng nơi nào diệt tâm mà còn Phật, chẳng lúc nào diệt Phật mà còn tâm.

- Mối liên quan giữa Phật và tâm như thế thì làm thế nào đi đến chứng ngộ?

Chống gậy chơi rong chừ phương ngoài phương
Hoặc cao cao chừ mây đỉnh núi
Hoặc sâu sâu chừ nước trùng dương
Đói thì ăn cơm chừ mười phương góp
Mệt thì ngủ chừ "làng không làng"
Hứng lên chừ thổi sáo không lỗ
Lắng xuống chừ đốt giải thoát hương
Mệt nghỉ chút chừ đất hoan hỉ
Khát uống no chừ tiêu dao thang.

- Tâm và Phật tác động đến con người đó là cái lý vạn pháp trong tâm mà vạn pháp là thế giới bên ngoài, hiện tượng chung quanh ta, là sự nối tiếp tự nhiên như hằng năm hoa lại nở vào tháng ba, mỗi sớm gà gáy lúc canh năm. Sống theo quy luật tự nhiên thì không cần phải ăn chay. Ăn cỏ hay ăn thịt các loại khác nhau của sinh vật, điều đó cũng là tự nhiên như mùa xuân đến thì cây cỏ mọc. Như vậy sao gọi là tội hay phúc trong việc ăn cỏ hay ăn thịt được?

Cơm xong đã đến giữa trưa, Quốc Tuấn nói:

- Đã đến giờ ngọ rồi, em xin lui vào để anh tọa thiền.

- Người tu đạo không nhất thiết phải chân tọa, ngồi thiền định vào giờ ngọ và giờ tý đóng tất cả các khẩu như: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt. Chỉ cần giả tọa, tức ngồi ngay ngắn đoạn trang động tác cốt thư thái khoan hòa, mắt vẫn mở, điều cốt yếu là tĩnh tâm, từ bỏ mọi nhiễu loạn. Tiếp đó Trần Tung đọc câu kệ:

Hành diệp thiền, tọa diệp thiền,

Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên⁽¹⁾

- Cứ xem bài ca anh ngâm lúc ở bên đầm sen, thì anh đã chịu ảnh hưởng thiền *Tiêu dao du* của Trang Tử rồi.

Trần Tung say sưa nói như khi thuyết pháp:

- Không hẳn là như thế. Nhưng Đạo giáo cũng có *Toàn chân giáo* là lấy tư tưởng Thiền hỗ trợ cho lý luận của mình nhằm

⁽¹⁾ Đi cũng Thiền, ngồi cũng Thiền.
Trong lò lửa đỏ, một bông sen.

nâng cao tư tưởng huyền vi của Đạo giáo. Do mục tiêu như vậy, họ đã điều hòa tam giáo. Bài học nhập môn cho các tín đồ là: *Hiếu kinh*, *Đạo đức kinh*, sau đó mới học *Bát nhã kinh* và *Thượng thanh tịnh kinh*. Làm rõ hơn nữa ở nơi thuyết pháp họ gọi là *Tam giáo* đề là *Toàn chân* hay *Kim liên*.

Tam giáo nêu 15 giáo luận. Luận thứ nhất là *Trú am*. Anh đặt tên nơi ở là *Dưỡng chân*. *Dưỡng chân* cũng là *Toàn chân*, cùng mục đích trút bỏ mọi ảo vọng giữ chân tính. Luận thứ hai là *Vân du*. Theo tam giáo *Vân du* tức là đi du lịch không phải tham quan phong cảnh mà đi du lịch cốt để nhàn tâm để tìm lại cái chân thực của tâm. Trong bài thơ *Dưỡng chân*, anh viết:

Suy tấp hình hài khởi tức vân

Phi quan lão hạc tị kê quần

Thiên thanh vạn thủy mê hương quốc

Hải giác thiên đầu thị dưỡng chân.⁽¹⁾

Quốc Tuấn suýt xoa khen hay. Trần Tung lại nói:

- Tam giáo quan niệm thiên nhiên là một thứ ngoại đan tinh thần. Để có thứ ngoại đan tinh thần ấy tín đồ phải không quản gian lao nguy hiểm đi vân du đến tận chân trời góc biển. Đến với thiên nhiên để tìm chân tính như đi tìm con trâu xổng, sống chỉ là sống giả, chết cũng là chết giả. Chân tính vốn chẳng sai cũng chẳng đúng. Về đến nhà rồi thì nên biết thôi hỏi quăng

⁽¹⁾ Hình hài suy yếu kể chi mà,
Phải đâu hạc nội lánh đàn gà
Muôn tía ngàn xanh tràn đất nước
Chân trời góc bể dưỡng tình ta.

đường đi. Nhìn thấy trắng rồi thì việc gì còn phải tìm ngón tay trở. Chỉ cốt thỏa nguyện đạt sở đắc, sống chết bức nhau đối với ta có hại gì?

Quốc Tuấn thừa dịp hỏi:

- Nếu anh đã không ngại gian lao nguy hiểm, coi thường sống chết, sao không cùng em ra trận đánh giặc?

Trần Tung nói:

- Trong tam giáo có luận thứ 15 là *Ly phạm tục*. Cuộc đời là vô thường. Trời đất như búng ngón tay. Non sông chỉ bằng một tiếng tăng hắng. Thân người như bóng chớp, có rồi không. Cho nên anh mặc sức phóng cuồng. Ông cất giọng ngâm:

Lạc ngô lạc hể Bồ Đại lạc

Cuồng ngô cuồng hể Phổ Hóa cuồng

Đốt đốt phù vân hể phú quý

Hu hu quá khích hể niên quang

Hồ vi hể quan đồ hiểm trở

Phả nại hể thế thái viêm lương.⁽¹⁾

Trần Quốc Tuấn biết không thể ép được, liền cáo từ ra về.

⁽¹⁾ Ta vui cái vui chừ Bồ Đại vui
Ta cuồng cái cuồng chừ Phổ Hóa cuồng
Coi phú quý chừ mây nổi
Năm tháng qua chừ vội vàng
Chẳng ngại chừ dặm đường hiểm trở
Đâu buồn chừ tình đời viêm lương.

Trước khi chia tay, Trần Tung trao cho ông một cây gậy:

- Đây là cây gậy anh từng dùng để leo dốc trèo núi, nay anh tặng lại cho chú để làm kỷ vật, khi nhìn thấy gậy cũng như nhìn thấy anh vậy.

Quốc Tuấn kính cẩn đỡ lấy cây gậy rồi cất bước.

*

Để có thể xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc phản công chiếm lại Thăng Long, vua Trần và Trần Quốc Tuấn thấy rằng cần giữ vững mặt trận phía nam chặn được con đường tiến ra Xôgatu (Toa Đô). Trước đây, Trần Quốc Tuấn đã để một số quân lớn trấn giữ Nghệ An và Diễn Châu. Đến nay, ông lại thấy cần phải tăng cường lực lượng cho mặt trận phía nam nhiều hơn nữa.

Sau khi đã dồn dập cử các tướng lĩnh đem quân vào phía nam, Trần Quốc Tuấn bắt tay ngay vào việc chuẩn bị phản công. Bấy giờ tuy giặc đã chiếm được Thăng Long nhưng chúng không thể nào kiểm soát nổi những vùng mà chúng đã đi qua. Hoạt động chiến đấu của quân dân ta trong vùng sau lưng địch đã làm cho Arickhaya và Tôgan vô cùng bối rối và lo sợ. Rải quân ra thì lực lượng quá mỏng, co cụm lại thì không tránh được tình trạng bị bao vây. Một nghìn quân của Naxirut Đin (Nạp Tốc Lạt Đinh) từ Vân Nam kéo xuống đã hội với Tôgan nhưng tình thế vẫn không thay đổi. Chúng mỗi mắt trông chờ cánh quân Xôgatu từ phía nam kéo ra.

Trong tình hình đó, Trần Quốc Tuấn và Phạm Ngũ Lão đem hơn một nghìn thuyền chiến từ Long Hưng ngược sông Thái

Bình, kéo lên đóng ở Vạn Kiếp. Biết tin này, Arickhaya hoảng sợ, vội viết thư cầu cứu triều đình Nguyên xin thêm viện binh. Một mặt xin cứu viện, một mặt Arickhaya cố gắng tập trung binh lực tấn công xuống Thiên Trường, hòng phá vỡ căn cứ của quân ta, thông con đường nối với quân Xôgatu, thoát ra khỏi cái thế *bị treo lơ lửng ở quăng giữa*.

Đến bãi Mạn Trờ trên sông Thiên Mạc, Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng nhớ lại trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất, ông cũng đã cùng chú ông là Lê Tần⁽¹⁾ chiến đấu ở khu vực này.

Ngày đó, quân Ngột Lương Hợp Thai kéo đến Bình Lệ Nguyên, bên sông Cà Lồ. Vua Trần đã bày trận ở bên này sông. Quân lính, voi ngựa dàn ra san sát bên bờ. Dưới sông, phía hạ lưu là thuyền chiến của quân ta. Bên kia sông Ngột Lương Hợp Thai cũng tìm cách cho quân vượt sông. Y chia quân làm ba đội. Đội tiên phong do Triệt Triệt Đô chỉ huy - vượt sông trước. Ngột Lương Hợp Thai dẫn đội thứ hai vượt sang. A Truật con trai Ngột Lương dẫn đội hậu quân vượt sông cuối cùng. Theo phương lược tấn công mà Ngột Lương Hợp Thai đã vạch ra thì nhiệm vụ của đội quân Triệt Triệt Đô sau khi vượt sông ở phía hạ lưu là phải rình cướp cho được thuyền của quân ta. Quân của Ngột Lương Hợp Thai sẽ đánh vào trận quân ta, còn A Truật sẽ đem quân đánh vòng vào phía sau. Quân ta chạy ra sông không có thuyền tất bị bắt sống.

Vừa sang sông, Triệt Triệt Đô đã cho quân xông vào đánh. Nhưng quân Mông Cổ đã gặp sức chiến đấu mãnh liệt của quân

⁽¹⁾ Lê Tần sau được vua ban tên là Lê Phụ Trần, và cho lấy bà Chiêu Thánh.

ta. Vua Nguyên Phong (tức Trần Thái Tông) dẫn thân vào giữa mưa tên, xông lên phía trước, tự mình đốc thúc tướng sĩ đánh giặc. Quân Mông Cổ vượt sông tấn công ào ạt. Quân ta vẫn dũng cảm chiến đấu, không rời trận địa. Bên cạnh vua Trần, tướng Lê Tần vẫn gan dạ hiên ngang, cưỡi ngựa ra vào trận giặc, sắc mặt bình tĩnh, không một nét lo sợ bối rối. Nhưng rồi trận địa của ta bị lấn dần. A Truật đã sai những tên lính Mông Cổ thiện xạ bắn vào voi của quân ta làm voi hoảng sợ, lỏng trở lại. Bấy giờ, có người khuyên vua Trần đứng ở nhà trạm để chỉ huy và quan sát trận đánh.

Vua quay sang hỏi ý kiến Lê Tần.

Từ năm Đinh Tỵ (1258), Lê Tần và Chu Bắc Lãm đã được vua Trần cử đến bản doanh của Mông Kha ở Thiểm Tây làm nhiệm vụ bang giao, nhân dịp này ông đã dò xét tình hình địch. Ông biết kỵ binh Mông Cổ nổi tiếng thiện chiến. Dựa vào tính cơ động cao, sức đột kích mạnh của kỵ binh, quân Mông Cổ thường vận dụng chiến thuật dùng lực lượng mạnh đột kích chính diện, nhằm nhanh chóng phá vỡ thế trận đối phương kết hợp với lực lượng bao vây vu hồi để tiêu diệt.

Địa hình vùng Bình Lê Nguyên khá thuận lợi cho kỵ binh Mông Cổ phát huy sở trường chiến đấu của họ. Nhìn vào thực tế chiến trường, Lê Tần nhận thấy chưa thể đánh bại được địch, tiếp tục quyết chiến sẽ bất lợi, đã đề nghị với vua Trần:

- Ta nên cho quân rút lui để bảo toàn lực lượng cho kế hoạch tác chiến tiếp theo, không nên dốc túi đánh nước cuối cùng.

Vua Trần nghe theo. Quân ta rút về đến sách Cự Bản thì quân tiếp viện của tướng Phạm Cự Chích vừa đến. Phạm Cự Chích

đem quân chặn giặc đuổi theo. Phạm Cự Chích hy sinh nhưng vua Trần đã rút lui an toàn. Quân Mông Cổ không cướp được thuyền của quân ta. Vua Trần xuống thuyền ở bến Lãnh Kỳ. Quân Mông Cổ đuổi đến nơi, đứng trên bờ bắn theo. Lê Tần lấy ván thuyền che cho vua Trần khỏi trúng tên của giặc. Thuyền quân ta theo sông Cà Lồ xuôi về Phù Lỗ.

Noi gương chú, Bình Trọng đã liều mình chiến đấu với giặc. Trong trận Phù Lỗ, ông đã cùng một đội quân cảm tử ở lại chặn giặc để yểm hộ cho quân ta rút theo sông Hồng về đóng giữ ở vùng Thiên Mạc. Đến ngày chiến thắng, ông được ban cho quốc tính, đổi tên là Trần Bình Trọng, sau đó được phong Bảo Nghĩa vương.

Sự đời run rủi, 27 năm sau ông lại đứng trước con sông Thiên Mạc này. Phải chăng con sông có duyên nợ với ông. Lịch sử dường như lặp lại: lần này ông cũng phải chặn địch để bảo vệ đường rút của Thượng hoàng và vua Trùng Hưng cùng triều đình về phủ Thiên Trường. Khi thủy quân Nguyên do Lý Hằng và Ô Mã Nhi kéo tới, ông đã chiến đấu rất dũng cảm. Nhưng vì địch mạnh, ông đã sa vào tay giặc. Trước mọi thủ đoạn đe dọa và dụ dỗ của quân thù, Bình Trọng không hề khuất phục. Ông tuyệt thực, không trả lời những câu dò hỏi của giặc. Sau, Thoát Hoan hỏi ông: “Có muốn làm vương đất Bắc không?”. Ông quát lên rằng: “Ta thà rằng làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì chỉ có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lời thôi”.

Thoát Hoan thấy dỗ không được, sai quân đem chém.

Ngày 23 tháng giêng năm Ất Dậu, khi bị giải ra pháp trường,

ông còn nhìn lại lần cuối cùng dòng sông Thiên Mạc thân yêu. Ông đã không hổ là dòng dõi của Lê Đại Hành, không thẹn với chú ông là Lê Tần, không phụ tình tri kỷ của Hưng Đạo Vương, người bạn thân với ông từ thuở nhỏ. Ông mỉm cười nhớ lại cái ngày đến dự đám cưới của Trần Quốc Tuấn với Thiên Thành Công chúa, ông đã nói với bạn: “Anh lọt vào phủ Nhân Đạo quả là mạo hiểm, nếu Thụy Bà không lập mưu đến tâu với vua cho người đến cứu ngay trong đêm, để đến sáng Nhân Đạo biết được thì anh đã bị hại rồi”. Đám cưới này là trận thắng của tình yêu, nhưng cũng là trận thua về quân sự đầu tiên trong đời binh gia Trần Quốc Tuấn. Nghĩ đến bạn, lòng ông thấy nhẹ nhõm hơn. Khi lưỡi đao của đao phủ vung lên, đầu ông rơi xuống, máu ông hòa vào dòng nước sông Thiên Mạc, hòa vào đất Việt ngàn đời.

Trong doanh trại ở Thanh Hoa, Chương Hiến hầu Trần Kiện đang chờ đợi thuộc tướng Lê Tắc về báo tin tức. Từ khi được Hưng Đạo vương cử vào đây, Kiện rất lo lắng, nhưng sau thấy Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật cũng được cử vào Nghệ An, nếu cần sẽ đến cứu viện cho mình, Kiện mới tạm yên tâm.

Lê Tắc vừa về tới nơi đã kêu:

- Bẩm chủ tướng, tình hình nguy cấp lắm rồi.

Trần Kiện giật giọng hỏi:

- Nguy thế nào? Nói mau!

- Bẩm, bọn Toa Đô, Giảo Kỳ đã từ Chiêm Thành đánh ra phủ Bố Chính rồi tiến ra Nghệ An. Quân của Chiêu Văn vương và Trịnh Đình Toán không cản được bước tiến của quân Nguyên, phải rút lui.

- Thế còn quân của Chiêu Minh đâu?

- Bẩm, quân của Chiêu Minh vương chưa vào kịp.

Trần Kiện lồng lộn đi đi lại lại, tính toán. Lê Tắc lại nói:

- Tiểu tướng được tin quân Nguyên đã tiến ra Thanh Hoa...

Trần Kiện quay phắt lại hỏi:

- Theo ý tướng quân thì nên làm thế nào?

Lê Tắc vốn là dòng dõi Thứ sử Nguyễn Phu đời Đông Tấn, sau ông cha làm con nuôi họ Lê. Khi quân Nguyên sang, y đã muốn nhân dịp này trở về với nguồn gốc tổ tiên của mình. Lúc này y đo đắn:

- Chủ tướng có cho phép, tiểu tướng mới dám nói. Thế quân Nguyên hiện nay rất mạnh, Chiêu Văn vương tài giỏi như thế mà còn thua, phải chạy dài, hướng hồ... Theo ý tiểu tướng có đánh cũng không lại, chi bằng ta nên hàng trước để khỏi hao tổn binh lính...

- Ta được trao một vạn quân trong tay, mà chưa đánh đã bỏ chạy, thì sau này biết ăn nói thế nào với Thượng hoàng và Hưng Đạo vương?

Lê Tắc nham hiểm:

- Chủ tướng quên rằng, trước đây, Tĩnh Quốc đại vương (tức Trần Quốc Khang), phụ thân ngài được đức Thái sư đưa vào làm con của Tiên đế, chờ lên nối ngôi. Nhưng Thượng hoàng ngày nay lại giành mất ngôi Thái tử, khiến phụ thân ngài chán nản mượn chén giải sầu rồi ôm hận qua đời. Phụ thân của ngài và

Hưng Đạo vương cũng là con của đức An Sinh vương. Hưng Đạo vương yếu mềm, không trả được cái thù cho cha, chẳng lẽ ngài cũng không có gan trả thù cho ông nội hay sao?

Trần Kiện bám lấy lời Lê Tắc như nứ vào một cái phao để biện hộ cho hành động hèn nhát của mình. Khi quân Toa Đô đến Thanh Hoa, y bèn mở cửa trại ra hàng, tình nguyện dẫn đường cho quân Nguyên tấn công quân ta.

Nhưng rất nhiều tướng sĩ đã trốn khỏi trại tiếp tục chiến đấu với giặc. Ngày 2 tháng 2 tướng Nguyên là Giảo Kỳ cho quân lội qua cửa sông Bồ Vệ. Một cuộc kịch chiến đã xảy ra ở đây. Tướng Trần là Đinh Xa và Nguyễn Tất Thông đã hy sinh. Nhân dân trong các xóm làng ở vùng này cũng đã tự vũ trang chống giặc. Khi quân Nguyên tiến qua hương Yên Duyên thì Đại toát Lê Mạnh đã đốc suất nhân dân trong hương ra phòng ngự ở bến Cổ Bút, đánh nhau với quân giặc. Giặc hầu như không còn đường tháo lui được nữa. Nhưng hiềm vì có kẻ gian hàng giặc đã dẫn đường cho giặc, nên nhà cửa đều bị giặc đốt phá.

Nghe tin quân của Trần Quang Khải đã tới, ngày 6 tháng 2, Trần Kiện lại dẫn đường cho bọn Giảo Kỳ đến đánh quân Trần Quang Khải ở bến Phú Tân.

Tham gia chiến đấu ở Thanh Hoa lúc bấy giờ còn có Văn Túc vương Đạo Tái, con của Trần Quang Khải và Tá Thiên vương Đức Việp, con của Thượng hoàng. Mặc dầu quân ta chiến đấu anh dũng, vẫn chưa thể chặn bước tiến của giặc. Thêm một số tướng lĩnh Trần hy sinh như Chiêu Hiến vương và Đại liêu Hộ.

Hai đạo quân tăng viện đã liên tiếp chặn đánh quân địch. Xôgatu nóng lòng muốn ra Thiên Trường hội quân cùng Tôgan,

nhưng lại phải liên tiếp giao chiến nên sau trận Phú Tân, đạo quân Trần Nhật Duật và đạo quân Trần Quang Khải trở ra Thiên Trường, y mới hành binh ra Bắc được. Hai đạo quân tăng viện tuy không chặn đứng được đạo quân Xôgatu, nhưng đã làm chậm tốc độ hành quân và tiêu hao một số binh lực của chúng. Sau này tuy đạo quân Xôgatu có ra được Thiên Trường nhưng không ở thời điểm có ý nghĩa chiến lược nữa. Không những Toa Đô không thực hiện được kế hoạch vu hồi quân Trần mà đạo quân của y đã gặp nhiều khó khăn và trở thành đội quân bị cô lập.

Bấy giờ ở phía Bắc, vua Trần cũng chưa thể tiến về Thăng Long. Sau trận giao chiến với giặc ở sông Đại Hoàng ngày 3 tháng 2, quân ta lại phải rút về Thiên Trường. Từ Thăng Long, Tôgan huy động đại quân đánh xuống Thiên Trường. Quân Xôgatu từ Thanh Hoa tiến gấp ra Trường Yên. Để thoát khỏi tình thế quân địch đang từ hai gọng kìm tấn công, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức, chỉ huy thực hành cuộc rút lui thật kì diệu. Ông cho một bộ phận lực lượng và binh thuyền, trong đó có thuyền ngự nhưng không có vua, từ Thiên Trường ra cửa Giao Hải theo đường biển ngược lên hướng Đông Bắc, đổ bộ lên vùng Ba Chẽ. Lực lượng này cơ động lên hướng Đông Bắc, nhằm hai mục đích. Một là, nghi binh đánh lừa địch, tạo thuận lợi cho đại quân an toàn rút vào Thanh Hoa. Hai là, triển khai sẵn ở những địa bàn trọng yếu, sẵn sàng đánh địch trên đường rút lui của chúng khi quân ta chuyển sang phản công. Tôgan đã mắc mưu của Trần Quốc Tuấn, y ra lệnh cho Lý Hằng, Ôma, Giảo Kỳ, Tanggutai đem binh thuyền truy kích vua Trần.

Địch đến Ba Chẽ nhưng chúng chỉ thấy những thuyền bỏ không. Trong lúc Tôgan đang cho quân theo hút vua Trần, và

đạo quân Xôgatu đang tiến về Trường Yên, thì đại quân và vua Trần rút khỏi Thiên Trường, Trường Yên vào Thanh Hoa. Tôgan đã không phán đoán nổi việc Trần Quốc Tuấn cho quân rút vào Thanh Hoa vùng vừa có chiến sự ác liệt xảy ra và đạo quân Xôgatu cũng vừa đi qua. Được tin vua Trần đã vào Thanh Hoa, Tôgan liền ra lệnh cho Xôgatu. Hai cánh quân thủy bộ này vội vã hành quân với nhiệm vụ truy kích quân Trần. Đạo quân Xôgatu vừa từ Thanh Hoa ra đến Trường Yên, mệt mỏi đói khát chưa được nghỉ ngơi lại phải vội vàng trở vào Thanh Hoa nên sức chiến đấu bị giảm sút nghiêm trọng. Kéo quân vào Thanh Hoa không biết quân Trần ở đâu, Xôgatu hết sức lúng túng.

Các cánh quân đuổi theo vua Trần bị thất bại đều lục tục trở về Thiên Trường, Trường Yên.

Cuối cùng chúng bỏ Thiên Trường, co cụm ở Thăng Long.

Cuộc chiến đấu mãnh liệt của quân dân khắp các địa phương đã khiến cho quân thù đang gặp nhiều khó khăn vì lương thực và thời tiết càng thêm hoang mang.

*

Con thứ tư Thái Tông, Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc là người thông minh học giỏi, những tài vật như đánh cờ, đá cầu không gì không thạo. Ích Tắc mở một ngôi trường, dạy học trò, người nào nghèo lại cấp cho tiền gạo, trong số học trò có những người giỏi như: Mạc Đĩnh Chi, Bùi Phóng.

Bấy giờ có một loại người mà sử ghi là người Hồi Hột thuộc tộc Ui-gua (Duy Ngô Nhĩ) ở Tân Cương (Trung Quốc) đến buôn bán sinh sống. Một số lái buôn Hồi Hột là con buôn dễ đi lại

nhiều nơi có thể thu thập được nhiều tin tức ở nhiều vùng khác nhau, nắm bắt nhanh nhạy và kịp thời tình hình kinh tế, chính trị xã hội nhà Trần, hiểu rõ phong tục tập quán, biết được đường ngang ngõ hẻm của Đại Việt, bọn Đạt-lỗ-hoa-xích⁽¹⁾ tổ chức móc nối với chúng để nắm tình hình.

Bọn thương nhân Hồi Hột tìm cách len lỏi vào tận dinh thự của các đại quý tộc. Có kẻ đã lọt vào nhà Trần Ích Tắc đưa vàng bạc mua chuộc và kích động sự đố kỵ tài năng để lôi kéo. Trần Ích Tắc tự phụ, ghen tài với Trần Quốc Tuấn, rắp tâm cướp ngôi báu của anh trai, đã ngầm biên thư hẹn hàng giặc, phản bội lại họ hàng, phản bội lại dân tộc. Khi chiến tranh xảy ra nhân dân Đại Việt từ già đến trẻ nhất tề ra tiền tuyến chống thù thì Trần Ích Tắc nằm khàn ở Thiên Trường đọc Khổng Mạnh, luôn mồm thốt ra những lời coi khinh hoàng tộc, gây chia rẽ nội bộ triều đình. Khubilai (tức Hốt Tất Liệt) tiếp tục phái bọn thương nhân người Hồi Hột đến gặp Ích Tắc gây chia rẽ.

Tháng 6 năm Ất Dậu (1285), Ích Tắc đầu hàng và được nhà Nguyên phong cho làm An Nam quốc vương, trật Quang Lộc đại phu, cấp cho phù ấn và 5.000 quan tiền.

Sau khi đại quân rút khỏi miền Bắc, lại thêm một số quý tộc, quan lại hèn nhát như Văn Nghĩa hầu Trần Tú Noãn, Văn Chiêu hầu Trần Văn Lộng... đầu hàng giặc.

Bọn giặc dự định lập một triều đình bù nhìn: Trần Ích Tắc làm An Nam Quốc vương, Trần Tú Noãn làm Phụ nghĩa công. Còn Bá Ý, con Ích Tắc làm an phủ sứ lộ Đà Giang, Lại Ích Khuy

⁽¹⁾ Đa-ru-ga-tri, cơ quan thường trú nhà Nguyên đặt ở những nước bị chiếm để kiểm soát những nước đó.

làm an phủ sứ lộ Nam Sách giang, Trần Văn Lộng làm tuyên phủ sứ lộ Quy Hóa...

Bấy giờ các đạo dân binh hoặc quân địa phương luôn tấn công bất ngờ và liên tục vào đồn trại của giặc.

Tháng 6 năm Ất Dậu, Tôgan sai viên tướng Manglai Siban (Minh Lý Tích Ban) đưa bọn phản bội Trần Kiện, Trần Tú Noãn... về Trung Quốc. Khi bọn chúng đi qua Lạng Sơn, đội dân binh người Tày do Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Linh chỉ huy, phối hợp với một bộ phận quân triều đình địa phương đã tập kích ở trại Ma Lục vùng Chi Lăng. Bọn chúng bị vây đánh cả ngày lẫn đêm, thoát khỏi chỗ phục kích này lại rơi vào chỗ phục kích khác. Nguyễn Địa Lô là gia nô của Trần Quốc Tuấn đã bắn chết Trần Kiện ngay trên mình ngựa. Thuộc hạ của Kiện là Lê Tắc ôm xác hắn trên mình ngựa chạy đến Khâu Ôn mới chôn. Các xe lương thực hành lý của chúng đều lọt vào tay quân dân ta. Bọn tùy tùng cũng bị giết gần một nửa.

Trước khi chết, Trần Kiện nhớ đến một câu trong *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo: *Cựa gà sắc không đâm thủng được giáp giặc* cũng vì y ham mê chơi gà không để tâm rèn luyện quân đội, nên mới thất thế phải đầu hàng giặc, để lại tiếng xấu nghìn thu.

*

Khi đại quân rút về Thanh Hoa, ban ngày Trần Quốc Tuấn luôn theo hầu Thượng hoàng và vua Trùng Hưng ở hành tại. Đã ngũ tuần, ông phải cầm theo một cây gậy do anh tặng, để phòng khi leo dốc, trèo núi.

Bữa đó thấy ông cầm gậy đứng hầu hai vua, những kẻ hầu trực bỗng nhìn ông bằng cặp mắt nghi ngờ. Ông không hiểu ra sao. Đến tối về nhà riêng, ông đem chuyện này ra hỏi gia nô là Yết Kiêu sao lại có chuyện lạ như vậy. Yết Kiêu đo đắn hồi lâu mới dám nói:

- Khải Đức ông, nô tì này được nghe trong quân có nhiều lời xì xào, hiện nay quyền lớn trong nước nắm cả trong tay đức ông... trên cả hai vua.

- A! - Trần Quốc Tuấn kinh ngạc khẽ thốt lên.

Yết Kiêu run run:

- Dạ, và ... như vậy thì tất là ngôi báu sẽ phải trở về ngành trưởng bất cứ lúc nào Đức ông muốn... .

Quốc Tuấn lặng người đi. Ông nhớ lại một chuyện cũ.

Nguyên thân sinh Quốc Tuấn tên là Trần Liễu. Khi có loạn Quách Bốc, Thái tử Sảm nhà Lý chạy về hương Tức Mặc, rồi kết duyên với con gái cụ Trần Lý là bà Trần Thị Dung. Họ Trần mộ quân giúp nhà Lý dẹp xong loạn, Thái tử Sảm về kinh thành sau đó lên nối ngôi, tức là vua Kiến Gia, cho đón bà Trần Thị Dung về làm Hoàng hậu. Hoàng hậu sinh được hai công chúa là Thuận Thiên và Chiêu Thánh. Vua Kiến Gia gả Thuận Thiên cho Trần Liễu và phong ông làm Phụng Càn vương. Đến khi Chiêu Thánh nhường ngôi cho em Trần Liễu là Trần Cảnh, tức vua Kiến Trung, Trần Liễu được phong Hiển hoàng. Ít lâu sau vì có lỗi, bị giáng xuống làm Hoài vương.

Trước khi lấy Thuận Thiên, Trần Liễu đã có bà vợ cả, sinh ra

con trai là Trần Tung. Còn bà vợ thứ Thiện Đạo phu nhân Trần Thị Nguyệt, sinh ra con trai là Trần Quốc Tuấn. Quốc Tuấn là con vợ thứ nên lớn hơn hai tuổi, vẫn phải gọi Trần Tung là anh.

Bà Thuận Thiên đã sinh cho Trần Liễu một con trai tên Doãn, sau được phong Vũ Thành vương.

Năm Đinh Dậu (1237), Thái sư Trần Thủ Độ thấy Chiêu Thánh lấy vua Kiến Trung đã 12 năm mà chưa có con (Chiêu Thánh năm ấy mới 19 tuổi) nên bắt vua Kiến Trung phải bỏ đi và giáng xuống làm Công chúa rồi đem người chị Chiêu Thánh là Thuận Thiên Công chúa tức là vợ Trần Liễu vào làm Hoàng hậu, bởi vì người chị đã có mang được ba tháng.

Trần Liễu tức giận đem quân làm loạn. Mà vua Kiến Trung bị Thủ Độ hiếp chế như thế trong bụng cũng không yên, đến đêm trốn ra, lên ở chùa Phù Vân trên núi Yên Tử (nay thuộc Quảng Ninh). Trần Thủ Độ biết tin ấy đem quân thân đi đón vua Kiến Trung về. Vua không chịu về, nói rằng: “Trẫm còn nhỏ dại, không kham nổi việc to lớn, các quan nên chọn người khác để cho khỏi nhục xã tắc”. Thủ Độ nói mãi không nghe, ngoảnh lại bảo bách quan rằng: “Hoàng thượng ở đâu là triều đình ở đấy!”. Nói đoạn, truyền sắp sửa xây cung điện ở chùa Phù Vân. Quốc sư ở chùa ấy thấy thế, vào van lạy vua Kiến Trung về triều. Vua bất đắc dĩ truyền xa giá về Kinh.

Khi đó Trần Liễu đã tập hợp tám vạn quân do Phùng Tá Thang làm quân sư, từ Ngự Thiên về Thăng Long đánh lại Trần Thủ Độ và vua Kiến Trung.

Trước tình hình ấy, bà Trần Thị Dung (khi đó đã lấy Trần Thủ Độ) vốn là mẹ của Thuận Thiên, Chiêu Thánh đã đứng ra dàn

xếp. Bằng tình cảm của gia tộc và uy tín của mình, bà đã đứng ra hòa giải và điều đình khiến Trần Liễu phải bãi binh. Về danh nghĩa, tám vạn quân này bị xử tội nhưng thực tế được đối xử như tù binh. Phùng Tá Thang đem đội quân này về đóng ở Bát Sơn trang⁽¹⁾. Sau đội quân này đã tham gia đánh quân Nguyên khi chúng kéo sang.

Trần Liễu biết sức mình không làm gì nổi, bèn nhân lúc vua Kiến Trung ngự thuyền đi chơi, giả làm người đánh cá, lên xuống thuyền ngự, xin hàng. Hai anh em ôm nhau mà khóc. Thủ Độ nghe tin, đến thuyền vua, rút gươm thét lớn: “Giết thẳng giặc Liễu!”. Vua giấu Trần Liễu trong thuyền và ra bảo với Thủ Độ: “Phụng Càn vương đến hàng đó”, rồi lấy thân mình che chở cho anh. Thủ Độ tức lắm, ném gươm xuống sông nói: “Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em các người thuận nghịch như thế nào!” vua mới giải hòa, rồi bảo Thủ Độ rút quân về. Vua lấy đất An Sinh, An Lang, An Hưng, An Phụng, An Dương cấp cho Trần Liễu làm ấp Thang mộc, nhân đó mà Trần Liễu có hiệu là An Sinh vương.

Sợ bị ảnh hưởng bởi Trần Liễu, Trần Quốc Tuấn được Thủ Độ giao cho chị ruột Trần Liễu là Thụy Bà Công chúa nuôi nấng, coi như con đẻ.

Bà Thuận Thiên vào làm Hoàng hậu, từ cái thai trong bụng sinh ra con trai tên là Trần Quốc Khang. Đến năm Canh Tý, 1258, bà lại sinh cho vua con trai tên là Trần Hoảng. Tám năm sau, bà mất.

⁽¹⁾ Nay thuộc xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Cuối năm Tân Hợi, 1256, trước khi qua đời, An Sinh vương Liễu cầm tay con trai Quốc Tuấn dặn dò: “Mày phải làm sao lấy được thiên hạ về cho ngành trưởng, ta ở dưới đất mới được nhắm mắt!”.

Năm Tân Hợi, vua Kiến Trung nhận Trần Tung làm con nuôi, phong cho tước Hưng Ninh vương. Trước những cuộc biến loạn trong hoàng tộc, Trần Tung đã sớm thấy được cuộc đời là phiền não, là vô thường, nên ham đọc sách Thiền. Sau lại tham học với thiền sư Tiêu Dao ở tịnh xá Phước Đường.

Khi được cử làm Tiết độ sứ ở Lộ Hồng, ngoài việc cai trị, tất cả thời gian còn lại, Trần Tung giành cho việc nghiên cứu kinh điển. Vua Thiệu Long (tức Trần Hoảng) coi ông là sư huynh, tặng ông danh hiệu Tuệ Trung thượng sĩ.

Năm Bính Thìn, Vũ Thành vương Doãn đem cả nhà trốn sang nước Tống, bị thổ quan ở châu Tư Minh là Hạng Bình bắt trả về.

Trần Quốc Khang tài đức kém không được làm Thái tử, khi được phong làm Vọng giang phiêu kỵ đô thượng tướng quân ra trấn trị Diễn Châu, lại xây dựng phủ đệ xa xỉ quá mức thường, lập tức, vua cho người dò xét qua lại, khiến Quốc Khang phải biến nó thành chùa thờ Phật.

Trần Quốc Tuấn có cách nhìn khác với những người anh em của mình. Ông cho rằng vua Thiệu Long nhân từ, trung hậu, ở với anh em họ hàng rất thân ái. Vua cho các hoàng thân vào nội điện, cùng ăn một mâm, nằm một chiếu, chỉ có lúc nào ra việc công, hoặc buổi chiều thì mới phân thứ tự theo lễ phép mà thôi.

Ông nhận ra một điều là ngành thứ rất nhường nhịn ngành trưởng.

Ngày 15 tháng 2 năm Tân Hợi (1256), vua Kiến Trung mở hội lớn bảy ngày đêm, trưng bày đồ quý và bày nhiều đồ chơi cho người trong triều ngoài nội tới xem, ý muốn cho Công chúa Thiên Thành kết duyên với Trung Thành vương. Trước đó vua cho Thiên Thành đến ở trong dinh của Nhân Đạo vương, cha của Trung Thành vương.

Vốn đã yêu Thiên Thành từ trước, Trần Quốc Tuấn được tin này không sao nén nổi, mới nhân ban đêm lẻn vào chỗ ở của Thiên Thành. Hai người gặp nhau mừng mừng tủi tủi.

Thụy Bà biết tin lo lắng liền đến gõ cửa điện để cáo cấp. Người coi cửa vội vào tâu. Nghe vua hỏi, Thụy Bà lập mưu tâu:

- Không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng can rở, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ mất rồi, e sẽ bị hại, xir Bệ hạ rủ lòng thương mà sai người đến cứu.

Vua là người nhân từ, vội sai nội nhân đến dinh Nhân Đạo vương. Đến nơi, thấy yên lặng, bèn vào chỗ Thiên Thành thì thấy Trần Quốc Tuấn đang ở đấy. Nhân Đạo đến giờ mới biết chuyện. Hôm sau, Thụy Bà dâng mười mâm vàng sống đến tâu vua rằng:

- Vì vội vàng nên không sắm được đồ lễ vật.

Vua bất đắc dĩ phải gả Công chúa Thiên Thành cho Quốc Tuấn, lấy hai ngàn khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên (nay thuộc tỉnh Hà Tây) để hoàn lại sính vật cho Trung Thành vương.

Thế nhưng, khi Phiêu kỵ thượng tướng quân Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư - được tặng danh hiệu “Thiên tử nghĩa nam”⁽¹⁾ - thông dâm với Thiên Thụy công chúa, con dâu ông, vua Thiên Bảo lại sai đánh đòn, may mà sống sót, lại cách hết quan tước, tịch thu sản nghiệp, không để lại cho một tí gì. Châu Chí Linh vốn là của riêng của thượng tướng Trần Phó Duyệt cho nên Khánh Dư mới giữ lại được. Khánh Dư về đó sống bằng nghề đốt than.

Nhưng khi giặc Nguyên kéo sang lần thứ hai, Trần Khánh Dư và cả Trung Thành vương vẫn sẵn sàng cầm gươm ra trận. Đánh giặc xâm lược là đạo đức cao nhất của con người.

Có lần ông đã đem lời cha dặn nói với hai người gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can rằng:

- Làm kẻ ấy tuy được phú quý một lúc mà để lại tiếng xấu nghìn năm. Nay Đại vương hắt chẳng phú quý hay sao? Chúng tôi xin thề chết già làm gia nô chứ không muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi.

Trần Quốc Tuấn lại đem lời ấy hỏi thử các con. Hưng Nhượng vương Quốc Tảng nói:

- Tống Thái Tổ là một ông lão nhà quê mà còn làm được vua, huống chi nhà ta.

Quốc Tuấn nổi giận định chém, mọi người can mãi mới thôi,

⁽¹⁾ Tức em nuôi vua. Chức Phiêu kỵ thượng tướng quân chỉ Hoàng tử mới được phong.

nhưng ra lệnh:

- Khi ta mất, đây nắp áo quan rồi mới cho thằng Quốc Tảng vào chịu tang!

Từ đó, ông đã hết sức tìm cách hàn gắn quan hệ giữa ngành trưởng và ngành thứ. Trần Quang Khải, con thứ hai Thái Tông với Trần Quốc Tuấn vốn có hiềm khích. Trước khi xuất quân để đánh quân Nguyên, ông đã mời Quang Khải tới giải hòa rồi thân nấu nước tắm cho Quang Khải.

Dù đã cố gắng như vậy mà vẫn còn bị tiếng hiềm nghi. Ông hỏi Yết Kiêu. Yết Kiêu nói:

- Khải Đức ông, vì những kẻ hầu cận thấy Đức ông mang chiếc gậy trên đầu có bịt sắt nhọn, nên mới...

Trần Quốc Tuấn bưng hiếu. Ông thở dài nói:

- Chao ôi! Ngờ đâu... ngờ đâu. Ta sơ ý đấy. Người hãy giúp ta đi, nhổ ngay cái đầu sắt nhọn của cây gậy kia đi!

Tin Hưng Đạo vương nhổ cái đầu bịt sắt trên cây gậy truyền đi, không những đã nhổ bỏ được mọi hiềm nghi, mà còn khiến mọi người nức lòng tập trung mọi mũi nhọn dồn vào lũ giặc, *cả nước đấu sức lại mà đánh.*

Thấy Hưng Đạo vương cầm cây gậy đầu tiên bằng bước vào hành tẩu, những người hầu trực đưa mắt nhìn nhau vẻ nhẹ nhõm.

Vua Trùng Hưng vội đứng dậy mời Hưng Đạo vương ngồi xuống ghế rồi nói:

- Ta mới nảy ra hai câu thơ, để ta đọc cho Vương nghe:

Cối Kê cứu sự quân tu ký

Hoan Diễn do tồn thập vạn binh⁽¹⁾

Hưng Đạo vương nói:

- Tâu Bệ hạ, đúng như vậy. Hoan Diễn không chỉ là Cối Kê của ta mà còn là căn cứ chiến lược muôn đời của đất nước ta.

Tiếp đó, hai vua Trần cùng Trần Quốc Tuấn bàn phương lược hành binh. Quốc Tuấn nói:

- Muôn tâu, đại quân ta sau khi rút vào Thanh Hoa, dưỡng uy sức nhuệ, nay thời cơ đã đến, ta có thể dùng binh lực dự trữ này chuyển sang phản công.

Thượng hoàng nhíu mày:

- Nhưng giữa hai đạo quân của Thoát Hoan và Toa Đô, ta nên dồn sức diệt đạo quân nào trước?

Quốc Tuấn còn đang cúi đầu suy nghĩ thì vua Trùng Hưng nói:

- So sánh giữa hai đạo quân của địch thì đạo quân của Toa Đô ít hơn nhiều so với đạo quân Thoát Hoan, vừa trải qua một cuộc hành quân vất vả từ Thanh Hoa ra Trường Yên lại từ Trường Yên vào Thanh Hoa, nên khí thế giảm sút nặng nề. Nếu ta dồn sức tiến công đạo quân này, ta sẽ có nhiều thuận lợi và nắm chắc phần thắng!

⁽¹⁾ Cối Kê chuyện cũ người nên nhớ
Hoan Diễn còn đây chục vạn quân.

Trần Quốc Tuấn ngẩng phất đầu lên, đồng dục:

- Muôn tâu, điều quan trọng là tiến công và đánh tan đạo quân nào trước sẽ nhanh chóng làm rung chuyển quân địch dẫn tới toàn thắng. Nếu ta tiến công tiêu diệt Toa Đô sẽ không tác động mạnh đối với Thoát Hoan. Việc này có thể dẫn đến tình huống bất lợi. Thoát Hoan sẽ có thời gian tìm cách đối phó. Triều đình Nguyên có điều kiện cho quân tăng viện, chiến cuộc có thể kéo dài hơn hoặc đạo quân của Thoát Hoan sẽ chạy thoát, quân ta sẽ không tiêu diệt được bộ phận đầu não của chúng...

Thượng hoàng sáng mắt lên:

- Phải rồi, nếu ta dồn sức tiến công đánh tan đạo quân Thoát Hoan thì thắng lợi sẽ được quyết định và số phận đạo quân Toa Đô cũng được định đoạt.

Vua Trùng Hưng giọng chắc nịch:

- Như vậy, ta hãy chọn đạo quân Thoát Hoan làm mục tiêu tiến công chủ yếu.

Tháng 6 năm Ất Dậu, Trần Quốc Tuấn cùng Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật và các tướng lĩnh khác đem binh thuyền tiến ra Bắc để cắt đôi lực lượng quân thù, không để cho Xôgatu và Tôgan phối hợp với nhau.

Mục tiêu tấn công trước tiên của quân ta là những đồn trại của giặc đóng dọc khúc sông Hồng chạy qua vùng Khoái Châu án ngữ mặt Nam của Thăng Long. Một bộ phận quân Nguyên đóng ở đây vốn là thuộc đạo quân Xôgatu dưới sự chỉ huy của Tanggutai và Giảo Kỳ, sau khi từ Chiêm Thành vượt qua vùng

Thanh - Nghệ ra Bắc để tham gia cuộc đuổi theo vua Trần, bây giờ đã vô cùng mệt mỏi.

Nhưng Trần Quốc Tuấn không phải chỉ chú ý đến việc tấn công phòng tuyến của địch ở sông Hồng và chiếm lại Thăng Long mà còn dự liệu việc đánh tan quân địch trên đường rút chạy. Khi thượng tướng Trần Quang Khải cùng các tướng ngược sông Hồng tiến về Thăng Long thì Trần Quốc Tuấn đã cùng một số tướng khác đi vòng qua các lộ phía đông, tiến về Vạn Kiếp. Trên đường tiến quân, Trần Quốc Tuấn đã tấn công diệt đồn A Lỗ.

A Lỗ là một địa điểm gần nơi nối sông Hồng với sông Luộc, tức ngã ba sông A Lỗ và sông Thiên Mạc. Đồn A Lỗ có địa vị quan trọng trong hệ thống đồn trại dọc theo sông Hồng của địch. Nó đảm bảo sự liên lạc giữa đạo quân Tôgan và đội quân Xôgatu. A Lỗ là tiền đồn phía Nam của hệ thống đồn trại dọc theo sông Cái để khống chế vùng ngã ba sông Cái, sông Luộc, ngăn chặn quân ta từ biển hoặc từ Thiên Trường theo sông A Lỗ, sông Cái tiến quân về hướng Thăng Long. Vạn hộ Lưu Thế Anh, một trong những tướng tin cẩn của Tôgan, được giao nhiệm vụ chỉ huy đồn A Lỗ. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Trần Quốc Tuấn, quân ta tiến công mãnh liệt đồn A Lỗ. Địch không chống cự nổi, Lưu Thế Anh phải bỏ chạy cùng đám tàn quân. Quân ta hạ đồn A Lỗ, mở được cửa để đại quân tiếp tục tiến mạnh về hướng Thăng Long và làm rung chuyển hệ thống đồn trại của địch. Mất đồn A Lỗ, đạo quân Tôgan và Xôgatu bị chia cắt thành hai khối cô lập.

Sau khi đồn A Lỗ bị tiêu diệt, hệ thống đồn trại bị uy hiếp hơn và trước sức tiến công mãnh liệt của quân ta, Tôgan chỉ có

một sự lựa chọn: rút lui, hy vọng bảo toàn được lực lượng chạy về trước. Trần Quốc Tuấn đã triển khai lực lượng, bố trí thế trận quyết tâm tiêu diệt đạo quân Tôgan. Sau khi tiêu diệt đồn A Lỗ, ông không sử dụng toàn bộ lực lượng tiến công về hướng Thăng Long. Vì như vậy đạo quân Tôgan có thể chạy thoát. Trần Quốc Tuấn đã chia quân tiến theo hai cánh. Cánh quân thứ nhất tiến thẳng về hướng Thăng Long, với nhiệm vụ tiêu diệt các đồn trại địch dọc sông Cái và hiệp đồng công kích mãnh liệt quân địch và đại bản doanh của Tôgan ở Thăng Long. Cánh quân thứ hai tiến về hướng Đông Bắc, chuẩn bị thế trận sẵn sàng đánh quân địch trên đường rút lui của chúng. Như vậy đạo quân Tôgan đã bị cắt đứt đường rút lui.

Vào cuối tháng 6 năm Ất Dậu, đạo quân ngược sông Cái do Chiêu Minh vương Trần Quang Khải thống lĩnh đã chia ra nhiều cánh tấn công đồng thời vào hai cứ điểm của địch đóng gần nhau bên sông Hồng là Tây Kết và Hàm Tử. Chiêu Thành vương, tướng quân Nguyễn Khoái và Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đã đánh tan quân Nguyên ở bến Tây Kết. Trong lúc đó, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật cùng các tướng khác đã quét sạch giặc ở Hàm Tử.

Ngay sau đó, Trần Quang Khải cùng Trần Quốc Tuấn và các tướng khác quân đánh đồn giặc ở Chương Dương. Chương Dương là một cứ điểm quan trọng của địch nằm trên hữu ngạn sông Hồng. Căn cứ này như chiếc lá chắn bảo vệ phía nam của kinh thành Thăng Long. Quân ta tiêu diệt địch ở Chương Dương tạo nên thế uy hiếp mạnh quân địch ở Thăng Long. Sau khi tiêu diệt địch ở Chương Dương, đạo quân của Trần Quang Khải, Nguyễn Khoái và các đạo quân khác cũng tiến công về Thăng Long.

Phối hợp với quân triều đình còn có các đạo dân binh ở các lộ kéo về do Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp và em là Nguyễn Truyền chỉ huy.

Đạo quân của Trung Thành vương đã đánh tan quân giặc ở Giang Khẩu do tên tướng thiên hộ Mã Vinh chỉ huy. Quân ta bao vây và tiến công mạnh quân địch ở kinh thành Thăng Long. Trước sức tiến công mãnh liệt của quân ta, Tôgan phải cho quân rút khỏi Thăng Long, sang đóng ở bờ Bắc sông Cái, đề phòng quân Trần khống chế mặt sông cắt đường rút lui của chúng.

Tại bờ bắc sông Cái, bị sức ép bởi các cuộc tiến công của quân ta, Tôgan và Arickhaya quyết định rút đạo quân viễn chinh về nước. Ngày 6 tháng 7 năm Ất Dậu, quân địch từ các đồn trại ở bờ bắc sông Cái rút lui. Như vậy đợt đầu của cuộc phản công đã giành được thắng lợi, đạt được mục đích dọc tuyến sông Cái, uy hiếp mạnh quân địch ở Thăng Long buộc Tôgan phải rút chạy.

Ngày 4 tháng 7 năm Ất Dậu, toán quân của Giảo Kỳ và Tanggutai bị tan tác ở dọc sông Cái, cố tìm đường chạy về Thăng Long để gặp Tôgan. Nhưng bấy giờ Tôgan đã bỏ chạy. Chạm trán với quân dân ta ở Thăng Long, Giảo Kỳ hoảng sợ, vội vã vượt sông Cái. Bấy giờ trại giặc ở Gia Lâm cũng đang bị quân ta tấn công. Khi toán quân của Giảo Kỳ đuổi kịp, Tôgan liền ra lệnh rút quân. Con đường rút lui của giặc cũng theo con đường lúc tiến vào, đi qua vùng các huyện Tiên Sơn và Quế Võ. Toán quân Vân Nam do Naxirút Đin chỉ huy cũng quay đầu rút chạy theo đường cũ tức con đường qua lộ Tuyên Quang.

*

Tuệ Trung thượng sĩ Trần Tung đang ngồi thiền định trên bồ đoàn, bỗng thấy nháy mắt, lòng dạ nôn nao. Ông linh cảm thấy Trần Quốc Tuấn đang gặp khó khăn ngoài trận địa. Nếu tình hình không nguy ngập thì sao Trần Ích Tắc, Trần Kiện lại phải ra hàng giặc. Ông giở cuốn *Khóa hư lục* của Thái Tông ra đọc để cho tâm trí được bình tĩnh hơn.

Khi vua đến chơi chùa Chân Giáo, nhà sư Đức Thành hỏi: “Đức Thích Ca mới ở trên trời Đâu Suất đã giáng xuống cung vua, chưa ra khỏi bào thai, độ người đã sẵn, thì là thế nào?”

Vua trả lời bằng hai câu thơ: “*Ngàn con sông có nước là ngàn dặm sông trăng, Vạn lý không có mây là trời vạn lý*”. Trần Tung hiểu ý nghĩa ngụ ở trong là khi nói sông là sông có nước mới là sông được, nước vốn là thuộc tính tự nhiên của sông. Ngàn con sông, mỗi con sông đều phản chiếu bóng trăng, thể với dụng đi kèm nhau không rời. Cũng như khi nói mây là nói trời, vì chỉ có trời mới có mây cho nên bảo vạn lý không có mây là trời vạn lý. Thể cũng tức là Dụng, nói Dụng là nói Thể.

Độ nhân là tác dụng của Phật tính, là bản thể mà Thế Tôn là hiện thân của cái bản thể ấy. Ngài ở trời Đâu Suất đã mang tất cả sứ mệnh của mình định trước là tác dụng độ thế”.

Đức Thành lại hỏi: “Thế Tôn khi chưa rời bản thể thì sự mở biết ấu trĩ, sau khi đã rời đã ra, thì sự ấy thế nào?”.

Vua trả lời: “Mây sinh đỉnh núi tất cả sắc đen đều biến ra trắng, tất cả dòng nước đến sông Tiêu Tương đều một vẻ trong”.

Ý vua muốn nói, mây khi bị núi che thì đen, đến khi lên núi thì toàn nhiên trắng, cũng như nước các dòng sông, có con sông

đục, sông trong, đến khi ra biển thì cùng một vị mặn, một vẻ trong của nước biển, để rồi lại bốc lên làm mây lúc đen lúc trắng, tùy theo hoàn cảnh, rồi tan thành mưa xuống núi, chảy vào suối, ngòi, lạch, sông để rồi lại tuôn ra biển. Trước sau nước vẫn là nước, đồng nhất tính ở bản thể siêu thời không, sai biệt là ở tác dụng lệ thuộc vào thời gian, không gian.

Đức Thành lại hỏi: “Người người vốn tự người người đủ, mỗi cá tính vốn là mỗi cá tính viên mãn, tại sao Thế Tôn còn vào núi để tu đạo?”.

Vua trả lời: “Gươm vì có sự bất bình mới rút ra khỏi vỏ. Thuốc nhân để chữa bệnh mới ra khỏi bình vàng”.

Ngụ ý Thế Tôn vào núi tu đạo, cũng như lưỡi gươm rút ra khỏi vỏ vì có sự bất mãn với cảnh ngộ, và thuốc vì có sự chữa bệnh mới đem ra khỏi bình vàng.

Trần Tung vụt hiểu: “Bây giờ không phải là lúc ngồi yên để tọa thiền, mà phải tuốt lưỡi gươm vàng ra khỏi vỏ để dẹp sạch bất bình, trừ lũ Ma vương trên cõi thế, làm tròn chí nguyện của Thái Tông chú mình trước đây và rửa nhục cho dòng họ Trần đã có những đứa con bất trung, bất hiếu”.

Nghĩ vậy, ông liền cởi áo nâu sòng mặc áo võ chên đen, cầm một cây gậy, đến gặp Thượng hoàng và vua Trùng Hưng để xin ra trận đánh giặc.

Hai vua liền cử ông đến hợp sức với Trần Quốc Tuấn.

Tới doanh trại, Trần Tung thấy Trần Quốc Tuấn đang băn khoăn suy tính xem đạo quân Thoát Hoan sẽ rút theo hướng nào.

Thấy anh đến, Quốc Tuấn mừng rỡ, mời ông vào cùng bàn bạc. Trần Quốc Tuấn chỉ tay vào bản đồ nói:

- Theo ý em, đạo quân Thoát Hoan có thể rút theo hai đường. Một đường chạy lên sông Thương, qua Chi Lăng, Khâu Ôn vượt biên giới về nước. Một đường khác, xuống Vạn Kiếp lên Nội Bàng về Tư Minh. Theo anh phán đoán thì Thoát Hoan sẽ đi con đường nào?

Những nếp nhăn trên trán Trần Tung hằn lên như những con đường ông từng vân du hành cước khắp mọi miền đất nước. Lát sau, ông thông thả nói:

- Trong hai đường này thì đường thứ nhất có nhiều thuận tiện đối với địch. Do đó, ta phải làm sao chặn đánh quân địch ở một số nơi, không cho Thoát Hoan chạy theo đường thứ nhất, buộc y phải rút theo đường thứ hai.

Trần Quốc Tuấn chợt hiểu ra. Theo dõi chặt chẽ tình huống diễn biến trên chiến trường, ông chỉ huy cánh quân tiến về hướng Đông Bắc, chuẩn bị sẵn sàng đánh địch khi chúng rút lui. Tại vùng Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn chọn địa thế đoạn sông Sách (sông Thương chảy qua Vạn Kiếp) bố trí quân thủy bộ mai phục, nhằm đánh trận tiêu diệt lớn. Trần Quốc Tuấn đã bố trí quân đội chặn đánh địch ở một số nơi không cho Tôgan chạy theo đường thứ nhất, buộc y phải chạy theo đường thứ hai.

Trần Quốc Tuấn được lệnh đem quân đi chặn ở sông Như Nguyệt, với nhiệm vụ kiên quyết không để quân địch chạy lên sông Thương.

Trong khi đó, ở mặt trước đạo quân Tôgan những cái bẫy của

Trần Quốc Tuấn đã giương sẵn, chờ chúng sa vào.

Khi quân Tôgan rút về hướng Phả Lại thì Trần Quốc Tuấn và Trần Tung đã đem hơn vạn quân chặn đánh. Vạn hộ Lưu Thế Anh không thể nào chống trả được những đòn sấm sét của quân ta mà y đã từng ném ở đồn A Lỗ trong sáu tháng trước. Cả đạo quân Tôgan phải chạy dạt về phía sông Như Nguyệt để tìm đường về Vạn Kiếp.

Trần Quốc Tuấn đã sẵn sàng chờ địch ở sông Như Nguyệt. Nguyên Trần Quốc Tuấn là cháu nội của Hoài Đức vương Trần Bà Liệt.

Thượng hoàng Trần Thừa khi còn hàn vi thấy một người con gái ở làng Trang Liệt⁽¹⁾ tên là Phạm Thị Chân, có chữa, bị ruồng rẫy, động lòng thương xót bèn lấy làm vợ. Khi Phạm Thị Chân sinh ra Bà Liệt, Trần Thừa không nhận. Lớn lên, Bà Liệt rất giỏi võ nghệ, xin sung vào đội quân đánh vật. Một hôm, trong keo vật, đối thủ vật ngã Liệt, bóp cổ gần nghẹt thở. Trần Thừa hét to: "Con ta đấy". Từ đó, Trần Thừa nhận Bà Liệt làm con và phong làm Hoài Đức vương.

Con trai Hoài Đức vương sinh được một con là Trần Quốc Tuấn. Trần Quốc Tuấn theo cha đi dự hội nghị Bình Than nhưng vì tuổi còn nhỏ nên không được vào dự bàn việc đại sự, mà chỉ được vua ban cho một quả cam. Trần Quốc Tuấn lấy làm tức giận và xấu hổ, tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết. Trở về, Quốc Tuấn lập ngay một đội quân gồm hơn một nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, sớm chiều

⁽¹⁾ Nay thuộc xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

luyện tập, chờ ngày giết giặc cứu nước. Trên lá cờ của đội quân do Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản chỉ huy, người ta thấy đề sáu chữ lớn *Phá cường địch, báo hoàng ân* (Phá giặc mạnh, đền ơn vua).

Quân Nguyên đang tìm cách vượt sông Như Nguyệt thì quân của Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đã đổ ra đánh. Bị đánh vào lúc qua sông, quân Nguyên bị tổn thất lớn. Tôgan sai Tanggutai cố sức cầm cự phía sau để bọn xâm lược có thể chạy thoát được.

Bị thua to ở sông Như Nguyệt, quân Tôgan hốt hoảng chạy về phía Vạn Kiếp. Vì sông Thương chặn trước mặt quân giặc phải bắc cầu phao sang sông. Đợi khi địch đang qua cầu, quân mai phục của ta do Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão bố trí sẵn từ trong rừng đổ ra đánh mạnh vào sườn chúng. Bị tập kích bất ngờ, bọn giặc rối loạn, xô đẩy lẫn nhau, làm đứt cả cầu phao. Ngoài số bị chết, số ngã xuống nước chết đuối cũng rất nhiều. Bấy giờ toán quân đi sau của Tanggutai vẫn chưa kịp sang sông, bị thương vong khá lớn. Tanggutai thoát chết.

Quân ta tiếp tục truy kích. Hậu quân của địch tan tác. Tôgan phải sai Lý Hằng đi sau coi đám hậu quân, vừa đánh vừa cầm cự rút lui. Bọn giặc mở con đường máu tháo chạy về phía biên giới Lạng Sơn. Đến Vĩnh Bình, quân phục kích của Hưng Võ vương Nghiễn và Hưng Hiếu vương Úy, con Hưng Đạo vương đổ ra đánh. Tên độc bắn như mưa. Bọn tướng giặc hoảng sợ, phải giấu Tôgan vào trong ống đồng rồi khiêng chạy. Lý Hằng bị trúng tên độc ở đầu gối bên trái. Một tên lính liều mạng công Hằng ra khỏi biên giới. Về đến châu Tư Minh thuốc độc ngấm ra Hằng chết, tỳ tướng của Hằng là Lý Quán cũng bị quân của Hưng Võ vương bắn chết.

Trong khi đó, cánh quân của Naxirút Đin cũng đang tìm đường tẩu thoát về Vân Nam. Khi qua huyện Phù Ninh, cánh quân này đã vấp phải sức chiến đấu ngoan cường và mưu trí của nhân dân dân tộc thiểu số ở đây.

Bấy giờ, quân của phụ đạo Hà Đặc đóng ở trong núi còn quân Nguyên đóng ở động Cự Đà. Hà Đặc đã lấy tre đan thành những hình người to lớn, cho mặc áo, đội chiều tối thì dẫn ra, dẫn vào. Hà Đặc lại cho dùi lỗ ở trên thân cây rồi cắm vào đó những mũi tên lớn. Trong khi bọn giặc chưa dám tiến lên vì khiếp sợ đội quân người khổng lồ có sức khỏe như thần, bắn tên lớn xuyên cây đó, thì đội quân của Hà Đặc đã hăng hái xông ra, đánh vào nơi giặc đóng. Quân giặc bỏ chạy. Trong khi truy kích địch, Hà Đặc tử trận. Em Hà Đặc là Hà Chương bị giặc bắt cũng tìm cách trốn ra tiếp tục đánh giặc.

Vào đầu tháng 7, Thượng hoàng và vua Trùng Hưng đã kéo quân từ Thanh Hoa ra. Ngày 2 tháng 7, vua Trần đánh tan bộ phận của cánh quân Xôgatu còn đóng lại ở Trường Yên. Sau đó vua Trần đem quân tiến thẳng ra Thiên Trường. Được tin Xôgatu kéo quân từ Thanh Hoa ra, hai vua Trần ghé về Long Hưng bái yết lăng mộ tổ tiên rồi tiến quân tiêu diệt địch. Ngày 24 tháng 6 quân ta do vua Trần thống lĩnh đã tấn công dữ dội vào đoàn thuyền của Xôgatu trên khúc sông Thiên Mạc. Ở bến Đại Mang tướng Nguyên là Trương Hiến đầu hàng. Ở bến Tây Kết, quân ta phá tan giặc, giết và làm bị thương rất nhiều. Xôgatu bị chém đầu. Ôma và Lưu Khuê đi thuyền nhẹ trốn thoát ra biển.

Thế là sau một tháng phản công, quân dân Đại Việt đã quét sạch bọn xâm lược khỏi bờ cõi. Ngày 4 tháng 8 năm Ất Dậu, hai vua Trần cùng triều đình và quân dân tiến vào kinh đô Thăng

Long giải phóng.

Cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt lần thứ hai của giặc Nguyên thất bại thảm hại, triều đình Nguyên lại gấp rút xúc tiến cuộc xâm lược mới.

Ngày 23 tháng 11 năm Đinh Hợi, 1287, quân Nguyên vượt qua con sông ở biên giới Lạng Sơn. Ở đây, quân ta đã chờ chúng. Nhưng sau một cuộc giao chiến với đội quân tiên phong của giặc do Abutri (A. Bát Xích) chỉ huy, quân ta rút. Ngày 27 tháng 12, đạo quân của Tôgan mới tiến đến Lộc Bình (Lạng Sơn). Đến đây, Tôgan chia quân làm hai cánh để tiến xuống, theo con đường phía Tây và phía Đông qua đất Lạng Sơn như trong cuộc chiến tranh trước. Trình Bằng Phi và Bônkhada (Bột La Hợp Đáp Nhi) đem một vạn quân Hán tiến theo con đường phía Tây, từ Vĩnh Bình đến Chi Lăng. Tôgan và Aguructri dẫn đại quân tiến theo con đường phía Đông, tức con đường từ Lộc Bình đi Biển Động.

Lần này trên đường tiến quân của giặc ở những nơi hiểm yếu, Trần Quốc Tuấn cũng bố trí những đội quân trấn giữ, nhưng số quân không lớn. Những đội quân này có nhiệm vụ đánh chặn để kìm chân giặc và tiêu hao phần nào sinh lực của chúng, sau đó giữ gìn lực lượng, rút lui, để giặc tiến qua. Vì vậy mà ở các cửa đi trên con đường tiến của đạo quân Tôgan như Nữ Nhi, Xa Lý... quân ta chỉ giữ trong thời gian ngắn rồi nhanh chóng rút đi chờ giặc tiến qua lại, trở về hoạt động ở khu vực cũ, đợi thời cơ tập kích và chuẩn bị cho cuộc phản công. Do đó mà đến ngày 30 tháng 11, đạo quân Tôgan đã tiến được đến Vạn Kiếp.

Cánh quân của Trình Bằng Phi và Bônkhada tiến theo con

đường phía Tây qua các ải Chi Lăng, Hãm Sa (Cát sọt), Tư Trúc (Tre gai). Trên con đường này, quân Nguyên đã vấp phải các cuộc chặn đánh của ta tất cả 17 lần. Ngày 27 tháng 11, cánh quân này đã tiến đến cửa Lãnh Kinh trên sông Cầu. Quân ta phòng thủ ở đây do Hưng Đức hầu Quán chỉ huy đã bắn tên độc như mưa vào quân giặc. Chúng chết rất nhiều, phải lui về đóng ở cửa Vũ Cao gần Bắc Giang.

Cánh quân Vân Nam do viên hữu thừa Arúc (Ái Lỗ) chỉ huy. Ngày 9 tháng 11, Arúc cùng với chủ vương Atai (A Thái) và Mangkhudai tiến đến cửa Mộc Hoàn ở Bạch Hạc. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đem binh thuyền chặn đánh chúng ở đây. Quân ta mất một số thuyền và tướng Trần là Lê Thạch và Hà Anh bị giặc bắt. Trần Nhật Duật lui quân. Quân Nguyên theo đường bộ tiến về Thăng Long.

Ngày 2 tháng 11, từ Khâm Châu đoàn thủy quân quân Nguyên xuất phát, Ôma và Phàn Tiếp đem một vạn tám nghìn quân. Bọn Vạn hộ thủy quân như Trương Ngọc, Lưu Khuê, Ô Vy cũng đem vài vạn quân. Đoàn thuyền lương do Trương Văn Hồ chỉ huy.

Ngày 18 tháng 12 đoàn thuyền chiến của Ôma tiến vào vùng biển Vạn Ninh của ta. Khi chúng đi qua Mũi Ngọc, tướng Trần là Nhân Đức hầu Trần Toàn đã đem thuyền đánh vào thuyền giặc ở vùng Đa Mỗ. Một số tên giặc bị chết, một số thuyền giặc bị bắt, nhưng ta vẫn không ngăn nổi đường tiến của binh thuyền Ôma. Sau đó đoàn thuyền chiến của giặc tiếp tục tiến vào vùng biển An Bang (Quảng Yên). Một lực lượng thủy quân lớn của Trần Khánh Dư tung ra chặn đánh địch ở đây nhưng sau khi giáp chiến, quân ta bị tổn thất, phải rút. Đoàn thuyền chiến của Ôma

qua được cửa An Bang, vào sông Bạch Đằng, tiến về phía Vạn Kiếp.

Trần Khánh Dư để cho thuyền chiến của giặc đi qua để chuẩn bị đánh vào thuyền lương của giặc. Quả nhiên tháng 12 năm Đinh Hợi, đoàn thuyền lương nặng nề của Trương Văn Hổ, không có thuyền chiến yểm hộ, đã chậm chạp tiến vào vùng biển Hạ Long, lọt vào trận địa của Trần Khánh Dư. Thủy quân ta đã tập kích thuyền giặc ở Vân Đồn. Trương Văn Hổ cố gắng tiến về phía đất liền nhưng đến Cửa Lục thì thuyền quân ta đổ ra đánh càng đông. Trương Văn Hổ đại bại, đổ cả lương thực xuống biển rồi trèo lên một chiếc thuyền nhỏ trốn chạy về Quỳnh Châu. Quân ta bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất đông.

Đầu tháng 12 năm Đinh Hợi, Tôgan mới bắt đầu chia quân tiến về phía Thăng Long. Abatri chỉ huy quân bộ và Ôma chỉ huy quân thủy, Phàn Tiếp đem thuyền chiến hộ vệ Tôgan tiến theo dọc sông Đuống. Quân ta đem thuyền chặn giặc ở khúc sông Đuống nối với sông Cái và mai phục ở Gia Lâm. Vấp phải quân ta, giặc bị tổn thất, nhưng sau đó ta rút, thuyền giặc tiến được đến sông Cái. Trong khi đó, bọn quân Nguyên và những tên phản bội ở lại Tư Minh cũng bắt đầu tiến vào biên giới Lạng Sơn. Bọn này có năm nghìn quân, do Tỉnh đô sự Hầu Độ, Vạn hộ Đạt và Thiên hộ Tiêu chỉ huy. Bọn phản bội thì có Lê Tắc, Nguyễn Lĩnh, Lê An và con trai của Trần Ích Tắc mới lên 9 tuổi. Chúng tiến theo con đường mà Tôgan đã đi qua.

Ngày 29 tháng 12 năm Đinh Hợi, quân Nguyên và bọn Tắc tiến vào cửa quan Bình Nội (ở khoảng Chũ). Bị quân ta chặn đánh, bọn giặc đốt phá nhà cửa của dân, bày trận quay lưng ra

sông Lục Nam để chống lại. Quân ta chiến đấu suốt một ngày đêm. Đến canh năm, quân ta phá tan trận địch. Hầu Đô cùng vài nghìn tên bỏ chạy nhưng không biết đường, bị ta tiêu diệt hết. Năm nghìn quân giặc chỉ còn sót 60 kỵ binh. Lê Tắc thuộc đường, dẫn bọn Vạn hộ Đạt, Thiên hộ Tiêu cùng mấy tên Việt gian chạy trốn. Quân ta truy kích. Lê An ôm đứa con Ích Tắc trên lưng một con ngựa yếu, tụt lại sau, suýt bị quân ta bắt sống. Tắc phải đổi ngựa cho An rồi thúc ngựa chạy bán sống bán chết. Giữa đường lại bị quân ta tập kích. Bọn chúng chạt vật hiểm nghèo, muôn phần chắc chết, ngày chạy mấy trăm dặm. Mồng một Tết năm Mậu Tý, (3-2-1288), những tên sống sót ra khỏi biên giới đặt tiệc rượu mừng thoát chết rồi lui thủ về Tư Minh.

Cũng trong những ngày giáp Tết Mậu Tý này, cánh quân Vân Nam của Arúc cũng tiến về phía Thăng Long, phối hợp với quân của Tôgan. Ngày 30 tháng 12 năm Đinh Hợi, Tôgan cho quân vượt sông Cái đánh vào Thăng Long.

Không đuổi kịp vua Trần, Tôgan lại đem quân trở về Thăng Long. Bấy giờ nguy cơ thiếu lương đã trở nên nghiêm trọng mà đoàn thuyền tải lương của Trương Văn Hổ vẫn biệt tăm. Ngày 6 tháng giêng năm Mậu Tý, binh thuyền của Ôma đi đón Trương Văn Hổ đến cửa Đại Bàng (cửa Văn Úc). Ở đây thủy quân của ta đã chặn đánh. Ôma bị thiệt hại nặng nhưng vẫn cố tiến vào vùng biển Thập Sơn. Thủy quân của ta lại chặn đánh lần nữa, đoàn thuyền Ôma chỉ cố tìm cách vượt được lên phía bắc. Nhưng đến cửa An Bang vẫn không gặp được Trương Văn Hổ, quay về đường cũ thì sợ chạm trán với thủy quân ta, Ôma đành quay thuyền theo sông Bạch Đằng về Vạn Kiếp.

Bấy giờ ở Thăng Long, Tôgan đang lâm vào tình thế khốn

quân, y liền đem quân về đóng ở Vạn Kiếp rồi đánh ra những vùng chung quanh, để cố giành lại thế chủ động. Nhưng quân Nguyên phần nhiều bị bệnh dịch, không thể tiến được, những nơi xung yếu đã chiếm được đều bị quân ta giành lại. Bọn giặc phải co lại ở Vạn Kiếp và một số đồn lũy.

Trước tình hình đó, Hùng Ninh vương Trần Tung đêm ngày suy nghĩ. Ông muốn làm sao thắng được giặc mà không phải sát thương nhiều. Không chỉ Phật tổ khuyên giới sát, mà *Kinh Dịch* cũng nói: *Thông minh duệ trí, Thần võ bất sát*; Thông minh trí sáng, thần võ không giết người. Lão Tử trong *Đạo Đức kinh* cũng nói: *Bình giả bất tường chi khí, phi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi, diêm đạm vi thương, thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân giả, bất khả dĩ đắc ư thiên hạ hỹ*: Việc binh là đồ chẳng lành, không phải là đồ của người quân tử, chẳng dùng được mà dùng đến thì diêm đạm là hơn, được mà không cho là hay, đẹp. Kẻ được mà cho là hay, đẹp ấy là kẻ vui thích giết người. Ôi, kẻ vui thích giết người thì không thể thỏa ý muốn ở thiên hạ vậy!

Trần Tung giở binh thư ra đọc, tâm đắc với lời của Tôn Tử: *Trăm trận trăm thắng không bằng không đánh mà khuất phục được quân người, đó là trước làm thế địch không thể thắng, để chờ thế của mình có thể thắng*.

Trần Tung xin lệnh vua Trần, mấy lần đến trại giặc, giả vờ hẹn ngày ra hàng, để làm địch mất cảnh giác, không đề phòng và làm tan rã tinh thần chiến đấu của chúng. Nhưng đêm đêm, những đội quân cảm tử của ta lại đánh vào trại giặc. Bị tấn công ban đêm, giặc vô cùng hoảng sợ, chỉ biết cố thủ, đợi trời sáng mới dám đánh trống kéo quân ra khỏi trại. Chúng phải dựng

thêm rào gỗ tăng thêm quân tuần tra ở các trại để đề phòng quân ta tiến đánh.

Bị quân ta tập kích liên tục, mất ăn mất ngủ, tinh thần hoảng loạn, lại thiếu lương thực và đau ốm, cuối cùng Tôgan quyết định cho quân kỵ bộ rút về phía Lạng Sơn và đoàn thuyền chiến rút ra biển theo đường sông Bạch Đằng.

Nhưng tất cả những mưu chước của kẻ thù đều không ra ngoài dự tính của Trần Quốc Tuấn. Ông biết chắc chắn rằng Tôgan không có cách gì hơn là tháo chạy, vì vậy mà trên khắp các ngã đường quân Nguyên có thể rút qua, quân ta đã được lệnh bố trí để chờ tiêu diệt địch. Việc tổ chức các trận tiêu diệt trên đường địch rút chạy đã được chuẩn bị chu đáo.

Đoán trước được rằng đạo quân thủy của địch rút về nhất định phải theo sông Bạch Đằng, Trần Quốc Tuấn đã chọn dòng sông này làm trận địa vùi chôn giặc. ~

Từ tháng 2, theo kế hoạch của Trần Quốc Tuấn, quân sĩ và nhân dân đã gỗ lim, gỗ táu ở rừng về, đẽo nhọn, đóng xuống sông làm thành những bãi cọc lớn.

Mở sáng ngày 7 tháng 3 năm Mậu Tý, đoàn thuyền của Ôma bắt đầu tiến vào sông Bạch Đằng. Bấy giờ thủy triều còn cao, che lấp các bãi cọc. Chờ lúc nước triều bắt đầu xuống, một đội thuyền của ta tiến ra khiêu chiến rồi giả vờ thua, rút chạy. Ôma liền ra lệnh đuổi theo. Nước triều xuống thấp dần. Khi đoàn thuyền địch lọt vào trận địa mai phục của ta, thì từ các ngách sông những đội thuyền nhẹ của ta lao ra, đánh tạt vào đội hình địch, dồn chúng về phía bãi cọc. Phàn Tiếp vội cho một số thuyền áp sát bờ phía Tràng Kênh, thúc quân đổ lên bờ, toan

chiếm lấy núi cao để yểm hộ cho đoàn thuyền rút. Nhưng bộ phận quân ta phục sẵn trong núi do Trần Quốc Bảo chỉ huy đã bắt chúng xuống. Quân thủy bộ của ta đổ ra mỗi lúc một đông. Ban đầu là quân Thánh Dực do tướng quân Nguyễn Khoái chỉ huy, tiếp đó hai vua Trần cũng dẫn đại quân đến.

Dưới trận mưa tên của quân ta, giặc chết rất nhiều. Máu chảy đỏ ngầu cả khúc sông. Quân ta còn lao các bó lửa vào thuyền giặc, nhiều chiếc bén lửa bốc cháy ngùn ngụt. Nước triều rút gấp, thuyền giặc Tôgan nặng, lao nhanh theo dòng nước bị vướng cọc, tan vỡ rất nhiều. Đến giờ Dậu, toàn bộ chu sư của Ôma bị tiêu diệt. Ôma bị bắt sống. Phàn Tiếp bị thương nhảy xuống sông, quân ta lấy câu liêm móc lên. Nhiều tướng khác bị bắt như viên đại quý tộc Siécki (Tích Lệ Cơ) và viên quan giữ văn thư đi theo Ôma là Lý Thiên Hựu. Nhiều tên tướng khác tử trận, trong số đó có Vạn hộ thủy quân Trương Ngọc. Thủy quân giặc bị giết, chết đuối và bị bắt vô số. Quân ta thu được hơn bốn trăm thuyền của địch.

Ngày 6 tháng 3, từ Vạn Kiếp, Tôgan cho quân rút theo hướng Lạng Sơn tới căn cứ Nham Biền thì bị quân ta chặn đánh dữ dội. Căn cứ đó ở vùng đất cuối dãy Nham Biền, nơi nằm kẹp giữa sông Thương và sông Lục Nam, có rừng cây rậm rạp che phủ kín đáo. Suốt mấy năm trời, hàng trăm con voi to khỏe được lựa chọn đưa về căn cứ cho đội tượng binh của Trần Hưng Đạo huấn luyện. Để nuôi đàn voi chiến, nhân dân quanh vùng đã không tiếc công, tiếc của chặt mía, chuối đến ủng hộ quân đội. Cùng với thức ăn cho voi, nhân dân còn góp hàng vạn thạch thóc, được sàng sảy kỹ càng, mang đến chứa đầy các kho nuôi quân và trữ lương để đánh giặc. Thấy bọn giặc đói khát kéo về Vạn Kiếp,

quân ta với hàng trăm voi chiến được huấn luyện kỹ càng liên tục tấn công vào trại giặc khiến chúng ăn không ngon ngủ không yên, cuối cùng phải rút chạy.

Trần Quốc Toản được lệnh trấn giữ ở đây. Thôn Bình Voi và Ao Gạo còn đánh dấu những ngày xây dựng căn cứ. Trên dãy Nham Biền còn có một vết đá lõm tựa hình bàn chân người, dân chúng đồn rằng đó là dấu chân Hưng Đạo vương lên núi điểm binh còn để lại. Và còn biết bao nhiêu địa danh khác như Kéo Thuyền, Bãi Thụt... ghi nhận sự đóng góp của nhân dân đối với quân đội.

Khi giặc chạy tới bờ sông Cầu, thấy đội quân mang lá cờ thêu sáu chữ vàng ào ạt đuổi tới, bèn chống trả kịch liệt để cho đại quân rút qua sông. Trần Quốc Toản chẳng may trúng tên giặc, anh dũng hy sinh. Trước khi nhắm mắt, chàng nhìn về dãy núi Nham Biền xanh đậm sừng sững, uốn lượn với dãy núi Chân Voi hùng vĩ, gợi nhớ dáng con voi của Hưng Đạo vương thụt lầy ở sông Hóa với lời thề danh thép của Người: "Nếu không thắng giặc thì không về qua khúc sông này nữa". Trần Quốc Toản thấy mình đã giữ vẹn được lời thề, chàng yên lòng khép mắt.

Ngày 9 tháng 3, Tôgan dẫn quân chạy rút đến cửa Bình Nội, ở đây giặc lại lọt vào trận địa phục kích của quân ta, do Phạm Ngũ Lão bố trí sẵn. Tôgan phải sai Vạn hộ Lưu Thế Anh và Vạn hộ Đaratrì (Đáp Lạt Xích) liều chết mở đường máu mới thoát được. Nhưng quân ta vẫn tiếp tục truy kích. Tôgan lại phải sai Vạn hộ Trương Quân chỉ huy ba nghìn quân tinh nhuệ nhất đi phía sau bảo vệ đường rút lui của chúng, Trương Quân bị Phạm Ngũ Lão chém chết. Vừa ra khỏi cửa Nội Bình, chưa kịp hoàn hồn, Tôgan lại được tin trên hơn trăm dặm đường đến biên giới,

hàng vạn quân Đại Việt đã đóng giữ.

Giặc Nguyên chạy đến ải Xa Lý không thấy đại quân ta đuổi theo, chúng tạm dừng lấy sức, chỉnh đốn đội ngũ trở về nước.

Giặc dừng bên sông đóng trại nghỉ. Nhưng khi màn đêm phủ lên làng xóm và trại giặc, đội dân binh của Vũ Thành từ khắp các ngả tấn công vào trại của chúng. Trận chiến đấu kéo dài suốt đêm, tới canh năm thì trại giặc bị phá tan. Một bộ phận lớn quân địch bị tiêu diệt, số còn lại tìm đường chạy thoát. Nhưng trong trận tấn công vào trại giặc, Vũ Thành bị trọng thương. Vết thương ra máu ngày một nhiều, Vũ Thành gắng chịu đựng. Khi mặt trời lên, người tướng già mưu lược và dũng cảm ấy mỉm cười và nhắn nhủ với nghĩa binh cùng dân làng: “Ta chết nhưng hồn ta vẫn còn mãi với non sông!”. Nói xong, ông qua đời.

Ở các cửa Nữ Nhi và Khâu Cấp, các hố sâu đã được đào sẵn dọc đường để bẫy ngựa của giặc.

Tôgan hoảng sợ vội dẫn quân vòng theo đường huyện Đan Ba (Đình Lập, Lạng Sơn) để đi tắt ra biên giới. Quân ta chặn đánh từ trên núi cao bắn tên độc xuống. Quân Nguyên đã thiếu ăn lại mệt vì chiến đấu, tướng tá nhìn nhau thất sắc. Chúng phải buộc vết thương lại mà đánh. Abatri trúng ba mũi tên độc, đầu cổ đều sưng lên rồi chết. Mãi đến ngày 17 tháng 3 năm Mậu Tý, đám tàn quân Tôgan mới về đến Tư Minh.

Hùng Đạo Vương ngồi trên tướng đài. Các tướng đều mang thủ cấp và tù binh mình bắt được đến dâng để lấy công. Phạm Ngũ lão dâng thủ cấp Trương Quân được phong Quản quân Thánh Dực; Nguyễn Khoái dâng nộp Ôma, Siếcki, Phần Tiếp được phong tước hầu; các tướng khác cũng được ban thưởng theo

công trạng. Hưng Đạo Vương sai dẫn bọn tù binh về Long Hưng để hai vua Trần làm lễ hiến phù ở Chiêu lăng. Đến lượt Hưng Ninh vương Trần Tung chỉ đi tay không. Ông thưa:

- Bẩm Tiết chế, tiểu tướng không tự tay bắt được tù binh, xin Tiết chế tha thứ cho.

Hưng Đạo vương nói:

- Thông thường trí tướng còn quý hơn dũng tướng. Vương bày mưu hẹn ngày xin hàng để làm kiêu lòng giặc, chúng không đề phòng nên bị quân ta bất ngờ tập kích, còn vượt hơn việc chém tướng, bắt tù ngoài trận địa. Ta đã tâu xin phong cho Vương làm Tiết độ sứ Thái Bình rồi.

Trần Tung nói:

- Phần thưởng cao nhất đối với tiểu tướng là đất nước thanh bình, lại được trở về ấp Tĩnh Bang tu thiền. Ma vương trên cõi thế đã trừ xong, lưỡi gươm vàng rút ra khỏi vỏ đã có thể đóng lại.

Gió vẫn thổi lồng lộng, trong tiếng gió như vang vọng lời thơ hào hùng của Chiêu Minh vương Trần Quang Khải: *"Thái bình tu trí lực. Vạn cổ thử giang san"*: Thái bình nên gắng sức. Muôn thuở núi sông này!

TỪ NGƯỜI ĐAN SỢT LÀNG PHÙ ỦNG

Phạm Ngũ Lão cưỡi trâu, chỉ đóng một cái khố, ngồi xếp bằng tròn ở giữa đường cái quan vót nan đan sọt. Từ ngày cha chàng mất, chàng phải nghỉ học, ở nhà đan sọt bán lấy tiền để nuôi mẹ. Tuy không được đến trường, nhưng vì đã qua lớp tiểu tập nên chỉ cần mượn sách của bạn bè về nhà, chàng đã có thể tự học được. Buổi tối, chàng thắp đèn lên đọc sách, vốn sáng dạ nên chẳng bao lâu chàng đã đọc khắp kinh sử và tập làm thơ phú. Vừa học văn chương, chàng lại học võ nghệ và đọc các sách về binh thư đồ trận.

Đêm qua, chàng đọc đến thiên “Hư thực” trong *Tôn Võ tử binh pháp*, thấy có một câu hơi tối nghĩa, nên hôm nay nhân lúc đan sọt, chàng để tâm suy nghĩ về câu ấy: *Ta đi xa ngàn dặm mà không mệt, là vì đi trên đất không người*. Nếu đi xa ngàn dặm mà lại vào chỗ đất không người thì gạo, nước, củi, lửa cũng như đồ ăn biết kiếm vào đâu? Chỗ đất không người ở chắc toàn là bãi cát nóng bỏng hay cánh đồng lạnh giá, kiếm đâu ra cỏ cho ngựa ăn, người đi hàng ngàn dặm làm sao đủ sức. A! Thôi phải rồi, chắc câu này chỉ có ý nói: ta đem quân đi tuy xa, nhưng toàn đi qua những đất địch không trấn giữ nên không mệt, chẳng hạn như việc Đặng Ngải đời Tam Quốc, đem quân vượt núi vào Thành đô nước Thục... Nhưng còn câu: *Vì vậy, chiến thắng lần sau không giống chiến thắng lần trước, ứng theo quân hình của địch mà chiến thắng*, là ý như thế nào?

Bỗng từ phía trước có tiếng quát:

- Tránh ra! Tránh ra... cho xe Vương gia ngài trẩy!

Một toán lính nón dẫu, áo nẹp, cầm giáo đi dẹp đường tiến ra. Thấy một chàng trai ngồi ngay giữa đường cản lối, một người lính quát:

- Giãn ra bên đường, nhường bước cho quan quân đi qua!

Phạm Ngũ Lão đang mãi nghĩ suy dường như không nghe thấy.

Lại một người lính quát:

- Đứng dậy, mau!

Phạm Ngũ Lão vẫn ngồi im không cự cậy. Người lính lấy ngọn giáo đâm vào đùi, máu chảy đầm đìa, chàng vẫn ngồi yên như cũ.

Bỗng xe của Hưng Đạo Vương, sơn son, dát vàng, màn cửa vông bằng bạc rủ bốn phía, quạt lông trĩ che hai bên, lọng tía giương trên cao, cờ các sắc phấp phới, vừa đi tới. Hưng Đạo Vương vén màn cửa vông ra, lấy làm lạ hỏi:

- Tại sao người lại không tránh đường cho ta đi qua?

Phạm Ngũ Lão thưa rằng:

- Bẩm Vương gia, tôi đương mãi nghĩ một việc nên không để ý đến.

Hưng Đạo Vương càng lạ. Hỏi đến học hành thì kinh truyện, thao lược, chàng ứng đáp đâu ra đấy. Vương lấy làm khen ngợi,

sai lấy thuốc rịt vào chỗ bị đâm, cởi áo ngoài khoác lên mình chàng, rồi cho lên một cái xe sau đem về.

Hưng Đạo Vương từ Vạn Kiếp về đến kinh đô, hôm sau họp các vệ sĩ lại nói rằng mình sẽ tiến Phạm Ngũ Lão lên triều đình, cho làm Quản lĩnh quân Cấm vệ.

Các vệ sĩ không phục, lúc ra lại xì xào bàn tán với nhau:

- Cái anh chàng cha căng chú kiết ở đâu mà lại đòi cầm đầu mình à?

- Thà là các tướng như Nguyễn Địa Lô, Cao Mang hay Đại Hành cai quản chúng mình đã đi một nhẽ, đằng này một anh đồ nhà quê chưa quen trận mạc, gặp giặc thì són ra quần à?

- Nếu chỉ cần có gan chịu đâm mà được làm tướng thì khối người chịu được. Đến phải hoạn để được làm quan thì cũng có kẻ bằng lòng cơ mà...- Rồi anh ta bắt chước giọng ỏn ẻn của quan hoạn – Dạ, dạ... con bị thiếu sót ạ...

Mọi người phá lên cười.

Giữa lúc ấy Phạm Ngũ Lão vừa đi qua, vì chàng được Hưng Đạo Vương giữ lại để hỏi về gia thế nên ra muộn. Chợt nghe thấy lời chế giễu của đám vệ sĩ, chàng vẫn điềm nhiên mặt không có sắc giận.

Trông thấy chàng, một vệ sĩ to như ông hộ pháp, cởi trần lộ những hình xăm hoa văn như trên trống đồng, vờ cung kính chấp tay:

- Kính chào quan Quản Cấm vệ, xin ngài làm ơn đọc cho

chúng tôi nghe mấy câu sách nho nữa, như hôm qua...

Một vệ sĩ khác đầu trọc lóc, cười khẩy:

- Dạ, mấy hôm nữa quan Quản Cấm vệ cũng phải dạy chúng tôi học chữ nho, để hễ có giặc đến chúng tôi chỉ cần ê a *chi hồ giả dã*⁽¹⁾ là giặc hết hồn phải bỏ chạy...

Lại một vệ sĩ khác góp lời:

- Ấy không, ngài phải dạy chúng tôi học cái gan chịu đòn, cứ giơ đũa ra cho giặc đâm là nó phải sợ.

Cả bọn lại cười ngặt nghẽo, đầy vẻ chế nhạo.

Bỗng một tướng trẻ vừa đi tới, quát to:

- Các người không được vô lễ xúc phạm đến tráng sĩ! Bước ngay!

Tiếng quát rất thanh nhưng lại có oai, nên vừa nghe thấy các vệ sĩ đã vội chấp tay xá dài rồi lui bước.

Phạm Ngũ Lão thấy viên tướng ấy rất đẹp trai, da trắng như gà bóc, má hồng như hoa đào. Chàng thầm nghĩ chỉ người ở trong cung cấm mới có nước da trắng như thế. Viên tướng trông xinh đẹp như con gái nhưng dáng đi lại mạnh mẽ, không lả lướt chút nào. Đôi mắt tình tứ nhưng không kém phần sắc sảo. Viên tướng nói với Ngũ Lão:

- Tráng sĩ đừng chấp gì lũ măng phu ấy.

⁽¹⁾ Những tiếng trợ từ trong văn ngôn thời xưa.

Ngũ Lão vội nói:

- Không, không sao, tướng quân chớ bận lòng. Chỉ vì tôi chưa có tài lực cho họ nhìn thấy, nên họ bất phục, đó cũng là lẽ thường tình.

- Tôi nghe nói tráng sĩ là người có tài thao lược, nhưng chẳng hay võ nghệ thế nào?

- Thuở nhỏ tôi rất chăm luyện võ, thập bát ban võ nghệ đều học qua cả. Nhưng sau tôi nghĩ, có cái dũng của kẻ thất phu chỉ đánh được một trăm người, cần phải học cái đạo địch nổi vạn người. Thế nên tôi tạm ngừng luyện võ mà đọc các sách binh thư và kinh truyện, để biết cách điều binh khiển tướng. Cũng vì lâu không tập luyện, nên gân sức cũng không được mềm dẻo nhu trước. Giờ tôi chỉ muốn được về quê ôn lại một đạo để lên tể thí với các vệ sĩ. Nếu thắng mới dám nhận chức. Nhưng không biết làm cách nào mà xin về được.

Viên tướng ngẫm nghĩ một lúc:

- Cùng con nhà võ, tôi rất hiểu tráng sĩ. Tôi thường được hầu cận vương gia, tôi sẽ nói với Người cho về mà ôn luyện. Tráng sĩ cứ nói là muốn xin về thu xếp việc nhà, vì hôm qua đi gấp quá chưa kịp từ biệt mẹ già. Vương gia vốn là người rất trọng đạo hiếu, thế nào cũng để cho tráng sĩ về.

- Vâng, được thế thì còn gì bằng, xin đội ơn tướng quân.

Viên tướng cười, hóm hỉnh:

- Nhưng hết ba tháng thì phải lên, không có tôi mất đầu vì tội bảo lãnh thay đấy.

Ngũ Lão cũng cười. Đôi mắt viên tướng ánh lên những tia sắc như lưỡi kiếm đầy thách thức, nhưng nụ cười lại rất tươi, rất hiền.

Viên tướng trẻ đã giữ lời hứa.

Từ hôm được phép về quê, hôm nào Ngũ Lão cũng tập luyện. Bao nhiêu cối đá trong xóm, chàng đều mượn về tập từ cái nhỏ đến cái thật lớn. Chàng thọc hai tay vào hai cái cối đá lỗ rồi đi mấy vòng quanh sân đến nỗi sân đất lún sâu xuống mấy tấc. Lúc đầu muốn dứt hơi nhưng chàng vẫn cố lên gân đi hết vòng sân.

Sau đó, chàng tập chạy, bất thành lĩnh quay lại giơ thẳng năm ngón tay phải ra xĩa vào cây chuối. Cả một vườn chuối, cây nào cũng thùng suốt bên nọ sang bên kia.

Xong, chàng lấy quả ổi đặt lên đầu thẳng bù nhìn, đứng cách xa ngoài trăm bước, bắn tin quả ổi như chơi. Lại đan cái rọ tròn to miệng nhỏ như hình cái lọ, nhờ một người cầm ngang tay đưa chĩa cái rọ ra ngoài, đứng xa vài mươi thước, chàng bắn vào giữa rọ, mũi tên chui qua lọt ra đằng miệng như bõn.

Các môn côn quyền, kiếm kích, đao thương, khiên mộc cũng được chàng ôn luyện lại một lượt.

Chàng lại chọn một cái gò ở cạnh nhà, ra đó tập nhảy. Chàng đứng tấn lấy đà, đập tay vào đùi một cái rồi nhún người nhảy vọt lên gò. Rồi lại từ trên đó, tung bắn người lên không, để cho rơi là là xuống chân gò. Mỗi ngày chàng nhảy một cao hơn, sau đó không cần lấy đà vẫn có thể vọt người lên, rồi từ từ hạ xuống đỉnh gò, nhẹ như một chiếc lá rơi.

Bống Ngũ Lão đứng vụt dậy, khum tay che nắng. Có bóng áo thâm nhòe trong nắng, nhấp nhô trên con đường ruộng quanh co. Bà mẹ đã tới, tay xách một giỏ cơm. Ngũ Lão chạy ra đón mẹ, nhớ lại ngày càng mình cũng đón mẹ về chợ như thế, chàng cảm động:

- Con định về hầu hạ mẹ, thì ngược lại mẹ lại phải chăm sóc con...

Bà mẹ cười, nét cười móm mém hiền hậu:

- Mẹ chỉ sợ không còn sống mãi để được đỡ dần con thôi. Con cứ chịu khó tập luyện cho giỏi, hễ đánh đuổi được giặc Thát đi là mẹ thấy khỏe rồi...

- Mẹ ạ, chỉ vài ngày nữa là con phải trở lại kinh đô, xa mẹ, xa xóm làng. Lên đến nơi có khi con phải đi đánh giặc ngay, không thể rước mẹ lên kinh được. Mẹ ở nhà, nhớ có...

- Con cứ yên tâm mà đi, mẹ ở nhà còn có bà con xóm làng giúp nhau khi tối lửa tắt đèn, con khỏi lo...

Phạm Ngũ Lão những muốn gục đầu vào lòng mẹ như thuở bé. Đã trở thành một lực sĩ mà bên mẹ, chàng vẫn cảm thấy mình còn là một đứa trẻ nhỏ, như ngày nào mãi chơi chọi cỏ gà về muộn, bị mẹ mắng vì sợ con dãi nắng nhức đầu. Nhưng cuộc chọi với các vệ sĩ sắp tới, nhất là cuộc chọi với lũ giặc Thát, có thể nguy hiểm đến tính mạng thì bà mẹ lại khuyến khích con. Phạm Ngũ Lão biết mẹ rất quan tâm săn sóc mình, nhiều đêm bà còn lúi húi trở dậy, nấu một nồi cháo đỗ xanh để con ăn cho lại sức, hay cả ngày tha thân đi kiếm nghề, kiếm lá, về già ra bóp cho con vì sợ con tập luyện quá sức bị sai khớp bong gân...

Chỉ cần một tình mẹ như thế, Ngũ Lão đã thấy thừa sức thắng mọi đấu thủ trên đời này rồi.

Giáo trường được thiết lập trên bãi Giảng Võ. Tòa lầu cao, chính giữa một chiếc ghế phủ da hổ. Hưng Đạo Vương ngồi, hai bên Yết Kiêu, Dã Tượng đứng hầu nghiêm trang như hai pho tượng. Bên ngoài, các gia tướng như Cao Mang, Đại Hành, Nguyễn Địa Lô... người nào cũng hung phục tề chỉnh.

Những lá cờ vàng, đen, xanh, đỏ giữa bốn góc vẽ hình ngôi sao thiên thần hay quỷ dữ bay phấp phật, vờn vờn như mây rắng trên nền trời sắp sửa kéo giông.

Dưới giáo trường, các vệ sĩ đứng bên trái, còn Ngũ Lão đứng bên phải chờ lệnh.

Hưng Đạo Vương cất tiếng truyền, giọng sang sảng:

- Thế lời xin của Phạm Ngũ Lão, nay ta cho lập giáo trường để Ngũ Lão cùng các vệ sĩ tỉ thí. Nếu Ngũ Lão mà thắng, ta sẽ tâu lên Quan gia⁽¹⁾ phong chức Quản lĩnh Cấm vệ quân. Đôi bên đều phải gắng sức, chớ phụ lòng ta.

Tiếng dạ ran, tiếp đến tiếng trống da trăn nổi lên hùng dũng. Ngũ Lão bước ra, đầu bịt khăn lụa xanh thẫm, đằng trước cao, gập xuống đến cổ, lấy dải buộc túm lại phía sau, đỉnh khăn móc bằng sắt, áo chên đen. Chàng chấp tay xá dài một cái. Đằng kia, một vệ sĩ to như hộ pháp, chính là người cười nhạo chàng bữa trước, lúc này y nhìn Ngũ Lão đầy vẻ khinh khi, thách thức.

Hai người bái tổ, xuống tấn vó ngựa rồi bắt đầu đấu quyền.

⁽¹⁾ Tiếng gọi vua đời Trần.

Vệ sĩ nọ đánh trước, dáng mạnh như ngựa rừng hất bồm. Ngũ Lão né người tránh, chân nọ tay kia kịp biến ảo khiến vệ sĩ đánh hụt. Vệ sĩ lại giơ cao tay, đánh như dáng hạc trắng xòe cánh. Lần này, Ngũ Lão cũng không đánh lại, chỉ đỡ một cách chậm chạp, chân tay trông ngẫu nhiên như người mới tập đánh quyền. Nhưng Hưng Đạo Vương tinh mắt, biết chàng vừa đánh vừa dò xét xem đối thủ có những miếng gì lợi hại. Vệ sĩ không biết, tưởng chàng ngờ nghệch liền xông tới đánh sát, như dáng nắm đuôi chim sẻ. Ngũ Lão bèn dùng quả đấm như gọng kìm giáng xuống. Hưng Đạo Vương đã tưởng quả đấm này trúng giáp mặt vệ sĩ, nhưng Ngũ Lão chỉ dùng một phần sức rồi rút tay lại, tuy vậy vệ sĩ mất đà vẫn loạn choạng ngã chúi xuống.

Tiếp theo hai vệ sĩ nữa nhảy vào, người dùng miếng *vạn cổ ngựa*, người dùng miếng *đáy biển mò kim* đánh tới. Ngũ Lão ung dung dùng miếng *gái đẹp đưa thoi* đánh lại. Hai người xoay mình đấm đánh lia lịa như đèn cù. Ngũ Lão chỉ khẽ chặn đui một người rồi khoèo chân người kia, cả hai cùng ngã sóng soài trên mặt đất.

Rồi hàng mấy chục người cùng xông vào đánh. Ngũ Lão tay đấm chân đá nhanh như chớp, chỉ nghe thấy hơi gió đồn dập. Thấy thế núng, cả bọn hè nhau xông vào, lần này thì loạn xạ không ra bộ pháp gì nữa. Ngũ Lão phải dùng môn xà quyền mà luồn nhanh như rắn để tránh đòn. Hưng Đạo Vương để ý thấy nhiều lúc có thể dùng miếng hiểm như lên gối hay đá lên mặt đối thủ, nhưng Ngũ Lão đều nường tay, hình như chỉ cốt đấu để cho vệ sĩ phục tài thôi. Chàng cứ nhảy nhót như bay, hàng mấy trăm vệ sĩ xông vào đánh một mình chàng không nổi.

Các vệ sĩ đều quỳ xuống xin chịu phục. Hưng Đạo Vương đã

định thưởng vàng lụa cho Ngũ Lão thì bỗng Nguyễn Địa Lô chạy đến trước mặt kêu to lên rằng:

- Tráng sĩ kia tuy có tài thật, nhưng nếu ban chức lớn e chưa xứng đáng, xin để tiểu tướng này đấu thương với tráng sĩ cho rõ tài cao thấp đã.

Hưng Đạo Vương khoan thai:

- Được, nhưng đây là người nhà cả, không nên dùng vật nhọn, e nguy hiểm đến tính mạng. Ta cho hai người đấu côn nhưng đấu côn bôi vôi, hễ ai quần áo có nhiều dấu vôi thì kể như người đó thua cuộc.

Hai người cùng vâng lệnh, nhận côn rồi xông vào giao đấu. Nguyễn Địa Lô bước lên đánh trước, thế như nước cuộn. Phạm Ngũ Lão đỡ trái gạt phải, người xoay tít như bánh xe lăn. Nguyễn Địa Lô gạt và đánh trả lại rồi đỡ thấp che ngang mày như cánh phượng. Ngũ Lão đánh phải đánh trái đỡ trước rồi bước lùi lại phía sau như cá lượn. Nguyễn Địa Lô nhảy che thân, bước lên đánh trên, luồn dưới như con rồng tranh châu. Nhưng Ngũ Lão cũng không chịu thua, trước đây ở hội làng chàng thường chơi trò vật cầu nên rất nhanh nhẹn, bước lên đánh liên hồi nhanh như cắt. Cát bụi bay mù mịt khiến mọi người trên giáo trường không nhìn thấy gì, đến khi hết hiệp, hai người lui ra, quần áo Nguyễn Địa Lô đầy những vết vôi mà Ngũ Lão chỉ có vài vết.

Giữa lúc ấy viên tướng trẻ không biết từ đâu nhảy vụt xuống giáo trường, kêu to:

- Tráng sĩ có dám thi đấu kiếm với ta không?

Ngũ Lão nhìn thấy viên tướng trẻ thì chấp tay xá:

- Tôi đâu dám mạo muội thất lễ trước ân nhân, xin người thứ cho.

Viên tướng trẻ lắc đầu:

- Ta muốn tráng sĩ đền ơn ta bằng cách thử sức với ta đó.

Hưng Đạo Vương cười, cho phép thi đấu nhưng bắt phải lấy giẻ cuộn vào đầu mũi kiếm để tránh sát thương.

Thật là một đôi kỳ phùng địch thủ. Bắt đầu viên tướng trẻ vịn ngựa lưỡi kiếm lên rồi phóng tới. Ngũ Lão ngồi thụp xuống, mũi kiếm chúc xuống đất quay một vòng tròn rồi chém ngang tới theo thế *chém rấn*. Viên tướng trẻ dùng thế *ngồi trên núi*, chém từ phải sang trái, Ngũ Lão cũng dùng thế *chém cây* nhảy lên vung kiếm từ trên chém xuống. Viên tướng trẻ lại dùng thế *phá động* đứng đỉnh tấn chúc mũi kiếm xuống gạt qua sau lưng một vòng rồi chém thẳng... Đường kiếm lấp loáng như bay, người đứng xem chỉ thấy những tia sáng vun vút bao bọc chung quanh mà không trông thấy người đâu cả. Tuy vậy, Hưng Đạo Vương với đôi mắt sáng như sao, lại rất tinh thông kiếm thuật nên vẫn theo dõi được cuộc giao đấu hết sức tỉ mỉ. Vương nhận thấy Ngũ Lão như vừa đánh, vừa ngẫm nghĩ. Đường kiếm đầy suy tư chứng tỏ một con người thâm trầm cương nghị. Hình như, chàng cốt đánh kéo dài để cho đối thủ của mình phải mệt. Còn viên tướng trẻ thì bỗng bột muốn thắng ngay. Vương đoán chàng ta sắp thua đến nơi.

Quả nhiên, Phạm Ngũ Lão dùng miếng đâm dứ vào mặt nhưng lại ngồi thấp xuống chém *quét chợ*. Viên tướng trẻ vội giơ

gươm đỡ trước mặt, bị Ngũ Lão thừa lúc sơ hở hất bằng kiếm đi, đà mạnh quá làm cho tấm khăn bịt đầu của viên tướng trẻ tung xổ ra một mớ tóc thật là dài. Phạm Ngũ Lão kinh ngạc thu gươm lại, trong khi viên tướng kia then đở bưng mặt.

Thì ra viên tướng trẻ là Nguyên Quận chúa, con gái nuôi Hưng Đạo Vương cải trang để tiện luyện võ. Vương ban khen Ngũ Lão rồi quay sang Nguyên Quận chúa:

- Bây giờ ta mới hiểu vì sao con cứ đòi cho tráng sĩ về quê thu xếp công việc. Thì ra, cả con cũng muốn tĩ thí với tráng sĩ - Ông lắm bả - Thật đúng là tuổi trẻ!

Những lá cờ đuôi nheo phới phới trước gió nhẹ. Lòng Ngũ Lão cũng phới phới như lá cờ được gió mơn man. Cả chức Quản lĩnh Cẩm vệ quân, cả bao nhiêu vàng lụa mà Hưng Đạo Vương ban cho chàng cũng không coi trọng bằng cặp mắt xanh của Nguyên Quận chúa.

Hưng Đạo Vương nhìn thấy Ngũ Lão đưa mắt liếc nhanh Nguyên Quận chúa, trong khi cô gái đã mất vẻ hùng dũng lúc nãy, e then quay đi. Ông mỉm cười nhắc lại: - Thật đúng là tuổi trẻ!

Khi quân Nguyên Mông kéo sang đánh nước ta, Trần Nhân Tông phong Phạm Ngũ Lão làm Hữu kim ngô Đại tướng quân, cử ra trận đánh giặc. Trước khi lên đường, Hưng Đạo Vương nói:

- Theo ý tướng quân thì người làm tướng cần chú trọng đến điều gì trước hết?

Ngũ Lão nói:

- Bẩm Quốc công Tiết chế, tiểu tướng trộm nghĩ, người làm tướng trước hết phải biết đối đãi với quân sĩ như cha con, chia buồn sẻ ngọt với họ, cùng họ xông pha vào nơi nguy hiểm, giữ đúng hiệu lệnh, thưởng phạt nghiêm minh, có như vậy họ mới dám liều chết vì mình, người cầm quân *phụ tử chi binh*⁽¹⁾ ắt đánh đâu thắng đó. Thái Công Vọng đã dạy: “Nếu phạt một người mà làm cho ba quân chấn động biết sợ phép thì phải phạt. Thưởng một người mà làm cho ba quân vui vẻ thì phải thưởng. Phạt quý ở chỗ phạt những người cao cấp, thưởng quý ở chỗ thưởng cho những người nhỏ thấp”. Thái Công còn khuyên: “Làm tướng thời mùa đông không được mặc áo cừu, mùa hạ không được cầm quạt, mưa không được che lọng. Khi ba quân lập xong doanh trại rồi, tướng mới vào lều của mình, cơm đã nấu chín đều rồi, tướng mới cầm đũa. Ba quân không đốt lửa, tướng cũng không đốt lửa”.

Hưng Đạo Vương khen:

- Chỉ một lời ấy thôi đủ chứng tỏ tướng quân quả biết cách làm tướng. Nhưng còn phép dùng binh thì tướng quân sở trường về phép gì?

- Bẩm Quốc công Tiết chế, nước ta sẵn nhiều voi, tiểu tướng thấy ta nên dùng tượng binh để cản giặc. Tiểu tướng có huấn luyện được một đàn voi chiến, huấn luyện chúng có kỷ luật, biết tiến lui theo hiệu lệnh. Voi to khỏe, nặng nề, có thể cản đường kỵ binh của giặc, khi tiến lên có thể dày xéo lên chúng khiến đội hình chúng tan vỡ, lại có thể chuyên chở được nhiều quân sĩ, khí giới, lương thảo trên mình nó...

⁽¹⁾ Đội quân tượng sĩ đối với nhau như cha con.

Hưng Đạo Vương vỗ vai Ngũ Lão:

- Tướng quân quả là bậc kỳ tài trong túp lều tranh, nếu không do duyên kỳ ngộ giữa đường thì có bao giờ ta gặp được.

Ngũ Lão nói:

- Bẩm, tiểu tướng biết con đường đó là đường từ Vạn Kiếp về kinh nên chủ tâm ra ngòi đó để đón đợi Người.

Hưng Đạo Vương kinh ngạc kêu lên:

- Ủa, nếu vậy thì tướng quân quả là mưu trí, nghĩ đến cách mai phục đón đường ta. Thảo nào con gái ta cứ khen ngợi tướng quân là trí dũng song toàn.

Trên đường hành quân đi đánh giặc, Ngũ Lão ngồi trên mình ngựa, cầm ngang ngọn giáo ngâm một bài thơ:

Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu.

Nam nhi vị liễu công danh trái,

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu⁽¹⁾

⁽¹⁾ Dịch:

Ngang giáo non sông trải mấy thu.

Ba quân tỳ hổ nuốt sao Ngưu

Nam nhi nếu để còn vương nợ.

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

(Vũ hầu tức Gia Cát Lượng)

Đoàn quân đang rầm rộ tiến bước đều mồm cười hướng về phía vị chủ tướng thân yêu của họ. Lúc này nom tướng quân có phong độ của một nhà thơ ung dung phóng khoáng...

NGƯỜI LÍNH GIÀ CHẶN NGỰA

Ngày 18 tháng tư năm Mậu Tý⁽¹⁾, dân chúng phủ Long Hưng⁽²⁾ nô nức chờ đón đoàn quân vừa chiến thắng ở Bạch Đằng trở về.

Lát sau thấy bụi mù một góc trời, rồi một đoàn kỵ sĩ oai nghiêm trên lưng ngựa hiện ra như những thiên thần từ trên trời xuống. Đến trước lãng Trần Thái Tông, họ nhanh nhẹn nhảy xuống ngựa rồi đứng dàn hàng túc trực phía ngoài. Tiếp đến một đoàn bộ binh cỡi trần, xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và ở vế đùi, đóng khố, mang giáo, mác, hay những lá cờ màu vàng, đen, xanh, đỏ, bốn góc có vẽ hình ngôi sao, thiên thần và quỷ dữ. Một chiếc trống đồng được đặt trên một cỗ xe ngựa, bên cạnh có những nhạc công đeo trống bịt da trăn trước ngựa, vừa đi vừa đánh từng hồi nhịp nhàng.

Rồi đến một đoàn võng của các quan. Võng cánh dùng một mảnh vải dài hơn một trượng⁽³⁾, lấy hai gióng gỗ tròn dài 5 tấc, treo hai đầu tấm vải vào hai gióng gỗ nhờ một sợi dây thừng, rồi lại lấy một đòn tre to xỏ qua hai dây thừng ấy, hai người khiêng hai đầu đòn. Đến đoàn cáng của các đại thần, cáng bằng gấm lụa, đòn khiêng sơn đen, trên có mui bằng giấy phết đen, cao chừng 4 thước, giữa cong lên hai bên xoắn ra, mỗi bên cũng rộng

⁽¹⁾ Năm 1288.

⁽²⁾ Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

⁽³⁾ Thước ta khoảng 33cm. 1 trượng là 10 thước ta.

chừng 4 thước. Lúc này mũi được hạ xuống, một đoàn lính xúm xít cầm lọng che cho các quan, người trong hoàng tộc đi lọng tía, khanh tướng đi lọng xanh, số lọng tùy theo phẩm trật.

Cuối cùng là đạo ngự, Thượng hoàng Thánh Tông và Nhân Tông ngồi kiệu hồng, tán đỏ, tám người khiêng; hộ giá là Tiết chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Thượng tướng Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, ngồi trên bành voi, cổ voi kết mấy chục cái chuông nhạc, khi đi nghe loong coong rất vui tai. Tới trước cửa lăng, hai người xuống voi.

Khói trầm ngào ngạt tỏa ra từ đỉnh đồng đặt trước lăng. Đợi hai vua Trần đứng vào chiếu chính vị, Hưng Đạo Vương truyền giải hai tên tù binh Ôma, Siécky và nhiều viên tướng khác vào làm lễ hiến tiếp trước lăng Thái Tông. Một hồi trống đồng nổi lên hùng dũng, chỉ mới nghe thấy âm thanh trống đồng, lũ bại tướng đã mặt mày xanh xám cắt không còn hột máu.

Lễ tế vừa xong, hai vua Trần đi thăm toàn cảnh khu lăng. Nhìn thấy tượng ngựa đá lấm bùn bên lăng mộ vị anh hùng của cuộc kháng chiến lần thứ nhất, Trần Nhân Tông xúc động nói:

- Ngựa đá lấm bùn, có lẽ uy linh tiên tổ cũng đã cưỡi ngựa đi đánh giặc cùng với con cháu chúng ta...

Rồi nghĩ miên man về những năm tháng gian lao vừa qua và sự trường tồn của đất nước trong ngày mai, ông vua anh hùng của cuộc kháng chiến lần thứ hai và thứ ba cất giọng sang sảng ngâm:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,

Sơn hà thiên cổ điện kim âu⁽¹⁾

Nhân Tông đọc dứt, mọi người tấm tắc khen hay. Bổng Thượng hoàng trông thấy trong số dân chúng đứng nghe có một ông già đầu trọc, râu bạc trắng mặc áo đen tứ thân, đứng bên một cậu bé tóc để trái đào, Thượng hoàng kêu lên:

- Kia, Lê Phụ, lão cũng có mặt ở đây à?

Ông già vội dập đầu:

- Muôn tâu Thượng hoàng và Quan gia, tiểu tốt xin khấu đầu bái kiến, chúc thánh thọ vô cương.

Thượng hoàng quay sang nói với Nhân Tông và các quan:

- Chính người này đã từng cứu ta trong trận Phù Lỗ năm xưa đấy. Khi đó, ta được Tiên đế Thái Tông sai cầm một toán quân phá cầu Phù Lỗ bày trận ở bên sông. Quân Ngột Lương Cáp Thai⁽²⁾ kéo đến bờ bên kia, muốn vượt sông nhưng không có thuyền. Bọn lính Mông Thát đi dọc theo bờ sông, bắn tên xuống nước, hễ thấy chỗ nào tên không nổi lên thì biết đấy là chỗ nông, kỵ binh của giặc theo những chỗ đó cưỡi ngựa lội qua sông. Sau khi vượt sông, kỵ binh Mông Thát chia thành các cánh tấn công vào trận địa ta. Quân ta vỡ, lúc ấy có một người lính phò ta lên mình ngựa, cầm lá chắn che cho ta khỏi trúng tên của giặc, rồi hộ vệ ta chạy về Thăng Long. Quân giặc đuổi theo quân ta cho đến bờ sông Cái, phía Đông kinh thành. Nếu không có người này thì ta không còn sống đến ngày nay. Không ngờ

⁽¹⁾ Xả tắc hai phen chồn ngựa đá, Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

⁽²⁾ Uryangkhađai.

bữa nay lại gặp được người lính già cùng nhau ôn lại chuyện đánh giặc thời Nguyên Phong, ta xúc cảnh sinh tình, khẩu chiếm mấy câu thơ, ta đọc cho mọi người cùng nghe:

Bạch đầu quân sĩ tại,

Vãng vãng thuyết Nguyên Phong⁽¹⁾

Nghe thơ, mọi người lặng đi vì xúc động. Thượng Hoàng lại nói:

- Thời Nguyên Phong, đánh giặc rất gian nan, vì quân ta còn non yếu mà kỵ binh Mông Thát lúc đó rất mạnh. Người Thát lớn lên trên yên ngựa luyện tập chiến đấu, từ mùa xuân đến mùa đông. Vó ngựa Thát đã tung hoành trên một dải đất mênh mông, phi đến đâu, cỏ không mọc được đến đấy. Kỵ binh giặc còn ở xa mà áp tai xuống mặt đất, đã nghe thấy tiếng âm âm rung chuyển như động đất - Rồi quay sang Lê Phụ, Thượng hoàng nói - Lão hãy kể lại chuyện kỵ binh Mông Thát thời Nguyên Phong cho lớp con cháu nghe.

Lê Phụ kính cẩn:

- Muôn tâu Thượng hoàng và Quan gia, tiểu tốt xin lĩnh mệnh- Rồi Lê Phụ quay sang nói với các tướng sĩ, - Mỗi kỵ binh Thát thường đem theo mấy con ngựa họ thường đổi ngựa khi ngựa của địch đã mệt. Về đánh trận, kỵ đội Thát lợi ở dã chiến. Không thấy lợi không tiến quân. Trăm quân kỵ quay vòng có thể bọc được vạn người, nghìn quân kỵ tản ra, có thể dài đến trăm dặm. Địch phân tất phân, địch hợp tất hợp, hoặc xa, hoặc gần,

⁽¹⁾ Người lính già đầu bạc. Kể mãi chuyện Nguyên Phong.

hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc tụ, hoặc tán, hoặc hiện, hoặc ẩn, đến như trên trời rơi xuống, hoặc như chớp giật... Theo phép phá địch của họ, trước hết là lên chỗ cao nhìn ra xa xem địa thế xét địch tình. Vì chuyên thừa cơ địch rối loạn, nên lúc bắt đầu xung phong, thường dùng kỵ đội xông vào trận địch, mới xông vào mà địch đã núng thì không kể đông hay ít, ồ ạt tiến lên, địch tuy chực vạn cũng không thể đương được. Nếu địch không núng, thì đội phía trước tản ngang ra, đội phía sau xông lên, nếu không vào được, thì phía sau nữa lại tiến lên như vậy. Nếu trận địch vững chắc, trăm kể không xông vào được thì họ xua bò, quất roi cho súc vật đâm nhào vào trận địch, ít khi địch không bại. Nếu địch cầm giáo tua ra chống, không để ngựa xông vào, thì họ cho quân kỵ bọc xung quanh, thỉnh thoảng bắn một mũi tên, khiến cho địch phải vất vả. Có khi vừa giao chiến, họ giả thua chạy, vờ bỏ xe cộ, vứt vàng bạc, địch cho là bại thật, đuổi mãi không thôi, gặp quân kỵ phục binh của họ, thường là bị tiêu diệt hết... Họ mà thắng thì đuổi theo địch chém giết không để trốn thoát; họ mà thua thì chạy rất nhanh, đuổi theo không kịp. Họ có thể ngồi suốt ngày trên mình ngựa, khi đói khát chỉ cần lấy dao cắt một mạch máu trên cổ ngựa hút để lấy sức đi tiếp...

Những chiến sĩ vừa thắng giặc trong trận thủy chiến sông Bạch Đằng say sưa uống từng lời người lính già kể chuyện đánh kỵ binh Mông Thát thời Nguyên Phong. Kỵ binh Mông Thát hùng hậu như vậy mà lớp cha ông họ đã thắng được. Bổng Nhân Tông cất tiếng hỏi.

- Lê Phụ, hiện nay lão làm chức phận gì?

Lê Phụ thưa:

- Muôn tâu Thượng hoàng và Quan gia, trước khi nhập ngũ, tiểu tốt từng đi chăn ngựa nên biết cách luyện ngựa. Ngựa phải dạy từ lúc nó mới hai ba tuổi, thoát đầu dạy cho quen nghe lệnh bằng cương, bằng thúc gót, cho ngựa quen yên... sau mới tập cho các bước đi nước kiệu, nước đại, dạy cho đi đổi hướng dừng lại, quay giật lại, đổi chân, chồm lướt, nhảy hai chân sau vượt lũy, cuối cùng tiểu tốt đã cưỡi ngựa và điều khiển nó đứng bằng hai chân sau. Cũng vì quen luyện ngựa nên khi tòng quân, tiểu tốt đã dạy cách dùng ngựa cho các bạn đồng ngũ từ cách phi ngựa đuổi kịp kỵ binh Thát hay phóng ngựa nhảy qua hào lũy của chúng. Chính vì biết cách bám vào huyết ngựa cho ngựa phi nhanh, tiểu tốt đã có thể đặt long thể trên mình ngựa rồi phóng ngựa lao vút đi nhanh như tên bắn mà giặc không thể nào đuổi kịp. Cũng vì quen ra hiệu lệnh cho ngựa, nên một lần tiểu tốt để cho giặc cướp con ngựa của mình, khi tên giặc vừa nhảy lên lưng ngựa, tiểu tốt đã làm hiệu cho con ngựa quật tên giặc ngã xuống đất chết tươi. Nếu không có những bí quyết ấy thì làm sao có thể thắng được kỵ binh Thát. Sau khi mãn hạn tòng ngũ, tiểu tốt lại quay về nghề cũ là chăn ngựa, và dạy cho đứa cháu nối nghiệp nhà.

Thượng hoàng nói:

- Trước đây ta nhớ đến người, đã phái người đi tìm người khắp nơi để ban thưởng cho người, nhưng không thấy bóng dáng người đâu cả. Nay tình cờ gặp người ở đây, hay là người theo ta về Thăng Long ta sẽ phong cho quan chức để đền công cứu giá.

Lê Phụ thừa:

- Muôn tâu, tiểu tốt chỉ quen chăn ngựa, chăn ngựa thì ngựa

béo khỏe, còn bây giờ lại đi chặn dân, lỡ ra để cho dân không được no ấm bình yên có phải là mang tội hay không? Xin Người cứ để tiểu tốt vui với cái nghề này trên đất nước thanh bình là tiểu tốt đã hả dạ lắm rồi...

Hai vua Trần than thở hồi lâu, sai thị vệ mang vàng bạc gấm vóc ban thưởng cho ông già rồi lên đường trở về Thăng Long.

Khi hai ông cháu ra đến bãi chặn ngựa, cậu bé hỏi ông già:

- Ông ơi, vừa rồi đức vua bảo tổ tiên cưỡi ngựa đá đi đánh giặc nên chân ngựa mới lấm bùn, có đúng như thế không ông?

Ông già ngáp ngừng hồi lâu rồi nhìn cháu, giọng băng khuâng:

- Ờ, cũng có thể như thế đấy, cháu ạ.

Con ngựa chân dài, bụng thon, mông tròn, ức nở đang chạy quẩn trên bãi cỏ xanh mướt, bỗng hí lên một hồi khi nhìn thấy những con ngựa đá đứng trầm mặc trước lãng.

VUA ĐÔ

Hội vật Đường lâm năm nay khác hẳn mọi năm. Đô thua cuộc vẫn được giải khuyến khích: một ván xôi, mấy vuông vải, vài quan tiền... và được giữ lại cơm rượu tử tế cho đến tan hội. Tin đồn thổi, đô các nơi kéo đến ngày càng đông. Nhưng khi vừa nhắc thấy đô giữ giải cạ⁽¹⁾ lắm người đã kiểng không dám vào xin vật.

Đô phá giải năm ấy là Bồ Phá Lặc. Lặc hơi lùn, bộ ngực vuông như tảng đá, da đỏ màu đồng tỳ, khố xanh lá mạ, đứng án ngữ trước sới, đắp bằng đất và cát, chung quanh rắc một vòng vôi bột, người xem đứng vây chung quanh như nê m cối.

Bồ Phá Lặc đi đi lại lại, giọng coi người bằng nửa con mắt:

- Nào các đô khắp vùng đông nam đoài bắc, ai có sức xin mời vào để Lặc tôi được hầu tiếp...

Hai dãy đô vật đánh trần, bắp thịt nở nang, khố đủ màu điều, xanh, trắng, hồng, tía... ngồi im như những pho tượng đồng, nghe rõ cả tiếng lá cờ đuôi nheo phất đầu cán gỗ sơn son.

Bồ Phá Lặc tiến lại gần khảo đài chiếc lều cao tám mái, tay vuốt dài mấy vuông nhiễu đỏ, ra ý giải nhất không lọt khỏi tay mình, rồi quay đầu lại:

⁽¹⁾ Giữ giải cạ: đến hội, giữ giải, không đô nào dám vào vật, cứ việc lĩnh giải.

- Nếu ai tự lượng sức mình không lên được thì thôi miễn cho Lặc này khỏi xúc phạm đến quý thể.

Ông chủ hội Phùng Hưng ngồi ghế giữa trong lều, đưa cặp mắt chim ưng nhìn chăm chú từng đô vật xem động tĩnh. Bỗng một đô người tầm thước, bắp thịt cuộn từng khúc, khố bao khăn vắt màu điều, đứng dậy, bước vào sới. Biết mà, chú em ba ông nhất định là không nén được hách khí thiếu niên. Mấy hôm nay Phùng Dĩnh đã ngứa ngáy muốn vào vật lắm, nhưng hiềm vì anh mình là chủ hội, nên muốn nhường cho thiên hạ vào trước.

Bồ Phá Lặc và Phùng Dĩnh vào *bá tay tư* một tay vít gáy một tay nắm cánh giật một cái mạnh thử sức. Lặc tái mặt và ra mồ hôi nhiều, anh ta biết là gặp đối thủ cừ khôi.

Cuộc vật vào lúc gay go. Tiếng trống hiệu nhịp ba tiếng một, lúc đầu còn thưa sau ngày càng dồn dập, gấn liền nhịp thở người xem với nhịp tiến lui của đô vật. Tiếng trống dội vào khoảng không như dội bỗng vòm trời lên cao vót. Gió căng thẳng đuôi cờ nhọn như mũi lao sẵn đám mây hình bò mộng ngổn ngang trên trời.

Bồ Phá Lặc đã từng bị bắt đi chạt ngà voi tiến cống bọn đô hộ nên giỏi khoa *vạn chệch hàm răng*, cũng từng né đuôi cá mập khi lội xuống biển mò ngọc trai, tài dụng ngón *thúc sườn*. Nhưng Phùng Dĩnh cũng không vừa, anh từng theo cha lên rừng săn bắn, tránh hổ vồ, học được miếng *song phi*, cũng quen trèo cây, thạo ngón *vạn cổ*... Lặc dùng miếng *gài cánh gà* cánh tay cài hai tay Dĩnh, định cúi lưng dội cả người Dĩnh hất chống ngược. Nhưng Dĩnh không mắc lừa, dùng miếng *mới*, cặp chân như chân nhái bèn ngáng khoeo Lặc, tay nắm tay Lặc, đập vào chân Lặc

một cái mạnh cho quy xuống. Lặc thoát được, lại dùng miếng *gồng* lửa cặp cánh tay Dĩnh, cúi lưng gồng cả người Dĩnh hất mạnh ra đằng sau, Dĩnh ngã ngửa xuống sỏi, phơi bụng lên trời.

Bồ Phá Lặc lại ngông nghênh:

- Nào, còn đô nào nữa... Chả lẽ xứ Đoài này lại hết cả anh tài rồi sao!

Lặc chưa dứt lời lại có người nhảy vào sỏi. Đó là Phùng Hải, anh Dĩnh. Hải người chắc nịch, da đen bóng, lưng dày như cánh phăn, bắp thịt nổi cuộn cuộn, đầu buộc một vuông khăn xanh lục giữ tóc, đóng khố bao nhồi trấu vóc vàng, xung quanh vắt chéo hai dải nhiễu xanh nhiễu đỏ lòa xòa đến gối như dây hoa leo phủ trên một gốc cổ thụ. Anh vốn có sức khỏe mang đá nặng nghìn cân, cồng thuyền chở nặng nghìn học đi xa hàng mười dặm. Thấy Hải ra, cả sỏi hò reo như động biển.

Rút kinh nghiệm lần Dĩnh vật với Lặc, mặc cho Lặc đánh tới tấp từng miếng ác hiểm, vờn tả đánh hữu, dứ trên đánh dưới, Hải chỉ né tránh mà không đánh lại, quần cho Lặc kỳ mệt bỏ hơi tai. Có lúc Lặc đánh miếng *bò cấm* nằm dấn người xuống đất vờ lờ miếng nhưng Hải cũng không xông vào đánh.

Tiếng trống nổ căng như sấm dậy từng hồi. Người tuần đình kê hẩn trống vào mang tai đô vật mà thúc, hai lá cờ hiệu nhỏ cũng phe phẩy luôn, vừa để trợ oai các đối thủ vừa để dẫn các khách xem vây vòng quá chật.

Bỗng Lặc húc đầu vào Hải. Người xem thét lên tin là Hải bị rồi. Nhưng không, Hải đã ngậm hơi cho phồng bụng như ễnh ương để đỡ, đẩy đầu Lặc bật ra. Mọi người hồi hộp bắc đồng cân

giữa hai đô ngang tài ngang sức. Những cô gái lồng ngực phập phồng như mặt trống, đỡ dẫn đôi môi quét trầu cắn chỉ, ngấm thân hình tuyệt đẹp của hai dũng sĩ.

Sang đến keo thứ ba, Lặc sức đã đuối, Hải dùng miếng xoay bồ lô nắm lấy tay Lặc xoay mạnh cho Lặc chóng mặt, rồi thả tay ra cho Lặc ngã lăn kềnh.

Khi cụ đô già ngồi trọng tài vừa mang ba vuông nhiều điều định thưởng cho Hải thì bên ngoài có tiếng nhốn nháo:

- Khoan! Đẹp ra cho quan đô hộ vào dự hội.

Ổng loa vỗ quả bầu dài nghêu đưa đi đưa lại truyền dân chúng dẫn ra nhường lối. Một đoàn người đi đầu là trống khẩu và gươm giáo dàn mặt rồi đến viên đô hộ Cao Chính Bình. Y trạc năm mươi tuổi, mặt phì nộn, đầy vẻ tự mãn. Đi cạnh y là một đô vật đen trùi trùi như trâu mộng. Phùng Hưng vội xuống đón Cao Chính Bình lên khảo đài, mời ngồi ghế giữa. Cao lắc lư chiếc mũ cánh chuồn:

- Nhân dịp đầu xuân, ta thân hành đến xem hội vật của các người để tỏ lòng thân dân, mến tục. Vậy đô thắng cuộc đâu, ra cho ta xem mặt.

Phùng Hải bước ra. Cao nhìn Hải hồi lâu, gật gù rồi hất hàm cho đô Trăm, người đi cùng mình:

- Nhà ngươi liệu có thắng được đô này không?

Đô Trăm liếc nhìn qua Hải rồi thưa:

- Bẩm, nó miệng còn hơi sữa, chưa chắc đã theo nổi con một

keo...

Cao cười rung cả bụng khiến cho đầu con hổ thêu trên bố tử như chồm lên. Phe phẩy chiếc quạt lông công quạt mồ hôi cho Hải, y nói, giọng đường mật:

- Nếu tráng sĩ thắng được đô của ta, ta sẽ ban thưởng vàng bạc và tâu thiên triều phong quan chức. Bằng thua thì chết không đền mạng. Có dám nhận lời hay không?

Phùng Hải gật đầu. Hai người bước vào sới. Lúc đầu, đô Trầm nhảy lên đến trước Hải, vật ngay. Cái đà bất ngờ này theo lệ đấu là trái phép vì như vậy đối thủ không kịp đề phòng dễ bị khóa tay nhắc bổng người lên, hai chân rời khỏi mặt đất là thua. Nhưng Hải bình tĩnh né tránh, đồng thời uốn ngực ra trước, dùng thế *mãnh hổ dả sơn* hất lùi đô Trầm.

Trận đấu quả kỳ *phùng địch thủ*. Có lần đô Trầm cắn môi khóa tay Hải sau gáy, đè dần đầu anh xuống đất nhưng chân anh lại hất nhẹ chân đô Trầm, đô Trầm loạng choạng một lúc mới đứng vững.

Tiếng trống thúc tướng chừng làm dãy đồi gần đó đổ sạt xuống. Không nhìn thấy người đâu mà chỉ thấy nhiều xanh vút bên phải, nhiều vàng nhào bên trái trong lốc bụi mù mịt... Khi thì thấy như có những cột đồng dựng những núi đá mọc thay đổi nhanh như chớp... Khi đà chậm lại, mới nhìn rõ những ngón chân đô vật cày xuống đất đến mấy ngón tay, những đám cỏ gà bật rễ bay tơi tả...

Keo thứ hai, Phùng Hải giả bước hụt mất đà ngã chúi xuống, đô Trầm luồn qua hai cánh tay Hải, ôm chặt một bên chân Hải

bốc lên, nhưng lạ thay, chân Hải bỗng có sức mạnh nhấc bổng cả người đô Trám. Hải thò tay nắm lấy khố nhấc đô Trám lên như một con nhái giữa tiếng reo hò của người xem.

Sang keo thứ ba, đô Trám sốt ruột, bạnh quai hàm nghiền răng ken két. Phùng Hưng thốt kêu:

- Hồng rồi!

Đô Trám đã giật ngang mạng mỡ Hải theo ngón *chiết yêu điểm huyết* như cò bợ thảng tư mỗ rút ruột vọi già. Thấy đô Trám dùng miếng hiểm, trọng tài đánh cắc mấy tiếng báo là *phạm đề*, nhưng không kịp nữa. Tiếng người la ó đô Trám hạ độc thủ, đòi phải có người lên trừng trị. Mọi cặp mắt đều dồn cả về phía Phùng Hưng. Ai cũng biết ông có sức vật trâu đấm hổ, lại có những ngón bí truyền như *tiện xương*, *rút gáy*, *sang lưng* hay *móc quai xanh*, *bấm huyết nách*, *bấm huyết khuỷu tay*... mà cha ông là Phùng Hạp Khanh chỉ truyền riêng cho ông vì sợ hai em ông tính nóng nảy dễ đánh chết người sẽ tổn âm đức.

Phùng Hưng cúi đầu xuống nghĩ ngợi rồi ngẩng mặt lên nhìn trời. Ông nhìn kỹ lá cờ ngũ hành năm sắc phân minh nổi bật trên nền trời màu da bát.

Kìa, Phùng Hưng đã bước xuống đài, những dây cờ như dướn cao hơn dường làm cho những vẩy tê tê trên trời sợ hãi xô dạt cả về phía Nam.

Kìa, Phùng Hưng đã bước vào sới, từng bước mạnh mẽ làm mặt đất như lún xuống, trông tựa chiếc thuyền trên mặt nước. Trống thúc điểm nhịp cho bước chân Phùng Hưng, từng tiếng buông như từng quả chín mồm rụng.

Lần này, Phùng Hưng sẽ bắt tên đô vật tay sai của phủ đô hộ phải *túc ly địa*⁽¹⁾. Bọn chúng sẽ phải nhớ keo vật thua nhục nhã này đến suốt đời!

Kìa, Phùng Hưng...

Nhưng, Phùng Hưng đã tiến lại cầm vuông nhiều điều vất lên người đô Trám, xốc tay áo thụng vái một cái dài.

Mọi người lặng đi như có ai vừa ném cát vào mắt. Sôi vật dường đảo lộn quay cuồng xoay vòng trong tiếng cười đắc thắng của Cao Chính Bình.

*

Có lẽ không cuộc rượu nào buồn cho bằng cuộc rượu hôm rã đám. Trên các mâm gỗ lót lá chuối, thịt lợn thái đối bày tú hụ, những bát sành rượu đầy ắp, nhưng không đô nào nghĩ đến việc ăn uống. Mặt người nào cũng đỏ bừng không phải vì say mà vì hổ thẹn. Đất Nam giao này hết người hay sao mà để tên đô vật của phủ đô hộ được điều võ dương oai.

Cái im lặng được xé ra bằng tiếng ồm ồm của Bồ Phá Lặc:

- Theo lệ thì đô đã thua từ trước không được vào phá giải nhất, không thì tôi quyết theo keo, chết thôi.

- Tôi sơ ý nên mới bị nó dùng đòn hiểm đánh ngã, keo thứ ba coi như là thua rồi, chứ nếu mới keo thứ nhì xem, nó còn là *lấm lưng trắng bụng* với tôi! - Phùng Hải cũng gầm lên.

⁽¹⁾ Túc ly địa: chân rời khỏi mặt đất.

HOÀI ANH

Đỗ Anh Hàn, người cùng quê với Phùng Hưng nói xen vào:

- Chỉ bác Phùng Hưng có nhiều ngón bí truyền cụ cố xưa truyền cho mà không ra tay thì còn ai dám vào. Thật sỉ nhục cho lò Đường lâm, cho cả xứ Nam giao này!

Cụ đô già chặc chặc lưỡi:

- Tôi đang ngồi cầm trịch vả lại tuổi đã luống rồi, không có tôi quyết dùng cái ngón *nấn đui* trùng tuột hết các đường gân nó ra là nó mất cự!

- Tôi thì không biết gì cả cứ chơi cái món *bóp hạ bộ* là ăn thua - Một đô trẻ nói oang oang.

- Thế sao anh không vào vật, còn nói gì!

- Thấy bác Phùng Hưng bước xuống sới tin là ăn chắc rồi. Ai ngờ...

Phùng Hưng không nói gì. Ông mãi nhìn qua song cửa ngắm đàn thú mà cha ông trước săn bắt được đem về thuần hóa, thả rông trong vườn. Hồ đuổi lưng đi đi lại lại hiền lành như mèo. Báo gấm nằm phơi bụng sưởi nắng, hai chân gãi gãi...

Một con voi đang kéo gỗ về làm nhà. Máy chú khỉ ranh mãnh trèo cây hái quả giúp các cháu gái ông mang về bày bàn tiệc, khỉ ta lúc đầu còn chăm chỉ, sau mãi đùa nghịch mất hết vẻ nghiêm túc ban đầu, cầm quả ném nhau khiến bác gấu phải chạy lại, chân đứng lừng lững, miệng gầm gừ dọa nạt. Khỉ hoảng hốt nhảy tót lên đầu voi tránh, rồi quen thói tinh nghịch, thò tay gãi gãi vào tai voi. Voi buồn buồn không chịu nổi, tung vòi lên định quăn, nhưng khi cái vòi nặng nề vừa đưa lên thì khỉ lại nhảy lên

lưng voi khiến cho vòl quấn hùt. Nó cứ nhả thoản thoảt hết đầu voi lại xuống lưng voi khiến voi lỏng lộn mà không quật nó xuống được... Phùng Hưng chỉ ra ngoài.

- Anh em có trông thấy con khỉ trêu con voi to xác không! Ấy ta với bọn đô hộ cũng thế đấy!

Mọi người chưa hiểu ra sao thì Hưng lại nói tiếp:

- Vừa rồi thằng Cao Chính Bình đến tôi đã biết ý nó đến để thăm dò, tìm cách trị bớt anh tài trong thiên hạ. Vì vậy, tôi đã nhường chúng một keo vật để nuôi thêm lòng kiêu căng của chúng. Ta không nên vì tiểu khí mà để lỡ đại sự. Làm thế nào phải bốc đổ được cả cái phủ đô hộ của nó mới là tay vật giỏi...!

Mọi người ồ cả lên sau câu nói của Phùng Hưng. Ông lại tiếp, giọng tha thiết:

- Tôi sợ dĩ tổ chức hội vật này cũng để kén anh tài mưu việc tụ nghĩa. Anh em hẳn không lạ gì, mới đây người Chà và người Côn Lôn đã đến vây hãm phủ trị Tống Bình. Bọn kinh lược phải củng cố lại La thành, bắt làm lũy gỗ, dân phải xuất tiền đóng góp, ai không có nộp chúng, trách đòi ngày càng gấp. Thằng Cao Chính Bình lại thu thuế nặng, bắt cống nạp sản vật, dân tình cực khổ, chỉ chờ thời cơ nổi dậy.

Mọi người lặng đi. Lời Phùng Hưng như kêu gọi nổi nức nhối trong tâm can họ. Nhà nào chẳng có người bị bắt đi kiếm ngà voi, sừng tê giác, đồi mồi, lông trắ, mật trắ, hương liệu... đem cống nạp, mười người đi thì bảy tám người không về... Người Chà và Côn Lôn, Nam Chiếu... lại sang cướp phá luôn nên bọn đô hộ phải sửa sang thành lũy, các quan kinh lược sang,

tên bắt đắp La thành, tên bắt lấp bỏ hào rãnh để hợp thành trong thành ngoài làm một, tên rời phủ trị về phía bắc, tên lại quay về chỗ cũ Tống Bình, cứ thay đổi luôn xoành xoạch. Mỗi lần thay đổi như thế dân phải xuất tiền góp, đi làm xấu... Ngay bản thân họ cũng đã từng bị bắt đi xây thành đắp lũy, vết thương do làn roi quất của bọn lính áp giải còn đau đớn hơn cả trúng đòn hiểm khi đấu vật. Nhiều người day tay, mắt miệng thét to:

- Xin Đô quân⁽¹⁾ cho chúng tôi được đi theo. Chúng tôi quyết san phủ đô hộ thành đất phẳng mới nghe!

Phùng Hưng ngăn lại:

- Không được! Nếu ta đem toàn lực đánh thành, trong thành quân chúng còn đông lại nhiều khí giới, lại còn quân đồn thú ở biên thù kéo về cứu viện, chưa chắc ta đã dành được phần thắng. Chi bằng ta bắt ngờ kéo quân đến vây phủ đô hộ, cho bọn chúng không dám ra ngoài sách nhiễu lương thực thuế má, hãm chúng vào cảnh hết lương tiền là đủ nguy ngập. Đó là ngón *lấy mềm trị cứng* trong phép đấu vật vậy.

Qua song cửa, núi Gâm về chiều đã tím hắt lại. Nhưng những đồi đất đỏ như đàn sa trong nắng quái lại ánh lên như thép vàng. Trước mặt, con sông Bùi⁽²⁾ nước pha chàm non lặn lơ trôi về xuôi. Phùng Hưng chỉ dòng sông:

- Anh em hãy nhìn dòng sông Bùi kia, tương truyền Thủy tinh đã khơi ngòi để đưa nước lên đánh Sơn Tinh ở núi Tản Viên nhưng cuối cùng Thủy Tinh đã phải rút chạy. Sông này lại hợp

⁽¹⁾ Vua đô vật

⁽²⁾ Tên cũ của sông Tích.

lưu cùng sông Hát là nơi Hai Bà giao tranh với Mã Viện. Sông núi từ buổi đầu dựng nước đã in dấu vết chiến trường, nhắc nhở ta phải nối chí ông cha, giữ lấy cơ đồ, rửa hờn dân tộc...

Mọi người nhìn về núi Tản thất cổ bỗng có một dãy mây trắng buộc ngang như dây đeo một bầu rượu lớn, rồi cúi xuống nhìn dòng nước sông Bùi, như rượu từ chiếc bầu lớn kia rót ra lênh láng. Sông núi từ thuở hỗn mang đã chứng kiến một keo vật kinh hồn giữa con người với trời đất, giữa giống Việt với bọn xâm lược nước ngoài. Dải mây nhuộm đỏ ánh mặt trời vẫn phất phơ như vương nhiều điều tặng giải.

DŨNG SĨ NÚI BÔNG

Núi Bông⁽¹⁾ (tên chữ Băng Sơn) là một hòn núi nhỏ nhô lên giữa cánh đồng. Hàng ngày, Lê Phụng Hiếu ra đó tập luyện. Chàng thường dùng một hòn đá tròn ở trên núi làm quả tạ, hai tay nâng lên đi mấy vòng quanh núi. Theo lời đồn thì hòn đá đó nặng tám người khiêng mới nổi, nhưng Hiếu nâng lên nhẹ như bỡn, đi một lúc khi đặt đá xuống mặt vẫn không hề biến sắc, hơi thở vẫn điều hòa.

Càng tập luyện nhiều thì càng ăn khỏe, mà nhà Hiếu thì nghèo quá. Cha Hiếu mất sớm, mẹ Hiếu làm lưng quần quật, đầu tắt mặt tối vẫn không đủ nuôi con. Hiếu thương mẹ, nghĩ cách đỡ đần cho mẹ. Biết làng bên có một ông đồ già dạy môn vật, chàng bèn đến xin học. Chỉ trong ba tháng, chàng đã học được hết các miếng *xe dài*, *lồng tay tư*, *bốc*, *gồng*, *mỏi*... rồi đến các miếng vật ở tư thế nằm bò như *bò chồm*, *bò đĩa*, *cầu vòng* và các miếng vật khác như *đốc khuỷu tay*, *gỡ tay gáy*, *ngóc*... Sau khi thành thạo, chàng phá giải các hội vật trong vùng.

Có lần chàng đã đánh ngã ông đồ Sắt, một tay đô mấy chục năm trời ăn giải cạn⁽²⁾ khắp vùng, có nhiều ngón bí truyền như *tiện xương*, *rút gáy*, *sang lưng*, khiến ai cũng phải rùng mình sởn tóc gáy. Hai người lồng tay tư, chàng dùng hai tay gạt tay đô Sắt

⁽¹⁾ Ở hướng Băng Sơn, Ái Châu (nay là xã Dương Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

⁽²⁾ Đến hội giữ giải, không đô nào dám vào vật, cứ việc lĩnh giải.

ra, nhanh chóng xông vào bốc đôi. Đô Sắt bị nhỡ đà xoay người ra trước, hai tay chống xuống sỏi. Chàng không làm sao mà bốc nổi chân y lên được, bèn lập tức ôm chặt lấy hông y, quỳ xuống luồn đầu qua nách phải y, xoay chân trái sang phải, áp ngực vào sườn y, đưa tay trái lên gáy y, tay phải chuyển vào giữa háng ôm lấy đùi, đánh miếng *tổng bò*, y ngã ngay xuống sỏi.

Một lần khác, chàng đấu với đô Voi. Hai người lồng tay tứ, chàng tranh tay trong đồng thời giật y chúi xuống, y phản ứng nhổm thân lên, lợi dụng đà chàng dùng tay trái giật tay phải y về phía mình, lách thân và đầu luồn qua nách xuống *gồng*. Y giật mạnh tay, lùi ra sau, chàng nhanh chóng đạp đuổi chân trái lấy chân trái làm trụ, bước chân phải, xoay người ra sau y, ôm hông đánh miếng *ngóc*, quật y ngã ngửa.

Nhưng cái lần chàng bắt miếng *bò cấm* của đô Cốc thì mới thật là danh bất hư truyền. Vừa vào đấu, đô Cốc đã dùng chiến thuật đánh lừa đối phương, y vờn tả, đánh hữu, dứ trên đánh dưới, thoăn thoắt biến hóa khôn lường, chàng đánh một cách lúng túng, chậm chạp để dò xem đối phương sở trường về ngón gì. Biết y có miếng *bò cấm* lợi hại, chàng phòng thủ bằng cách nắm chặt tay, khép nách, hai cùi tay áp sát vào nhau chia thẳng xuống trước ngực không cho đối phương lách ra sau được, sau đó chàng tạo cơ hội khóa chân, vít gáy, cày đô Cốc ba vòng quanh sỏi thì oai rồi mới lật ngửa trắng bụng.

Sau những trận thắng oanh liệt ấy, mỗi khi chàng đến hội không đô nào dám đấu với chàng. Làng đem giải cao nhất tặng cho chàng để chàng ra về, rồi mới tiếp tục trận đấu.

Nhờ ăn giải trong các hội vật, mỗi lần một tấm nhiều đồ, vài

chục quan tiền, nên gia đình cũng tạm đủ ăn.

Một hôm chàng vào rừng kiếm củi về cho mẹ nấu cơm thì có một người khách đến nhà. Khách là người cao lớn, vạm vỡ, bắp thịt nổi lên cuộn cuộn, xưng tên là Tuấn, tức Vồm, đô vật ở vùng Đông Sơn, muốn đến gặp Hiếu. Nghe tên Vồm, biết đấy là một đô vật nổi tiếng có sức khỏe vô địch, mẹ Hiếu bảo:

- Ông cần hỏi gì cháu thì cố chờ một lát. Nó sắp gánh củi về rồi đấy!

Mới nhìn thấy Hiếu từ đằng xa do mẹ chàng chỉ cho, Vồm đã giật mình kinh sợ. Bởi vì bóng Hiếu hiện ra giữa con đường núi là một gã to lớn, quảy hai bó củi to như đụn rạ, chạy vùn vụt như bay. Thấy thế, Vồm không đợi nữa, thác kệ cáo từ đi thẳng.

Hiếu vừa bước vào ngõ nghe mẹ nói có khách chờ mình lúc này, vội quẳng ngay gánh củi bắn tung ra đầy sân rồi đuổi theo Vồm. Chả mấy chốc, chàng đã theo kịp. Hai bên bắt đầu làm quen nhau bằng một cuộc tỉ thí dữ dội trên hòn núi Bơng. Đất bay rào rào, cây cối xiêu vẹo vì những cái quật kinh người. Trong keo vật thứ tám, không chịu được miếng *giắt vét* của Hiếu, Vồm bị chẹt vào hai tảng đá lớn.

Gần miền đó, có hai thôn Đàm Xá và Cổ Bi tranh nhau một bãi đất. Dân Đàm Xá đông gấp hai Cổ Bi lại thêm lúc này có tay Tá Lực vốn là hào trưởng mới ở Kẻ Chợ về, tự khoe giỏi võ, nên họ quyết lấy sức mạnh chiếm đoạt hẳn bãi đất kia.

Không nói thì ai cũng biết bên Cổ Bi nắm chắc thất bại. Thất bại nhưng họ vẫn không chịu để mất đất. Hai bên đánh nhau ngót tháng. Bọn trai tráng Đàm Xá dưới sự điều khiển của Tá

Lực ngày ngày cầm gậy tày, tay thước tiến sang đất Cổ Bi che chở cho một bọn khác trồng tre đắp bờ, ngăn hẳn bãi bồi làm đất của mình. Hễ bên Cổ Bi thò ra người nào thì chúng xúm lại đuổi đánh. Không kể số sứt đầu mẻ tai, những người bị thương nặng nằm la liệt cả đình làng. Tá Lực vẫn thảnh thơi đứng trên gò cao nói vọng vào những câu khiêu khích.

Bấy giờ, Lê Phụng Hiểu có việc qua đó. Nghe rõ câu chuyện, chàng bưng bưng nổi giận. Hiểu vung tay áo nói với mấy vị phụ lão Cổ Bi:

- Nó cong, ta thẳng, không thể ỷ đông chúng hiếp cô như vậy được!- Rồi chỉ tay vào ngực mình: - Chỉ một mình tôi có thể đánh tan được bọn nhãi.

Các cụ mừng lắm, sai dọn cỗ mời ăn. Một mình Hiểu tì tì chén một dãy hai mươi cỗ cơm.

Ăn xong, Hiểu vỗ bụng đứng dậy, tay không xông thẳng vào trận, trên mình chỉ có một chiếc khố.

Trước hết, Hiểu rẽ vào lùm cây nhỏ những cây gỗ vừa tầm để thành từng đống. Rồi cầm lấy cả cành và rễ, Hiểu vụt túi bụi vào những người mình gặp. Cây này gãy, chàng thay cây khác. Cứ thế, Hiểu đã quật ngã không biết bao nhiêu là người. Nghề võ của Tá Lực và ngọn côn của y không thể trụ nổi những đòn như trời giáng của Hiểu. Chưa xong một hiệp, Tá Lực đã ngã quay lơ xuống đất. Các tay võ khác và dân đình Đàm Xá còn sống sót đều co chân chạy thực mạng. Hiểu quay lại, giẫm chân lên ngực Tá Lực, bắt hắn phải nhận điều kiện là trả ruộng đất cho dân Cổ Bi, rồi mới chịu cho khiêng y về.

Từ đó, tiếng tăm của Hiếu được truyền đi khắp nơi. Ngày đó, vua Thuận Thiên⁽¹⁾ kén người khỏe mạnh sung vào quân túc vệ. Chỉ một cuộc tỉ thí đầu tiên, Hiếu đã được vua triệu vào bệ kiến và cho chỉ huy một đội quân gồm toàn những tay lực sĩ. Chẳng bao lâu Hiếu được vua cất làm tướng, người ta gọi là Võ vệ tướng quân.

Tháng ba năm Mậu Thìn⁽²⁾, vua Thuận Thiên băng ở điện Long An. Triều thần đều đến cung Long Đức xin Thái tử Phật Mã vâng di chiếu lên ngôi báu trước khi làm lễ phát tang. Nhưng lễ đăng quang của ông vua mới chưa cử hành thì ba hoàng tử khác của vua Thuận Thiên là Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương nghe tin đều đem quân ở phủ mình vào phục sẵn trong cấm thành. Đông Chinh Vương phục ở trong Long thành, hai vương Dực Thánh, Vũ Đức phục trong cửa Quảng Đức, đợi Thái tử đến thì đánh úp.

Một lát sau, Thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Càn Nguyên biết có biến, sai người hầu đóng hết các cửa điện và sai Lê Phụng Hiếu đem vệ sĩ trong cung phòng giữ. Thái tử bảo tả hữu rằng:

- Ta đối với anh em không phụ bạc chút nào. Nay ba vương làm việc bất nghĩa, quên di mệnh của Tiên đế, muốn mưu chiếm ngôi báu, các khanh nghĩ thế nào?

Nội thị là Lý Nhân Nghĩa nói:

- Anh em với nhau, bên trong có thể hiệp sức bàn mưu, bên

⁽¹⁾ Niên hiệu của Lý Thái Tổ.

⁽²⁾ Năm 1027.

ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay ba vương làm phản, thì là anh em hay là kẻ thù? Xin cho bọn thần đánh một trận để quyết được thua.

Thái tử nói:

- Ta lấy làm xấu hổ là Tiên đế mới mất chưa quản mà cốt nhục đã giết nhau, há chẳng để cho muôn đời chê cười sao?

Nhân Nghĩa nói:

- Thần nghe rằng, muốn mưu xa thì phải quên công gần, giữ đạo công thì phải dứt tình riêng, đó là việc Đường Thái Tông và Chu Công Đán bất đắc dĩ phải làm⁽¹⁾. Nay Điện hạ có cho Đường Thái và Chu Công là chăm mưu xa, giữ đạo công không? Hay là tham công gần, đả tòng tình riêng chẳng? Điện hạ biết theo dấu cũ của Đường Thái, Chu Công thì đời sau ca tụng công đức còn chưa hết, còn rồi đâu mà chê cười. - Ngừng một lát để Thái tử suy nghĩ, Nhân Nghĩa lại nói tiếp - Tiên đế cho Bệ hạ là người hiền, đủ để nối được chí, tài đủ để làm nổi việc, nên đem thiên hạ phó thác cho Điện hạ. Nay, giặc đến vây bức cửa cung mà ần ần như thế, thì đối với sự phó thác của Tiên đế ra sao?

Thái tử im lặng hồi lâu rồi bảo Nhân Nghĩa và bề tôi trong cung là bọn Dương Bình, Quách Thịnh, Lý Huyền Sư rằng:

- Ta há lại không biết việc làm của Đường Thái, Chu Công hay sao? Chỉ vì ta muốn che giấu tội ác của ba vương khiến họ

⁽¹⁾ Trường Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức giết hai anh của Lý Thế Dân là Kiến Thành và Nguyên Cát để giữ ngôi vua cho Lý Thế Dân (Đường Thái Tông). Chu Công Đán giết em là Quản Thúc và đây em khác là Thái Thúc để giữ ngôi cho cháu là Thành Vương.

tự ý rút quân chịu tội để được vẹn toàn tình cốt nhục là hơn.

Bỗng, Lê Phụng Hiểu từ bên ngoài vào thấy Thái tử trù trừ chưa quyết không nhìn được nữa bèn nói to lên rằng:

- Hiện nay phủ binh của ba vương vây bức gấp lắm, trước tình thế này, xin cho bọn thần liều sống mái với quân phản nghịch.

Thái tử liệu không thể ngăn được bọn giặc, liền nói:

- Thế đã như vậy, ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương nữa. Ta chỉ biết làm lễ thành phục đến hầu Tiên đế, ngoài ra đều ủy cho các khanh cả.

Bọn Nhân Nghĩa đều lay hai lay nói:

- Chết vì nạn nước là chức phận của bọn thần. Nay đã được chỗ đáng chết, còn từ chối gì nữa.

Lý Nhân Nghĩa bèn ra lệnh cho vệ sĩ trong cung mở cửa ra đánh, ai cũng vui lòng xông pha, đều là một người địch với trăm người. Quân đánh nhau chưa phân được thua, Phụng Hiểu tức giận rút gươm chạy thẳng đến Quảng Phúc hô to rằng:

- Bọn Vũ Đức Vương muốn tranh giành ngôi báu, không coi tự quân vào đâu, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con. Vì thế Phụng Hiểu này xin đem thanh gươm ra để nói chuyện với các người.

Rồi xông thẳng đến chỗ ngựa của Vũ Đức Vương. Vũ Đức Vương kinh sợ không dám giao phong, quay ngựa toan chạy, nhưng nhát gươm thứ nhất của Hiểu đã làm cho ngựa ngã khuỵu xuống và nhát thứ hai bổ đôi người Vũ Đức Vương. Thế rồi lười

gươm của Hiếu múa tít giữa đám quân ba phủ bấy giờ đã chạy tán loạn. Vệ quân của Hiếu được thể mặc sức chém giết. Hai hoàng tử kia chạy trốn biệt tích.

Trận đó, vua mới cảm ơn Hiếu vô hạn. Hiếu được vua ban tước hầu với chức Đô thống thượng tướng quân.

Năm Giáp Thân⁽¹⁾, vua đem quân đi đánh giặc cử Hiếu làm tiên phong. Hiếu lập được công lớn, đánh tan giặc. Khi thắng trận trở về triều, vua muốn phong thưởng thêm nữa, nhưng Hiếu tâu:

- Thần không muốn thưởng thức, xin cho đứng trên núi Bãng Sơn ném đao lớn đi xa, đao rơi xuống chỗ nào trong đất công, thì xin ban cho thần làm sản nghiệp tới đó.

Vua bằng lòng.

Ngày hôm làm lễ ném đao, mọi người đổ tới xem như đám hội. Trên hòn núi Bờng chưa khi nào có chiêng trống, cờ quạt và quan quân, dân chúng đi lại rộn rịp đến như thế.

Đứng trên hòn núi thân yêu đã bao năm xa cách, Lê Phụng Hiếu bùi ngùi xúc động. Hòn núi này cũng như tảng đá cheo leo nơi chim bằng đỗ trước khi vút cánh bay xa.

Dứt tiếng trống, Hiếu cỡi trần đóng khố, cầm thanh đại đao xoay mấy vòng lấy đà, rồi phóng đi. Chiếc đao bay bổng lên rồi vút đi như một cánh chim bằng tung mình trong gió lớn. Mọi người ngạc nhiên và say sưa nhìn nó bay mãi như một chấm ở lưng chừng trời, xa đến mười dặm mới chịu hạ xuống. Mũi đao

⁽¹⁾ Năm 1044.

chọc xuống địa phận làng Đa Mỹ. Các quan hầu đi đo đạc, đóng mố, trở về cho biết từ chân núi đến chỗ ném đao quy vuông lại được hơn một ngàn mẫu. Vua nhà Lý y ước ban cho Hiếu làm hương hỏa truyền cho con cháu và tha không đánh thuế.

Từ đó, những ruộng thưởng cho công thần, người ta quen gọi là *thác đao điền* (ruộng ném đao).

HÌNH RỒNG XĂM

Tin có con cá sấu dữ về khúc sông Phú Lương⁽¹⁾ khiến cả một vùng đều kinh hoàng lo sợ. Hôm đó, mấy người dân chài vừa lội xuống sông bắt cá thì bỗng thấy một con cá sấu da màu vàng đen, có đốm trắng, lớn bằng chiếc thuyền, bơi đến dùng đuôi quật một người ngã xuống sông rồi há cái miệng lớn chồm răng cắn và nuốt chửng vào trong bụng. Mấy người kia vội bỏ chạy, bị sấu đuổi theo cắn khiến một người bị thương. Cũng may chỗ đó gần bờ sông, có gốc cây cong ngã xuống, người ấy leo luôn lên cây tránh khỏi.

Hôm sau, có một chiếc thuyền đi qua sông, sấu lại hiện ra ngang nhiên chặn thuyền lại, quật đuôi làm nước bắn tung lên tràn vào thuyền khiến thuyền đắm. Mấy người vừa chìm xuống nước thì sấu đớp luôn, nhai cả thịt xương nghe rau rầu, máu loang đỏ cả một khúc sông.

Làng bên bờ sông liền họp bàn, cử mấy người trai tráng khỏe mạnh, mình xăm hình rồng lội xuống sông, cố ý phô hình con rồng cho con cá sấu trông thấy. Nhưng con cá sấu không hề tỏ vẻ ngạc nhiên hay sợ hãi, nó vẫn dùng đuôi quật người ngã xuống rồi nuốt vào bụng, thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Chỉ trong vòng năm ngày đã có hàng chục người thiệt mạng

⁽¹⁾ Một đoạn của sông Hồng, thuộc tỉnh Hà Bắc.

vì cá sấu. Suốt một dải sông, không ai dám bén mảng xuống nước đánh cá, không một thuyền bè nào dám qua lại. Không kiếm được cá, dân chài đành ngồi ru rú ở xó nhà, lâm vào cảnh treo niêu nhịn đói. Ngoài sông vắng ngắt khắp một vùng họa hoàn mới thấy một tia khói bếp lên. Thế mà con cá sấu vẫn cứ quanh quẩn ở khúc sông này, không chịu bỏ đi. Xưa nay cá sấu chỉ ở ngoài biển Đông, không bao giờ vào sâu khúc sông trong đất liền lại giáp kinh kỳ, mọi người cho rằng khéo trời gieo tai giáng họa nên mới sinh ra thế.

Dân làng cử một vị bô lão về Thăng Long cáo cấp.

Được tin, vua Trần Anh Tông ngự ra điện Tập Hiền, vời các quan vào bàn bạc. Vua mặc áo vàng, búi tóc, dùng the bọc và buộc lại, tóc ở hai bên vẫn để lộ ra và xõa xuống, ngồi trên ngai vàng. Hai bên có cấm vệ quân đứng dàn hàng, cầm cờ có các màu vàng, đen, xanh, đỏ, giữa bốn góc có vẽ hình ngôi sao, thiên thần hoặc các loài quỷ dữ. Những người khác cầm giáo mác, nỏ, súng tiêu, cũng có người chỉ cầm gậy trơn.

Đến trước cửa điện, các quan xuống xe, mỗi người cầm hai miếng ván tròn như cái mộc, màu xanh, rộng 6 xích⁽¹⁾ trên vẽ mặt trời, mặt trăng, sao Bắc Đẩu và 28 vị tinh tú, có ý dùng để tự che chở cho mình. Các quan trùm đầu bằng khăn xanh thẫm bằng lụa nhuộm, dùng một dây sắt xuyên vào phía trước trán, mặt trước của khăn gấp cong xuống tới cổ rồi dùng dải buộc túm lại ra phía sau. Trên đỉnh khăn có một cái móc bằng sắt, trên móc sắt lại buộc thêm một cái giải nữa.

⁽¹⁾ Bằng 2 mét.

HÌNH RỒNG XĂM

Sau khi nghe vị bô lão kể lại đầu đuôi, nhà vua hỏi các quan:

- Các khanh có kế gì trừ được nạn cá sấu cho dân hay không?

Quan Thái úy tâu:

- Gửi Quan gia, từ xưa đến nay dân vẫn có lệ vẽ hình rồng để cho loài thủy quái tưởng là đồng loại không ăn thịt, lệ ấy truyền từ đời Hùng vương đến giờ. Ta cứ nên theo lệ ấy sai người xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và ở vế đùi, lội xuống sông chắc là loài cá sấu sẽ không làm hại.

Vị bô lão vội tâu:

- Muôn tâu, chúng tôi đã cử người xăm mình lội xuống sông nhưng con cá sấu chẳng kiêng nể gì cứ nuốt tươi.

Viên quan lúng túng:

- Chắc chỉ có giao long, thường luồng cùng họ với rồng mới không ăn thịt người vẽ hình rồng, còn cá sấu khác loại với rồng nên cứ ăn thịt người xăm mình như thường, điều đó cũng không lấy gì làm lạ.

Trần Anh Tông lo lắng:

- Nếu vậy ta đành chịu bó tay để mặc dân chết oan vì cá sấu hay sao?

Quan Thượng thư bộ Hình Nguyễn Thuyên tâu:

- Gửi Quan gia, thần đọc sách thấy có chuyện đời Đường, cũng có con cá sấu vào sông tàn hại dân lành, sau nhờ có Hàn Dũ làm bài văn tế cá sấu, đọc xong thì cá sấu bỏ đi. Ta cũng nên

nói theo việc trước mà làm, chắc thế nào cũng có công hiệu.

Mấy vị quan già cùng tâu:

- Muôn tâu, ta cứ nên nói theo lời nói và việc làm của người xưa thì ứng dụng vào việc gì cũng được thích nghi, vì lời của các bậc hiền triết xưa không còn sót một nghĩa gì, nếu ta chỉ lĩnh hội được một câu cũng đã thành tựu được vô hạn khí thức, tài năng, dù có theo suốt đời cũng được. Lũ thần thấy ta cứ nên nói theo việc cũ của Hàn Xương Lô là hơn.

Các vị quan khác cũng đều tán đồng, chỉ có quan Ngự sử trung tán Đoàn Nhữ Hài là chỉ mỉm cười không nói gì.

Trần Anh Tông nghe lời Nguyễn Thuyên, sai quan quân mang lễ vật tới bờ sông Phú Lương để tế cá sấu.

Đêm ấy, Nguyễn Thuyên thức khuya để viết bài văn tế. Đầu tiên ông viết bằng chữ Hán, nhưng sau đó lại nghĩ con cá sấu sống ở nước ta, nếu đọc bằng âm Hán - Việt thì con cá sấu nghe không hiểu. Hay là ta làm bằng quốc âm, con cá sấu nghe sẽ hiểu ý. Thế là ông viết bài văn tế bằng chữ Nôm.

Suốt cả một dọc sông, cờ xí la liệt, chiêng trống rầm trời. Trên hương án đặt hương nến, hoa quả và lễ vật tam sinh gồm trâu, dê, lợn thui. Quan Thượng thư Nguyễn Thuyên quỳ xuống chiếu đọc bài văn tế, giọng lên bổng xuống trầm.

Đọc xong, ông truyền ném lễ vật xuống cho cá sấu hưởng. Mọi người chờ đợi trở mắt nhìn xuống sông chờ con cá sấu xuất hiện. Mấy đứa trẻ sợ hãi níu chặt lấy áo bố mẹ. Ai cũng tin rằng cá sấu sẽ nhận lời mời hưởng lễ vật rồi bỏ đi theo lệnh triều

HÌNH RỒNG XĂM

đình. Tiếng chiêng trống lại đổ hồi rộn rã như sấm động. Nén hương, giấy vàng được đốt lên cháy bùng bùng rồi ném xuống nước như sao sa. Ánh lửa đỏ rực phản chiếu xuống mặt nước sông đầy vẻ rùng rợn, đánh dấu cái giờ khắc linh thiêng cá sấu nhận lễ vật.

Nhưng mọi người chờ đợi mãi vẫn không thấy tăm hơi cá sấu đâu cả.

Trên đường về, dân chúng bàn tán:

- Thôi đúng là cá sấu sợ lệnh triều đình đã bỏ đi rồi.
- Vua ở dương gian ngang hàng với Long vương dưới thủy cung, loài thủy tộc sợ uy triều đình là đúng chứ.
- Thế là dân mình thoát khỏi tai họa! Quan Thượng Nguyễn quả là người trời!

Được tin cá sấu đã đi khỏi, Trần Anh Tông vời Nguyễn Thuyên vào cung hỏi ông muốn gì vua sẽ ban thưởng cho cái ấy. Nguyễn Thuyên tâu:

- Thần không muốn xin ân huệ gì của triều đình mà chỉ muốn xin đức vua ban cho họ Hàn mà thôi.

Vua nói:

- Trẫm chuẩn y cho khanh đổi sang họ Hàn và kỳ vọng khanh sẽ trở thành một Hàn Dũ của nước Đại Việt.

Nhưng sự vui mừng của mọi người không được lâu. Nửa tháng sau, lại có tin con cá sấu lại xuất hiện ở khúc sông Phú Lương và ăn thịt một số dân chài.

Lần này, Trần Anh Tông không muốn làm kinh động trong triều ngoài nội nên chỉ triệu Thượng thư Nguyễn Thuyên và Ngự sử trung tán Đoàn Nhữ Hài vào cung bàn bạc. Vua nói:

- Lần trước ta sai Nguyễn Khanh làm bài văn tế đuổi cá sấu. Cá sấu đã chịu đi, không hiểu sao nay nó lại quay trở lại, các Khanh có biết vì sao không?

Nguyễn Thuyên bối rối:

- Thần chỉ biết làm theo việc cũ của người xưa, không hiểu sao lần này lại không thấy công hiệu. Hay là tại thủy thổ nước ta có khác với bên Tàu chăng?

Đoàn Nhữ Hài mỉm cười:

- Gửi Quan gia, lần trước người kéo đến đông nghịt hai bên bờ sông lại có chiêng trống rầm rĩ, cá sấu cho là có nhiều người đến đánh bắt nó nên nó sợ mà bỏ chạy. Chờ một hồi thấy yên yên nó lại quay trở lại, có thể thôi.

Nguyễn Thuyên bức bối:

- Quan Ngự sử nói như vậy, chẳng hóa ra những lời thánh hiền nói trước đây đều là vu khoát cả hay sao?

Đoàn Nhữ Hài đành thếp:

- Các ngài chỉ biết người xưa làm thế nào là làm theo đúng y như thế mà không biết rằng mỗi thời một khác, mỗi nơi một khác, phải tùy thời, tùy cảnh mà xử trí. Ngài bảo Hàn Dũ đọc văn tế mà cá sấu bỏ đi, vậy ngài có biết đích xác là chuyện ấy có thật hay không, hay do người ta bịa ra. Sách xưa cũng chép:

Rồng vàng đội thuyền của vua Vũ. Vậy ngài đã thấy con rồng mặt ngang mũi dọc ra thế nào chưa, hay con rồng cũng là một con vật do người ta tưởng tượng ra mà thôi.

Trần Anh Tông nhìn Đoàn Nhữ Hài:

- Khanh nói như vậy chắc là có kế trừ được nạn cá sấu, sao lần trước không tâu cho trẫm rõ.

Đoàn Nhữ Hài ngập ngừng. Đoàn mới hai mươi tuổi mà đã được làm quan to nên nhiều người không phục. Đoàn lại không xuất thân từ khoa cử mà chỉ là một anh học trò được vua cất nhắc. Nguyên một hôm, vua Anh Tông uống rượu xươg bồ say quá. Thượng hoàng Nhân Tông từ phủ Thiên Trường⁽¹⁾ về kinh sư, quan trong triều không ai biết cả. Nhân Tông thông thả xem khắp các cung điện, từ giờ Thìn đến giờ Ty⁽²⁾. Người trong cung dâng cơm, Thượng hoàng ngoảnh trông, không thấy vua, ngạc nhiên hỏi là: Quan gia ở đâu? Cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng vua không tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, trở về Thiên Trường ngay, xuống chiếu cho các quan ngày mai đều phải đến họp ở phủ Thiên Trường để bàn việc lập vua mới, ai trái thì xử tội... Đến giờ Mùi, vua mới tỉnh, cung nhân đem việc ấy tâu. Vua sợ quá, đi rảo ra ngoài cung, không thấy ai coi giữ. Qua chùa Tư Phúc, gặp học sinh Đoàn Nhữ Hài đứng ở cửa chùa, nhờ thảo hộ bài biểu rồi cùng Nhữ Hài xuôi thuyền nhẹ xuống Nam tã tội Thượng hoàng.

⁽¹⁾ Đời Trần có lệ : Vua hơi lớn tuổi đã truyền ngôi cho con, làm Thượng hoàng, giúp vua coi việc nước, thường về ở phủ Thiên Trường (gần thành phố Nam Định hiện nay).

⁽²⁾ Khoảng 7 giờ đến 11 giờ sáng.

Được làm vua lại, vua bớt uống rượu và cất nhắc Đoàn Nhữ Hài từ chân học trò lên làm Ngự sử trung tán. Có người ghen Nhữ Hài tuổi trẻ làm quan to, làm thơ mỉa mai:

Đài Ngự sử ôn câu cổ ngữ

Miệng Đoàn trung tán sữa còn hoi

Cũng vì biết như vậy nên Đoàn Nhữ Hài thường để cho các quan khác có ý kiến trước, khi họ không có cách gì hay, lúc ấy Đoàn mới trình bày kế sách của mình. Lúc này Đoàn tâu vua:

- Gửi Quan gia, thần cũng có một kế mọn, nhưng phải để cho thần có quyền tiện nghi hành sự thì mới làm nên việc. Thần xin đoan quyết với Quan gia là sẽ trị được cá sấu, nếu việc không thành, thần xin chịu tội.

Trần Anh Tông y lời tâu, cho Đoàn Nhữ Hài được tùy ý mà làm, Đoàn Nhữ Hài cho một số quân cấm vệ khỏe mạnh tập bơi tập lặn ở khúc sông Đông Bộ Đầu. Cụ Yết Kiêu năm ấy đã hơn bảy mươi tuổi đang nghỉ hưu ở quê nhà cũng được mời đến để huấn luyện môn bơi lội. Cụ đã già mà vẫn còn quắc thước. Vuốt chòm râu bạc như cước, cụ thông thả nói với Đoàn Nhữ Hài:

- Khi bơi ngoài biển đánh quân Nguyên năm trước, tôi đã từng thấy cá sấu, nên biết được rằng dưới nước, sấu không há miệng, không thở được, muốn tấp mỗi, phải trồi lên tìm không khí. Muốn thế ta phải dùng thế bơi đứng, với thế này sấu không tấp được, một tay quạt nước, tay kia cầm lao phóng thẳng vào miệng cá.

Tập luyện ít ngày, các cấm vệ quân bơi đứng đã thành thạo.

Đoàn Nhữ Hải lại về vùng biển, hỏi han những thợ câu già có kinh nghiệm. Sau đó, ông bày cách cho cấm vệ quân khi bơi đứng, một tay quạt nước, tay kia cầm cái nón lá để che phủ đầu, dùng một lưỡi câu to, móc con vẹt sống vào làm mồi, nối theo lưỡi câu có sợi dây chắc và dài.

Khi đến khúc sông Phú Lương, cấm vệ quân xuống sông, cầm theo con vẹt để nhử. Người thấy mùi thịt sống, cá sấu đến, vừa há miệng, thừa lúc ấy, cấm vệ quân ném con vẹt vào. Sấu táp nhanh nên mắc lưỡi câu càng giãy giụa thì lưỡi câu nhọn càng đâm ngập vào trong họng. Lúc bấy giờ dân trên bờ đã chực sẵn rủ nhau xúm lại kéo dây đem sấu lên. Trên cạn, sấu trở nên vụng về bất lực, bị người ta dùng chĩa, xích trói lại rồi dùng dao, mác chặt ra từng khúc, thịt làm món ăn, da lột phơi khô, răng làm cán đồ dùng.

Nghe Đoàn Nhữ Hải đã trừ được cá sấu, Nguyễn Thuyên vội đến nhà Đoàn mà tạ rằng:

- Nhờ có kế của quan Ngự sử mới trị được cá sấu, văn chương của tôi hóa thành vô bổ mất rồi.

Đoàn Nhữ Hải vội an ủi:

- Quan Thượng thư bình tâm, văn chương của ngài tuy không trực tiếp đuổi được cá sấu nhưng ít ra cũng có công dụng nhắc nhở mọi người phải giữ gìn lãnh thổ, ngăn chặn không cho cá sấu xâm phạm quấy nhiễu dân lành. Nhất là ngài lại làm bài văn tế bằng quốc âm cũng nhắc nhở mọi người phải biết coi trọng tiếng nói của dân tộc ta. Như vậy cũng là lập được một chiến công xây dựng nền văn hiến vậy.

Nghe xong Nguyễn Thuyên vội sụp lạy Đoàn Nhữ Hài:

- Quan Ngự sử quả là người có kiến giải sâu xa lại rộng lượng dung người. Thuyên này xin bái phục.

Nghe tin nạn cá sấu đã dứt, Trần Anh Tông phán:

- Từ nay tất cả trai tráng trong nước đều phải tập bơi lội để sẵn sàng ứng phó với loài thường luồng cá sấu, hễ thấy chúng xuất hiện ở đâu phải trừ diệt cho bằng được.

Ngừng một lát, vua lại nói:

- Ta nên bỏ hẳn tục xăm hình rồng. Nếu quả có rồng thật, ta phải tập luyện sao cho được khỏe mạnh nhanh nhẹn như rồng.

Đoàn Nhữ Hài tâu:

- Gửi Quan gia, có lẽ vì dân ta trồng lúa nước, cần mưa nên mới hình dung ra con rồng là một vật thiêng liêng phun nước làm mưa tưới cho đồng ruộng. Theo triết lý cổ truyền, tướng và dụng của rồng là dương, vùng vẫy làm mưa làm gió, nhưng thể của rồng thì lại là âm, tiềm phục, âm nhu, khi ẩn khi hiện rất hợp với tính chất uyển chuyển của con người Đại Việt, rất dũng mãnh, tung hoành mà cũng rất nhu hòa, tùy thời tùy lúc. Ông cha ta nhận mình là con Rồng cháu Tiên cũng vì lẽ ấy.

Trần Anh Tông cương quyết:

- Dầu ta có là con Rồng cháu Tiên thật đi chăng nữa thì phải noi gương ông cha để phá Tống bình Nguyên, chứ nếu ỷ lại vào tiếng tăm danh liệt của tổ tiên mà không tự rèn luyện mình thì đó cũng chỉ là đội lốt rồng mà thôi.

Nhìn những cấm vệ quân khỏe mạnh, lực lưỡng, bắp thịt rắn chắc, nước da bóng như đồng hun, những người vừa có công trừ được cá sấu, vua phán:

- Đây là những Yết Kiêu của cuộc chiến đấu mới, diệt thù giặc, bảo vệ cuộc sống yên lành cho dân. Đáng họ đẹp có thua gì rồng cọp!

BÁT CANH LƯƠN

Bùi Cầm Hồ⁽¹⁾ đang lang thang trên các phố phường Thăng Long để tìm đường cầu học, thì bỗng nghe mấy người đàn bà đi trước chàng bô bô kháo một câu chuyện đang xôn xao ở chốn kinh thành.

Số là nhà nọ, chồng đi buôn xa. Trước khi chia tay, biết chồng thích ăn lươn, vợ bèn mua lươn về nấu canh. Ăn xong, người chồng chết ngay lập tức. Người ta giải chị vợ lên quan, ghép vào tội ngoại tình giết chồng. Chị ta nhất mực kêu oan nhưng khi bị tra khảo thì đã thú nhận. Ngày mai, người đàn bà này sẽ bị đem cho voi giày. Một người đàn bà cất giọng:

- Gớm cho cái hạng đàn bà gian ác, ngữ ấy thì voi giày ngựa xé cũng đáng.

- Vậy mà mụ ta còn già hòng kêu oan, đúng là gái đĩ già mồm. - Một người khác chen vào, giọng mỉa mai.

Lại cũng có người bắn khoăn:

- Các bà đừng chưa chi đã vội đóng sống cho người ta như thế. Nhỡ ra chị ta vô tội, chỉ vì không chịu nổi nhục hình mà phải nhận thì sao?

Nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, Bùi Cầm Hồ giật mình. Chàng

⁽¹⁾ Bùi Cầm Hồ (1390-1483)

vốn là người làng Độ Liêu, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An⁽¹⁾, dưới chân núi Kẻ Treo thuộc dãy Hồng Lĩnh. Thuở nhỏ, cha mẹ mất sớm, Hồ phải đi mò cua, xúc cá, bắt lươn, mang bán để lấy tiền sinh sống, nên đã am hiểu cách thức bắt lươn và chỗ có lươn. Muốn bắt lươn phải có ống trúm là một khúc tre dài khoảng một thước ta, đường kính gần hai, ba mươi phân, một đầu để mắt tre bít, đầu kia trống và bịt vào đó một cái hom. Trong ống trúm để mồi trùn đất, cá sặt, cá trê hoặc cá bống sinh thói cho lươn đánh mồi, chun qua hom, vọt ăn mồi và mắc kẹt trong ống trúm. Lươn thường có màu vàng dưới bụng, trên lưng thì đen. Lại có thứ lươn trắng tươi từ đầu đến đuôi, lươn này rất hiếm và quý, vì nó là một vị thuốc ta có thể trị bệnh đậu mùa. Người ta lấy nhớt giải lươn trắng khi nó nhả ra, dùng lông gà chấm nước nhớt ấy rồi phết lên mấy mụn đậu, chẳng những trong mình người bệnh được mát mẻ mà đậu không cương lên nữa. Ngoài ra, còn có giống lươn toàn thân màu vàng, có độc chẳng khác gì rắn, nếu ăn phải giống lươn ấy là ngộ độc chết.

Một hôm, Hồ đang đi bắt lươn, thì có một người đàn ông trung niên đi qua, hỏi mua lươn. Thấy cậu bé mặt mũi khôi ngô, ăn nói lễ phép, người đó bèn hỏi tên họ. Hồ thưa:

- Thưa ông, cháu tên là Bùi Cẩm Hồ, vì cha cháu trước đây là thợ săn nên mới đặt tên cho như vậy.

Người đó cười:

- Tên là Cẩm Hồ mà không đi bắt cộp, lại bắt lươn à? Ta thấy mặt mũi cháu khôi ngô, mà phải làm cái nghề này, không được

⁽¹⁾ Nay thuộc huyện Can Lộc, Hà Tĩnh.

học hành, nó uống phí đi mất. Để đấy, ta sẽ cấp tiền hàng tháng cho cháu ăn học.

Từ đấy, Bùi Cầm Hổ ngày đêm dốc chí học hành, chỉ trong ba năm đã học hết chữ của các thầy đồ trong vùng. Nghĩ rằng ở kinh đô có nhiều thầy giỏi, nên Hổ khăn gói lên kinh tìm thầy, cũng để tìm dịp tiến thân.

Lúc này nghe chuyện vụ án giết chồng, Hổ đoán là người đàn bà đã mua lầm phải giống lợn màu vàng cho chồng ăn. Chàng bèn đến bộ Hình, xin gặp quan Thượng thư, kêu cho người đàn bà. Chàng cả quyết:

- Tiểu sinh cam đoan rằng mình mình oan được, nếu không sẽ xin chịu tội, chỉ xin quan cho lui ngày hành hình một hai hôm.

Thấy một chàng trai không quen biết kẻ phạm tội, lại từ nơi xa tới khẳng khẳng đòi mình oan, quan Thượng thư rất lấy làm lạ nhưng cũng bằng lòng.

Hôm sau, Hổ về các làng mạc phụ cận kinh thành, lùng bắt cho bằng được mấy con lợn màu vàng. Vốn đã có kinh nghiệm nên chàng biết giống lợn ấy hay rúc ở chỗ nào. Rồi chàng ra chợ mua một mớ lợn lớn, để lẫn mấy con lợn màu vàng vào. Đổ lợn trước mặt mọi người, không ai nhận ra có gì khác biệt giữa những con lợn này. Chàng bèn bắt riêng ra mấy con lợn vàng. Quan và mọi người chưa hiểu thế nào thì chàng đã chỉ vào mấy con để riêng mà nói:

- Bẩm đại nhân, cứ trông những con lợn này giống các loại lợn khác, đến nỗi khó phân biệt nổi nếu không tinh. Nó là loại lợn màu vàng, có độc. Người đàn bà nọ quả vì yêu chồng nên

đã mua lươn cho chồng ăn, nhưng không ngờ trong mớ lươn có lẫn loại lươn độc, nên người chồng đã ngộ độc. Kể tiện dân này vốn biết như vậy từ dạo ở quê nhà, nên đến xin minh oan để cứu một mạng người, đồng thời cùng là để làm sáng danh Chúa thượng cùng pháp luật triều đình.

Chàng xin quan cho làm thịt loại lươn độc ấy, nấu canh như người đàn bà đã nấu rồi cho chó ăn thử. Ăn xong, quả nhiên chó chết ngay.

Quan liền truyền hủy cuộc hành hình và đem người đàn bà ra xử lại. Quan hỏi trong mớ lươn nài nấu cho chồng ăn, có con nào màu vàng không. Nàng nghĩ lại và nhớ ra là có. Quan liền xử cho nàng được trắng án. Chuyện này đồn rộng ra, ai cũng ngợi khen. Chuyện đến tai vua Lê Thái Tông, vua bèn triệu Bùi Cầm Hổ vào làm quan trong triều.

Thấy Hổ làm nên không do thi cử, đình thần nhiều người không phục. Gặp khi có kỵ ở Thái miếu, giờ làm lễ định vào trước lúc trời sáng. Theo lệ, hôm ấy trăm quan phải đến họp ở hành lang Thái miếu từ nửa đêm, nhưng một mình Hổ đã đến túc trực từ giờ Dậu⁽¹⁾.

Đêm ấy, mưa to gió lớn. Chốc lát ngự giá tới nơi mà trăm quan chưa một ai đến, vua nghĩ lễ lớn không nên đổi lại giờ khác, thế là ông kiêm làm mọi việc.

Một mình ông làm việc dâng rượu, tới lui bưng nậm lên rồi rót ra chén, đủ ba tuần, hết thấy đều đúng lễ.

⁽¹⁾ Từ 7 đến 9 giờ tối.

Lúc dâng hương, bấy giờ thuộc viên bộ Lễ có ý chơi khăm, đốt trầm trong lư hương không lót tro ở dưới. Ông rút chiếc khăn ướt trong túi, lót dâng đến trước vua, tâu là lư hương nóng, xin lấy khăn đỡ, rồi lui xuống, vẻ mặt vẫn bình tĩnh.

Lúc đọc chúc, cây nến ở trên điện bỗng tắt, ông cứ đọc mà không sai chữ nào. Đốt được nến lên thì ông đọc đã xong. Vì thế, vua rất khen tài của ông.

Trong niên hiệu Thái Hòa⁽¹⁾ ông làm quan đến Ngự sử trung thừa, lĩnh chức Yên phủ trấn Lạng Sơn. Lúc bấy giờ vua Nhân Tông còn nhỏ, bà Thái hậu Nguyễn Thị Anh sau khi giết oan Nguyễn Trãi, mặc sức chuyên quyền, tin dùng những kẻ tiểu nhân. Ông lấy chức Ngự sử, thường dâng sớ can ngăn những điều lầm lỗi, nhưng Thái hậu không nghe. Quả nhiên sau đó, bọn Phạm Đôn, Phan Ban nửa đêm đột nhập vào cung giết cả Nhân Tông và Thái hậu, lập Nghi Dân lên làm vua, đúng như sự tiên liệu của ông. Khi Thánh Tông được các đình thần đón lên ngôi, vua hết sức trọng dụng ông, thăng lên chức Tham tri chính sự.

Làng ông ở giáp bể, ven núi, thường khổ về nạn nắng và lụt. Nhớ lại hồi còn nhỏ đi bắt lươn, xúc cá, ông thường qua khe Độ Liêu, khe này vốn hứng nước Đạm Sơn từ trong Hồng Lĩnh. Ông bèn xếp đá men theo núi Hồng Lĩnh làm đập, rồi khơi nước khe làm ngòi cho nước chảy vào đồng ruộng, như kiểu kênh đào từ xưa. Cái ngòi ấy đào thành, tưới được hơn nghìn khoảnh ruộng, lợi cho người làng nhiều lắm.

⁽¹⁾ Thái Hòa (1443), niên hiệu của Lê Nhân Tông.

BÁT CANH LƯỜN

Khi ông mất, người ta lập đền thờ dưới núi Bạch Ty và ông được triều đình phong là phúc thần.

NGƯỜI LÍNH DẠY VOI VÀO VIỆN HÀN LÂM

Thái Thuận⁽¹⁾ đang ngồi cho mấy con voi chàng dạy đã thuần ăn mía, ăn chuối thì viên đội trưởng đội tượng binh dắt vào giao cho chàng một con voi rừng to lớn và nói:

- Ta giao người con voi này, người phải dạy sao cho nó thuần thực như mấy con trước.

Con voi rừng hung dữ, lồng lộn chỉ muốn bứt dây thòng lọng buộc ở cổ, ở chân để chạy. Thái Thuận đỡ lấy dây từ tay viên đội trưởng rồi buộc vào chiếc cột lớn tày ôm. Dây buộc voi làm bằng da trâu, nên dù cố sức bứt phá, voi rừng vẫn không thoát được. Thái Thuận để mặc voi rừng đấy, cứ cho voi nhà ăn chuối, mía thỏa thích. Voi rừng nhìn thấy voi nhà ăn uống mà thèm, kêu gầm lên, nhưng chàng vẫn làm như không để ý.

Thái Thuận cho voi nhà uống nước no nê, voi rừng đang cơn khát nước, thèm quá lại rống lên. Lúc này, chàng lấy cái sào buộc một tấm mía róc sẵn, giơ vào gần mặt voi rừng. Voi rừng giơ vòi toan giật, chàng lại lùi phắt đi. Làm thế độ vài lần để voi rừng thấm thía cái đói, cái khát, biết rằng nếu không chịu phục thì sẽ không được ăn uống.

Ngày hôm sau, Thái Thuận cưỡi một con voi đi trước. Bốn con voi nhà đi theo.

⁽¹⁾ Người làng Liễu Lãm, huyện Siêu Loại (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc).

Voi rừng còn bỡ ngỡ chưa biết nên theo hay không thì một cái lệnh truyền ra. Bốn con voi nhà xúm lại bám sát voi rừng thúc đi, nếu không đi, thì húc cho đến khi voi rừng đi theo voi đầu đàn mới thôi. Thái Thuận cho voi đi thẳng rồi quành trở lại. Voi rừng chưa biết nên quành trở lại hay đi thẳng thì voi nhà lại ộp cho đến khi trở lại mới thôi.

Những lần sau, voi đầu đàn vừa đi thì voi rừng đã đi theo, mà voi đầu đàn quay trở lại, thì voi nhà cũng quay trở lại.

Tập cho đến tối thì nghỉ, cho voi nhà ăn thỏa thích. Lúc này voi rừng đã khát quá, đã đói quá, thấy mía và chuối chàng quăng cho voi nhà, nó xô lại toan tranh để ăn. Nhưng bị đánh đau quá voi ta chỉ dám đứng nhìn.

Sáng hôm sau, khi voi đầu đàn bước đi, voi rừng đứng yên. Nhưng vừa thấy đàn voi nhà xông lại thì hình như nhớ lại trận đòn hôm qua, nó vội đi ngay.

Đi độ một trăm thước, voi đầu đàn quay lại, voi rừng cũng quay theo. Quay lại một trăm thước thì Thái Thuận quăng cho voi rừng một đăn mía nhỏ. Ăn xong, lại bắt đi. Lần này đi hai trăm thước mà quay lại cũng hai trăm thước. Chàng lại quăng cho nó một đăn mía nhỏ nữa. Voi rừng thấy nếu tuân lệnh thì được ăn uống, còn nếu không tuân thì bị đánh, nên chịu thuận phục.

Cứ thế tập độ mười lần một ngày, rồi dần dần năm mười bữa thả ra, voi rừng cũng không đi đâu nữa. Người có thể đến gần mà không nguy hiểm. Khi thấy voi rừng đã quen với người, lúc ấy Thái Thuận mới dạy quỳ, dạy co chân để trèo lên.

Thái Thuận cưỡi ở cổ voi, dùng cái búa sắt dài vài tấc có móc, móc vào đầu nó, muốn đi sang tả thì móc bên hữu, muốn đi sang hữu thì móc bên tả, muốn đi lui thì móc trán, muốn đi lên trước thì không móc, muốn nó quỳ thì gõ vào óc nó. Nếu gõ mạnh thì nó kêu rống lên. Muốn đi cho đều thì dùng búa móc trước, móc tả, móc hữu. Con voi tuy to xác nhưng không chịu được đau, nhất là bị gõ mãi vào một chỗ, lâu ngày chỗ ấy đã động đến thịt, nên khẽ đánh là đau.

Khi đã dạy được quen rồi, Thái Thuận lại thúc nó cúi đầu, quỳ gối, chân tả đằng trước, người lên rồi thì nó đứng dậy đi. Rồi chàng cho đóng bánh, đóng yên để chờ giao lại cho người được cưỡi.

Một hôm, viên chỉ huy đội tượng binh truyền lệnh cho Thái Thuận mang con voi vừa dạy thuần đến dâng vua ngự.

Thái Thuận cưỡi trên đầu voi, vừa đi đến cửa thành thì thấy kiệu vua Hồng Đức⁽¹⁾ đã tới. Chàng phát cờ đỏ làm hiệu lệnh cho voi quỳ, rồi nhảy xuống đỡ vua lên yên bằng da, đặt trên bánh vàng, ngồi vững chãi. Chàng nhảy phát một cái lên đầu voi, rồi phát cờ lệnh cho voi đứng lên đi. Vua thấy voi răm rắp tuân theo hiệu lệnh, khi đi rất êm, có cảm tưởng như ngồi trên một khoang thuyền lớn đi trên mặt nước. Vua hỏi Thái Thuận:

- Tại sao ngươi lại dạy được con voi khôn như vậy?

Thái Thuận thưa:

- Tâu Bệ hạ, thần ngoài việc học kinh nghiệm dạy voi của các

⁽¹⁾ Tức Lê Thánh Tông.

quản tượng già, còn xem rộng các sách nói về tính tình, lối sống của loài voi và các phương pháp dạy voi, tự mình nghiên cứu đối chiếu với thực tế, để tìm cách riêng dạy chúng đến thuần.

Vua Hồng Đức ngạc nhiên hỏi:

- Người đã đọc những sách gì?

- Tâu Bệ hạ, sách *Bản thảo tập giải* nói: Voi mất như mất lợn, đi thì đưa chân tả đi trước. Sách *Thảo mộc trạng* nói: Khi voi đi, nó biết chỗ đất nào chắc, đất nào rỗng, nó thấy hơi rỗng là không đi qua, cho nên các đế vương đi đâu, có lỗ bộ⁽¹⁾ thì cho voi đi dẫn trước. Sách *Thị thính lục* nói: Voi sợ ánh sáng lửa. Người ta lấy cái cần dài, đầu buộc cỏ tranh, hễ thấy voi tới, tẩm dầu, đốt, chĩa vào nó, thì nó đi ngay. Sách *Thuyết uyển* nói: Hễ trong tai bên trái con voi có dầu chảy ra, đó là tính chất rừng núi của nó lại phát ra, thì thường thường nó chạy lồng lên, hại đến người. Cho nên, người quản tượng thấy dầu ấy chảy ra thì lấy dây buộc giữ nó lại. Sách *Dậu dương tạp trở* nói: Mật voi tùy bốn mùa chạy xuống bốn chân. Sách *Quế hải ngu hành chí*, của Phạm Thành Đại đời Tống, cũng đã tìm hiểu cách dạy voi ở nước Đại Việt ta để ghi vào sách, dựa theo lời của các quản tượng đời Lý mang voi sang cống vua Tống.

Vua Hồng Đức kinh ngạc hỏi:

- Người chỉ là một tên lính tầm thường, cớ sao lại đọc đến cả những sách lạ ấy?

- Muôn tâu, thần từ nhỏ đã ham học, lại theo học một ông

⁽¹⁾ Đồ nghi trượng: dàn ra khi vua đi đường.

thầy trong thời thuộc Minh bị bắt sang Tàu, đến khi đức Thái Tổ đuổi được giặc Minh ra khỏi cõi, ông được trở về nước, mang theo một số sách của Tàu chép về nước ta dựa theo sách vở của ta mà họ cướp mang về Tàu, thần được thầy cho mượn những sách ấy đọc, nên mới biết những điều đó.

- Thế tại sao người lại phải đi lính?

- Tâu, vì nhà thần nghèo khó, cha mẹ mất sớm, không có tiền lo lót bọn chức dịch trong làng, nên bọn họ bắt đi lính thế vào chỗ bọn con nhà hào phú tốt lẽ. Thần cứ nhận lời đi lính, vì nghĩ rằng đi lính cũng có thể giúp ích cho nước nhà. Người xưa nói: *Sĩ khả vi bách nghệ*⁽¹⁾, chỉ cần có cái *học trí tri tại cách vật*⁽²⁾ là muốn làm gì cũng được.

Vua Hồng Đức thấy Thái Thuận dẫn chứng sách vở và nói trôi chảy lưu loát đâu ra đấy, hài lòng phán:

- Người có đại tài như người mà làm nghề dạy voi, uổng phí đi mất. Ta cho người về truyền thụ hết kinh nghiệm dạy voi cho các quản tượng khác, rồi vào triều phục mệnh. Trẫm sẽ cất nhắc người lên làm quan ở Viện Hàn lâm, lo việc thu thập lại sách vở của nước ta đã bị mất trong thời thuộc Minh, và kê cứu những tài liệu chép về nước ta, ghi chép để lại cho con cháu sau này.

Thái Thuận tâu:

- Bệ hạ có lòng thương tưởng, đề bạt cho thần, nhưng nếu không xuất thân do khoa cử, e rằng các đồng liêu không phục.

⁽¹⁾ Kẻ sĩ có thể làm trăm nghề.

⁽²⁾ Tìm cứu ra cái nguyên lý của sự vật mà suy ra cái tri thức cùng cực, chữ sách Đại học.

Xin cho phép thần rời khỏi ngạch lính về nhà tiếp tục đọc sách, sau khi tên chiếm bảng vàng, lúc ấy sẽ xin nhận chức cũng không muộn.

Vua Hồng Đức chuẩn y.

Thái Thuận về nhà, đèn sách dùi mài bù vào thời gian phải gián đoạn việc học hành. Tuy vậy, thời kỳ ở lính cũng giúp chàng hiểu biết về nỗi cực nhọc vất vả của người lính, để sau này đưa vào bài thơ *Chinh phụ* nổi tiếng.

Đến khoa Ất Sửu, Hồng Đức thứ 6⁽¹⁾, Thái Thuận đỗ Tiến sĩ. Khi vào bộ kiến, vua Hồng Đức vui mừng gặp lại người lính dạy voi năm trước. Ông được nhà vua cho cưới con voi ngự đi chơi khắp các phố phường. Con voi nhận ra người đã từng nuôi dạy mình, kêu lên những tiếng vui mừng.

Sau đó, vua Hồng Đức đưa ông vào làm việc ở Chiêu Văn Quán. Ông giữ công việc ở viện Hàn Lâm 24 năm, rồi vào Đông Các, làm hiệu thư cho vua.

Khi vua chọn các văn thần có tài thơ văn vào hội Tao Đàn, ông được cử làm Tao Đàn sái phu⁽²⁾, sau được thăng lên Tao Đàn phó nguyên súy.

Lúc ở Thăng Long, ông ngụ tại phường Toán Viên tức phường Vườn Tỏi, sở dĩ có tên ấy vì là nơi vua Trần Dụ Tông sai tư nô cày một mẫu ruộng ở bờ bắc sông Tô Lịch, trồng tỏi, rau muống và các thứ rau dưa khác, để bán. Sống gần thiên nhiên và những

⁽¹⁾ Năm 1475.

⁽²⁾ Ý nói: người quét dọn vườn văn.

người dân lao động, hồn thơ ông càng thêm phóng khoáng, lời thơ càng thanh thoát, đầy vẻ ung dung tự tại, tỏ chí khí lo cho dân cho nước mà không bén mùi danh lợi. Trong bài *Đề Toán Viên phường sở cư bích thượng*⁽¹⁾ của ông có câu:

*Bắc khuyết vô thư can thế dự,
Tây hồ hữu nguyệt cấp thi bản.*⁽²⁾

Lại bài *Toán Viên tự thuật*⁽³⁾ có câu:

*Triêu tùy Bắc khuyết chung câu khởi,
Mộ hậu Tây hồ điều cộng quy.*⁽⁴⁾

Thái Thuận làm rất nhiều thơ. Học trò Lã Chính Mô biên tập thành nhiều loại với nhan đề *Lã Đường di cảo*, và bài tựa ca ngợi: “Các bài trữ tác đều từ trong bụng đào bởi ra, rất là tân kỳ mà cách điệu âm luật và phép đặt câu thì đủ thể của các nhà văn”.

Trong *Kiến Văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn cũng nói: *Lời xưng tụng ấy rất đúng vì sau tập thơ Giới hiên của Nguyễn Trung Ngạn*⁽⁵⁾ ít khi có thể văn ấy.

Một điều chứng tỏ sức sống của thơ ông, là mãi đến hồi đại

⁽¹⁾ Đề vách nhà ở phường Vườn Tỏi.

⁽²⁾ Cửa Bắc không thư can thế dự,
Hồ Tây trăng đỏ gọi hồn thơ.

⁽³⁾ Tự thuật ở phường Vườn Tỏi.

⁽⁴⁾ Sớm theo cửa Bắc chuông kêu dậy,
Chiều đợi hồ Tây chim rủ về.

⁽⁵⁾ Nguyễn Trung Ngạn đỗ Hoàng giáp đời Trần Anh Tông (1304). Năm 16 tuổi, làm quan đến Nhập nội hành khiển (Tể tướng).

NGƯỜI LÍNH DẠY VOI VÀO VIỆN HÀN LÂM

chiến thứ nhất (1914-1918), Pháp bắt người Việt đi lính sang Pháp đánh Đức, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh còn sao lục bài thơ *Chinh phụ* của ông đăng lên báo Nữ giới chung kèm theo bản dịch của ông Nguyễn Đình Chiêm, con trai út nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, để góp phần tố cáo âm mưu bắt lính chết thay cho mẫu quốc.

CHÚ LÍNH ĐỀ THƠ TRONG HỘI TAO ĐÀN

Đêm Trung thu năm ấy, vua Hồng Đức⁽¹⁾ cho triệu các văn thần vào trong điện thưởng trăng, vịnh thơ.

Vua ham chuộng văn thơ, nên kén 28 văn thần giỏi thơ, lập nên Hội Tao Đàn gọi là *Tao Đàn nhị thập bát tú*⁽²⁾, mà vua là Nguyên súy. Thôi thì đủ mặt, này đây là hai phó Nguyên súy Tao Đàn Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận. Rồi đến Ngô Luân, Ngô Hoán, Nguyễn Xung Xác, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Vũ Dương, Ngô Thâm, Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thư Mậu, Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Hoan, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Nguyễn Hoãn, Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tồn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Như Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú, Chu Huấn. Cho đến người sái phu (phu quét dọn) trong Tao đàn cũng là Trạng nguyên Lương Thế Vinh và Tiến sĩ Thái Thuận.

Nhìn các văn thần, mặt vua Hồng Đức tươi như hoa. Phải là thời thịnh trị, nhân tài mới đông đúc như vậy. Qua các buổi họp vịnh thơ của Hội Tao Đàn, đã tập hợp được một số thơ để làm mấy cuốn sách: *Minh lương cầm tú*, *Cổ xúy nguyên âm*, *Thiên Nam dư hạ tập*. Từ ngàn xưa đến lúc này, chưa có bao giờ văn chương nảy nở rực rỡ đến vậy. Có lẽ văn tinh trên trời đều giáng

(1) Tức Lê Thánh Tông.

(2) 28 ngôi sao trên Tao Đàn.

cả xuống nước ta cũng nên.

Nhưng niềm vui của nhà vua cứ mỗi lúc một hao dần, vì chờ mãi mà không thấy trăng lên. Thì ra đêm trung thu năm nay không có trăng. Thôi thế thì cứ ra quách cái đầu đề *Trung thu vô nguyệt* cho các văn thần làm thơ mà lại hay. Có cảnh khác thường, biết đâu không nảy ra tứ mới lạ. Vua liền nói với các quan:

- Đêm nay trung thu không trăng, trầm ra đề là *Trung thu vô nguyệt*, các khanh mỗi người hãy làm một bài thơ, đọc lên cho trăm nghe, thơ ai được bình chọn là hay nhất, sẽ có thưởng.

Các quan nghe vua phán đều cúi đầu nghĩ ngợi. Trong bụng ông nào ông ấy đều chứa đầy ấp những ý thơ về trăng từ đời Hán, đời Đường, đời Tống, bên Trùng Hoa. Nào tích nàng Hằng Nga ăn trộm thuốc tiên của chồng là Hậu Nghệ rồi trốn lên cung trăng. Nào chuyện Đường Minh Hoàng du nguyệt điện... Nào bài *Quan san nguyệt*, *Nguyệt hạ độc chúc*, *Nga Mi sơn nguyệt ca* của Lý Bạch, nào bài *Nguyệt dạ* của Đỗ Phủ, nào bài *Khách trung nguyệt* của Bạch Cư Dị⁽¹⁾... toàn là mẫu mực tuyệt diệu về thơ vịnh trăng, chỉ cần khéo léo mượn ý, dùng điển, là có thể làm một bài thơ vịnh trăng nghe được. Nhưng đêm nay lại không có trăng thì biết làm thế nào? Giá có cảnh trăng đẹp thì may ra còn có thể nảy hứng, đằng này nhìn lên bầu trời tối tăm ảm đạm, hỏi còn thích thú gì mà làm thơ.

Vua Hồng Đức thấy các quan đều im lặng, liền nói:

- Xưa có câu: *Kim dạ nguyệt minh nhân tận vong*, *Bất tri thu tứ*

⁽¹⁾ Các thi hào đời Đường.

lạc thù gia, tức: Đêm nay dù không trăng nhưng biết đâu tứ thơ đã rơi vào một thi gia nào rồi cũng nên. Vậy các khanh hãy cố gắng làm thơ, để cho đêm trung thu này không đến nỗi vô vị.

Các quan còn xôn xao, thì đã thấy một chú lính quỳ gối dâng một bài thơ.

Cử tọa thấy vậy ai cũng cười rằng:

- Binh lính cũng biết làm thơ đó chẳng? Rõ thật đánh trống qua cửa nhà sấm.

Vua Hồng Đức liền phán bảo đưa thơ lên ngài coi. Thấy câu kết viết:

Chớ thấy phen này mà dễ nguyệt,

Thu sau trông nguyệt nguyệt càng cao.

Vua đọc xong đưa cho các quan xem, ai cũng tấm tắc khen ngợi là có tứ mới, lại ngụ ý muốn vượt hơn người khác.

Vua quay hỏi chú lính:

- Người tên là gì, quê quán ở đâu?

Chú lính thưa rằng:

- Tiểu tốt tên là Nguyễn Toàn An, người làng Thời Cử huyện Đường An, phải sung vào ngạch lính, giữ việc cắt cỏ trong cung điện.

Vua phán:

- Người có tài như vậy, ta sẽ tha cho không phải làm lính nữa,

CHÚ LÍNH ĐỀ THƠ TRONG HỘI TAO ĐÀN

cứ ở lại đây, ta sẽ bổ cho một chức quan.

Nguyễn Toàn An khảng khái:

- Tâu Bệ hạ, nếu Bệ hạ thương, thì xin xá miễn cho ngạch lính để thần về quê, tiếp tục học hành, rồi sẽ thi thố với người trong trường văn trận bút. Nếu bỗng dưng mà được cất nhắc, e rằng mọi người không phục.

- Người có chí như vậy, rất đáng khen, trẫm sẽ cho người trở về quê học tiếp! Nguyễn Toàn An bái tạ vua, trở về quê, đêm ngày đèn sách để tự lập lấy thân. Trải qua bao công phu cay đắng, đến năm Nhâm Thìn⁽¹⁾, có khoa thi, ông vào ứng cử, đỗ thi Hương xong lại đỗ cả thi Hội, lúc vào thi Đình được đỗ Bảng nhãn. Năm ấy ông mới 23 tuổi. Tiếc rằng vừa vinh quy bái tổ, ông phải cư tang mẹ trong ba năm, sau khi hết tang thì mất, nếu không đất nước ta đã có thêm một danh nhân văn học.

⁽¹⁾ Năm 1472

NGƯỜI NHUỘM XUÂN

Vua Quang Thuận⁽¹⁾ mở hộp gấm tìm lại bộ trang phục nhỏ sinh được cất giữ để lưu niệm hồi còn đi lánh nạn. Nguyên mẹ vua là bà Ngô Thị Ngọc Dao, Thứ phi của Lê Thái Tông, bị Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh ghen ghét tìm cách ám hại lúc bà đang có mang, may nhờ Nguyễn Trãi cứu thoát đưa bà về nương náu ở chùa Huy Văn⁽²⁾. Ở đây, bà đã sinh con trai đặt tên là Tư Thành. Ít lâu sau, vua Thái Tông đột ngột qua đời, Thị Anh vin cơ buộc tội Nguyễn Trãi chủ mưu đầu độc vua khiến toàn gia ông lâm vào thảm họa tru di. Một số trung thần thân cận biết rằng nếu để bà Ngọc Dao và con ở ngay trong chùa giữa kinh thành sẽ không đảm bảo an toàn, nên sai người đưa bà chạy về vùng Sơn Nam. Khi đến vùng Song An⁽³⁾ vì quân của triều đình hay tin, đuổi gấp nên những người hộ tống đành phải gửi Tư Thành ở lại nhờ một người dân trong làng nuôi giùm và đưa bà Ngọc Dao đi chạy tiếp. Tư Thành tư chất thông minh lại được cha nuôi chăm sóc chu đáo nên học rất nhanh và thơ văn sáng láng.

Khi Nhân Tông lên ngôi, thương cho thân phận của bà Ngọc Dao và đứa em mình đã lệnh cho người lần theo vết chạy trốn của bà mà dò tìm. Đoàn quân của triều đình đã tìm đến đất Sơn Nam, hạ, dò hỏi nhiều nơi nhưng vẫn chưa tìm ra tung tích gì.

⁽¹⁾ Tức vua Lê Thánh Tông, có hai niên hiệu Quang Thuận và Hồng Đức.

⁽²⁾ Ở phố Hàng Bột, Hà Nội hiện nay.

⁽³⁾ Nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Mãi sau, gặp được người gia nhân trước đây đã đưa bà Ngọc Dao chạy trốn cho biết nên mới tìm đến vùng Song An, dò ra nguồn gốc Tư Thành rồi tâu về triều. Triều đình cho người về tra xét nói rõ chuyện và cho đón Tư Thành về, phong làm Bình Nguyên Vương. Đến khi Nghi Dân giết Nhân Tông, cướp ngôi xưng đế, các đại thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt xướng nghĩa, giết bọn phản nghịch là Phạm Đôn và Phan Ban, truất ngôi Nghi Dân, lập Tư Thành lên làm vua, tức là vua Quang Thuận bây giờ.

Từ khi lên làm vua, sống ru rú ở trong cung, nhà vua không được biết dân tình như thế nào, mọi việc chỉ được biết qua lời tâu của đám cận thần. Vốn là người yêu văn thơ, nhà vua rất ưa chuộng thiên nhiên tươi đẹp với những rặng núi cao, những dòng sông rộng. Ngắm những cảnh hùng vĩ ấy, sẽ nuôi dưỡng cho chí khí to tát hơn, tâm hồn phóng khoáng hơn.

Mặc vào tấm áo dài xanh, chít vuông khăn lượt, nhà vua nhớ lại cũng trong cái lột thư sinh này mình đã từng đi giao du sơn thủy lấy hứng đề thơ. Một buổi chiều tà mùa hạ, đi hóng mát trên bờ sông đào, tình cờ gặp một cô gái đang vo gạo ở một bến nọ. Cô gái nhan sắc tuyệt vời, khiến Tư Thành không sao bỏ đi được. Đứng tần ngần hồi lâu, Tư Thành liền đọc bốn một câu rằng:

“Gạo trắng nước trong, mến cảnh lại càng thêm mến cả...”

Câu văn của Tư Thành tuy còn bỏ lửng nhưng ý nghĩa đã quá rõ ràng. Cô gái kia nghe xong vẫn cứ cúi đầu làm thình. Mãi lúc cấp rá gạo ra về, cô mới ngoái cổ đáp lại:

“Cát lậm gió bụi, lo đời đâu đấy hãng lo cho...”

Câu này cũng bỏ lửng nhưng Tư Thành hiểu rằng cô có ý khuyên mình lúc đời đang loạn lạc, tấm thân nam nhi nên ra tay giúp đời trước đã rồi sau có nghĩ đến chuyện mình hay chuyện ai hẵng hay.

Nghe lời cô gái, Tư Thành càng thêm yêu mến bội phần. Sau đó hỏi dò mới biết đó là cô Ngọc Hằng, con một nhà danh giá, mẹ vì bị tình phụ nên đưa cô đến ở vùng này làm ăn. Từ đó, hai người thường gặp nhau luôn. Khi Tư Thành lên ngôi, cho đón Ngọc Hằng vào cung lập làm Hoàng hậu và hết lòng yêu quý.

Ngọc Hằng thường khuyên vua lo lắng cho dân. Đêm khuya nàng còn ngồi hầu giúp vua xem xét sổ tấu, các nơi gửi lên phần lớn là những lời tán tụng nhà vua mà ít nói đến tình cảnh của dân, vua Quang Thuận có ý định đi vi hành và thanh tra quan lại. Muốn biết đời sống của dân thì không gì hơn là đi vào ngày giáp tết, vì trong những ngày đó, cảnh giàu, nghèo phô bày ra rõ rệt hơn.

Cải trang xong, nhà vua rút một cái ngựa bài loại cử người đi công cán đặc biệt, nhờ vậy mới đi lọt qua các cửa cung và cấm thành. Ra khỏi cửa nam, nhà vua thấy sung sướng như chim vừa sổ lồng.

Trước chợ Cửa Nam, quang cảnh hết sức nhộn nhịp, dân chúng tấp nập mua sắm: gạo, lợn, gà, vịt, đỗ, mật, hoa quả, bánh mứt... Một vài người có vẻ giàu có, dắt theo những con dê vừa đi vừa kêu be be... Nhà vua gật đầu, lệnh đánh thuế giết trâu bò thật nặng để khuyến khích việc làm ruộng đã có hiệu lực. Năm nay, người ta không dám bán trâu bò nhiều như mọi năm nữa. Một người trung niên ghé vào hàng tranh tết mua mấy bức tranh

Gà, tranh Lợn màu sắc tươi vui, ấm áp. Một cậu bé lễ mễ ôm mấy bánh pháo to nhỏ, đủ loại. Cũng có những người đội trên đầu cái quả sơn son thếp vàng, hay khiêng cái bàn trên phủ lụa điều, nhà vua đoán rằng đó là họ mang đồ tết quan trên. Từ khi lên làm vua, vua Quang Thuận đã cấm các quan ngày tết không được dâng đồ tết nhà vua, thế nhưng các quan vẫn cứ nhận đồ tết của cấp dưới và dân chúng!

Qua phường Tàng Kiếm, trước cửa hàng bán kiếm, đồ dài; mâm, võng, ghế, vóc, trầu, dù, lọng, tàn... lối nhỏ bóng nón chóp bạc người nhà các quan đến sắm sửa.

Cửa hàng thuê phường Tả Nhất, mấy người thợ đang cúi xuống tẩm vóc đại hồng thuê hình kiếm, sách bút, bầu trời, quạt lá vả... trên bức trướng khánh hạ tấn niên. Những hoa văn mây lửa chói lọi. Hình kỳ lân phượng hoàng cựa quậy trên nền triều phục của các quan dưới mũi chỉ đường kim thoăn thoắt như múa lượn. Vua thầm nghĩ, có lẽ buổi khai triều đầu xuân, cũng phải ban dụ khuyên các quan nên bớt xa xỉ đi mới được.

Mải nghĩ, vừa ngẩng đầu lên đã thấy hồ Lục Thủy⁽¹⁾ trước mặt. Hồ rộng mênh mông, sóng vỗ dạt dào bờ lau. Thuyền chài ngang dọc trên hồ. Cạnh bãi nổi, một đàn chim le đùa giỡn bơi lội tung tăng. Trước gò Ngọc Sơn là bãi dâu xanh mướt nối liền với bờ sông Cái. Hồ có thể xuyên hoa giáp điệp: hai hồ nối liền nhau ở giữa thắt đáy lưng ong, như hai cánh vươn ra, và dải đất làng mạc như thân mình của một con bướm đang vươn vòi hút nhụy là dòng nước sông Cái. Trước cảnh trời nước một màu, nhà vua đã toan hứng bút vịnh thơ nhưng những lo toan của người

⁽¹⁾ Tên Hồ Hoàn Kiếm thời Lê.

cầm vận mệnh đất nước đã ngăn chặn ông lại. Ông trầm nghĩ: hồ này mà dùng làm nơi tập thủy quân thì tốt biết bao nhiêu.

Khởi phường Hàng Đào, tha thướt những tấm lụa nhuộm điều nhà vua qua phường Hàng Ngang rồi rẽ xuống Hàng Bồ. Bên vỉa hè có những ông đồ áo lương khăn lượt nằm bò xuống chiếu viết câu đối bán cho người người qua đường. Bên cạnh ông đồ có một cái tráp sơn đen, mấy ngòi bút đủ hạng lớn nhỏ, một chậu mực mài sẵn, một tập giấy hồng điều hoặc giấy gạch cua đã rọc và chép sẵn. Người qua đường đến nói muốn xin câu đối vào cảnh nào: thờ tổ tiên, thờ Thổ công, dán trong nhà, dán ngoài cửa... ông đồ không cần nghĩ ngợi, cầm bút dầm vào chậu mực viết liền ngay. Nhà vua nhìn thấy toàn là những câu sáo như: Hiếu tử từ tôn, vạn đại như kiến, Tổ công tôn đức, bách thế bất thiên⁽¹⁾; Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ, Xuân mãn càn khôn, phúc mãn đường⁽²⁾; Yến báo trùng môn hỉ, Oanh ca đại địa xuân⁽³⁾... Những người thuê viết câu đối thường là những người giàu sang mà ít học, họ chỉ cốt câu đối có ý nghĩa cầu chúc được phúc, lộc, thọ là đủ, không cần phải có văn chương.

Nhà vua liền nảy ra ý định đi dọc các phường phố một lượt để xem có nhà nào treo câu đối đọc được không. Trên cổng những nhà giàu hay ngoài cửa hiệu lớn đều treo la liệt câu đối, trong đó thỉnh thoảng mới có câu hơi văn vẻ một chút nhưng ý nghĩa cũng

⁽¹⁾ Con hiếu cháu hiền, muôn năm vẫn còn thấy rõ. Công đức của tổ tiên, trăm đời không đổi dời.

⁽²⁾ Trời thêm năm tháng, người thêm tuổi thọ, Xuân khắp trong trời đất, phúc khắp cả trong nhà.

⁽³⁾ Chim Yến kêu báo tin mừng ở ngoài cửa, chim Oanh hót mùa xuân đến khắp trên mặt đất.

nhằm chán như: Lý hữu nhân phong xuân nhật vĩnh, Gia dư đức trạch Phúc tinh minh⁽¹⁾; Minh niên tăng bách phúc, Xuân nhật tập thiên tường⁽²⁾; Phương kỷ thu nguyên, nhân gian cải tuế, Kê thanh cáo đán, thiên hạ giai xuân⁽³⁾... Dù nhà nghèo cũng cố gắng sắm đôi câu đối tết không chỉ vì ngụ ý cầu phúc lộc mà còn muốn mượn màu sắc rực rỡ cho vui cửa vui nhà.

Tới một cửa hàng trầu nước dưới một gốc đa, nhà vua ngạc nhiên thấy không treo câu đối tết. Vừa rồi nhà vua thấy đôi câu đối tết chỉ có giá một tiền, nhà này không có câu đối chắc là phải nghèo lắm mới không sắm nổi. Bà hàng nước tuổi độ ngoài bảy mươi, mái tóc trắng phau, quần áo cũ kỹ nhưng sạch sẽ. Nhà vua ghé ngồi xuống chõng, bảo bà hàng:

- Bà hàng cho tôi xin bát nước.

Bà hàng rót một bát nước chè xanh còn khói bay nghi ngút đặt trước mặt khách. Nhà vua nhấp một ngụm thấy chè ngọt thơm lại có vị hơi chát, uống vào đâu thấm thía đến tận ruột gan chừng ấy. Đã lâu lắm nhà vua mới được uống bát nước chè xanh ngon lành như thế này. Thấy cảnh ngôi hàng tồi tàn, nhà vua hỏi:

- Chè của bà ngon lắm, nhưng sao tết nhất đến rồi mà nhà bà không có vẽ gì là tết vậy?

⁽¹⁾ Làng xóm có phong tục nhân hậu, ngày xuân hưởng còn lâu mãi, Nhà thừa đức trạch, sao Phúc tinh sáng tỏ.

⁽²⁾ Năm mới thêm trăm hạnh phúc, Ngày xuân họp nghìn điểm lành.

⁽³⁾ Chiếu phượng của nhà vua viết thán đầu, nhân gian đổi sang năm mới, Tiếng gà gáy báo hiệu tết đến, thiên hạ đều xuân.

Bà hàng thờ dài:

- Cám ơn ông khách hỏi đến, nhà già chỉ bán trâu nước sống cho qua ngày, ăn chẳng đủ còn nói gì đến tết nhất.

Vua ướm hỏi:

- Tôi trông bà có vẻ phúc hậu lắm, chắc trước kia cũng vào loại khá giả, vậy nông nổi vì đâu mà đến thế này?

Bà hàng chép miệng:

- Chẳng giấu gì ông khách, chồng già trước kia là gia nhân của một vị tướng công, chỉ vì gia đình tướng công mắc nạn nên chồng già mới bị liên lụy đến nỗi cửa nhà sa sút.

Vua tò mò hỏi:

- Tôi hỏi thế này thì không phải, chẳng hay ông nhà là môn hạ của vị tướng công nào vậy?

Bà hàng nhìn ông khách thấy có vẻ là người lương thiện, chính đính nên cũng có phần tin tưởng, bà nhìn trước ngó sau không thấy gì khác lạ nên nhỏ giọng:

- Già nói thực cho ông khách biết, chồng già là người thân tín của Úc Trai tướng công.

Vua mừng rỡ:

- Tôi cũng biết Úc Trai tướng công là bậc trung thần, chỉ vì bị bọn gian nịnh vu hại nên mới chịu cảnh oan khuất. Ông nhà là người thân tín của tướng công, chẳng hay có biết dòng dõi còn sót lại người nào hay không?

Bà hàng ngạc nhiên:

- Ông hỏi để làm gì?

- Tôi hỏi để nếu biết dòng dõi tướng công còn sót lại người nào, sẽ tâu lên triều đình cho đón về để phong quan tước hầu nối nghiệp của Ưc Trai tướng công.

- Ông là người như thế nào mà làm được điều ấy?

- Chẳng là tôi có ông chú làm quan trong triều, ông ấy kể chuyện là vẫn hằng nghe thấy nhà vua than thở về chuyện chưa tìm ra dòng dõi của Ưc Trai tướng công. Nếu bà biết dòng dõi của người hiện ở đâu thì cứ cho tôi biết, tôi sẽ nhờ ông chú tôi tâu lên đức vua, thế nào bà cũng được trọng thưởng.

Bà hàng lắc đầu:

- Chịu thôi, dù có biết tôi cũng không thể nói cho ông biết được đâu. Trước đây, quan quân triều đình đã từng bắt chồng tôi dùng cực hình tra tấn bắt phải khai ra dòng dõi Ưc Trai tướng công hiện đang ở đâu, chồng tôi đã bỏ mình vì đòn tra của bọn tàn ác ấy. Sau đó, chúng lại giở trò dụ dỗ bảo nếu tôi chịu khai ra sẽ được thưởng một số vàng bạc rất lớn. Cũng vì không chịu nghe theo lời bọn chúng, nên gia đình tôi mới chịu cảnh chia lìa suy sụp như hiện nay, vậy có thể nào tôi lại đại dốt tin theo lời bọn chúng một lần nữa.

- Nhưng theo tôi biết thì đức vua hiện nay là bậc minh quân không như những ông vua trước, ngài đã có ý định đi tìm dòng dõi Ưc Trai tướng công từ lâu rồi, nhưng hiềm vì chưa tìm được đó thôi.

Bà hàng bữu môi:

- Ông cứ nói vậy chứ từ khi nhà vua hiện nay lên ngôi đến giờ đã năm năm rồi mà đã thấy hỏi han gì đến dòng dõi Ưc Trai tướng công đâu. Chỉ trừ khi đức vua ban chiếu khắp thiên hạ, minh oan cho tướng công và cho đi tìm dòng dõi của tướng công để cho quan chức, lúc ấy tôi mới tin.

Vua Quang Thuận giật mình. Đúng là mình có sơ xuất về chuyện ấy thật. Mặc dầu cũng đã có lần mình ngỏ ý với các cận thần về chuyện đi tìm dòng dõi của Nguyễn Trãi nhưng bọn họ chỉ vâng dạ lấy lệ rồi kiếm cớ tâu rằng đã cho người đi dò hỏi nhưng không biết dòng dõi Nguyễn Trãi hiện có còn ai không và hiện nay đang ở đâu, lâu ngày mình cũng bỏ qua không hỏi đến chuyện đó nữa. Bây giờ, nghe chuyện bà hàng nước thì rất có thể bà biết rõ sự thật nhưng chắc chắn là không chịu nói ra. Thôi được, cứ để chuyện đó lại rồi sau sẽ hay. Vua bèn nói với bà hàng:

- Thôi hãy gác chuyện đó lại đã. Bây giờ thế này nhé, nhân dịp cuối năm ghé qua hàng, thấy nhà bà chưa có câu đối tết, tôi là học trò nghèo chả có gì, chỉ xin tặng bà một đôi câu đối tết, bà có bằng lòng không?

Bà hàng mắt sáng lên:

- Nếu thế thì còn gì bằng nữa, nhà tôi tuy nghèo thật nhưng cũng biết trọng chữ nghĩa, ông cho đôi câu đối lấy may, thật là quý hóa quá, không biết lấy gì để đền ơn ông được.

Nhà vua sang cửa hàng bên cạnh, mua một ít giấy, bút, mực rồi xin bà hàng một cái đĩa mài mực, đoạn trải rộng tờ giấy hồng

điều lên mặt đất, đâm bút vào đĩa mực viết đôi câu đối nét chữ tốt như cắt, xong trao cho bà hàng. Bà hàng đỡ lấy ngân ngữ:

- Xin đội ơn ông, nhưng già này không biết chữ nghĩa gì sất, ông đọc lên giùm và giảng cho già này nghe.

Nhà vua cất giọng đọc:

Nếp giàu quen thói kinh coi, con cháu nường nhờ vì ấm,

Việc nước ra tay chuyển bát, bắc nam đâu đẩy lai hàng.

Bà hàng nghe xong giã nảy:

- Chết nỗi, nhà tôi nghèo rớt mồng tơi, ông lại cho chữ nếp giàu thì tôi đâu dám nhận?

Nhà vua quả quyết:

- Tôi cam đoan với bà rằng nếu sắp tới bà giúp vào việc tìm ra dòng dõi của Ưc Trai tướng công, tức là giúp vào việc nước, không những bà được đền ơn hưởng cảnh giàu sang mà con cháu bà cũng được phúc ấm. Nếu chưa được thế đi nữa, chỉ cần đôi câu đối này được truyền tụng ra ngoài, sẽ có người đến tận nơi xem, nhất định hàng bà sẽ đông khách.

Nói xong nhà vua từ biệt ra đi, bà hàng cầm đôi câu đối trên tay sững sờ nhìn theo ông khách kỳ lạ.

Nỗi hy vọng sẽ tìm lại được dòng dõi Nguyễn Trãi khiến nhà vua phấn chấn hẳn lên. Đi một quãng lại gặp một nhà không treo câu đối, đó là một túp lều trống hơ trống hoác, giữa nhà có chõng tre, một người quần áo tồi tàn đang nằm dài trên đó, bên cạnh vớt chơ chõng một cái giành và đôi que gấp phân. Nhà vua

tiến lại hỏi:

- Thế nào, nhà Bác chưa sắm tết gì cả à?

Người đó nhòm dậy, ngõ ngang nhìn người lạ, trả lời:

- Làm cái nghề gấp phân như tôi thì cần quái gì tết nhất!

Nhà vua ngấm kỹ người gấp phân rồi nói:

- Tôi trông bác thân thể vạm vỡ, dáng điệu đường hoàng, chắc không phải sinh ra để làm cái nghề này.

Người đó trở mặt:

- Sao ông lại nói như vậy?

- Tôi có biết chút ít về tướng số, chỉ trông mặt người là đoán được số mệnh. Tôi đoán tiền vận bác cũng là người danh giá, uy quyền, có đúng như thế không nào?

Người gấp phân vỗ đùi đến đét một cái rồi nói:

- Chịu thầy. Tôi nói thật với thầy, trước đây tôi là một võ quan ở trong triều, nhân vì bọn Phạm Đồn, Phan Ban cậy công tôn Nghi Dân lên làm vua, ra mặt chèn ép những người không ăn cánh với chúng, nên bỏ quan về làm cái nghề này. Tuy nghèo hèn vất vả nhưng thanh thoi không phải luồn cúi ai. Kể ra cũng phải chịu thối một chút nhưng tôi nghĩ còn đỡ thối hơn chen chúc trong chốn triều đình.

Nhà vua hơi nhăn mặt vì câu nói trắng trợn ấy nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh. Người gấp phân lại tưởng ông khách nhăn mặt vì mùi thối từ bộ đồ nghề tiết ra nên vội đứng dậy quẳng nó ra đất

nhà chõ khuấy gió, rồi quay lại nói:

- Ông khách ạ, nói ông đừng cười chứ nhiều lúc tôi cũng thấy xấu hổ vì phải tranh ăn với chó?

- Tranh ăn với chó?

- Nó là thế này: Mới đây có ông điền chủ mua phân của tôi để bón ruộng, hễ cứ đầy một sọt thì ông ta trả cho ba tiền. Muốn cho đủ số, mỗi khi tôi nhìn thấy con chó sắp ăn bãi phân tôi phải xông đến hốt trước vào giành, nhiều lần tôi bị chó nó cắn cho. Nhưng chó cắn bất quá chỉ trầy da tróc thịt thôi chứ tranh giành với bọn quan lại trong triều thì có khi mất đầu. Đấy, cứ xem như các ông Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo công lao như thế mà vẫn bị giết oan, huống hồ chỉ là loại tôm tép.

- Tôi thấy hậu vận ông tốt lắm, thế nào cũng được nhà vua phục chức.

- Ông nói vậy chứ tôi đã chán ghét cái cảnh triều đình lục đục lắm rồi. Dù có được phục chức tôi cũng chẳng trở lại làm gì nữa.

- Sự đời ai nói trước được. Ngộ ông gặp được bậc minh quân biết trọng dụng hiền tài, trừng trị kẻ gian nịnh thì sao. Nhân dịp hạnh ngộ ở đây lại biết ông vốn là bậc võ tướng gặp bước đường cùng mới phải làm cái nghề này, tôi xin tặng ông đôi câu đối làm duyên.

Nói rồi, nhà vua lấy giấy bút viết đôi câu đối. Người gấp phân lẩm nhẩm đọc:

- *Ý nhất hung y, năng đảm thế gian nan sự, Đề tam xích kiếm*

tận thu thiên hạ nhân tâm⁽¹⁾ - Đọc xong người đó kinh ngạc - Tôi tuy võ biền nhưng cũng võ vẽ đôi ba chữ. Câu đối này hay tuyệt, hợp cả với cảnh của tôi trước đây lẫn với cảnh của tôi hiện nay.

Vua mỉm cười:

- Bác cứ treo lên nếu câu đối này truyền đi mà lọt đến tai vua, thế nào vua cũng triệu bác vào triều phục chức. Tôi xem tướng từ xưa đến nay không sai bao giờ cả.

Vua quay đi, người gắp phân nhìn theo hồi lâu rồi tắc lưỡi treo đôi câu đối lên cột lều.

Vua Quang Thuận đi một quãng lại thấy một nhà không có câu đối tết, nhìn ra thì đó là một hàng thợ nhuộm. Nhà vua hỏi ông thợ nhuộm.

- Chào bác. Nhà bác vẫn chưa sắm câu đối tết à?

Ông thợ nhuộm vốn vãi:

- Chào ông khách. Ấy, bà nó nhà tôi mất từ lâu, có mụn con trai thì lại đi học xa, tôi có một mình bận tối mắt tối mũi về cái đồng hàng của khách giao cho, phải làm sao cho kịp trước tết, nên đã có thì giờ nào đi sắm tết, sắm câu đối được đâu. Vừa rồi bọn người nhà các quan mới đến giục toáy lên đấy. Nghe nói, nhà vua vừa định sắc áo mặc cho các quan, từ nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu hồng, tứ và ngũ phẩm mặc áo màu lục, từ lục đến cửu phẩm mặc áo màu xanh, vì thế cứ thẳng một trật lại phải nhuộm màu khác, vì thế họ mới phải mang vãi vốc áo xống

⁽¹⁾ Khoác một áo bào, đảm đang khó khăn thiên hạ, Cầm ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian.

đến nhờ tôi nhuộm để kịp vào châu.

Nhà vua ôn tồn:

- Nếu ông chưa kịp đi sắm câu đối thì tôi sẽ tặng ông một đôi câu đối cũng là để nhuộm chút màu xuân cho nhà ông.

Nói rồi vua cầm bút vào chậu thuốc nhuộm, viết ngay lên giấy hồng điều đôi câu đối, nét chữ như rồng bay phượng múa. Vừa viết xong, thì một người mặc áo gấm, quần khăn nhiễu bước tới, dừng lại đọc đôi câu đối:

- *Thiên hạ thanh hoàng giai ngã thủ, Triều đình chu tử tổng ngô gia⁽¹⁾*. Nay nhà anh kia, anh viết câu này là có ý gì?

Vua điềm tĩnh:

- Câu này là để tả công việc của bác thợ nhuộm. Ông thử nghĩ coi, chẳng phải ai muốn nhuộm xanh nhuộm vàng cũng phải nhờ tay bác ấy à? Bác ấy nhuộm cả màu đỏ, màu tía phẩm phục của các quan vào châu vua, như vậy triều đình chẳng từ nhà Bác ấy mà ra là gì?

Người áo gấm nghiêm giọng:

- Ta nói cho nhà anh biết, ta là phường trưởng ở phường này, theo dõi anh đã lâu, thấy anh toàn viết những câu có ý xấu xược, ví những kẻ hèn mọn với bậc thiên tử, cũng tỏ ra có khẩu khí muốn thoán đoạt ngôi trời. Ta phải bắt giải người nộp lên quan huyện lệnh Thọ Xương trị tội.

⁽¹⁾ Xanh vàng thiên hạ đều tay tớ, Đỏ tía triều đình bởi cửa ta.

Dứt lời, viên phường trưởng quát gia nhân sai trói nhà vua lại. Nhà vua cũng muốn xem bọn này xử trí ra sao nên cứ để cho trói giải lên huyện.

Nghe tin báo có một kẻ thư sinh dám ngông cuồng phạm thượng, viên huyện lệnh vội cho đòi tội nhân vào công đường nạt:

- Nhà ngươi làm câu đối này là có ý tự ví mình với đấng thiên tử, hẳn là nuôi chí phản loạn. Phen này ngươi phải có mấy cái đầu mới đủ đền tội, quyền hạn của ta không đủ để xét xử vụ này, ta sẽ giải ngươi lên quan phủ doãn Phụng thiên để Người xử trí.

Viên huyện lệnh làm tờ bẩm rồi sai lính lệ dẫn tội nhân lên phủ Phụng thiên. Viên phủ doãn đọc xong tờ bẩm, thầm nghĩ nếu mình nhận công phát giác vụ này nhất định sẽ được thăng quan tiến chức, nên cho đòi tội nhân vào công đường, quát:

- Nhà ngươi phạm tội đại nghịch bất đạo, ta cũng không đủ sức xét xử vụ án này. Ta sẽ giải ngươi lên Bộ Hình để cụ lớn Thượng khếp tội rồi lập bản án tâu lên Thánh thượng phê chuẩn.

Viên phủ doãn truyền đóng gông tội nhân lại rồi cho giải lên Bộ Hình, cả y cũng đi theo để lựa lời tâng công với viên Thượng thư.

Nghe tin báo, viên Thượng thư cho đòi viên phủ doãn vào, cất giọng nạt nộ phủ đầu:

- Ông biết rằng đã làm lễ hạp ấn⁽¹⁾ rồi, nha môn không làm

⁽¹⁾ Lễ bỏ ấn vào hộp đóng lại, nghỉ làm việc công để ăn tết.

việc, sao còn dám lên đây làm phiền ta?

Viên phủ doãn sợ hãi:

- Bẩm cụ lớn, ty chức thiển nghĩ đây là đại sự, nên bất phân nhật dạ phải giải ngay tội nhân lên để cụ lớn xét xử.

- Như thế nào mà ông bảo là đại sự?

Viên phủ doãn đem câu chuyện kể lại một lượt. Nghe xong viên Thượng thư bĩu môi:

- Đây chẳng qua chỉ là một thằng cuồng sĩ, giở thói nông mà thôi, đáng lý ông chỉ cần đét cho nó mấy roi, rồi đuổi nó đi, sao lại giải lên, định làm rác tai Thánh thượng với những chuyện điên rồ vô nghĩa lý này à? Việc này nếu để lọt ra ngoài, bọn tiểu nhân sẽ mượn cớ để chê cười Thánh thượng, chỉ tổ sinh chuyện ra chứ có ích lợi gì. Ta phải trị ông về cái tội làm việc hồ đồ, không tròn phận sự mới được.

Viên Thượng thư chỉ cốt dọa nạt để viên phủ doãn sợ hãi phải dứt lốt cho mình để được thoát tội, và gạt viên phủ doãn ra ngoài vòng để mình độc quyền khai thác vụ này. Quả nhiên, viên phủ doãn trúng mưu, run sợ lắp bắp:

- Bẩm cụ lớn, ty chức tự biết là mình đắc tội, xin cụ lớn lượng tình ty chức mới lần đầu phạm tội mà khoan thứ cho, ty chức xin đội ơn cụ lớn không bao giờ dám quên.

- Thôi, bây giờ ta cho ông về liệu mà thu xếp sao cho ổn thỏa. Còn tội nhân cứ để ở đây, ta sẽ có cách xử trí.

Viên phủ doãn cảm ơn rồi rút rồi lui ra. Lúc này viên Thượng

thư mới nghĩ cách đối phó với tội nhân: nếu là người có máu mặt, y sẽ xoay tiền hối lộ rồi giấu kín vụ này đi; nếu không biết điều y sẽ làm bản án thật nặng rồi dâng lên vua để tâng công, chắc thế nào vua cũng sẽ khen thưởng y vì đã thắng tay đối với một kẻ dám khinh nhờn xúc phạm tới vua. Đằng nào cũng được hưởng lợi. Nghĩ vậy, y liền nổi trống thắng đường rồi cho đòi tội nhân vào hầu.

Tội nhân được giải tới, viên Thượng thư nhìn rồi dụi mắt một hồi mới nhận ra đó chính là đức vua. Y vội sai lính tảo gông cởi trói cho vua rồi quỳ mọp xuống đất không dám ngẩng đầu lên. Vua Quang Thuận nghiêm nghị:

- Hôm nay, vì tội ta quá nặng nên ta mới thoát chết chứ nếu tội nhẹ hơn thì đã rơi đầu vì tay bọn quan lại cấp dưới rồi. Các người định dẫn ta lên cho... ta xét xử chứ gì? Thì ra cũng chính là ta, nhưng nếu mặc áo vua vào thì các người nhìn ta bằng con mắt khác, còn nếu mặc áo dân thường thì các người tha hồ khinh bỉ, hành hạ, đe dọa, hiếp đáp. Sắp tới ta sẽ sai các quan soạn bộ luật, để quan lại các cấp chiếu theo luật mà xét xử, nếu kẻ nào phạm tội thì bất kỳ là quan hay dân cũng bị trừng phạt như nhau. Chỉ trong một ngày mặc áo dân thường ta đã mất thấy tai nghe được rất nhiều điều, nếu không ta còn bị các người che dấu bưng bít mãi.

Viên Thượng thư mặt cắt không còn hột máu, rạp đầu xuống đất như tể sao van lạy nhà vua xá tội. Vua phán giao việc này cho đình thần nghị xử sau sẽ tâu lên.

Buổi thiết triều đầu xuân, vua ban chiếu truy phong Nguyễn Trãi chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu và cho người đi dò

Đem dòng dõi Nguyễn Trãi về để phong quan tước. Truyền mời bà hàng nước vào để vua hỏi về dòng dõi Nguyễn Trãi. Bà hàng nước cho biết chỗ ở của người con trai Nguyễn Trãi tên là Anh Vũ được chồng bà đưa đi lánh nạn ngày trước. Vua sai đón Anh Vũ về và bổ dụng chức tri huyện. Lại sai người đi tìm người gắp phân, nhưng người này khi thấy ông khách viết câu đối cho mình bị bắt, sợ liên lụy đã bỏ trốn đi đâu mất không biết.

HỘI HOA MẪU ĐƠN

Mùa xuân là mùa khách thập phương đi lễ chùa Phật. Huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc có một ngôi chùa lớn, nổi tiếng là một thắng cảnh trong vùng. Phía trong, giữa là tòa điện chính nằm ngang, ghép mái liền với hai tòa nhà chạy dọc hai bên. Ngói có hai lớp, lớp dưới lợp ngói chiếu, dẹt to, có gờ, lớp trên là các ngói mũi hài dày to, được lợp san sát thành từng dãy theo lối cài răng lược, trông lấp lánh như vẩy cá. Trên nóc là ngói cong úp kín. Trong tòa điện, những vì kèo gỗ được nối với nhau bằng những đường xà dọc và những đường hoành tạo thành một khung cột vững chắc để đỡ toàn bộ lực đè của mái chùa.

Người vào xem đều suýt xoa trước những đầu đao rất mập của tòa thượng điện, được chạm thành những đầu rồng to lớn đang há miệng ngậm ngọc và phía ngoài là một hình chim thần. Họ còn tấm tắc khen ngợi những ván bưng hai mặt chạm đôi rồng cuộn khúc từ trên xuống, uốn vào giữa rồi ngẩng đầu lên, châu đồ viên ngọc sáng. Ở các trụ chống, lại có hình tiên nữ đang uốn người giơ tay đỡ bệ sen, phía trên là sóng nước dập dờn. Còn ở các ván nong, nơi thì chạm cảnh hai tiên nữ đang cười phượng người thổi tiêu, người kéo nhị; nơi có cảnh tiên nữ đầu người mình chim đang dâng hoa; lại có nơi chạm cảnh một dàn nhạc ba người đang thổi sáo, đánh đàn... Trước tòa thượng điện có một bệ đá cánh sen lục giác và hai thành bậc chạm rồng.

Trong vườn chùa có nhiều cây hoa quý, đặc biệt có một cây

HỘI HOA MẪU ĐƠN

mẫu đơn, nở hoa to bằng cái bát, những cánh dày màu đỏ thẫm xếp chồng lên nhau, trông rõ ra một loài hoa phú quý. Mỗi khi mùa xuân hoa nở, khách bốn phương đến chùa xem hoa đông như hội, nhân thế gọi là Hội xem hoa. Lúc này đang là lúc hoa mãn khai, nên lại càng thêm lộng lẫy. Mọi người xúm xít ngắm hoa, ai cũng trầm trồ khen ngợi những đóa hoa hiếm thấy trên đời. Vị túc nho ngắm hoa mẫu đơn thì nhớ đến tích xưa: Võ Tắc Thiên ban chiếu bắt trăm hoa phải nở trong một đêm để đón chào bà. Sáng ra đến thăm vườn, thấy các giống hoa đều nở cả, chỉ riêng có mẫu đơn chưa nở, bà nổi giận ban lệnh đày mẫu đơn xuống đất Giang Nam. Cũng vì thế chỉ ở phương Nam mới có mẫu đơn nở đẹp. Còn những đôi trai gái trẻ tuổi nhìn mẫu đơn bỗng nhớ đến câu ca dao tình tứ:

Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ,

Đôi ta trình tiết đợi chờ lấy nhau.

Trong đám người xem hoa có những thầy khóa đầu chít khăn nhiễu tím, mặc áo the thâm trong lót nền nguyệt bạch, những cô gái đội nón quai thao, tua bay phấp phới, một tay giữ quai nón, tay kia nịu lấy bà mẹ áo ngoài tam giang lót nền hồ thủy, thắt lưng đeo xà tích bạc. Bỗng có một cô gái nhan sắc mỹ miều, mới độ 15, 16 tuổi, son phấn điểm nhạt, mặt mũi tươi dơn, búi tóc cài trâm, áo dài màu hồng phấn, yếu điệu đi tới. Trước sắc đẹp hoa nhường nguyệt thẹn của cô, mọi người đều kinh ngạc, không ai bảo ai tự nhiên dân ra để mở lối cho cô bước vào gần cây mẫu đơn. Cô ngắm hoa mãi không chán mắt, rồi như không tự chủ được, tay cô vịn vào một cành, bất đồ cành gãy *rắc* một tiếng, khiến cho bông hoa đại đóa rớt theo xuống đất. Cô gái kinh hoàng, luống cuống nhặt cành hoa lên như muốn gắn vào thân

cây nhưng làm sao được nữa.

Giữa lúc ấy, người làm công quả của chùa sấn xổ chạy ra quát:

- Này cô kia, sao cô dám bẻ gãy cành hoa quý nhất của chùa. Muốn sống phải đền ngay trăm lạng bạc, nếu không thì không xong đâu!

Cô kia ấp úng:

- Cháu đi chơi không mang theo tiền bạc, trót lỡ tay đánh gãy cành hoa, xin bác mở lượng tha cho, chứ nếu bắt đền thì cháu lấy tiền mà đền.

Người làm công quả sừng sộ:

- Cô nói dễ nghe nhỉ, đánh gãy cành hoa quý mà không chịu đền là nghĩa thế nào? Cô có biết rằng sư trưởng rất quý bông hoa to nhất vườn ấy không? Lát nữa sư trưởng ra xem hoa, thấy mất bông hoa, người trách phạt tôi thì liệu cô có chịu tội thay cho tôi được không?

Cô kia van nài:

- Xin phép bác cho cháu về nhà xin tiền mang đến đây đền cho nhà chùa, có được không ạ?

- Thả cho cô đi rồi liệu cô có quay trở lại đây nữa không? Của bụt mất một đền mười, cô làm gãy cành hoa thì phải đền tội. Tôi cứ trói cô vào gốc cây này, đợi sư trưởng ra sẽ phát lạc.

Nói rồi, y một tay tóm lấy cô gái, lôi xềnh xệch ra một gốc cây đại, cởi giầy lưng của mình ra trói chặt cô gái vào thân cây.

HỘI HOA MẪU ĐƠN

Cô gái sợ hãi kêu khóc âm ỉ nhưng chẳng ai dám ra tay can thiệp vì nể nhà chùa, vả chăng họ cũng còn muốn chờ đợi xem vị sư trưởng sẽ xử trí như thế nào đã.

Bỗng có một chàng thư sinh, đầu quấn khăn lượt đen, mặc áo gấm lam, quần trắng, chân dận văn hài lụa xanh thủng thỉnh bước tới. Thấy có cô gái bị trói vào thân cây, chàng cất tiếng hỏi:

- Cô gái này có tội tình gì mà lại trằng trói người ta thế này?

Người làm công quả bước ra nói:

- Cô ả đánh gãy cành hoa quý, theo luật nhà chùa phải đền một trăm lạng bạc. Nhà thầy cố tiền đền cho ả không mà dám đánh mũi vào đây?

Chàng thư sinh giọng khoan thai:

- Ta không mang theo bạc nhưng có chiếc áo gấm đây giá hai trăm lạng bạc, ta cởi ra đền cho bác, bác thả cho cô ấy đi có được không.

Người làm công quả thấy chiếc áo gấm đẹp đã thích ý, y định bụng cứ nhận áo rồi giấu biến đi, sư trưởng có biết đấy là đâu, nên làm ra vẻ rộng rãi:

- Thôi được, cửa từ bi không hẹp với ai, nếu thí chủ chịu đền cho cô ta thì cứ để áo lại.

Thư sinh cởi áo gấm treo lên cành cây rồi bước đi không muốn để cho cô gái phải tạ ơn. Cô gái sau khi được cởi trói, còn nhìn theo chàng hồi lâu mới tần ngần bước đi.

Giữa lúc ấy, một đoàn tuần đinh bước tới hỏi người làm công quả:

- Ông lý trưởng nghe tin báo có quan huyện về văn cảnh chùa nên sai chúng tôi đi đón. Từ nãy đến giờ bác có thấy quan đến đây không?

Người làm công quả đã giấu vội chiếc áo đi, nhanh nhẩu:

- Làm gì có, chỉ thấy một anh học trò đi về phía đằng kia kia. Vừa rồi anh ta che chở cho kẻ đến phá vườn chùa, tôi đã mắng đuổi đi rồi.

Bọn tuần đinh đuổi theo thấy một người chỉ mặc chiếc áo ngắn tứ thân chúc bầu trắng, liền nạt nộ:

- Đây, anh kia, sao lại dám che chở cho kẻ đến phá vườn chùa. Bọn ta phải bắt anh về cho ông lý trị tội mới được.

Nói rồi, bọn tuần tóm lấy chàng thư sinh lôi đi. Chàng điềm nhiên bước theo chúng. Bổng viên lý trưởng dẫn theo một đoàn phu mang vồng lọng tới nơi. Thấy bọn tuần đinh đang chèo kéo một người, lý trưởng định thần nhìn kỹ bỗng mặt cắt không còn hột máu, lắp bắp:

- Bẩm quan lớn, chúng con không ngờ quan lớn vi hành đến thăm chùa nên không sớm ra đón tiếp, quả là đắc tội.

Thì ra chàng thư sinh chính là quan huyện tên gọi Từ Thức. Từ Thức làm quan nhưng tính tình phóng khoáng, hay đi xem ngắm cảnh sơn thủy, nhiều khi không mặc phẩm phục, đeo bài ngà, cũng không vồng lọng tiền hô hậu hét, nên người ta không biết đó là quan huyện. Từ Thức nghiêm giọng nói với viên lý

rưởng:

- Ta đến đây thấy ở ngay cảnh từ bi cạnh huyện đường mà còn có chuyện bắt trói người một cách tàn nhẫn, nếu ở chốn làng ca xóm vắng thì không biết còn lắm cảnh bất công oan ức như thế nào?

Rồi Từ Thức kể lại chuyện mình cởi áo gấm chuộc cho cô gái ở tay đánh gãy cành hoa. Người làm công quả sợ hãi:

- Bẩm quan lớn, con u mê không biết nên mới dám trót đại cúc phạm đến quan lớn, xin quan lớn sinh phúc tha tội cho. Con xin nộp lại áo hầu quan lớn.

Từ Thức nghiêm giọng:

- Thôi cứ để áo đấy, nhưng từ nay đối với dân, người phải có lòng thương người hơn một chút nghe không. Đã dựa vào cửa Phật để kiếm công quả mà lại ác độc như vậy, Phật nào chứng cho người. Hãy vào bạch với sư trưởng, ta sẽ vào nhà trai thăm người để cùng thưởng trà hồng mai, đàm đạo về giáo lý. Đi cho mau!

Viên lý trưởng cố nài:

- Xin mời quan lớn về đình trung để cho huynh thứ trong làng chúng con được hầu tiếp quan lớn.

Từ Thức khoát tay:

- Ta đến đây cốt để xem hoa ngấm cảnh thì cũng chỉ như mọi người bình thường, hà tất phải đón tiếp làm gì.

Thấy ý quan huyện đã quyết, lý trưởng bèn sai cuốn hết cờ

quạt vông lọng lại. Nhìn đoàn người lếch thếch kéo đi, Từ Thức bỗng nở một nụ cười, nụ cười tươi sáng như một bông mẫu đơn hàm tiếu.

ĐÍCH NGẮM

Ở Hàm Giang⁽¹⁾ có một người tên là Đinh Văn Tả. Cha mẹ mất từ khi còn nhỏ tuổi, chàng phải đi làm thuê làm mướn để kiếm ăn. Sức vóc khỏe mạnh, át hết cả mọi người, nên thường được giao phó cho những công việc nặng nhọc. Đi gặt, chàng gánh mỗi bên hai chục lượm lúa mà cứ đi phẳng phẳng. Làm cỏ, chàng vung dao phạt một loáng là xong, cá chạy không kịp bị chàng chém phải, chết nổi lên đầy mặt ruộng. Đập lúa, chàng dùng cả khúc tre cật làm néo, mỗi lần néo đến ba bốn lượm lúa, đập rào rào xuống mặt cối đá lỗ, chỉ một chốc cả đồng lúa xếp cao đến mái nhà đã vơi đi trông thấy. Thấy chàng có sức khỏe, ai cũng muốn thuê mướn chàng nên chàng cũng tạm đủ sống.

Nhưng chàng hiểu rằng nếu chỉ có sức khỏe không thôi thì đó chỉ là cái dưng của kẻ thất phu, nên khi rảnh rỗi chàng lại luyện tập võ nghệ, để chờ có lúc dùng đến.

Bắt đầu chàng tập bơi. Trước làng có con sông rộng chừng một dặm, chàng bơi từ bờ bên nọ sang bờ bên kia, trước còn chậm, sau càng ngày càng nhanh. Chàng vùng vẫy dưới nước chẳng khác gì cá kình giỡn trên mặt sóng, bọt sủi tung tóe, trắng xóa cả một khúc sông.

Khi học xong các môn quyền, chàng tham khảo các thế võ mà thầy dạy trước đây, sáng tạo ra một môn võ riêng, đòn thế thật

⁽¹⁾ Thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay thuộc Hải Hưng).

gần thật thấp: *bằng phi chuyển hướng*⁽¹⁾ khi địch vào phá bao nhiêu lần thì cũng có bao nhiêu cách phản ứng, bằng lối dùng nhu mà áp cương. Chàng đặt cho thế võ của mình cái tên *vũ đả ba tiêu*⁽²⁾ khi địch xông vào, chân bước xê qua nhường cho lối tiến của địch, rồi hạ bộ, chân phải quét gót mình vào chân địch làm cho địch vấp chân, lúc ấy họ chỉ có nước nhảy hất lên, ta đảo qua, hững gối và khuỷu tay làm họ nhào hốt lên, sẵn đà bồi cho một đập cũng cầm đầu.

Thấy chàng giỏi võ nghệ, trai tráng trong vùng tìm đến xin chàng dạy cho. Ngoài những người thực tâm muốn học để tự vệ khi có giặc cướp, trong số người đến học cũng có lẫn những tên vô lại, muốn lợi dụng chàng dạy võ cho để làm chuyện phi pháp. Nhưng chàng vốn thực bụng, tin người, lại quen tính tuềnh toàng, dễ dãi, nên cũng không để ý đến.

Một đêm, bọn vô lại tụ tập mời chàng uống rượu, chúng cố tình chuốc cho chàng hết chén này đến chén khác. Chàng vui chén mềm môi uống mãi đến khi say nhè, không biết trời đất là gì nữa.

Nghe bên kia sông có tiếng chiêng cúng tế trong một cái đình, một tên nói khích:

- Đố bác sang lấy trộm cái chiêng bên kia mang về đây đây.

Đình Văn Tả đã quá chén, mặt đỏ bừng bừng, tức khí liền nói:

- Ừ, rồi sẽ lấy về cho coi.

⁽¹⁾ Chim bằng bay chuyển hướng.

⁽²⁾ Mưa đập trên tàu chuối.

Đêm hôm ấy, chàng lội qua sông, sang lấy trộm chiêng, về đến giữa sông, đám vang lên. Người làng bên kia tỉnh dậy đuổi theo, nhưng đã không kịp.

Sau đó, do biết chàng là thủ phạm vụ lấy trộm chiêng, bọn chức dịch làng bên bèn báo quan. Quan sai lính lệ về bắt chàng giải lên huyện. Bọn vô lại xui chàng đánh nhau với bọn lính. Khi đó chàng đã tỉnh táo, bèn nói:

- Tôi quá chén say sưa, trót làm nên tội, thì phải chịu tội. Lẽ nào lại còn đánh người để gây thêm tội nữa.

Rồi chàng theo bọn lính về ra mắt quan huyện. Viên quan huyện thấy chàng không có tiền đút lót, nên làm bản án nặng, nói lấy trộm chiêng thờ thần là báng bổ thần linh, coi thường lệ làng phép nước, nên cho giải lên kinh thành. Viên quan phủ Phụng Thiên liền đem giam chàng vào ngục Đông Môn. Hàng ngày chàng bị bọn ngục tốt dẫn đi làm khổ sai. Trong ngục chàng có thì giờ suy nghĩ, hối hận vì trót giao du với bọn vô lại nên mới mắc nạn. Chàng chỉ mong hạn tù chóng hết, để trở về cuộc đời lương thiện, làm việc có ích cho xã hội. Cũng do đó mà chàng cố gắng chịu đựng cảnh đầy đọa, cực khổ, không hề kêu ca, phàn nàn. Tù ngục lại trở thành nơi rèn luyện chí khí của chàng, cũng là nơi thử thách chàng vượt qua gian nan tủi nhục. Nếu trước kia chàng hiểu rằng dũng mà không có trí chỉ là cái dũng của kẻ thất phu, sẽ bị kẻ khác sai khiến, thì bây giờ chàng thấm thía một câu trong sách mà một bạn tù biết chữ đã dạy cho chàng: *Tri sĩ cận hồ dũng*, biết xấu hổ cũng là gần với dũng. Câu ấy khắc sâu vào tim chàng như vết lằn của ngọn roi ngục tốt quất lên lưng chàng, khiến da thịt rộp lên như phải bỏng.

Bên cạnh hồ Thủy Quân⁽¹⁾ có lầu Ngũ Long, cao 300 thước, đá cẩm thạch xây quần xung quanh. Tầng trên rèm châu, lan can ngọc, chính giữa đặt một chiếc ghế rồng sơn son thếp vàng, trên trải nệm gấm. Tầng dưới, cột và bao lơn lượn vòng, chạm trổ tinh xảo.

Trước mặt lầu là một bãi tập và đường đua ngựa. Từ đầu giờ Dần, bọn ngục tốt đã áp giải tù nhân đến dọn cỏ trên bãi tập. Dọn xong lại đổ thêm một lượt cát, và bắt tù nhân chạy trên đường đua ngựa và bãi tập cho dễ cát. Công việc xong, bọn ngục tốt lại đóng xích xiềng, gông vào cho tù, bắt ngồi cả hai bên bãi, chờ đến lúc tập xong thì dọn dẹp một lần nữa.

Cách xa lầu Ngũ Long và trước bãi cát chừng hơn mười trượng một tấm gỗ to bằng một cái phản dựng lên trên một mô đá. Giữa tấm gỗ ấy vẽ ba vòng tròn bồi thuốc từ trong ra ngoài: đỏ, vàng, xanh. Chung quanh tường, sát cạnh hàng rào tre, một con đường cát là đường quần ngựa.

Đầu giờ Mão, một đội tượng cùng với một đoàn đội trưởng các đội Siêu, Tuyển, Ưu, Trạch, Nội thủy, Thuyền nội, Nhưng, Khuông, Dực, Trấn, Thắng, Hùng túc trực ở hai bên lầu. Tiếp đó, tiếng chiêng trống inh ỏi và tiếng nhạc quân rập rình, viên chỉ huy sứ hai đội Tả Loan giá, Hữu Loan giá dẫn một toán lính ngự lâm tiến ra. Đạo ngự chúa Trịnh đã tới. Tây Định vương Trịnh Tạc cùng con ông, Thái úy Định Quốc Công Trịnh Căn đi vào giữa hai hàng gươm giáo sáng lòa. Tây Định vương lên lầu.

Thái úy ra ngồi ở chiếc ghế trước lầu, bên cạnh bãi tập.

⁽¹⁾ Tên hồ Hoàn Kiếm thời vua Lê chúa Trịnh, vì được dùng để tập thủy quân.

Các tướng bắt đầu tập bắn. Súng họ dùng là kiểu súng trường mà người Hà Lan đúc hộ ở xưởng Phố Hiến. *Đoành! Đoành! Đoành!* Chưa ai trúng hồng tâm phát nào. Lắc đắc chỉ có vài phát súng vòng vàng, vòng thứ hai. Hai bên mép đích, chỉ chút những đạn.

Đinh Văn Tả ngồi trong đám tù, cười mà rằng:

- Có thế mà bắn không trúng, không biết triều đình dùng bọn họ làm gì?

Một viên tướng đứng gần nghe thấy tức giận:

- Người bắt quá chỉ là một tên tù, có tài cán gì mà dám mở miệng chê bai. Đã vậy ta thưa với quan Thái úy, bắt người bắn thử, nếu bắn không trúng thì đừng có trách.

Thấy nhốn nháo, Trịnh Căn đứng dậy hỏi:

- Cái gì thế? Sao đương tập mà dừng lại?

Viên tướng đem đầu đuôi câu chuyện nói. Trịnh Căn truyền dẫn Đinh Văn Tả đến rồi hỏi rằng:

- Sao mày dám chê người của nhà nước?

Đinh Văn Tả thưa:

- Bẩm, tại người của nhà nước ăn cơm tại của nhà nước, bắn không phát nào trúng đích.

- Mày có biết bắn không?

- Tiện dân cũng võ vể.

Trịnh Căn lên lầu thưa với cha. Trịnh Tạc từ trên lầu truyền xuống:

- Ta cho phép mày bắn. Trúng thì thưởng, bằng không trúng thì phải tội ngạo mạn viên chức của quốc gia.

Trịnh Tạc vừa truyền xong, tức khắc mọi người nghe hai tiếng *rắc rắc* thật to. Các xiềng xích đã gãy cả. Tên tù tự bẻ lấy. Mọi người đều thất sắc. Trịnh Tạc thấy lạ hỏi:

- Cớ sao mày bẻ được xích sắt mà từ trước đến nay mày không trốn?

- Bẩm, tiểu dân có tội thì phải chịu tội. Vương thương truyền tha xiềng xích cho thì xin tự tháo lấy để đỡ nhọc công người nhà nước.

Trịnh Tạc truyền cho bắn thử. Đinh Văn Tả lấy một khẩu súng lớn, cấp vào bên má, bắn luôn mấy phát, phát nào cũng trúng vào vòng đỏ.

Trịnh Tạc lấy làm lạ hỏi:

- Người có thể vừa cưỡi ngựa vừa bắn không?

- Bẩm được ạ.

Trịnh Tạc truyền dắt một con ngựa có yên cương sẵn sàng. Đinh Văn Tả nhảy phốc lên mình ngựa, phi theo một khoảng rộng hình thuẫn, trước mặt tấm bia, vừa cho ngựa chạy vừa lắp đạn vào. Nhưng đã tính chừng trước trong óc, vì theo sức ngựa phi nước ấy thực quả khó lòng mà nhắm, chàng bắn một phát vào trước mặt tấm bia, rồi tranh thủ trong lúc chàng lắp lại đạn,

ĐÍCH NGẮM

giương súng lên tức là vừa đúng thời gian ngựa chạy từ phía trước mặt tấm bia qua mút vòng bên tả, chàng bắn tiếp một phát nữa, đến phát thứ ba đến mút đằng kia bên phía hữu, chàng phải lượn lại mà bắn. Như thế trong khoảng thời gian ngựa chỉ phi trong ba phần tư vòng mà chàng phải bắn luôn ba phát không nghỉ.

Tiếng reo hò vang lên như sấm dậy, khi mọi người thấy cả ba phát đều trúng cả vào hồng tâm. Thì ra trước khi cánh tay buông tên, trí của chàng đã tới đích ngắm rồi.

Trịnh Tạc khen ngợi, truyền tha tội và phong cho Đinh Văn Tả làm Chỉ huy sứ.

Đinh Văn Tả cho ngựa men theo con đường núi ngoắt ngoéo chữ chi mà ông mới cho quân đeo ngay vào sườn núi. Chung quanh là lau sậy um tùm, sương phủ dày chìm khuất cảnh vật, chỉ cần sẩy chân một chút là sa xuống vực sâu hun hút. Vài tiếng chim rừng kêu ảo não, nhắc ông nhớ đến lời hát buồn thảm của người vợ lính tiền chồng đi đánh giặc.

Một đàn cò trắng sang sông,

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.

Nàng về nuôi cái cùng con,

Để anh đi lấy nước non Cao Bằng

Cao Bằng cao lắm anh ơi,

Em về gánh nước giếng khơi cho gần.

Phải rồi, đây là đất Cao Bằng mà dư đảng họ Mạc chiếm cứ, khiến quan quân triều đình phải vất vả đánh dẹp mấy chục năm

nay mà vẫn chưa xong. Lần này, Đinh Văn Tả được cử làm tướng, đem quân lên đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng. Ông chỉ mong dẹp cho xong dư đảng họ Mạc, để chấm dứt cảnh cốt nhục tương tàn, cho dân khỏi phải đi chinh phạt, được sum họp gia đình, vui vẻ làm ăn, không còn phải nghe tiếng hát náo nùng, mà trăm họ âu ca thái bình.

Khi quan quân đang đóng giữa trên đỉnh núi, bất thành lĩnh địch tiến đánh, mà chỉ có một con đường độc đạo, nên tướng sĩ đều lui chạy tháo thân. Chỉ còn một mình Đinh Văn Tả bình tĩnh ở lại. Ông phục trong rừng rậm, đợi địch đến, chĩa súng bắn ra. Với tài bắn bách phát bách trúng, nhiều tên giặc gục ngã trước mũi súng của ông. Địch cho là có nhiều quân triều đình mai phục, nên sợ hãi, phải rút lui. Quan quân thấy địch bỏ chạy, thừa thế quay lại đánh, địch thua to. Sau trận ấy, Đinh Văn Tả trở thành nổi tiếng.

Khi định công, Đinh Văn Tả được phong tước Quận công. Ông xin nộp trả hết cáo sắc để xin xóa tên trong sổ tội nhân.

Sau đó, ông lại cầm quân đi đánh dẹp, vì có sức mạnh và mưu lược nên đánh đâu thắng đó, ông được phong Thiếu bảo Lộc quận công.

Năm Ất Sửu⁽¹⁾, ông mất, được tặng Thái Bảo, truy phong làm Phúc thần. Con cháu về sau, nhiều người trở nên bậc danh tướng.

Bấy giờ Quốc lão Đặng Đình Tướng, con cháu đều quý hiển. Vì thế người ta có câu ví "*Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng*".

⁽¹⁾ Năm 1685.

CHÀNG CHẶN TRÂU MÙU NGHIỆP LỚN

Bà quản Hán chợp mắt được một lúc lâu, khi tỉnh giấc vẫn thấy cậu con trai ngồi bên đĩa đèn dầu đọc sách. Bà ca cẩm:

- Thôi khuya lắm rồi, đi ngủ đi con ạ. Con thức đêm nhiều, độ này gầy xẹp đi rồi đấy.

Đào Duy Từ lễ phép:

- Thưa mẹ, xin mẹ cứ an giấc, mẹ tuổi già cần phải nghỉ ngơi, còn con đang sức trẻ, có thức khuya một chút cũng không sao... mẹ ạ.

- Nhưng mà con học để làm gì mới được chứ. Triều đình có cho con những người làm nghề hát xướng đi thi đâu, học làm gì cho mất công.

Đào Duy Từ người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, trấn Thanh Hoa⁽¹⁾; cha là Đào Tá Hán, nguyên làm quản giáp đoàn hát triều đình, sau lên chức Linh Quan coi đội nữ nhạc thời Lê Anh Tông. Theo lệ của chúa Trịnh đặt ra, con nhà ca xướng bị coi như thuộc dòng hạ tiện không được dự thi. Từ nói với mẹ:

- Nhưng thưa mẹ, con có chỉ học văn chương cốt để đi thi đâu, mà còn học cả võ nghệ và binh thư đồ trận nữa. Vả chẳng đọc sách để biết cái đạo làm người cũng là điều cần thiết, mẹ ạ.

⁽¹⁾ Nay là Văn Trai, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

Bà quản Hán thấy Từ nói thế, biết có nói nữa cũng vô ích, bà bực mình quay mặt vào vách nhưng không sao ngủ được. Năm nay Từ 21 tuổi rồi, lại gặp đúng năm chúa Trịnh Bình Vương⁽¹⁾ mở khoa thi Hương kén chọn nhân tài, nếu không thi kịp khoa này, để đến khoa sau thì luống tuổi, còn hòng làm trò trống gì. Vừa rồi, Từ đến gặp ông xã trưởng đệ đơn xin đi thi Hương, nhờ ông áp triện vào chứng nhận, để nộp lên quan Huấn đạo, thì xã trưởng bảo: quan Đề học đã nhận được chỉ dụ của triều đình, trong đó có khoản con nhà ca xướng không được đi thi. Thế nhưng khi về nhà, nó vẫn cứ chăm chỉ đọc sách như thường, thế có lạ không cơ chứ. Thôi thì mặc nó, đã trót mang danh là con nhà *xướng ca vô loài* mà thiên hạ thường bêu riếu, lại không biết thân biết phận, cứ đòi bay nhảy.

Trong lúc ấy, Từ lại cúi mặt xuống cuốn sách. Thì ra, không phải Từ đang học văn chương, mà là đang đọc cuốn *Binh pháp* của Khổng Minh, người mà Từ vẫn hằng hâm mộ:

“Cho nên đạo làm chính trị cốt ở nghe ngóng nhiều, để mà lợm lật và thâu nạp lời tâu của kẻ dưới. Khi sắp đặt mưu kế mà dùng tới kẻ sĩ bậc thấp, ắt là vạn vật sẽ giúp cho mắt thấy rõ, các âm thanh sẽ giúp cho tai nghe.

“Cho nên kinh sách có nói: Thánh nhân không có tâm ý nhất định, mà lấy tâm ý của trăm họ làm tâm ý của mình, dùng mắt của trăm họ để cho tâm xem xét, dùng miệng của trăm họ để tâm nói năng, dùng tai của trăm họ để tâm nghe ngóng, lấy thân của trăm họ để tâm yên ổn.

“Bởi vì được nghe bậc vua sáng thường giống như ngày đêm.

⁽¹⁾ Tức Trịnh Tùng.

Ngày thì việc công thì hành, đêm thì việc tư phân phát. Hoặc có điều oan ức trong tiếng kêu than mà lại không nghe được, hoặc có điều thành thực trong sự tiến cử việc lành mà lại không được tin cậy; tiếng kêu oan mà không nghe, ắt là kẻ bị oan khuất không thể giải thoát được, tiến cử việc lành mà không thu nạp, ắt là người trung thành không được tin cậy, kẻ tà sẽ dung dưỡng việc gian trá.

“Cho nên Kinh Thư nói rằng: Sự xem xét của Trời là sự xem xét của dân nơi ta, sự nghe ngóng của Trời là sự nghe ngóng của dân nơi ta, đó gọi là xem xét và nghe ngóng”.

Đào Duy Từ thâm nghĩ: Mười sáu kế sách tiện nghi của Khổng Minh hay thật. Khổng Minh khi vừa đọc sách vừa cày ruộng ở Nam Dương, mới là một thư sinh 27 tuổi, chưa có tiếng tăm hay quan chức gì, vậy mà Lưu Bị phải ba lần hạ cố đến lều tranh mời ra giúp việc nước. Ngày nay, không còn lệ vua chúa đi cầu người hiền tài như Văn Vương cầu Khương Tử Nha ở Vị Thủy, Hán Quang Vũ cầu Nghiêm Lăng ở Đồng Giang, mà kẻ sĩ muốn tiến thân chỉ có thể bằng con đường khoa cử, mình lại bị bít lối khoa cử, dầu có mang tài lớn muốn giúp đời cũng bằng vô ích. Chúa Trịnh hiện nay đang hiếp chế vua Lê để lấn quyền, nên tin dùng những kẻ tiểu nhân xu nịnh, mình có xin hủy cái lệnh cấm thì cũng chẳng đến tai chúa, muốn dâng kế sách hay để trị nước yên dân cũng không được tin dùng.

Mình ôm ấp cái tài mà lại bị khinh rẻ, không đường tiến thân, nếu còn nấn ná ở đây thì thân thế cũng đến thành củi mục gỗ nát, sao có thể trở thành rường cột của nhà nước được. Chỉ còn một cách vào Nam Hà theo giúp chúa Nguyễn. Nghe nói chúa Sãi Vương là người biết kính hiền hạ sĩ, nếu ta vào trong đó,

nhất định sẽ được chúa thu dụng. Nhưng nếu đi thì để mẹ già ở lại lấy ai săn sóc, phụng dưỡng. Nghĩ như vậy nên Từ cứ dửng dăng mãi, không dám thưa chuyện với mẹ.

Mấy hôm liền, bà mẹ thấy nét mặt Từ có vẻ băn khoăn, bà cho là Từ buồn vì chuyện không được đi thi, nên nhân lúc rảnh rỗi, bà nói với con:

- Thôi, đừng buồn nữa con ạ, nhà mình không có mả phát làm ông Cống, ông Nghè, con cứ dành lòng theo đuổi nghề nhà là nghiệp cầm ca, vẫn có thể giúp vui cho mọi người. Mẹ thấy con rành các làn điệu hát nam, khách, tẩu mã, lại có khiếu văn thơ, con cứ soạn tuồng cho ban hát của cha con trước đây cũng được. Từ khi cha con mất đi, các bác ấy không có người soạn vở mới, chỉ quanh đi quẩn lại mấy cái tuồng tích cũ, chán như cơm nếp nát.

Từ ôn tồn:

- Thưa mẹ, con có biết soạn tuồng thật, nhưng lúc này dân còn đang cực khổ, long đong, con không thể nào bình tâm ngồi soạn tuồng, mà phải lo sao để lại cơ nghiệp cho đời, mới không hổ là thân tu mi nam tử. Con có một ý này muốn thưa với mẹ, nhưng không biết mẹ có vui lòng cho phép hay không?

- Chuyện gì vậy con?

- Con muốn vào Nam Hà theo giúp chúa Nguyễn, nhưng lại sợ mẹ ở nhà không ai hầu hạ.

Bà mẹ giật mình lặng người đi. Thì ra mấy hôm nay nó băn khoăn là vì chuyện muốn ra đi. Bà suy nghĩ một lúc rồi nói với

con, giọng run run vì xúc động:

- Con đã muốn như vậy thì mẹ cũng không dám cản cái chí hướng của con. Mẹ nhớ ngày xưa, mẹ từng đi xem vở tuồng Phong ba đình do cha con đóng vai Nhạc Phi, trong đó có cảnh bà mẹ Nhạc Phi thích vào tay con bốn chữ *Tinh trung báo quốc*. Nhạc Phi vâng lời mẹ, xông ra chiến trường giết giặc Kim cứu nước, nhưng sau bị tên gian thần Tần Cối giả chiếu vua, lừa Nhạc Phi về triều để giết hại. Khi xem cảnh Nhạc Phi bị chém, mẹ đã khóc mãi và bắt đầu thương cha con từ ngày đó. Nay bọn quyền gian trong triều gian ác không kém gì Tần Cối ngày xưa, con có ở lại đây cũng không có đất dung thân. Con cứ yên lòng mà đi, đừng lo lắng gì cho mẹ nữa.

- Nhưng con chỉ lo khi con đang ở bên kia, bọn quyền gian sẽ vì giận con mà trả thù lây đến mẹ.

- Con không lo. Mẹ sẽ về ẩn ở quê mẹ, ở quê không ai biết mẹ là vợ của cha con, vì mẹ đã trốn nhà đi theo cha con khi ban hát tuồng của ông về diễn ở đình làng, trước cả khi cha con bị gọi vào cung làm Quản giáp nữa. Khi về quê, mẹ nói là bỏ nhà đi lấy một người lái buôn, nay người ấy chết mẹ lại không có con nên tìm đường về quê, lý dịch trong làng không biết tung tích mẹ sẽ không báo quan đâu mà sợ.

- Nếu vậy thì con vô cùng đội ơn mẹ. Nhưng mẹ phải cố giữ gìn mới được. Con xin hứa với mẹ, khi con thành danh sẽ cho người đưa mẹ vào Nam Hà để mẹ con cùng sum họp.

- Con nên đặt nghĩa cả lên trên tình riêng, đừng bận lòng chuyện ấy. Mẹ đã quyết tâm noi gương bà mẹ Vương Lăng, thề một chết để cho con yên tâm giúp họ Lưu thì dù nguy hiểm đến

đâu mẹ cũng không sợ.

Bà mẹ miệng cười nhưng lại ứa hai dòng nước mắt, bà quệt tay áo lau vội đi không để con trông thấy.

Trên đường đi, vì lạ người lạ cảnh lại chỉ có ít tiền ăn đường, Đào Duy Từ bắt đắc dĩ phải đi ăn xin làng này qua làng khác. Sau hơn một năm, vượt qua bờ cõi Châu Hoan⁽¹⁾ đến bờ bắc Linh Giang⁽²⁾. Quân canh giữ bến sông quát hỏi nghiêm ngặt. Thuyền không qua được. Lợi dụng lúc đêm tối, Từ chặt tre cặp nách rồi đề dòng bơi sang bờ nam. Từ đây, Từ qua hai xứ Quảng, Thuận⁽³⁾, muốn tìm chỗ ngồi dạy học, nhưng không ai muốn vì thấy Đào Duy Từ ăn mặc lôi thôi, không có dáng nho nhã, lại chưa đứng tuổi ra mặt mô phạm, sợ không dạy nổi trẻ. Lần hồi mãi đến phủ Hoài Nhân⁽⁴⁾ thì số bạc giắt lưng cuối cùng đã cạn. Nghe đồn Lê Phú ở thôn Tống Chân, là tay cự phú đang cần người chăn trâu, Từ liền tới xin việc để sống qua ngày.

Từ đó, Từ ngày ngày đuổi trâu ra đồng ăn cỏ, rồi tìm chỗ cây cao bóng mát ngồi đọc sách. Sách mang theo chỉ là mấy cuốn: *Lục thao* của Khương Tử Nha, *Tam lược* của Trương Lương, *Tôn tử binh pháp* của Tôn Võ, *Ngô tử binh pháp* của Ngô Khởi, *Binh yếu* của Khổng Minh (tức Gia Cát Lượng), *Binh thư yếu lược* của Trần Hưng Đạo, để nghiên cứu về võ bị, trận pháp, còn kinh sử, thi thư, thì Từ đã thuộc lòng trong bụng rồi. Có khi Từ bẻ que vạch xuống mặt đất bày thành trận thế, lấy hòn sành làm quân,

⁽¹⁾ Vùng đất Nghệ An.

⁽²⁾ Sông Giang.

⁽³⁾ Quảng Nam và Thừa Thiên ngày nay.

⁽⁴⁾ Thuộc tỉnh Bình Định ngày nay.

đưa quân tiến lui theo phương pháp trong *Bát trận đồ* của Khổng Minh. Nhiều lúc mải mê, để trâu ăn lúa của người ta, bị chủ ruộng phát hiện, sấn đến cự. Chàng phải năn nỉ mãi người ta mới thôi không giữ trâu, bắt chủ trâu đến chuộc. Chàng bèn nảy ra ý luyện tập cho trâu theo hiệu lệnh, khi vẫy khăn ra lệnh tiến thì phóng ra đồng ăn cỏ, khi gõ kèn ra lệnh lui thì đang mải ăn cũng phải quay về, từ đó chàng đã ngăn chặn được sự ương bướng của những con trâu cứng đầu, cứng cổ nhất. Đối với những con trâu không nghe lệnh, chàng có cách trị là buộc chúng vào một cành cây lớn, không cho ăn cỏ như chúng bạn, thế là sau ít hôm đói quá chúng đành phải chịu phép. Thấy đàn trâu Từ chẵn mỗi ngày một béo tốt, chủ nhà có ý khen ngợi chàng.

Đêm đến chàng về nhà chủ, leo vào cốt lúa mà ngủ hay làm thơ để di dưỡng tính tình. Nhớ lại khi qua cửa Từ Dung⁽¹⁾, thích thú trước cảnh đẹp ở nơi này, Từ liền làm bài *Từ Dung vãn*, để ghi lại cảnh sắc cùng tình cảm và ý tưởng của mình.

*Kìa đây khói biếc ngời ngời,
Mỗi am một đánh kẻ nơi bông hồ.
Bút Vương Duy khéo vẽ đồ,
Mây xuân dường gấm, nước thu tợ ngân.
Người thanh tân, cảnh thanh tân,
Ngàn lau quuyến nhận, bãi tần so le.
Mảng còn ngời cảnh giang khô,*

⁽¹⁾ Cửa Tư Hiền.

Lá ngô phơi nắng, ngọn quỳ đầm sương...

Lê Phú tính tình hào phóng, hay mời các nho sĩ trong vùng đến hội họp để đàm đạo văn chương.

Một buổi chiều, Từ lừa trâu ở đồng về, nghe nhà trên có vẻ ồn ào, huyền não lấy làm lạ; nên khi dắt trâu vào chuồng xong, chàng liền đứng nép bên mái hiên, ghé mắt nhìn xem. Thì ra chủ nhà đang thiết tiệc đãi đằng. Tân khách toàn là những mặc khách tao nhân, đang bàn luận về kinh sách thánh hiền. Không khí vô cùng sôi nổi. Thấy dịp may hiếm có, chàng đứng lại, có ý lắng tai.

Bỗng chủ nhà ra bắt gặp, thấy Từ mình trần trụi, chỉ mặc có cái quần ngắn, sợ bằng hữu trông thấy cho là vô lễ, nên lên giọng quở mắng:

- Mày là đứa chăn trâu, ăn mặc lôi thôi thế kia, biết gì đến chữ nghĩa mà đứng trơ tráo ra đó.

Từ nghiêm nhiên trả lời:

- Thưa ông chủ, chăn trâu không phải là hèn. Chăn trâu cũng là kẻ anh hùng mà cũng có kẻ hèn hạ. Cũng như trong làng nho có nho tiểu nhân mà cũng có nho quân tử.

Tân khách ngồi trong nhà nghe được, ngạc nhiên đổ ra xem.

Có người hỏi Từ:

- Làm thế nào phân biệt được nho tiểu nhân và nho quân tử?

Từ đáp ngay:

CHÀNG CHẶN TRÂU MƯU NGHIỆP LỚN

- Nho quân tử là người trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa thấu nhân sự, trong nhà giữ đúng đạo luân thường, ngoài xã hội có tài kinh bang tế thế, lập được sự nghiệp muôn đời. Đó là trường hợp của ông Y Doãn nhà Thương, ông Thái Công Vọng nhà Châu, ông Gia Cát Vũ Hầu nhà Hán. Những vị này là nho quân tử. Nho tiểu nhân: trái lại, lấy cái học từ chương, theo con đường cử nghiệp để làm mỗi công danh, phú quý; suốt đời chỉ mưu cầu lợi lộc để được vinh thân phì gia; khi thời bình thì ăn nói ba hoa khoác lác, đến lúc biến loạn thì trốn chui trốn nhủi, rút cổ co đầu, gặp việc khó lại thở dài than vãn, không khác Vương Diễn đời Tấn, Giả Tự Đạo đời Tống, muôn thuở còn bia miệng thế gian.

Tân khách đều kinh dị. Tuy nhiên có người hỏi vặn thêm:

- Anh bảo chặn trâu cũng có kẻ anh hùng mà cũng có kẻ hèn hạ, vậy là thế nào, xin hãy cho biết?

- Chặn trâu anh hùng như Ninh Thích gây dựng được nước Tề, Diên Đan khôi phục được thành Yên, Hứa Do biện biệt được đời trị loạn, Bách Lý Hề am hiểu được lẽ thịnh suy. Trái lại, kẻ chặn trâu hèn hạ chỉ biết đói ăn khát uống, đêm ngủ quên dậy, ngày ngheu ngao ba câu hát nhảm, việc đời việc nước tịt mù.

Bấy giờ, cử tọa càng đem lòng kính nể, một vị vòng tay cung kính nói:

- Thầy thật là một bậc hiền sĩ, chúng tôi có mắt mà không có con người nên không nhìn thấy Thái Sơn trước mặt. Xin thầy sẵn lòng tha thứ cho.

Rồi vốn vả mời Từ ngồi ghế trên, và tiếp tục luận đàm về

bách gia chư tử, tam giáo cửu lưu... Chủ nhà thấy Từ đối đáp thông suốt như nước chảy, vỗ vai mà nói:

- Thầy tài giỏi như thế mà từ ấy đến nay cứ giấu giếm mãi, khác nào hòn ngọc quý đem chôn vùi dưới cát. Bấy lâu lão đã xét người không minh, để thầy làm một việc không xứng đáng, xin thầy bỏ quá đi cho.

Từ đó, chủ nhà đối với Đào Duy Từ rất biệt đãi, rồi giới thiệu với quan Khâm lý Trần Đức Hòa ở huyện Bồng Sơn.

Đức Hòa thấy Từ là người học vấn uyên thâm, kiến thức trác việt, mời Từ đến nhà dạy học cho con cái mình.

Tuy Đức Hòa đãi Từ vào hàng gia sư, nhưng vẫn không biết rằng chàng có tài thao lược, nên không tiến cử chàng với chúa Nguyễn. Lần nữa mãi hết ngày này qua tháng khác, mà vẫn chưa đạt được ý nguyện, Từ liền làm bài *Ngọa long cương ngâm*, tự ví mình với Khổng Minh, tức Gia Cát Lượng đời Tam quốc, người học rộng tài cao, thao lược gồm đủ, lúc chưa gặp thời thì ẩn dật ở Ngọa long cương. Bài thơ theo thể lục bát, dài 136 câu. Đây là cảnh Khổng Minh ở ẩn:

Góc sân trúc uốn vo ve,

Ngõ đưa hạnh tía, hiên khoe cúc vàng.

Khúc cầm cổ cầm cung xoang,

Ca ngâm Lương phủ điệu càng hứng mau.

Cửa kho vô tận xiết dàu,

Thú vui ta thú, ai dàu mặc ai.

CHÀNG CHĂN TRÂU MƯU NGHIỆP LỚN

*Thanh nhàn dưỡng tính hôm mai,
Cầm trong cuốc nguyệt, bãi ngoài cày mây.
Lợi danh nào chứt móng tay,
Chẳng hiểm thế vật, trao tay thế tình.
Dựa song hé bức màn manh mãnh,
Gẫm chừng đời trước công danh mấy người.
Doãn chưa đặt lễ Thang mời,
Cày kia chưa dễ buông nơi nội Săn.
Lữ đầu chưa gặp xe Văn,
Câu kia chưa dễ gác cần Bàn Khê.
Gẫm xem thánh nọ hiền kia,
Tài này nào có khác gì tài xưa,
Nể mẫu máy nhiệm binh cơ,
Lục thao đã đọc, thất thư lại bàn...*

Một hôm, Trần Đức Hòa đi ngang qua nhà học, nghe tiếng Từ ngâm bài Ngọa long cương, đến câu:

*Chốn này thiên hạ đời dưng,
Ất là cũng có Ngọa Long ra đời.
Chúa hay dưng đặt tôi tài,
Mừng xem bốn bể dưới trời đều yên.*

Nghe xong, Trần Đức Hòa giật mình nói:

- Duy Từ có lẽ là Ngọa Long đời nay chăng?

Tại Nam Hà bấy giờ, chúa Nguyễn Phúc Nguyên tức Sãi Vương vì phải đương đầu với chúa Trịnh, mong mưu dựng cơ đồ nên rất chú trọng việc chiêu hiền đãi sĩ.

Khám lý Trần Đức Hòa vào yết kiến chúa Sãi, dâng bài Ngọa long cương và tâu:

- Bài này là của một thầy đồ tên Đào Duy Từ làm ra.

Chúa Sãi xem xong lấy làm lạ, lập tức cho mời Từ vào diện kiến. Lúc Đào Duy Từ vào đến cửa, thấy chúa Sãi mặc áo trắng, đi giày cỏ, đứng đợi ở dịch môn, liền trở ra ngay. Chúa biết ý Duy Từ cho chúa không biết trọng sĩ đãi hiền, liền vội trở vào thay y phục, đội mũ chỉnh tề, rồi cho mời Duy Từ vào.

Duy Từ trần thuyết mọi lý lẽ thịnh suy, an bang tế thế. Chúa Sãi khâm phục, mừng rỡ nói:

- Khanh tới với ta sao muộn lắm vậy?

Rồi phong Đào Duy Từ làm chức Nha úy Nội tán, tước Lộc Khê hầu.

Lúc bấy giờ, Trịnh Tráng muốn hại chúa Sãi bèn tìm cớ sai Nguyễn Khắc Minh đem đạo sắc chỉ của vua Lê vào tấn phong chúa Sãi làm Thái phó quốc công, truyền ra Đông đô để đánh họ Mạc, ý muốn nhân đó sẽ trừ đi.

Khắc Minh đến nơi, chúa Sãi triệu quần thần đến bàn việc. Đào Duy Từ nói:

- Trịnh giả mạng vua Lê để sai khiến ta, nếu ta nhận chức mà

CHÀNG CHĂN TRÂU MƯU NGHIỆP LỚN

không ra, thì họ chỉ lấy cớ trách ta thôi. Bằng ta không nhận tất họ sẽ viện cớ ta chống lại sắc chỉ triều đình mà động binh đánh ta, có thể hại đến sinh dân. Vả lại thành quách chúng ta chưa bền chắc, sĩ tốt ta chưa luyện tập, quân địch đến thì ta lấy gì mà chống? Vậy ta hãy chịu nhận cho họ dừng nghỉ, rồi tự liệu việc phòng thủ, và sau sẽ trả chức lại thì họ không có cớ gì mà nói ta được.

Chúa Sãi nghe theo.

Đào Duy Từ lại tâu với chúa Sãi:

- Cổ nhân có nói: Kẻ nào không muốn chịu khó nhọc một lần thì không thể được yên nghỉ lâu dài, kẻ nào muốn chỉ làm qua loa tất không thể hưởng được thái bình trường cửu. Bởi vậy, thần có thiện ý là ta nên truyền quân sĩ và dân phu ở hai trấn đắp một chiến lũy dài từ núi Trường Dục đến cồn cát Hắc Hải tùy chỗ đặt đồn để phòng thủ biên cương. Quân địch dẫu có đến đánh cũng không thể làm gì được.

Chúa Sãi cho là hữu lý, liền hạ lệnh động viên quân dân đắp lũy Trường Dục. Hơn một tháng lũy thành hình. Bấy giờ Đào Duy Từ nhắc lại việc thụ sắc phong ngày trước và tâu với chúa cho người đem ra Bắc trao trả sắc chỉ của chúa Trịnh.

Biết chúa Trịnh sau khi thấy mình trả lại sắc, thế nào cũng nổi giận tìm cách động binh, ta phải sẵn sàng chuẩn bị đối phó, Đào Duy Từ đem hết cả vốn liếng hiểu biết của mình về võ bị, soạn ra một cuốn binh pháp đặt tên là Hổ trướng khu cơ⁽¹⁾ để dạy tướng sĩ rèn luyện. Để phòng thủ chặt chẽ hơn, Từ xin chúa Sãi

⁽¹⁾ Then máy trướng hùm.

cho mình đi kinh lý các nơi sông núi, để xem xét địa thế. Khi trở về, ông tâu với Chúa:

- Thần đã xem xét tất cả địa thế của Nhật Lệ và đồi núi Đâu Mâu. Ở phía Bắc có một lòng sông nhỏ chạy giữa một khoảng bùn lầy, giờ ta nên lợi dụng địa thế ấy mà đào thêm một cái hào đắp thêm một lũy nữa ở bờ phía Nam. Lũy này có thể quan trọng gấp sáu lần lũy Trường Dục.

Chúa Sãi bằng lòng.

Lũy này cao hơn một trượng, dài 3.000 trượng. Phía ngoài có đá và gỗ lim. Trong đắp đất làm 5 bậc, voi ngựa có thể đi lại được. Độ 3 hay 5 trượng có một đồn nhỏ, đặt súng đại bác và cách một trượng có đặt một súng bắn đá.

Lũy này gọi là *Lũy Thầy*, vì từ chúa đến các quan thần dân đều suy tôn Đào Duy Từ là "Thầy". Nhờ hai chiến lũy Trường Dục và lũy Thầy, nên đã ngăn cản được những cuộc tiến công của chúa Trịnh, để chúa Nguyễn yên tâm xây dựng Nam Hà thành một vùng đất phì nhiêu, dân cư thịnh vượng. Dân chúng đặt câu hát:

Khôn ngoan qua cửa sông La,

Dầu ai có cánh khó qua lũy Thầy.

Vào lúc đốc xuất việc đắp lũy Trường Dục và lũy Nhật Lệ, Đào Duy Từ đã đặt ra bài hát *Hò khoan* cho thủy quân hát khi chèo thuyền trên sông. Những bài hát này hát lên hòa nhịp theo mái chèo đưa đẩy nhịp nhàng, có thể làm quên được sự nhọc nhằn của binh lính phục dịch công việc xây đắp vĩ đại ấy. Bài hát này ông phỏng theo điệu *Hò đưa linh* mà ở miền Bắc thường

CHÀNG CHĂN TRÂU MƯU NGHIỆP LỚN

dùng khi đưa đám ma người chết.

Nhớ lại nghề cha, ông lập một đoàn hát bội ở Bình Định, nơi ông dừng bước đầu tiên. Ông đã phổ biến lối hát tuồng ở ngoài Bắc nhưng hát theo giọng Bình Định có cải cách, tức là hát một hơi dài mà không ngắt câu, chỉ bằng tiếng ư, ử, lại đặt thêm làn hát và điệu múa mới.

Khi rảnh rồi ông soạn một vở tuồng nhan đề là *Sơn Hậu*, cốt chuyện như sau: Tả Thiên Lăng cướp ngôi vua Tề, trung thần là Khương Linh Tá, Đồng Kim Lân, cứu được con bà Phàn thứ phi chạy thoát, đến Sơn Hậu báo tin cho Phàn Định Công, một lão tướng trấn thủ ở đó biết. Phàn Định Công liền hưng binh về triều, diệt họ Tề, lập ấu chúa lên ngôi. Tả Thiên Lăng trong vở này nhằm ám chỉ chúa Trịnh, kẻ đã không biết dùng ông trước kia.

QUÁN ĐANH

Phía bắc làng Đình Xá, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc⁽¹⁾ có một cái quán ở bên đường cái quan, trên lối về xã Yên Lãng⁽²⁾. Quán có tên là Quán Bạc, với ba gian lợp ngói Khang trang rộng rãi để dân chúng và khách qua lại nghỉ chân. Gian giữa có một cái bệ thờ thổ địa, trên có bát hương và giá nến. Gian bên phải là hàng nước trên chõng bày quà bánh, mấy phong thuốc Lào, giò ẩm tích chè tươi, chén, bát... Dưới chân chõng là một lu nước với có gáo múc đặt bên trên.

Một bữa kia, một viên quan có lính hầu, có tàn quạt qua làng Đình Xá. Trời nắng, cả bọn vào quán nghỉ. Một tên lính hầu bảo bà hàng nước:

- Bà hàng, đi kiếm bàn, ghế, bày ở gian giữa để quan lớn ngồi, rồi pha một ấm chè tươi thật ngon mời quan dùng.

Bà hàng hỏi nhỏ:

- Quan nào thế hở thầy quyền?

Tên lính quát:

- Đây quan là sứ giả của triều đình, đi công cán qua địa phương.

⁽¹⁾ Nay thuộc huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú.

⁽²⁾ Nay là xã Thanh Lãng, huyện Tam Đảo.

QUÁN ĐANH

Bà hàng rụt rè:

- Nhưng quanh đây không có nhà nào có bàn, ghế, xin rước quan lớn ngồi tạm xuống chõng này ạ!

Tên quan hách dịch:

- Ta không thêm ngồi lên cái chõng dơ dáy này! Mụ mau ba chân bốn cẳng chạy vào trong làng, gọi lý dịch ra đây hầu quan, không có thì chết cả bây giờ.

Bà hàng nước vội chạy vào trong làng tìm lý dịch. Lát sau viên lý trưởng và mấy chức dịch trong làng hốt hải chạy ra. Lý trưởng khăn quần vội nên xô ra rũ rượi, vội chấp tay lạy:

- Bẩm lạy quan lớn, quan lớn hành hạt qua đây mà con không biết sớm ra nghênh tiếp, xin quan lớn đại xá cho.

Viên quan nạt nộ:

- Ta biết nhà các thầy lắm tội lắm, đơn kiện đơn khiếu các thầy hà lạm của công bóp nặn dân chúng, ta nắm trong tay rất nhiều, phen này ta về thanh tra, sẽ cho cách chức, bỏ tù một loạt cho biết thân.

Lý trưởng lo sợ:

- Bẩm quan lớn, oan chúng con lắm, xin quan lớn đền trời soi xét cho chúng con được nhờ ơn.

Quan quát lớn vẻ đe dọa:

- Còn oan gì nữa? Rõ thật thân lừa, nhẹ không ưa lại ưa nặng. Biết điều thì nói với ta một tiếng, ta sẽ liệu bề châm chước cho

mà nhờ. - Câu sau y điệu giọng xuống, vẻ mơn trớn, hồng kiếm chác đồ lễ.

Lý trưởng van xin:

- Bẩm, quả tình là chúng con không có điều gì khuất tất, xin quan lớn minh xét cho.

Quan tức giận, cầm roi quất vào đầu lý trưởng: ♦

- Này, minh xét này! Cứ già đòn non nhẽ. Bay đâu, vật cổ thằng này xuống phết cho nó mấy roi!

Thấy viên quan ở đâu vô cớ đánh lý trưởng làng mình, tức là làm nhục cả làng, trẻ em và trai tráng liền cầm đá ném vào viên quan. Bọn lính hầu cầm roi quất lấy quất để vào những người đứng hàng đầu. Hăng máu lên, dân làng xông vào đánh cho tên quan và bọn lính một trận nên thân.

Sứ giả về tâu với chúa Trịnh, chúa ra lệnh triệt hạ cả làng về tội dám đánh quan. Dân lo quá, bàn bạc với nhau.

Một người nói:

- Cơ màu này đến phải sang làng Láng xin với quan Thượng Láng cứu cho mới được.

Một trai tráng hỏi:

- Quan Thượng Láng là ai vậy bác?

Người kia nói:

- Chú mày hậu sinh, biết sao được. Quan Thượng Láng, tên húy là Nguyễn Duy Thì, Lại bộ Thượng thư, cầm quyền tể tướng

QUÁN ĐANH

đương triều. Quan Thượng vốn là người liêm khiết, cương trực, không sợ kẻ quyền thế, chỉ có ngài mới cứu giúp được dân ta thôi.

Mọi người khen phải, rủ nhau sang làng Láng xin vào bái yết quan Thượng.

Nguyễn Duy Thì⁽¹⁾ người xã Yên Lãng, huyện Yên Lãng, đỗ Nhị giáp tiến sĩ, khoa Mậu tuất⁽²⁾ làm quan đến chức Thượng thư bộ Binh, tước quận công, lại được gia Tham tụng, Thượng thư bộ Lại, giữ việc sáu bộ, kiêm Tế tửu Quốc tử giám.

Ông là quan tể tướng, có tiếng giữ mình ngay thẳng và khéo xoay đổi được ý của vua chúa. Trong phủ chúa có một cái kiệu, kiểu cách và sơn vẽ rất lộng lẫy. Một hôm, ông đứng cạnh, chợt ngã vật vào trong kiệu, cấm khẩu, không nói được câu gì. Chúa sai khiêng đưa về phủ. Sáng hôm sau, ông vào khải rằng:

- Thần hôm qua ngộ cảm, đội ơn Chúa thượng bao dung. Cái kiệu ấy, thần đã trót ốm nằm lên rồi, không tiện lại tiến phụng nữa. Xin sẽ sắm cái khác đẹp hơn, dâng nộp.

Chúa hiểu ý ông muốn khuyên chúa không nên xa xỉ để dân đỡ khổ, liền không trách hỏi nữa.

Một lần, ông vào xin phép chúa để về Yên Lãng. Bấy giờ chúa yêu một bà phi người làng Mông Phụ, bà phi ấy được yêu chiều quý chuộng nên uy thế cũng lớn. Ông vẫn thường nói xa để khuyên ngăn chúa. Nay nhân dịp ông cáo về vắng, chúa ngự

⁽¹⁾ Nguyễn Duy Thì (1571-1652).

⁽²⁾ Năm 1598, đời Lê Thế Tông.

thuyền rồng lên kinh lý Sơn Tây, trên đường rẽ vào thăm làng nhà bà phi. Thuyền chúa qua hạt Yên Lãng. Ông chờ rồi phục lay ở bến sông, nói: bốn phương không có giặc giã, sao lại vì một người đàn bà mà làm nhọc đến sáu quân, như vậy quốc thể còn ra sao nữa. Rồi truyền cho quân sĩ không được bơi thuyền tiến lên, hễ ai trái, sẽ lấy quân pháp trị tội. Chúa phải hồi loan.

Phủ của ông có một nếp nhà gọi là nhà Tư chính⁽¹⁾, đó là nơi để khi lui châu, ông về nghỉ ngơi. Trong nhà ấy chỉ có hai gã tiểu đồng hầu hạ, vợ con không ai được bén mảng tới và cũng không dám đem việc riêng kêu xin gì cả.

Giả như ông đang ở kinh đô thì muốn vào gặp để cầu xin cũng khó, vì ông không muốn có chuyện tư túi, cứ đúng luật pháp mà xử dựa theo án từ bên dưới nộp lên. Nhưng nay ông đang nghỉ ở làng, nên dân Đình Xá mới dám đến thưa chuyện với ông.

Nghe xong câu chuyện, ông hứa với mọi người sẽ cố gắng can thiệp cho, rồi lập tức vào kinh nói với chúa:

- Khải Chúa thượng, dân làng Đình Xá có tội đánh quan thật, nhưng cũng vì sứ giả ức hiếp, sỉ nhục lý dịch làng họ thậm tệ, nên họ mới phải đứng ra bảo tồn danh dự cho cả làng. Nếu vì một viên quan mà triệt hạ cả một làng, e rằng dân chúng sẽ oán thán triều đình dùng hình phạt quá lạm; không những thế còn khiến cho quan lại cậy được nhà vua bênh vực, lại càng hống hách, tàn nhẫn với dân hơn nữa. Xin Chúa thượng suy tính đến việc lớn muôn đời mà xét lại cho.

Chúa nghĩ ngợi một hồi rồi quyết định bãi bỏ lệnh triệt hạ cả

⁽¹⁾ Nghĩ việc quốc chính.

QUÁN ĐANH

làng, chỉ có một số lý dịch phải tội đánh trượng.

Từ đây, Quán Bạc được đổi tên là *Quán Đanh*, vừa có nghĩa là *đánh quan*, vừa có nghĩa là quán của làng Kẻ Đanh, tên tục làng Đình Xá.

NGƯỜI TỰ MỔ BỤNG

Được cử kiêm giữ chức đô ngự sử, Tham tụng Nguyễn Công Hãng bắt tay vào việc khám xét các vụ kiện tụng. Trước đây Ngự sử đài chỉ nhận đơn khiếu nại do Ty Hiến sát chuyển tới hay dân chúng gửi lên, lựa việc rồi mới tâu. Bây giờ, Công Hãng đi kinh lý các trấn nghe ngóng dân tình và chính tích của các quan lại để đến kỳ khảo duyệt được xác đáng hơn. Mỗi khi đi đâu, ông thường dặn lính hầu không được nạt nộ dẹp đường để dân dễ gặp ông giải bày oan khuất.

Một lần qua trấn Hải Dương, ông gặp một đoàn tù khổ sai đang làm việc nặng nhọc. Một tên tù trông thấy võng ông vội chạy ra quỳ xuống bên đường, bọn lính áp giải mãi tán gẫu chuyện cản lại không kịp. Khi võng ông đi tới, tên tù bỗng kêu to lên rằng:

- Kính bẩm Thượng quan, con là Trần Sùng vốn là chủ quán trọ ở huyện lỵ Đường hào, bị Hiến Ty buộc tội cưỡng gian khách trọ, kết tội đồ⁽¹⁾. Con đã dâng thư khiếu nại lên Ngự sử đài nhưng không được xét. May mắn được gặp Ngài ở đây con xin phơi bày gan ruột để mong Ngài thấu rõ tình oan.

Dứt lời, người ấy phanh áo, rút trong người ra một lưỡi dao nhỏ giấu sẵn để tự mổ bụng. Lính hầu vội ngăn lại, cũng may vết thương chưa sâu lắm. Công Hãng sai lính rịt thuốc dấp vào

⁽¹⁾ Tội đồ: phạt bắt làm việc nặng nhọc.

NGƯỜI TỰ MỔ BỤNG

vết thương cho cầm máu, băng bó lại và cho đưa người ấy về kinh đô để tiện xét hỏi.

Tối kinh, Công Hăng xem xét lại đồng đơn từ khiếu nại mà các quan ở Ngự sử đài trước đó là Trương Công Khải và Hồ Phi Tích đã xếp lại không xét đến, thấy trong đó có một lá đơn ghi tên Trần Sùng. Công Hăng bèn đem việc tâu lên chúa Trịnh Cương⁽¹⁾. Trịnh Cương cau mày:

- Trước đây ta đã truyền cho ngũ phủ liêu phải cử các thiêm sai, phúc thẩm các bản án, và dựng nhà ngoài cửa phủ làm nơi xét xử hình ngục, căn cứ vào những đơn khiếu nại do Ngự sử đài chuyển sang, sao còn để xảy ra chuyện như vậy? Nay ta giao cho khanh cùng với Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn xét lại vụ án, xong sẽ tâu lên.

Các quan được giao phận sự bèn thiết lập phiên tòa, cho đòi Trần Sùng đến thẩm vấn, Trần Sùng khóc nói:

- Bẩm các vị Thượng quan, con có mở một quán trọ ở huyện lỵ Đường Hào. Một tối nọ, có một cô gái đến trọ, con đã xếp cho cô ấy một căn buồng sạch sẽ để nghỉ. Tối hôm đó con có uống chút rượu nên ngủ hơi say, vào lúc nửa đêm nghe thấy có tiếng hô hoán, con mới choàng tỉnh dậy. Thì ra cô gái kêu là có kẻ đột nhập vào buồng toan giở trò cưỡng hiếp, nhưng cô ấy hết sức chống cự nên tên kia không làm gì được phải bỏ chạy. Giữa lúc đó bà con hàng phố nghe tiếng kêu cứu chạy đến, bỗng vợ con túm lấy con bù lu bù loa ghen tuông bảo là con đã già rồi mà còn rửng mỡ, ép buộc gái tơ làm chuyện đồi bại. Vì quán trọ ở

⁽¹⁾ Trịnh Cương làm chúa từ năm 1709 đến 1730.

cạnh nha môn nên lính lệ đến bắt giải cả vợ chồng con và cô gái kia về huyện giam lại để xét xử về tội làm huyên náo trong lúc đêm khuya. Sáng hôm sau, quan huyện thẳng đường, trước hết hỏi cung cô gái thì cô khai đang ngủ bỗng có kẻ đột nhập vào buồng toan cưỡng hiếp cô, nhưng trong lúc đêm tối không nhận được mặt kẻ đó. Quan huyện lại hỏi con có phải con đã cưỡng gian cô gái này không. Con thưa là không biết gì về chuyện đó, thì quan huyện vỗ bàn quát: “Lính tới nơi khám xét và trình với ta chỉ có vợ chồng người ở nhà trên, gần với buồng khách trọ, còn người làm công đều phải ở nhà dưới không được bèn mảng đến buồng trọ trong lúc đêm khuya. Như vậy, chỉ có người mới có thể đột nhập vào buồng cô gái, buồng của cô ta lại ăn thông với buồng của người, lúc xảy ra chuyện thì cửa ngăn giữa hai căn buồng bị mở toang. Như vậy, đúng là người đã xếp cho cô gái ở cạnh buồng người để dễ bề hành sự”. Con nhất mực kêu oan nhưng quan huyện vẫn buộc con vào tội cưỡng gian, làm bản án kết tội lưu viễn châu⁽¹⁾ và đệ lên Hiến ty. Quan Hiến sát sứ giám xuống tội đồ, bắt đi làm việc khổ sai. Con không sợ tù đầy, nhưng chỉ uất ức vì mình không làm nên tội mà bị vu cáo mất cả danh giá, đến nỗi không dám ngửa mặt nhìn ai nữa, nên mới liều mỗ bụng kêu oan, xin các Thượng quan đèn trời soi xét cho con được nhờ.

Nghe xong, Công Hăng đoán trong vụ này có nhiều uẩn khúc, nên vờ thét mắng:

- Việc này ngay gian chưa rõ, biết đâu nhà người chẳng bày trò rạch bụng ăn vạ để lu loa lấp liếm tội mình. Ta hãy cho giam người vào ngục để điều tra thêm đã.

⁽¹⁾ Lưu viễn châu: đầy đi châu xa.

NGƯỜI TỰ MỔ BỤNG

Công Hăng bèn mật sai thám tử cải trang làm dân thường về huyện Đường Hào dò xét dân tình và những người làm công trong quán trọ. Qua lời của một số người, thám tử được biết vợ Trần Sùng có tư tình với một gia nhân khỏe mạnh, sau khi chồng bị bắt giam thì mẹ thường xuyên gặp gỡ tình nhân không e dè kiêng sợ như trước. Nghe thám tử về trình lại, Công Hăng phán đoán hẳn là mẹ xui tình nhân bày trò cưỡng hiếp cô gái, lại làm ra bộ ghen tuông để vu oan giá họa cho chồng. Nếu chồng bị tù đầy thì mẹ sẽ chiếm lấy sản nghiệp và công nhiên hú hí với tình nhân cho thỏa lòng dục, khỏi phải vụng trộm như trước.

Nắm được ẩn tình, Công Hăng cho đòi viên Hiến sát sứ Hải Dương lên và hỏi:

- Ông xử tội Trần Sùng căn cứ vào điều luật nào?

Viên Hiến sát sứ lúng túng:

- Bẩm, ty chức dựa vào điều thứ 17 trong 24 điều giáo hóa đời Hồng Đức⁽¹⁾, trong có nói: "Các hàng quán bên đường có phụ nữ đi xa đến trọ, thì phải phòng giữ. Nếu để hà hiếp ô nhục người ta, việc phát giác thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả". Ty chức thiết nghĩ dù Trần Sùng không phải là kẻ phạm tội chăng nữa vẫn cứ bị trừng trị.

Công Hăng nói:

- Tiên đế Thánh Tông đặt ra điều giáo hóa chỉ cốt khuyên dân giữ lấy luân thường đạo lý trong gia đình và thuần phong mỹ tục, còn khi xét xử thì phải căn cứ theo điều luật. Theo luật

⁽¹⁾ Hồng Đức (1470-1494) niên hiệu của Lê Thánh Tông.

Hồng Đức thì “cưỡng gian sẽ bị tội giảo⁽¹⁾, cưỡng gian chưa thành thì phạt 100 trượng, đày đi 3000 dặm”. Nhưng trong luật còn nói rõ: “Xét việc tình không có dấu vết, để sự vu oan; nếu không là việc bắt được đương trường thì không có bằng cớ. Nếu chỉ cung xưng tên người đã thông gian thì lời nói không thể là bằng cớ, tòa đều không xét”. Điều đó còn ghi rành rành trong *Chiếu lệnh thiện chính thư*, đời Hồng Đức. Nay đã không bắt được quả tang Trần Sùng cưỡng gian, mà dù cô gái có khai ra Trần Sùng cũng không đủ bằng cớ, vì từng có kẻ thông gian với người này nhưng lại đổ tội cho người khác mà mình ghét. Nếu không có chuyện tư túi thì ông và huyện quan ắt không bẻ cong pháp luật, xử oan cho người lương thiện. Theo luật Hồng Đức, “kẻ nào ăn hối lộ từ 1 đến 9 quan thì bị hạ chức hoặc bãi chức, từ 10 đến 19 quan thì bị bắt giam hoặc bị khổ sai đi đày, từ 20 quan trở lên thì bị tử hình”. Vậy ông biết điều hãy mau thú tội, để tôi tâu lên triều đình liệu bề châm chước cho.

Viên Hiến sát sứ sợ hãi, thú nhận đã trót ăn hối lộ của vợ Trần Sùng để buộc tội y. Công Hăng bèn cho đòi vợ Trần Sùng và tên gia nhân đến tra hỏi, cuối cùng chúng đều thú nhận đã bày ra trò cưỡng gian cô gái để tiện bề buộc tội cho Trần Sùng.

Bản án đệ lên, được triều đình duyệt y. Trần Sùng được tha, vợ y bị tội giảo, tên gia nhân bị phạt trượng và đày đi châu xa, viên Hiến sát sứ và huyện quan bị tù khổ sai. Trịnh Cương lại ra lệnh biếm Thượng thư bộ Hình Trương Công Khải xuống làm Tả thị lang bộ Lại và Tả thị lang bộ Lại Hồ Phi Tích xuống làm Hữu thị lang bộ Lễ, vì trước kia bọn Khải ở đài Ngự sử không biết làm rõ lẽ trắng.

⁽¹⁾ Tội giảo: thất cổ cho chết.

VỤ ÁN MẠNG GÀ CHỌI

Vừa nhác thấy viên hoạn quan Nguyễn Bá Hán khệ nệ ôm con gà chọi về đến Tiểu bút điểm, tên tiểu nội thị đã mừng rú lên:

- Kính mừng công công. May quá, công công đã về. Nhà chúa đang có ý trông.

Nguyễn Bá Hán giơ con gà ra khoe, giọng the thé như đàn bà:

- Chú mày coi, con gà này đầu nhanh, mắt nhanh, xén lông, trườn bóng, cần trường, nhỏ khoan⁽¹⁾ da dầy, có vậy mới giỏi chịu đòn. Gà này là gan chí mề, thà gục tại trận chứ không thềm chạy.

Tên tiểu nội thị vuốt ve bộ lông đen tuyền của con gà, suýt xoa:

- Làm sao mà công công lại mua được con gà quý tướng như thế này?

Nguyễn Bá Hán trợn tròn mắt, khuôn mặt trắng nhợt mềm nhão không một sợi râu bông đỏ bừng lên:

- Chú mày tưởng con gà này mang ngàn lạng bạc ra mà mua nổi đấy hử. Hà hà, chú mày xem, nó có cái bớt đen ở lưỡi, lại có lông voi mọc ở cánh, thấy chưa. Này, này cả cái vẩy yếm

⁽¹⁾ Cần trường: cổ dài; nhỏ khoan: chân nhỏ.

lông mọc ở chân đó đó, gà như vậy mới là loại *nhất kê địch vạn*. Tao lựa bao nhiêu con mới được con thần kê này, nhưng hỏi mua thì thằng chủ nhất định không chịu nhả ra. Tao chẳng nói chẳng rằng, gọi lấy giấy bút viết luôn hai chữ Phụng thủ dán vào lông rồi sai quân lính xách đi. Thằng chủ tiếc của đuổi theo liều chết toan giằng lại lông, tao truyền cho lính đánh cho nó một trận dừ đòn.

Vừa lúc ấy, quan Thượng thư Vũ Duy Đoán từ trong nội các ra. Ông dừng lại lắng tai nghe, sau khi rõ đầu đuôi, ông tiến ra quát hỏi:

- Gà này từ đâu đem đến?

Nguyễn Bá Hán đáp:

- Gà tôi mua về hiến Vương thượng bày cuộc chơi gà vui chơi.

Vũ Duy Đoán cau mày nghĩ ngợi. Ông vốn là con quan Hoàng giáp Vũ Bạt Tụy nên ít tuổi đã được đưa vào phủ giúp việc Trịnh Căn, lúc ấy còn là công tử. Gặp lúc hữu sự, bao nhiêu thuộc hạ đều bỏ chạy hết, riêng có mình ông lúc nào cũng ở bên Trịnh Căn. Đến khi Trịnh Căn được phong chức Tiết chế, đem quân vào đóng ở Lưu Đồn, thì ông đỗ Giải nguyên, theo giúp ở nơi quân thứ. Bất luận việc lớn hay nhỏ, Trịnh Căn cũng hỏi qua ý kiến rồi mới thi hành, nên người đời gọi ông là quan Nội tướng. Rồi sau thi khoa Hoành từ, ông lại trúng ưu hạng, đến năm Giáp Thìn⁽¹⁾ lại đỗ Hội nguyên, được Tây Vương Trịnh Tạc ban áo mũ và trọng đãi hơn mọi người. Vì thế sáu năm trời mà ông đã thăng lên chức Thượng thư.

⁽¹⁾ Năm 1664.

VỤ ÁN MẠNG GÀ CHƠI

Khi Trịnh Căn mới lên ngôi chúa, hiệu Khang Vương, bị bọn hoạn quan xui giục, bày trò chơi chọi gà trong cung. Muốn nhân dịp này cảnh tỉnh chúa không nên ham mê chơi bởi hưởng lạc, mà phải dốc lòng lo toan việc chính sự, ông liền tỏ vẻ giận dữ mắng bọn hoạn quan:

- Trước kia khi còn ở nơi Tiềm đế⁽¹⁾, Vương thượng chỉ biết có một mình ta chứ có biết đâu bọn chúng bay. Thế mà ngày nay chúng bay toan bày trò du hí để mê hoặc Chúa thượng hay sao?

Mắng xong, ông giăng lấy con gà chọi rồi bẻ gãy cổ cho nó chết tươi.

Nguyễn Bá Hán chạy vào trong cung, bày ra vụ án mạng con gà chọi, khép Vũ Duy Đoán vào tội cố sát và bắt phải bồi thường tính mạng cho con gà quý của Chúa. Trịnh Căn biết Vũ Duy Đoán được lòng các quan trong triều, nếu vì một con gà đem trị tội ông ta thì mất lòng bá quan nên lẳng lẳng không nói gì, rồi từ đấy về sau trò chơi chọi gà cũng không còn nữa.

Nhưng Nguyễn Bá Hán vì hầu hạ trong cung giỏi luôn lọt xu nịnh nên chẳng bao lâu đã được phong tước Hán Quận Công. Đến khi Vũ Duy Đoán được cử lên công cán Cao Bằng, Trịnh Căn cho Hán đi kèm nhưng lại để cho Hán được ở quyền trên. Vũ Duy Đoán liền tâu:

- Triều đình cử người lên Cao Bằng để phủ dụ dân chúng những vùng bị họ Mạc chiếm đóng trước đây, có chọn được người liêm khiết thì dân mới yên nghiệp làm ăn, đằng này Chúa thượng lại cử Hán Quận là một nội quan chuyên tham nhũng ức

⁽¹⁾ Nơi ở của Thế tử khi chưa nối ngôi chúa Trịnh.

hiếp dân lành, như vậy làm sao yên được lòng người. Nếu Hán Quận được cử đi, lại ở trên thần, thì thần không dám phụng mạng.

Giữa lúc ấy các quan đều có mặt tại phủ. Quan Đô đài Vũ Công Đạo cũng kháng nghị rằng:

- Khải Vương thượng, ví thử Vương thượng bắt thi hành lệnh ấy thì Tam Đô thần không dám cầm bút để ghi.

Trịnh Căn cả giận vùng vằng, vừa đi vào cung vừa nói:

- Nếu không tuân lệnh thì cứ ở lại đây.

Thành thử các quan phải ở lại phủ túc trực. Đến lúc gần tối, Trịnh Căn sai Hoàng môn quan ra giục. Công Đạo xem chừng Trịnh Căn không chịu thay đổi ý kiến, bèn đập đầu vào cột trụ, các quan phải xúm lại lôi ra. Vũ Duy Đoán nhân thế nói lớn lên rằng:

- Vương thượng đã giết Gián thần⁽¹⁾ vậy thần xin nạp lại sắc lệnh.

Nguyễn Bá Hán vội vào cung ton hót với Trịnh Căn để trị tội Vũ Duy Đoán. Nghe lời thêu dệt của hấn, Trịnh Căn càng giận thêm:

- Á à! Hôm trước đã giết gà chọi của ta, ta cũng ỉn nhẫn, chẳng ngờ ngày nay y lại quật cường đến thế thì thôi. Thử hỏi ai giết Gián thần mà y dám nói như vậy!

⁽¹⁾ Bề tôi can gián, tức quan Ngự sử.

VỤ ÁN MẠNG GÀ CHỌI

Tức thì Trịnh Căn hạ lệnh bãi chức Vũ Duy Đoán và Vũ Công Đạo, nhưng cũng thu lại sắc mệnh không cử Nguyễn Bá Hán đi Cao Bằng nữa.

Duy Đoán và Công Đạo ung dung cởi mũ áo đặt lên trên thềm phủ liêu trả lại nhà chúa. Giữa lúc ấy, Nguyễn Bá Hán thui thủi từ trong cung ra. Vũ Công Đạo nói với Vũ Duy Đoán:

- Thế là cả hai lần gà chọi của anh đều thắng gà chọi của Hán Quận. Khốn nạn đã không có cái ấy mà không biết thân, còn học đòi đá đáp làm gì cho càng thêm nhục!

Các quan cùng cười rộ lên, Nguyễn Bá Hán then thùng, mặt tái xám như gà cắt tiết.

CHẤM SON ĐẦU NGỌN BÚT

Tham tụng Hà Tông Huân ngồi trước nghiên son, tay cầm bút lông, nét mặt đầy vẻ phân vân. Bao giờ cũng vậy, mỗi khi phải phê một bản án tử hình, ông đều dẫn đo cân nhắc một hồi rồi mới xuống bút. Vì trầm ngâm quá lâu, son trong nghiên ráo nước đã đặc quánh lại. Bỗng một con ruồi sa vào nghiên, thân hình nó dính chặt vào mảng son, nó lấy hết sức kéo lê đi được một chút cuốn theo lớp son đè lấp lên mình nó, thế là nó bị chết đuối trong lòng nghiên. Hà Tông Huân đã toan vẽ đầu bút trên nghiên để phê một chữ y vào bản án, chợt thấy son đã khô mà trong lòng nghiên lại có một cục đỏ như máu tươi. Ông giật mình. Nếu ông y án, cha con người dân kia liệu có chết oan như con ruồi bỗng dưng sa vào nghiên hay không? Cục son gợi cho ông liên tưởng đến giọt máu người tử tội đổ ra dưới lưỡi dao đao phủ.

Mới đây, quan trấn thủ Sơn Tây đã dâng lên Phủ Liêu một bản án, kết tội dân làng Phùng Xá huyện Thạch Thất đã đồng mưu giết chết một anh lính phục dịch ở Kinh đô đi ngang qua đó, để cướp của rồi giấu xác trong ruộng ngô. Vợ anh lính làm đơn tố cáo, quan trấn cho bắt dân làng đến để tra khảo thì chúng đều tiêu xưng cho cha con tên Nguyễn Bồng chủ mưu. Quan lại cho tra khảo cha con Bồng thì chúng cũng nhận đồng lõa, kẻ thì bị khổ sai chung thân, kẻ thì bị phát phối sung quân trên mạn ngược.

CHẤM SON ĐẦU NGỌN BÚT

Giữa lúc đó, có một cô gái đến trước dinh quan Chánh đường đánh trống để thân oan. Quan Chánh đường cho vào hỏi thì cô ta xưng là con gái của Nguyễn Bồng, vì thấy cha anh bị oan không thể đành lòng được nên liều chết lên giải tỏ nguồn cơn.

Theo lời cô gái thì vợ anh lính tên Thị Ngọ, khi chồng đi phục dịch ở Kinh, ở nhà tư thông với tên sinh đồ Vũ Liên trong làng. Ắ bảo y: Nếu anh giết tên lính kia, tôi xin suốt đời hầu hạ khăn lược cho anh. Tên sinh đồ bèn cầm dao nhọn ra đi. Đến quán trọ làng Phùng, vừa lúc anh lính kia ở Kinh đô về tới đó rẽ vào quán nghỉ ngơi uống nước. Hai bên hỏi thăm nhau. Người hỏi về tình hình ở Kinh đô, kẻ hỏi về tình hình ở quê nhà. Xong, họ chia tay nhau. Tên sinh đồ đi được ngót dặm đường liền vòng lối tắt, quay lại đuổi theo, đâm chết anh lính kia, rồi lôi xác vào ruộng ngô.

Bấy giờ ngô đang tốt, chẳng ai hay biết gì. Khi ngô đến kỳ bẻ, Nguyễn Lũng - anh cô gái, đi hái ngô thấy đồng xương người và quần áo có tên anh lính kia. Lũng vội về báo cho cha là Nguyễn Bồng biết. Hai cha con ghi lại sự việc vào bản rồi đem cắm ở bên đường.

Tên sinh đồ cùng ả vợ anh lính bàn cách vu cho dân làng Phùng giết người để cướp của và kiện lên quan trấn. Quan trấn cho người về làng khảo tra ráo riết. Dân làng đành nhận liều lại tiêu xưng ra hai cha con Nguyễn Bồng chủ mưu, hai người cũng buộc phải nhận tội. Vì vậy nổi thống khổ giáng xuống, không sao chịu nổi.

Quan Chánh đường cầm tờ sớ của cô gái dâng lên Chúa Trịnh. Minh Đô Vương Trịnh Doanh liền giao cho quan Tham

tụng Hà Tông Huân, Bồi tụng Nguyễn Nghiễm cùng tra xét vụ án.

Hà Tông Huân cho đòi cô gái tới dinh hỏi vì sao cô lại biết được đầu đuôi câu chuyện như trên. Cô cho biết là nghe người láng giềng của vợ anh lính và bà chủ quán trọ làng Phùng kể lại cho biết. Ông Huân cho đòi người láng giềng của vợ anh lính lên hỏi thì anh ta chối là không biết gì cả, anh ta cũng không hề nói gì với cô gái là con của Nguyễn Bồng. Còn bà bán quán thì đã chết từ tháng trước.

Thấy lời cô gái nói khẩu thuyết vô bằng mà cha anh cô cùng dân làng đã cung khai nhận tội, bản án của quan trấn làm là đúng thủ tục pháp lý, không thể bác vào đâu được. Tuy lúc đầu còn băn khoăn nhưng sau ông đành phải y án. Những vụ án như thế này chỉ cần quan trấn phán quyết là đủ, không cần phải đệ lên Phủ Liêu. Họ làm theo chức trách của họ, đúng như luật pháp quy định, mình can thiệp vào nhiều quá, làm mất mặt họ không nên. Lần trước ông theo hộ giá chúa Trịnh về thăm cảnh chùa Tây Phương, viên trấn thủ đã tiếp đãi ông hết sức ân cần chu đáo, mình cũng nên nghĩ đến tình diện một chút mới phải.

Nhưng đến lúc thấy con ruồi chết oan, ông bỗng nghĩ lại. Ông sai người bắt tên sinh đồ và vợ anh lính tới dinh ông. Ông ngồi sau bức rèm để xét hỏi. Nhưng khi hỏi, họ đều bảo là không quen biết nhau. Ắ đầu đón xin nói. Ông Huân gật đầu. Ắ khóc lóc, nhưng chốc chốc lại đưa mắt liếc tên sinh đồ. Ông Huân thấy tất cả việc đó bèn dặn ngầm bọn thủ hạ:

- Ta thấy nó khóc mà không có vẻ gì buồn đau cả. Đã thế, cứ chốc chốc nó lại nhìn tên sinh đồ. Ta lấy làm ngờ lắm. Đêm nay,

CHẤM SON ĐẦU NGỌN BÚT

hãy thả chúng ở chung một phòng và chú ý theo dõi xem sao.

Đêm về khuya, lính canh thấy tên sinh đồ cùng ả nọ say sưa ngủ với nhau như vợ chồng. Lính canh bấm lại. Ông Huân gọi tên sinh đồ tới và đặt ra một chuyện để dọa nạt:

- Mày gian dâm với vợ tên lính, rồi bày mưu giết chồng nó, hương hồn nó về đây tố cáo với tao về việc đó. Mày chạy tội sao nổi?

Tên sinh đồ không chịu nhận tội. Thế là ông phải xem xét lại đòi viên đội quản của tên lính cùng gã lý trưởng của làng tên sinh đồ. Họ đều nói: ngày ấy, tháng ấy anh lính xin về nhà; ngày ấy tháng ấy tên sinh đồ trả Kinh. Lại đến quán trọ làng Phùng hỏi con gái bà chủ quán mới chết. Con gái bà khoảng mười hai mười ba tuổi còn nhớ rõ: Mấy tháng trước, có mấy anh lính từ Kinh đô về và người học trò lên Kinh đô. Họ gặp nhau trong quán. Uống nước xong, mỗi người đi một ngả. Nhưng ngay hôm đó, lại thấy anh học trò nọ qua đây.

Ông Huân lại gọi tên sinh đồ lên, quát:

- Tên sinh đồ kia! Mày quả đã giết người! Nếu đi học ở Kinh đô, cớ sao mày vừa đến đã về ngay?

Tên sinh đồ vẫn không chịu nhận.

Đối chiếu lời khai của các nhân chứng, ông Huân muốn bắt tội tên sinh đồ. Khi luận tội ở công đường, ông nói ý định của mình với đồng liêu.

Bồi tụng Nguyễn Nghiễm nói:

- Theo ngu ý, án của quan trấn đã thành, há nên đổi lại. Vả chẳng tên sinh đồ khai là không giết tên lính, mà tên Nguyễn Bồng lại nhận là có giết. Chưa có bản cung chiêu nhận tội thì sao đủ chứng lý kết tội tên sinh đồ. Quan lớn Tham tụng có ký thì ký chứ tôi không dám ký.

Do Nguyễn Nghiễm không chịu ký vào bản luận tội, bởi thế vụ án xử đã lâu mà chưa quyết được. Cả Hà Tông Huân và Nguyễn Nghiễm đành cùng viết tờ trạng dâng lên Chúa. Trịnh Doanh đọc xong tờ trạng bảo:

- Người thì theo luật, người thì xét về tình. Việc làm của cả hai đều đúng. Song, xét án phải hợp với tình.

Tuy nói vậy, nhưng vì vị nể Nguyễn Nghiễm là bậc công thần lại là nhà văn học có tiếng nên Trịnh Doanh không nghe theo lời Hà Tông Huân.

Ông Huân trở về dinh trong lòng buồn bực. Ông bèn tung thủ hạ cải trang làm thường dân về trấn Sơn Tây bí mật điều tra. Họ về báo tin cho ông biết: tên sinh đồ đã lên Kinh học để sửa soạn đi thi, chỉ còn vợ anh lính ở nhà.

Vì những lần trước ông Huân ngồi sau rèm xét hỏi nên vợ anh lính không biết mặt ông. Ông liền cải trang làm một người lái buôn tơ lụa ở Kinh đô mang hàng về bán rong các làng. Ông lại dặn thủ hạ mang theo lệnh bài, mai phục sẵn ở sau nhà vợ anh lính.

Khi thấy người lái buôn đi ngang qua nhà, vợ anh lính gọi vào hỏi mua mấy tấm lụa. Chuyện trò lân la một hồi, ả ta hỏi:

CHẤM SON ĐẦU NGỌN BÚT

- Bác lái ở trên Kinh có gặp ông sinh đồ Vũ Liên lần nào không?

Người lái buôn nói:

- Tôi từng đem hàng về làng bán nên đã biết mặt ông ấy. Vừa rồi tôi gặp ông ta trong một cửa hàng tơ lụa ở Hàng Đào, đi cùng với một cô gái xinh đẹp lắm, bà chủ hàng bảo đó là vợ ông ta. Nghe đâu, cô ấy là con gái một nhà cự phú ở Hàng Đào nên trông có vẻ giàu có, sang trọng lắm.

Ả ta nổi máu ghen bù lu bù loa:

- Giàu có gì, hấn ta giết chồng tôi lấy hết của cải bảo mang lên Kinh ăn học; sau khi thi đỗ hương cống sẽ chính thức cưới tôi làm vợ. Không ngờ, hấn ta chẳng học hành gì, chỉ đem tiền của tôi nuôi con đĩ non trời đánh thánh vật nào. Lần này tôi phải lên kẻ chợ lòng tìm bằng được con đĩ ngựa ấy đánh xé một trận cho nó biết tay.

Ả vừa dứt lời, ông Huân quát lên một tiếng làm hiệu. Thử hạ của ông phục sẵn sau nhà nhất tề xông ra giơ lệnh bài rồi bắt trói ả lại, mang về dinh tra khảo. Ả phải nhận tội đã xui giục tên sinh đồ giết chồng. Cuối cùng, mưu gian của tên sinh đồ đã bị lộ tẩy. Hấn bị xử theo tội giết người. Nghe chuyện này, những người hiểu biết đều lấy làm khoái trá. Nguyễn Nghiễm đến gặp ông Huân tấm tắc khen:

- Luật phải nghiêm như sương móc mùa thu nhưng tình phải dịu như mưa lành gió mát mùa xuân. Cảm ơn quan Tham tụng đã dạy tôi bài học: Xử án phải cân nhắc cả luật và tình, mới công bằng đúng đắn.

TẮM ÁO NÊN DUYÊN

Thi đỗ Tiến sĩ xong, các bạn đồng khoa ai nấy xe ngựa tôi đòi rộn rịp, có người được vâng lọng rước về vinh quy bái tổ ở làng, riêng có Nguyễn Bá Dương vẫn nằm khoèo ở nhà trọ. Quê ông ở làng Nguyễn Xá, huyện Thần Khê⁽¹⁾ nhưng nhà ông nghèo, về quê bây giờ thì lấy tiền đâu ra mà khao vọng.

Giữa lúc đó, có mấy người bạn đồng học ở kinh sư năm trước đến mừng, mỗi người mang biếu mấy quan tiền, gọi là để làm lộ phí cho ông về quê. Ông bảo chủ trọ dọn cho một tiệc rượu nhỏ, anh em cùng uống cho vui.

Một người bạn nâng chén nói:

- Lần này thế nào quan bác cũng *áo gấm về làng* chứ?

Nguyễn Bá Dương cười:

- Chỉ có mỗi bộ mũ áo vua ban mà thôi, ngoài ra có cái áo nào ra hồn đâu! Nói đến áo tôi mới sực nhớ, để tôi vào lấy cái này ra cho các bác xem.

Dứt lời, ông vào mở rương lấy ra một vò rượu đút nút lá chuối khô. Vừa mở nút, mùi rượu bị nén trong vò từ lâu được dịp tỏa ra thơm phức. Ông rót ra mời mỗi bạn một chén. Rượu đặc sánh, tưởng chừng cầm tam không đổ. Vừa tợp một ngụm, vị ngọt đậm

⁽¹⁾ Nay thuộc huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình.

TẤM ÁO NÊN DUYÊN

đà lan khắp cuống lưỡi. Một người bạn hỏi:

- Bác kiếm đâu ra thứ rượu ngon thế?

Nguyễn Bá Dương đặc ý:

- Rượu Mơ chính cống đấy. Muốn nấu thứ rượu này, gạo phải kén giống nếp hoa vàng mãi bên Bắc, không được già, xay xong không lấy hạt đốn. Men là thứ men gia truyền, đặc biệt là toàn các vị thuốc nam. Ngày hanh nắng mới bắt đầu ủ men, nồm thì ít nước lại không có tằm. Khi nấu phải luôn luôn thay nước ngoài ống trấu, nếu để nước nóng thì đục rượu.

Một người bạn khác cười:

- Quan bác sành về rượu quá nhỉ, chả trách ngày trước bác được tặng danh hiệu một trong “bát tiên”. Nhưng ở đâu ra cái vò rượu quý này.

Nguyễn Bá Dương nhấp một ngụm rồi nói, giọng xa xăm:

- Câu chuyện dài lắm. Để tôi kể hầu các bác nghe. Các bác biết đấy, tính tôi tẻch toạc, thích uống rượu, nhà nghèo kiệt nhưng vẫn sống một cách thản nhiên. Rồi lên du học ở kinh sư, ngoài tấm áo, không có một cái gì đáng tiền.

Tôi thường uống chiu rượu của người đàn bà Kẻ Mơ⁽¹⁾, nợ đến chín tiền⁽²⁾, bị người đàn bà ấy đón đường lột áo. Cùng đi với người đàn bà, có cô con gái cũng người Kẻ Mơ. Cô đặt gánh xuống can ngăn người đàn bà kia không được, tức mình cửi tiền

⁽¹⁾ Làng Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, nay thuộc Hà Nội.

⁽²⁾ Mỗi tiền là 90 đồng kẽm.

lưng ra trả hộ, rồi quẩy gánh đi. Tôi đuổi theo tạ ơn, hỏi họ tên. Cô xua tay nói:

- Tôi thấy cậu là học trò, vì rượu chè mà bị xấu hổ với một người đàn bà, không đành lòng mà trả hộ, không có ý mong đền báo.

Nói rồi đi thẳng, không ngoảnh lại.

Tôi trở lại, hỏi người đàn bà tên cô gái, ghi vào lòng. Từ đó tôi chừa rượu, đêm ngày dốc chí học hành, mong sao thi đỗ để có dịp đền ơn cô gái. Nhưng ở Kinh đô, gạo châu củi quế, nhà trọ lại thúc tiền ngật, cái thế không ở lâu được.

Một hôm, tôi gặp Bình Trung Công, đương chống gậy đứng ở cửa nhà riêng ở phường Diên Hưng. Thấy tôi ra dáng học trò, Công hỏi chuyện, rồi trở vào cây tùng trồng trên đá bên tường bảo tôi làm bài thơ đề. Tôi cầm bút đề ngay một bài thơ tứ tuyệt.

Mấy người bạn giục:

- Thơ thế nào, quan bác đọc cho bọn tôi nghe.

Nguyễn Bá Dương thông thả đọc:

Thạch thượng thanh tùng bách xích trường,

Phi hoa mãn động thủy sinh hương.

Đinh ninh tiểu tử hư khinh phạt,

Lưu thủ tha niên tác đồng lương⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dịch:

Trăm thước thông trên đá vững vàng,

TẮM ÁO NÊN DUYÊN

Mọi người nắc nỏm khen thơ hay, cùng cạn một chén rượu mừng. Nguyễn Bá Dương nói tiếp:

- Nghe xong bài thơ, Bình Trung Công vuốt râu thích thú, tặng tôi năm quan tiền. Tôi liền quấy cặp lên du học ở Sơn Tây, trọ ở nhà một hào trưởng. Thường làm văn không có giấy viết, phải viết cả vào ghế, son mực chẳng chịt, màu gỗ lèm nhèm. Gặp năm thi Hương, tôi từ biệt chủ trọ về quê đi thi. Cũng may mà khoa ấy đỗ được cái Hương tiến, cho nên năm nay tôi mới lên Kinh đô thi Hội. Vừa rồi tôi ra phố, về đến nhà, thấy chủ nhà trọ bảo có người gửi một vò rượu Mơ đến mừng quan tân khoa. Tôi đoán là của cô gái Kẻ Mơ năm trước chứ không sai.

Mọi người nghe chuyện đều gật gù tán thưởng. Một người nói:

- Quả là chuyện kỳ ngộ, còn hay hơn cả Tú Uyên và Giáng Kiều ngày xưa.

- Hay đó chính là Giáng Kiều hiện lên giả làm cô gái bán rượu đấy!

Mọi người cùng cười. Một người khác nói:

- Tiểu đăng khoa xong rồi, quan bác còn đợi gì mà không tính đến chuyện đại đăng khoa⁽¹⁾ luôn thể!

Nguyễn Bá Dương nói:

Hoa bay đầy động nước sinh hương.

Đình ninh dặn chú tiểu đừng dẫn,

Dành để mai sau chuốt cột rường.

⁽¹⁾ Tiểu đăng khoa là thi đỗ, đại đăng khoa là lấy vợ.

- Nhưng biết cô ấy có chịu không đã chứ?

- Chịu đứt đi rồi! Nếu bác không dám đi, thì đưa địa chỉ cô ấy đây, tôi đến làm ông mối cho.

Giữa lúc ấy, chủ nhà trọ vào nói với Nguyễn Bá Dương:

- Bẩm quan tân khoa, có một toán gia nhân khiêng một chiếc kiệu đồ ở ngoài cửa, nói là bà Quận phu nhân cho mời quan tân khoa đến phủ có việc cần. Ngài thu xếp đi ngay đi kéo họ chờ.

Nguyễn Bá Dương vội cáo từ các bạn, xin phép vào nhà trong sửa soạn để đến phủ.

Kiệu vừa ghé cửa nhà, một gia nhân đã chạy ra mời Nguyễn Bá Dương vào trong tư thất. Bà Quận phu nhân ngồi trên sập gụ, bồm bẻm nhai trầu. Nguyễn Bá Dương chấp tay vái chào. Quận phu nhân mời ngồi, sai pha trà khoản đãi. Trà được vài tuần, bà nói:

- Già nghe tin quan tân khoa thi đỗ, đem lòng mến mộ, nên cho mời quan tân khoa đến ước sự hôn nhân, nếu quan tân khoa không chê thì thật là hân hạnh cho già.

Nguyễn Bá Dương chưa kịp nói gì thì bên trong đã có mấy chục cô con gái bước ra, người nào cũng tha thướt gấm là, dung nhan yếu điệu. Bà nói:

- Đây là các con cháu trong nhà của già, tùy quan tân khoa mặc tình kén chọn.

Nguyễn Bá Dương thưa:

- Tiểu sinh đội quý phu nhân đã có lòng hạ cố, nhưng ngặt vì

TẮM ÁO NÊN DUYÊN

tiểu sinh đã có nơi rồi.

- Nơi nào, quan tân khoa nói cho ta nghe.

Nguyễn Bá Dương đem câu chuyện cô gái Kẻ Mơ ra thuật lại một lượt, và nói:

- Trước đây, tiểu sinh rượu chè lâu lỏng không nghĩ đến sự học hành, nhờ có cô ấy khuyến khích mới nên người, tiểu sinh đã nguyện rằng sau khi thi đỗ nhất định phải lấy cô ấy để đền ơn. Nếu quý phu nhân động lòng thương tiểu sinh thì xin để cho tiểu sinh làm tròn điều tâm nguyện ấy. Còn tấm thịnh tình của quý phu nhân với tiểu sinh, xin để kiếp sau báo đáp.

Quận phu nhân ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Quan tân khoa quả là người trọng nghĩa, không vì mới mà nới cũ, không vì sang mà bỏ hèn, khiến ta lại càng thêm kính phục. Hay là thế này, ta sẽ sai đi đón cô gái Kẻ Mơ về cho quan tân khoa làm chính thất, còn cháu gái của già này thì làm thứ thất. Quan tân khoa bằng lòng chứ!

Nguyễn Bá Dương không biết từ chối cách nào đành nhận lời. Bà Quận phu nhân bèn sai đem xe ngựa, vàng, lụa đi đón cô gái Kẻ Mơ về phủ, tổ chức đám cưới linh đình cho cô cháu gái của bà với Nguyễn Bá Dương cùng một ngày.

Khi làm quan trong triều, Nguyễn Bá Dương có tiếng ngay thẳng. Lúc giữ việc hình án ở Ái Châu⁽¹⁾ có viên Án trấn là Mỗ, cậy thế Tuyên phi Đặng Thị Huệ làm việc càn bậy.

⁽¹⁾ Tức Thanh Hóa.

Nguyễn Bá Dương bắt trói, bảo hấn phải nộp số tiền ăn đút, nếu không sẽ đánh trượng cho chết. Hấn sợ hãi, phải nộp số tiền ăn đút là bốn trăm lạng vàng.

Ông bỏ hấn vào ngục, rồi lập tức gióng xe về Kinh, số vàng hối lộ, kèm các tờ khai đưa vào chúa Trịnh Sâm.

Đặng phi nghe tin việc Mỗ bị nhục, khóc với Chúa. Trịnh Sâm cười mà rằng:

- Số vàng ăn đút hiện có đây, còn oan gì nữa!

Phi hổ thẹn lui ra. Mỗ phải tội. Người Ái Châu rất khen ngợi, và kể mãi chuyện ấy.

Bài thơ của Nguyễn Bá Dương đề trên tường nhà Bình Trung Công ở phường Diên Hưng, qua bao năm vẫn còn tươi nét mực. Dân chúng mỗi khi đi qua, đọc bài thơ ấy đều tấm tắc:

- Ông Nguyễn quả đã thực hành được cái chí tỏ lộ ra từ lúc hàn vi: luôn giữ khí tiết như một cây thông trên đá.

Lại có người am hiểu câu chuyện, xen vào:

- Ông ấy mà được như ngày nay, là nhờ có sự cảnh tỉnh của cô bán rượu. Hèn chi có câu ca dao:

Em là con gái Kẻ Mơ,

Em đi bán rượu tình cờ gặp anh.

Rượu ngon chẳng quản be sành,

Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

TẮM ÁO NÊN DUYÊN

Mọi người ồ lên, khoái trá. Câu ca dao cũng như rượu làng Mơ, chỉ khiến say ngà ngà mà không gất, còn lại hậu ngọt. Tắm áo suýt bị lột để trừ nợ, ngờ đâu lại xe nên mối duyên lành.

ÔNG THÀNH HOÀNG SỐNG

Ngôi trường ở làng Đôn Thư⁽¹⁾ nổi tiếng trong cả vùng, vì đã đào tạo được nhiều vị Thám hoa, Tiến sĩ, Cử nhân làm quan trong triều, làm tri huyện, tri phủ, gần dân, thông cảm với nỗi vất vả khổ cực của dân, có vị từng lập được công lớn cho nước, cho dân, được nhân dân ghi nhớ. Cũng vì thế mà tên làng vốn là Kim Thư đã được đổi thành Đôn Thư, *Thư* là sách, *Đôn* là cái giá, đại để *Đôn Thư* là cái giá để sách.

Sáng sớm đã thấy sĩ tử tốp năm tốp ba, khăn đen áo dài lũ lượt kéo nhau đến nhà thầy, vị danh sư được mọi người kính trọng.

Mấy bộ ván liệt dài theo căn nhà đều có trải chiếu, chiếu nào cũng vấy mực tàu. Sĩ tử phải chân ngồi lên, kẻ bỏ thông chân xuống đất, kẻ xếp bằng tròn. Từ nhà sau, thầy bước ra nghiêm nghị trong bộ áo rộng khăn đen. Tất cả đều im bất động dậy làm lễ, có người xuống đất không kịp phải đứng ngay trên ván. Xong rồi, thầy lên ngồi trên bộ ván cao ở giữa. Trên ván ngổn ngang mấy chồng sách, một cặp gối dựa, một cái tráp chữ nhật đen, một cái giỏ đựng bình trà và cái chén kiểu để trên đài. Bên cạnh ván có cái ghế xuân ý, trên để nghiên son và ống bút với những chồng quyển.

Cậu bé Vũ Công Trấn từ dưới nhà bếp lên, cầm siêu nước rót

⁽¹⁾ Thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, nay là Hà Tây.

ÔNG THÀNH HOÀNG SỐNG

vào trong bình trà. Cậu vốn là con nhà nghèo, không được đi học, nên đến xin làm người ở nhà thầy, lo việc bếp núc, để tìm cách học lỏm đôi ba chữ, rồi vừa đun bếp vừa nhẩm ôn lại.

Thầy nhấp một ngụm trà, rồi cất giọng truyền: “Đọc đi!”

Một trò tốt giọng bắt đầu đọc chậm rãi ngâm nga. Được vài ba tờ thầy bảo dứt và bắt đầu giảng nghĩa. Trăn đã hết việc, đáng lẽ phải lui xuống nhà bếp, nhưng cậu vẫn lân la ở lại để nghe thầy giảng. Từng chữ sách như thấm vào đầu óc non nớt của cậu. Cậu nhớ lại, thầy thường tự phụ nói: Nhà này chỉ những chữ rơi chữ vãi ở ngạch cửa, đem hốt lên cũng đủ dùng cho cả một đời người; được hầu hạ chốn cửa Khổng sân Trình như thế này, lo gì không vỡ vạc ra. Trăn nghe như uống từng lời của thầy:

- Câu này trong sách *Đại học* có nghĩa là: Người quân tử muốn làm sáng tỏ đức sáng trong thiên hạ, trước lo trị nước. Người muốn trị nước, trước lo chỉnh đốn trong nhà. Người muốn chỉnh đốn trong nhà, trước lo sửa mình. Người muốn sửa mình, trước lo cho lòng chân chính. Người muốn cho lòng chân chính, trước lo cho ý thành thực. Người muốn có ý thành thực, trước lo biết đến nơi đến chốn. Biết đến nơi đến chốn là tại phân tách sự vật.

Phân tách sự vật mới biết đến nơi đến chốn. Biết đến nơi đến chốn, ý mới thành thực. Ý có thành thật, lòng mới chân chính. Lòng có chân chính, người mới sửa sang. Người có sửa sang, nhà mới chỉnh đốn. Nhà có chỉnh đốn, nước mới trị an. Nước có trị an, thiên hạ mới thái bình.

Từ nãy đến giờ, thầy đồ để ý thấy thằng bé nấu bếp vẫn nắn

ná ở nhà học, nghe đọc bài giảng sách, ông biết là nó ham học. Vì thế nên sau khi tan học, ông cho gọi Trấn vào và bảo:

- Từ nay, con không phải làm việc dưới bếp nữa. Ta cho con lên đây cùng học với các trò khác.

Trấn sung sướng nghẹn lời:

- Con xin đội ơn chủ nhân. - Cậu vội chữa lại - đội ơn Thầy.

Từ khi được học hành tử tế, Vũ Công Trấn ngày một giỏi giang, văn chương nức tiếng một thời, nên được vào học ở trường Quốc tử giám tại Thăng Long. Ít lâu sau, ông đỗ khoa Sĩ Vọng. Khoa Giáp Thìn, niên hiệu Bảo Thái thứ năm⁽¹⁾, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân. Năm Mậu Thân, Bảo Thái thứ chín⁽²⁾, ông làm hiệu khảo tam giữ chức án sát Thanh Hoa, dự trúng khoa Đông các (khoa này có ba người được thưởng: Phạm Khiêm Ích, Vũ Công Trấn, Nguyễn Công Thái).

Trong khoảng niên hiệu Long Đức⁽³⁾ làm chức tế tửu coi công phiên, ông giữ nghiêm phép nước. Vì thẳng thắn xét kiện, làm trái ý Chúa nên bị Thuận Vương Trịnh Cương sai bãi chức, đuổi về năm Quý Sửu⁽⁴⁾. Ông là người trung thực, bướng, cứng cỏi, thẳng thắn. Tuy bị kẻ quyền hành ghét, bị bãi chức, song vì thế lại càng được tiếng khen. Ân Vương Trịnh Doanh lên cầm quyền trọng vọng ông, năm Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Hựu⁽⁵⁾ lại triệu

⁽¹⁾ Năm 1724, đời Lê Dụ Tông.

⁽²⁾ Năm 1728.

⁽³⁾ 1732-1734.

⁽⁴⁾ Năm 1733.

⁽⁵⁾ Năm 1740.

ÔNG THÀNH HOÀNG SỐNG

ông ra làm việc.

Năm Kỷ Ty, niên hiệu Cảnh Hưng⁽¹⁾ đặt ra chức chánh chương Tả hữu pháp ty, để ông cùng Hà Tông Huân đảm nhận.

Năm Quý Dậu, ông làm Đề điệu trường thi Kinh Bắc. Đội mũ cánh chuồn, mặc bào gấm, ngồi trên chòi cao, nhìn các sĩ tử tấp nập vào trường thi trong tiếng loa vang, ông nhớ lại hồi nào mình nhìn đám học trò lui tới nhà thầy đồ nghe giảng sách mà thèm thuồng. Nếu không được thầy thương mà kèm cặp cho thì ông đâu có được như ngày nay. Ông tự nhủ, mình phải cố gắng phát hiện nhân tài để ra gánh vác việc nước, việc đời, như vậy mới không phụ lòng thầy đã dạy bảo. Tiếng đọc sách ngân nga năm xưa ở nhà thầy lúc này lại văng vẳng bên tai ông: “*Quân tử chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân*”⁽²⁾.

Năm Giáp Tuất, Cảnh Hưng thứ 15⁽³⁾, quan Chánh trưởng Tả pháp ty Vũ Công Trấn được cử đi các địa phương xem xét việc kiện tụng.

Khi đi kinh lý qua làng Bần Thứa⁽⁴⁾, ông nghe thấy trong một ngôi nhà ven đường có tiếng khóc than thảm thiết. Ông ghé vào hỏi đầu đuôi. Chủ nhà là một ông già, vừa khóc vừa kể:

- Bẩm đại nhân, tổng chúng con có viên Chánh tổng gian ác, xây nhà thờ họ mình giáp với sông, liền với hang con giải, lại

⁽¹⁾ Năm 1749.

⁽²⁾ Năm 1752.

⁽³⁾ Đạo của người quân tử ở chỗ làm sáng cái đức sáng, ở chỗ làm cho dân đổi mới.

⁽⁴⁾ Năm 1754.

bắt dân chúng đến phục dịch, nên địa phương gặp rất nhiều tai ương của loài thủy quái. Viên Chánh tổng lại lợi dụng việc này để tìm cách xoay tiền. Y ra lệnh hàng năm trong tổng phải nộp một cô gái ném xuống sông cho giải ăn thịt, nếu không thì phải nộp một số tiền rất lớn cho viên Chánh tổng, bảo là để làm lễ tế thần. Năm nay, đến lượt con gái của con, vì con nhà nghèo không có tiền chuộc mạng cho con, nên bọn tuần đinh sắp đến bắt nó ném xuống sông...

Nghe câu chuyện, Vũ Công Trấn nhớ lại một chuyện cũ: Ở huyện Tây Hà bên Tàu ngày xưa có khúc sông, hàng năm đến mùa lũ, nước sông lên to gây ra lụt lội, khiến dân chết đuối và thiệt hại của cải rất nhiều. Có mấy bà đồng, khi lên đồng phán rằng, đó là do Hà Bá muốn lấy vợ nên gây ra cảnh lụt lội, nếu muốn yên lành thì hàng năm phải ném một cô gái xuống sông để gả cho Hà Bá. Từ đấy mỗi năm dân làng phải bắt một cô gái ném xuống sông. Đến khi Tây Môn Báo về làm quan huyện ấy, nghe chuyện, ông bảo việc gả vợ cho Hà Bá là việc lớn, ông sẽ đích thân về làm chủ tế. Ông cho bày hương án và cỗ bàn trên bờ sông khấn lễ, mời Hà Bá lên nhận vợ. Đó là cô gái đến phiên phải nộp mình. Chờ một lúc không thấy gì, ông nói: “Sao đến giờ này vẫn chưa thấy Hà Bá lên, vậy phiên bà đồng xuống mời lên giúp cho”. Dứt lời, ông sai quân bắt một bà đồng xuống sông. Chờ một lúc, ông lại nói: “Bà đồng thứ nhất đi mãi chưa thấy lên, vậy phiên bà đồng thứ hai đi giúp cho”. Rồi ông lại sai ném một bà đồng nữa xuống. Lát sau ông nói với mọi người: “Cả hai bà đồng đi mà chẳng được việc gì, đủ chứng tỏ việc Hà Bá lấy vợ là chuyện bịa đặt không đáng tin. Ta ra lệnh cấm chỉ các trò mê tín dị đoan này”. Từ đó, dân trong vùng không còn khổ vì cái nạn ấy nữa. Không ngờ đến tận hôm nay, ở nước ta

ÔNG THÀNH HOÀNG SỐNG

vẫn còn diễn lại cái trò lừa bịp từ ngày xưa ngày xưa!

Ông vào đình làng, truyền đánh trống tập hợp lý dịch và tuần tráng trong làng, bắt họ hợp sức với toán lính, cho bủa lưới bao vây khúc sông có hang con giải. Hàng trăm người vừa chăng lưới, vừa đào hang, con giải túng thế phải bỏ hang chạy ra, sa vào lưới. Mọi người túm lấy mấy đầu lưới thít chặt lại rồi quân lính dùng giáo nhọn đâm tới tấp vào nó, cho đến khi nó quy hẫn. Mở lưới ra thì đó là một con giải khổng lồ, không biết nó đã ăn thịt bao nhiêu người mà to béo đến thế!

Vừa lúc đó, viên Chánh tổng chạy đến khăn xô ra rũ rượi, mặt cắt không còn hột máu, miệng lắp bắp:

- Bẩm quan lớn, con không biết có quan trên về hành hạt, nên chậm ra nghênh tiếp, xin quan lớn đại xá cho.

Vũ Công Trấn nghiêm sắc mặt:

- Người cậy thế là chánh tổng, xây nhà thờ họ mình, bắt dân phải phục dịch vất vả. Đó là một tội, lại bày ra chuyện bắt người nộp mình cho giải nếu không thì phải nộp tiền chuộc mạng, đó là hai tội. Ta ra lệnh phá nhà thờ này và trị người về tội tàn hại dân lành.

Dứt lời, ông làm bản án khép viên Chánh tổng vào tội tử hình, tịch biên tài sản của hắn để bồi thường cho những gia đình có người thân phải nộp mạng cho con giải.

Khi ông rời nơi này ra đi, dân làng lũ lượt kéo nhau ra đưa tiễn ông, đặt hương án bái vọng ông ở bên đường, coi ông như một vị thần sống đã ban phúc cho mọi người.

Sau khi đi thăm tra lại các án từ ở khắp nơi một lượt, ông dâng sớ xin về trí sĩ tại quê nhà ở làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai⁽¹⁾. Về làng, ông hiến tám mẫu ruộng cho việc công. Ông đặt ra hương ước cho làng. Ông dạy dân đào giếng, dựng chùa, khuyên dân ăn ở sạch sẽ, sống với nhau có nghĩa có tình. Cái giếng ông dạy đào, nước vừa trong vừa mát, nên có câu ca:

Dù ai lữ khứ lữ khứ,

Uống bát nước giếng Đôn Thư lại giòn.

Một hôm, có đám dân làng Phương Trung liên canh liên cư với Đôn Thư, đến thưa với ông:

- Bẩm cụ lớn, vừa qua có vị Quận chúa của nhà chúa ngự võng đào về vùng chúng con vãn cảnh, qua chợ Chuông lại có một trai làng dám to gan lật rèm xem mặt Quận chúa. Quận chúa về mách với nhà chúa, Chúa nổi giận ra lệnh tru di cả làng. Chúng con biết cụ lớn khi ở trong triều vẫn được nhà chúa nể trọng, một lời cụ lớn nói ra bằng muôn ngàn lời chúng con nói, xin cụ lớn sinh phục xin với nhà chúa tha tội cho làng chúng con, chúng con nguyện sống chết tết giỗ, xin được thờ phụng cụ lớn như Thần Thành hoàng.

Vũ Công Trấn ngẫm nghĩ một hồi rồi nói:

- Việc này hơi khó đấy, vì nó phạm vào luật vua chúa đã định từ ngàn năm, nhưng tôi sẽ cố gắng nói giúp cho. Như vậy, tôi nói trước là tôi không nhận sự trả ơn của làng, tôi chỉ mong hai làng Phương Trung, Đôn Thư, sống với nhau có nghĩa có tình như anh

⁽¹⁾ Thuộc tỉnh Hà Đông, nay là Hà Nội.

ÔNG THÀNH HOÀNG SỐNG

em là tôi vui lòng rồi.

Vũ Công Trấn nói thế vì ông biết rằng hai làng có xứ đồng ở sát cạnh nhau, nên thường xảy ra tranh chấp về bờ thửa, ruộng đất, nước nôi... Ông khuyên họ nên biết nhường nhịn nhau cho mọi sự êm đẹp.

Dân làng thấy ông nhận lời đều reo mừng. Ngày hôm sau, ông lên đường ra Thăng Long, vào Phủ Chúa, xin Trịnh Doanh tha tội tru di cho dân làng Phương Trung. Thấy Chúa hơi ngần ngừ, ông nói:

- Thần trước vì thẳng thắn xét kiện làm trái ý tiên chúa⁽¹⁾, nên bị bãi chức đuổi về. May đến khi Chúa thượng lên nối ngôi, lòng thương, vời thần ra làm việc và giao cho chức chánh chương Tả pháp ty. Nhớ lại khi phong chức, Chúa thượng đã xuống dụ rằng: "Chức Pháp ty là tai mắt của nhà vua, đời xưa đặt ra người giữ phép ở bên cạnh nhà vua là để nhờ uy phong của người ấy mà thi hành. Nay chọn dùng bề tôi thẳng, có ý muốn nhờ sức củ hạc giữ phép công. Người giữ chức đàn hặc mà tính lại cương trực, đáng làm chức pháp ty bên cạnh ta. Phần việc chính trị to lớn của nhà nước, người được cùng với hai ban văn võ họp bàn. Nếu thấy có việc gì hơn, kém, nặng, nhẹ, chưa được công bằng, cho phép người được bàn luận cho xác đáng rồi làm sớ tấu lên". Lời vàng ngọc đó vẫn còn văng vẳng bên tai thần. Nay thần tuy đã về hưu, nhưng vẫn lo lắng về chính sự của nhà nước, không lúc nào yên. Thần trộm thấy việc xem mặt Quận chúa, chỉ nên trừng phạt kẻ gây nên tội, chứ sao lại nỡ tru di cả một làng. Cúi xin Chúa thượng chỉ nên trị kẻ phạm tội, mà bãi lệnh giết oan cả

⁽¹⁾ Tức Trịnh Cương, bố Trịnh Doanh.

làng, thần đội ơn khôn xiết.

Phần vì kính nể đức vọng của Vũ Công Trấn, phần vì nghe ông phân giải có lý có tình, Trịnh Doanh đã bãi lệnh trị tội làng Phương Trung. Làng Phương Trung được ông cứu nạn, coi ông như một vị Thành hoàng sống của làng.

Nghe tin Vũ Công Trấn đã trở về trí sĩ ở làng Đôn Thư, dân làng Bần Thứa cũng đến vái tạ ông, và xin đặt mối giao hảo kết nghĩa với Đôn Thư. Thế là nhờ ân nghĩa của ông, mà cả ba làng Đôn Thư, Phương Trung, Bần Thứa đã trở nên như anh em, sống đậm đà tình nghĩa. Sau khi ông mất, hàng năm ngày 26 tháng chín, dân làng Bần Thứa, Phương Trung nhớ ân đức của ông, họ về tận Đôn Thư dâng hoa tưởng nhớ.

VỊ TƯỚNG ĐỘI QUÂN DÊ

Trên sườn núi Tam Đảo cao ngất tầng mây, ánh nắng mặt trời vừa rọi xuống xuyên thẳng lớp sương mù lam tím bao phủ dày đặc. Đàn dê núi nhảy cẫng thích thú, râu dài như tha dòng nắng vắt lên những cành cây. Có con nhảy lên mỏm núi đá lờm chờm gặm những lộc non trên thân cây bám vào vách đá dựng đứng. Cả những cây tầm song đầy gai chúng cũng ngốn ngấu được hết. Có con xuống dưới thung lũng ăn cỏ tươi mơn mớn sau trận mưa hôm trước. Ăn no rồi chúng nhảy nhót nô đùa như một bầy trẻ tinh nghịch. Có con ghé xuống dòng suối trong uống nước, rồi ngẩng đầu kêu lên những tiếng *Be... be...* vui vẻ. Nhưng chỉ sau một hồi keng hiệu là cả đàn chạy lên sườn núi sắp hàng rậm rạp chờ lệnh.

Một người đàn ông cao lớn vạm vỡ thong thả bước tới, lại gần đàn dê, tay vuốt ve trên bộ lông đen như than của từng con, chúng rướn mình lên vì sung sướng. Ông sờ bụng chúng xem chúng ăn đã no chưa. Con nào bụng còn lép, ông ôm một mớ cỏ non đến cho ăn. Ông lấy bình hứng vắt sữa của mấy con dê cái nhưng vẫn dành lại một nửa để chúng còn cho con bú. Gõ keng ra lệnh cho cả đàn dê tản đi, ông nâng bình sữa lên tu một hơi rồi lên mỏm núi hướng về phía mặt trời mọc luyện nội công.

Từ khi một mình lên triển núi này, ông săn bắt những con dê núi sống hoang dã ở đây, thuần phục chúng từ ghép chúng vào đội ngũ như một đội quân có kỷ luật. Dê chạy đã nhanh, ông còn

chạy nhanh hơn chỉ phút chốc đã vươn lên túm được sừng của chúng, những con dê cứng đầu bướng bỉnh cũng bị khuất phục dưới bàn tay cứng như kim sắt của ông. Sau khi bắt được chúng, ông lại khéo vỗ về thuyết phục nên chẳng bao lâu chúng đã bén hơi thích quanh quần bên mình ông để ông vuốt ve dỗ dành như với một đứa trẻ nũng nịu. Chúng cọ lưng vào người ông chờ ông bắt giùm những con ve trên bộ lông dày rậm. Có con thấy bạn mình được cưng chiều nên hờn dỗi, khi ông gọi tới nó giả điếc lảng ra xa nhưng chỉ cần một cái đưa mắt đầy trách cứ của ông nó lại len lét đến gần. Những con dê cái trước đây đẻ rơi đẻ rụng, ông lấy cỏ bên ổ lót lá khô cho mẹ con chúng nằm nên dê con ngày càng mau lớn. Con dê đực đầu đàn được ông chăm sóc cẩn thận nên càng tăng thêm thể lực dành cho việc gây giống.

Người đàn ông vẫn tiếp tục luyện công. Ông hít bằng mũi thật sâu phồng ngực tưởng tượng như lửa đỏ đổ vào toàn thân rồi thở bằng miệng tưởng khói đen phun ra. Ông chà mạnh hai bàn tay vào nhau, hai bàn chân vào nhau, vẫn hít, thở nhưng không tưởng tượng khói lửa nữa và tưởng một màu xanh tràn ngập khắp nơi. Rồi vuốt mạnh từ vai xuống ngón tay khắp hai cánh tay, cốt cho nóng toàn diện. Kế xoa quanh cổ, khắp mặt, nhất là vùng da nhăn cho mặt trẻ lại, tan vết nhăn, nám... sau là hai tai, rồi chải ngược tóc ra sau bằng mười ngón tay, gãi mạnh phía sau ót. Trở xuống là xoa bụng, lưng rồi phía trong đùi nơi huyết Huyết hải, đầu gối nơi huyết Túc tam lý cho thật nóng lên.

Lát sau ông đứng thẳng, khoảng cách hai chân bằng vai, hít bằng mũi, tưởng ánh sáng màu vàng chiếu sáng đỉnh đầu, tràn khắp thân, hít phồng ngực, đồng thời hai tay nắm lại, kéo về ngang mạng mỡ, chân xuống trung bình tấn. Ngưng thở vừa phải,

VỊ TƯỚNG ĐỘI QUÂN DÊ

tướng mặt trời đỏ hiện ra ở đan điền (rốn), đồng thời tướng toàn thân cứng như thép, sau từ từ đứng lên, buông lơ tay thở mạnh ra đằng miệng. Lần thứ nhất thở ra tướng thối sập bức tường, lần thứ nhì tướng tượng phóng về chân trời một thanh kiếm, lần thứ ba tướng tượng một đám mây lạnh trùm khắp không gian...

Khi bị thương chạy lên núi, ông đã vận dụng phép luyện công mà một vị thiền sư đã dạy ông khi ở chùa trước đây, nhờ chịu khó luyện tập cộng thêm ý chí mạnh mẽ đã giúp ông không những tự chữa lành thương tật mà còn tăng thêm sức mạnh và niềm tin.

Bỗng ông dừng lại vì thấy từ dưới chân núi có một người lần từng bậc đá trèo lên. Đầu tiên ông định lánh vào hang núi nhưng sau nghĩ lại nếu người ta đã biết mình ở trong rặng núi này rồi thì dù có trốn cũng vô ích. Cứ để người đó lên xem đó là bạn hay thù lúc ấy sẽ tính sau. Người lạ lên đến sườn núi, trông thấy ông liền chấp tay vái:

- Kính chào ông Nguyễn Dương Hưng, hơn một năm nay triều đình tìm kiếm ông khắp nơi mà không thấy, té ra ông nương náu ở đây.

Người đàn ông bình tĩnh:

- Chính ta là Nguyễn Dương Hưng đây, người muốn gặp ta có chuyện chi?

Người lạ nói:

- Tôi là Nguyễn Trọng Côn, bộ tướng của quan Đốc đồng Sơn Tây họ Nguyễn, vâng lệnh ngài đến thưa với ông một chuyện.

Từ khi ông khởi binh dấy loạn, xưng vương hiệu, đặt quan chức, rõ là có ý tiếm lạm ngôi tôn, lại giết hại nhiều quân tướng của triều đình, lẽ ra phải đem phân thân làm trăm mảnh mới đáng tội. Nhưng thể lòng hiếu sinh của trời đất, Vương thượng cũng mở lượng khoan hồng, nếu ông trở về quy phục sẽ được phong thưởng quan tước thật là trọng hậu. Nhược bằng chấp nê không tỉnh, triều đình sẽ đem đại quân vây chặt cả vùng rừng núi này con sẻ bay không lọt, ông có chấp cánh cũng khó lòng thoát khỏi thiên la địa võng. Nay ông quân tàn tướng chết, thân cô thế cô, hãy biết đường quy thuận để hưởng hồng phúc triều đình ban cho, há chẳng là điều may mắn hay sao?

Nguyễn Dương Hưng kiên quyết:

- Dẫu chỉ còn có một mình ta cũng quyết không khuất phục trước tên bạo chúa. Các người muốn làm gì thì cứ việc làm, ta không thể phản bội lòng tin cậy của dân nghèo để mưu phú quý riêng mình cho được.

- Ông đừng đại dột vụng suy toan lấy trứng chọi đá. Ông từng là kẻ tu hành sao không làm theo chữ thanh tịnh vô vi của nhà Phật, lại chen vào chốn hồng trần, đại khai sát giới, trái với đạo từ bi của Phật tổ. Ông nên biết rằng nhà chúa vốn sùng đạo Phật, gần đây đã cho dựng chùa Hô Thiên và Hương Hải, lại đúc tượng Phật lớn ở chùa Quỳnh Lâm, như vậy chẳng phải có ý muốn hoằng dương Phật pháp hay sao?

Nguyễn Dương Hưng cười nhạt:

- Có câu: "Dù xây chín đợt phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người". Trịnh Giang cho dựng chùa chiền nhưng lại bắt dân các xứ Giáp Sơn, Thủy Đường, Đông Triều, Kim Thành và

VỊ TƯỚNG ĐỘI QUÂN DÊ

dân xứ Thanh Hóa phục dịch cực kỳ khổ sở. Y còn cho xây từ đường phủ đệ ở Tử Dương, Mi Thứ hết sức nguy nga tráng lệ. Những người xưng là Nội sử tỏa ra bốn phương, bắt nộp vật liệu, vì bọn này ức hiếp hà khắc nên người làm ruộng người đi buôn mất hết nghề nghiệp. Như vậy đâu phải là thành tâm mộ đạo, chẳng qua chỉ *miệng nam mô bụng một bồ dao găm*. Vả lại Phật khuyên người ta phải tu luyện cho thành bậc Đại Trí, Đại Dũng chứ không phải chỉ Đại Bi mà thôi. Mà con người Trí, Dũng thì phải vì trăm họ quét sạch bất bình, diệt hết kẻ gian ác. Ta khởi nghĩa diệt Trịnh cứu dân cũng là đi theo con đường trừng trị mà vương quý sứ trên đời, cứu vớt chúng sinh của đức Phật vậy. Các người giết hằng trăm ngàn người thì được, sao lại trách ta phạm vào sát giới?

Nguyễn Trọng Côn cũng hống không trả lời nổi đành giở giọng đe dọa:

- Tôi đã mở đường phương tiện cho ông mà ông vẫn còn mê muội, nếu sau này có xảy ra chuyện gì ông đừng trách là triều đình hẹp lượng.

Nguyễn Trọng Côn đi rồi, Nguyễn Dương Hưng ngồi lặng trên mỏm đá suy nghĩ. Tình hình này nhất định bọn quan lại triều đình sẽ đem quân vây chặt chung quanh chân núi rồi cho những toán quân lên núi lùng sục khắp hang hốc tìm được ông. Nếu ông chui vào hang chúng sẽ hun khói vào cho chết ngạt. Nếu ẩn trong rừng chúng sẽ đốt cả khu rừng để nếu ông không ra sẽ bị chết cháy. Nếu ông đứng trên sườn núi, chúng sẽ tập trung cung nỏ, súng hỏa mai nhằm bắn cho bằng được. Chỉ còn một cách quyết chiến với chúng. Nhưng chỉ có một mình thì sao đối phó được với cả bọn hùm beo đó. Dù có lăn gỗ đá xuống đê

bẹp chúng cũng không xuể, vì chúng quá đông, cuối cùng vẫn còn một số tên trèo lên nổi.

Cuối cùng ông nghĩ ra một kế: đưa đàn dê đến một con hẻm độc đạo dưới thung lũng huấn luyện cho chúng. Kẽng một hồi chín tiếng thì xông lên, sáu tiếng thì tạm dừng, ba tiếng thì thu quân. Tập mấy ngày đàn dê đã thành thục. Ông lại đi đào kho khí giới mà nghĩa quân đã chôn giấu trước đây trong hốc núi, lấy lên một số lưỡi dao găm bén nhọn.

Một hôm, đứng trên đỉnh núi cao nhất, khi nhìn thấy dưới chân núi có bóng người lố nhố, ông cho đốt lửa ở chỗ hẻm độc đạo làm nghi binh hút cho quân địch tiến theo hướng ấy. Ông buộc vào sừng dê những lưỡi dao găm rồi cho chúng mai phục trong một hang núi gần đó.

Đạo quân triều đình do giám quân Nguyễn Lịch chỉ huy phải rẽ lau vạch cỏ bám vào từng tảng đá để leo lên núi nên chúng tiến rất chậm, đủ thì giờ cho Nguyễn Dương Hưng chuẩn bị. Khi bọn chúng lên đến sườn núi, thấy phía xa có ánh lửa, chúng đoán là đồng lửa nướng thịt thú rừng của Nguyễn Dương Hưng nên hòa nhau tiến theo hướng đó. Khi chúng đã lọt vào con hẻm dài như khúc ruột dê, Nguyễn Dương Hưng đánh một hồi chín tiếng kẽng. Đàn dê từ chỗ mai phục ủa ra chạy thẳng vào hẻm, thấy có người nhốn nháo phía trước, chúng dùng sừng húc bừa vào đám người để mở lấy lối đi. Nhiều tên bị lưỡi dao nhọn buộc ở sừng đâm phải, máu chảy chan hòa, đứa bị đâm thủng bụng lòi ruột, đứa bị thương ngã lăn xuống đất. Đàn dê cứ dày xéo lên bọn chúng mà tiến, có tên chỉ bị móng dê đâm phải cũng xây xát khắp mình mấy năm thẳng cẳng không lết nổi nữa. Khi bọn địch chạy đến hết con hẻm như chui vào chiếc sừng dê thì nghẽn

VỊ TƯỚNG ĐỘI QUÂN DÊ

đường, đàn dê xông vào tiêu diệt hết bọn chúng không để một tên nào chạy thoát. Một hồi ba tiếng keng vang lên, đàn dê lại rút ra ngoài.

Thấy bọn quân triều đình còn đứng dưới chân núi, Nguyễn Dương Hưng liền vắn những tảng đá lớn lăn xuống để đè bẹp bọn chúng. Chúng ôm đầu bỏ chạy thục mạng.

Nguyễn Dương Hưng trên lưng nhìn về phía trước mặt. Núi Nhà thờ, núi Máng Chì, núi Mỏ Quạ nối liền nhau như tay ngai. Dòng suối Bạc từ trên núi chảy xuống rồi đổ qua cửa lũng thành dòng Thác Bạc, nước dội xiết trên sườn núi đá tỏa ra một màn sương trắng thấm vào người mát lạnh và phản chiếu ánh sáng mặt trời như ngàn vạn hạt ngọc li ti long lanh bảy sắc cầu vồng. Nhìn xuống phía dưới thấy núi Săng, núi Hùng nhấp nhô, Ngã Ba Hạc mênh mông nước, sông Nhị như dải lụa uốn quanh cánh đồng ruộng bao la... Trước cảnh núi sông mỹ lệ, Nguyễn Dương Hưng không có tâm sự của một Tô Vũ chặn dê nơi Bắc Hải chờ hết hạn đi đày, mà oai nghiêm như một vị tướng giữa đoàn quân vừa thắng trận.

Đàn dê lại cất tiếng be he, phải chăng đó tiếng mùa xuân mới vừa cất lên trên miền rừng núi thâm u này.

SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG

Nguyễn Hữu Cầu chạy tới bãi biển thì hai con trâu mộng húc nhau đang hồi kịch liệt. Chúng ngoặc sừng vào nhau vạy, xuống tấn, cày, đẩy lẫn nhau. Một con bị đẩy lùi, khuyu chân xuống thế chịu, tấn công trở lại. Bãi biển im lặng chỉ nghe thấy tiếng trâu thở phì phò, tiếng sừng va nhau cộp cộp.

Cầu đứng im quan sát các thế đánh đỡ của trâu để học tập. Ánh nắng trưa lấp loáng chiếu lên tấm lưng bằng như thốt khiến đám lông trắng óng ánh như dát bạc. Hai đấu thủ đầu chọi đầu, sừng rập sừng, lửa miếng quật nhau. Chúng đùn đẩy nhau hồi lâu khiến đất bãi bị cày xới lên, bụi cát tung mù mịt. Qua lớp bụi chỉ còn trông thấy sừng này lên, sừng kia xuống, không phân biệt được con nào với con nào nữa.

Bỗng một con bị đẩy lui hàng mấy thước, hai chân sau khuyu lại, cố gượng, rồi bất thần lao nhanh như tia chớp, dồn hết sức giáng một cú *thôi sơn*. Con kia hoảng hốt bỏ chạy nhưng chỉ một lát sau nó quay trở lại tiếp tục nghênh chiến. Lại đụng đầu, ngoặc sừng vạy nhau, lại sinh sịch đẩy nhau.

Thấy hai con trâu đồng tài đồng sức đấu nhau gần nửa giờ mà chưa phân thắng bại, Cầu sốt ruột xông vào can thiệp. Chàng vươn hai tay nắm mỗi con một sừng ghì chặt xuống đất. Hai chân dang ra ngang lấy hai con trâu làm cho đầu gối chúng bị vướng không chạy được. Hai con trâu trước còn hung hăng giãy giụa, nhưng dưới đôi tay cứng như kìm sắt của chàng, chúng

SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG

đành chịu phép không sao nhúc nhích nổi.

Trắm và Song, hai bạn chài của Cầu, chạy ra thấy Cầu đang hai tay vít sừng hai con trâu liền chạy đi tìm chảo xỏ vào mũi trâu kéo đến buộc vào một gốc cây. Cầu hỏi hai người;

- Hai chú có biết trâu này của ai không?

Trắm lắc đầu:

- Em không biết!

Song cũng lắc đầu:

- Em cũng vậy! Nhưng em thiết nghĩ, trâu lạc ta bắt được thì ta có quyền hưởng. Còn nếu chủ trâu đến xin lại thì ta bắt họ đưa tiền chuộc. Nếu anh Cầu không có sức khỏe giữ được chúng lại thì chúng đã chạy mất rồi còn đâu.

Cầu nghiêm mặt:

- Không được. Anh em ta đã nguyện hiến thân làm điều nghĩa, phải mưu điều lợi cho dân. Nếu trâu của bọn cường hào ác bá thì ta đòi tiền chuộc, còn của những người dân nghèo thì ta trả lại cho họ. Sao chú lại có ý nghĩ như vậy?

Song ngượng ngùng đỏ mặt:

- Thì em cũng nói theo lệ thường đó thôi. Anh không biết chứ, ở vùng này có lão Bá Hóng, không cứ trâu mà gà, lợn đi lạc vào phần đất của lão, lão cũng đều chiếm lấy, đem tiền đến chuộc lão cũng không chịu. Em nghĩ mình cho chuộc đã là tốt lắm rồi.

Cầu đồng dạc:

- Chúng ta không những phải giúp đỡ dân nghèo mà còn phải tìm cách giành lại những của cải mà bọn nhà giàu chiếm đoạt của họ về cho họ nữa. Hiện nay vùng trấn Đông đang mất mùa đói kém, vậy mà bọn quan lại cường hào vẫn thúc dân nộp thóc để dâng cho triều đình. Tôi đang có ý định hay là chúng ta tập hợp anh em dân chài lại, phá kho thóc của chúng chia cho dân nghèo.

Cầu chưa dứt lời thì đã thấy một đoàn dân làng kéo tới. Một cô lão mái tóc bạc trắng như cước quần thành búi tó, tiến lên chấp tay nói với Cầu:

- Thưa tráng sĩ, làng chúng tôi có hai con trâu dữ đầu đàn, không may chúng xông chuồng chạy đi mất, chúng tôi đuổi theo mãi mà không sao bắt lại được. Nếu không có tráng sĩ sức khỏe như thần thì không sao kìm giữ nổi. Dám xin tráng sĩ cho chú tôi chuộc lại để đem về làm ruộng cho kịp thời vụ, chúng tôi hết sức đội ơn. Số tiền hết bao nhiêu, xin tráng sĩ cứ cho biết, đừng ngại ngần gì cả.

Cầu cười to:

- Sao cụ và bà con lại xử như vậy, tôi không bằng lòng đâu. Nếu chúng tôi giúp đỡ được dân làng chút gì, nguyện chẳng dám tiếc công, cơ sao lại đòi mọi người trả ơn. Nếu trâu là của dân làng thì xin cứ nhận lấy.

Cụ già mừng rỡ:

- Xin đội ơn tráng sĩ. Thật là phúc đức quá! Hôm nào rảnh rỗi, mời các tráng sĩ quá bộ đến thăm làng cho chúng tôi được hầu tiếp.

SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG

Mọi người dắt trâu đi rồi, Cầu còn đứng lặng suy nghĩ. Từ khi rời quê nhà ở làng Lôi Động, huyện Thanh Hà, trấn Hải Đông, ra bãi biển Đồ Sơn làm nghề đánh cá nuôi thân, Cầu đã có ý định tập hợp những dân chài ở tám Vạn - Vạn Sơn, Vạn Lệ, Vạn Bún, Vạn Tác, Vạn Ngung, Vạn Hương, Vạn Hoa, Vạn Thu đứng lên khởi nghĩa chống triều đình chuyên chế, hà khắc.

Nhưng nếu chỉ dựa vào các vạn chài, trai tráng sung vào thủy quân, lấy ai đi đánh cá? Nhất là khi xảy ra trận giao chiến giữa nghĩa quân và quân triều trên mặt biển thì muốn đánh cá cũng không được an toàn. Như vậy, nguồn tiếp tế lương thực biết lấy ở đâu? Thế tất phải trông cậy vào bà con làm ruộng mới có đủ thóc gạo cho quân ăn. Đã nhiều lần, Cầu đứng trên đỉnh núi Đồ Sơn nhìn về những làng mạc dân cư ở phía xa và nghĩ cách tìm đến thuyết phục bà con hưởng ứng việc nghĩa nhưng vẫn chưa có cách nào thuận lợi. Dịp này được bà con mời đến, quả là cơ hội nghìn năm có một.

Mấy hôm sau, nghe tin Cầu đến làng, bà con tập nập ra đón mời Cầu vào nhà cụ bô lão mở tiệc khoản đãi. Cụ Nhất - tên cụ bô lão - cho biết trước cụ đã từng theo đòi nghiên bút, mấy phen lều chõng đi thi nhưng vì không có tiền đút lót quan chấm trường nên mấy khoa đều hỏng. Phần chí cụ liền bỏ về làm ruộng, nhưng vẫn không yên với bọn cường hào ác bá. Tên Bá Hống vùng này ngang nhiên cướp đoạt ruộng đất của dân nghèo làm của riêng, những người không có ruộng phải đem thân làm tá điền cho hắn bị hắn bóc lột thậm tệ. Đã khổ về tô tức nặng nề lại khổ về sưu thuế gắt gao, bọn lý dịch đã *phù thu lạm bổ* bọn lính lệ còn sách nhiễu đủ điều, ai thiếu thuế bị chúng trắng trối đánh đập. Cụ Nhất bức tức:

- Chúng tôi đang tính cử người lên Kinh đội đơn khiếu oan với đức vua và nhà chúa, không biết có được không?

Cầu đặt chén rượu xuống:

- Có khiếu oan cũng chẳng ăn thua gì đâu. Vua Lê đã cam phận chấp tay rửa áo ngồi làm vì như thân tượng gỗ, mặc cho chúa Trịnh muốn hoành hành thế nào cũng được. Chúa Trịnh giết cả con cháu vua mà vua cũng đành chịu, đến ngay cả vua cũng bị phế truất. Trịnh Giang đã giết mấy ông vua, vậy mà có ai dám ho he gì đâu. Những người tài giỏi trung trực trong triều như các ông Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn đều bị Trịnh Giang giết hại. Trịnh Giang còn vợ vệt của cải trong thiên hạ đem về chôn giấu dưới núi Thiên Kiện. Vì quá độc ác nên sợ bị trời sai sét đánh chết, y phải cho đào một cái hầm dưới lòng đất gọi là Thưởng Trì cung cho hẩn ăn chơi hành lạc. Hiện nay dân chúng ở khắp các trấn đều oán hận triều đình đến tận xương tủy. Nếu nhân dịp này ta nổi dậy thì chắc là khắp miền sẽ nhao nhao hưởng ứng.

Bàn bạc hồi lâu, cụ Nhất cũng đồng tình với ý đồ nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu. Nhưng cụ vẫn băn khoăn:

- Nếu chỉ có dân làng Đồ Sơn và vạn chài Đồ Hải sung vào nghĩa quân thì lực lượng còn mỏng, chưa đủ làm nên móng ban đầu. Còn nếu cho người đi vận động dân chúng ở khắp vùng thì e rằng lộ liễu. Thằng Bá Hóng biết được sẽ phi báo cho quan nha đến đàn áp ngay, như vậy mưu đồ của ta sẽ bị vỡ ngay từ trong trứng. Ta phải tìm cách nào tập hợp được dân chúng quanh vùng đến hội ở đây mới có thể cất lời kêu gọi họ gia nhập nghĩa quân.

SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG

Cầu ngẫm nghĩ hồi lâu rồi vỗ tay xuống chiếu đánh đét một cái:

- Tôi nghĩ ra rồi. Bữa nọ nhìn hai con trâu chọi nhau tôi chợt nảy ra một ý. Cụ nên bàn với dân làng đứng lên mở hội chọi trâu, mời khắp các làng chung quanh đây đem đến chọi. Như thế ta có thể tập hợp được dân chúng một cách hợp pháp mà bọn quan lại cường hào cũng không nghi ngờ gì.

Cụ Nhất reo lên:

- Quả là diệu kế! Ta cứ thế mà làm!

Tin làng Đồ Sơn mở hội chọi trâu lan đi khắp nơi, dân chúng trong vùng đều nô nức mang trâu đến chọi. Nhìn những con trâu sừng cong, ức nở, mông to, lưng bằng, thịt vai u lên nung núc, bước đi chắc nịch móng lún xuống mặt đất, trông thật là thích mắt. Cuộc đấu tiếp diễn mấy ngày liền không những trâu thắng được giải mà cả những người bắt được trâu lại khi nó đang say máu đuổi theo con bị đánh bại cũng được giải thưởng về sức khỏe và lòng dũng cảm. Bằng cách này Cầu đã có thể chọn mặt anh hùng vào việc lớn sau này.

Từ mấy hôm trước, cụ Nhất đã cho trà trộn vào đám đông hay các hàng quán, tìm lời kín đáo kêu gọi lòng căm phẫn bọn cầm quyền tàn bạo. Trong buổi phát giải, giữa lúc mọi người quây quần đông chật sân bãi, Nguyễn Hữu Cầu bước ra cất lời khen ngợi những người thắng cuộc, sau đó kêu gọi mọi người đứng lên khởi nghĩa chống lại vua quan áp bức. Thấy Nguyễn Hữu Cầu xuất hiện với tướng mạo khôi ngô, bước đi hùng dũng, dáng điệu đường hoàng, mọi người đã có ý kính nể, đến lúc chàng cất lời khẳng khái vạch tội bọn vua chúa an hưởng cảnh giàu sang sung

sống trên mồ hôi nước mắt của trăm họ thì không ai kìm nổi lòng uất hận. Nhiều trai tráng, đã xung phong gia nhập nghĩa quân. Có những cụ già thân chinh dắt con cháu đến giao tận tay Cầu, nhờ Cầu rèn cặp cho chúng nên người hữu dụng.

Chỉ trong vài ngày. Cầu đã tập hợp được đội nghĩa binh đầu tiên. Những nghĩa binh vốn là dân chài đã quen bơi lội thì Cầu nhờ Trám dạy cho họ môn vật, vì Trám khi còn ở quê nhà, huyện Thanh Hà, đã nổi tiếng là một đô vật giỏi. Còn những nghĩa binh là dân làm ruộng thì Cầu nhờ Song dạy cho họ môn bơi lội, phòng khi có trận giao chiến trên sông biển.

Giữa ngày đầu xuân, cụ Nhất bàn với dân chúng trong vùng lập đàn, phong Nguyễn Hữu Cầu làm chức Đông đạo thống quốc bảo dân Đại tướng quân, Cầu bước lên đàn, nhận ấn kiếm và cờ lệnh cho cụ bô lão thay mặt bà con trao cho. Sau đó, Cầu tuyên bố lệnh phong Trám làm phó tướng chỉ huy bộ binh - đổi tên là Thanh Hà - để kỷ niệm quê hương, và phong Song làm phó tướng chỉ huy thủy binh - đổi tên là Bạch Hải để ghi nhớ tên làng Đồ Hải. Còn cụ Nhất được Cầu phong làm tham mưu.

Một bữa, phó tướng Bạch Hải về trình với Cầu:

- Hôm nay, tôi đang dạy cho quân sĩ môn bơi lội thì có tiếng xì xào bàn tán: nghe đồn ông Quận He⁽¹⁾ thấy hai con trâu trắng từ dưới biển ngoi lên chọi nhau, trong lúc xô sát rơi ra một túm lông trắng, ông nhặt lấy nuốt một sợi lông vào bụng, từ đó trở thành người bơi lội giỏi ở dưới nước như đi ở trên cạn. Nếu vậy, chỉ cần ông cho chúng tôi mỗi người một sợi lông trâu trắng nuốt

⁽¹⁾ Tên hiệu nghĩa quân và dân chúng đặt cho Nguyễn Hữu Cầu vì ông bơi giỏi như cá he.

SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG

vào bụng là có thể bơi giỏi không cần phải tập luyện nữa. Nghe được chuyện ấy tôi về hỏi anh em nguồn gốc từ đâu, vì bữa đó tôi được chứng kiến cảnh anh bắt hai con trâu, làm gì có chuyện nuốt sợi lông trâu trắng vào bụng.

Cầu suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Chắc chuyện này do cụ Nhất tham mưu phao ra để dân chúng tin tôi là người được mệnh trời đưa xuống cứu vớt trăm họ đấy thôi.

Cầu cho mời cụ Nhất đến hỏi. Cụ Nhất thưa:

- Theo lệ thường của dân ta từ trước đến nay, muốn làm việc lớn phải tìm được một người có danh vọng đứng lên làm minh chủ cho mọi người tin tưởng hướng vào. Nói tướng quân bỏ lỗi, tướng quân tuy là người trí dũng nhưng hiểm vì chưa có chức phận, uy tín đủ cho mọi người nghe theo. Tôi nhớ các cụ ngày xưa kể lại, khi vua Lê Thái Tổ mới dấy nghĩa ở Lam Sơn, ngài mới chỉ là một người dân cày chưa có danh vọng đứng lên cầm đầu trăm họ. Ông Nguyễn Trãi bèn nghĩ kế lấy mỡ viết vào lá cây tám chữ *Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*⁽¹⁾, sau đó kiến đến ăn mỡ đục lá cây thành chữ, dân chúng đọc thấy tám chữ đó cho là lòng trời đã định nên theo về với nghĩa quân ngày càng đông. Tôi nghĩ rằng bọn vua chúa vẫn thường lừa bịp dân chúng, nói rằng việc chúng làm vua là do mệnh trời để mọi người cúi đầu nhắm mắt tuân chịu ách bóc lột áp bức mà không dám oán hận. Nay ta nói mệnh trời đã đổi cho người khác làm vua, đó cũng là cách dùng gậy ông đập lưng ông vậy. Bởi thế tôi mới

⁽¹⁾ Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi.

quyền biển đặt ra chuyện tướng quân nuốt được sợi lông trâu trắng, do đó có phép màu bơi dưới nước như đi trên cạn, cốt để lôi kéo được nhiều người về với nghĩa quân rồi sẽ tìm cách dạy dỗ họ sau. Tôi biết rằng nếu ngỏ ý ấy ra tướng quân sẽ không chịu nên không dám trình bày, nhưng xét thấy cần thiết cho việc chung nên mới trộm phép làm, xin tướng quân tha cho cái tội tự tiện.

Cầu chậm rãi:

- Ta sở dĩ bơi thạo là siêng năng tập luyện từ hồi nhỏ tuổi chứ không phải dựa vào phép màu. Cũng vì thế mà ta giao nhiệm vụ cho hai chú đây huấn luyện cho quân sĩ hai môn vật và bơi cho thật giỏi. Tuy vậy ta cũng có một phép màu...

Trầm và Song đồng thanh hỏi:

- Phép màu gì vậy anh?

Cầu gật gù nói với mọi người:

- Các người cứ nhìn hòn núi trọc Đồ Sơn đứng trơ trọi nhưng phải tựa thế vào biển đông thì đủ hiểu. Nếu ta dấy nghĩa ở Thanh Hà là đất đồng bằng, quân triều đến bao vây bốn phía, ta có mọc cánh cũng không thoát. Nay ta ra lập căn cứ ở vùng ven biển, tiến thì có thể theo cửa sông vào đánh chiếm các quận huyện, lui thì có thể rút ra ngoài biển. Vùng biển là chiến trường thì phải tựa vào vùng đồng bằng là nơi cung cấp sức người sức của cho ta. Núi và biển, vạn chài và đồng ruộng nương tựa vào nhau làm thế ỷ dốc, ta mới có thể mở mặt trận liên hoàn bao vây tấn công quân địch ở khắp mọi nơi. Phép màu là tạo được cái trận đồ bát quái từ lối liên kết giữa núi và biển, đất và nước.

SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG

Mọi người cùng nhìn về phía vạn chài với những chiếc thuyền nhấp nhô ven bờ biển, rồi lại nhìn về phía làng mạc nơi có những mái nhà tranh nép sau rặng cây um tùm. Xa xa, những dãy núi chạy dài theo bờ biển như thành quách. Trước mặt là hòn núi trọc nhô lên đột ngột như một chiến lũy tiền tiêu canh giữa mặt biển. Gió xuân thổi phơ phát lá cây phía sau lưng núi như cờ xí. Sóng biển cuộn bọt trắng xô vào bờ từng đợt, như từng đàn trâu trắng từ dưới biển chồm lên...

MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM

- Lại một mùa xuân nữa, chàng chưa thấy trở về!

Nhìn hoa đào lấm tấm nở trên cành cây trước ngõ, Đoàn Thị Điểm khẽ thở dài. Chồng nàng, ông Nguyễn Kiều được cử làm chánh sứ sang Bắc quốc để làm việc tuế cống. Sứ bộ đi từ cuối năm Nhâm Tuất⁽¹⁾ mà đến nay là đầu năm Ất Sửu vẫn chưa thấy trở về. Nàng khẽ bấm đốt tay. Thế là đã sang mùa xuân thứ ba. Nàng cảm xúc lắm nhẩm ngâm thơ:

*Ức tích dữ Quân tương biệt thì,
Liều điều do vị chuyển hoàng ly
Vấn Quân hà nhật quy?
Quân ước đỗ quyên đề.
Đỗ quyên dĩ trực hoàng ly lão
Thanh liễu lâu tiền ngữ ý nhi⁽²⁾.*

Bỗng nàng giật mình. Thì ra, không phải nàng đang ngâm thơ Đường mà ngâm những câu trong bản *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Nàng nhớ lại hồi nàng 26 tuổi, đang sống ở làng Vô Ngại huyện Đường Hào⁽³⁾, và nổi danh là bậc tài nữ, một hôm có

⁽¹⁾ Năm 1743.

⁽²⁾ Xem lời dịch nôm ở đoạn cuối truyện.

⁽³⁾ Nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM

một chàng thư sinh xưng tên là Đặng Trần Côn nói là hâm mộ tiếng nàng, làm một bài thơ đưa nàng xem và nhờ phủ chính cho. Nàng đọc xong, cười và bảo: “Trẻ con mới đi học, chưa chi đã ngứa nghề”. Đặng tức lắm về nhà càng chăm học. Bấy giờ, chúa Trịnh Giang vì ham chơi bởi tửu sắc nên để cung điện xảy ra hỏa hoạn. Chúa bèn cấm ngặt dân chúng ban đêm không được thắp đèn lửa để đề phòng lửa bén vào cung điện. Đặng Trần Côn phải đào hầm che ánh lửa để ngồi đọc sách ban đêm và làm bài không hề chút nghỉ. Mấy năm sau, Đặng soạn xong bản *Chinh phụ ngâm* bằng Hán văn dài gần 500 câu, tìm đến trao cho Đoàn Thị Điểm xem, tin chắc lần này nàng không chê nữa. Quả nhiên nàng khen hay. Nhưng hai người chưa có dịp gặp lại để trao đổi về văn chương thì Đặng Trần Côn đã sớm mất.

Lúc này, nàng cũng cảm thấy ân hận vì đã xử tệ với Đặng Trần Côn. Nhưng hồi ấy nàng đang còn trẻ đẹp nên rất kiêu kỳ. Không riêng gì Đặng Trần Côn, mà cả những người văn chương nức tiếng như Nhữ Đình Toàn, Nguyễn Công Thái đến cầu hôn, nàng cũng chê, không thuận. Rồi đến đám “Trường An tứ hổ” gồm Nguyễn Duy Kỳ, Trần Danh Tấn, Nguyễn Bá Lân, Vũ Toại đến nhà nàng để thử tài, nàng cũng làm cho phải bẽ mặt, rút lui. Nàng tự nghĩ thà chịu không chồng còn hơn kết duyên gượng.

Cứ kể cái đời tình duyên của nàng cũng khá lận đận. Năm 16 tuổi, được Thượng thư Lê Anh Tuấn nhận làm con nuôi thì ông này lại định tiến nàng vào cung chúa Trịnh. Nàng không bằng lòng, cùng anh theo cha tới chỗ cha dạy học tại làng Lạc Viên, huyện An Dương⁽¹⁾ và học hành càng nổi tiếng. Có sắc đẹp, lại tài cao nhưng ở chốn thôn quê cho nên sự kén chồng thành ra

⁽¹⁾ Nay thuộc thành phố Hải Phòng.

khó. Kẻ thành thị thì ít người biết đến, kẻ thôn quê không xứng duyên nàng. Tuổi đã hăm lăm mà chưa thành gia thất. Đến khi cha mất thì nàng lại cùng anh tới ngụ cư ở làng Vô Ngại, huyện Đường Hào là nơi anh mở trường dạy học. Anh nàng, Đoàn Luân vốn đã vấn danh con gái tiến sĩ Lê Hữu Mưu. Chưa kịp về nhà chồng, cô gái bị bệnh đậu mùa làm cho mặt mày rất xấu. Chính họ gái cũng không muốn sự kết hôn ấy nữa. Thế mà Đoàn Luân nhất định giữ lời hứa. Vì vợ anh tàn tật nên nàng phải giúp anh trong việc giao tế. Nàng giúp anh tiếp khách thì tuy dâng rau muối mà hơn cả trân tu. Chẳng được bao lâu, anh mất, bỏ lại đàn con bé và vợ tàn tật. Nàng phải làm thuốc để sinh nhai, bấy giờ trăm gánh nặng đều đổ vào vai nàng, hầu mẹ, giúp chị dâu, nuôi và dạy các cháu. Nàng lo việc nhà, không nghĩ đến đường gia thất.

Bấy giờ, có một vị họ ngoại chúa gọi là Bình trung công, người phủ Quốc Oai⁽¹⁾ đến cầu hôn. Nhưng nàng nghĩ rằng họ ấy căn bản mỏng manh, cho nên tuy vị ấy nhiều lần tới nạp lễ hỏi mà nàng vẫn trả lời thoái thác.

Một hôm, nàng đang ngồi trong nhà dạy cháu học, thấy có chừng sáu mươi viên, áo mũ chỉnh tề, lễ nghi dàn bày, khiêng một cỗ xe, thẳng tiến vào nhà giữa, rồi bày biện lễ vật để đón dâu. Nàng biết trước, vội tránh vào sân sau. Chân giậm vào bùn cho lấm, mình khoác áo thợ cày, tay xách cái gầu nhỏ, nàng đi đằng hoàng trước mặt quan quân mà ra đồng. Vị quan kia không để ý đến kẻ thợ cày giả mạo kia, cứ sai người đi lục tìm bà chủ. Tìm không thấy, y bèn lập kế bắt mẹ, nhử con. Y bèn rước bà mẹ về Kinh, nuôi ở trong nhà và thết đãi rất hậu. Nhưng đợi hơn

⁽¹⁾ Nay thuộc Hà Tây.

MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM

một tháng, không thấy nàng đến tìm mẹ, y bèn than rằng: “Phú quý không ham, bần tiện vẫn vui. Nam nhi như thế đã anh hùng, huống chi con gái. Thật là nữ anh hùng”. Y bèn đem hậu lễ tạ bà mẹ và đưa bà về nhà.

Sau đó, các vùng lân cận chốn nàng ngụ cư như chợ Yên Bình, làng Mi Thữ, đều bị tàn phá trong cơn loạn lạc. Nàng liền bỏ đất Vô Ngại, đem gia đình anh sang sông Nhị, tới xã Chương Dương mở trường dạy học. Năm ấy nàng đã 35 tuổi.

Một hôm, nàng đang ngồi giảng bài cho học trò, thì từ ngoài có một người vén rèm che bước vào, theo sau có vài người đẩy tổ mang theo một cái quả sơn son thếp vàng. Trong quả có một phong thư dán kín. Bức thư này của quan Thị lang, người làng Phú Xá⁽¹⁾, tên là Nguyễn Kiều, gửi thư đến cầu hôn. Nàng chép miệng than rằng: “Lúc trẻ, ta mong được người đến cầu hôn. Đã trải qua hơn hai mươi năm, ta không bao giờ nghĩ tới nữa. Ta từng nhủ lòng rằng hạng người tài tử giai nhân rất hiếm trên đời này. Tốt hơn ta rửa lòng trần, an nhàn nuôi lấy khí tượng thanh bình”.

Người cầu hôn là Nguyễn Kiều, đỗ Tiến sĩ 21 tuổi khi đó làm Thị lang, giữ chức Thừa Tuyên trấn Nghệ An. Vốn là một danh nho, nổi tiếng là văn hay chữ tốt, ông được nhiều người ca ngợi. Ông đã hai lần kết hôn với hai ái nữ của hai vị quan đại thần là Lê Anh Tuấn (cha nuôi của Đoàn Thị Điểm) và Nguyễn Quý Đức. Nhưng không may ông lại bị góa vợ cả hai lần.

Sau khi gửi bức thư cầu hôn trước, độ mười ngày sau, Nguyễn

⁽¹⁾ Nay thuộc Hà Nội.

Kiều lại sai một người cháu mang thư đến nữa. Trong thư ấy viết những lời chân thành như sau: “Tôi rất bận việc công, lại phải lo sửa soạn để lên đường, việc nhà không ai coi sóc và cai quản. Tôi nghĩ rằng phu nhân cùng nội trợ tôi vốn trước có tình nghĩa chị em, có phận keo sơn. Nếu phu nhân bằng lòng đùm bọc cho nội trợ tôi thì thật là may cho cả nhà tôi đó!”. Lời lẽ trong thư thật là khẩn thiết, lại bày tỏ tình cảnh cô đơn đáng thương. Nàng đọc qua cũng thấy thương xót. Nhưng đang sống trong cảnh nhà giảng thanh vắng, êm đềm, nàng vốn ghét sự phiền nhiễu nên còn do dự chưa quyết. Tất cả học trò đều tán thành cuộc hôn nhân giữa nàng và Nguyễn Kiều. Bọn học trò liền trình với cụ thân sinh nàng xin chấp nhận. Trước sự việc ấy nàng miễn cưỡng chấp thuận.

Vợ chồng sum họp chưa đầy một tháng, Nguyễn Kiều phải phụng chỉ đi sứ Bắc quốc, đến nay là mùa xuân thứ ba vẫn chưa trở về. Đoàn Thị Điểm giở bản *Chinh phụ ngâm* mà Đặng Trần Côn đã tặng nàng ngày xưa đem ra đọc lại. Thật là trở trêu! Trước kia nàng đã từng xử tệ với Đặng thì nay hoàn cảnh nàng lại giống hệt với hoàn cảnh của nàng chinh phụ trong tác phẩm của Đặng. Trong *Chinh phụ ngâm* có đủ các tình tiết lúc tiễn biệt, cùng ngóng nhau, nỗi thương chồng vất vả, nỗi nhớ nhung, than cách trở, trách lỗi hẹn, nỗi lẻ loi, nuôi mẹ dạy con, nỗi trông ngóng, mong mỏi, nỗi sầu muộn, chán nản, ngờ vực, nỗi lo già, nỗi ao ước được ở kề và cuối cùng là nỗi khẩn cầu chồng sớm trở về... Càng đọc, lời văn lâm ly thống thiết quyện với nhạc điệu réo rắt càng khiến nàng thổn thức, xốn xang. Ôi sao có lúc đọc văn mà ta tưởng chừng có người ngồi bên ta, tựa vào ta mà nỉ non tâm sự mọi nỗi vất vả dài cho với nỗi sầu dằng dặc, tưởng chừng có người khóc than sùi sụt bên tai ta mà giọt lệ

MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM

nóng hổi dường thấm ướt vai áo ta. Lời văn bày ra hình khe thế núi, thấp lại cao, dứt lại nối, hay đó là cái thấp cao, dứt nối của một tấm lòng. Lại có những đoạn hơi văn mạnh như tiếng gió ù ù xoáy trên cồn cát cuốn theo hồn tử sĩ ù ù, khiến ta rờn rợn, dựng tóc gáy, sồn da gà như thấy mặt người thiên cổ hiện về trong ánh trắng xanh lét đầy huyền hoặc. Có những đoạn hơi văn xô xát, căng thẳng như sắp đứt phứt kéo theo sự đứt lìa một hơi thở, chấm dứt một đời người... Nàng bỗng thấy ngỡ ngợ. Chẳng lẽ đúng như người ta đồn đại cũng vì Đặng Trần Côn trút hết tinh lực vào khúc ngâm này nên không sống được lâu. Phải chăng chỉ vì muốn trả hờn vì bị nàng khinh thị mà Đặng Trần Côn phải phản chí, tự cường đến nỗi trả giá bằng sinh mạng của mình. Nếu quả thế thì là một trò đùa nguy hiểm, nàng quả là tàn ác.

Nàng bỗng ngẩng đầu nhón nhác nhìn quanh. Hình như có người vừa đẩy cửa bước vào phòng. Không! đó chỉ là ngọn gió xuân thốc mách, ngọn *đông phong bất tương thức, hà sự nhập la vi*⁽¹⁾ từ chân trời Đường thi thổi lại.

Quái thay là cái ma lực của văn chương. Cũng là một câu văn mà có câu văn khi đọc lên làm cho rạo rức, làm cho ta muốn cười muốn khóc, muốn hét to lên đập phá một cái gì, muốn làm một việc gì có ích cho đời... Cũng là một con người mà có lúc đọc văn của họ mình thấy lạnh nhạt đứng đưng, nhưng cũng có lúc đọc văn của họ lại thấy yêu mến họ, thấy họ hiểu tận gan ruột mình, muốn cầm tay họ thủ thỉ trò chuyện thâu đêm như gặp được người tri kỷ cách đời... Nhiều chỗ nàng tưởng chừng như Đặng Trần Côn trực tiếp bộc bạch tâm sự với mình, muốn được

⁽¹⁾ Gió đông không quen biết. Hà cơ lọt màn là.

gặp mặt để giải tỏ hết tình cảm chất chứa trong lòng: Tương hội tương kỳ tương ký ngôn⁽¹⁾ mà lúc ấy nàng vô tình đâu có biết. Có lúc như tiếng kêu hốt hoảng sợ ngày tháng mau qua, nếu đôi người đang niên thiếu mà không được gần nhau thì sẽ lỡ mất ngày xuân, thời xuân. Lúc ấy nàng ý mình tài sắc nên coi thường chuyện đó, bây giờ đã lớn tuổi đọc lên nàng mới thấy vô cùng thấm thía.

Nàng bỗng nảy ra ý định dịch Chinh phụ ngâm ra Nôm vừa để khuây khỏa nỗi nhớ chồng, vừa để tạ lỗi với Đặng Trần Côn, người mà mình đã trót xử tệ. Ngoài ra còn để chị em bạn gái ở vào hoàn cảnh này, không thông thạo Hán văn có thể qua bản dịch Nôm mà gửi gắm nỗi lòng, cũng để chứng minh tiếng mẹ có đủ khả năng diễn tả mọi cảnh tượng trời đất, mọi cung bậc tình cảm, mọi nỗi góc ngách trong tâm hồn không thua gì Hán văn. Đời tình duyên của mình đã là một bông hoa nở muộn, trước đây mình đã viết nhiều tác phẩm bằng Hán văn, thì bản dịch Nôm này cũng là một bông hoa nở muộn, mình phải làm sao cho nó tươi thắm hơn những bông hoa trước đây, bằng cách dốc hết tài năng và tâm huyết vào để lột hết tinh thần của nguyên tác, không những thế còn phải biến nó thành một tác phẩm Việt Nam, làm giàu thêm cho tiếng mẹ.

Nhưng dịch như thế nào đây? Người ta có cho phép con gái được đến trường của các thầy đồ học đâu, chuyện nàng Phương Hoa “quần chân, áo chít, cài khuy, giả làm nam tử để đi học hành” chỉ là chuyện trong truyền thuyết. Còn việc cô Nguyễn Thị Duệ giả trai đi học sau thi đỗ Tiến sĩ chỉ có thể xảy ra trong đời Mạc Mậu Hợp là thời mà kỷ cương lỏng lẻo, vua Mạc lại

⁽¹⁾ Câu này Đoàn Thị Điểm dịch là: Ngâm nga mong mỗi chữ tình.

MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM

hiếu sắc, sau khi phát hiện ra Duệ là gái thì đưa nàng vào cung làm Lễ phi. Còn bây giờ dưới thời vua Lê chúa Trịnh, pháp luật nghiêm khắc hơn nhiều, nếu才子 nam trang đi thi sẽ bị tội nặng, nhất là thí sinh nào muốn đi thi đều phải có đơn đưa xã trưởng áp triện rồi đưa lên các quan huấn giáo ở phủ huyện mình nộp lên trên mới được đi thi Hương, khi vào trường quyển thi còn phải cung khai tam đại, ba đời nhà mình tên gì, làm gì, có muốn ẩn nặc để đi thi cũng không xong. Vì thế mà Đoàn Thị Điểm chỉ được cha, anh dạy cho một số kinh, truyện, sử bằng Hán văn thôi, mà sức học của cha, anh nàng cũng không nhiều nhận gì, chỉ đỗ đến Hương cống⁽¹⁾ mà thôi. Đằng này Đặng Trần Côn lại sử dụng không biết bao nhiêu văn liệu, điển cố trong sách lạ, Nhạc phủ, cổ thi, có những cái nàng chưa được đọc bao giờ vì thiếu sách, hỏi làm sao diễn dịch cho đúng ý của tác giả. Lại còn bao nhiêu tên đất, tên người, tên vật, tên sao... Không có kiến thức uyên bác về mọi mặt địa dư, lịch sử, cách trí, thiên văn... thì không thấu đáo được.

Từ trước, nữ lưu chỉ mới có Ngô Chi Lan làm được mấy bài thơ *Tứ thời khúc*, còn chuyện nàng Bích Châu, phi của Trần Duệ Tông làm bài *Kê minh thập sách* để can vua, chỉ xuất hiện trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, chắc là do ngọn bút của Nguyễn Dữ tô điểm thêm vào chứ không còn được nguyên bản. Thì cũng như nàng, khi viết truyện *Vân cát thần nữ* về Liễu Hạnh trong *Truyện kỳ tân phả* nàng cũng phải làm mấy bài từ nói là của Liễu Hạnh sáng tác ra. Bây giờ, đến lượt nàng phải đích thân làm ra một tác phẩm dài hơi, mang dấu ấn của mình, hỏi không ngần ngại sao được.

⁽¹⁾ Tức cử nhân đời Lê.

Nhưng vốn thông minh, nàng đọc kỹ càng nguyên tác để tìm hiểu ý nghĩa sâu xa trong đó rồi chuyển sang quốc văn. Về văn nô, trong khi nhỏ tuổi và khi lánh nạn ở nông thôn, nàng đã được nghe nhiều câu hò, câu hát, ca dao, tục ngữ, phương ngôn của những người dân quê, trong đó có không ít câu lời lẽ bóng bẩy mà ý tứ sâu sắc, nàng tin rằng lúc này có thể vận dụng cái kho tàng giàu có ấy, để đưa vào bản dịch.

Nàng chợt nhớ đến những câu ca dao tả cảnh người đi lính thú đời xưa:

*Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hỏa mai,
Một tay cắp giáo quan sai xuống thuyền.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa...*

Lại cái cảnh vợ tiễn chồng đi lính:

*Một đàn cò trắng qua sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non
Nàng về nuôi cái cùng con
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.
Cao Bằng ạo lăm anh ơi,
Em về gánh nước giếng thơi cho gần...
Rồi đến cái cảnh vợ đi tìm chồng:*

MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM

*Bồng bồng nảy lộc ra hoa,
Một đàn vợ lính trẩy ra thăm chồng,
Khi đi có gánh có gồng,
Đến khi thăm chồng, bảy vị còn ba...*

Nàng đập mạnh tay xuống mặt bàn. Đến người dân quê thất học mà còn làm được những câu ca dao hay như thế, tha thiết như thế, huống chi nàng từng theo đòi nghiên bút lại không thể dịch nổi *Chinh phụ ngâm* hay sao? Qua những vần ca dao mộc mạc cái hồn dân tộc từ nghìn xưa đã phả vào tâm hồn nàng, thôi thúc nó phải thể hiện nó ra bằng tất cả tâm huyết của mình. Văn Nôm nước ta tiếng là khởi lên từ Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố đời Trần, nhưng đến nay có còn lại tác phẩm nào của các ông ấy đâu. Mấy bài thơ xướng họa giữa vua Trùng Quang và Nguyễn Biểu chỉ xuất hiện trong *Nghĩa sĩ truyện* của Hoàng Trùng, biết đâu không phải do chính Hoàng Trùng đặt ra. Văn Nôm của Lê Đức Mao với Bùi Vịnh đời Mạc thì kém phần điêu luyện, văn Nôm của Nguyễn Giản Thanh và Đào Duy Từ thì kém phần thanh thoát, chỉ có thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm là hay hơn cả. Bây giờ mình phải cố gắng tạo ra một áng văn Nôm không thua kém gì người trước và làm mẫu mực cho người sau, khai thác hết chỗ mạnh của văn Nôm, làm cho người ta biết quý trọng quốc văn, không chỉ nên sùng thượng Hán văn mà rẻ rúng quốc văn. Nàng chợt mỉm cười. Hay là hồn thiêng Nguyễn Thị Lộ, cô ả Tây Hồ bán chiếu gon đã nhập vào mình, khiến mình muốn nối tiếp con đường mà Nguyễn Trãi đã mở ra, gửi gắm trong câu thơ tuyệt bút:

Tình thư một bức phong còn kín,

Gió nơi đâu gượng mở xem

Một làn gió thơm lạ - tưởng như từ thời Nguyễn Trãi thổi lại - phả vào phòng văn. Hứng thơ cũng đến theo, nàng gọi cậu học trò mười tuổi, đang đứng hầu bên cạnh:

- Doãn, con mài mực cho cô đi!

Đào Duy Doãn vui vẻ nhìn thầy:

- Thưa cô, cô viết bài thơ khai bút ạ.

Đoàn Thị Điểm gật đầu. Đúng, xuân này phải khai bút bằng bản dịch *Chinh phụ ngâm*. Nàng không dịch từ đoạn mở đầu mà đi thẳng vào đoạn gây cho nàng nhiều cảm hứng nhất. Ngọn bút nàng đưa lên mặt giấy, tươi như hoa:

Thuở lâm hành, oanh chưa bén liễu,

Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.

Nay quyên đã giục oanh già,

Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo.

Nàng dừng bút cất tiếng ngâm lên. Tiếng chim thanh thoát như tiếng chim ý nhi từ xứ lạnh vừa trở lại mang theo hơi ấm báo hiệu xuân về.

CUỘC HỘI KIẾN KỲ THỨ

Đến trước chiếc cổng mái uốn cong đắp hình lưỡng long triều nguyệt, hai bên là hai dãy tường cao xây bằng gạch, trên phủ một lớp ngói xanh, Lê Hữu Trác⁽¹⁾ dừng lại. Một tên lính canh cổng thấy ông mặc áo vải thô, có ý coi thường, quát:

- Tên kia, ở đâu bèn mảng đến dinh làm gì! Bước ngay!

Lê Hữu Trác nói:

- Chú vào bẩm với quan Thượng là có người nhà xin vào hầu quan.

Tên lính nhìn Lê Hữu Trác vẻ nghi ngờ:

- Cụ lớn làm gì có thứ người nhà như anh, đừng nhận xằng mà mắc tội.

- Chú cứ vào bẩm có Lê Hữu Trác ở Liêu Xá đến, thế là được rồi!

Tên lính thấy Lê Hữu đúng là họ của quan thượng và Liêu Xá là quê của ngài, liền bảo bạn canh gác thay mình rồi vào báo với viên quản gia. Viên quản gia nghe xong, vội vàng chạy ra cổng nói với Lê Hữu Trác:

⁽¹⁾ Lê Hữu Trác (1720-1791), quê ở làng Liêu Xá, huyện Đường Hào (nay là Mỹ Văn, Hải Hưng) con Thượng thư Lê Hữu Mưu, cháu Thượng thư Lê Hữu Kiều, sau làm thuốc lấy hiệu là Hải Thượng Lãn Ông.

- Ồi giời! tưởng ai hóa ra cậu Chiêu Bấy! Mời cậu vào ngay! Cự lớn có ý chờ cậu mấy bữa nay.

Dứt lời, viên quản gia dẫn Lê Hữu Trác vào. Hai bên lối đi có trồng thủy tùng, hai người đi đến một ngôi nhà khách năm gian, trước mặt trông xuống cái ao vuông. Trong ao thả sen trắng, chung quanh bờ trồng liễu và cam quýt. Viên quản gia mời Lê Hữu Trác ngồi xuống đôn sứ phía trước chiếc sập chân quỳ chạm trện hồi văn, rồi đi báo với quan Thượng thư Lê Hữu Kiều. Lê Hữu Trác không ngồi mà ra sân ngắm mấy cây hoa nhài, hoa hồng, hoa ngâu, hoa mẫu đơn trồng bên cạnh ao. Ông nhớ lại hồi nhỏ, đã từng chơi ở trước sân này, ngồi bẻ bông tước lá thử chơi hay đi vòng quanh bờ ao xem đàn cá ngóc đầu lên đớp bọt. Đang băng khuâng về kỷ niệm thời thơ ấu, thì một tiếng nói phía sau lưng đánh thức làm ông tỉnh mộng:

- Cháu đã lên đấy à? Cháu từ trong Nghệ ra hay từ Liêu Xá đến đây?

Lê Hữu Trác quay lại chấp tay vái:

- Kính lạy thúc phụ. Cháu tiếp được gia thư, vội lên đường từ Nghệ ra, nhưng còn về qua Liêu Xá bái yết gia tiên rồi mới lên kinh hầu thúc phụ.

Lê Hữu Kiều cảm động:

- Cháu đã đi thăm mộ ông nội và cha cháu rồi phải không? Ta nhớ lời anh ta trăng trối trước lúc qua đời, dặn ta phải thay anh chăm sóc cháu nên người, vậy mà ta không làm tròn lời di chúc, để cháu lam lũ vất vả, quả thực là ta có lỗi với anh ta nhiều lắm.

CUỘC HỘI KIẾN KỲ THỨ

Lê Hữu Trác đỡ lời:

- Bẩm thúc phụ, cũng vì cháu thích cảnh sống nhàn dật nơi thôn dã nên mới vào Nghệ, chứ không phải là...

Hai chú cháu thông thả đi vào nhà khách. Lê Hữu Kiều ngồi lên sập, chỉ cho Trác ngồi một góc sập, nhưng ông không ngồi mà ngồi xuống chiếc đôn sứ. Gia nhân dâng trà. Nhấp xong một tuần trà, Lê Hữu Kiều khoan thai nói:

- Ta tiếng là ở gần kề Chúa thượng, nhưng vì tị hiềm không muốn tiến cử người nhà, nên khi làm tham tán đi dẹp giặc cỏ ở trấn Hải Dương, ta đã cho cháu đi theo để cháu có dịp lập công, nhân đó ta sẽ ghi tên cháu vào sổ quân công để triều đình ban chức thì đình thần không còn ai-dị nghị vào đâu được. Thế mà không ngờ nửa chừng cháu lại bỏ về, nên ta không làm sao mà cất nhắc cho cháu được...

Lê Hữu Trác nhớ lại hồi còn ít tuổi, ông chăm chỉ học tập, mang chí làm quan, lập công danh lớn. Cái lần theo chú là Lê Hữu Kiều đi đánh giặc cỏ ở trấn Hải Dương, Lê Hữu Trác thấy rằng đó chỉ là những người nông dân nghèo khổ bị cường hào địa chủ bóc lột, chiếm đoạt ruộng đất, lại bị quan lại đè nén, bắt nộp sưu cao thuế nặng, không sao sống nổi, cùng đường phải nổi dậy chống lại triều đình. Từ đó ông tỉnh mộng công hầu, vứt gươm giáo bỏ quân ngũ, trở về quê ngoại là làng Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn, trấn Nghệ An, nuôi mẹ già và học thuốc, làm thuốc, nghiên cứu y học cứu người, giúp đời.

Lê Hữu Kiều lại nói:

- Nếu chỉ viện lệ tập ấm thì chỉ là quan chức nhỏ không xứng

cái tài của cháu. Còn nếu đi thi thì lối văn của cháu không phải là cái văn cử nghiệp, e khó lòng lọt mắt các khảo quan. Phải có cơ hội lập nên công lớn về chính trị, hay binh bị, mới hòng lên được chức cao. Mới đây, con rể ta là Lê Quý Đôn, được triều đình cử giữ chức Tham chính xứ Hải Dương. Lê Quý Đôn nói cần một người hiểu biết thung thỏ, dân tình trấn Hải Dương, để làm người phụ tá. Ta nhắc đến cháu, Đôn mừng lắm, vì đã nghe tiếng cháu thông minh, ham học có chí lớn, từ đã lâu mong có dịp gặp mặt. Ta liền giữ Đôn lại, rồi viết thư gọi cháu ra gặp Đôn để bàn bạc. Nếu hai anh em có thể cộng sự với nhau làm việc lớn, thì đó là điều ta mong mỏi.

Lê Hữu Trác nói:

- Cháu cũng nghe danh quan Bảng Đôn đã lâu, cũng khao khát có dịp tương kiến, không ngờ quan Bảng lại trở nên giai tể nhà ta, thế thì còn gì bằng nữa. Tình gia đình, xin thúc phụ cứ cho cháu được gặp mặt, để cháu cáo lỗi không ra được để dự tiệc tân hôn của em cháu với quan Bảng.

Lê Hữu Kiều sai gia nhân mời Lê Quý Đôn sang nhà khách.

Lê Quý Đôn trông thấy Lê Hữu Trác vội chấp tay vái chào:

- Kính mừng biểu huynh, đệ nghe danh biểu huynh đã lâu, hôm nay được gặp, quả là ba sinh hữu hạnh.

Lê Hữu Trác nói:

- Tôi cũng biết tiếng quan Bảng nhãn, không ngờ duyên trời run rủi ngài lại gá nghĩa với biểu muội tôi, quả là hân hạnh cho gia đình chúng tôi, có được giai tể tài năng lỗi lạc, khiến thúc

CUỘC HỘI KIẾN KỲ THỨ

phụ tôi vui vẻ trong lúc tuổi già.

Lê Quý Đôn khiêm tốn:

- Biểu huynh dạy quá lời, đệ chỉ mong đem hết sức mình ra giúp dân giúp nước cho tròn bốn phận tôi con, chứ nào có tài ba gì cho cam. Cũng vì kiến thức có hạn, nên muốn nhờ cậy bậc cao minh chỉ bảo, mới có thể thành đạt được. Lần này đệ được triều đình cử làm Tham chính xứ Hải Dương, muốn có người cộng sự để làm việc quan. Chẳng hay biểu huynh có vui lòng giúp đệ được hay không?

Lê Hữu Trác cười:

- Tôi nghe Quế đường⁽¹⁾ từng là thần đồng ở huyện Diên Hà, không sách gì không đọc, không sự vật gì không suy xét đến cùng, ngày thường ngẫm nghĩ được điều gì đều viết ngay thành sách, có chí làm một nhà trước thuật, sao lại bảo tôi theo giúp ngài làm việc quan? Xin thú thực tôi đã nguội lạnh về công danh từ lâu rồi, cũng đang theo đuổi việc viết sách về y học, nên mới phải lui về thôn quê để nghiên cứu các loại cây thuốc vốn có, các vị thuốc nam và các phương thuốc hay trong dân gian, vì thế rất tiếc không thể đi theo ngài được, xin quan Bạng thứ lỗi cho.

Lê Quý Đôn giật mình, vội tạ rằng:

- Thế ra, biểu huynh đã có chí về trước thuật, đệ không biết nên mới đường đột ngỏ ý với biểu huynh, mong biểu huynh đại

⁽¹⁾ Quế đường là tên hiệu của Lê Quý Đôn. Ông người làng Diên Hà (nay là thôn Phú Hiếu xã Độc Lập huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) đỗ bảng nhãn năm 1752. Năm 1765 được bổ làm Tham chính xứ Hải Dương. Lê Quý Đôn từ tạ không đi và xin miễn quan về nghỉ, ở nhà đóng cửa làm sách.

xá. Quả thực, đệ cũng muốn có người đỡ đầu việc quan để có thì giờ rảnh rang làm công việc trước thuật. Nay biểu huynh cũng đã làm việc ấy từ trước, như vậy thì chúng ta chí đồng mà đạo hợp vậy.

Lê Hữu Kiều cười:

- Nếu vậy thì chúng bay quả là cùng một duộc, còn nói làm gì nữa. Thôi ta tuổi già, ngồi lâu mỏi lưng, ta lui vào nhà trong nghỉ ngơi, để cánh trẻ chúng bay tha hồ đàm đạo.

Lê Hữu Kiều đứng dậy. Lê Hữu Trác và Lê Quý Đôn đứng lên tiễn. Lê Hữu Trác bảo viên quản gia:

- Dọn một gian nhà ngang để cậu Chiêu Bấy nghỉ ngơi, nghe không?

Lê Hữu Kiều lui vào. Lê Quý Đôn kéo đôn xích lại gần Lê Hữu Trác rồi thân mật hỏi:

- Chẳng hay biểu huynh định trước tác công trình gì?

Lê Hữu Trác nói:

- Chẳng giấu gì quan Bạng, tôi định soạn bộ sách *Y tông tâm lĩnh*, tổng kết các trạng thái bệnh lý và các phương thuốc hiệu nghiệm mà rẻ tiền trong dân gian, để người nghèo cũng có thể dùng được. Từ trước đến nay, những người giàu có đều phải mua thuốc Bắc từ bên Tàu gửi sang. Lần này, tôi có ý định nghiên cứu dược tính của hàng trăm loại cây cỏ vốn có trong nước, loại nào có thể biến thành thuốc Nam mà công hiệu không kém thuốc Bắc, thì ghi chép vào sách để cho các thầy lang và người bệnh có thể tùy nghi châm chước mà lập phương trị bệnh.

CUỘC HỘI KIẾN KỲ THỨ

Lê Quý Đôn khen ngợi:

- Nếu vậy thì biểu huynh đã noi gương Thần Nông ngày xưa rồi. Thần Nông hàng ngày đi hái lá cây rồi nếm, một ngày một trăm lần trúng độc, mới soạn được bộ *Thần Nông bản thảo*. Danh y Lý Thời Trân đời Minh, bao năm trời dấn chân in khắp thiên hạ, leo lên những đỉnh núi cao tuyết phủ, nhịn đói chịu rét, vất vả gian lao, mới soạn được bộ sách *Bản thảo*. Ở nước ta chỉ mới có sư Tuệ Tĩnh nghiên cứu các vị thuốc nam viết bộ sách *Nam dược thần hiệu*, trong đó ghi chép 3932 phương thuốc đơn giản chữa 183 loại bệnh và cấp cứu. Nay biểu huynh soạn bộ *Y tông tâm lĩnh*, là tập đại thành của các sách y học đời xưa, quả là một công trình bất hủ nối chí tiền nhân, đệ xin nghiêng mình bái phục.

- Nhưng bộ sách của tôi còn có cái khác là khi sống gần dân chúng, tôi nghe người ta nói: “Đứt tay mới hay dùng thuốc” nên trong sách tôi ghi những cách phòng bệnh, phòng dịch, giữ vệ sinh. Lại thấy người ta nói: “Dĩ thực vi tiên”, nên tôi viết cả về cách nấu ăn, nội trợ, vì nếu ăn uống tốt nhiều chất dinh dưỡng thì giữ được sức khỏe, ngăn ngừa bệnh tật xâm nhập. Có điều ăn uống cần thanh đạm, nếu dùng quá nhiều chất bổ thì lại dễ sinh bệnh. Tôi còn có thể nhìn mặt người mà biết người đó đang mắc bệnh gì?

Lê Quý Đôn cười hỏi:

- Nếu vậy biểu huynh thử nhìn xem đệ có bệnh gì không?

Lê Hữu Trác nhìn kỹ sắc mặt Lê Quý Đôn rồi nói:

- Quan Bảng là bậc thông minh tuyệt thế, nếu ngài chữa được

cái bệnh tảo cấp về công danh thì sự nghiệp của ngài sẽ lớn lao không thể nào lường được.

Lê Quý Đôn giật mình vì mình tuổi trẻ mà được thăng chức nhanh nên bị nhiều kẻ dèm pha đã có ý chán nản, nay thấy Lê Hữu Trác điểm trúng huyết lật đặt đứng lên, chấp tay nói:

- Nếu vậy xin y sư chữa giùm cho bĩ nhân này.

Lê Hữu Trác cười:

- Tôi chỉ có thể nhắc nhở để ngài phòng bệnh còn trị bệnh thì ngài phải tự liệu lấy. Tôi xin đọc hầu ngài nghe một bài thơ để thay cho phương thuốc:

Thuốc gì chữa được mệnh khanh tướng,

Lòng khá tau lên với quỷ thần.

Chỉ có tiếng thơm đời để mãi,

Giàu sang, giả dối vẫn phù vân.

Nghe xong, Lê Quý Đôn toát mồ hôi, xá dài:

- Lời thơ quả là phương thuốc hay đã chữa trị được tâm bệnh của đệ. Từ nay đệ xin nguyện dốc tâm sức vào việc trước thuật, không nóng lòng về chuyện công danh nữa.

Lê Hữu Trác khoan thai:

- Có câu *Sĩ các hữu chí*⁽¹⁾, tôi cũng không dám ép ngài, chỉ

⁽¹⁾ Kẻ sĩ, mỗi người có một chí hướng.

CUỘC HỘI KIẾN KỲ THỨ

mong rằng chúng ta theo được câu *hòa nhi bất đồng*⁽¹⁾, bởi vì cái nhân thì ai ai cũng đồng, mà cái cách của mỗi người phải dị, có thế mới hoàn thành được từng nhân cách.

Mùi hoa hồng, hoa ngâu từ ngoài vườn thoảng vào ngào ngạt, làm đậm đà thêm câu chuyện tâm giao giữa hai thiên tài kiệt xuất.

⁽¹⁾ Quân tử hòa nhi bất đồng: người quân tử hòa với mọi người nhưng có chỗ không đồng với người khác.

ĐI TIẾP ĐƯỜNG CHA

Trong Bí thư các, quan học sĩ Lê Quý Đôn bức bội xếp mạnh tờ phiến tấu vào tập hồ sơ, rồi quay sang nói với bạn đồng liêu là Nguyễn Bá Lân:

- Lại có phiến tấu cấp báo việc Lê Duy Mật xây dựng căn cứ ở núi Trình Quang và khống chế một vùng rộng lớn từ thượng lưu Nghệ An, Thanh Hóa đến Hưng Hóa. Loạn lạc không biết đến bao giờ mới yên!

Nguyễn Bá Lân cười khẩy:

- Quan bác làm gì mà phải bức bội như thế! Có loạn thì mình mới được cử đi dẹp loạn, càng cố dịp lập công với triều đình chứ sao?

Lê Quý Đôn cau mặt:

- Tôi nghĩ nguồn gốc của mỗi loạn là do bọn quan lại địa phương và các nhà quyền quý ức hiếp bóc lột dân nghèo, họ chịu không nổi cho nên mới phải đứng lên làm loạn.

- Tôi thì tôi cho rằng có những kẻ vong mạng muốn mưu bá đồ vương, xúi giục hay ép buộc dân phải theo chúng mà thôi. Triều đình đối với dân không bạc, mỗi khi hạn hán, lụt lội hay mất mùa đói kém, lại xuất của kho ra chẩn tế cho dân kia mà! Vậy mà đám dân ngu ấy không biết ơn thì chớ, lại còn trở mặt theo phường phản nghịch!

DI TIẾP ĐƯỜNG CHA

Lê Quý Đôn im lặng cúi đầu suy nghĩ, Nguyễn Bá Lân đúng là một viên quan thủ cựu, chỉ biết trung thành với nhà chúa mà không nghĩ đến dân. Mình có nói với ông ta cũng chẳng ăn thua gì, có khi chuyện đến tai người khác lại mang vạ vào thân. Lê Quý Đôn biết rằng bọn nịnh thần trong triều vốn không ưa ông, nếu biết được ý nghĩ của ông, thế nào chúng chẳng gièm pha ông với hà chúa và kiếm cớ buộc tội ông.

Ông nhớ lại thân sinh ông là Lê Trọng Thứ, khi mới thi đỗ tiến sĩ, vào triều làm quan mới có chức Cấp sự trung bộ Hộ mà vì tính cương trực, thẳng thắn, vừa không được lòng bề trên, vừa không hòa nhập được với những người đồng sự, nên chưa đầy một năm đã bị đổi ra làm Giám sát Ngự sử ở Hải Dương. Tuy không còn làm việc trong triều nữa, nhưng ngày đêm Lê Trọng Thứ vẫn thao thức, trăn trở lo nghĩ về thời cuộc và những nỗi niềm ưu tư về quốc kế dân sinh. Vào đầu năm Tân Hợi⁽¹⁾, ông dâng lên Chúa Trịnh Giang một tờ khải điều trần sáu điểm về công việc triều chính và hiện tình của đất nước. Trong tờ khải đó, ông đã khéo léo khuyên can Trịnh Giang bằng những lời lẽ rất đổi chân tình, tha thiết, những mong nhà chúa dẹp bớt những việc xa xỉ để khoan sức cho dân và phải cảnh giác với bọn xu nịnh để chọn lựa được những người hiền tài.

Đọc xong tờ khải của Lê Trọng Thứ, Trịnh Giang hạ bút phê mấy câu: “Dâng khải thì được, nhưng cấm không được nhắc đến công việc của người trên”.

Không nản lòng, Lê Trọng Thứ lại dâng tiếp một tờ khải khác, khuyên nhà chúa hãy chấp thuận những lời nói thẳng, nói

⁽¹⁾ Năm 1731.

thật của kẻ dưới. Kết quả ông bị bãi chức đuổi về làng. Tất cả niềm vui hy vọng đổ dồn vào đứa con trai đầu lòng Lê Quý Đôn, mới 5 tuổi đã nức tiếng là thần đồng, những mong con ông sẽ kế tục ông thực hiện những hoài bão, những dự định mà bản thân ông “tâm hữu dư, lực bất túc”, lại hiềm vì vua sáng tôi hiền còn đang vắng bóng.

Khi Trịnh Doanh lên làm chúa thay Trịnh Giang, muốn lấy lòng mọi người, khôi phục chức tước cho Lê Trọng Thứ và những người trung thực khác bị bãi chức. Những năm tháng đầu trở lại với công việc triều chính, do có nhiều kiến giải xác đáng về tình hình hiện tại nên Lê Trọng Thứ được Trịnh Doanh tin cậy. Nhưng rồi sự ganh ghét, đố kỵ có tính chất cố hữu trong đám quan đại thần đã đưa Doanh đến chỗ không còn tỉnh táo để phán quyết các công việc.

Năm Quý Hợi⁽¹⁾, vì việc dâng sớ lên chúa Trịnh Doanh để minh oan cho Trần Hiền, một người trung thực vừa được minh oan, được phục chức cùng dịp với Lê Trọng Thứ lại bị bãi chức lần nữa, nên Lê Trọng Thứ đã làm phật ý Tham tụng Trần Cảnh, và y đã tìm mọi cách xúc xiểm bãi chức Đông các hiệu thư của Lê Trọng Thứ và đẩy Lê Trọng Thứ ra làm Giám sát miền Đông.

Ít lâu sau, Lê Trọng Thứ lại được triệu về Kinh làm chức Giám sát Ngự sử đài, ông đã tâu trình lên Trịnh Doanh nên bãi bỏ thuế muối cho ngư dân ở các vùng Thanh Nghệ, và xin thiết định thể chế về việc trọng dụng và cất nhắc nhân tài.

⁽¹⁾ Năm 1743.

ĐI TIẾP ĐƯỜNG CHA

Khi lên đến chức Bồi tụng, kiêm Tả chính ngôn, Lê Trọng Thứ thẳng thắn chỉ ra những lỗi lầm sai trái của đám quan lại lớn nhỏ. Đối với chúa Trịnh thì ông dâng sớ, dâng khái can ngăn mà nội dung là phản nân, chê trách, thậm chí bắt bẻ. Có lần Chúa Trịnh cho nghênh rước tượng Phật vào trong phủ lập đàn chay, ông hạch rằng: “Hiện nay dân tứ trấn tài hao lực tổn, không nên làm sự phí phạm, vì chuyện nhảm mà gieo rắc mê hoặc cho đời sau”. Chúa Trịnh cho đặt ống đồng trước sân phủ chúa, kẻ nào hay bàn tán chê bai công việc của Chúa thì sai quân xách bỏ vào trong ống ấy. Ông nói: “Lòng người kiêu bạc, lời chê bai vị tất đều đúng cả, không nên mở đường cho kẻ dưới thừa cáo lẫn nhau, dưỡng thói gian cho bọn kết bè, kéo cánh”. Trước sau, ông dâng sớ can gián đến mấy chục lần, một lòng lo âu vì nỗi việc nước ngày càng sai trái. Khi thấy lời nói của mình tuy chúa Trịnh ngoài mặt thì khen ngợi nhưng không đem ra thực hiện, ông đã chán nản, mấy lần dâng khái xin về trí sĩ, mãi mới được chúa Trịnh chấp thuận.

Trước tấm gương bất lực của người cha, Lê Quý Đôn có nên tiếp tục dâng khái can nhà chúa hay không? Bỗng ông chợt nghĩ ra, chỉ cần chúa nghe theo cũng không đủ, vì chung quanh chúa còn có bọn nịnh thần, bên ngoài thì những bọn tham quan ô lại, bó tay ngăn cản chúa không cho làm những việc ích quốc lợi dân. Nguyên nhân là do không có pháp chế, nên bọn quan lại hào quyền mới thừa cơ những nhiễu. Nếu định ra pháp luật rõ ràng, từ trên xuống dưới đều phải nhất nhất tuân theo, bất cứ ai làm trái đều bị nghiêm trị thì mới ngăn chặn được cái tệ ức hiếp hà lạm, cũng để chấm dứt mầm loạn lạc.

Lê Quý Đôn ngẩng lên, Nguyễn Bá Lân đã bỏ đi từ hồi nào,

nhưng cái cười khẩy của ông bạn đồng liêu vẫn chập chờn ẩn hiện trước mắt ông. Ông lắc mạnh đầu. Bóng Nguyễn Bá Lân biến mất, thay vào đó là bóng Lê Hữu Trác, anh vợ ông với tiếng đọc thơ: *Chỉ có tiếng thơm đời để mãi, Giàu sang giả dối vẫn phù vân*, điểm nụ cười hiền triết.

Ý nghĩ đã định, Lê Quý Đôn liền cầm bút thảo ngay tờ khai. Những hàng chữ thoăn thoắt hiện ra trên mặt giấy:

“Tôi nghe rằng trị nước không thể cậy vào điều không có hoãn cấp xảy ra, mà phải cậy vào điều có cái gì sẵn để mà ứng phó với hoãn cấp. Nhưng giờ đây, cái để mà ứng phó với hoãn cấp là gì, hay là chỉ thu nhập quân gia trong nước mà tập trung lại ở Kinh đô? Hay là chỉ gom góp của cải trong nước mà tích tụ lại ở trong kho tàng? Bỏ mất lòng dân, không phải là cái đạo xếp yên mối loạn mà cái kế để xếp yên mối loạn cũng không phải là nhân tuần và nói suông vậy. Vả chăng, cứu tế cho mọi người, đó là một điều mà vua Nghiêu, vua Thuấn còn không làm nổi thì làm sao muốn khiến cho người người đều sống theo sở thích của mình? Cho nên đáng anh quân phải đặt ra pháp chế để nắm vững quốc gia. Như thế mới sửa chữa nhân tâm một nước, làm thành phong tục trăm đời được.

Gọi là pháp chế cũng chỉ là thiết lập quan chức, phân định văn võ, lập pháp thi lệnh một cách nghiêm cẩn, quy định học pháp, giáo pháp, làm thế nào cho ở bên trong thì triều đình, ở bên ngoài thì phương trấn giao lưu chằng chịt với nhau như một thân thể, như một hệ thống mạch lạc được lưu thông không có trở ngại”.

Viết xong tờ khai, Lê Quý Đôn lại điều trần mười khoản về

ĐI TIẾP ĐƯỜNG CHA

chế độ và chính sự đương thời, trong đó có việc nghiêm cấm bọn quan lại hào cường ức hiếp bóc lột dân⁽¹⁾.

Bỗng ông thấy hiện lên trước mắt hình ảnh cha già râu tóc bạc phơ, đang mỉm cười nhìn ông. Lê Quý Đôn thốt kêu: “Con nguyện xứng đáng với cha, cốt sao nối tiếp chí hướng của cha”.

Một tiếng chim đâu đó hót vang như để đáp lời người con có hiếu.

⁽¹⁾ Tờ khải này viết năm 1764.

HÙNG KÊ QUYỀN

Về tới nhà, vừa gieo mình xuống bộ ván ngựa, ông Hai Trầu⁽¹⁾ đã quát gọi gia nhân:

- Bay đâu! Kiếm chú Tư kêu về gấp cho ta nghe! Loạn. Như vậy thì loạn thiệt rồi. Vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm!

Gia nhân hốt hoảng không hiểu sao bữa nay ông chủ lại nổi giận bất tử như vậy, vội chia nhau các ngả đi kiếm Tư Lữ⁽²⁾.

Giữa lúc đó, một thanh niên dáng vóc cao lớn, mắt sáng, da ngăm đen, gánh một gánh lúa nặng khoảng mười vuông, đi từ cổng vào sân. Đòn gánh là một phần cây tre to, vậy mà anh đi cứ nhẹ nhàng như không. Ông Hai Trầu kêu:

- Chú Ba Thơm⁽³⁾, chú có biết thằng Tư đi đằng nào không?

Ba Thơm đặt gánh lúa xuống, mừng rỡ:

- Ủa, anh Hai đã về. Em cũng không biết chú Tư đi đâu, chắc là cũng quanh quẩn đây thôi, sắp về bây giờ đó, anh...

Hai Trầu bực dọc:

- Anh vừa về tới đầu làng thì được bà con kể chuyện cho hay chú Tư suốt ngày chỉ ham chơi trò đá gà, có đúng vậy không?

⁽¹⁾ Tức Nguyễn Nhạc, vì ông đi buôn trầu ở Thượng đạo.

⁽²⁾ Tức Nguyễn Lữ.

⁽³⁾ Tức Nguyễn Huệ, vì hoa huệ có mùi thơm nên gọi thế.

HÙNG KÊ QUYỀN

Ba Thơm cúi đầu nghĩ ngợi. Quả thực, Tư Lữ trước đây cũng có ham chơi thật. Ngoài bến Trường Trầu, sâu hàng mấy sải, nước trong xanh leo lẻo, trẻ con thường kéo đến tắm, nô đùa và rủ nhau bơi thi. Nhiều đứa bơi như người lớn. Chúng có thể bơi một mạch từ bờ bên này sang bờ bên kia rồi lại bơi trở lại. Song bơi nổi tiếng hơn hết, chẳng những bọn trẻ con phục tài mà ngay cả người lớn khắp vùng cũng phải thua thì chỉ có Lữ.

Mùa mưa đến, lòng sông Côn mở rộng, nước trên nguồn cuộn cuộn đổ về. Nước kéo cả những thân cây bằng hai vòng tay người ôm. Sóng quật chết những con cá chình to bằng bắp vế - là loại cá bơi rất khỏe. Nước chảy đến mức những tay chèo yếu không dám đưa thuyền qua sông, huống hồ là người bơi bộ. Thế mà cậu Lữ bơi qua bơi lại sông Côn như chơi.

Khi anh em đến theo học ông Giáo Hiến, Hai Trầu và Ba Thơm còn chịu khó học văn chương, nhưng Tư Lữ thì chỉ ham luyện tập võ nghệ. Đã có một dạo Lữ bỏ nhà đi, sau mới biết là anh ta theo một ông thầy đạo Bà La Môn vào núi tu. Không biết anh ta có học được cuốn kinh Bà La Môn nào không, chỉ biết khi trở về thì anh đã luyện được môn khí công nhờ tọa thiền⁽¹⁾. Vì thế mọi người gọi anh là *Thầy, Thầy Tư Lữ*.

Ba Thơm chưa biết nói thế nào với anh về cậu em út, thì Tư Lữ đã theo gia nhân về. Vừa trông thấy anh, Tư Lữ đã vội chấp tay chào rồi khép nép đứng một bên, chờ lệnh. Hai Trầu gần giọng:

- Chú Tư! Chú đã biết cái tội của chú chưa?

⁽¹⁾ Yoga của Ấn Độ.

HOÀI ANH

Tư Lữ ngạc nhiên:

- Dạ, thưa anh, tội gì xin anh cứ dạy...

Hai Trầu càng giận dữ:

- Tội ham mê đá gà, không lo luyện tập võ nghệ để phòng khi động dụng. Chú có biết Đức Trần Hưng Đạo ngày xưa đã có bài hịch răn tướng sĩ không nên ham chơi chọi gà, *cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc* hay không? Tôi thì bận đi buôn trầu quanh năm, vậy mà chú cứ ở nhà chơi bởi lâu lổng. Như vậy, tôi sẽ mang tội với vong linh song thần là không kèm cặp cho chú nên người. Để tôi vào cáo với các vị rồi sẽ xử trị cho chú.

Ba Thơm toan khuyên can anh, thì Tư Lữ đã mỉm cười nói:

- Thưa anh, em chơi đá gà chính là để luyện tập võ nghệ đấy ạ.

Hai Trầu trợn tròn mắt:

- Chú nói sao? Hừ! Luyện tập võ nghệ cho gà, để chúng đá nhau chứ gì!

Tư Lữ thưa:

- Dạ, chính vì chơi đá gà, em mới nghiên cứu các thế gà đá, để đem áp dụng vào võ thuật.

Ba Thơm mắt sáng lên:

- Chú nghiên cứu các thế đá hay, đá độc của gà chọi để tạo thế võ mới lạ à. Lúc đầu nghe người ta nói, tôi cũng đã đồ đoán

HÙNG KÊ QUYỀN

như vậy. Chú nói rõ cho anh Hai và tôi nghe xem.

Tư Lữ nói:

- Mời hai anh ra sân, em sẽ cho hai con gà đá nhau để hai anh coi. Anh Ba vô nhà sau, bê giùm em cái lồng gà ra đây.

Hai Trầu bước ra ngoài sân, ngồi dưới gốc cây me cạnh lá sum suê bên giếng nước, chờ đợi. Ba Thơm và Tư Lữ mỗi người bê một lồng gà ra. Tư Lữ đốt một nén hương, lấy vôi bột rắc một vòng trên sân để đánh dấu vòng đấu. Xong đâu đấy, Tư Lữ hô to:

- Thả gà!

Ba Thơm mở nắp lồng cho con gà lông đen tuyền ra. Đằng kia, Tư Lữ cũng thả con gà lông trắng nhỏ hơn con gà đen ra. Hai con gà trước khi đá nhau, chúng gườm nhau, kè nhau, nhìn nhau và đi vòng từ rộng đến hẹp trước khi xông vào để đá. Ba Thơm nhìn theo gật gù. Từ điểm này, ông rút ra một điều: Người võ sĩ phải luyện tập cặp mắt thật sắc bén để đánh giá đúng mức địch thủ, phải dè dặt từng bước chân, từng thế thủ trước khi giao đấu.

Hai con gà đá nhau vài miếng, bỗng con gà đen đá cả hai chân lên một lượt và dùng móng đâm vào mặt, mắt, cổ, ngực của con gà trắng. Hai Trầu giật mình, bấm Ba Thơm nói nhỏ:

- Anh thấy người luyện võ thường cho rằng *túc bất ly địa*⁽¹⁾, đứng một chân, một chân đá ra, thân thể đã mất thăng bằng rồi, đằng này con gà lại đá cả hai chân một lượt mới lẹ chớ!

⁽¹⁾ Chân không rời đất.

Ba Thơm mỉm cười, nói nhỏ với anh:

- Muốn đá được cả hai chân phải giữ được mức thăng bằng khi cả người rời mặt đất bay trong khoảng không. Hai tay phải có thể thích hợp để giữ thăng bằng, đồng thời tấn công kẻ địch. Anh nhìn mà coi, cặp cánh gà rất quan trọng trong lúc chọi nhau, vì gà dùng cánh để giữ thăng bằng. Người võ sĩ cũng vậy, tay vung ra giữ thăng bằng cho thân mình khi nhảy đá địch thủ. Tay như đôi kiếm sắc chém chặt kẻ thù. Dùng tay đỡ, gạt như người giữ cửa để hóa giải tất cả thế tấn công của địch.

Hai người quan sát thấy trên trường đấu, mỏ gà làm điểm tựa cho cặp chân vung lên. Con gà trắng đi nước dưới, thường đá móc hậu, xen vào gối gà đen làm cho gà đen dễ nghệt thở. Đúng rồi! Người võ sĩ phải dùng tất cả các bộ phận trên thân thể để chiến đấu chứ không phải chỉ dùng tay và chân. Ngón tay, ngón chân cũng phải luyện sao có thể điểm, đâm, chụp, kéo kẻ thù. Nếu gặp chỗ chật quá, tay chân dính với nhau, bằng thế công thủ, thì dùng cả miệng mà cắn yết hầu địch.

Con gà đen dùng nước kiệu, khi đá cứ xoay vòng tròn để con gà trắng theo đà nó. Nó xoay mãi đến khi con trắng sơ hở thì quay lại phản công một đòn rồi tiếp tục xoay nữa. Con trắng mệt, con đen phản công dữ dội. Con trắng dùng nước xe, đang đá bỏ chạy. Con đen đuổi theo mệt, con trắng quay lại phản công rồi bỏ chạy nữa. Khi con đen đuối sức thì con trắng ào ạt tấn công.

Tư Lữ chỉ hai con gà nói với hai anh:

- Hai anh thấy không, con gà lớn thường đá nước trên, con gà nhỏ thường chui lườn, xỏ vía, từ đó em tạo ra các thế tránh,

HÙNG KÊ QUYỀN

chạy, đá, hụp, lặn... Thấy con gà hay đá những chỗ nhược trên thân thể con gà kia, từ đó em nghĩ ra lối đánh chủ đích, chọn những chỗ hiểm trên thân thể địch thủ mà tấn công.

Ba Thơm vỗ đùi khen:

- Như vậy là trong cương có nhu, trong nhu có cương, cương nhu hòa hợp nhau. Lối quyền này đòi hỏi cả bộ pháp, thân pháp, thủ pháp, cước pháp và nhãn pháp. Chú đã đặt tên cho bài quyền đó chưa?

Tư Lữ khiêm tốn:

- Em mới phác sơ sơ thôi, mong các huynh trưởng hoàn chỉnh giùm và đặt tên cho.

Giữa lúc đó, con gà trắng giả vờ chạy, con gà đen đuổi theo nhưng đánh hụt đòn, con trắng hụp xuống né đòn và từ dưới thấp đánh bật lên. Đầu và phần cổ gà như một cái thương dài, mỏ gà là mũi thương nhọn, móng gà là tua vải ở sau mũi thương. Nhìn mỏ gà trắng cắm ngập vào cổ con đen, Ba Thơm vỗ đùi:

- Đúng là thương pháp gia truyền nhà họ La⁽¹⁾. Thưa huynh trưởng đệ xin phép đặt tên cho bài quyền của chú Tư là *hùng kê quyền*, có được không ạ?

Hai Trầu tán thành:

- Phải rồi, người xưa có hổ quyền, xà quyền, hươu quyền, hạc

⁽¹⁾ Thương pháp của dòng họ La Thành đời Đường.

quyền thì nay ta có hùng kê quyền⁽¹⁾, là môn võ riêng biệt của Tây Sơn. Nhưng chú Ba học thêm võ thuật hồi nào, mà phân tích rành rẽ về nguyên lý võ đạo như vậy?

Ba Thơm nói:

- Vừa rồi em được ông Đinh Văn Nhưng thương tình gọi đến nhà, dạy thêm cho.

Hai Trầu sững sốt:

- Ông Nhưng là người thế nào, sao từ trước đến nay tôi không biết?

- Dạ, thân sinh ông Nhưng là người gốc Ninh Bình, đã có vợ con nhưng phiêu bạt vào Đàng Trong, đi lính cho chúa Nguyễn và lấy vợ ở ấp Thời Đôn⁽²⁾, khu này toàn rừng núi. Hai ông bà sinh được hai con trai là ông Diệm và ông Nhưng và một con gái là bà Triêm. Sau một thời gian, ông trở về quê ở ngoài Bắc, để một mình vợ nuôi ba con nhỏ. Vì thế, hai anh em ông Diệm và Nhưng phải sớm bước vào cuộc sống tự lập. Các ông đi võ ruộng làm ăn sinh sống. Ông Nhưng làm nhà ở đất Thanh Liêm, sau đó lại xuống tận thôn Đa Tài, Kim Ngọc⁽³⁾, lập trại khai hoang, lấy vợ và sinh con cái ở đó. Ông Nhưng gặp được thầy giỏi truyền cho võ nghệ, nên sớm nổi danh.

Hai Trầu vui mừng:

⁽¹⁾ Hổ quyền, xà quyền, hẩu quyền, hạc quyền... là những bài quyền nghiên cứu các tư thế của các loài cọp, rắn, khỉ, hạc... áp dụng vào võ thuật. Hùng kê quyền là bài quyền Gà trống.

⁽²⁾ Nay là thôn Bằng Châu, xã Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.

⁽³⁾ Nay thuộc xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn.

HÙNG KÊ QUYỀN

- Có thể chứ, vậy mà anh về đến đầu ấp đã thấy người ta kháo nhau, chú được tiên hiện xuống truyền cho võ nghệ. Nếu vậy, để hôm nào chú dẫn cả anh đến ông Nhưng làm lễ bái sư. À, anh báo tin mừng cho hai chú biết, anh mới tìm ra con đường Thượng đạo, qua An Khê, vượt đèo Ngang, đèo Mang Giang có thể đi tắt đến tận đèo Hải Vân. Nếu ta hành quân theo con đường này thì bọn chúa Nguyễn không tài nào phát hiện được. Có lực lượng riêng, có đường hành quân riêng, lại có chú Ba giỏi về võ đạo, chú Tư rành về võ thuật tức là có cả môn võ nghệ riêng, như vậy ta đủ điều kiện để dựng cờ khởi nghĩa vào đầu xuân sắp tới. Buổi xuất quân thế nào cũng có trò đá gà làm vui và để quân sĩ theo đó mà luyện tập bài Hùng kê quyền cho tinh thực.

Ba Thơm và Tư Lữ cùng reo lên:

- Hay lắm! Hay lắm!

Trái núi phía trước giống hình con gà cồ, nghe tiếng reo của mấy người, tưởng chừng cũng giật mình muốn vươn cổ gáy.

TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN

Họ kéo vào điện Kính Thiên thì vua tôi Lê Chiêu Thống đã bỏ chạy từ lâu. Giữa điện, chiếc ngai thếp vàng trơ chổng giữa hai hàng tàn lọng ử rữ. Mặt long án trống trơn, trước lúc chạy bọn Chiêu Thống đã vét hết đồ quý vật. Tứ Linh nhìn cảnh tượng trước mắt, cười hề hề:

- Giống hết cảnh rạp hát bội khi vừa vãn hát, bác Nhưng... à quên ông đội trưởng nhỉ ? - Anh ta cười chữa thẹn - Ngần ấy năm rồi mà thỉnh thoảng vẫn cứ...

Nhưng Huy cũng cười:

- Ủ, mà coi cũng giống cảnh triều đình của gánh mình trước thiệt!

- Bác à, em đã bao năm đóng vua ngồi giữa triều đình rồi mà lần này mới được thấy cảnh triều đình thật đó. Bác theo nghề tổ lâu, bác đã thấy chưa?

- Ấy hồi trẻ, có một lần tôi được vô hát trong cung chúa Nguyễn. Mắt cứ choáng lộn lên vì vàng son, nào có nhìn thấy gì đâu. Họ cấm không cho nhìn mặt Chúa. Họ biểu Chúa nhìn vô đâu thì ở đó phát ra lửa cháy! Chưa hát đã có mấy quan hầu ra dặn: Nhớ kỹ các tiếng húy kỵ nghe! Không được ngồi chính giữa, đi ngang qua Chúa phải cúi đầu nghe! Múa không được chỉ tay lên mặt Chúa! Không được cất chân trước Chúa và các bà Phi, hử?

TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN

Chú tính sấm vài tướng mà không dám giơ chân, đi ngang sân khấu phải cúi đầu thì còn oai phong lắm liệt cái nỗi gì! Lại phải nhớ được hết các tiếng ký húy, văn tuồng hát đến chữ ấy phải đổi chữ khác. Khi hát trống ngực đánh quá trống... châu, vì sợ “phạm tất” sẽ mất đầu, bụng dạ nào mà ngấm cảnh triều đình! Ai ngờ hôm nay lại được đứng thẳng người giữa triều đình này thiệt. Nếu không nhờ có đức Quang Trung thì...

Nhưng Huy vượt ve cây cột điện gỗ lim tầy ôm, trầm ngâm. Ông vốn là một ông Nhưng gánh hát bội huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn. Khi Nguyễn Nhạc bắt đầu khởi nghĩa ở ấp Tây Sơn, ông đã đem cả gánh hát đến xin nhập nghĩa quân. Gánh có Tứ Linh thường đóng kép chánh và bảy tám người phần lớn là học trò ông. Cũng vì sanh ở đất Quy Nhơn, *Con gái cũng biết cầm roi đi quyền* nên ông rất giỏi võ. Đã thế ông lại luyện tập để đánh võ trên sân khấu nên sức lực càng dẻo dai. Năm nay ông gần sáu mươi mà còn khỏe hơn cả trai mười tám. Ông làm đội trưởng một đội thuộc hữu quân, dưới quyền chỉ huy của đô đốc Long là đội quân tiến vào Thăng Long đầu tiên.

Tiếng ồn ào bên ngoài làm đứt mạch suy nghĩ của Nhưng Huy, ông biểu Tứ Linh chạy ra coi. Lát sau, Tứ Linh chạy vô:

- Trình ông đội, có mấy gói đồ chừng như của mẹ con Chiêu Thống đánh rớt, quân sĩ đang giành nhau.

- Chú ra truyền anh em mang vô đây để ta nộp quân khố. Đức Hoàng thượng nghiêm lệnh, ra đây không được đụng đến cái kim sợi chỉ. Nhất là tài vật trong cung đều phải dâng trình Hoàng thượng để coi có thứ gì can hệ đến đại sự quốc gia, chớ tẩu tán mà mất đầu cả đó!

Tứ Linh ra rồi cùng anh em mang vào mấy bọc lớn. Giở mỗi bọc ra, trong có mũ phượng, bào hồng, xiêm gấm, áo vóc, hài thêu, những chuỗi kim cương, hoãn mặt ngọc, vòng xuyên vàng... Mọi người cười rộ lên khi thấy trong đồng áo xống còn một bộ áo nhà Phật chi chít những chữ Phạn và dấu bùa bằng son, lại cả một chuỗi tràng hạt bằng ngọc huyền chạm trổ rất tinh vi.

- Con mụ Thái hậu này cũng mộ Phật hung!

- Mộ Phật gì! Nam mô một bồ dao găm!

- Nghe nói vừa rồi mụ cho bắt những cung nữ lấy quân tướng của Tây Sơn, ai đang có bầu bị rạch bụng ra, lại bắt cả những hoàng thân có con gái gả cho tướng sĩ ta đem chặt chân rồi quăng xuống giếng!

- Ác đến vậy kia à? Minh mà rượt theo tóm được đúng con mụ ấy thì phải tùng xẻo mới hả!

Giở đến một bọc khác, có áo long cổn, mũ miện, đai ngọc, hốt vàng và đôi hia đỏ. Mọi người reo lên:

- Đích là lệ bộ của lão Chiêu Thống rồi!

- Sao trông những thứ này lại nhớ đến đồ tuồng trước đây thế không biết! Lâu nay không được hát cứ nhớ nhớ thế nào ấy.

- Ồi dào, bấu gì cái nghề xướng ca vô loài.

- Sao lại xướng ca vô loài? Nghề của ông cha mình thì mình phải giữ lấy! Với lại hát bội cũng có cái hay của nó chứ. Thiếu gì tích tuồng răn người trung với nước, nghĩa với bạn. Như cái

TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN

pho Sơn Hậu ấy.

- Nói đến Sơn Hậu thì phải nhắc đến vai Tử Trình của bác Nhưng...

- Còn vai Đồng Kim Lân thì không ai bằng anh Tứ Linh đây. Tôi nhớ cái lớp *Đồng mẫu thượng thành*⁽¹⁾ anh Tứ Linh thán hai câu: *Mặt nhìn tường tận, Thân lạc mã an*⁽²⁾ nghe thống thiết đến chảy máu ruột, tôi ở trong nghề mà cũng không cầm được nước mắt...

Nghe câu khen ngợi của người đàn em, Tứ Linh bỗng lặng người... Ừ, kể cũng lạ. Trước mình sắm vai chỉ là quen nghề, học được những miếng *đắc truyền* của các ông thầy. Đôi khi mình vận vào cảnh ngộ của vai tuồng, nên cũng có chỗ làm cho người coi mủi lòng rơi lệ. Nhưng nhiều chỗ nó cũng chai đi, đóng cứ nhạt hoét. Từ ngày đi theo nghĩa quân, mình thôi nghề, vậy mà càng ngày mình lại càng nhập vai các võ tướng trung nghĩa, mới kỳ chớ! Đến lúc mình đã biết xúc động trước cái chết của bạn đồng ngũ như Đồng Kim Lân, biết căm giận trước cái dâm bạo của lũ gian tà như Hoàng Phi Hổ, đã sống trong cảnh ngộ Trương Phi thét võ cầu Trường Bản hay Mạnh Lương trộm ngựa Vạn Lý Vân... thì éo le thay mình lại không được sắm tuồng nữa.

Nhiều lúc nghe trống thúc quân gọi lại tiếng trống tuồng, bỗng nhớ nghề vô cùng. Lâu ngày không tập, điệu bộ có đẹp như ngày trước không. Quen thét đến khản cổ trong làn khói đạn khét lẹt, không biết “hơi hám” độ này ra làm sao. Có khi sẵn

⁽¹⁾ Lớp giặc đưa mẹ Đồng Kim Lân lên mặt thành dọa Kim Lân nếu không đầu hàng sẽ giết bà mẹ.

⁽²⁾ Người té xuống ngựa.

ngọn giáo trong tay, cũng theo thói quen xóc giáo rồi đá giáo xoay một vòng hát một câu *khách* hay *tẩu mã* cho đỡ nhớ! Bổng Tứ Linh thốt lên:

- À, hay bọn mình sẵn đồ lớp đây hát lại cái tích *Sơn Hậu* cũng khoái! Vui một chút, ăn mừng đại thắng mà!

Nhưng Huy gạt đi:

- Chú này lại nổi máu nghề nghiệp rồi! Bây giờ có phải đào kép nữa đâu mà lúc nào muốn hát thì hát. Quân cứ lệnh, lính cứ truyền. Vừa vào đất giặc, lạ nước lạ cái, chưa gì đã bày trò hát xướng, có dễ đâu bằng củ chuối!

- Thì mình cứ cắt người canh gác rồi hát chơi một lúc đã sao. Mình đi trước những hai ngày kia mà, có lẽ lắm thì cũng đến mai đức vua Quang Trung mới nhập thành. Bác chiều anh em một chút, hát mấy câu cho đỡ nhớ nghề tổ.

Nhưng Huy khẽ vuốt chòm râu ngả màu muối tiêu nhìn những bạn đồng ngũ và đồng nghiệp. Ông rất thông cảm với nỗi nhớ nghề của họ. Nhưng nhớ ra...

Bổng từ xa có tiếng trống nổi lên. Lạ một điều, không phải trống ngũ liên trẩy quân, mà cứ ba tiếng một, thỉnh thoảng lại thỉnh thùng thỉnh như điểm cho tiếng hát. Nhưng Huy cố lắng tai nhưng vẫn không nghe rõ tiếng hát, chỉ có tiếng trống thật là nhịp nhàng. Ông nhớ đến tiếng trống điểm nhịp hát bội trước đây... Nhìn thấy mắt anh em bỗng dờ dại đi theo với từng nhịp trống, ông bỗng nói nhanh như để không kịp đổi ý:

- Ờ thôi, tôi nể các chú lắm đấy, không khéo tội vạ lại đổ cả

TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN

lên đầu tôi.

Ông thở dài, cắt người ra canh gác bốn phía cẩn mật, rồi bàn với anh em việc cắt vai. Vai Đồng Kim Lân dĩ nhiên là Tứ Linh thủ, vai tuồng ruột của anh. Vai Linh Tá trước của Đỗ Kiện, nhưng anh ta đã tử tiết trong một trận đánh quân chúa Nguyễn trong Gia Định, nên Nhưng Huy phải sắm thay. Họ lượm một số quần áo của bọn Chiêu Thống mặc thay đồ tuồng.

Bắt đầu hát lớp “đưa đèn”, Kim Lân tay ôm một bọc vải giả làm ấu chúa, đang lạc bước giữa rừng khuya thì bỗng thấy một hình người phủ tấm vải trắng lên đầu, cầm đầu lâu trong tay. Ngọn đèn mới hiện ra, Kim Lân nghe văng vẳng đâu đây một giọng nói quen thuộc. Khi nghe hồn ma lên tiếng: “Em đây biểu tự Khương Linh Tá”, thì Kim Lân mơ màng như bạn còn sống và lòng thương tiếc tình bạn cao cả khiến anh quên tất cả mọi nỗi âm dương cách biệt quên cả Khương Linh Tá bây giờ chỉ là một hồn ma hiện, anh liền giang hai cánh tay mừng rỡ ôm choàng lấy bạn. Nhưng hỡi ơi! Kim Lân chỉ ôm được làn gió thoảng mà thôi. Rồi tiếng bạn lại mơ màng thoát sang phía khác. Kim Lân quay người lại, thấy ngọn đèn chấp chới trước mắt liền lê chân hia theo hướng đó mà lần tới...

Lúc nhìn thấy ngọn đèn, Tứ Linh mừng rỡ tưởng như trước mắt mình không phải là Nhưng Huy mà đó chính là Đỗ Kiện. Nỗi đau đớn tiếc thương người bạn đã hy sinh khiến Tứ Linh càng diễn càng nhập vai đến nỗi người coi đều lặng đi vì xúc động. Ngay cả đến Nhưng Huy cũng sững sờ bối hối, hát câu:

Anh hỡi Đồng Kim Lân, tạc đá thủy chung, Núi hẻm hang cùng không bỏ bạn.

Em thật Khương Linh Tá, vẹn thể sinh tử, đèn hồng non thắm quyết theo nhau...

Ông suýt trật nhịp.

Đến lớp triều đình của bọn Tạ Thiên Lăng. Lẽ ra Thiên Lăng phải ngồi lên ngai, nhưng người đóng vai ấy giấy nấy không dám vì sợ phạm tội bất kính. Cuối cùng, phải khiêng mấy cái hòm ở gian bên sang chống lên cho Thiên Lăng ngồi.

Đang hát, Nguyễn Huệ từ ngoài sừng sững đi vào. Cả đám vua quan trên sân khấu hoảng hốt cứ để nguyên cả quần áo, lạy rạp xuống không dám ngẩng đầu. Nguyễn Huệ nghiêm nghị:

- Giỏi thật! Vừa nhập thành chưa gì đã bày trò hát bội với nhau! Đội trưởng đâu?

Nhưng Huy ngẩng đầu lên:

- Tâu Thánh thượng, tiểu tốt tội đáng muôn chết. Cúi xin lượng thánh rộng thương, trước khi trộm phép cho anh em bày cuộc vui đôi chút, tiểu tốt đã cho quân canh gác nghiêm mật rồi đấy ạ. Tâu Thánh thượng, tiểu tốt cũ ngõ...

- Các người ngõ ta chưa nhập thành kịp chớ gì! Tội trể nải việc quân, bày trò vui chơi, theo quân pháp đáng phải chém đầu. Nhưng nghĩ tình các người truy tùy đã lâu, ta cũng khoan cho. Thôi, hãy bình thân!

Cả bọn lớp ngóp lạy tạ rồi đứng dậy. Nguyễn Huệ lại phán:

- Ta đã cho người rượt theo tàn quân Tôn Sĩ Nghị và vua tôi Chiêu Thống cùng canh gác bốn mặt thành chu đáo. Cũng đã

TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN

treo biển chiêu an, khuyên dân cứ ăn Tết vui vẻ. Đấy, ta đã đoan với các người khi ở Nghệ An, mừng năm sẽ ăn Tết ở Thăng Long, có đúng như vậy không? Đi đường, ta thấy quân sĩ quê ở Đàng Ngoài bày ra cách hát trống quân để vui mà đi được lẻ. Khi qua làng Phú Nhiêu, dân làng lại soạn ra điệu múa bài bông, đem múa mừng quân ta... Nhân dịp này, ta cũng phải đem chút quà cây nhà lá vườn là môn hát bội Đàng Trong ra đáp lại tấm lòng bà con Đàng Ngoài chứ... Các người cứ hát tiếp đi, để ta coi có thể lập một đội hát bội giúp vui cho bà con trong dịp Tết đại thắng này được không?

Tuồng lại được hát tiếp. Thấy vai Thiên Lãng không dám ngồi lên ngai, Nguyễn Huệ giục:

- Thì cứ ngồi lên ngai mà hát cho đàng hoàng có được không?

Tị Thiên Lãng run sợ rồi cũng trèo lên ngai. Nguyễn Huệ cười:

- Vua thì phải oai vệ chứ ai lại sợ sệt như vậy! Các người cứ coi ta như mọi người đi coi hát có được không. Ta đến đã lâu rồi, thấy các người đang hát nên bảo quân hầu đừng làm kinh động để ta coi cho thỏa thích. Đến lúc thấy cái chú kia - Nguyễn Huệ chỉ người đóng vai Lôi Nhược - diễn nhạt quá cực chẳng đã ta mới phải vô góp ý. Lôi Nhược gì mà lại ỉu xiu thế! Phải như thế này nè - Nguyễn Huệ làm điệu bộ nhướng mày, trợn mắt, nhếch mồm. Mọi người cất tiếng cười nhưng nhớ ra lại vội lấy tay bịt miệng vì sợ mạn thượng, Nguyễn Huệ cả cười:

- Cười to lên, cười lên cho sáng khoái, mấy khi những người áo vải chúng ta được cười vang giữa hang ổ của bọn vua quan bán nước? Coi các chú hát ta bỗng nảy ra một ý này. Tội gì ta cứ

phải hát toàn những tích về bọn vua Tàu quan Tàu, cái bọn mà bao đời nay chỉ rình ăn cướp nước ta. Vừa rồi, nhân gặp La Sơn phu tử ở Nghệ An, ta hỏi liệu sau khi thắng trận rồi ta có thể tự túc được mọi thứ khỏi phải mua của Tàu không. Phu Tử đáp: “Chỉ có thuốc Bắc là còn phải mua của Tàu thôi”. Nhưng ta còn nghĩ thêm, cả cái món tuồng Tàu cũng dần dần phải được thay bằng tuồng ta. Ước gì có được nhiều người soạn những tích về gương anh hùng chống ngoại xâm của dân ta từ bao đời nay, để khích lệ lòng người thêm tự hào về ông cha oanh liệt và nhắc nhở người sau phải ráng nối chí người xưa. Việc ấy ta giao cho chú Huy đây lo liệu rồi trình với ta sau. Bây giờ các người lại hát tiếp đi, ta sẽ đích thân đánh trống cho mà hát.

Mọi người lại hát tiếp lớp Phàn Diệm xuất quân. Quân sĩ khiêng vào mười bảy cái trống đặt trước điện. Nguyễn Huệ xắn tay áo, bước tới nhìn qua mười hai cái trống trước mặt và năm cái sau lưng. Rồi Nguyễn Huệ bắt thần húc đầu vào một cái trống ở giữa, hai cùi chỏ thúc vào hai cái đặt hai bên hông, hai gót chân đá vào hai cái đặt ngoài cùng, cả năm cái trống phía sau đều vang lên những âm thanh dồn dập của khúc “hành quân”. Tiếp đó, Nguyễn Huệ dùng toàn thân từ đầu, tay, chân, cùi chỏ, đầu gối, gót... đánh đủ bộ theo ngón võ như một võ sĩ đang múa một bài quyền. Trống to nhỏ khác nhau đa bịt cái dùn cái thẳng khác nhau, nên tiếng trống cũng to nhỏ, trầm bổng tùy theo cung bậc.

Nghe tiếng trống nhạc võ Tây Sơn vô cùng hùng dũng do chính tay chủ soái gióng lên, mọi người đều thấy máu chạy rần rần trong huyết quản. Họ như được sống lại giờ phút giao tranh ác liệt trong trận đánh đồn Khương Thượng vừa rồi. Tiếng trống

TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN

nhịp theo từng điệu bộ múa, hát, đi, đứng, đánh võ của các vai trên sân khấu. Tiếng trống vang rung động lòng người thêm ngây ngất trước niềm vui đại thắng.

Viên tùy tướng của Nguyễn Huệ nói nhỏ với người bên cạnh:

- Trong trận đánh đồn Hà Hồi, khi chủ soái cho gióng trống nhạc võ, do trống có mười bảy âm vực khác nhau, nên bọn quan quân Tàu trong đồn tưởng là có nhiều cánh quân ta từ khắp các ngả kéo tới vây đồn. Bọn chúng hoảng hốt mất tinh thần chưa đánh mà đã tan vỡ...

Qua nhịp “hãm thành”, chuyển sang nhịp “khải hoàn”. Nguyễn Huệ bỗng dừng đánh trống, cất tiếng cười vang như sấm động. Tưởng chừng con rồng đá trước điện Kính Thiên cũng giật mình ngơ ngác vì tỉnh giấc mộng ngàn năm. Phía xa, cây cờ đỏ vừa được cắm lên cột cờ, như một cánh đào lớn trong độc bình đón chào mùa xuân Kỷ Dậu.

NGƯỜI VÀ LUẬT

Một hôm, theo lệ thường quan Hàn lâm thị độc kiêm mật trực thụ thư Lê Công Miễn vào giảng sách cho Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ nghe, ông thấy nét mặt Vương có vẻ không vui. Ông kính cẩn:

- Tâu Vương gia, chẳng hay có chuyện gì mà long nhan lại có vẻ kém vui. Vương gia cớ thế cho kẻ thần hạ này được biết không ạ?

Nguyễn Huệ thở dài nói:

- Khanh là bề tôi tâm phúc từ hồi mới khởi nghiệp, ta hết sức tin cậy nên mới dám ngỏ điều tâm sự cho khanh biết. Vừa rồi ta nhận được mật tấu của Ngô Văn Sở cho biết có một bọn quan lại nhà Lê âm mưu chống lại quân Tây Sơn đang đóng ở Bắc Hà, bọn này đã bị bắt giam vào ngục. Nhưng sau đó viên quan coi giữ hình ngục đã tự tiện tha cho bọn chúng ra. Ngô Văn Sở cho điều tra thì biết trong số đó có tên quan Đốc Chiên đã dâng 100 thoi vàng mua chuộc, hối lộ cho ngục quan. Ngô Văn Sở lại cho đòi ngục quan đến để tra xét thì viên đó khai rằng: Chính bà Chiêu Nghi⁽¹⁾ thân mẫu vua Vương phi Ngọc Hân đã đứng ra xin tha cho bọn quan lại nhà Lê. Bà nói là cứ yên tâm, đã có Vương phi ở bên trong nói lót với Vương gia rồi. Vì sợ uy thế của bà

⁽¹⁾ Tức bà Nguyễn Thị Huyền, vợ vua Cảnh Hưng, mẹ Ngọc Hân, người làng Phù Ninh, huyện Gia Lâm (nay thuộc Hà Nội).

NGƯỜI VÀ LUẬT

Chiêu Nghi nên ngục quan mới phải tha.

- Tâu Vương gia, việc này Người định xử trí thế nào?

- Cứ theo ý khanh thì nên xử ra sao?

Lê Công Miễn ngần ngại:

- Việc này là việc trong nhà, thần hạ là người ngoài không dám dự bàn, xin Vương gia cứ cho biết thánh ý...

Nguyễn Huệ khẳng khái:

- Tuy là việc trong nhà ta, nhưng lại liên quan đến việc nước. Quốc pháp vô thân, dù là người nhà nhưng phạm tội cũng không thể tha thứ được. Nếu không trị người trong nhà trước thì sau này còn trị nổi ai nữa. Ta vừa cho đòi Vương phi Ngọc Hân vào, hỏi sao lại bao che cho mẫu thân làm rối loạn phép nước. Phi thưa là không hay biết gì chuyện ấy. Mặc dầu như vậy, ta cũng ra lệnh đánh Phi 20 dùi để trừng phạt, làm gương cho người khác, Phi đã vui lòng nhận chịu hình phạt không hề phản nản oán thán, coi như là chịu tội thay cho mẹ và để giúp ta giữ cho chính lệnh được tôn nghiêm. Ta rất bằng lòng về cử chỉ thẳng thắn đó, nhưng cũng không khỏi áy náy vì từ ngày ở Thăng Long về Phú Xuân này, mối tình của Phi với ta rất mực nồng nàn...

Lê Công Miễn buồn rầu:

- Tâu Vương gia, người có cho phép thì thần hạ mới dám nói. Sở dĩ có những chuyện rắc rối ấy vì trước đây Trung ương Hoàng đế⁽¹⁾ không đặt ra pháp lệnh, điều ước. Thế nên việc thưa kiện

⁽¹⁾ Tức Nguyễn Nhạc.

đều do Vương gia phân xử bằng miệng, có tội thì phần nhiều dùng đòn đánh để trừng trị. Bầy tôi ở trong hay ngoài đều sợ oai của Người không dám can tội hối lộ. Thế nhưng Bắc Hà ở xa. Người không thể có mặt ở ngoài đó để trực tiếp phân xử, do đó mới có chuyện hối lộ, nhất là người đưa đất lại chính là thân nhân của Người. Người nghiêm trị việc này là cần thiết, nhưng muốn cho chính lệnh được thông suốt từ Bắc chí Nam, thì phải đặt ra một bộ luật thống nhất lưu hành khắp chốn, bất kỳ quan hay dân ai phạm điều luật đều phải trị theo đúng luật. Nếu không có luật thì sự phân xử, khi thì khoan hồng quá đáng, khi thì lại tùy tiện và khắc nghiệt. Thần hạ từng thấy bọn quân sĩ bên dưới, mới thấy tổ cáo kẻ nào là trộm cướp đã đem chém đầu liền, chẳng cần đợi xét xử lời thối. Điều đó đã khiến cho yên bình một vài nơi trong một thời gian, nhưng nếu muốn giữ cho ổn định lâu dài thì luật pháp phải được mọi người tuân thủ, không dám làm trái.

Nguyễn Huệ thầm nghĩ: điều Lê Công Miễn nói quả là sự thực. Trong khi xét xử, nhiều khi ông cũng tỏ ra khoan hồng quá mức. Một hôm, trên đường qua Nghệ An, ông đã gặp một bọn người đông đến vài chục. Chúng không mang hành lý, mỗi đứa chỉ nâng một ống sáo trúc lên thổi say sưa. Ông cho quân dừng lại hỏi. Chúng thưa: “Chúng tôi là dân buôn bán, đi qua đường hẻm, bị giặc Nguyễn Tân chặn cướp mất sạch, đành tìm nghề đàn hát kiếm tiền để tìm về quê”. Thấy vậy, ông cho phép chúng đi cùng đoàn với nghĩa quân như lời chúng cầu xin. Ông cũng biết Nguyễn Tân là tên sinh đồ chống lại nghĩa quân, thường làm điều bậy bạ, cướp của giết người. Nếu để người dân lành đi chạng đường dài mà không có sự bảo vệ thì rất nguy hiểm.

NGƯỜI VÀ LUẬT

Bọn người thối sáo theo nghĩa quân đến tận địa phận Quỳnh Lưu không có chuyện gì xảy ra cả. Nhưng đến nơi hiểm trở, chúng bèn lén rút dao giấu trong người đâm chém loạn xạ, hòng ám hại ông. Bắc Bình Vương đã cảnh giác. Chúng chưa kịp trở tay đã bị bắt giữ không sót một mống. Thì ra chúng chính là đảng giặc của tên Nguyễn Tân trá làm nạn nhân để đánh lừa và lợi dụng lòng thương người của Bắc Bình Vương toan làm việc đen tối.

Vương cho gọi Nguyễn Tân lại, cười hỏi:

- Sinh đồ sao lại thành đồ sinh⁽¹⁾ bậy thế?

Nguyễn Tân run sợ, cắn cỏ xin tha tội chết. Vương mở lượng khoan hồng, tha cho và khuyên hấn nên về quê quán gắng học thành tài ra giúp nước. Nhưng Nguyễn Tân lại lén lút thu thập tay chân để chống phá nghĩa quân. Chúng vẫn chặn các hẻm đường hiểm yếu, đánh giết người đi lẻ và những tốp nghĩa quân. Chúng còn chia nhau đục các con thuyền thông tin giữa hai miền, gây khó khăn cho việc chỉ huy trong cả nước. Một lần, chúng vừa chặn tốp nghĩa quân ở nơi đất hiểm thì đại quân âm thầm kéo đến. Cả đảng giặc bị đánh tan tác. Riêng Nguyễn Tân bị đội quân voi của Bắc Bình Vương dùng vòi cuốn lên cao và bắt về nộp Vương. Vương nhận ra Nguyễn Tân chính là tên sinh đồ mà mình đã một lần tha chết. Ông vẫn ôn tồn hỏi hấn:

- Sinh đồ lại sinh chuyện nữa sao? Con nhà chữ nghĩa mà không biết lẽ phải à? Hãy về quê quán chăm chỉ làm ăn. Nếu tốt, ta sẽ cất nhắc. Bằng không thì một thanh gươm của thủ hạ ta

⁽¹⁾ Chơi chữ: *sinh* đồ tức tú tài đời Lê, *đồ* sinh có nghĩa là giết hại sinh mạng người.

cũng đủ làm rơi đầu nhà ngươi. Thôi, cho ngươi về suy nghĩ thêm.

Tên sinh đồ Nguyễn Tân vâng vâng dạ dạ lủi thủi ra về. Nhưng hấn chứng nào vắn tắt ấy, Nguyễn Tân lại tụ tập bè đảng quấy rối nghĩa quân, phá hoại đời sống yên lành của lương dân. Nhân dân Quỳ Hợp đã đứng lên trừng trị bọn giặc cỏ và chém chết tên sinh đồ ngu xuẩn.

Nguyễn Huệ cân nhắc: Giữa việc một số nghĩa quân mới thấy tổ cáo là trộm cướp đã chặt đầu, và việc mình khoan hồng tha tội cho tên tướng cướp để sau đó hấn lại “ngựa theo đường cũ”, cần phải có một giải pháp hợp lý, đúng đắn nhất. Việc soạn một bộ luật thống nhất có thể giải quyết được tình trạng ấy; nhất là trong lúc quân Thanh xâm lược kéo đến Bắc Hà, mình chuẩn bị lên ngôi hoàng đế để đem đại quân ra Bắc đánh giặc, việc ban hành luật lại càng cấp thiết.

Ngay đêm ấy, Vương cầm bút thân thảo tờ sắc lệnh gửi cho các tướng ở Bắc Hà:

“Bởi sắc lệnh này, ta cho các tướng đại tư mã, đại đô đốc và các võ quan khác biết rằng từ trước tới nay, các vua chúa đều lấy luật pháp để cai trị thần dân và duy trì hòa bình, nên ta cũng noi gương các vị tiền bối mà đánh dấu ngày khởi đầu triều đại ta bằng cách soạn ra một bộ luật để dân chúng sống trên đất đai ta nghiêm ngặt tuân theo. Vì thế, ta đã giao cho các quan tư pháp và tham chính viện nhiệm vụ hoàn thành bộ luật đó trong một hai tháng. Trong khi chờ đợi bộ luật đầy đủ, ta tạm thời ban hành 5 điều luật chủ yếu cho quân đội thời chiến”.

Viết xong tờ sắc lệnh. Vương suy nghĩ: có thể giao cho ai

NGƯỜI VÀ LUẬT

công việc soạn luật được. Bùi Văn Nhật tuy đang là hình quan, lại là em dì bào với Phạm Hoàng hậu⁽¹⁾ nhưng ít đọc sách vở, không am tường luật của các triều đại ở nước ta và ở Trung Quốc, không thể giao cho việc biên soạn. Chỉ có Lê Công Miễn⁽²⁾ tuy không đỗ đạt gì nhưng học rộng đọc nhiều sách, có thể làm được công việc ấy. Vương viết tiếp liền một tờ chiếu bổ nhiệm Lê Công Miễn đứng đầu nhóm biên soạn luật.

⁽¹⁾ Vợ cả Nguyễn Huệ, người ở Quy Nhơn, sau được phong Chính cung hoàng hậu (Ngọc Hân là Bắc cung hoàng hậu). Mẹ Quang Toản.

⁽²⁾ Lê Công Miễn sinh năm 1740 tại làng Phú Nhơn (nay là Luật Chánh, xã Phước Hiệp) huyện Phước Vân, tỉnh Bình Định, theo Tây Sơn từ năm 1784, sau làm Hình bộ Thượng thư dưới triều Tây Sơn, có biên soạn bộ *Hình thư*. Ông mất năm 1800.

BÁNH TRÔI NƯỚC

Đoàn tuế cống sứ ấy từ Yên Kinh về đến Thăng Long vào buổi đầu xuân năm Giáp Tuất⁽¹⁾. Mấy tháng liền vất vả đường trường, họ nghỉ ít hôm cho lại sức để còn đi tiếp vào Phú Xuân phục chỉ. Vả chẳng cũng cần có thì giờ để dinh trấn Bắc Thành kịp phi báo cho các trạm dọc đường thiên lý sửa soạn cang, ngựa đổi nhau và những đồ nhu dụng cung đốn. Ra giêng trời lại mưa phùn, cũng phải nán lại qua cỡ mưa này. Trong nhà công quán vắng ngắt, đầu năm mới ít ai có việc trên trấn thành. Sứ bộ cứ ăn xong lại ngồi suông nhìn mưa mãi cũng buồn. Suốt ngày khói thuốc lá tambacô⁽²⁾ mù mịt trong phòng, tiếng quân cờ xương chí chát, tiếng gảy tiền phán thán xúng xoảng, họ cần bày trò chơi cho khuây khỏa nỗi nhớ nhà. Phần lớn họ là người Đảng trong, không quen thuộc mấy ở Thăng Long, nên cũng chẳng muốn đi đâu. Dù mười hai năm đã qua từ khi Gia Long lấy được đất Bắc, họ vẫn dè dặt khi tiếp xúc với dân “nước” Bắc Hà, vì e nhân tâm còn chưa phục. Khi cần mua bán, họ chỉ cần rảo qua phố rồi sắp mải về ngay.

Nhưng quan Chánh sứ Nguyễn Du thì lại khác. Ông tuy người Nghệ An⁽³⁾ nhưng đã ở Thăng Long suốt một thời trai trẻ. Thật là dịp may thăm lại người xưa cảnh cũ. Lần trước ở Kinh ra, vì nhật kỳ đã gấp nên ông không nán lại được lâu.

⁽¹⁾ Năm 1814.

⁽²⁾ Xưa phiên âm chữ tobacco, một loại thuốc lá nước ngoài.

⁽³⁾ Thời Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân thuộc tỉnh Nghệ An.

BÁNH TRÔI NƯỚC

Sáng nay ông đã tính đi chơi, nhưng vì trời mưa nên phải ở nhà. Ông liền mang quyển truyện ngẫu nhiên mua được ở một cửa hàng sách bên Hàng Châu ra đọc thử. Sách đã mất bìa, trang đầu, giữa là mấy chữ *Phong tình lục*, trên, dưới hai hàng chữ nhỏ *Thanh tâm tài nhân biên thứ* và *Ngũ vân lâu tàng bản*, mỗi bề hơn kém một gang tay, in thạch bản dòng mười, mỗi dòng hăm năm chữ.

Đọc một hồi, thì ra truyện Vương Thúy Kiều này, ông đã thấy trong *Kỷ tiểu trù Từ Hải bản mạt* của Mao Khôn, một mặc khách trong dinh Hồ Tôn Hiến. Thì ra Thúy Kiều là một người có thực, nhưng theo sự ghi chép của Mao Khôn, thoát vào đầu Thúy Kiều đã là con hát, sau lấy Từ Hải, được Hồ Tôn Hiến dụ hàng, đến khi nàng nhảy xuống sông Tiền Đường là hết chuyện. Thanh Tâm tài nhân thì tả Thúy Kiều từ khi còn phong gấm rủ là, đi thăm mộ Đạm Tiên, gặp Kim Trọng, bán mình chuộc cha, lọt vào tay Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hoạn Thư, Bạc Bà, Bạc Hạnh... rồi mới gặp Từ Hải. Sau khi nhảy xuống sông Tiền Đường, lại còn thêm một đoạn tái hồi Kim Trọng. Phải nhận rằng Thanh Tâm tài nhân đã thêm vào nhiều sự việc có từng lớp hằn hoi lại ly kỳ lắt léo. Văn chương thì tầm thường thôi nhưng không hiểu sao ông cảm thấy day dứt trước cảnh ngộ trở trêu của Thúy Kiều đến thế. Bỗng ông nảy ra ý định trong những ngày nhàn rỗi ở công quán, sẽ diễn truyện này ra nôm cho đỡ sốt ruột chờ đợi buổi lên đường.

Nguyễn Du nhìn ra phía ngoài. Mưa đã tạnh, rặng liễu trước chùa Quán Sứ khô hết nước đang bay phất phới trước gió xuân như ganh với cành phan ở cổng chùa. Có tiếng người cười nói. Thiện nam tín nữ tấp nập đi lễ Thượng nguyên. Những cô gái

nón quai thao tua cũng bay như lá liễu; tay giữ quai nón, tay kia vung vẩy, văn hài rón rén trên lối cỏ xanh. Thấy có chàng trai đi tới, cô yếu điệu nấp sau bà mẹ mặc áo ngoài tam giang trong lót nền hồ thủy, vừa đi vừa lăm nhăm nam mô, tay lần tràng hạt trước ngực. Tiếng xà tích bạc lách cách như tiếng nhạc ngựa... Cây đại trước chùa nở hoa trắng, mùi hương man mác quyện vào tà áo các cô gái đang bay lên như những câu thơ... Bỏ qua đoạn lung khởi, ông viết ngay vào đoạn ông cảm hứng nhất, từ mùa xuân tình ái đầu tiên trong đời Kiều:

Ngày xuân con én đưa thoi

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh rợn chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Ông dừng bút dẫn đo. Nguyên văn tả Kim Trọng từ trước đã chờ chực lúc Thúy Kiều ra vào để được gặp nàng, như thế mất cả ý vị. Phải để Thúy Kiều thấy mộ Đạm Tiên đã rồi hãy gặp Kim Trọng, sau khi nhìn cái gương bạc mệnh sờ sờ trước mắt, nàng lo lắng cho thân mình về sau, nên lúc thấy bóng dáng của tình yêu, của hạnh phúc, nàng muốn nắm bắt lấy ngay, như thế vừa đúng tâm lý mà văn chương cũng có chỗ khởi, phục, đóng, mở, thu hút được người đọc. Ông đọc lại thấy nguyên văn tả cái buổi ban đầu lưu luyến thô kệch vụng về quá; lại để chị em Thúy Kiều về nhà treu đùa gán ghép cho nhau đến là dơ dáy đại hình.

Bỗng mắt ông sáng lên. Ngọn bút lại tung hoành trên mặt giấy như vó ngựa dập dồn. Những nét chữ xương kính hiện ra như dấu ngựa in trên đường. Bút dần dần đi chậm lại kiểu *lỏng*

BÁNH TRÔI NƯỚC

buông tay khấu bước lần dặm băng. Màu trắng của ngựa, màu xanh của áo... nổi bật trên nền trời buổi hội ngộ đầu tiên để lại một dấu vết suốt đời không phai nhòa được...

Đọc lại, ông sửng sốt thấy không phải là Kim Trọng mà là chính ông đang dạo bước qua đền Bích Câu. Chiếc lá đỏ trôi theo ngòi biếc, như một bài thơ hẹn ỡm ờ. Mái đền rêu mốc cong cong như nghiêng xuống, đáng Tú Uyên chờ đợi một Giáng Kiều nào. Trong đền nghi ngút khói hương mừng tượng xiêm áo của nàng. Một đám mây là là xuống thấp, có phải Giáng Kiều xòa tóc xuống để ông bấu theo mà bay lên trời?

Hay đó là hồn thơ nâng ông bay lên cao:

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha
Kiều từ trở gót trướng hoa
Mặt trời gác núi, chiêm đà thu không
Gương nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân
Hải đường lả ngọn đông lân
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà*

Ngọn bút ông căng như một cành cây trĩu nhựa. Bóng hoa ngoài cửa sổ chập chờn trên mặt giấy ngà hoa mộc, hay là những chữ nở hoa dưới nét bút đắm mực gieo xuống giấy như những giọt sương. Không biết là dòng thơ hay chính mùa xuân đã làm cho ông ngây ngất.

Đến đoạn sau, đọc lại nguyên bản thì thấy viết:

"... Kim Sinh thấy cô trốn nấp, nhân nói nhử cô rằng:

- Đã là của tiểu thư thời tôi dám đâu không trả. Song tiểu thư cần xem cho kỹ thì mới khỏi lầm.

Cô kia ở bên tường lại nói:

- Thoa của cháu là thoa kim phụng, trên có ba viên bảo thạch chín hạt trân châu, không cần xem nữa, chính của cháu rồi.

- Cô nói thế quả không sai, lẽ tôi phải đưa trả. Nhưng cũng phải trao tay cho cô thì mới ổn chứ!

Người con gái ấy nghe nói đến đó, đứng nghĩ một hồi, không biết làm sao, đành phải đứng lộ ra nửa mình, và rạ mặt mà nhận. Kim Sinh thấy chính là Thúy Kiều, lòng mừng hí hửng, bèn nói:

- Thoa này thế ra là của Vương tiểu thư đánh mất, mà tôi lại may mắn bắt được! Khiến tôi lại nhờ nó mà thấy được phương dung, thật là hạnh phúc quá!

Thúy Kiều cũng biết đấy là Kim Trọng, bèn mừng thầm mà nói:

- Chàng Kim ơi, sao lại nói như vậy? Đó là may mắn cho em mà thoa ấy lại là chính anh bắt được chứ..."

Nguyễn Du bực mình gấp mạnh quyển sách. Ai lại để cho Thúy Kiều lẳng lơ dạn dĩ thế này, còn gì là đoan trang e ấp nữa. Anh chàng Thanh Tâm tài nhân mang tên tài nhân nhưng về chuyện yêu đương thì anh ta chẳng tài chút nào. Ai lại trai gái gặp nhau độc lý sự vụ, đã thế Thúy Kiều lại đẩy về dạy đời.

BÁNH TRÔI NƯỚC

Nguyễn Du nhớ lại hồi trẻ đi hát phường vải ở làng Trường Lưu, gặp một cô gái tên là Cúc, người đẹp giọng hay, tài bẻ chuyện, nhưng chỉ phải một nỗi sắp quá thì, ông đã bẻ một câu xiết bao tình tứ:

Trăm hoa đua nở tiết xuân

Cớ sao Cúc lại muộn mằn về thu

Cô Cúc đáp lại bằng một câu cũng thật là ý nhị:

Vì chưng ham chút nhị vàng

Cho nên Cúc phải muộn màng về thu...

Nhớ lại chuyện cũ, trước mắt ông như hiện ra cảnh các cô gái ngồi dựa cột nhà, mỗi người một cái xa, một chân đạp lên thoen xa, một chân co lại, tay phải quay quàng xa, tay trái cầm sợi vải đưa lên đưa xuống uyển chuyển nhịp nhàng như điệu múa. Tiếng xa vè vè với tiếng quay ro ro êm ái tạo nên một điệu nhạc trầm trầm đẽm cho câu hát du dương. Bấy giờ đêm đã khuya, không gian tứ bề im lặng. Tiếng hát mảnh như tơ giăng dài trong không gian ràng buộc hồn người. Tiếng hát “giọng cao đón gió, giọng trầm lắng sương” làm hơi thở như ngừng lại, nhịp tim đập chậm hơn, lắng sâu vào tận đáy lòng. Trai gái đắm chìm trong tiếng hát, trong nguồn yêu thương dào dạt, tưởng như chỉ có mình họ giữa trời đất mênh mông. Hồi ấy Nguyễn Du thường sang Trường Lưu chơi với Nguyễn Huy Quýnh, chú Nguyễn Huy Tự⁽¹⁾ thường được ông Quýnh dẫn đi hát phường vải. Sau buổi tối đầu tiên, từ đấy đêm nào Nguyễn Du cũng quen lệ tìm sang. Có lần

⁽¹⁾ Nguyễn Huy Tự, gọi Nguyễn Du bằng chú vợ, tác giả truyện Hoa tiên.

HOÀI ANH

nhờ hẹn không sang, thế là lần sau đến, trước khi ra về, các cô gái còn bắt ông gửi khăn áo lại làm tin. Rồi dần dần, sau các cuộc hát đối, hai cô gái Trường Lưu tên là Uy và Sạ, cùng đem lòng yêu ông, bỏ cả nghề canh cửi. Nguyễn Huy Quynh biết chuyện bèn viết thư hộ để kể lễ sự tình:

Trời làm chi cực bầy trời

Cơi trầu này để còn mời mọc ai

Tím gan đỏ hắt ra ngoài

Trông theo truông Hống dò Cài thấy đâu

Khi lên đồ rồi cho nhau

Khi về trút một gánh sầu về ngay...

Nguyễn Du cũng viết bài *Thác lời trai phường nón* để đáp lại:

Giữa thêm tần đước còn tươi

Bã trầu chưa quét nào người tình chung

Hồng Sơn cao ngất mấy trùng

Dò Cài mấy trượng thì lòng bấy nhiêu

Làm chi các cứ đến điều

Mới đêm hôm trước lại chiều hôm nay...

Lúc Nguyễn Du đang viết đây, dư âm tiếng hát xưa như còn văng vẳng bên tai:

Tai nghe câu ví như ru

Đêm thu để khiến nét thu ngại ngủ...

BÁNH TRÔI NƯỚC

Nhớ lại sau những đêm hát đối với cô gái phường vải, Nguyễn Du đã viết những lời thơ da diết:

*Tiếc thay duyên Tấn phận Tần,
Chưa quen đã lạ, chưa gần đã xa.
Chưa chi đông đã rạn ra,
Đến giờ hãy giận con gà chết toi.
Tức gan cho cái sao mai,
Thảo nào vác búa đánh trời cũng nên...*

Thế mà chỉ mấy tháng sau, cô Uy cô Sạ cũng bỏ ông mà đi lấy chồng. Thì ra ở đời cái gì đẹp cũng thường mau tàn, lúc này ông bâng khuâng nhớ tiếc thời- trai trẻ. Nhưng bóng dáng của cậu chiêu Bẫy hào hoa phong nhã nổi tiếng kinh kỳ đã bị đẩy lùi vào dĩ vãng rồi. Bữa vừa tới Thăng Long ông đã đi thăm lại nhà cũ ở xóm Bích Câu, trước có dinh thự của thân phụ ông, quan Tham tụng Nguyễn Nghiễm, ngoài cổng có đắp ba chữ lớn “Ô y hạng”⁽¹⁾. Giờ cỏ non mùa xuân đã lấp hết dấu vết lâu đài. Nguyễn Du nhớ lại cảnh kiêu binh đến phá phủ đệ để trả thù việc Nguyễn Khản, anh ruột ông, chủ mưu bắt chém bảy tên kiêu binh, chặn trước mưu mô chúng tôn phù vua Lê lấn át chúa Trịnh. Lúc này Nguyễn Du như còn nghe thấy tiếng hò hét man rợ, tiếng chân bước thành thịch, tiếng gạch đá rào rào, bức tường lão đảo rồi nặng nề vật mình xuống, bụi cát mù mịt... Tắm biển vàng “Kim Âu Đình” - ngự bút của Trịnh Sâm, bị kéo sập, đè lên những bể cạn, những núi non bộ, những đôn chậu... tiếng sứ

⁽¹⁾ Ngõ áo đen, lấy điển cái ngõ xóm nhà họ Tạ, có nhiều người làm quan đời Tấn (Trung Quốc).

vỡ lạo xạo chói tai... Chiếc sập gỗ trắc chân quỳ Nguyễn Khản từng ngồi cầm châu điểm hát trước mặt Trịnh Sâm và Đặng Thị Huệ, gãy răng rắc như tiếng sắt nghiền xương. Và nhất là hình ảnh người khách phương Bắc trấn cửa dinh, một mình chọi nhau với lũ kiêu binh, cuối cùng bị chúng vằm nát như bùn...

Một con cáo cào từ đâu bay đến đậu vào tay ông, cào cứa vào da nghe rờn rợn. Cây lau gió thổi ngả nghiêng như treu cợt. Nhớ lại câu thơ Đường: *Khả liên Vương Tạ đình tiền yến, Phi nhập tầm thường bách tính gia*⁽¹⁾. Nhưng ở đây én cũng không bay về, vì biết trước không còn chốn đậu...

Trên đường về, ông vòng lên phố Hàng Hòm định hỏi mua một cái tráp sơn then. Trước cửa lùa tầng dưới một ngôi nhà kiểu chồng hộp diêm, có một người đàn bà ngoài ba mươi, ẵm đứa con nhỏ. Khăn xô, tóc bù rối nhưng lại mặc áo hồng của con hát nhà quan, cũ bạc có vết xước rách. Người ấy nhìn ông trừng trừng rồi buột tiếng kêu:

- Ối kìa! Ông lớn Bấy! Sao tóc ông bạc nhiều thế này, suýt nữa thì con...

Người đàn bà đặt vội đứa trẻ xuống, toan sụp lạy. Nguyễn Du xua tay bảo đừng. Nhận ra là một người con hát cũ trong dinh của Nguyễn Úc, em ông, ông hỏi:

- Chị Hương đấy hả? Khăn ai thế?

- Bẩm ông lớn, khăn chồng con ạ. - Rồi không đợi hỏi tiếp, chị ta kể lể một thôi - Bẩm từ ngày ở cửa ông Tám con ra, con

⁽¹⁾ Dịch: Én xưa thềm cũ Tạ Vương, Bay về đậu chốn tầm thường dân gia.

BÁNH TRÔI NƯỚC

đã có người thương đến, nhờ giới cũng được ba mụn con. Nhưng mẹ chồng con không bằng lòng cho con là nhà trò con hát, bắt chồng con phải rầy. Chồng con không vâng lời thế là cự từ, không thèm nhìn mặt. Hai vợ chồng đành phải đi làm thợ sơn nuôi thân, nuôi cháu. Mới đây, anh ấy chẳng may bị bạo bệnh mà chết, con vẫn thủ tiết thờ chồng nuôi con. Chả là nhà con thường có bạn buôn đến giao hàng nhận hàng, người anh chồng con vin vào đó vu cho con là trong khi tang chồng mà chứa giai trong nhà, cáo lên cửa quan. Chung quy chỉ muốn đuổi mẹ con con ra khỏi nhà này chiếm lấy mặt cửa hàng và để hưởng hết gia tài của mẹ chồng con sau này. Chẳng biết lẽ lạt thế nào mà quan huyện Thọ Xương cho lính đến nhà, bắt con giải lên huyện về tội thất tiết làm bại hoại phong hóa. Con hỏi bọn lính có bắt được quả tang không mà lại trắng trối người ta. Chúng quát: Bất biết, lệnh quan đòi thì cứ phải lên hầu đã, rồi cứ sấn vào trối. Con liều đẩy chúng ra, hô hoán lên. Bà con phường bạn đến đánh tháo, chúng đành phải lui, trước khi về còn đe rồi sẽ biết tay. Con biết thế nào chúng cũng còn đến hành hung mà con thì thân cô thế cô chống làm sao được với lũ hùm sói ấy. Bóp đầu bóp trán nghĩ mãi con mới sức nhớ ông Tám con có thể che chở cho con, nên vội bế cháu lội tắt đồng sang tận bên Kẻ Gióng. Sang đến nơi thì bà con dạy là ông con đã vào Kinh rồi...

Đứa bé được thả xuống từ nãy đã lấy que chọc sơn son, sơn đen quệt nhoe nhoét lên mặt. Nó còn bôi tay đầy sơn vào những khay, tráp, quả đang làm dở. Nguyễn Du vội bảo chị Hương cứ bế lấy con đừng sợ thất lễ. Chị ta vừa ôm con, vừa nói tiếp:

- Thấy thế con đã ngã lòng nghĩ phen này thật hết đường trông cậy. Ai ngờ phúc nhà con còn vượng, lại gặp ông lớn đây.

Ông lớn quen biết các quan trong trấn thành, một lời ông lớn nói giúp bằng trăm ngàn lời của chúng con.

- Giá có chú Tám ở đây với các quan là chỗ thân, nói cũng mạnh hơn, còn ta chỉ là khách - Nguyễn Du ngần ngừ.

- Con cần rơm cần cỏ lạy ông lớn, ông lớn nghĩ tình tôi tớ trong nhà mà cứu giúp cho. Con tin rằng được lời ông lớn thì các quan cũng nể gia thế nhà ta mà không nỡ xử ức con.

Nguyễn Du im lặng nhìn ra đường. Tính ông vốn không thích xin xỏ cầu cạnh. *Cơ lao bất tác cầu nhân thái*, bụng đói không giở thói cầu xin người, ông đã nói ý ấy trong bài thơ *Thành hạ khí mã*. Biết mình nói có đất lời không hay lại hại thêm cho người ta. Nhà Nguyễn hay nghi kỵ con em những cựu thần nhà Lê, anh ông là Nguyễn Nễ đã từng giúp việc cho tổng trấn Bắc thành mà về quê còn bị tên tri phủ Nguyễn Văn Chiêm truy bức, tức mà chết. Cả anh rể ông là Vũ Trinh, cũng vừa bị cái án trăm giam hậu đấy thôi. Nhưng nhìn cảnh chị Hương, một đàn con thơ nheo nhóc, đứa lồi đàng trước, đứa kéo đàng sau, ông không thể cầm lòng được, đành phải nhận lời vào dinh tổng trấn. Vả chăng khi mình đi sứ, ông tổng trấn đã đặt tiệc tiễn hành, nay mình về, cũng nên vào chào cho phải phép.

Nhớ đến lời hứa với chị Hương, Nguyễn Du xếp sách vở lại, lên đường vào dinh trấn. Tới gần cửa Đông Nam, lính ở trong thấy người, thả diều kiêu cho ông qua hào. Cửa thành, hai tên lính áo vải đen trong lót vải vàng, tay chèn, khố lục thắt ngang lưng, xét hỏi người ra vào. Thấy Nguyễn Du mặc thường phục áo lương khăn lượt, chúng cầm giáo ngáng lại. Nhưng khi ông xưng chức tước là Cần chánh điện học sĩ, Du đức hầu, chánh sứ

BÁNH TRÔI NƯỚC

đoàn tuế cống sang Bắc quốc về thì chúng mặt tái như chàm đỏ, một tên vội chạy vào báo. Lát sau tên đó đã chạy như bay ra, chấp tay cung kính:

- Quan tổng trấn rước cụ lớn vào.

Nguyễn Du theo đường cửa vòm xuyên qua tường thành. Khỏi cột cờ ông qua dừng đạo thẳng tới trước điện Kính Thiên. Nhìn đằng sau thấy dấu vết một hai cung điện cũ của vua Lê nay đã đổ nát, bỗng ông cảm thấy buồn ngùi trước cuộc tang thương. Mãi nghĩ, ông không biết mình đã tới trước dinh tổng trấn. Một giọng nói ồm ồm cất lên:

- Ô kìa, quan Chánh sứ, bữa ngài hỏi quốc tôi bận việc quan nên không thân ra cửa ô nghênh tiếp được, xin ngài tha cho cái tội thất lễ.

Nguyễn Huỳnh Đức đã ra trước cửa đón. Y đã sáu mươi tuổi, tướng võ biền, trán thấp, mi mắt sùm sụp, lông mày chổi xể, đôi mắt thỉnh thoảng ánh lên những tia dữ tợn nhưng lại vụt tắt ngay. Nguyễn Du đáp lễ:

- Bẩm quan huynh, đệ mới về còn tẩy trần cho hết cát bụi đường trường mới dám vào hầu.

Nguyễn Huỳnh Đức mời Nguyễn Du vào trung đường, pha trà khoản đãi. Viên đội nhà chè bê lên một bộ ấm chén Khang Hy. Nguyễn Huỳnh Đức thân rót ra hai chén, đẩy đĩa chén về phía Nguyễn Du, mời. Nguyễn Du nhấp một ngụm, bỗng nhăn mặt. Thử trà này đúng là pha bằng siêu đồng, kim khí bị hòa khí nó hấp hơi, có mùi tanh đồng. Nguyễn Du khi uống trà tất phải tự tay pha lấy bằng siêu đất nung, có như vậy mới giữ được hương

vị.

Nguyễn Huỳnh Đức đưa đà câu chuyện:

- Ngài sang Bắc quốc có kiếm được bộ ấm chén nào cổ không? Mấy năm nay tôi cũng để ý lòng một chiếc ấm Dương Tiễn mà mãi chưa được.

- Tính tôi ưa xuề xòa nên chỉ kiếm một bộ đĩa chén sứ mộc và sách thôi.

- À sách, sách cũng hay! Trẻ nhỏ nhà tôi đang cần cái món ấy để tập làm văn bài. Nhưng phải cái loại tứ thư ngũ kinh có nhiều thể chú và chú thích của tiên nho ấy. Làm kinh nghĩa mà dẫn được điển tích nhiều thì mới dễ đỗ.

- Lần này, đệ bạn sứ sự nên cũng không có thì giờ săn tìm sách cổ. Một hôm, ngẫu nhiên đi qua một cửa hàng sách ở Hàng Châu, đệ mới mua được một quyển *Kim Vân Kiều truyện*.

- *Kim Vân Kiều truyện*? Có phải tiểu thuyết không? Nói quan huynh bỏ lỗi cho, chứ tiểu thuyết toàn là loại sách nhảm cả, người quân tử há nên để mắt tới.

- Ấy, tôi cũng chỉ định mua về cho trẻ trong nhà nó xem thôi.

Nguyễn Huỳnh Đức trợn tròn mắt:

- Ấy chớ chớ! Tôi can ngài đừng rước cái của nợ ấy về kéo hư con em trong nhà. Có sách gì mà làm *đôn nhân luân, chính tâm thuật, giới dân thức, thận pháp thủ*⁽¹⁾ thì hãy cho chúng nó đọc

⁽¹⁾ Làm luân thường ngay ngắn, tâm thuật chính đính, răn cấm chuyện dâm ô, khuyên can thận giữ phép tắc.

BÁNH TRÔI NƯỚC

chữ còn cái thứ dâm thư thì đừng.

- Không những thế mà tôi lại còn định diễn ra quốc âm nữa.

- Ngài có diễn nôm gì thì diễn nhưng cứ theo ngu ý, ngài nên diễn nôm cái sách gì khuyên dân không nên làm giặc cỏ ấy thì hay. Độ này giặc cứ như ong cả. Quan tổng trấn Nguyễn Văn Thành trước đã nhờ người làm khúc *Điểm mê* khuyên dân không nên nghe giặc nó dụ dỗ, lừa phỉnh, thì chúng lại làm khúc *Tố khuất* trả lời lại. Từ bấy đến nay, trấn quan chúng tôi cũng cạ lý đấu nhau với chúng. À hay ngài diễn nôm quách cái bộ *Đặng khấu chí* của cái nhà ông gì... môn khách quan Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị ngày trước, kể chuyện dẹp bọn giặc Lương Sơn Bạc mà lại hay. Ngài mà diễn nôm xong thì tôi xin cho khắc ván in ngay và xin biếu ngài năm mươi lạng vàng làm nhuận bút.

Nguyễn Du lắng sang chuyện khác:

- Thưa quan huynh, lần này đệ đến trước để chào quan huynh rồi về Kinh, sau có chút việc riêng nhờ cậy.

- Việc gì ngài cứ cho biết, nếu giúp được ngài, tôi đâu dám từ nan.

Nguyễn Du kể lại tình đầu nổi oan của chị Hương. Nguyễn Huỳnh Đức vuốt vuốt mấy sợi râu bạc lơ thơ:

- Việc này hơi khó đấy. Nó thuộc về huyện Thọ, huyện Thọ xử thế nào còn tư lên phủ Hoài. Phủ Hoài không xét được thì mới bẩm lên đây. Cắt tiết gà ai lại dùng dao mổ trâu. Minh chưa đợi dưới bẩm lên mà cứ từ trên gọi xuống, e có điều bất tiện.

Ngài cũng đã làm quan cai trị, ngài còn lạ gì, tình thầy trò cũng phải để cho thuộc quan dưới họ làm ăn chứ. Ấy, tôi vô biên, nghĩ sao nói vậy, ngài đừng chấp nha!

Nguyễn Du cảm thấy hơi bức mình nhưng đành phải nín lặng. Nguyễn Huỳnh Đức vỗ đùi như chột nghĩ ra:

- Ngài vừa nói mục đó trước là con hát phải không?

- Vâng.

- Chừng bao nhiêu tuổi.

- Độ hăm hai.

- Hơi nhiều tuổi chút. Nhưng không sao. Nhan sắc có khá không?

- Cũng tạm coi được.

- Còn cái khoản hát thì không cần phải bàn. Đã là ca nữ nhà họ Nguyễn Tiên Điền thì có thể tin được. Lịnh Huỳnh ngày trước là người sành âm luật lắm kia mà, bài hát nào ngài viết ra cũng được ngoài giáo phường tranh nhau truyền tụng, thì con hát nhà ngài dĩ nhiên là phải giỏi rồi. Nói thiệt với ngài, tôi cũng tính lập một đội nữ nhạc trong trấn dinh, chỗ tôi chẳng yến tiệc nhiều mà không cứ các quan Khâm mạng trong Kinh ra còn cả khách Tây dương nữa. Năm trước, đón được con Cẩm về phủ, nhưng nó già xấu quá rồi, chẳng lẽ mỗi khi ra hát lại phải lấy khăn lụa che mặt. Mà các quan bây giờ thì thanh không đủ, còn phải sắc nữa kia. Cái con Cẩm ấy lại trái tính trái nết không pha trò có duyên như ngày xưa, lại cái kính gắt gỏng không biết chiều khách, làm phật lòng các quan, tôi cũng đang tính đuổi đi... À hình như nó

BÁNH TRÔI NƯỚC

đã hầu rượu trong bữa tiệc tiễn ngài đi năm ngoái thì phải...

Nhớ trong bữa tiệc hôm ấy, Nguyễn Du đã thấy một người đàn bà gầy gò, tóc hoa râm, sắc mặt đen sạm võ vàng, áo quần vải thô bạc phếch vá nhiều mụn trắng, ngồi im lặng ở cuối chiếu chẳng hề nói cười, hình dáng thật khó coi. Nhưng đến khi tiếng đàn nguyệt trong trẻo cất lên thì mọi vật hình như thay đổi cả. Cảnh trước mắt nhòa đi, ông chỉ thấy bát trắng trên hồ Giám, một ca nữ trẻ tuổi, mặt tươi như hoa đào, mày thanh má phấn, áo hồng, quần lụa cánh trả đang gảy một khúc đàn, tiếng thánh thoát tiêu tao khác hẳn mọi khúc trên đời thường nghe. Tiếng khoan như gió thoảng qua rừng thông, tiếng trong như đôi chim hạc trên trời xa thẳm. Tiếng mạnh như sét đánh tan tấm bia đá, tiếng buồn như lời rên của người mang bệnh nhớ nước... Khi nàng gảy xong một khúc thì tiền và lụa thưởng ném rào rào chồng đầy cả mặt đất. Hồi ấy, ra thăm anh là Nguyễn Nễ làm quan nhà Tây Sơn, Nguyễn Du đã từng gặp nàng trong bữa tiệc vui. Sau ông dời nhà về Nam, mãi năm ngoái mới gặp lại nàng trong bữa tiệc ở dinh tổng trấn.

Nguyễn Huỳnh Đức vít cong cái cần xe điều bằng trúc ngà hóa long thở một hơi khói rồi nói tiếp:

- Hay là thế này. Ngài bảo chị ta cứ tạm lánh vào dinh tôi, rồi tôi cho người bắn tin là nàng đã sung vào đội nữ nhạc trong dinh tổng trấn, thì bố bảo Huyện Thọ cũng không dám giở dối chuyện gì nữa. Công tư vẹn cả hai bề, vừa giúp được ngài mà tôi cũng không mang tiếng là xọc vào chuyện của hàng liêu thuộc bên dưới, chẳng hay tôn ý thế nào?

Nguyễn Du ngần ngừ. Người đàn bà kia sở dĩ muốn sống là

để nuôi con nhỏ, nay vào dinh, *hầu môn nhất nhập thâm như hải*, cửa hầu sâu như rốn bể, thế tất phải bỏ các con lại, nằng chẳng héo hon mà chết hay sao. Ông đành tìm kế hoãn binh:

- Nhưng mà chị ta đang còn tang trở...

- Ô! Tang thì có quản ngại gì! Lịnh huynh ngày trước gặp khi con hát có tang cũng cứ cho tiền bắt hát, có quản ngại gì đâu! Hề hề!

Nguyễn Du còn định nói nữa nhưng thấy Nguyễn Huỳnh Đức đã cúi xuống, lấy móng tay cạo cạo quân mặt chước bằng ngà voi, coi như công việc thế là đã xong, biết có nói cũng không thể nào lay chuyển được nên đứng dậy cáo từ.

Ra khỏi Cửa Bắc, Nguyễn Du định lên chơi hồ Tây để ngắm cảnh, vừa mát con mắt vừa dịu tâm hồn sau những giờ khắc ngọt ngát khó thở trong dinh tổng trấn. Mưa vừa tạnh, mặt hồ Tây sáng như một tấm gương phẳng lặng. Qua phường Khán Xuân, Nguyễn Du nhớ đây là chỗ ở của Hồ Xuân Hương, người tình cũ. Giữa vùng nổi lên một ngọn núi đất gọi là núi Sưa, trên có nhiều cây sưa trổ những cành mềm như lạt, lá non tơ như lụa xanh rất mỏng, xen những chùm hoa trắng. Dưới chân núi có một ngôi nhà ba gian lợp lá, phía trước có treo tấm biển đề ba chữ *Cổ nguyệt đường*⁽¹⁾, nét chữ đá thảo phóng túng.

Hồi đang sống ở Thăng Long, Nguyễn Du đã được bạn rủ đến đây chơi. Sau khi xướng họa văn thơ, phần trọng vì tài, phần yêu vì nét, Nguyễn Du đã đem lòng quyến luyến người con gái thơ hay xuất chúng này. Mối tình của hai người kéo dài được ba năm

⁽¹⁾ Chữ Cổ và chữ Nguyệt ghép thành chữ Hồ, họ của Xuân Hương.

BÁNH TRÔI NƯỚC

thì Nguyễn Du phải chia tay nàng vào Nam, sau đó ra làm quan cho nhà Nguyễn, hết Quảng Bình lại đến Huế nên không có dịp gặp mặt.

Bữa sứ bộ vừa về tới Thăng Long, Nguyễn Du đang ngồi trong công quán thì lính hầu đem vào trình một phong thư nói có người đưa đến. Giở ra xem thì thấy trên tờ giấy hoa tiên có một bài thơ thất ngôn bát cú dưới ký tên Hồ Xuân Hương. Thơ rằng:

*Gửi Cẩn chánh học sĩ Nguyễn hầu,
Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
Có ai tới đấy gửi cho cùng
Mối tình chốc đã ba năm vẹn
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong
Bụi còn đôi chút sương đeo má
Lâu nguyệt năm canh chiếu bóng chong*

Đọc bài thơ, ông biết người tình cũ có ý thầm trách mình làm quan to nên quên cả bạn bè, mình phải gặp nàng để thanh minh mới được.

Vừa nhìn thấy Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương đã reo lên:

- Ối giời! Đúng là rồng đến nhà tôm!

Nguyễn Du cười:

- Hôm nay là tôm đến nhà tôm chứ không phải rồng đâu.

Gớm, làm gì mà trong bài thơ cô trách tôi quá vậy. Tôi có phải là loại người bội bạc với bạn bè như ông Chiêu Hồ đâu.

- Vâng, tôi cũng biết ông anh không phải là người *xanh như lá, bạc như vôi* không nhớ màu thắm vị cay của miếng trầu tôi mời ông anh lần đầu gặp mặt. Nhưng chẳng gì bây giờ ông anh cũng đường đường phương diện quốc gia, lúc nhìn thấy ông anh xe ngựa về tới đầu ô, tôi đâu dám đường đột đến chào để làm nhục thể quan Chánh sứ Cần chánh điện học sĩ Du đức hầu.

- Thôi, cô đừng có nhắc tới chức tước làm gì cho tôi thêm hổ thẹn, phận hàng thần lơ láo nào có ra chi. Mũ áo của tôi chẳng qua cũng chỉ như mũ áo phượng tuồng đóng trò giữa thế gian mà thôi. Cũng vì vậy, hôm nay tôi mặc thường phục đi bộ tới đây thăm cố nhân để chúng ta lại đàm đạo thơ văn với nhau như ngày nào. Bấy nay bận bịu trong chốn quan trường không được hưởng cái thú thanh nhã ấy, tôi cứ nhớ nhớ làm sao ấy.

- Ông anh chỉ nhớ cái thú bình thơ chứ không nhớ... hay sao?

- Tất nhiên là tôi nhớ cả cảnh, nhớ cả người cũng như câu thơ *Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung* của cô ấy.

- Nói vậy thôi chứ tôi thừa biết ông anh là người đa tình rồi. - Hồ Xuân Hương liếc đôi mắt sắc như dao cau nhìn bạn, giọng ồm ồm.

Nguyễn Du cũng trả miếng:

- Đa tình sao bằng nhà thơ *đầm đìa lá liễu hạt sương gieo*. Gần đây cô có làm được bài thơ nào không?

- Vừa rồi tôi mới làm bài thơ *Chơi đài Khán xuân*, xin đọc ông

BÁNH TRÔI NƯỚC

anh nghe và phủ chính cho. - Rồi Xuân Hương cất giọng đọc:

*Êm ái chiều xuân tới Khán đài
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai
Ba hồi chiều mộ chuông gầm sóng
Một vũng tang thương nước lộn trời
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn
Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi
Nào nào cực lạc là đâu tá
Cực lạc là đây chín rõ mười.*

Vừa nghe thơ, Nguyễn Du vừa nhìn về phía núi Khán, nơi có Khán đài mà Lê Thánh Tông dựng để quan sát quân sĩ tập luyện ngày xưa, giờ chỉ còn trơ lại một gò đất cỏ mọc um tùm, sắc núi xanh như tấm bình phong chắn ngang che cho tòa thành cổ kính. Phía trước là hồ Tây rộng mênh mông, sóng gợn lăn tăn ánh bạc, xa xa thấp thoáng một cánh buồm trắng nổi bật lên nền xanh trời nước. Nguyễn Du trầm ngâm:

- Tôi nhớ ở Dâm Đàm⁽¹⁾ này đã bao đời vua chúa ngự chơi hành lạc trên mỏ hôi nước mắt và xương máu trăm họ, cũng đã có không biết bao nhiêu nhà thơ mềm môi uốn lưỡi làm thơ, ca tụng triều đình để được hưởng chút cân đai áo mào. Vậy mà bây giờ hành cung Trấn bắc còn đâu nữa, chỉ còn ngôi chùa Trấn Quốc *ba hồi chiều mộ chuông gầm sóng*, than thở cho bao lớp phế hưng. Hồ Tây trải qua bao triều đại đổi thay, cung điện lâu đài

⁽¹⁾ Hồ Sương mù, tên cũ của Hồ Tây.

đều mất hết dấu vết, chỉ còn lại *một vũng tang thương nước lộn trời*. Bao nhiêu bài thơ thù phụng của bọn văn nô biến thành hư không, cái còn lại vẫn là tình người và những vần thơ xuất từ cái tâm người, những cái đó cũng như “bể ái nguồn ân” không bao giờ với cạn. Những chữ *gấm*, chữ *lộn* ở đây đều sống động, cựa quậy như nét bút điểm nhấn rồng thiêng cất mình khỏi vách mà bay thẳng lên mây. Còn thu cả đất trời thế sự vào trong *một vũng* thì quả là khẩu khí của một người muốn “giơ tay với thử trời cao thấp, xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài”. Bài thơ của cô quả là *ngữ ngữ kinh nhân*⁽¹⁾, cô xứng đáng là một bậc nữ kiệt trong làng thơ.

- Ông anh cứ quá khen chứ tôi làm gì mà dám bạo gan *lộn thiên hí địa*⁽²⁾ như vậy. Còn câu thơ mà ông anh vừa nhắc đến đó chẳng qua là vì tôi lơ ngơ nên đọc đùa để chữa thẹn đó thôi.

- Cô đừng nên khách khí như vậy. Khi đọc câu thơ của cô. *Ví đây đối phận làm trai được; thì sự anh hùng há bấy nhiêu*, tôi đã ứa nước mắt tủi thẹn vì mình là trai mà tấm thân bảy thước lại chịu khom lưng trước sân người. Tôi có muốn chi cảnh vào luôn ra cúi nhưng vẫn phải nhả nhục ra làm quan để cầu chút bổng lộc về nuôi mười miệng trẻ thơ.

Hồ Xuân Hương nhìn mái tóc bạc sớm của Nguyễn Du, ngậm ngùi. Nàng lảng sang chuyện khác cho bạn đỡ cơn phiền muộn:

- Giờ đến lượt ông anh đọc thơ cho tôi nghe để tôi được hân hạnh lắng nghe lời châu ngọc của danh sĩ Tố Như.

Nguyễn Du khiêm tốn:

⁽¹⁾ Chữ chữ làm kinh người.

⁽²⁾ Đùa trời giỡn đất.

BÁNH TRÔI NƯỚC

- Lâu nay tôi biếng làm thơ, nhân vừa rồi đi sứ dọc đường xúc cảnh sinh tình có làm một số bài thơ ghi lại những điều mắt thấy tai nghe dọc đường, xin đọc bài thơ *Sở kiến hành* để bạn nghe và chờ lĩnh giáo.

Nghe xong bài thơ, Hồ Xuân Hương nói:

- Bài thơ này ghi lại cảnh khổ của con người mà ông anh chứng kiến trên đường đi sứ, quả là xúc động lòng người, chỉ nguyên một câu *Lân cấu yếm cao lương*⁽¹⁾ cũng có thể sánh với câu *Chu môn tửu nhục xú, Lộ thượng đông tử cốt*⁽²⁾ của Đỗ Phủ. Đến như câu *Thiên nhật giai vị hoàng*⁽³⁾ thì đáng nổi gót *Ly tao* của Khuất Nguyên. Ông anh hẳn nhớ câu thơ Lý Bạch *Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt, Sở vương đài tạ không sơn khẩu*⁽⁴⁾. Quyền thế nhất thời rồi sẽ qua đi, nhưng văn chương sẽ còn mãi với nước non, như hồ Tây, như núi Khán. Nhưng tôi trộm nghĩ *văn chương thiên cổ sự*⁽⁵⁾ mà thơ của ông anh từ trước đến nay hầu hết đều làm bằng chữ Hán. Ông anh cũng thừa biết chữ Hán là ta vay mượn của Tàu, sau này đến một lúc nào quốc ngữ thông dụng mà người biết chữ Hán ngày một ít đi thì làm sao có thể lưu truyền cho những đời con cháu sau này. Ấy là chưa nói làm thơ quốc âm, người không biết chữ cũng có thể học theo lối truyền khẩu rồi truyền lại cho người khác. Theo ngu ý, ông anh nên dùng thơ nôm để soạn một áng văn tuyệt tác ghi lại những

(1) Chó hàng xóm chán cao lương.

(2) Cửa son rượu thịt ôi, ngoài đường xương chết rét.

(3) Trời, mặt trời cũng vì Người mà vàng úa.

(4) Từ phú Khuất Nguyên treo cùng mặt trời mặt trăng, đài tạ vua Sở biến mất chỉ còn lại gò núi.

(5) Văn chương là chuyện nghìn đời.

nỗi đau khổ của con người, vừa giải bày tình thương xót đối với những kẻ khốn cùng, tố cáo cảnh bất công áp bức, vừa để lại một gia tài gom góp bằng tâm huyết làm hương hỏa cho muôn đời con cháu nhớ đến ông cha, nòi giống, giữ cho hồn nước dầu bao thăng trầm cũng không thể nào tiêu diệt được.

Nguyễn Du sửng sốt, vỗ đùi tấm tắc khen:

- Cô nói chí lý. Khi đi sứ, tôi đã làm những bài thơ chữ Hán ghi lại cảnh khổ của người Tàu, nhưng khi về tới đây, tôi lại phải chứng kiến bao cảnh khổ của người trong nước, không những thế lại là người trong nhà tôi.

Rồi Nguyễn Du kể lại cảnh khổ của chị Hương cho bạn nghe. Nghe xong, Hồ Xuân Hương nói:

- Tôi rất hiểu nỗi khổ tâm của ông anh. Mình đã bất lực không cứu nổi họ, chỉ còn một cách giúp họ giải tỏa nỗi bất bình gửi gắm niềm thông cảm vào trống văn chương, cũng an ủi được người ta phần nào, hơn nữa, còn an ủi được bao nhiêu kiếp người bạc mệnh từ ngàn xưa đến ngàn sau. Áng văn của ông anh phải là tiếng kêu đứt ruột của những kẻ tài tình bị đọa đầy vùi dập, làm sáng lên chữ tâm giữa đêm trường dạ của đời.

Từ lời Xuân Hương, một tia chớp chợt lóe lên trong óc Nguyễn Du. Vừa rồi ông đã toan bỏ ý định diễn nôm *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân vì thấy nguyên bản tầm thường quá. Giờ đây bị kích thích bởi niềm thương xót những con người đau khổ như cô Cầm, chị Hương... niềm căm ghét những kẻ độc ác tham tàn, cộng với bao nhiêu điều tai nghe mắt thấy từ trước đến nay, ông thấy mình đủ sức thoát thai đổi cốt cho lữ hình nhân lạnh lẽo trong nguyên bản, đắp điểm xương thịt cho

BÁNH TRÔI NƯỚC

chúng, thổi hồn sống vào đó... từ hình ảnh, tâm tư của những con người có thực trong cuộc đời. Với ngọn lửa tâm làm đuốc, ông sẽ lần từng bước xuống địa ngục của kiếp người, vớt lên từng vong hồn cho chúng đầu thai vào cõi văn chương để làm nhân chứng muôn đời cho Thiện và Ác. Lúc này ông đọc ngang nào biết trên đầu có ai, chỉ sợ trước trách nhiệm của mình đối với người đọc, đối với hậu thế. Mai sau dù có bao giờ đọc lại những dòng thơ đắm nước mắt thương đời, biết đâu người ta chẳng hiểu được tâm sự của ông hôm nay.

Thấy Nguyễn Du đang nhìn về phía xa xăm như đắm hồn trong cõi mộng, Hồ Xuân Hương trêu đùa:

- Dù cái tâm có sáng đến mấy đi nữa thì vẫn cứ phải điểm tâm, từ nãy đến giờ tôi đã thấy-kiến bò bụng rồi đây. Bữa nay tôi mới làm được ít bánh trôi nước, để tôi dọn lên đây chúng ta cùng thưởng thức.

Nguyễn Du nhìn chiếc bánh trôi nước trắng tròn, bập bênh trong bát nước đường màu ngà, bỗng nhớ lại bài thơ mà Hồ Xuân Hương đã đọc cho ông nghe ngày trước. *Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn, Riêng em vẫn giữ tấm lòng son.* Lời thơ quyện vào cái chất dẻo của bánh, vị ngọt của đường thấm sâu mãi vào lòng để lại một dư vị khó quên trên lưỡi. Bỗng ông ngược lên nhìn người bạn thơ không chớp. Qua đôi mắt hư ảo của ông, khuôn mặt Xuân Hương như đã biến thành chiếc bánh trôi nước bập bênh trên mặt nước hồ Tây với nền trời xanh da bát.

LÁ ĐƠN PHÊ CHIÊU XUÂN MUỘN

Nguyễn Thị Hình trầm ngâm trước đồng đơn từ các làng đệ lên mà chồng nàng - ông huyện Thanh Quan⁽¹⁾ nhờ nàng phê. Lại vẫn như mọi hôm: đơn trình về vụ mất trộm và tình nghi cho người láng giềng, đơn thưa về một vụ mạ lỵ và hành hung đánh người có thương tích, đơn kiện về việc quít nợ không trả xin phép cho sai áp tài sản của con nợ, đơn kiện tranh chấp gia tài của người quá cố, đơn xin đo đạc lại đất đai bị người khác lấn chiếm. Nàng mỉm cười nghĩ đến cái thói sính kiện cáo của dân quê, hơi một tí là lôi nhau lên cửa quan nhờ phân xử. Nhưng nàng bỗng nghĩ lại. Có lẽ do dân nghèo thất học không biết luật pháp, bị kẻ xui nguyên giục, bị cho họ kiện nhau để chúng ở giữa đục nước béo cò cũng nên. Nghĩ vậy, nên nàng cố tìm cách hòa giải những vụ kiện cáo vô lý, không đầy đủ chứng tang và nghiêm trị bọn thầy cò thầy kiện xui bầy trai cò mỗ nhau để chúng đóng vai ngư ông đắc lợi. Nhưng khi thấy có kẻ cố tình cậy thế lấn kiếp người thấp cổ bé họng, nàng cũng thẳng tay nghiêm trị để giữ mực công bằng cho dân được nhờ cậy.

Bỗng có một lá đơn khiến nàng chăm chú đọc mê mải. Lời lẽ trong đơn như sau:

⁽¹⁾ Tức Lưu Nguyễn Uẩn, đỗ cử nhân năm 1821, làm tri huyện huyện Thanh Quan (nay thuộc tỉnh Thái Bình), cũng vì thế mà người ta gọi bà Nguyễn Thị Hình (người làng Nghi Tàm huyện Từ Liêm nay thuộc ngoại thành Hà Nội, là Bà Huyện Thanh Quan).

LÁ ĐƠN PHÊ CHIỀU XUÂN MUỘN

Kính bẩm quan tri huyện huyện Thanh Quan,

Con tên là Nguyễn Thị Đào, 22 tuổi, quán làng Ngô Xá, làm đơn này kính xin quan lớn xét xử cho con được nhờ ơn.

Nguyên năm 18 tuổi, con lấy chồng là tên Ngô Văn Tập, được một năm thì chồng con không may qua đời, con đã để tang chồng theo đúng lễ. Đến nay đã mãn tang, con nghĩ mình còn đầu xanh tuổi trẻ nên muốn bước đi bước nữa. Nguyên có một trai làng đã thương yêu con từ trước, nhưng cha mẹ con vì nợ tiền nhà anh Tập nên gán cho vào làm dâu nhà này để trừ nợ. Nay thấy con góa chồng nên anh trai làng muốn nối lại tình xưa, cậy người đến ướm ý với con. Con đã thưa chuyện với gia đình nhà chồng, xin được tái giá, không ngờ anh chồng con là tên Ngô Văn Học không chịu, nói trước đây cha mẹ con gán con vào nhà này để trừ nợ, mới ở được có vài năm, chưa đủ trả nợ, bắt con phải làm lụng cho nhà này dăm năm nữa, trả hết nợ rồi mới được phép tái giá. Con nghĩ rằng nếu để dăm năm nữa, tuổi xuân qua đi thì lúc ấy ai còn thèm nhìn nhỡ đến con nữa. Huống chi bây giờ con lại gặp lại người từng yêu thương con ngày trước, nay anh ấy đã tha thứ cho con mà mong chấp nối tơ thừa, anh ấy đã vì con mà lỡ mối nhân duyên, con không thể để anh ấy chờ đợi thêm được nữa. Kính xin quan lớn mở lượng hải hà, cho phép con được tái giá, con vô cùng đội ơn quan lớn.

Nguyễn Thị Hinh đặt lá đơn xuống, nghĩ ngợi. Cảnh ngộ Thị Đào cũng ngang trái không khác gì cảnh của mình. Vì cha mẹ Hinh chỉ có một mình nàng là gái, yêu thương rất mực nên chiều ý nàng cho nàng theo học chữ nho với thầy đồ trong làng. Hinh học giỏi nhất trường nên nhiều bọn đàn ông con trai đem lòng thầm yêu, trong đó Hinh để ý đến một học sinh xuất sắc nhất,

anh ta đã hứa với Hình là bao giờ thi đỗ sẽ đến xin cưới Hình làm vợ. Vì Hình là gái, triều đình không cho phép con gái đi thi, nên đến khoa thi, anh học sinh kia đỗ thủ khoa kỳ thi Hương, năm sau vào thi Hội lại đỗ luôn Tiến sĩ. Ông Nghè tân khoa xin cha mẹ cho đón Hình về làm vợ, không ngờ cha mẹ anh ta cố chấp, hủ lậu, bảo Hình là con gái mà đi học chung với con trai, không giữ đúng lễ giáo *nam nữ thụ thụ bất tương thân*⁽¹⁾ như vậy là gái hư mất nết, không xứng đáng là dâu con trong nhà. Tin đồn Hình bị ông Nghè tân khoa từ hôn lan đi. Thành thử có nhiều người khá giả tị hiềm không dám đến xin cưới Hình, e thua kém ông Nghè kia, cũng có bậc cha mẹ ngại có dâu con hay chữ trong nhà sẽ khó dạy bảo. Thành thử Hình đến năm ba mươi tuổi vẫn cam phận phòng không chiếc bóng. Mãi sau mới có ông Lưu Nguyễn Uẩn, bốn mươi tuổi, góa vợ, đến xin cưới Hình về làm kế thất. Vì Hình thấy ông Uẩn có chân cừ nhân, nên mới nhận lời. Được cái ông Uẩn là người biết trọng tài của vợ, nên khi được bổ làm tri huyện Thanh Quan, bao nhiêu đơn từ văn án đều nhờ tay nàng phê, ông thấy nàng phê đều thỏa đáng nên cũng đem lòng tin cậy.

Nàng nhìn ra ngoài sân. Chiều xuân muộn, nắng đã nhạt, nhưng những cành liễu vẫn còn phất phơ đùa với gió. Chỉ ít hôm nữa thôi, cành liễu kia sẽ ủ rũ dưới cái nắng gay gắt... Bỗng nàng cầm bút lên phê luôn vào lá đơn mấy câu:

Phó cho con Nguyễn Thị Đào,

Nước trong leo lẻo cấm sào đợi ai.

Chữ rằng: xuân bất tái lai,

⁽¹⁾ Trai gái không được gần gũi cho và nhận của nhau.

LÁ ĐƠN PHÊ CHIỀU XUÂN MUỘN

Cho về kiểm chút kẻ mai nữa già.

Thị Đào được lời, tái giá cùng với anh trai làng. Ông huyện về, biết chuyện cũng tin bà hiểu tâm lý, hoàn cảnh của người phụ nữ kia nên yên tâm không hỏi đến nữa.

Không ngờ chỉ một tháng sau, ông huyện bị quan tuần phủ gọi lên trách quở, bảo hiện nay đang nêu cao phong hóa, khuyên dân phải *đôn nhân luân, giới dâm thắc*⁽¹⁾, đàn bà thủ tiết thờ chồng được vua ban tấm biển đề chữ *tiết hạnh khả phong*, sao quan huyện không khuyên người đàn bà kia thủ tiết mà lại cho phép tái giá trong khi nhà chồng thị không bằng lòng, kiện lên tỉnh. Nói xong, quan tuần quở:

- Ông làm quan mà không biết giáo hóa cho dân, để họ làm những việc tội bại không có liêm sỉ, trái với cương thường. Lẽ ra tôi phải cách chức ông, nhưng nghĩ ông từ trước đến nay làm việc mẫn cán, nên chỉ phạt bổng ông một năm, để ông tìm cách lập công chuộc tội. Thôi cho ông về, từ nay đừng đại dột như thế nữa.

Ông huyện Uẩn hú vía, tạ ơn quan tuần rồi ra về. Vừa đi ông vừa nghĩ, cái hồi ông hỏi lấy bà Hình, có người đã gàn quải ông bảo lấy đàn bà hay chữ về chỉ tổ hại. Có lẽ từ nay mình phải cấm bà ấy dính dáng vào việc quan thì mới yên thân.

⁽¹⁾ Nêu cao đạo luân thường, răn cấm chuyện dâm ô.

KIẾM BÊN ROI

Trên sập gụ chân quỳ trong tư thất, quan Tổng đốc Hoàng Diệu đang tỉ mỉ gọt một củ thủy tiên. Đã thành lệ, từ khi ông còn là thầy đồ dạy học đến khi đã thành đường quan, năm nào cũng vậy, cứ đến gần tết, ông gọt một củ thủy tiên thưởng xuân - chỉ một củ thôi - bấn làm sao cho nở đúng giao thừa.

Hoàng Diệu nâng củ hoa đơn lên ngắm nghía xem nên cắt bên nào để không phạm đến nhiều giò hoa, rồi cầm con dao, một đầu mài sắc một đầu lòng máng, cắt một bên củ, còn đáy củ để nguyên, trang trọng như một kỳ công nghệ thuật.

Án sát Tôn Thất Bá, khăn nhiễu tam giang, áo sa, quần lụa, nón dứa quai lụa, đi giày kinh, bước vào, vồn vã:

- Kính chào cụ lớn - Ông ta nhìn quanh - Bẩm, gần tết mà sao dinh cụ lớn vắng vẻ quá!

Hoàng Diệu đáp lễ:

- Kìa quan Án... Lính tráng tôi cho về ăn tết, chỉ giữ vài đứa lại sai vặt. Thì quan Án tính, ra trấn Hà Nội, đất đầu sóng ngọn gió, mang theo gia quyến làm gì, chỉ tổ quẩn chân. Nhỡ xảy ra bất trắc thì sao?

- Ôi dào, có gì mà bất trắc. Theo hòa ước Giáp Tuất⁽¹⁾ người

⁽¹⁾ Năm 1884.

KIỂM BÊN ROI

Phú⁽¹⁾ hứa không xâm phạm đến Hà Nội, chữ ký của họ chả rành rành ra đấy là gì.

- Quan Án chưa biết, tôi vừa được mật báo chúng nó mới tăng số quân đồn trú Hà Nội từ một trăm tên theo hòa ước, lên tới năm trăm. Chúng cho tàu chiến đi lại trên sông, lại có một số tàu khác lỏn vởn ngoài biển.

- Ty chức cho đó chẳng qua chỉ là hoảng báo. Cứ theo hòa ước, họ có quyền thông thương trên sông Cái. Khéo tàu buôn mà “lính do” họ nhầm là tàu chiến đấy thôi.

- Đâu có nhẽ lại trông gà hóa cuốc thế được.

- Vâng, cẩn thận vẫn hơn, cụ lớn cứ phòng xa cũng phải. Giờ xin phép cụ lớn cho ty chức về Mộc. Đầu năm khai ấn⁽²⁾, ty chức xin lên hầu.

- Quan Án cứ tùy tiện. Nhưng hễ động dạng thì phải về thành ngay đấy nhá...

Tôn Thất Bá đi rồi, Hoàng Diệu lại gọt thủy tiên. Nhưng vì đầu óc bức dọc, có lần suýt nữa cắt vào giò hoa định cho nở. Ông nghĩ thầm: Tôn thất gì cái lão Án sát này, chỉ mê một cái cô vợ hai ở Mộc, chả nghĩ gì đến việc phòng thủ thành trì.

Việc Tôn Thất Bá về quê ăn tết với vợ, gợi cho ông nhớ đến gia quyến hiện đang ở quê, làng Xuân Đài, huyện Điện Bàn,

⁽¹⁾ Hồi đó, ta gọi Pháp là Phú lang sa, do phiên âm chữ France theo kiểu ta, đến khi thấy Trung Quốc phiên âm là Pháp lan tây, ta mới gọi là Pháp.

⁽²⁾ Cuối năm bỏ ấn vào hộp niêm lại, đầu năm mở lấy ra làm việc gọi là khai ấn.

tỉnh Quảng Nam. Làng ông cùng mười mấy làng nữa ở trên một khoảnh đất cao nằm giữa sông Thu Bồn và chi nhánh sông này, hình thể giống như cái đảo con con, chung quanh có nước bao vây nên tục gọi là đất Gò Nổi. Tuổi nhỏ của ông trôi qua trên dòng Thu Bồn vang tiếng cười của các cô gái giặt lụa, hai bờ sông ngàn dâu xanh ngắt, dưới sông vắng giọng hát dò đưa... Mới lên sáu tuổi thì cha mất, mẹ ông phải ở vậy, trồng dâu nuôi tằm nuôi con ăn học. Nhiều bữa không có gạo, mẹ ông phải đi bắt hến về trộn khoai cho con ăn. Biết thương mẹ nên Hoàng Diệu cố gắng học hành để khỏi phụ công ơn của mẹ. Nhưng thi khoa Hương không đỗ, ông phải đi làm thầy đồ dạy trẻ một thời gian, để có lương ăn học thêm, sửa soạn khoa sau. Năm 24 tuổi, ông vừa đỗ phó bảng, thì cũng là lúc đại bác của Tây bắt đầu nã vào cửa Hàn, gần quê hương ông, phá vỡ những gì êm đẹp nhất.

Ngày đi làm quan, bà mẹ tiễn ông một quãng đường, dặn ông phải giữ liêm khiết. Bà kể cho con một câu chuyện mà bà nghe được từ nhỏ: có một ông quan cũng người Quảng Nam, khi từ già đất Bắc về Kinh, có người theo mãi phía sau xin tạ ân bằng một chiếc gậy. Ông bèn bẻ đôi chiếc gậy ra, thấy nửa gỗ, nửa là vàng. Nể lời cầu khẩn ông chỉ xin lĩnh nửa toàn bằng gỗ thôi.

Câu chuyện ấy Hoàng Diệu nhớ mãi, nên suốt đời làm quan, từ chức Tri phủ Tuy Viễn, Đa Phúc, đến khi vào Kinh làm Lại bộ tham tri, kiêm Đô sát viện, hay ra Bắc làm Tổng đốc Hà Ninh, bao giờ Hoàng Diệu cũng giữ liêm chính làm đầu. Đức liêm của ông đã nổi tiếng trong các bạn đồng liêu, đến nỗi vua Tự Đức cũng phải nể vì. Ông làm quan ở địa phương nào cũng có chính tích tốt, được dân chúng hết sức ca ngợi. Lần này, vì tình thế Hà Nội rối ren, cần một vị quan có đức độ được lòng

KIẾM BÊN ROI

dân để trấn phục, nên vua Tự Đức không còn chọn ai xứng đáng hơn Hoàng Diệu đảm nhận chức trách lớn lao đó.

Mấy chục năm làm quan, đến nay đã quá ngũ tuần mà chưa bao giờ mang biếu mẹ một cái áo, đó là điều Hoàng Diệu luôn áy náy trong lòng. Năm nay, bà cụ đã tám mươi tuổi, suốt đời cụ đã trải qua nhiều nỗi đắng cay vất vả. Ở góa từ hồi còn trẻ, cụ tần tảo làm ăn nuôi sáu con trai đều thi đỗ, Hoàng Diệu là một trong ba người thành đạt hơn cả. Vậy mà ông vẫn chưa báo đáp được ơn mẹ chút gì. Nhưng ông thầm nghĩ, chắc mẹ cũng hiểu cho lương bổng quan lại có được là bao, lại nhận chức nơi xa. Ở chốn phồn hoa đô hội gạo châu củi quế, bao nhiêu cũng không đủ chi dùng. Giá như ông quan khác thì đã giở ngón bóp nặn hà lam của dân, nhưng điều đó với Hoàng Diệu là tối kỵ.

Cách đây một tháng, hai bang Quảng Đông, Phúc Kiến cử người đến bái yết quan Tổng đốc nhân dịp tất niên. Bang Quảng Đông có lẽ đã dò biết ông là người thanh liêm nên không dám mang lễ lạt gì, chỉ làm một đám rước tám hoành nét chữ viết rất tốt *quan thanh dân lạc*⁽¹⁾. Ông cũng vui lòng nhận vì cảm cái tình của họ. Còn bang Phúc Kiến thì không hiểu sao lại mang biếu một tấm đoạn, thứ đoạn Ngô lăng rất quý. Ông khẳng khẳng từ chối. Viên bang trưởng nói đây là hàng trong Nhà Bán, chứ không phải mua ở đâu, nhất định để lại, không chịu mang về. Hoàng Diệu nghĩ một tấm đoạn cũng không đến nỗi là một tặng phẩm quá lớn, mình không nhận họ cho là cố chấp, tổn thương đến hòa khí giữa quan Nam và Hoa thương ở đây. Ông đành phải thu nhận và dặn họ từ sau không được làm thế nữa. Tính ông thích giản dị, khi phải mặc triều phục thì không kể, còn ở nhà

⁽¹⁾ Quan thanh liêm thì dân vui sướng.

ông chỉ mặc áo the thâm, chít khăn xanh, thắt lưng nhiều đỏ, chứ không ưa gấm vóc. Bây giờ may cái áo đoạn mặc vào không hợp với phong thái ông. Ông chợt nghĩ ra, bấy lâu nay mình vẫn định biếu mẹ một tấm áo mà chưa sắm được. Đến người dân thường mà còn may được áo cho mẹ huống hồ một ông quan. Nhất là may áo để cụ mặc trong buổi con cháu mừng thọ bát tuần, thì cũng là đúng lễ chứ không phải quá xa xỉ. Hoàng Diệu chắc lười, sai lính trạm gấp đường mang công văn về Kinh nhân tiện mang tấm đoạn về quê biếu mẹ.

Hôm nay nghĩ lại chuyện đó, Hoàng Diệu cũng thấy dở áy náy. Ông lại tiếp tục công việc. Cử thủy tiên đã gọt xong, trông tròn trĩnh xinh xắn. Ông gọi lính nhà chè dặn nó đem ngâm úp vào trong chậu.

Thau nước bung lên, ông chưa kịp rửa tay thì thấy suất đội Nguyễn Đình Trọng dẫn một người Hoa kiều vào. Người ấy đội mũ nan to vành cụp xuống có chóp nhọn, áo cộc bằng vải dãi hạt cau đã bạc màu, áo năm thân tay chèn cài giải ở ngực và ở nách, quần cộc đến nửa ống chân, đi đôi guốc mộc quai da buộc chéo kiểu quai dép. Người ấy trông thấy Hoàng Diệu, luống cuống tụt guốc cặp vào nách, nhưng quên không bỏ mũ cứ đội sùm sụp, vội chắp tay vái lia lịa. Khi anh ta sức nhớ bỏ mũ xuống, Hoàng Diệu thấy tóc anh tết bím đuôi sam bỏ lòng thông, mặt mũi hốc hác nhọ nhem. Suất đội Trọng nói:

- Bẩm, chú Khách này đến cửa thành cứ đòi gặp quan Tổng đốc bằng được, bảo có việc cơ mật, chỉ gặp cụ lớn mới chịu nói ạ.

Hoàng Diệu khoát tay cho suất đội Trọng lui, rồi hỏi:

- Có chuyện gì vậy chú?

- Bẩm cụ lớn, con là Ắ Sênh làm công cho ông Quảng Phát Tường, bang trưởng Phúc Kiến ạ. Dạ, ông Bang mười năm trước có đón ông Thông Phong là thông ngôn của quan ba Ngạc-nhe⁽¹⁾ về làm sí-giê⁽²⁾ trong nhà dạy các con ông ấy học chữ Tây. Khi ông Ngạc-nhe chết, ông Thông hấp tấp xuống tàu đi Sài Gòn. Cách đây nửa tháng, con thấy ông Thông ở đâu lại đến ông Bang, hai người bàn bạc chuyện gì lâu lắm. Khi con vào sắp bàn đèn cho ông Bang, nghe loáng thoáng ông Thông Phong nói với ông Bang: quan ba Rivie sắp mang quân từ Sài Gòn ra, đánh thành Hà Nội, ông phải thu xếp mua lúa gạo tiếp tế cho các quý quan. Dạ, con vừa nghe đến đấy thì ông Bang đuổi con xuống nhà dưới.

Hoàng Diệu ngạc nhiên:

- Sao chú lại có lòng tốt báo chuyện này với ta?

- Bẩm, chả là con không ưa gì cái bọn bạch quỷ⁽³⁾, lần trước tụi nó ra Hà Nội, con đang làm phu bốc dỡ ngoài bến sông Cái, khuôn vác đồ dưới tàu lên tụi nó đã quít tiền công mà khi con đòi, còn đánh con học máu mồm. Lần này, thấy tụi nó lại định ra, con phải đến báo để cụ lớn liệu cách ngăn cản.

Hoàng Diệu cảm ơn Ắ Sênh, dặn giữ kín việc báo tin cho ông, nếu thấy gì khác ý thì lại cho ông hay. Ắ Sênh đi rồi, ông thầm nghĩ: cũng là Hoa kiều cả nhưng hai cảnh sống thật một vực một

⁽¹⁾ Ta phiên âm (Garnier).

⁽²⁾ Sư gia, thầy dạy trẻ trong nhà.

⁽³⁾ Quỷ trắng, ám chỉ thực dân Pháp.

trời. Những Hoa thương giàu thì sung sướng tha hồ buôn bán trục lợi, bóc lột cả đồng bào của họ. Còn những Hoa kiều nghèo phải đi làm công hay bốc dỡ ngoài bên sông thì có khi còn khổ hơn cả người Nam. Ông biết Hoa thương có người buôn bán để dãi phải chăng, giữ đúng luật cư trú của nước Nam, nhưng cũng có một số buôn gian bán lận, mua hàng của ta xong đóng chai dán nhãn hiệu Tàu rồi bán lại cho ta với giá cao, bảo là của Tàu chính hiệu. Như thứ chè Ô Long, Liên Tâm đóng bao có tranh núi Vũ Di hân hoi mà thật là ở... Phú Thọ, hay cao Phú Yên, sâm Bồ Chính, họ đem gói theo kiểu Tàu bảo là cao, sâm của Tàu gửi sang. Những người buôn bán kiểu này thường phải đấm mồm các quan, gọi là *tiền trà thủy*⁽¹⁾ trong việc buôn bán, bao giờ họ cũng trù sẵn món ấy là mấy phần trăm, coi là chuyện tất nhiên.

Nhưng chuyện ấy cũng không đến nỗi nguy hiểm lắm, đằng này họ buôn bán lúa gạo với Tây, nổi giá cho giặc, thì không thể tha thứ được. Hèn chi bang trưởng Phúc Kiến vờ thân thiện mang tám đoàn đến biểu để che mắt ông. Ông gọi suất đội Trọng giao cho trách nhiệm theo dõi hành tung của Quảng Phát Tường đi lại với Thông Phong như thế nào. Mặt khác, ông nghĩ cách tăng cường phòng thủ thành Hà Nội.

Không phải bây giờ ông mới nghĩ đến chuyện ấy, mà từ lâu thấy mình đang ở trong thế dễ bị bao vây, Hoàng Diệu biết chỉ có một cách là liên lạc chặt chẽ với bên ngoài, vận dụng cả lực lượng quân đội và dân chúng từ ba phía Bắc, Tây, Nam bọc lại thành một vòng rộng lớn mới tồn tại được. Nếu giữ một cô thành mỗi bề trăm trượng thì dù thành cao, tường chắc, hào sâu mấy cũng không chịu nổi với sức công phá của đại bác mới. Vì vậy

⁽¹⁾ Tiền trà nước.

KIẾM BÊN ROI

ông giao ước ứng cứu với thống đốc Tam Tuyên là Hoàng Kế Viêm và nhiều tỉnh thần trung châu. Đồng thời với việc xin bố trí vành ngoài như thế, Hoàng Diệu vẫn cố gắng hết sức mình trong việc bồi thành, đắp lũy.

Ông cho bồi tường thành Hà Nội lên cao thêm bốn thước ta, có đoạn cao hơn để giặc khó bắc thang trèo lên như lần đánh thành mười năm trước, bồi bề dày từ một thước rưỡi ta đến hai thước ta, và cho khoét thêm nhiều lỗ châu mai. Lại đắp thành đất suốt từ cửa Đông sang cửa Tây. Cổng thành dù bằng gỗ lim dày cũng có thể bị đạn đại bác bắn tan tành như lần trước, phải dùng đất và gạch đá lấp chặt cả lại, ra vào dùng thang dây.

Số đại bác cũng phải tăng thêm. Bao nhiêu súng ống phải cho đặt cả lên mặt thành. Còn thuốc-súng ta đem giấu kỹ ở kho Hậu lâu, kéo hao hụt, ướt át hay bị bọn gian tìm cách phá hủy. Cần phải tăng quân cho đủ hai nghìn, khi tình thế nghiêm trọng thì cho một quan văn, một quan võ đưa một số quân ra đóng bên ngoài, phòng quân địch đánh thành, không thể cứ ỷ vào thành cao hào sâu. Một mặt, mời Thống đốc quân vụ Hoàng Kế Viêm đem một nghìn quân về đóng ở Sơn Tây, gần phủ Hoài Đức để làm thanh viện. Một mặt, nghiêm cấm người nước ngoài không được tự do vào thành, muốn vào phải được phép của Đốc bộ đường.

Mới đây Hoàng Diệu đã dâng biểu lên Tự Đức, xin “kinh lý kỹ hơn, củng cố cho mạnh thượng du để bảo vệ trung châu, bọn kia tiện ở nước mà không tiện lên núi, thì cũng biết là khó gây hấn mà không dám hành động”. Tự Đức khen lời lẽ thích hợp cơ nghi nhưng cũng không theo. Đối với kế sách phòng thủ của Hoàng Diệu thì Tự Đức buộc cho tội “chế ngự không phải lúc”,

và khi Hoàng Kế Viêm xin điều quân, vua đã cho là ông ta làm “rối rít” lên, như vậy là “đe dọa” họ.

Tự Đức lại ban chỉ dụ cho các tỉnh thần Bắc Kỳ: “Phàm mọi việc cốt xếp khéo, chớ để động hình lộ tích, như có thể im lặng mà làm cho họ đổi ý, rút đi thì càng tốt; ví bằng họ dám hoạnh, việc đến nước thì cũng tùy đó mà làm, để tròn trách nhiệm giữ đất”.

Tuy vậy Hoàng Diệu vẫn không nản lòng, vì nghĩ rằng Hà thành là đất cuống họng của Bắc Kỳ, lại là khu yếu hại của nước ta, nếu một ngày tan tành như đất lở thì các tỉnh lần lượt mất như ngói bong. Ông vẫn đêm ngày đôn đốc việc phòng thủ.

Chiều ba mươi tết, lính trạm mang về trình ông một gói dài từ quê gửi ra. Khi lật đặt giở ra xem, ông thấy lại là tám đoạn bữa trước và kèm theo một cây roi. Ông hiểu ý mẹ gửi cây roi là ngụ ý trách phạt ông không giữ liêm khiết. Ông run rẩy, cầm cây roi lên ngắm nghía. Nhớ lại hồi còn nhỏ đã có lần ông trốn học bỏ đi chơi, bà mẹ giận quá đã bắt ông nằm sấp xuống cầm roi quất một cái vào mông, từ đó ông vâng lời mẹ dạy, chăm chỉ đèn sách, không hề xao nhãng. Và cũng từ đó không bao giờ ông còn bị đòn của mẹ nữa. Hôm nay những vết roi vô hình của mẹ lại quất lên mông, nhói đau cả vết roi lần trước, tưởng chừng thịt da rất bồng...

Hoàng Diệu mừng tượng trong ngôi nhà tranh ba gian lạnh lẽo ở làng Xuân Đài, bà cụ lưng còng tóc bạc, lấy bảy bắc ghế trèo đứng lên với lấy cây roi giắt trên mái nhà xuống, gạt mồ hôi thở hổn hển. Không ngờ đến lúc mẹ tuổi già, mà con còn để mẹ phải buồn giận vì con. Chiếc roi vừa là lời răn con giữ đức

KIẾM BÊN ROI

liêm khiết, vừa là mệnh lệnh bắt con phải giữ thành Hà Nội, không để mất vào tay giặc, vì nước mất thì nhà tan.

Đêm hôm ấy, Hoàng Diệu đặt củ thủy tiên lên chiếc yên thư sơn son bày đỉnh đồng và ống bút. Phía trên, cạnh thanh kiếm mà Hoàng Kế Viêm đã tặng ông, ông treo cây roi của mẹ.

Giữa lúc pháo giao thừa nổ ran thì những giò hoa cũng bắt đầu nở hàm tiếu. Thủy tiên cánh trắng nhị vàng, từng hoa như chén vàng đặt trên đĩa ngọc, được những chiếc lá chiếc uốn vào trong, chiếc cong ra ngoài, nâng lên cho hoa nở đều chun vào giữa trên tầng lá, không đâm dúi vào nhau.

Sẵn ngọn bút ô long và thoi mực thượng phẩm, ông định thảo một bài thơ ca ngợi hoa thủy tiên, như một nàng tiên trong trắng nhô lên từ mặt nước, mỉm cười với người trần. Nhưng ông lại đổi ý, làm một bài “hành” ca ngợi thanh kiếm và ngọn roi.

Kiếm ta sắc chừ, chém đầu quân giặc,

Roi ta mạnh chừ, trị lũ tham quan,

Có roi thiếu kiếm chừ, nước sao vững,

Có kiếm thiếu roi chừ, dân không an.

Kiếm bên roi chừ, nguyện lòng son sắt,

Roi bên kiếm chừ, đẹp nghĩa chi lan...

Mùi hương thủy tiên thoảng ngát khắp gian nhà, quện cùng mùi trầm hương nồng nàn trên đỉnh đồng. Khói trầm quấn quít vào thanh kiếm và cây roi trên tường như dải lụa xanh dài buộc chuôi, pháp phối...

CÓ CÔNG MÀI SẮT

Thế là Cao Thắng đã có một khẩu súng bắn nhanh của Tây đúng như lòng mong ước. Đang khi nghĩ ngợi chưa biết làm thế nào kiếm được loại súng ấy thì một người dân đến báo tin có một toán lính tập từ Nghệ An lên đồn Phố áp tải mấy hòm bạc “con cò”, tiền lương tháng phát cho lính. Cao Thắng liền cho đón đường đánh úp toán lính kia. Khi chúng đi tới con đường độc đạo, giữa có một hòn núi trọc chắn ngang, chung quanh toàn lau sậy um tùm, nghĩa quân dùng đoản đao bất ngờ xông lên, diệt được hai tên quan Tây, mười lăm lính tập, thu được mười bảy khẩu súng Tây kiểu 1874, trong đó có hai khẩu hai nòng, sáu trăm viên đạn và nhiều tiền bạc mà bên mình không sút mẻ gì.

Cao Thắng là người làng Lê Động, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, con nhà nông dân nghèo, dáng thấp nhỏ, ngón tay ngón chân ngắn, anh em gọi là “ngũ đoản tướng quân”. Thắng có đi học chữ, nhưng thích võ nghệ và săn bắn với em là Cao Nữu.

Năm 1874, Hà Tĩnh có khởi nghĩa của Đội Lưu, triều đình gọi là giặc cờ vàng. Cậu bé Cao Thắng đã theo Đội Lưu, bị triều đình truy nã, nhờ anh của Phan Đình Phùng là Phan Đình Thuật che chở mới khỏi bị bắt. Lớn lên, Thắng chiêu mộ một số người giang hồ mã thượng hùng cứ núi rừng, thường đánh phá nhà giàu lấy của chia cho dân nghèo.

Năm 1885, Phan Đình Phùng dựng cờ Cần Vương chống Pháp ở quê nhà là làng Đông Thái huyện La Sơn, Hà Tĩnh, Cao Thắng

CÓ CÔNG MÀI SẮT

cùng bạn là Nguyễn Kiểu đem 60 bộ hạ ra xin theo, được làm quản cơ, lúc ấy Thắng mới 20 tuổi, võ nghệ tinh thông nổi tiếng khắp một vùng. Thắng còn có tinh thần chiến đấu rất dũng cảm. Là người chỉ huy, Thắng bao giờ cũng xung phong đi đầu trong các trận đánh.

Qua một vài trận chiến đấu, đầu năm 1886 nghĩa quân lui đến làng Phùng Công, huyện Hương Sơn. Rồi vì lực lượng mới nhóm lên đã phải đối phó với nhiều cuộc tấn công của giặc, nghĩa quân phải vượt lên vùng rừng núi, tìm lối đánh du kích để chống đỡ.

Sang năm 1887, biết rằng lực lượng của mình chiến đấu cô độc, đã không thể thắng được mà còn có thể bị tiêu diệt, Phan Đình Phùng quyết định ra Bắc Kỳ để liên lạc với văn thân ngoài ấy. Cụ dặn dò các tướng ở lại không nên bạo động vội, cần phải xây dựng lực lượng vững chắc và đợi đến khi nào cụ về sẽ nổi lên.

Cụ Phan đi rồi, tướng tá và nghĩa quân còn lại do Cao Thắng, Cao Nữu, Cao Đạt và Nguyễn Niên chỉ huy rút về làng Lê Động, quê Thắng. Kinh nghiệm thất bại vừa qua giúp các ông nhận ra rằng muốn có thắng lợi, phải có một lực lượng mạnh mẽ, nghĩa là phải có đầy đủ nghĩa quân, lương thực và vũ khí. Không thể ham đánh mà phải bắt tay vào xây dựng.

Cao Thắng cầm khẩu súng Tây lên ngắm nghía. Nước thép sáng xanh, bóng đến soi gương được. Nòng súng thẳng, cứng, lò xo khỏe như thế này trách nào đạn đi chẳng xa, chẳng mạnh. Thật chả bù với cái loại súng hỏa mai của ta mỗi lần bắn lại phải nạp thuốc. Ấy thế mà hồi đầu Thắng chỉ có hai trăm khẩu

hỏa mai vẫn đánh được Tây thua liểng xiểng. Có gì đâu, thấy súng bắn chậm, Thắng chia quân làm hai toán, cho một toán bắn trước rồi nạp thuốc, trong khi toán đó nạp thuốc thì toán sau bắn, địch chỉ nghe tiếng nổ liên thanh, không biết súng của Thắng chỉ là hỏa mai thôi, cũng không biết súng nhiều hay ít, liền bỏ chạy rùng rùng.

Nhưng muốn đánh Tây lâu dài thì súng hỏa mai không đủ nữa. Phải làm cách nào chế được súng như của Tây thì mới ăn thua. Ý nghĩ ấy đã bao nhiêu ngày ám ảnh đầu óc Thắng. Hôm nay khẩu súng đã có đây, nhưng còn cách chế tạo. Thắng lại không phải thợ rèn, mà trong số bốn trăm nghĩa quân cũng không có ai quen cái nghề nhọ nhem này.

Cao Thắng bàn với Cao Nữ:

- Chú giết ở vùng này có làng nào làm nghề rèn không?

Cao Nữ vỗ vỗ trán rồi nói:

- Em nhớ ra rồi. Ở huyện Can Lộc có hai làng Trung Lương và Vân Tràng nổi tiếng về nghề rèn hàng mấy trăm năm nay.

Cao Thắng mắt sáng lên:

- Nếu vậy thì chú cải trang làm một người buôn đồng nát đi mua móng lừa, móng ngựa, các thứ sắt vụn, cày hư cuốc bể của nhà nông, đem về đập ra để làm nguyên liệu, nhân tiện chú tát qua các làng Trung Lương, Vân Tràng, đem đại nghĩa ra thuyết phục một số thợ rèn về đây giúp ta trong việc chế súng.

Cao Nữ nhận lời đi. Chỉ nửa tháng sau, Nữ đã quấy đôi bồ chứa đầy sắt vụn, dẫn theo một số thợ rèn ở hai làng về Lê

CÓ CÔNG MÀI SẮT

Động. Thắng đi tìm một chỗ rộng rãi và kín đáo để dựng xưởng chế súng, nơi này ở bên cạnh thác nước, để người đi bên ngoài không nghe được tiếng đe búa bên trong. Toán thợ rèn chia làm hai ban, ban rèn và ban đúc. Ban rèn do ông phó cả làng Vân Tràng chỉ huy, còn ban đúc do ông phó cả làng Trung Lương chỉ huy.

Ban rèn cho dựng lò và bể. Lò được đào sâu hai tấc, bên trong thành được xây gạch (trừ rãnh thông gió) cho đất khỏi lở, trên bề mặt đặt hai bờ đất làm má lò để giữ than, giữa hai bờ đất đặt những thanh sắt tròn làm ghi lò. Ở bên phía người thợ cả ngồi, làm một bức vách rộng 6 tấc, cao 2 thước 5 để ngăn sức nóng tỏa ra. Bể để quạt gió vào lò gồm ống dẫn gió, bầu bể và tay quay.

Đe có hai loại: đe rèn còn gọi là đe nóng có mặt phẳng bằng dùng để kê đập thanh sắt nung đỏ và loại đe nhỏ hơn gọi là đe dàn, dùng để tu sửa sản phẩm.

Búa có ba loại: búa quai tay, tức búa tạ dùng cho thợ phụ đập sắt tạo hình, và búa cái nẻ tức búa nhổ, gõ cho mặt sản phẩm thẳng và búa tay để thợ cả dùng tu sửa hoàn chỉnh sản phẩm.

Kìm có ba loại: kìm dài chuyên dùng bẻ thép, kìm tôi, kìm ngắn thợ cả dùng cặp sản phẩm.

Lưỡi ươi gọt (gọt cánh) lưỡi hoàn toàn bằng thép nguyên chất đã được tôi kỹ, một đầu cặp dây thép và xoắn chặt lại tạo thành hai quai để cầm cho chắc. Xong các công đoạn, người thợ dùng gọt cánh, nạo sạch lớp vẩy sắt làm cho bề mặt sản phẩm vừa có độ mỏng lại làm thẳng mặt thép.

Ngoài ra còn có chậu để tôi, đá mài, rổ đựng than, xẻng xúc than. Than có hai loại: than củi và than đá, than củi chỉ dùng để nhóm lò, còn suốt trong quá trình rèn người ta dùng than đá.

Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ đồ nghề, Cao Thắng bèn tháo rời một khẩu súng ra từng bộ phận, rồi giao cho các tổ rèn y theo nguyên mẫu mà chế tạo một khẩu khác.

Nòng súng thì giao cho ban đúc đảm nhiệm, vì nòng bằng thép nguyên chất ở giữa rỗng, chờ đúc xong thì đem các bộ phận khác gắn vào, hàn sắt liền với thép.

Người thợ phụ đem sắt chặt ra theo kích thước từng bộ phận, thép nguyên chất chặt ngắn hơn để chồng lên sắt phần định tạo thành sản phẩm, sau đó cho vào lò nung sao cho sắt và thép nóng chảy dính vào nhau rồi bỏ ra ngoài khoảng một khắc cho vào lò quay nhỏ lửa, khi thấy có sắc đỏ trắng, bỏ ra đe. Những sản phẩm đã có hình thù ở giai đoạn cháy được chuyển sang giai đoạn làm nguội, mang ra đe dàn dùng búa và chày chặt cho bằng rồi dùng búa tay và búa nẻ dàn cho thẳng, phẳng, giữa cạnh, giữa mặt, gọt cho quang nhẵn, có những bộ phận phải gọt cho thật mỏng đúng kích thước đã định.

Đến giai đoạn tôi, thợ cả dùng kim tôi cặp sản phẩm đưa vào lò, bằng mắt thường nhìn thấy hiện vật màu đỏ hung, gấp ra nhúng vào chậu dầu, hoặc bùn ao hòa loãng để tôi, rồi lại vớt ra bỏ vào chậu nước lã. Nhưng đó chỉ là áp dụng cho loại sản phẩm lớn, sù sì, còn những bộ phận nhỏ, mỏng, người thợ cầm kim cặp chặt tay đưa nhanh lên bề mặt than hồng, bản mỏng nên rất khó nhận biết có đỏ đều hay không, vì thế trước khi đưa vào lò phải bôi một ít nước muối loãng lên bề mặt, sản phẩm đưa qua lửa

CÓ CÔNG MÀI SẮT

đến đâu muối khô trắng đến đó, muối khô hết mới cho vật nung vào chậu nước. Nếu thấy sản phẩm tôi quá già thì dùng phương pháp yếm lửa, dùng kim cặp sống lưng rồi đưa nhanh qua lửa nhiều lần, thấy có màu vàng rơm bỏ ra, lấy nước vẩy vào thấy trôi ngay là được, sau đó cho hiện vật vào chậu nước lã có pha một ít giấm chua.

Cứ trông ông phó cả Vân Tràng làm việc để hướng dẫn cho thợ phụ thì ai cũng phải mê: Tay trái cầm kim, cặp một thanh sắt nung đỏ trong lò ra đặt trên đe. Tay kia cầm một chiếc búa nhỏ gõ gõ lên thanh sắt hoặc gõ ra ngoài khi nhanh, khi chậm, khi nặng, khi nhẹ, làm hiệu cho hai thợ bạn theo đó mà quai búa. Khi muốn rèn riêng một chỗ nào, ông đặt chỗ ấy vào giữa đe cho hai thợ bạn giáng búa xuống, tay ông cứ thoăn thoắt điều khiển thanh sắt đẩy ra đẩy vào, lật đi lật lại, hai người cứ thay nhau quai búa nhịp nhàng mà thanh sắt mỗi lúc một thay hình đổi dạng. Xong ông lại cặp đưa vào lò cho đỏ đều, đầu thanh sắt muốn cho già hơn khi cặp ra ông còn để thêm trong lửa một chút cho đỏ sẫm. Khi đưa vào dầu tôi, ông cầm đốc ngược lên, chấm đầu ấy vào dầu trước, đợi đoạn trên đã nguội bớt trong không khí, ông mới quăng cả vào trong dầu tôi.

Mỗi khi cặp sắt trong lò ra, gỉ sắt bong lộ ra màu thép hơi xanh không trắng mà cũng không xám, lúc ấy ông phó cả mới cho là được. Khi rèn xong từng bộ phận, ông lại đem so với bộ phận của khẩu súng Tây xem dài, ngắn, rộng, hẹp, có đúng từng tấc, từng phân một hay không. Hễ sai thì ông bắt phá ra làm lại. Ruột gà tức lò xo trong súng thì dùng cây gọng dù uốn lại mà làm. Nhờ có dụng cụ tinh xảo và tay nghề cao, nên chẳng bao lâu, ban rèn đã rèn được tất cả các bộ phận khác của khẩu súng.

Gay nhất là nòng súng, vì phải nấu thép đổ vào khuôn đúc, khi thì thép già quá, khi thì thép lại non quá. Ông phó cả Trung Lương phụ trách ban đúc, đã toát cả mồ hôi hột khi thấy ban rèn đã hoàn thành công việc mà ban đúc vẫn còn loay hoay với cái nòng súng phải gió.

Cuối cùng rồi cũng đúc được một nòng súng bằng thép tốt, Cao Thắng cho lắp các bộ phận khác vào hàn liền lại và cho bắn thử. Nhưng khi bắn thì viên đạn lại rơi ngay trước mặt, còn khói thì phụt ra phía sau.

Thắng lấy khẩu súng Tây đem so với khẩu súng mới chế thì thấy lò xo của nó làm bằng thứ thép dẻo hơn của ta nên có thể vì thế mà sức bật mạnh hơn, đẩy viên đạn đi xa. Thắng lại sai người đi thu mua và lặt quyen những dụng cụ bằng thép tốt hơn, đem về chế lò xo. Lần này đem bắn thử, thấy khói không phụt ra đằng sau nữa, nhưng nòng súng lại vỡ toác ra.

Thắng xem xét lại khẩu súng hiểu ra rằng, khi điểm hỏa cháy lên nó tạo ra một sức ép rất mạnh mà không có chỗ thoát hơi nên mới phá vỡ nòng súng.

Sau hai lần thử đều thất bại, anh em ai cũng chán nản. Nguyễn Niên bảo rằng hay là khi nấu thép có lẽ Tây phải pha thêm chất gì đó mà mình không biết, nên khi bắn nòng súng mới chịu đựng được. Cao Đạt vốn nóng tính bảo ta cứ dẹp quách cái trò chế súng này đi, dùng súng hỏa mai chơi nhau với Tây cho gọn, vẽ vờ ra làm gì cho tốn công tốn sức mà chỉ uổng phí vô ích. Nhưng Cao Thắng không chịu. Nếu cứ dùng kiểu súng hạt nổ mỗi lần bắn lại phải chùi súng, nhồi thuốc vào ống súng, ấn con cò máy cho chẹt vào hạt nổ có lửa bật ra thì đạn mới chạy,

CÓ CÔNG MÀI SẮT

mất công phu thời giờ nhiều như thế thì địch làm sao nổi với Tây.

Một hôm, Thắng đem đập nòng khẩu súng của Tây vỡ đôi ra, xem lại. Ông phát hiện ra trong lòng nòng súng có đường rãnh xoắn, hình xoáy tròn ốc, mà trước đây mình không nhìn vào bên trong được nên không thấy. Thôi phải rồi, có cái rãnh này mới tạo được đường trơn cho viên đạn bắn đi xa, như người cầm dao đâm mà xoáy mạnh một cái thì ngập sâu hơn chỉ nhắm mắt đâm thẳng. Phải tìm cách nào tạo được đường rãnh xoắn trong lòng nòng súng mới có thể đẩy viên đạn đi ra mà không bị sức ép làm vỡ nòng.

Nghĩ ra điều đó, Cao Thắng như người ngủ mê chợt tỉnh. Ông không có lúc ngã lòng như trước nữa mà tin tưởng là mình có thể đúc được súng như kiểu Tây. Ông vẫn sai Cao Nữ đi mua sắt vụn và thép tốt mang về chất đầy mấy gian nhà. Trong khi chờ đợi tìm được cách đúc nòng súng, ông cho làm đạn trước. Ông bảo mọi người góp nhặt những nồi đồng, mâm đồng, kèn đồng đập dập ra rồi cuốn lại. Thuốc đạn ông cử người sang bên Xiêm mua. Không hề bỏ phí một chút thì giờ nào dành cho việc chế súng. Trong khi đó ông lên đường đi khắp nơi để tìm bằng được người thợ có khả năng đúc nòng súng có đường rãnh xoắn.

Thuyền của Cao Thắng từ Hương Sơn theo sông Ngân Phố đi đến ngã ba Linh Cảm, nơi hội nước của sông Ngân Phố từ phía Hương Sơn chảy về và Ngân Sơn từ núi rừng Hương Khê mé Tây Nam chảy lại. Nhìn thấy bờ Nam có núi Tùng Lĩnh, nghe nói trên đỉnh núi có đền thờ Đinh Lễ, một tướng giỏi của nghĩa quân Lam Sơn khi xưa, Thắng thấy kính nể nên dừng thuyền lên bờ, rồi trèo lên đỉnh núi vãn cảnh. Trên đỉnh núi có một ngôi

đền, trong đền có một pho tượng đồng của Đinh Lễ đúc rất tinh xảo nên trông rất sống động, từ đường gờ sống mũi, đường lõm của mí mắt đến đường lượn của sợi râu đều rõ nét. Cao Thắng thầm nghĩ: nếu đã có thể đúc được pho tượng đồng tinh vi như thế này thì sao lại không tạo được đường rãnh xoắn trong lòng nòng súng. Nếu tìm được người đã từng đúc pho tượng này thì có thể nhờ người ấy đúc giùm nòng súng. Nghĩ vậy, Cao Thắng liền xuống núi, vô sâu trong làng mạc, hỏi thăm ai là người đã đúc pho tượng đồng thờ trong ngôi đền.

Hỏi dân làng ở đây họ đều nói là ngôi đền và pho tượng đã có từ lâu lắm rồi, lúc họ còn chưa đẻ, nên không biết ai là người đúc tượng. Mãi mới gặp được một cụ già đã gần trăm tuổi, cụ cho biết là từ đời các cụ truyền lại, pho tượng ấy là của thợ ở ngôi làng dưới chân núi Thiên Nhẫn đúc.

Cao Thắng cảm ơn cụ già rồi nhằm về phía Đông Bắc mà đi tới. Phía trước là dãy núi Thiên Nhẫn 999 đỉnh trập trùng.

Thiên Nhẫn là một dãy núi ở giáp giới hai huyện Hương Sơn và Thanh Chương, trong đó có nhiều chỏm như Lạp Phong, Bùi Phong... các chỏm đều đầu tròn và cao ngất lên, giống như hình một đàn ngựa chạy đua vậy. Đến ngôi làng ở chân chỏm Lạp Phong, Cao Thắng gặp một cụ già, hỏi thăm, thì cụ cho biết:

- Ngày xưa, đức Lê Thái Tổ khởi nghĩa đánh nghĩa quân Minh đã dựng căn cứ ở đây sáu năm, nên ngôi thành nhà vua đắp được gọi là thành *Lục niên*. Trên núi có nhiều vết tích thành lũy của nghĩa quân Lam Sơn trước khi đánh dụ hàng quân Minh ở thành Nghệ An. Tôi nghe các cụ xưa truyền lại là: nhà vua đã cho tập trung thợ rèn thợ đúc ở khắp vùng đến đây để rèn đúc khí giới

CÓ CÔNG MÀI SẮT

cho nghĩa quân, vì thế ở làng này còn sót lại một phường làm nghề đúc sắt, đúc đồng. Ông thử vào trong làng hỏi thăm xem sao.

Khi Cao Thắng vào trong làng, hỏi thăm đến phường đúc thì dân làng cho biết cụ phó cả từng đúc pho tượng ở ngôi đền trên núi Tùng Lĩnh đã qua đời từ lâu, giờ chỉ còn sót một người cháu của cụ mà thôi. Thắng lại tìm đến nhà thì gặp một chàng trai mặt mũi khôi ngô, dáng dấp nhanh nhẹn. Sau khi Thắng hỏi anh ta có rành nghề đúc đồng không, anh nói:

- Tôi cũng được các cụ truyền nghề lại, nhưng không đúc nổi những pho tượng tinh xảo như cụ tôi trước đây mà chỉ có thể đúc được, lư, đỉnh, hạc, đế thờ và mâm, nồi, âu trầu mà thôi. Theo các cụ truyền lại thì làng tôi xưa là làng Vạc ở Nghĩa Đàn, ở đây từ thời cổ xưa đã đúc được rìu, lưỡi kéo, dao găm, nồi, muôi, thạp, thố, chậu và trống đồng... nên giữ được bí truyền về nghề đúc đồng. Tới nay thì tay nghề của chúng tôi đã kém cỏi, nên nghề đúc đồng ngày càng sa sút. Chẳng hay ông muốn hỏi về nghề đúc để làm gì?

Cao Thắng nói:

- Chẳng giấu gì anh, tôi là người Lê Động cùng huyện, đang mộ nghĩa quân đánh Tây nên cần đúc thêm khí giới. Liệu anh có thể đúc được những đường rãnh xoắn trong lòng nòng súng như thế này không? - Dứt lời ông đưa một mảnh nòng súng, mang theo trong người ra, cho anh ta xem.

Anh ta ngắm nghía một hồi rồi nói:

- Nếu chỉ như thế này thì chúng tôi làm được.

Cao Thắng mừng rỡ:

- Vậy thì hay quá, xin mời anh về Lê Động giúp cho chúng tôi.

- Một mình tôi thì không làm nổi, ông cứ về trước để tôi rủ thêm một số anh em trong phường đến giúp các ông.

Cao Thắng từ biệt người thợ đúc trở về Lê Động. Trước khi chia tay, ông hỏi họ tên thì anh ta nói mình tên Tiệp.

Cao Thắng trở về Lê Động được mấy ngày thì Tiệp đã dẫn sáu người thợ đúc đến, trong số đó có một ông già đã sáu mươi tuổi tên Quyên là thợ bạn của ông nội Tiệp trước đây, nên tay nghề vững hơn Tiệp. Ngay hôm sau, mọi người bắt tay vào việc đúc.

Đầu tiên, cụ Quyên bảo Cao Thắng cho người đi kiếm đất đồi về đập vụn, rồi rây nhỏ mịn như bột gạo tám, nhào nước trộn cùng giấy gió rừng băm thật tơi, để đắp khuôn bên trong cho khỏi co giãn.

Cụ Quyên khắc lên khối thao những đường rãnh xoắn theo ý muốn, gọi là cát ván xe, rồi in đắp tức là dùng bay tre miết những đường quan cho nhẵn, đặt vào bên trong để in thao.

Khuôn bên ngoài gọi là bìa, đất áo ngoài phải dùng gạch chịu lửa, giã trộn với đất và trấu đốt cháy nghiền thành bột. Đắp bìa xong, cụ lại dùng đá mài mài nhẵn cạnh bìa cho khỏi ráp.

Khi nung khuôn, lúc mới đốt thì cho nhiều lửa, nhưng dần dần hạ tỷ lệ, khuôn êm đi khỏi bị xé.

CÓ CÔNG MÀI SẮT

Trong khi đó cụ cho bắc nồi đồng lên lò, nấu thép, trộn với một tỷ lệ đồng nhất định, dùng than đốt.

Nung khuôn xong thì dỡ ra để nguội, phải tính thời gian khuôn ra nguội thế nào, nếu để nóng thì bị sộc rỗ.

Khi nước thép trộn đồng xèo xèo sôi bỏng đã biến thành màu lửa, cụ nghiêng nồi rót vào trong khuôn.

Đến khi nước thép trộn đồng nguội, dỡ khuôn ra, bên trong nòng súng đã có những đường rãnh từ thao in lên, thọc ngón tay vào sờ có thể thấy được.

Cao Thắng cho lắp nòng mới chế vào các bộ phận khác, đem súng bắn thử, thì thấy lần này đạn đã bắn xa được 12 trượng, mới chỉ bằng một phần ba của khẩu súng Tây. Cụ Quyên nói:

- Tôi cho rằng: sở dĩ súng Tây chế bắn xa hơn súng ta là vì họ có thể đưa máy mài luồn sâu vào bên trong lòng nòng để mài cho khỏi ráp, có thể giảm bớt ma sát của viên đạn đi trong nòng súng để đẩy nó xa hơn. Nếu như đường rãnh này mà nổi ở mặt ngoài, thì ta tha hồ mài cho nhẵn, nhưng nó lặn sâu vào bên trong thì làm thế nào được.

Cao Thắng nói:

- Bước đầu được như thế này đã là tốt lắm rồi. Xin cảm ơn cụ và anh em phường đúc đã tận lực giúp đỡ cho nghĩa quân chúng tôi.

Cụ Quyên nói:

- Chúng tôi chỉ muốn đóng góp chút công sức nhỏ mọn của

mình vào công cuộc đánh Tây, nào có gì đáng kể là ơn huệ. Nhưng ông cứ yên tâm, thế nào tôi cũng nghĩ chế ra được dụng cụ có thể luồn sâu vào lòng súng để mài, nếu làm được như vậy thì súng ta bắn chẳng thua gì của Tây.

Trong tiệc mừng khánh thành khẩu súng đầu tiên, Cao Thắng nhìn những người thợ đúc vừa ăn uống vừa chuyện trò rôm rả. Ông thầm nghĩ: chẳng bì với lúc đang đốt lò và rót nước đồng vào lò, cứ uy nghiêm như một trận đánh lớn, mọi người không ai nói với nhau một tiếng nào, chỉ dùng mắt và ngón tay ra hiệu với sự chính xác như liều lượng các kim loại trong hỗn hợp đến độ nào nước đồng đã được, đến độ nào nghiêng rót vào khuôn, đến độ nào thì ngừng. Mọi người đều tập trung hết tình cảm và ý nghĩa vào công việc, bất động, sắt lạnh lòng vô tri phải ngoan ngoãn tuân theo ý muốn của con người mà thay đổi hình dáng. Nếu không có lửa từ trái tim con người nhóm thêm vào thì liệu có thể làm cho lửa lò nóng lên nghìn độ đủ sức nung chảy sắt thép hay không? Cái tình im lặng của mọi người nấu nung trong dồn nén, khi phát ra thì thành tiếng nổ.

Sau khi hoàn chỉnh thêm khẩu súng để bắn được gần 20 trượng, Cao Thắng cho chế 350 khẩu đầu tiên, rồi cho người ra Bắc mời cụ Phan Đình Phùng vào cầm đầu nghĩa quân. Cụ Phan khi ra Bắc, giả làm tú tài dạy học ở Sơn Tây mà liên lạc với các nhà ái quốc ở Hải Dương và nhất là Đề Thám. Nhưng cụ thấy ít hy vọng. Cụ đang chuẩn bị về Hà Tĩnh thì đúng vào dịp thư của Cao Thắng đến.

Nghĩa quân lại gặp lãnh tụ, một người vừa có danh vọng vừa có lòng yêu nước thiết tha. Khi gặp Cao Thắng, cụ Phan cầm tay Thắng mà nói:

CÓ CÔNG MÀI SẮT

- Xưa Gia Cát Vũ hầu chế *một ngựa lưu mã*⁽¹⁾, cũng chỉ dùng vào việc vận chuyển lương thực mà thôi. Nay tướng quân chế được súng như của Tây, còn cơ trí hơn Vũ hầu nhiều lắm.

Cao Thắng khiêm tốn:

- Công đâu là thuộc về anh em phường rèn, phường đúc chứ tiểu tướng nào có công gì. Lòng người mới là thứ vũ khí lợi hại nhất, nếu có lòng người thì việc gì mà chẳng xong?

⁽¹⁾ Trâu gỗ, ngựa gỗ có thể di chuyển được.

CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG

Trên cánh đồng trời mênh mang, từng chòm sao hình cái đố, cái nơm, con vịt, sông Ngân Hà, ông Thần Nông la liệt... hình như trên đó cũng đang tấp nập làm lụng. Ngô Lý⁽¹⁾ nhớ đến ánh sao lấp lánh trên mặt đầm Mông Lãnh quê Lý hồi Lý còn nhỏ. Nước đầm mùa xuân đục, mùa hạ mặn, mùa thu đông trong mà lạt.

Đêm đã khuya, Ngô Lý còn lò dò ra trảng cát đặt bẫy bắt nhông. Nhông là một loài thần lặn lớn dài đến một thước ta, thịt ăn rất ngon.

Lý đặt một cái ống tre, để khi nhông chui vào, cái cần sập xuống, dây thông lọng thít chặt vào cổ nó. Cách đánh bẫy này, Lý đã học được của anh Tư, người từng làm nghề săn bắn trên rừng. Anh Tư thấy Lý mồ côi, lại chịu khó học, nên dạy cho Lý cách đánh bẫy nhông, đem bán lấy tiền học.

Đặt bẫy xong, Lý về nằm chợp mắt được một lúc, lại dậy giúp mẹ ra chợ dọn hàng, xong lại về nhà giở sách ra học và làm bài. Đầu bài thầy ra hôm nay khó quá, Lý phải cắn bút nghĩ mãi mới làm được. Nhưng vừa vụt nảy ra một ý thì Lý đã viết lia lịa một hơi, chữ đuổi không theo kịp ý nghĩ.

Văn Lý lời tuy không bóng bẫy hoa mỹ, nhưng Lý rất cứng

⁽¹⁾ Còn có tên Ngô Trân, Ngô Chuân

CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG

cỏi, nhiều khi cãi lại cả lời chú giải trong kinh sách của tiên nho. Lý mỉm cười nghĩ đến câu người ta thường nói: “Quảng Nam hay cãi...”. Phải rồi, những người ở đất Điện Bàn, Quảng Nam này có tiếng là cương trực. Ông Phạm Phú Thứ ở Đông Bàn còn cãi lại cả vua, ông Hoàng Diệu ở Xuân Đài còn dám cự lại cả Tây. Lý thầm nghĩ: mình phải cố gắng học để chóng thành tài, noi gương hai ông, làm việc có ích cho dân cho nước...

Mải nghiên ngẫm văn bài đến quá trưa, Ngô Lý mới sức nhõ vội ra trắng cát tháo bẫy. Những chú nhông mắc bẫy đã có thì giờ vùng vẫy cắn đứt dây thông lọng siết cổ, chui xuống hang tự bao giờ. Lý tiếc ngẩn người. Nếu không bẫy được đủ mười con nhông thì làm sao đổi được hơn lon gạo để nấu cơm chiều. Lý biết mẹ cho Lý đi học là đã cố gắng nhiều lắm.

Ngô Lý quê làng Mông Lãnh, tổng Phú Xuân, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, sinh trưởng trong một gia đình nghèo, mồ côi cha từ lúc còn nhỏ, mẹ phải rời quê ra ngụ cư ở làng Cẩm Sa⁽¹⁾ huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Mẹ Lý phải bán trầu cau ở góc chợ để nuôi con. Thấy Lý lớn lên đòi đi học hơn đòi ăn, mẹ Lý cố lo cho bụng con dù lưng cơm chứ không đói chữ. Nghĩ như vậy nên Lý đi học về là làm thêm việc nhà đỡ dần mẹ. Trưa, chiều, Lý vừa bửa cau giúp mẹ vừa học. Lý nhận phần nấu cơm tối, cơm sớm nhờ bếp lửa học cho đỡ dầu đèn. Suốt cả mùa hè, đi học về, Lý ăn vội vài chén cơm khoai rồi tay xách bẫy, tay cầm vở ra trắng cát đặt bẫy nhông. Nhiều đêm đông lạnh buốt, Lý vẫn như thân cò lội khắp bầu Cẩm Sa nơm cá. Có hôm Lý nơm được giỏ diếc lớn, cũng có hôm Lý câu được xâu cá tràu to, nhưng Lý chỉ đem một con về cho mẹ, còn thì bán hết, dành

⁽¹⁾ Sau đổi là làng Cẩm Sa, nay thuộc xã Điện Nam.

chịu ăn cực. Tối không có dầu đèn, Lý phải chẻ tre làm đuốc hay xâu trái mù u đốt làm đèn để học. Lúc mới học, giấy mực cũng không tốn bao nhiêu, giấy viết là lá chuối hơi lửa cho dẹt và ít rách. Mực làm bằng đất sét, bồ hóng, lọ nổi và keo da trâu, chỉ cần mua một cây bút lông. Nhưng đến khi trình độ khá hơn, viết chữ hàng tư, tức là viết bốn dòng trên một trang giấy, Lý phải mua giấy bản loại xấu gọi là giấy trung. Lý hà tiện giấy chỉ dùng giấy bản chép bài theo lời thầy đọc trong sách và làm bài nộp thầy, còn khi ôn tập ở nhà Lý viết chữ to trên khay cát, viết chữ nhỏ trên lá chuối và lấy lông mèo bện làm bút, lấy than làm mực cho đỡ tốn tiền!

Nhớ lại buổi đầu mới đến học thầy, Lý xin mỗi ngày chỉ học một buổi, thầy không chấp nhận, mẹ Lý phải đến van xin thầy chấp nhận cho con mình vào học, thầy thương tình nên không nỡ khước từ. Có hôm Lý đến muộn hàng giờ, thầy định đuổi học, nhưng lúc xem bài vở, thầy ngạc nhiên: “Bài phú đáng loại ưu”. Tan học, Lý bị thầy giữ lại hỏi vì sao đến muộn. Lý kể cho thầy nghe chuyện nhà. Thầy gật gật, chợt chỉ tay vào bàn chân sưng húp của Lý hỏi:

- Chân con sao vậy?

- Bẩm thầy, hôm kia con đào khoai, mãi nghĩ về bài phú của thầy ra, con cuốc phải chân. Con vô ý quá!

Thầy chép miệng:

- Tâm trí con dốc hết vào kinh sử, còn đâu nữa mà vô với hữu.

Từ đó, thầy càng để tâm rèn cặp cho Lý nhiều hơn.

CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG

Thầy của Lý là Hoàng giáp Phạm Như Xương, quê làng Ngăn Thanh⁽¹⁾, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam. Làm quan trải qua các viện, bộ; năm 1880 thăng Bố chánh tỉnh Phú Yên; 1883 chuyển về Huế sung vào phái đoàn do Nguyễn Thành Ý dẫn đầu đi thương lượng ở Thuận An với Pháp xin đình chiến. Cuộc thương lượng thất bại, ông lại trở về nhiệm sở cũ ở Phú Yên.

1884-1885, khắp nơi từ Huế đến Bình Thuận đâu đâu nghĩa quân nghĩa sĩ đều đứng lên chống Pháp, ông cáo quan không cộng tác với chính quyền triều Đồng Khánh.

Ông là tác giả bài *Sát tả Bình Tây Quảng Nam văn thân hịch* của Nghĩa hội Quảng Nam do tiến sĩ Trần Văn Dư làm Hội trưởng. Sau khi Trần Văn Dư hy sinh, ông chiêu tập nghĩa quân liên kết với nghĩa quân Bình Định do Mai Xuân Thưởng cầm đầu đứng lên chống Pháp. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân ở các vùng núi từ Phú Yên đến Bình Thuận khiến quân địch ngày đêm không yên giấc. Quân triều Đồng Khánh do Nguyễn Thân chỉ huy, hợp lực với đội quân đánh thuê do Trần Bá Lộc chỉ huy bao vây tấn công căn cứ nghĩa quân, ông và gia quyến bị bắt. Ông bị áp giải về Huế, triều đình xử trăm giam hậu⁽²⁾, tên ông bị đục ở bia Tiến sĩ tại Văn miếu Huế.

Đến đời vua Thành Thái ông được tha, cho khởi phục chức Điển tịch, sung chức Tu thư ở Quốc Tử Giám. Sau đó được phái đi kinh lược hai tỉnh Thanh Hóa - Nghệ An rồi giữ chức quyền tri phủ Anh Sơn (Nghệ An) một thời gian. Ông bị đòi về Huế làm việc tại Viện Cơ mật với hàm Tử vụ. Năm 1893, ông xin cáo

⁽¹⁾ Sau đổi là làng Ngăn Cầu, nay thuộc xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn.

⁽²⁾ Xử chém nhưng còn giam lại.

quan về quê mở trường dạy học.

Lý đã được nghe người ta đồn đại nhiều về gương hiếu học của ông Hoàng giáp. Nhà nghèo, bà vợ ông phải làm nghề hàng xáo, làm nghề này vừa có cám nuôi heo, vừa có phân bón ruộng, có đồng ra đồng vào và chồng con có thể vừa học vừa xay lúa giã gạo. Nhờ thế mà bà đã nuôi chồng ăn học thi đỗ được Cử nhân. Nhưng đến khi trở thành ông cử rồi, ông vẫn đòi gánh gạo vào tận phố Hội An đỡ vợ, luôn tiện tìm thuê sách đọc. Khi ông thầy thuốc Bắc người Hoa kiều biết được rằng anh chàng gánh gạo đi rao khắp dãy phố Chùa Cầu chẳng ai mua kia lại là cử nhân, vào đến sân nhà ông thì không mời mua gạo mà chỉ dán mắt vào giá sách ở góc tường rồi xin mượn một cuốn ngồi đọc. Ông liền hứa mỗi ngày tìm mỗi bản giúp cho một gánh gạo và mượn hoặc bỏ tiền thuê sách cho mà học để kịp khoa thi. Thế là ông Cử Xương khởi phải đi khắp các hiệu sách ở Đà Nẵng hỏi thuê đọc mà vẫn chọn được những cuốn vừa ý, tay lật, mắt chớp như chụp hình, trong vài giờ vừa *chụp* vừa chuyển vào bộ não hàng trăm trang rồi trả và nói dối là sách không hợp nhu cầu. Có đoạn nào quên, ông lại tìm nơi vắng ngồi ghi thoáng.

Ngày thi Đình sắp đến, ông Cử Xương chỉ còn dồn tâm trí nghiền ngẫm sách vở, văn bài. Có lúc con mời cha ăn cơm mãi không được, vợ bưng mâm đặt lên quyển vở trên bàn, đứng ép chồng ăn như ép người ốm. Có lần thấy chồng vừa ăn vừa học, bưng chén cơm đưa lên miệng húp, húp chẳng được thì gặm, còn bưng bát canh lại và, vợ bưng miệng cười ngất. Chồng nói như mắng: “Thôi... thôi... để tôi học!”, vợ mới chịu đi.

Bà Cử Xương còn tính chuyển cối xay ra sau nhà để chồng được yên tĩnh mà học. Bà phải mua lúa, làm gạo thâu đêm đến

CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG

sáng sớm gánh gạo đến phố Hội An xa mười lăm cây số, bán kiếm lời vài ba xu gộp lại cho chồng đi thi. Đến những bữa ăn có đĩa cá, bát canh bà đều ăn cơm trước. Ông Cử thấy lạ, để ý. Bốn con cá chuồn đều cắt đôi, kho rất ngon. Vợ ăn trước sao vẫn còn nguyên thế này. Ông rình xem. Hóa ra bà ăn cơm ghế khoai ngô rắc muối mè với bát nước lã để bên cạnh. Ông xúc động gọi các con tới chứng kiến các *món ăn* của mẹ. Bốn cha con đều khóc, chỉ có mình bà tỉnh khô. Bà nói:

- Tui ăn bún bò rồi. Tội chi mà nhịn.

Những bữa cơm sau, bà bị bắt ăn cùng cả nhà. Phần cá ai nấy ăn. Thừa lúc xới cơm cho chồng, bà tráo nhanh miếng cá của mình vào giữa chén cơm rồi đắp cơm lên. Ông phát hiện, không ăn, bà bảo: “Ăn đi để lấy sức mà học. Lao tâm khổ hơn lao lực”.

Khoa thi năm Canh Thìn, 1880, Phạm Như Xương đi thi Hội trúng tuyển, đến khi vào thi Đình, Tự Đức - ông vua hay chữ, giỏi thơ nhất trong các vua nhà Nguyễn - đọc quyển thi của Phạm Như Xương cho là *văn chương tuyệt tác*, lấy đỗ đầu Hoàng giáp. Khoa này ông đỗ đồng khoa với Tống Duy Tân, Trần Văn Dư, Hồ Bá Ôn. Ba vị này sau đều hy sinh vì nước.

Các con của ông Hoàng giáp Xương người con lớn chỉ thi một khoa đỗ cả tam trường, sau đó đỗ Cử nhân. Người con thứ hai mới mười, mười hai tuổi đã thuộc lầu Tứ thư, Ngũ kinh, sau đó đỗ Tú tài.

Trước những tấm gương hiếu học của thầy và các con thầy, Lý tự nhủ phải cố gắng học để noi gương và không phụ công thầy dạy bảo. Vì hàng ngày phải làm thêm công việc quá mệt nên đến tối ngồi học dễ buồn ngủ, Lý phải xoắn búi tóc của mình

buộc vào một sợi dây treo lên xà nhà, và ngồi chăm chú đọc sách. Đến khuya, khi nào ngủ gật, thì lập tức đầu bị giật lên... để tỉnh lại, tiếp tục đọc sách, học.

Thầy cũng nói với Lý, người Quảng Nam tuy nghèo nhưng học giỏi, như Đỗ Thúc Tĩnh ở La Châu, đỗ Tiến sĩ năm 30 tuổi, Phạm Phú Thứ ở Đông Bàn, đỗ Tiến sĩ năm mới có 23 tuổi, bốn khoa thi Hội đầu ở trường Thừa Thiên đều do bốn người Quảng Nam đỗ Tiến sĩ đầu bảng. Đó là Lê Thiện Trị, Phạm Phú Thứ, Đỗ Thúc Tĩnh, Phạm Đại Khuê, được tôn xưng là “tứ hùng”.

Cùng trang lứa với Lý cũng không thiếu gì người giỏi như Phạm Liêu, Huỳnh Hanh⁽¹⁾ là hai thí sinh thông minh hay chữ nhất tại Kinh đô Huế. Các khoa này đều thi tại trường La Chũ (Thừa Thiên) học sinh các tỉnh rớt hàng loạt, riêng hai người Quảng Nam Phạm Liêu, Huỳnh Hanh đều được vào Tam trường, tên bay khắp kinh sư, người tới xem mặt đông như kiến ồ. Lý quyết dốc chí học hành để không hổ thẹn là người đất Quảng Nam *địa linh nhân kiệt*.

Nhiều nhà phú hào trong làng thấy Lý học giỏi nên nhờ Lý dạy con mình học và bảo:

- Tao cho mày bọc gạo, rá khoai, nhưng mày chớ nói cho ai biết là tao trả công mày dạy cho con tao học nghe chưa?

Nhờ vậy, Lý cũng tạm đủ ăn để có thể dốc tâm vào việc đèn sách.

⁽¹⁾ Tức Huỳnh Thúc Kháng, quê Thăng Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, cùng Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Hiến, Phạm Liêu được gọi là “tứ hổ”.

CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG

Năm hai mươi tuổi, một hôm Lý ngồi bên mẹ thở thở nửa vui nửa buồn:

- Thưa mẹ! Thầy bảo con nộp đơn ứng thí. Thầy tin sức học của con. Nhưng mẹ ơi! Chắc chi lý trưởng làng này đã hạ viết đóng triện vào đơn, vì cha mẹ đều là dân ngụ cư, tộc lẻ.

Bà mẹ thương con nên cùng con đi đến nhà lý trưởng làng sở tại. Quả nhiên, sau khi nghe mẹ con Lý van xin thì lý trưởng miệt thị:

- Thằng lợt lòng mụ bán trầu cau ở góc chợ mà dám nói tới thi với cử.

Lý trở về quê cha sau những ngày ly hương, để mong bà con trong họ công nhận Lý thuộc dòng máu họ Ngô, nhưng các quan viên trong họ, thấy mẹ con Lý nghèo khó, không chịu nhận. Bà mẹ lại phải về quê mình, nhờ cha mẹ nói giùm và tốn lễ vật mới xin được chữ ký và áp triện của lý trưởng, xác nhận mình là dân làng Hà Thanh⁽¹⁾.

Lúc đi thi, Lý chẳng có gia nhân tiểu đồng hộ tống. Trong khăn gói chỉ có cái quần trắng đã sờn, cái áo lương, khăn đóng của ông ngoại cho mượn. Và Lý đem theo cả cửa đục để đến ven đô Huế xin tre đóng chông.

Bà mẹ Lý, trong hai mươi năm trời vừa tần tảo nuôi con, vừa bỏ bùng binh mỗi ngày vài đồng tiền. Tới lúc con đi thi, bà đục hai cái bùng binh chỉ được hai quan rưỡi, bà phải mượn đủ bốn quan đưa con đi ăn đường. Bà dúm vào tay con cái túi vải đựng

⁽¹⁾ Nay thuộc xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn.

tiền. Lý đỡ túi tiền ứa nước mắt, cúi chào mẹ, lặng lẽ ra đi. Khi con đi khuất rồi, hai hàng nước mắt mới từ từ lăn trên gò má hốc hác của bà mà lúc này bà cố giấu không muốn để con nhìn thấy.

Khoa thi Đình năm Mậu Tuất, 1898, cả năm ứng thí tỉnh Quảng Nam đều đậu cao: Phạm Liệu⁽¹⁾, Phan Quang⁽²⁾, Phạm Tuấn⁽³⁾ đậu Tiến sĩ, Ngô Lý và Dương Hiến Tiến⁽⁴⁾ đậu Phó bảng.

Tổng đốc Quảng Nam - Đào Tấn tặng Ngô Lý bài thơ sau đây:

*Giang sơn thành thực dị tài đa,
Tam quốc kê khai nhất dạng hoa.
Cánh hữu Quảng Hàn cung ngoại khách,
Do tường thế bát tả Hằng Nga.⁽⁵⁾*

Tổng đốc Quảng Nam lại xuống lệnh may một bức trướng gấm thêu năm con chim phượng, trên ba dưới hai, giang cánh

⁽¹⁾ Phạm Liệu (1872-1936), quê làng Trừng Giang, huyện Diên Phước, (nay là xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

⁽²⁾ Phan Quang (1873-1939), quê xã Phước Sơn (nay là xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam).

⁽³⁾ Phạm Tuấn (1852-1917), quê làng Xuân Đài, huyện Diên Phước (nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

⁽⁴⁾ Dương Hiến Tiến (1866-?)

⁽⁵⁾ Non sông thành thực nhiều tài lạ,
Ba quốc nở cùng một dạng hoa.
Có khách ở ngoài cung Quảng tới,
Còn đem bút mực tả Hằng Nga.

CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG

bay và bốn chữ do ông hạ bút đề “Ngũ phụng tề phi”⁽¹⁾. Đồng thời, Tổng đốc có trát cho các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn lo võng lọng, lễ nhạc, lính hầu, cho dân khiêng ra tận đỉnh đèo Hải Vân đón “ngũ phụng” về vinh quy bái tổ.

Khi về qua làng Ngân Thanh, Ngô Lý qua nhà thầy, bước vào hiên, Lý hướng vào án thư, gọi “Thầy!” rồi nhào tới vừa quỳ vừa ôm lấy chân thầy. Thầy hỏi Lý đã về thăm mẹ chưa, Lý bảo chưa, thầy vội giục Lý về gấp để thăm mẹ.

Về đến nhà, thấy mẹ, Lý thưa với mẹ, giọng xúc động xen lẫn tự hào:

- Thưa mẹ, con đã về!

Nhìn Lý mặc áo gấm thêu chim phượng hoàng rực rỡ, bà mẹ cười hỏi:

- Con mặc áo quần chi lạ vậy?

Lý đang lúng túng thì một ông già trong làng đến nhà mừng Lý thi đỗ, đã nói ngay:

- Áo mào vua ban cho quan tân khoa Phó bảng đó bà!

Nhìn con, bà mẹ lại hỏi:

- Con đậu Phó bảng, vậy ai đậu *chánh bảng* hả con?

Cả nhà cười rộ lên trước câu nói mộc mạc của người mẹ nghèo.

⁽¹⁾ Năm con chim phượng cùng bay.

GUƠNG MẶT CON LÂN

Đốc phủ sứ Trần Tử Ca đang ngồi chùi lư đồng ở giữa nhà. Mỗi năm đến dịp Tết, mọi công việc khác Ca phó mặc cho bọn gia nhân đầy tớ làm, nhưng riêng việc chùi lư đồng thì y lại thân chinh làm lấy không giao ai được. Vả chẳng chùi lư đồng cũng có cái thú riêng. Lư của Ca không phải thứ trơn láng mà là thứ lư mắt tre gỗ ghề rất khó chùi cho bóng. Sở dĩ gọi là lư mắt tre vì trông dáng lư hùng vĩ, bặm trợn, giống như gốc tre già cỗi đã biến hình thành con lân. Chiếc lư trúc hóa lân này, Ca cũng không mất tiền mua mà là của người ta dâng y để chuộc mạng cho thân nhân bị bắt vì tình nghi là đi theo Trương Quyền làm nghịch chống nhà nước Lang Sa.

Vợ Phủ Ca bước về nhà thấy Ca vẫn đang ngắm nghía lư đồng để tìm vết nhẹ chùi tiếp thì bực mình gắt:

- Ông này trau lư bóng ngó thấy mặt rồi mà còn cứ trau hoài. Có để đấy đỡ tôi một tay không?

Cụ tạm ngừng tay hỏi vợ:

- Việc gì mới được chớ?

- Ông coi mấy chai Ngũ gia bì, Mai quế lộ tôi mua của *các chú* trong Chợ Lớn có phải thứ thiệt không?

Ca cau mày:

- Bà cũng phải kiếm thêm mấy chai sâm banh, cô nhắc nữa

GUƠNG MẶT CON LÂN

chợ. Đầu năm thế nào chả có các quý quan Lang Sa tới chơi:

- Tôi đã lo đủ cả rồi, còn có thêm cả rượu đậu nành Cai Lậy nữa. Năm ngoái các quan uống khen ngọt không kém gì rượu Anisette của Tây.

- Phải mua thêm khô nai Bình Dương, khô gộc Rạch Giá đồ nhậu mới thiệt! là đúng vị. Lại phải có cam Quảng, cam Tiểu tráng miệng nữa chứ. Ngày tết phải có đủ thức ăn Tây, Tàu, nội hóa mới là người sống trong thời buổi văn minh mưa Âu gió Á này! À, mà bà đã thuê đủ tiền mượn xe ngựa của tụi nó chưa?

Thị Màu, vợ Phủ Ca nắm độc quyền về chuyên chở hàng hóa từ Hốc Môn về Sài Gòn. Hầu hết xe ngựa ở Hốc Môn do mụ làm chủ. Nghe chồng hỏi, mụ kéo dài giọng:

- Rồi... ồ... ừ! Đợi đến lúc ông hỏi thì có mà... Phân nửa những đồ nhấm Tết năm nay là tôi bắt nợ của những đứa thiếu đầy chợ?

Ca vẫn phục mụ vợ về điểm này. Minh dầu tài ba có thừa đã giúp nhà nước Lang Sa đánh bật được nghĩa quân Trương Quyền ra khỏi đất Củ Chi, nhưng đến cái việc đối phó với con nợ thì vợ mình mới là tài ba bậc nhất. Chẳng có thế mà khi mình làm xã trưởng Hạnh Thông (Gò Vấp) mới chỉ có một căn nhà gỗ mà tới nay đã có hẳn năm gian nhà gỗ chạm lộng khéo léo. Trước nhà có sân rộng chừng toàn kiếng gốc, trong nhà lư đồng, lộc bình lớn men lam chấn sơn thủy, bình tích Mạnh Thần, Thế Đức thật cổ, thật xinh, bộ chén trà và tô uống trà có thơ nôm hoặc hiệu đề đúng vào những năm đi sứ của các sứ bộ triều Nguyễn... Những của này nếu không tom góp ở thập phương thì có bao nhiêu tiền cũng không mua nổi.

Trong số những nghĩa quân bị đày đi Côn Đảo, được ân xá trở về chỉ có một người không chịu đến tạ ơn Phủ Ca, đó là Quản Hớn. Thấy Quản Hớn ngang ngạnh, Phủ Ca liền dùng chánh sách mềm mỏng để thu phục. Sau khi gọi Quản Hớn đến trình diện, Ca tặng cho Hớn một cái áo dày để mặc lạnh. Quản Hớn biết Ca có ý mua chuộc mình, ông nhận cái áo mà nói:

- Tôi xin giữ kỹ cái áo này để ngày khởi nghĩa chống Tây thì tôi sẽ mặc nó.

Ca không hiểu Hớn nói như vậy là nói giỡn hay nói thiệt. Tuy vậy y vẫn cho người theo dõi Hớn ráo riết. Nhưng mấy năm qua vẫn chưa thấy Hớn có hoạt động gì đáng ngờ. Y tự nhủ thậm có lẽ là Hớn nói giỡn, chẳng lẽ tính chống Tây phen nữa mà lại nói huých toẹt ra cho mình hay. Từ đó y cũng bớt phần quan tâm tới Hớn mà chỉ chuyên lo việc bóc lột dân chúng để vơ vét cho thỏa túi tham không đáy. Khi giàu có đã lớn rồi, vợ chồng Ca lại còn tổ chức những cuộc hát xướng, vui cười trên xương máu của dân.

Gần đây y được tin có một người ở Sài Gòn thường tới thăm nhà Hớn. Người này tên là Nguyễn Văn Bường, tự Năm Sốc, nhà ở Đất Hộ (Đa Kao). Y cho tay chân đi điều tra thêm, cuối cùng được biết đó là một ông già gần sáu mươi tuổi thường xuống Hốc Môn mua rượu đế về bán ở quán hàng của ông ở Đất Hộ. Phải rồi, rượu đế Hốc Môn nấu toàn chất nếp, mùi thơm, bọt nhiều, uống không gắt, có hậu ngọt, khách sành điệu ở Sài Gòn hẳn là phải mê thứ đó rồi, nên Năm Sốc lặn lội đi kiếm rượu cho khách cũng là hợp tình hợp lý thôi.

Bỗng vợ Phủ Ca reo lên:

- A! Có trống múa lân. Hình như họ sắp sửa tới cổng huyện

GUƠNG MẶT CON LÂN

rồi. Ông ra nhà ngoài coi múa lân đi ông. Cả năm mới có một dịp này.

Ca còn đang ngập ngừng thì mẹ vợ đã nắm lấy cánh tay kéo ra nhà ngoài. Lúc này các con y đang đứng ngoài cổng ngóng đám múa lân. Trống chiêng inh ỏi, pháo nổ om sòm, dẫn đầu là một đoàn cờ xí, võ sĩ múa may gươm, kích, song đao. Một đứa con lớn của Ca vội treo dây pháo trước cổng rồi lại treo giải trên chót cây sào chạm tầng lầu hai ngôi nhà.

Lân bò vào nhà, lạy trước nhà rồi thụt lùi ra trước cổng. Con Phũ Ca đốt pháo, pháo nổ đi dùng, lân nhảy tung lên cao hai chân dậm lại để tránh cây pháo đại. Rồi lân lại đùa giỡn với hàng trăm câu pháo tiểu nổ giòn, day qua day lại tấp pháo vào miệng. Lũ con Ca hò reo tự ý nhường chỗ cho lân tự do tới lui nhảy nhót. Khói pháo bốc lên một mùi thơm nồng khiến lân la đà như say pháo. Xác pháo tung tóe rắc trên mình lân và đoàn võ sĩ rồi rớt xuống dày mặt đất như những cánh hoa hồng...

Người múa lân vẫn núp trong đầu lân nên không ai biết mặt mũi anh như thế nào, chỉ thấy mặt lân rất tươi. Ai biết lúc này anh đang cau có nghiêng răng trợn mắt chuyển hết cả bắp thịt, tay chân để điều khiển. Mồ hôi tuôn nhễ nhại ướt áo ướt lưng. Lân trèo lên đứng trên vai của một võ sĩ rồi lại trèo cao hơn để lãnh phần thưởng trên sào. Lân trở xuống, mặt lân càng vui hơn. Nhưng lúc này người múa lân đã thấm mệt, lồng ngực phồng lên xẹp xuống. Lăn râu bạc của lân bay phấp phới, sừng lân nhô cao lên, đôi mắt lồi như phát ra tia sáng, miệng lân mở rộng như thốt lời chào đám dân đứng ngoài đường cái. Pháo lại nổ giòn, đôi mắt lân ngược nhìn lên cao đáng mạnh mẽ như sư tử tung bồm. Những lá cờ đỏ cờ xanh mang những chữ *Nhiệt tâm công ích*;

kiến nghĩa dũng vi; phong điều vũ thuận⁽¹⁾ bay quẩn quít bên mình lân hòa nhịp với những đường gươm, kích, song đao múa chung quanh như để vệ lân.

Đám con Phủ Ca từ nãy giờ vẫn ngồi chồm hổm, ghéch đầu lên cố nhìn mặt người mua lân nhưng không thấy. Vốn tánh tò mò không chịu nổi, đứa bé nhất chạy lại nói với Phủ Ca câu gì không rõ. Chỉ thấy Phủ Ca đông dặc truyền:

- Truyền lân ngược đầu lên cho ta coi thử mặt mũi thế nào mà điều khiển tài ba như vậy. Rồi ta sẽ có thưởng thêm.

Lân hình như hơi ngẩn ngừ rồi đập đầu lay mấy cái tiến đến trước mặt Phủ Ca. Cả đoàn võ sĩ cũng rùng rùng tiến theo. Bỗng người múa lân nâng đầu lân lên cao. Phủ Ca nhìn rõ gương mặt người múa lân thì... úy chao ôi... phải hăng nằng quáng đèn lò, không phải ai xa lạ mà chính là Quán Hớn, trên mình mặc tấm áo lạnh mà chính Phủ Ca ban cho.

Thì ra động tác hất đầu lân là một hiệu lệnh, cả đoàn võ sĩ nhất tề xáp lại vây chặt vợ chồng Phủ Ca vào giữa. Phủ Ca hết hồn, mặt xanh mét như tàu lá, tay chân run lẩy bẩy, mồ hôi toát ướt đầm lưng áo. Quán Hớn nghiêm nghị truyền:

- Truyền bắt vợ chồng tên Ca đem ra chém đầu cho ta!

Đoàn võ sĩ tuân lệnh túm chặt lấy vợ chồng Ca trối giật cánh khuỷu rồi giải đi. Cả đoàn nghĩa quân cải trang làm dân chúng đứng xem ngoài đường cũng ùa vào trong Huyện tịch thu sổ sách

⁽¹⁾ "Sốt sáng vì ích chung"; "Thấy điều nghĩa thì mạnh dạn làm"; "Gió hòa mưa thuận".

GUƠNG MẶT CON LÂN

hồ sơ ấn triệu. Con cả Ca là Phủ Luông toan chống cự bị một nghĩa quân dùng giáo nhọn đâm chết. Bọn mã tà run sợ xin hàng, nộp súng cho nghĩa quân. Một đoàn nghĩa quân khác mang gậy tầm vông, mõ ống kéo đi chặn con đường từ Sài Gòn xuống để phòng bọn lính Lang Sa từ trong thành và trại Ô Ma kéo tới cứu viện cho Phủ Ca.

Quản Hớn nở một nụ cười. Hồi nãy trái tim ông là gương mặt con lân, máu của huyết quản ông là đợt sóng ngầm vận chuyển những bước đi linh hoạt của con lân. Giờ ông đã vứt bỏ bộ mặt giả cùng với chiếc đầu lân, để trở về là Phan Văn Hớn, là thủ lĩnh nghĩa quân trong gương mặt vui tươi của chính con người. Mùi hăng cay từ các vườn trầu tỏa lên quyện với mùi khói pháo thơm nồng, khiến mọi người thêm ngây ngất...

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

Mồng một tết năm Mậu Tý⁽¹⁾. Mới xế chiều mà bóng tối xám nhờ đã làm năm gian nhà tranh càng như thấp xuống. Nhà người ta chưa tối thì nhà mình đã tối, thế mới là *lo trước nỗi lo của thiên hạ*. Nguyễn Khuyến gật gù, chống khuỷu tay xuống mặt tráp cho đỡ mỏi. Áo tứ thân cột tay lưng gần tới gối nhuộm màu vỏ già, quần nước đưa bỏ lá tọa lòa xòa trên giường mây, ông đang ngất ngưỡng trước chiếc nệm sử *bạch định* miệng bịt bạc, và một mâm bày cái thủ lợn ở đình đưa về. Nhìn ông hầu như lúc nào cũng tay đưa tay chén, chắc người ta tưởng ông hay rượu lắm. Ông cười thầm. Nếu các cụ bô lão mà cũng nhăm, mời ông ra tường đèn chợ Đồng nếm thử xem rượu hàng nào ngon để mua về tế thánh thì nguy phải biết.

Nói chứ năm nay cũng chả có rượu nào ngon. Từ ngày lão toàn quyền Lã Niết Sinh⁽²⁾ sang, đánh thuế rượu, lò nấu cũng làm ăn điêu trác, pha nước lã vào hay sao ấy. Rõ thật, mười điều thì chín điều bất như ý. Đến nỗi cái thú cuối cùng là uống rượu mà cũng chẳng ra sao. Thuế! Cái gì cũng thuế! Thuế dùng dầu dừa, thuế diêm, thuế thuốc lá, thuế muối, thuế giấy con niêm, thuế rượu... Nguyễn Khuyến ngậm môi vào chén, suy nghĩ. Ấy cái ngày thăng Cả vào Kinh thi Hội, ta làm bài thơ *Nhớ con* có câu: *Phú phiên do hạnh túy hương khoan*. Thuế nhiều may còn

⁽¹⁾ Năm 1888.

⁽²⁾ Lanessan (La-nét-xăng).

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

khoan miễn cho làng say. Nhưng bây giờ thì khác rồi. Nó đánh thuế rượu thì người nấu có phải chịu đâu, chỉ nhè vào đầu người uống. Thế có khác gì đánh thuế cả những người uống rượu. Người ta bảo ông Bá Di Thúc Tề đi ẩn, ăn rau vi ở núi Thú Dương cũng vẫn là ăn rau mọc trên đất nhà Chu thì mình định trốn vào chén rượu vẫn cứ bị uống thứ rượu nhạt hoét vì bị đánh thuế nặng. Cứ bảo lời nói không ai đánh thuế nhưng biết đâu là nói cái gì cũng phiền, vì thế lâu nay mình cũng không dám *từu nhập ngôn sơn sơn* nữa⁽¹⁾. Ít lâu nay, mỗi bữa rượu Nguyễn Khuyến thường ngồi lặng giờ lâu, như sống bằng tiềm thức. Rượu không làm cho ông quên sự đời mà lại đẩy lên bao nhiêu ý nghĩ không cất nên lời như cây đàn lâu không gảy treo trên vách kia ngậm những nỗi niềm trong ruột gỗ.

Rặng tre ngoài ngõ vắn mình. Cây nêu bơ thờ như người ngủ gà ngủ gật, thỉnh thoảng được gió lay tỉnh, lắc lắc chùm khánh đất nung, kiểu trẻ con súc súc sặc sặc. Lấp loáng trên nhà, không biết đấy là ánh đèn đèn dầu lạc hay ánh chén rượu hắt lên. Đêm đông chiêm, ngang trời một tiếng vạc kêu nước. Nguyễn Khuyến giật mình tợp nốt chén rượu. Thực ra thì sáng nay mừng một Tết, ông cũng đã uống quá say ở đình. Khi ông lép kẹp đôi giày nam ra đến trung đình, cuộc tế đã xong. Chiếu cạp điều trên cùng ghếu ghếu một mâm thủ lợn làm phần và một mâm cỗ tế thánh. Nhìn thủ lợn, ông thầm nghĩ: ông đã nhắm mặt mày hàng chục năm hay rồi. Chiếc thủ lợn hình như cũng *nhìn* ông qua đôi mắt nhắm nghiền mà dờ khóc dờ cười.

Nhìn mọi người còn đứng lơ nhố, đợi ông ngồi vào bàn nhất

⁽¹⁾ Hai chữ sơn ghép lại là chữ xuất, đây nói bóng chữ: từu nhập ngôn xuất (rượu vào lời ra).

rồi mới dám ngồi, ông khoan thai:

- Kìa mời các quan viên ta giải tọa đi chứ!

Thấy mọi người đều khép nép trước ông như trước một vị phúc thần, ông pha trò:

- Sao lại để tôi *một mình một chiếu thành thơi* ngồi thế này? Không ai đồng tọa với tôi, để coi tôi như chú mới chắc?

Cụ Nhiều Chuôi, một bô lão cao tuổi nhất, kính cẩn:

- Dạ bẩm quan Hoàng (làng này vốn trọng khoa hơn trọng hoạn nên gọi ông bằng danh hiệu Hoàng giáp ông thi đỗ, chứ không gọi bằng chức quan) - Cổ chính hiến để kính bậc tiên chỉ dân, bọn chúng tôi đâu dám lạm dự, vô phép ạ!

- Ủ thì cổ tế thánh, nhưng ông dám tế chứ tôi có tế đâu, vậy thì ông dám đâu, sao không mời lên. Mấy lại bây giờ tôi là dân, có là quan nữa đâu - ông kéo chìa ngực áo - tôi có đeo thẻ bài đâu, đã là dân thì phải theo lệ dân. Triều đình thì trọng tước, còn hương đảng thì trọng sĩ. Tôi ngồi chiếu trên, mà đây có ông chú già tôi thì ngồi tít dưới kia, thế mới vô phép!

- Bẩm xin đỡ lời quan Hoàng, quan Hoàng cũng đã vào bậc lão rồi đấy ạ.

- Tôi mới sáu mươi bằng sao các cụ bảy mươi. Vậy xin mời các cụ thất tuần lên ngồi với tôi cho vui, không tôi uống rượu một mình, buồn rưn rứt như chấu cấn.

Ông thân xuống kéo các cụ chiếu nhì lên ngồi cùng, rồi giơ tay mời người các chiếu dưới lần lượt nhích lên. Ông cười xòa:

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

- Ấy đầu năm *xuân thủ đàm ân*⁽¹⁾, tôi cho mỗi cụ thăng nhất cấp đấy nhá!

Tiếng cười rộ, tiếng giày tàu, giày đinh, dép da trâu lẹt set, tiếng chiếu sột soạt, buổi việc làng vui suốt đến tàn canh mãn vũ. Buồn cười nhất là khi ra về, lão Tổng Hào thấy Nguyễn Khuyến đi bộ dáng chừng “bất an” nên cố mời bằng được Nguyễn Khuyến lên vống của mình. Ông chối từ, bảo mình đi cùng với các bạn già cho vui. Chả nhẽ một ông Tổng đốc thì đi bộ mà ông Phó tổng lại vống giá nghênh ngang cũng khí... bất tiện nên Tổng Hào đành cho dẹp vống và đồ hành ngời nào điếu, nào tráp, nào hèo hoa, tay thước bắt bọn gia nhân mang đi lếch thếch.

Nguyễn Khuyến bật cười thành tiếng.

Mùi thơm của giò thủy tiên mãn khai hả hê quện lẫn mùi hương khói mọi nhà nghe ngọt ngào đầu lưỡi. Bất thành linh, gió tạt mùi vôi bột rắc hình cung tên, bàn cờ ngoài sân, nồng nồng xộc lên tận mũi.

Con cả ông, Phủ Hoan mới gửi thư cho ông nói tết này phải ở lại ly sở, vì quan Tây thấy tình hình chộn rộn, bắt phải ở lại phủ lo việc phòng thủ nên Hoan chỉ cho vợ về sáng nay, chị ta lên Vĩnh Trụ⁽²⁾ mừng tuổi cha mẹ đẻ. Nguyễn Khuyến bảo nếu tiện thì cứ ở trên ấy cho ông bà thông gia mừng. Còn nhớ năm sáu năm trước, lúc Thượng Báo - con thầy học lại là thông gia của ông làm Tổng đốc Nam Định, theo lệnh Tây mời ông ra làm quan trở lại, ông đã phải một mực chối từ và làm bài thơ *Lời gái*

⁽¹⁾ Dịp thăng thưởng đầu năm.

⁽²⁾ Nay thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

góa để trả lời. Nhưng Báo vẫn viết thư mời ông đến dinh Tổng đốc. Cực chẳng đã, Nguyễn Khuyến phải cùng con là phó bảng Nguyễn Hoan xuống Nam Định gặp Báo. Vừa đến cổng, bất chợt thấy tên công sứ Tây với một con chó Tây đi ra, ông liền đẩy con đi trước. Báo đứng cửa trông thấy lấy làm lạ hỏi sao lại né tránh ra ý sợ sệt làm vậy. Ông không trả lời thẳng, chỉ gật gù đọc hai câu thơ:

Hốt đáo nhĩ môn phùng nhĩ cẩu

Cấp tương ngô tử thế ngô thân...⁽¹⁾

Hình như có tiếng động. Không, đó chỉ là tiếng chó sủa bóng người vọng qua mặt nước ao nghe to hẳn lên.

Ông ngẩn tai nghe ngóng như chờ đợi một cái gì, một bước chân ai, một giọng nói quen thuộc nào... Hay ông lắng nghe những tiếng nói thầm trong đêm, tiếng của hồn đất nước...

Nhưng đáp lại ông chỉ có một giọng hách dịch từ ngoài cổng:

- Năm tiền là đáng lắm rồi còn kèo nhèo gì nữa.

Lại một giọng lè nhè:

- Bẩm bà, bà tính khiêng vồng đường vãi từ đây lên Vĩnh Trụ lại từ Vĩnh Trụ về đây bao nhiêu đường đất, đường lại trơn như mỡ mà bà cho có năm tiền. Bẩm bà đánh chữ đại xá cho, ăn giầu quạch không xong ạ. Bẩm, con hầu hạ nhà ta mấy chục năm nay, nhẽ chả dám xin gì, nhưng chả nhà con có món nợ

⁽¹⁾ Chợt đến cửa nhà anh gặp con chó nhà anh, phải vội đem con ta thế vào thân ta.

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

khẩn lắm, nếu không có trả thì phải gán con cháu, mà nhà chỉ có mình nó là lớn, đỡ vực được...

- Thôi cho bảy tiền là nhiều lắm rồi. Ăn mày cứ đòi xôi gấc.

Nguyễn Khuyến cau mày. Tiếng chỏng lỏn ấy là tiếng nàng dâu cả ông, vợ Phủ Hoan - con gái Thượng Báo, hai nhà đính hôn với nhau theo ý cụ Nghè Lý trước khi cụ nhắm mắt, hồi đó Báo còn chưa đỗ phó bảng ra làm quan.

Tiếng léo nhéo ngoài cửa đã im bật. Vợ phủ Hoan vào, người hơi đầy, hình như mới có mang, nhưng vẫn cố khép nép, ra về con nhà gia giáo trước mặt bố chồng. Áo gấm trần màu hồng bóng nổi cả lẫn áo trong xanh lục, khăn nhiễu tam giang, mỗi bước đi lúc lắc chiếc hoa tai tam phụng, ba mỏ phụng ngậm ba cái khánh, phơ phất chín đường tua dài. Theo sau, một cô sen, quần lĩnh thâm, áo cánh trắng phủ áo dài nâu, thắt lưng ra ngoài, tay ôm tráp giầu, tay cầm đôi hài chấn hoa xanh mỗi má thêu hai con phụng. Chiếc nón quai thao móc vào vai như cái chiêng, khi lật, lấp lánh giấy trang kim và bộ chiên thếp vàng... Vợ phủ Hoan rón rén, chấp tay, giọng bủi đường nhưng vẫn hơi khé:

- Bẩm thầy, con đã về...

Nguyễn Khuyến ôn tồn:

- Đi đường có mệt lắm không con?

- Dạ mấy tên phu vồng già yếu quá nên xóc lắm ạ. Con cứ phải nghỉ đến mấy cung đường.

- Cái gì ồn ã ngoài ấy thế?

- Bẩm thầy tha phép cho chữ con đi khắp tứ xứ chưa thấy đâu ngỗ ngược như cái dân đây. Dân đen mà dám xược, cự lại cả nhà quan. Bẩm, cũng bởi thầy nhân từ quá nên chúng sinh nhờn. Chả phải tay thầy con, hễ ho he là cụ thét chém ngay.

- Con đang có thai đừng nói lời thất đức. Cổ nhân còn có chữ *thai giáo*⁽¹⁾ cơ mà. Thiên hạ thì không nói làm gì nhưng đây là bản quán mình, quanh quéo toàn chú bác họ đương cả, mình đừng để mang tiếng thị phú khinh bần... Như chú Đáo vừa rồi, bầy vai với thầy, tuổi lại xấp xỉ tuổi thầy, sao con lại nặng lời như thế - Rồi muốn cho con dâu khỏi nghĩ ngợi, ông lảng sang chuyện khác. - Thế nào, ông đảng nhà có được mạnh không?

- Bẩm đội ơn thầy, thầy con năm nay cũng không được khỏe. Dáng chừng lo việc quan nhiều nên người sút, da xấu hẳn đi. Thầy tính giặc già như thế...

Nguyễn Khuyến chặc chặc lưỡi:

- Giặc gì! Lúc nào cũng giặc!

- Dạ bẩm thật ạ, không riêng gì mấy tỉnh dưới ta mà khắp Bắc Kỳ này giặc cứ như ong. Không hiểu đổi đời hay sao mà đâu đâu lại tinh các ông Nghè ông Cử như thầy ấy.

Nguyễn Khuyến quắc mắt lên rồi lại từ từ cúi đầu xuống nghĩ ngợi. Con dâu ông vẫn liến thoắng:

- Ấy ngay đến ông phủ Kiến Xương trước nhà con là ông Hoàng Văn Hòe, cũng bỏ quan đi làm giặc. Cũng bởi trong hạt

⁽¹⁾ Dạy từ trong thai, lấy điển mẹ vua Văn Vương ăn ở nhân đức để ảnh hưởng tốt đến con khi còn ở trong thai.

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

đang động dăng nền nhà con mới không được phép về quê ăn Tết đấy ạ. Về đến quê ngoại, không thấy thầy con đâu cả, con hỏi thì mẹ con dạy là sau hôm hạp ấn⁽¹⁾, thầy con đã về rồi. Nhưng đến sáng hăm tám, lính trạm có hồn than lông gà đến nhà, thầy con lại lật đật đi ngay. Mãi trưa mồng một người mới về, trông đáng bơ phờ, quần áo đầy bụi, có lính tỉnh đi theo. Con lay chào, thầy con chỉ khẽ gật đầu rồi vào ngay thư phòng không kịp tẩy trần. Con vào vấn an, thấy người đương viết gì trên tờ giấy dầu son đỏ chóa. Viết được một lúc, thầy con chợt ngừng lên hỏi: Chẳng hay ông thông gia của ta có dư sức khỏe, đi chơi đâu xa không? Con thưa: thầy độ này kém mắt nên cũng chẳng đi được đến đâu. Người lại hỏi: Ông thông gia không đi đâu được ý tất cũng có bạn bè đến thăm nom luôn chứ. Con thưa: là con ở với nhà con trên phủ nên cũng không tường. Thầy con lại nói: Ta biết ông thông gia ta là người chất phác, nhưng phải cái cả nề tin người. Thời buổi này quan Tây họ sắc mắc lắm, nhỡ không phải đầu lại phải tai. Ta không có vật gì quý để kính tặng, chỉ xin có bốn chữ *phòng vi đồ tiệ*⁽²⁾ trình lên, ông thông gia nên dán vào chỗ ngồi để sớm chiều xem lại...

Nguyễn Khuyến giật mình. Đáng Thượng Báo ngờ mình đi lại với cánh văn thân tỉnh Nam đây. Mà kể mình cũng khờ, cái ngày Thượng Báo vô Kinh, hỏi mình đang ở viện Hàn lâm, khi đến thăm, lão đưa mình xem bức thư của ông đình nguyên Đỗ Huy Liêu người La Ngạn, Nam Định, từ chối không nhận chức Bố chính Bắc Ninh do Tây cử. Mình đọc đi đọc lại hai ba lượt, mừng quá, buột miệng khen ông Đỗ, lại làm ngay bài thơ ghi lại việc

⁽¹⁾ Bỏ ấn vào hộp, nghỉ ăn Tết.

⁽²⁾ Để phòng lúc việc còn nhỏ nhặt, ngăn chặn lúc mới xảy dần dà.

ấy. Mới nghe ông Đỗ ở quê vẫn có chí chống Tây, Thượng Báo ngờ mình là phải. Lại cả ông thầy dạy mình với bác nghề Dao Cù về sau này là cụ Hoàng giáp Tam Đẳng cũng đã dấy nghĩa binh đánh Tây bao nhiêu trận mạn Ý Yên, Phong Doanh. Nghĩa binh Nam Định thất bại, học trò cụ là ông Lãnh binh Đình Công Tráng người cùng tỉnh với mình, còn vào dựng đồn Ba Đình ở tỉnh Thanh chống Tây được một hồi nữa. Còn bác nghề Dao Cù⁽¹⁾ cũng thậm ghét Tây. Mới đây bác ấy có hẹn nếu có mưu tính chuyện gì thì tối mồng một Tết sẽ cho môn sinh giả làm học trò đến chúc Tết, báo tin cho mình biết, mà sao ngóng mãi chưa thấy. Nguyễn Khuyến cố nén sốt ruột, đánh lạc hướng câu chuyện:

- Thế nào, độ này con kèm chồng con, nó có đổi tâm đổi tính được chút nào không?

- Dạ bẩm, con thưa điều này thầy xá lỗi, chữ quả tình nhà con vẫn ngựa quen đường cũ, cứ đam mê nhà trò con hát, của nả có bao nhiêu cũng khuân đi nuôi béo cái lũ giảng há ấy cả. Thầy cũng biết cho, con có phải hạng người ghen tuông đâu, nhưng nói mãi không được, cũng cầm bằng nước chảy xuôi thôi ạ, nhà mình nề nếp gia phong, chứ như nhà khác thì đã chồng ăn chả vợ ăn nem rồi.

Thị nói thế nhưng đôi môi bôi son hình quả tim đỏ choét lại cãi ngay lời thị. Một mùi phấn Tây ngầy ngầy như mùi da thịt

⁽¹⁾ Vũ Hữu Lợi (1836-1888) người làng Dao Cù, huyện Nam Trực (nay là Nam Ninh, tỉnh Nam Định, đỗ tiến sĩ năm 1875 nhưng không ra làm quan phủ, ở nhà dạy học. Năm 1885, đứng đầu đảng Văn thân Nam Định mưu, chống Pháp.

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

bốc lên. Nguyễn Khuyến chột nhãn mũi. Thì ra muốn khỏi thấy cảnh đời ngang trái chỉ mù mắt có khi chưa đủ, có khi còn phải điếc cả mũi và điếc cả tai nữa. Vợ phũ Hoan nhìn mâm cỗ vẫn còn đầy ắp, ngạc nhiên:

- Thầy chưa thời cơm ạ. Nhà có sâm banh thầy dùng một chút cho ấm bụng. Rượu này ngon uống tiêu cơm, chứ không đầy như cái rượu ngang của ta đâu. Sen ơi!

- Thầy uống rượu ta nó quen đi rồi. Con tỳ con vị mình có như người Tây đâu uống rượu của họ cồn ruột chết.

- Rượu này là rượu quý con mua tận Hà Nội thầy bảo thầy thích rượu mới dám mang biếu thầy. Bẩm, Hà Nội dạo này vui lắm không như hồi thầy còn ngồi trên Nha cụ lớn Kinh lược đâu. Cả một dải làng xóm ven hồ Hoàn Kiếm, người ta bắt dỡ nhà đi hết để xây dãy phố Tây toàn nhà lầu nguy nga đồ sộ. Ấy, con định đi lễ chùa Quan Thượng, ai ngờ đến nơi thì đã thấy mọc lên tòa nhà Dây thép của quý quan còn mỗi cái tháp. Tường thành vua ta cũng phá xong rồi ạ. Dạ bẩm, người đứng đầu phá thành, cũng người vùng ta, ở Vạc đấy ạ.

- Vạc nào, có phải làng Thành Thị không?

- Dạ chính phải đấy ạ. Nhân con đợi nhà con ở phủ Thống sứ, cô Tư Hồng cũng lên đấy có việc. Cùng ngồi đợi, cô ấy lân la hỏi chuyện, biết nhà ta ở làng Và, liền nhận là người cùng huyện. Cô ấy nhắc tên thầy, con hỏi: sao biết. Cô ấy bảo: tiếng tăm cụ Tam nguyên Yên Đổ dậy như sóng cồn, khắp bàn dân thiên hạ này ai còn lạ, ai cũng coi cụ như phật sống vậy. Mấy năm trước cũng được trộm phép chiêm ngưỡng dung nghi cụ trong một bữa tiệc ở nha Kinh lược nhưng không dám đánh bạo

đến chào. Nay chả sắp về quê làm khao cho cụ cố mới được sắc phong Hàn lâm thị độc hàm ngũ phẩm, nên muốn đem vông rước thầy. Tình đồng quận thầy đến dự đám khao làm rạng rỡ cho nhà cô. Cô còn muốn biện coi giàu đến xin thầy đôi câu đối về treo nhà lấy phúc.

Nguyễn Khuyến thầm nghĩ: Đúng là dĩ có tàn có tán có hương án thờ vua. *Nữ tặc môn mi*⁽¹⁾ thời này làm danh giá cho cửa nhà là như thế đấy.

Như chợt nhớ điều gì ông bảo con dâu:

- À, vừa rồi ông Tổng Hào đến thăm, nhưng thầy đau mắt không đi đáp lễ được, con đi hộ nhé!

Tên Tổng Hào gọi cho vợ phủ Hoan nhớ mục đích mình về quê. Thị rõ ràng thưa với bố chồng:

- Bẩm thầy, con về có chuyện muốn trình thầy, nhưng từ nọ mãi quá thành chưa có dịp... Nhà con sai con về xin phép, dựng ngôi nhà tế đường, không cứ ở nhà tranh, mưa dột, quần áo thóc lúa đã hư hại, mà mũ áo cờ biển vua ban nhờ chuột nhấm thì hỏng hết. Con lại sắp năm cũ, cũng muốn về quê cho mát mẻ tĩnh mặc... Hiện cũng chưa đủ tiền, nên định sang giật tạm bên bà Tổng Hào...

- Anh chị muốn làm nhà để sinh cháu thì cứ việc, còn ta ở nhà gianh nó quen rồi. Nhưng cẩn thận kẻ lôi của bà Tổng Hào là lôi cất cổ đấy. Thôi con đi, kẻ khuya.

Vợ Phủ Hoan nhìn quanh:

⁽¹⁾ Con gái làm rạng rỡ cửa nhà.

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

- Bẩm thầy, cái đồng hồ thầy con biếu hồi đi sứ sang Tây về đâu ạ. Từ hôm về, con đã có ý nhìn mà không thấy.

Nguyễn Khuyến lúng túng. Thật ra, ông ghét những gì của Tây nên cất không dùng, nhưng phải nói tránh:

- À, à... chả là quý vật nên thầy cất kỹ kéo trộm đạo. Vừa rồi, ông Tuần Đích ở Tiên Khoán cũng bị cướp nó lấy hết của, còn lòi ra giữa đồng nó đánh. - Ông tùm tùm như nghĩ được điều thú vị - Này, ngay cả một anh ăn trộm mà cũng bị mất trộm đấy.

Vợ Phủ Hoan vô tình:

- Vâng, vâng, nhà con trên Vĩnh Trụ, mấy tầng hào lũy, tường đầy mảnh chai, thế mà thầy con đã yên tâm đâu, mỗi lần về còn mang một cơ lính về canh gác nữa. Nhà ta cũng phải rào kỹ lại thế nào, chứ con thấy cửa giả chả có, trống tuyềnh trống toàng, cũng cứ rờn rợn. Thầy cần gì cứ truyền, chúng con xin chu tất...

Nguyễn Khuyến im lặng hồi lâu. Tiếng chuột chạy rúc rích chừng đang lục lợi chum gạo như càng chứng minh cho lời vợ phủ Hoan. Đợi một lúc không thấy trả lời, thị như ngờ ngàng, trở mắt nhìn bố chồng. Ông điềm đạm:

- Con về thế này thầy rất vui, nhưng thấy thầy ít nói, con cũng đừng nghĩ ngợi, vì ít lâu nay thầy đã quen nói chuyện một mình rồi. Thôi con sang ông Tổng đi kéo người ta bảo mình không biết giữ lễ. Còn chai rượu Tây cứ mang biếu bên ấy, có nhẽ ông ta thích đấy.

Nguyễn Khuyến nhẹ hẫng người. Con dâu đi thế là may, không nhờ chạm trán người lạ ở đây, cũng phiền. Tai vách mạch rừng.

Từ khi con dâu về ông lại thấy cô độc lạnh lẽo hơn, hình như sự cô độc lạnh lẽo đã theo bước chân con dâu vào nhà này. Ông lẩm bẩm như vẫn nói với con dâu trước mặt:

- Con định vay tiền làm nhà, nhưng giả cách nào, hay lại bắt dân phải giả. Thấy bốn chục năm ở ngôi đường quan còn không làm nổi nhà gạch, huống hồ chồng con làm quan mới hai năm, lương bổng phỏng được bao nhiêu. Trước cứ tưởng cho nó đi làm quan là yên thân nhưng có biết đâu lại càng lo lắng hơn. Không biết nó có nhớ lời thầy dặn không hay lại để cho điểm nhục gia thanh.

Ông lại ngồi lặng lẽ lần túi vải trong ruột tợng lấy miếng trầu và cau khô nhai bồm bẻm. Bỗng ông in trên vách không lay động như ông đã từng ngồi hàng nghìn đêm như thế này rồi.

Một cơn gió thổi. Hàng tre thưa lay động như bức màn, cả những cây chề, cây nhãn, cây cam cho đến khóm mồng tơi cũng rì rào như ngã đầu vào nhau trò chuyện. Gió qua đi, cây cối lại im lìm. Chỉ tiếng ếch vẫn dai dẳng một điệu không dứt... Tiếng ếch không thể dập tắt được, khác nào tiếng nói người dân nghèo, bặt chỗ này chỗ khác cất lên.

Tiếng chó lại ran ngoài ngõ xóm. Tiếng gọi cổng dè dặt. Tiếng bõ già quát chó. Tiếng lạch xạch mở cổng chống. Rồi, hai người bước vào. Một người trung niên, dáng nho nhã, áo năm tà dài hạt cau, quần nâu, khăn lượt chữ nhân, chân xéo lấm. Người kia trẻ hơn, khăn đầu riu, quần xắn móng lợn, tay cầm một chiếc côn ngắn. Hai người vái chào, khép nép đứng vào một bên. Ánh đèn dầu soi rết mặt họ trông căng thẳng, dữ dội. Nguyễn Khuyến vội hỏi:

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

- Các anh có phải môn sinh của...

Anh thanh niên òa khóc:

- Dạ bẩm cụ Tam, quan Nghè con... thất lộc rồi ạ.

Nguyễn Khuyến hỏi giật giọng:

- Sao? Sao? Anh nói ta nghe đi. Bác nghè sao?

Anh trung niên chậm rãi thưa:

- Bẩm cụ Tam sau khi nghĩa quân tan rã, thầy chúng con khước từ mọi lời mời mọc đường mật của Thượng Báo, không thềm nhận chức đường quan, nên bị truy lùng ráo riết. Thầy chúng con vẫn không ngừng hoạt động cổ vũ yêu nước trong sĩ phu và dân chúng, lúc ở làng Thanh Khê, khi chuyển sang làng Bái Hạ. Gần Tết thầy tìm lên nhà bạn cũ: ông Cử Mã ở Trung Quyn. Thầy vốn quen việc quân ngũ, có cái linh tính báo cho biết là hành tích đã bị lộ rồi. Thầy liền từ biệt ông Cử Mã lánh về phía Nam tỉnh để tránh liên lụy cho nhà bạn và cho cả làng. Bất đồ có một tên học trò cũ của thầy - tên Hai Lân, em của cô Hai nhà Thầy đánh hơi biết thầy đang ở Trung Quyn liền đến báo với Thượng Báo. Báo lập tức cho người báo sang tòa công sứ Nam Định. Cả một đội lính bên dinh Tổng đốc cùng tỏa ra làng Trung Quyn. Chúng khám nhà ông Cử Mã, lùng sục khắp làng. Tù và, trống, mõ nổi lên ầm ĩ. Mười tay loa hò hét, đốc tuần dinh phu tráng cùng hợp sức bắt “giặc”, chúng tỏa ra cánh đồng. Chỉ mấy giờ sau, thầy chúng con bị bắt, trong lúc tìm lối qua sông về Nam Trực. Thầy bị đóng gông gỗ nghiêng giải về đề lao, giam trong một gian xà lim, tay xiềng chân xích. Thượng Báo bẩm với công sứ. Hai tên quyết định phải trừ khử thầy ngay

trước tết nguyên đán, đề phòng dư đảng nghĩa quân và dân chúng nhân dịp tết canh phòng sơ hở sẽ phá ngục để cứu thầy. Chiều ba mươi tết hôm qua, thầy đã hy sinh oanh liệt rồi.

Nguyễn Khuyến ngẩn ngừ:

- Chắc đâu đã phải là Thượng Báo? Chả nhẽ ông ta lại táng tận lương tâm đến thế? Có chứng cứ gì không, hay lại...

Anh thanh niên hậm hực:

- Bẩm cụ lớn tính, học trò như thằng Cao Ngọc Lễ còn đi báo bắt cụ nghề Tống Duy Tân, hướng hồ bạn học.

- Rồi sao nữa?

- Nghe nói bọn chúng không kịp thiết lập pháp trường, phải đưa thầy ra bãi hoang Đò Chè bên bờ sông Vị. Ra đến nơi, đám người dừng lại. Viên giám trạm đứng trước án thư vội vã đọc mấy lời kết tội. Thầy đứng nghe, mỉm cười, không nói. Tên đao phủ dắt thầy ra gần cọc sơn vôi, giục quỳ xuống. Thầy ôn tồn: "Ta tự nghĩa thung dung, cứ để ta ngồi xếp bằng không phải quỳ phải trói. Chú cứ làm cho gọn, cho mát tay. Ta cảm ơn".

Tên đao phủ chém thầy mà tay cứ run lên, về phát cuồng ngay hôm ấy. Dân phố có đi thăm nhau, nhưng không cười không chúc, cũng không một tiếng phào. Hầu hết mọi nhà đều bày hương án ra sân, nói là lễ Trời - Đất nhưng là âm thầm viếng quan Nghè Dao Cù. Anh nghen ngào - Còn đâu thầy chúng bêu trước cửa Bắc thành để thị chúng.

Nguyễn Khuyến lặng lẽ thấm nước mắt. Ông run giọng:

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

- Bây giờ các anh tính sao?

Anh thanh niên sôi nổi:

- Chúng con đã cử một cánh quân lên Vĩnh Trụ, đến nhà bắt Thượng Báo đốt làm đuốc sống tế thầy. Nhân đi qua đây hai anh em chúng con ghé vào mời cụ lớn cùng lên đó dự lễ truy điệu thầy chúng con.

Anh trung niên vội dẫm lên chân bạn nhưng không kịp nữa. Nguyễn Khuyến trầm nghĩ. Anh không cần phải ngăn bạn làm gì nữa. Ta cũng đã đoán được ý định của các anh rồi. Thực ra thì khi nhắc đến Thượng Báo ông cũng hơi ngần ngại.

Sóng đồng chiêm vẫn ì oạp vỗ bờ. Những thuyền về khuya, chèo khua nước lững bồng. Một tiếng vạc kêu nghe ảm urther. Người dân đồng chiêm cũng lặn lội thân cò thân vạc mò cua bắt ốc, dít trôn thắm xì, quanh năm chỉ đánh độc một manh khố, áo vĩ buồm khoét cổ hay mảnh chiếu cói tả tơi.

Có tiếng bì bõm đánh dậm. Nguyễn Khuyến nhớ hồi bé mỗi lần đi dự hội bình văn, mình lại vác theo một cái dậm đến gửi ở một nhà gần trường. Khi tan cuộc, lại lấy dậm đi đánh cá rồi mới về. Ông thân sinh mất, cảnh nhà càng nghèo túng, Nguyễn Khuyến đành bỏ dở việc học, đi tìm nghề kiếm ăn và nuôi mẹ già. Nếu lúc ấy không có cụ nghề Lý, vốn là học trò ông bác Nguyễn Khuyến, đến nói với bà mẹ nhận Nguyễn Khuyến về nuôi cho ăn học thì thân phận ông cũng đến như người đánh dậm dầm mình sương gió ngoài cánh đồng lúa. Mình được mở mắt là nhờ ơn cụ nghề, người vừa là thầy, vừa là cha, Báo cũng chẳng khác nào anh nuôi mình. Bây giờ dự mưu giết Báo, liệu có...

Im lặng kéo dài. Nghe rõ cả tiếng một đục trong cột gỗ. Anh trung niên đoán được ý Nguyễn Khuyến, rút rè tiến lại:

- Dạ chúng con theo phép đến báo ai tín với cụ còn nếu cụ kém mắt ngại đi lại đêm hôm không đến dự lễ được, đó là tùy ý cụ, chúng con không dám ép... Chỉ xin cụ...

Anh thanh niên định nói gì nhưng anh trung niên vội bấm bàn rồi rón rén tiến lại định cáo từ, thì chừng như đã đoán được ý người trẻ tuổi, ông vội bảo:

- Các anh đợi một lát... đợi ta làm một bài thơ khóc bác Dao Cù về đốt trước linh vị...

Ông nhìn chăm chăm vào đôi đèn. Một con thiêu thân cứ chập chờn bay tới bay lui rồi cuối cùng như quáng mắt nó đâm thẳng vào ngọn lửa. Lửa đốt vèo thành than, xác nó rơi nhanh còn làm sột mấy giọt dầu xuống đất. Chợt nảy một ý, ông vê vê ngòi lông vào nghiên mực rồi xô tay kéo thẳng mấy hàng:

Tiền nhĩ tiêm tiêm nhất vũ hàn

Đầu minh nhi tử, tử nhi an

Nhược vì thảng thốt lâm nghi dị

Đáo đắc thoan tuần biện diệc nan

Tổ phú tri năng do vị dẫn

Đương tiền danh lợi bất tương quan

Cô dăng sát nhĩ, do liên nhĩ

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

Đãi đáo thành hôi lệ vị can.⁽¹⁾

Anh trung niên bái lĩnh bài thơ rồi trân trọng gấp bỏ vào lần trong túi ngực. Nguyễn Khuyến chợt hỏi:

- Văn chương khóc bác Dao Cù có câu nào khá không?

- Dạ có câu: *Vị tiếp thân tiên, trường sử anh hùng lệ mãn,*

Tịnh du nhan hậu, khảng giao phu tử sinh hoàn...⁽²⁾

Nguyễn Khuyến vỗ đùi:

- Trời! Hay! Hay biết chừng nào! Lấy mấy câu thơ cổ cắt bớt chữ đi mà rất hợp tình hợp cảnh... *Xuất sư vị tiếp thân tiên tử, Trường sử anh hùng lệ mãn khâm...* Ra quân chưa thắng thân đã thác, Vạt áo anh hùng lệ chứa chan, kẻ mặt đầy lại chính là bạn hồi trẻ cùng chơi của bác Dao Cù đây... - Ông gạt nước mắt - Có phải câu đối này của các anh không? Mấy câu ấy đã vượt xa bài thơ của ta rồi.

- Bẩm cụ cứ dạy thế, chứ chúng con mới võ vè theo đòi

⁽¹⁾ Dịch:

Khen giống li ti cánh mỏng bay
Gieo mình chỗ sáng, toại lòng thay
Vị trong thẳng thốt, liễu thân: dễ
Nhưng giữa dùng dằng, quyết chết: gay
Trời phú tri năng luôn giữ vẹn
Mất nhìn danh lợi chẳng hề say
Giết người, đền vẫn thương người đấy
Đến lúc thành tro lệ vẫn đầy.

⁽²⁾ Chưa thắng đã thiệt thân, luống những anh hùng đắm nước mắt. Bạn lứa sao dày mặt, không để thấy ta sống trở về.

nghiên bút, còn cụ là bậc thi bá danh vọng lừng lẫy trong cả nước.

- Không, ta nói thật đấy, các anh đừng nhún mình. Không những cung kiếm mà cả nghiên bút cũng là việc của các anh... *Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác*. Có lẽ ta chỉ còn là một ông phỗng đá mà thôi. Đôi mắt nhòa của ông nhìn về phía hai ông phỗng đá bên bể cạn non bộ trước sân - bạn của ông trong mỗi bữa rượu chiều. Ông rót chén mời bạn rồi lần lượt uống hộ cho cả hai.

- Bẩm cụ Tam, tuy cụ tuổi già mắt kém không đi cùng chúng con được, nhưng câu thơ của cụ: *Thử tâm dĩ bất vấn sinh tử*⁽¹⁾ đã là khẩu hiệu cho cuộc khởi nghĩa chúng con đêm nay. Khi bắt được Thượng Báo trước lúc bắt y làm cây đuốc sống để tế thầy chúng con, chúng con sẽ đọc bài thơ của cụ thay bài văn tế.

- Tình huống thay đổi hẳn rồi. Trước ta cho thầy các anh là thiêu thân dám cự với binh lực hùng hậu của Tây, nhưng đến nay ta đã hiểu ra, chính Thượng Báo, mới là thiêu thân, vì tham lợi của Tây ban cho nên mới tự lao vào đồng lửa căm hờn của dân chúng.

Bổng Nguyễn Khuyến nghe thấy phía sau màn cửa có tiếng kêu thét lên và có tiếng người ngã vật xuống đất. Ông biết đó là tiếng của vợ Phủ Hoan - con gái Thượng Báo. Ông vội lẽ ra, đúng là Thượng Báo xui con gái về đây dò xét xem ông có giao thông với cánh ông nghề Dao Cù không. Cũng có thể hẳn linh cảm thấy chuyện gì chẳng lành, mới bảo con gái về nương nấu

⁽¹⁾ Lòng này đã không kể gì đến sự sống chết, thơ Nguyễn Khuyến trong bài *Điệu quyên*.

YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN

nhà ông cho an toàn. Thế thì đích rồi. Chữ *Tịnh du nhan hậu* trong câu đối là bản án danh thép kết tội Thượng Báo. Ông nói với hai anh học trò:

- Trước ta tưởng chỉ mù mắt nhưng không mù tâm trí cũng không sao, nay mới hiểu nếu ta xa rời những người chân chính để được muôn vàn ánh mắt sáng của họ tiếp cho thì cả tâm trí cũng mù nốt. Trước ta không tin thằng Báo nỡ hại bác nghề Dao Cù, nay mới biết, ngay cả ta, hấn cũng chẳng tha. Các anh hãy để ta lạy một lạy tạ ơn những người đã mở mắt cho ta.

Nguyễn Khuyến lập cập đứng lên toan lạy. Hai anh học trò vội ôm chặt lấy ông không để ông làm như vậy.

Dù bị giữ lại không được làm theo ý mình, Nguyễn Khuyến tự biết đời mình từ đêm đầu xuân này đã sang một bước ngoặt.

CÔ GÁI NHẢY NGỰA

Từ ngày được xem trò cô gái nhảy ngựa ở gánh xiếc Việt Hùng, chiều nào Tuấn cũng đi qua đi lại bãi đất hoang cuối thành phố chỗ gánh xiếc dựng tạm để chờ đến giờ mua vé vào coi. Chàng còn có ý nghĩ, biết đâu chưa đến giờ biểu diễn, cô gái sẽ ra ngoài phố chơi, mình sẽ có dịp gặp gỡ cô ta để trò chuyện làm quen. Nhưng, đã đi mỗi sáng trước cửa rạp mà vẫn không thấy bóng dáng cô gái.

Tiếng kèn trống nổi lên quyến rũ những kẻ qua đường dừng chân lại ngó thử rồi nhiều người móc túi lấy tiền mua vé. Chẳng bao lâu trước cửa rạp đã đông nghịt những người. Tuấn cũng mua một vé hạng rẻ tiền vào coi.

Đầu tiên, trong vòng xiếc rộng, chỉ có những cô bé cậu nhỏ nhào lộn, cùng với chú hề pha trò không măn một chút nào. Thế rồi đến một tài tử đi xe đạp bằng dầu và đi cả ở trên dây thép. Khán giả vỗ tay đôm đốp.

Tiếp đó, ông chủ gánh xiếc vác cái roi dài như cái thông lọng của những người đi hoạn lợn, đứng oai vệ ở giữa sân. Ông ta mặc áo gấm, thêu vung tứ linh lên và đeo lưng lẳng đủ thứ mề đay kim khánh. Ông ta lại thẳng cánh mà quát đen đét cái roi vào không khí. Lá màn ở buồng trò vén lên. Con ngựa chạy xổ ra. Ấy là một chú ngựa tía không cao lắm, con ngựa nom khỏe mà không dữ. Ông chủ xiếc ra hiệu cho ngựa đi, ngựa chạy, ngựa quỳ hai chân trước xuống, rồi ngựa nhảy đánh phát qua

CÔ GÁI NHẢY NGỰA

những cái giá gỗ cao lêu nghêu mà không vương. Tuấn không thích những trò này mà chỉ chờ đợi cô gái nhảy ngựa xuất hiện.

Một loạt vỗ tay bỗng ran lên. Cô gái nhảy ngựa đã chạy ra, miệng nở một nụ cười tươi thắm để chào khán giả. Rồi không chậm một giây nào hết, nàng chạy theo con ngựa đang phi, giơ tay vỗ vào lưng nó đánh đét một cái, rồi nhảy phắt một cái lên mình ngựa.

Con ngựa không cương, không yên, không bàn đạp vẫn vòng quanh mà chạy. Nàng ngồi rồi nàng đứng lên không ngã. Bấy giờ Tuấn mới nhìn rõ cô ta, trong bộ quần áo chèn màu hoàng yến có giắt những hạt thủy tinh long lánh, dưới một mái tóc cài rất nhiều hoa bằng lụa kết, chàng thấy cô gái đẹp mà tài, một người đứng như chơi trên lưng ngựa, cho ngựa phóng như bay, nhất là nụ cười của nàng làm cho Tuấn càng thêm mê mẩn.

Nhưng, cô gái còn giở nhiều trò nữa. Người ta đem đặt một cái khăn xuống đất. Nàng từ từ nằm ngửa ra, hai chân quặp lấy bụng ngựa, lưng nàng uốn theo chiều đuôi ngựa, để ật cổ ngựa mặt xuống đất, rồi vươn dài cánh tay đợi nhặt chiếc khăn để ở dưới đất lên.

Tuấn nghe như trong đám khán giả có người sợ quá kêu lên một tiếng. Nhưng cô gái không sợ. Nàng đã nhặt được chiếc khăn lên, ngồi ngay trên lưng ngựa mà cười. Con ngựa bấy giờ lại phải chui qua một cái vòng lửa, rồi hai cái vòng lửa. Lửa cháy vèo vèo, khói um khét lẹt. Vậy mà con ngựa không hoảng. Nàng vẫn cười tươi như hoa, né đầu vượt khỏi, không cháy một sợi tóc.

Sau đó lại có một con ngựa bạch khác ở trong buồng ra, chạy

ngược lại cái vòng con ngựa tía. Cứ mỗi lần hai ngựa gặp nhau là nàng lại từ lưng ngựa này, chống tay mà nhảy chuyển sang lưng ngựa kia, nhanh như chớp.

Sau buổi biểu diễn, Tuấn đánh bạo vào buồng trò xin phép gặp ông chủ gánh xiếc để xin gia nhập gánh của ông. Ông chủ hất hàm:

- Cậu biết làm những trò gì?

Tuấn lễ phép:

- Thưa ông, trước đây tôi đã từng chẵn ngựa cho một ông chánh tổng nên biết cưỡi ngựa. Ông cứ cho tôi một chân làm xiếc ngựa cũng được rồi.

Ông chủ cau mày:

- Môn ấy đã có cô Thu Cúc đảm đương rồi.

- Thưa ông, tôi đã được coi cô Thu Cúc nhảy ngựa rồi. Cô ấy thật là tài, nhưng tôi còn có thể làm được những trò mà cô ấy chưa làm bao giờ. Ông cứ cho tôi biểu diễn đôi với cô ấy, càng vui.

Ông chủ gánh bằng lòng. Thế là từ hôm ấy Tuấn đi theo gánh xiếc lưu diễn khắp nơi. Lúc đầu Thu Cúc còn hướng dẫn cho Tuấn những trò mà cô đã từng biểu diễn. Nhưng sau khi đã luyện tập thành thạo những trò này. Tuấn lại có sáng kiến tạo ra những tiết mục mới hấp dẫn hơn: cho ngựa biểu diễn những bước đi *nhân tạo* như đổi chân, đổi chân tại chỗ, phi ba chân, đi bước Tây Ban Nha, các kiểu nhảy như chồm nhảy lướt, nhảy hai chân sau, nhảy hai chân sau vượt rào. Tuấn còn có thể cưỡi ngựa và

CÔ GÁI NHẢY NGỰA

điều khiển ngựa làm hàng loạt các động tác theo nhịp của nhạc đệm khiến người xem có cảm giác như con ngựa đang nhảy múa. Về phần Thu Cúc cũng sáng tạo được những trò mới như vừa phi ngựa vừa đánh đàn, dạy ngựa tìm những đồ vật do khán giả hay anh hề giấu, ngựa làm toán, dùng một chân trước cuốc xuống đất một số lần tương ứng với đáp số.

Từ khi có diễn viên mới, gánh xiếc Việt Hùng càng được khán giả hoan nghênh hơn trước. Nhất là trò chồng người, Thu Cúc đứng trên vai Tuấn gảy đàn mà con ngựa vẫn phi như bay, được khán giả vỗ tay nhiệt liệt.

Trong quá trình luyện tập và biểu diễn bên cạnh nhau, tình yêu giữa Thu Cúc với Tuấn cũng dần dần nảy nở, nhất là khi nàng biết rằng vì thâm yêu mình mà chàng đã xin nhập vào gánh xiếc. Nàng thường lo lắng cho chàng nên đã can ngăn chàng không cho làm những trò nguy hiểm quá nhưng chàng không nghe, vì muốn thu thập được một số tiền lớn dành dụm đủ để chuộc Thu Cúc ra khỏi gánh xiếc. Vì trước khi nhập gánh, nàng đã vay của ông chủ một số tiền để thuốc thang cho mẹ. Chàng lại nhận lời biểu diễn một tiết mục nguy hiểm là cưỡi ngựa và điều khiển nó đứng bằng hai chân sau.

Bữa đó chàng đang biểu diễn, giữa lúc vòng trong vòng ngoài đông nghịt khán giả đang hồi hộp nhìn con ngựa đứng thẳng bằng hai chân sau hồi lâu mà không việc gì thì bỗng dưng con ngựa bị quá đà ngã ngược về sau, quật chàng ngã nhào xuống đất. Thu Cúc hết hoảng, vội nhào tới đỡ chàng dậy thì chàng đã ngất đi, xương ống chân phải bị đập gãy.

Ông chủ gánh xiếc lo lắng vội đi tìm thầy thuốc nắn xương và

bỏ lại cho chàng. Mấy hôm sau có một thầy lang râu tóc trắng xóa như cước, có vẻ tiên phong đạo cốt, đến xin vào thăm bệnh. Sau khi nắn gân xương, ông đắp ít thuốc dẫu rồi bỏ lại cho chàng. Không đầy một tháng sau, chân chàng đã lành. Một bữa nhân khi vắng người, thầy lang nói với Tuấn:

- Không giấu gì anh, tôi vốn là người của ông Đề Thám ở trên Yên Thế xuống đây. Anh có tài cưỡi ngựa như vậy mà chỉ để làm trò ở gánh xiếc mà thôi, không làm được điều gì có ích lợi cho dân cho nước, uổng phí cả tài năng đi. Hiện nay ông Đề đang chiêu mộ nhân tài để hợp sức đánh đuổi giặc Tây ra khỏi đất nước. Hay là anh theo tôi lên Phồn Xương tỵ nghĩa, được anh giúp chắc ông Đề sẽ mừng lắm...

Tuấn xin phép thầy lang cho mình suy nghĩ thêm một tuần rồi sẽ trả lời. Suốt mấy ngày đêm chàng cứ băn khoăn trăn trở mãi. Vừa không muốn xa người yêu, vừa buồn vì chưa đủ tiền chuộc nàng ra khỏi gánh xiếc.

Thấy Tuấn có vẻ buồn rầu ủ rũ. Thu Cúc gặng hỏi thì Tuấn đem tình thực kể cho nàng nghe. Nàng khẳng khái:

- Nếu chàng đã có lòng vì nước thì cứ yên lòng đi trước, em cũng đã dành dụm được một số tiền, sẽ cố gắng làm thêm nữa cho đủ tiền chuộc mình ra khỏi gánh xiếc, sau đó em sẽ lên Phồn Xương hợp mặt với chàng!

Tuấn mừng rỡ liền đem hết số tiền mình dành dụm được giao cho nàng. Rồi hôm sau chàng lấy cớ chân đau không thể biểu diễn được, xin phép ra khỏi gánh xiếc. Ông chủ cũng tưởng chàng đã què thật nên cũng không giữ nữa. Thế là chàng rời khỏi thành phố theo thầy lang Phồn Xương gia nhập nghĩa quân

CÔ GÁI NHẢY NGỰA

Yên Thế.

Nhờ tài cưỡi ngựa giỏi, Tuấn được chủ tướng Đề Thám trọng dụng, cử làm sĩ quan thông tin liên lạc, truyền mệnh lệnh tác chiến hay rút lui cho các toán nghĩa quân.

Khi đó Bá Phức vốn là cha nuôi Đề Thám nhưng đã đầu hàng Pháp, được Pháp sai lấy cớ đến thăm Đề Thám ở Hữu Nhuế, mang theo một quả mìn nổ chậm đựng trong một cái tráp đến dinh Đề Thám để ám hại. Khi Phức cùng với bốn tên thủ hạ của nó đến thì ông Đề đang ngồi xem hát chèo. Phức được ông mời ngồi dự và ông tiếp tục đánh trống, sau vào cùng Bá Phức hút thuốc phiện rất tự nhiên. Nhân lúc ông ra ngoài, ở trong nhà, một thủ hạ của Bá Phức đã lén đặt cái tráp ở dưới gầm giường và khi ngòi cháy chậm đã được đốt, Phức được mật hiệu liền lấy cớ đau bụng, xin ra về. Vốn cảnh giác và nhiều mưu trí, Đề Thám bèn trở vào lục soát và phát hiện ra cái tráp, liền tập hợp quân sĩ ra xa, chờ cho mìn nổ rồi cho rằng thế nào giặc cũng trở lại khai thác mục tiêu nên tổ chức phục kích bọn này.

Kết quả mìn nổ vào lúc 5 giờ sáng. Bá Phức cả quyết với quan thầy mới của nó là *Đề Thám đã chết*. Lập tức tên công sứ Kuselier và tên phản quốc Lê Hoan cho người đi phối kiểm và cử giám binh Lambert cùng các lãnh binh Duverge, Trouvé, Henry, Benecchi mang bọn khố xanh vào khai thác mục tiêu và kêu gọi “tàn quân” Yên Thế đầu hàng.

Theo kế hoạch của Kuselier thì quân Pháp bao vây rồi kêu gọi đầu hàng, nếu vô hiệu thì mới dùng pháo binh bắn yểm trợ trước khi xua quân xung phong. Kuselier và phó sứ Phủ Lạng Thương là Quennec đều đi theo cuộc hành binh. Tuấn nhận

nhiệm vụ đến báo cho các toán nghĩa quân đóng đồn chung quanh đó mai phục để đánh úp quân Pháp.

Quân Pháp thấy sự kêu gọi không có đáp ứng, đến 15 giờ cùng ngày, liền cho lệnh các toán quân chiếm vị trí chỉ định để chuẩn bị xung phong.

Sau một loạt đại bác pháo kích của Đại úy Loquence, đồn trưởng Nhã Nam, bắn xối xả vào mục tiêu, Pháp xua quân xung phong. Lính Pháp và lính khố xanh cầm súng mousqueton cầm sẵn lưỡi lê tiến lên. Nghĩa quân từ trong các công sự đào sâu dưới đất, chỉ có các lỗ châu mai nổi lên là trên mặt đất, “bắn bia” vào quân địch làm cho chúng cuống quýt tiến lên không được mà sơn pháo và súng cối cũng không sử dụng được, bởi vì cây cối rậm rạp. Tiếng súng dóp năm, khai hậu của nghĩa quân giòn giã. Bụi đất, tàn lửa rào rào lả tả. Giặc Pháp ngã như sung rụng. Lính binh Trouvé tử thương, Giám binh Lambert bị một viên đạn xuyên qua đùi phải, ba pháo thủ ngã gục cạnh khẩu đại bác, hai khố xanh chết, 13 khố xanh khác bị thương.

Ngày hôm sau, Thiếu tá Valiance chỉ huy khu vực Yên Thế được Pháp cử nắm quyền chỉ huy các cuộc hành quân. Sau nhiều ngày chờ đợi các tin tức liên hệ không thấy, bèn “đoán” là quân phòng thủ Hữu Nhuế và Đề Thám hiện rút về đông bắc làng Nứa và thiết lập hai điểm tựa ở trong rừng, liền mang quân đánh chiếm. Kết quả, cứ điểm bên phải bị Vallance chiếm không mấy khó khăn, ngược lại khi quân Pháp tiến vào cứ điểm bên trái thì bị chặn đứng, với hai tên Pháp bị chết, sáu bị thương, trong số đó có Đại úy Toquenue. Đến đợt thứ hai, sau khi bắn dọn đường, quân Pháp hô xung phong vào mục tiêu thì nghĩa quân đã rút từ bao giờ!

CÔ GÁI NHẢY NGỰA

Sau trận này, Đề Thám đã khen thưởng Tuấn vì truyền tin cho các toán quân nhanh chóng và kịp thời, khiến quân ta cơ động linh hoạt, chiến thắng rực rỡ.

Ít lâu sau, chàng được Đề Thám giao cho nhiệm vụ về Hà Nội liên lạc với Đội Nhân để tổ chức vụ Hà Thành đầu độc. Sau khi binh lính trong trại là cơ sở của nghĩa quân đầu độc sĩ quan và lính Pháp, sẽ làm nội ứng cho nghĩa quân mai phục sẵn ở các cửa ô kéo vào đánh chiếm thành phố.

Không ngờ lúc chàng đang đi trên đường gần chợ Mơ thì một khán giả đã từng biết mặt chàng khi còn biểu diễn ở gánh xiếc, lại nghi ngờ chàng biệt tích vì đi tham gia hội kín, nên báo cho mật thám Pháp biết. Bọn chúng tung lưới ra lòng bắt chàng. Cuối cùng chàng đã sa lưới của chúng. Bị giam trong bót lính kín, mặc dù chúng tra tấn bằng đủ thứ cực hình, hết đòn thủy đến đòn bộ, nào cho đi tàu bay, tàu ngầm, nào lộn mề gà, chàng vẫn nguyền rủa không khai một lời nào.

*

Trong ánh ban mai ẩm ướt, người ta nhìn thấy một con ngựa đang sải bốn vó phi nước đại. Bóng ngựa ẩn hiện trên nền dãy núi mù mù lam tím, có khi quện với sương sớm thành một khối quánh đặc lấp loáng xoay tròn đến hoa cả mắt, có khi bóng đầu ngựa trắng dựng bồm nhấp nhô ngang đầu chỏm núi cắt hình lên nền trời mờ đục, khiến người ta lẫn lộn không biết đó là đầu ngựa hay đầu núi đang lắc lư chuyển động.

Dần dần người ta nghe rõ tiếng vó ngựa dồn dập nện xuống mặt đường đá rấn hòa với tiếng ngựa hí và tiếng gió rít. Cái đuôi ngựa phất phật như chiếc chổi lớn quét đám bụi mù cuốn sau vó

ngựa. Cũng có lúc vó ngựa như bay là là tưởng chừng không chạm mặt đất, chỉ có hơi gió ù ù quẩn lại, bị kẹt giữa hai đầu núi dựng và thung lũng sâu hút. Đám cỏ tranh xô cuộn cuộn như lớp sóng khi vó ngựa phóng qua, những bông hoa lau trắng nghiêng ngả giập giũ rồi nhòa dần trong màu lông trắng của con ngựa đang phi nhanh vùn vụt...

Xuống khỏi dốc, ngựa phi nước kiệu trên con đường dẫn vào thành phố. Lúc này những người đứng từ xa đã nhìn thấy con ngựa đầu thon, cổ dài, mông tròn, ức nở với bốn vó cứng cáp khỏe mạnh. Chỉ có điều lạ là trên yên không có người. Mọi người kháo nhau:

- Chủ nó đi đâu mà lại để ngựa xổng chuồng thế nhỉ?
- Hay chủ nó bị giết chết rồi mà ngựa thuận đà cứ chạy.
- Thôi đúng là ngựa điên nên mới lồng dữ như vậy.

Rồi nhiều tiếng đồng thanh:

- Đúng rồi! Ngựa điên! Ngựa điên!

Khi dịch giải Tuấn sang tòa án để kết án tử hình, thì bất chợt một con ngựa từ đâu phi thẳng vào bọn giặc khiến chúng kinh hoàng, phải giãn ra mở một lối đi cho ngựa. Từ dưới bụng ngựa, xuất hiện một người đu mình nhảy phắt lên lưng ngựa rồi tiến lại kéo Tuấn lên lưng ngựa, bất thần ra roi chạy miết. Trong lúc xuất kỳ bất ý, bọn dịch không kịp trở tay, đến lúc chúng bừng tỉnh đuổi theo con ngựa thì bị thiếu nữ trên yên vung roi ngựa gạt bằng khí giới. Ngựa phi như bay khiến bọn dịch đuổi theo không kịp. Họ mất hút trong giây lát, chỉ còn để lại phía sau một đám

CÔ GÁI NHẢY NGỰA

bụi mù...

Thì ra Thu Cúc khi lên tới Yên Thế, được Lang Seo báo cho biết: Nhân mối của ta trong hàng ngũ giặc đưa tin, tám giờ sáng hôm nay địch sẽ giải Tuấn sang tòa để kết án tử hình, bảo nàng mau đến cứu chàng. E mình cưỡi ngựa đến nơi thì bọn chúng biết trước, kịp đề phòng, nên nàng nằm ép dưới bụng ngựa, rồi nắm bóp những huyết ở cổ ngựa để điều khiển ngựa phi với tốc độ nào hay queo về hướng nào tùy theo ý muốn. Nhờ thế đến tận nơi địch vẫn chưa kịp phát hiện. Chạy được một quãng xa, nàng dùng dao cắt đứt dây trói cho chàng, mỉm cười nói:

- Cái trò phi ngựa của em không ngờ hôm nay cũng có dịp dùng đến đấy chứ!

Tuấn cũng cười:

- Thì ra anh hóa thành cây đàn của em mà những sợi dây trói này biến thành dây đàn. Nhưng dây đàn đứt rồi thì còn đánh làm sao được nữa!

Thu Cúc ý nhị:

- Em sẽ trói anh bằng sợi dây còn bền chắc gấp mấy lần sợi dây này.

Hai người phóng ngựa về hướng núi rừng Yên Thế, khúc nhạc từ dây tơ lòng của họ dâng lên rộn rã mà đệm nhịp là tiếng vó ngựa khua ròn trên mặt đất.

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

Ra khỏi trại cơ công binh pháo thủ số 9 ở Cửa Đông, Đội Nhân rảo bước, mắt nhìn trước nhìn sau như sợ có người theo dõi.

Qua dãy nhà bọn quan Tây, Nhân đi theo hè gạch bọc đá sạch mát. Hàng cây bên hè, cành rêu bám đầy ngoằn ngoèo đan vào nhau như một đàn rắn lục khổng lồ quăn rối rít. Từng chiếc lá vàng lộp độp rụng xuống đầu Nhân. Một thân cây cụt ngắn bị một cây leo rễ chằng chịt mọc át hết gợi cho Nhân một ý nghĩ chua chát: Phải chăng cũng giống cảnh nước mình dưới ách *bảo hộ*.

Những hàng rào chắn song sắt phủ dây leo lổm đổm hoa ti gôn, tử vi, thiên lý tây... lan cả lên mái. Những ngôi nhà đồ sộ có cái mặt tiền giữa xây gỗ lên như cái bụng phệ một tên thực dân ưỡn ra, có cái mái nhọn hình tháp xen với mái bằng hình hộp giống những lâu đài trung cổ châu Âu mà Nhân được xem ảnh trong báo bên Tây gửi sang. Cột đèn đúc bằng gang, dưới phình trên thót, ngọn có bóng đèn điện, trên che mũ.

Đến một cây bàng xương xẩu lá đỏ như máu, đứng làm cột ranh giới, Nhân rẽ sang khu người Nam ở. Phần lớn nhà gỗ lụp xụp kiểu chồng hộp diêm, thỉnh thoảng mới có nhà gạch hai tầng lợp ngói. Hè gạch bọc đá đã bong hết chỉ còn đường rải đá, nước cống ứ lên vì không có hệ thống cống ngầm. Cột đèn điện cũng đã được thay bằng cột gỗ sơn hắc ín, trên có hộp vuông lấp kín,

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

giữa để đèn dầu hỏa, nón che bằng sắt tây. Cái văn minh khai hóa chỉ đi đến đây là hết đường hay sao...

Nhân⁽¹⁾ đứng trước một ngôi nhà hai tầng bằng gạch, tầng dưới có cửa lùa gỗ và lan can sắt, tầng trên thò ra hai đầu xà gỗ sơn đỏ, khắc chữ triện, hai bên gờ tường xây lõm vào đắp nổi hình cây cảnh. Đó là hàng cơm số nhà 20 phố Cửa Nam.

Được ông Nhiêu Sáu⁽²⁾, chủ hàng cơm mời đến ăn giỗ, đúng hẹn, Đội Nhân đến quán. Nhân linh cảm có lẽ không phải giỗ mà Nhiêu Sáu muốn mời mình đến bàn một chuyện hệ trọng. Tuy hai người ở khác làng - Nhiêu Sáu ở Tương Mai, còn Đội Nhân ở Bạch Mai - nhưng cùng tổng, hai nhà từ trước vẫn đi lại thân mật nên Nhân coi Nhiêu Sáu như hàng cha chú, đi lại thăm hỏi luôn luôn. Vì vậy, có ngày giỗ nào nhà Nhiêu Sáu mà Nhân không biết.

Độ rày, quán hàng cơm 20 Cửa Nam bỗng đông khách lạ. Vào đây hình như người ta không cốt ăn mà chỉ để kiếm cơ gặp nhau, người vào trước như ý ngóng chờ ai rồi khi thấy người mình mong gặp thì bỗng tỏ vẻ mừng rỡ. Nhưng sự mừng rỡ cũng rất kín đáo, nếu không tinh mắt, khó nhận ra. Những khách mới đến có vẻ người tỉnh xa về vì phần lớn mặc áo chàm và nước da sạm nắng gió. Hình như họ là lái buôn mang măng khô, mộc nhĩ, cao hổ, mật gấu... về bán, vì nhiều người khoác những lổ tre to tướng... Họ thường vào một góc nói chuyện thầm thì rồi chỉ một

⁽¹⁾ Đội Nhân: Tức Đặng Đình Nhân (1880-1908) hạ sĩ quan trong cơ công binh pháo thủ số 9 quân đội thực dân Pháp, một trong những người cầm đầu vụ "Hà thành đầu độc".

⁽²⁾ Nhiêu Sáu: chủ hàng cơm số nhà 20 phố Cửa Nam, cơ sở và nơi hội họp của Đảng "Nghĩa Hưng" chủ trương vụ này.

lúc là chia tay. Và mặc dù ông chủ quán đã mang giới thiệu cả thứ rượu Mơ đặc sản của quê mình, khách hàng cũng không tỏ vẻ tha thiết lắm, thường thắc là mình còn phải đi xa nữa nên không dám uống say... Mà xem chừng họ lại là dân rượu cả! Thế mới lạ!

Một sự lạ nữa là nhiều khách còn quen biết ông chủ, thỉnh thoảng có người được ông mời lên gác, lấy cớ là khách quen lên đây cho tỉnh hơn. Kể ra ông chủ cẩn thận cũng phải vì hàng này thường có cai đội lính tráng hay bồi bếp trại lính trong thành ra ăn uống.

Gần đây, ông Nhiều Sáu thấy Đội Nhân thường đến một mình, mặt mày ủ dột, không hay rủ bạn bè đến *quầy* vừa như mọi khi. Nhiều Sáu thấy khác ý, sinh ngờ không biết Đội Nhân có đến dò xét gì hàng mình không. Ông lựa lời thăm dò được biết Đội Nhân buồn vì lính Nam bị đối xử chênh lệch so với lính Tây. Lương một tên lính Tây so với lính Nam gấp mấy chục lần. Ấy là chưa kể áo quần, nhà ở và các thứ phụ cấp khác. Bọn sĩ quan Pháp lại đối xử bất công với sĩ quan binh lính người Việt, ngay cả mình đã đóng đội mà còn bị tên quan một Pháp *sà lù mệc*.

Thấy Đội Nhân kể về cảnh khổ của sĩ quan, binh lính người Việt trong quân đội Pháp, Nhiều Sáu thừa dịp nói:

- Này thầy đội ạ, tôi nghe được cái bài về này hay lắm, để tôi đọc cho thầy nghe nhá.

Kìa những kẻ lưng đeo súng đạn

Dưới cường quyền theo bọn Pháp binh

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

Mũ vàng lẫn với khố xanh

Ấy là rất lũ tập binh nước mình

Một nam tử tranh vanh trong nước

Vì thần tiên phải bước chân ra

Có đâu ta lại giết ta

Cũng là một gốc mọc ra, nở nào

Tưởng những lúc đương đầu giáp hạn

Bụng không đành mà vẫn không đang

Há vì tháng mấy đồng lương

Mà quên làng nước họ hàng hay sao?...

Đội Nhân tấm tắc:

- Hay thật!

- Tôi tưởng thầy còn lạ gì bài này nữa. Ông chú của thầy trước khi đi Đông du thế nào chẳng đã đọc cho thầy nghe...

Nhân có ông chú ruột đi Đông du từ năm 1902, nhưng sợ liên lụy nên mỗi lần Nhiều Sáu hỏi, Nhân đều chối là không hay tin tức. Thấy Nhân bắt đầu có chuyển hướng tốt, Nhiều Sáu tí te gợi chuyện, cuối cùng Nhân thú thực chú mình xuất dương theo ông Tăng Bạt Hổ, nghe nói hiện đang ở Quảng Châu. Nhiều Sáu lần la nhắc đến các ông Lương Văn Can, Nguyễn Quyền. Nhân bảo là đã được đọc những bài văn của trường *Đông kinh nghĩa thực*, trong đó có những bài Nhân thích, thuộc lòng. Nhiều Sáu hỏi Nhân có muốn gặp những người làm ra những bài văn đó không? Nhân tỏ ra rất mong mỏi. Lúc đó, Nhiều Sáu mới cho Nhân biết

cái người nhỏ nhắn, dáng diêm đạm, có đôi mắt rất sáng... thường đến hàng cơm là ông cử Lương Văn Can, sáng lập viên trường Đông kinh nghĩa thực... Thì ra từ khi Đông kinh nghĩa thực bị đóng cửa, ông cử Can vẫn hoạt động bí mật, tuyên truyền đăc lực cho phong trào yêu nước.

Buổi gặp gỡ ông cử Can trong hàng cơm đã mở ra một hướng mới cho cuộc đời Đội Nhân... Khi về, Đội Nhân vừa đi vừa lẩm nhẩm mấy câu trong bài *Về tập binh* của ông Phan Bội Châu mà ông cử Can vừa đọc cho nghe. Nhân gật gù trước cái câu chí lý *Yếm bà lại buộc cổ bà* đến nỗi quên chào tên quan một Tây, bị nó bắt đứng nghiêm *lập giòong* hồi lâu và mắng chửi *côxông* như tát nước vào mặt.

Khi đến quán, Nhân không thấy Nhiều Sáu đâu mà chỉ thấy một anh thầy tướng ngồi ở ngoài hàng. Anh ta ngồi khư khư cái tráp sơn đen, phía dưới để tấm biển vẽ mặt người với một lô chữ nho đề ở những chỗ tai, mồm, mắt, mũi. Khi Đội Nhân bước vào, anh thầy tướng nhìn kỹ khuôn mặt dài, hiền lành của Nhân hồi lâu, rồi bỗng giật mình, lẩm bẩm:

- Lạ quá! Lạ quá!

Đội Nhân khó chịu:

- Thầy làm gì mà cứ nhìn chăm chăm vào mặt tôi thế? Tôi có xem tướng đâu.

- Tướng thầy đội lạ lắm, tôi xem tướng đã nhiều nhưng chưa thấy ai tướng lạ như thầy. Ủ ừ, thiên đình cao vượt, địa các vuông tròn, lại nhân trung dài nữa này... Tướng này phải làm đến quan năm quan sáu chứ không ít. À... Nhưng mà... nhưng

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

mà...- Bỗng thấy tướng lắc đầu quây quây - Hồng! Hồng...!

- Thầy cứ nói tôi nghe đi, tôi nhất sinh không biết sợ cái gì cả!

- Tướng thấy đội là quý tướng nhưng chỉ hiểm ngọa tâm hơi bị hắc hãm. Tướng này phải phá ngang mới có thể làm to... Nếu không sẽ có chuyện tai ương... Cũng do phúc nhà thầy còn vượng, nên mới xui khiến gặp tôi đây... Thầy có muốn tai qua nạn khỏi thì cứ biện một cái lễ nhờ tôi lễ sao giải hạn cho...

- Tôi chẳng phải lễ lạt gì cả. Tai vạ gì cũng bất chấp. Để rồi tôi xem thầy nói có đúng không. Nếu sai, tôi sẽ đập cái tráp của thầy đi đấy!

- Được, nhưng nếu tôi nói đúng thì thầy đội mất cái gì nào?

Giữa lúc ấy ông Nhiều Sáu đi đâu về. Ông mặc áo ngắn năm thân, cài khuy tét, khoác một cái bị chằng kín. Thấy hai người đang to tiếng với nhau, ông vội can:

- Thôi người nhà cả, mời thầy với anh đội vào trong nhà...

Khi lên gác, Nhiều Sáu mời hai người ngồi, rồi giới thiệu với Nhân:

- Ông này không phải thầy tướng đâu mà là ông lang Seo, người của quan Đề trên Yên Thế về đấy!

- Tôi thử thầy đội đấy thôi - Lang Seo cười - Nghe danh từ lâu nay mới biết thầy quả là bậc trượng phu!

- Bác cứ gọi tôi bằng cái tên cúng cơm là Nhân thôi. Vinh gì cái thứ đi lính cho Tây mà cai với đội!

- Anh Nhân đây với tôi cũng như ruột thịt trong nhà, bác Seo đừng nên khách khí gì cả...- Nhiều Sáu nói chêm vào.

Nhân sốt sắng hỏi:

- Bác cho biết tình hình quan Đề hiện nay thế nào?

- À từ ngày tạm đình chiến với Tây, hiện nay quan Đề chiêu mộ dân chúng các nơi làm ruộng ở Phần Xương. *Tĩnh vi dân, động vi binh* mà. Mỗi khi ra ruộng cấy cày đều giấu súng bên bờ đề phòng sự bất trắc. Gần đây, các chí sĩ như cụ Sào Nam, cụ Tây Hồ, cụ Giải Huân, cụ Tú Kiên... đến bàn đại sự với quan Đề cũng nhiều. Quan Đề chiêu nạp những trai tráng con các vị văn thân và giang hồ hảo hán bốn phương lại, còn lập đồn Tú Nghệ dành cho các nghĩa sĩ miền trong ra luyện tập binh bị trở về địa phương khởi nghĩa.

- Tôi nghe chú tôi kể chuyện, mộ tiếng quan Đề đã lâu mà chưa có dịp yết kiến. Nhiều lúc tôi chỉ muốn bỏ quách cái đời lính tập mà lên Yên Thế theo quan Đề.

- Ấy ấy, chính thầy là lính tập nên mới giúp đỡ được nhiều cho quan Đề đấy... Tôi sợ dĩ về đây cũng chính vì việc ấy...

- Nếu vậy xin bác cứ nói ngay cho nghe, nếu giúp được quan Đề chút gì, dù chết tôi cũng không ngại...

Lang Seo chưa kịp nói gì thì bỗng phía dưới cầu thang có tiếng oang oang:

- Giỏi! Giỏi! Thầy đội có mấy đầu mà định đi theo tên giặc cỏ Đề Thám! Phên này cháy nhà mới ra mặt chuột!

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

Đội Nhân nhìn thấy hai người bạn cùng một cơ với mình là đội Bình và đội Cốc:

- Phải! Cháy nhà ra mặt chuột, nên tôi mới biết hai anh không những phản bạn mà còn phản dân phản nước! Các anh có muốn lấy xác tôi làm bậc thang lên lon thì cứ việc mà đi *lập bô* với lão Hai!

- Đấy! Tôi nói đã thánh chưa - Lang Seo cười - Cái tai ương đã thấy nhõn tiền rồi đấy! Liệu thầy đội có định đập tráp của tôi nữa không hay phải mất cái gì cho tôi?

- Tôi chỉ có mỗi cái đầu thôi, nếu mất rồi thì còn có gì để mất cho thầy nữa! - Nhân quay lại Bình và Cốc - Có cần tôi phải đi theo các anh về bây giờ không?

Bỗng đội Cốc phá lên cười. Mồm anh đã rộng lại càng thêm rộng:

- Khá, khá lắm! Anh Nhân này, tôi sợ dĩ trêu anh là để trả miếng anh không rủ tôi đến hàng mà định đi ăn mảnh một mình...

Đội Bình cũng cười. Giữa lúc ấy, Nhiêu Sáu lật đật từ dưới bếp lên, nói với Nhân:

- Hai thầy đội đây cũng đã biết là có anh Nhân trong cánh ta nhưng tôi dạn dưng nói trước, có thế thì buổi kỳ ngộ hôm nay mới thật là lý thú.

Bà Nhiêu Sáu tất tả bưng một mâm đặt lên chiếu. Nhiêu Sáu mời mọi người ngồi vào mâm. Ngoài món thịt gà lá chanh quen thuộc, còn có món đậu mua ở Hàng Bạc, thứ đậu rán nở như

bông, nhất là món *mộc tồn*, điểm mấy nhánh húng Láng. Lang Seo cười:

- Gớm, bà chị chu đáo quá. Trời đất này mà bà chị cũng lòng được món đặc sản Kinh kỳ!

Nhiều Sáu đỡ lời:

- Bà ấy nhà tôi đảm có tiếng đấy. Không có bà ấy thì tôi cũng đến lúng túng... Không cứ việc chạy thức ăn làm hàng, cả đến việc đi đưa tin tức tôi cũng nhờ bà ấy. Một công hai việc. Bà ấy để thư từ của các ông Đội Hổ, Chánh Tình người của quan Đề gửi cho ông Đồ Đạm, Chánh Song... ở dưới thúng, phủ rau, cá, gà, vịt lên trên. Nhiều khi bị lính kín nó khám, bà ấy gan chí mề, mặt cứ thản nhiên như không. Nó không ngờ gì cả lại để cho đi...

Bà Nhiều Sáu khiêm tốn:

- Ấy, ông ấy cứ khen tôi thế, chứ có gì đâu ạ...!

Đội Bình xen vào:

- Bác đừng có nhún mình, tôi mà theo đòi được các bác đây là cũng nhờ công của bác đấy. Bác có nhớ hôm tôi bị nó phạt, đến hàng, bực chí uống rượu say, bác phải rấp nước lã vào mặt mãi mới tỉnh không nào...

Bà Nhiều Sáu cười, xin phép lui xuống dưới nhà. Nhìn mâm rượu, lang Seo tấm tắc:

- Lâu nay ở trên rừng xanh núi đỏ ăn toàn măng với củ mài, giờ mới lại được thưởng thức món ăn Hà Nội...

- Còn món này mới thật đủ *quốc hồn, quốc túy* - Nhiều Sáu

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

lấy từ trong bị ra một chai rượu đút nút kỹ bằng lá chuối khô - Rượu Mơ chính cống từ quê tôi mang ra đây. Rượu này phải nấu lâu, không có tụi Đoan nó bắt thì bỏ sừ... Ấy, ở làng tôi hể nó thấy ruộng nào có chĩnh bồng là bắt ngay người lam ruộng, không cần hỏi có nấu rượu hay không? Đạo trước nó còn cho lính về đóng gông Thành Hoàng làng...

- Đóng gông thật ư bác? - Đội Cốc ngạc nhiên.

- Có gì đâu. Nó hạ bát hương xuống lấy hai chiếc đũa và sợi dây buộc vào. Dân nghèo có gì mà sợ, nhưng thế mà kỳ mục phải chạy chọt để Tây tha cho thành Hoàng Làng!

Mọi người cùng cười. Nhiều Sáu mở nút, mùi rượu bị nén trong chai từ lâu được dịp tỏa ra. Nhiều Sáu rót ra từng chén. Nhân nhấp một hớp. Thử rượu tằm nấu bằng gạo nếp nguyên chất nên vừa nhấp, vị ngọt đậm đã lan khắp cuống lưỡi. Nhân người quê rượu, nên am tường cách thức nấu. Gạo phải kén giống nếp hoa vàng mãi bên Bắc, không được già, xay xong không lấy đốn. Đến lứa rượu, là con cháu trong nhà phải thức suốt đêm để nhặt gạo tẻ ra. Men là men gia truyền, đặc biệt toàn các vị thuốc Nam chứ không phải thuốc Bắc. Phải tự làm để giữ bí mật. Ngày hanh nắng mới bắt đầu ủ men, nồm thì ít nước lại không có tằm. Khi nấu phải luôn luôn thay nước ngoài ống trấu, nếu để nước nóng thì đục rượu... Nghề nấu rượu cũng lắm công phu, vì thế rượu mới ngon, uống chỉ ngà ngà say chứ không gất như thứ rượu Phong ten mà Tây bắt ép dân phải uống... Hăng Phong ten nấu rượu còn bằng bất cứ thứ gì nấu được, rồi pha thêm nước máy đóng chai, vốn mỗi lít chỉ mấy xu thôi, nhưng uống thì cháy cổ lại nhức đầu chóng mặt. Ấy thế mà nó lại bắt ép mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi xã hàng năm phải tiêu thụ

bao nhiêu lít. Nếu không bán được thì Công sứ gọi Tri huyện lên khiển trách. Lý trưởng cứ bảo cho mỗi nhà phải mua ba chai, lại nghĩ cách hể ai mổ lợn mổ bò hay đình đám ma chay, mỗi khi phê đơn cho phép là bắt phải mua bao nhiêu lít.

Nhìn qua khung cửa sổ chấn song sắt che màn, Nhiều Sáu thấy dưới đường có người nhốn nháo. Ông vội quay lại nói với mọi người:

- Cẩn thận, lão trưởng phố lại vào khám xét khách trọ đấy.

Đội Nhân và Bình, Cốc vội xoay sang chuyện khác. Họ oang oang kể cho nhau nghe những chuyện đi đẹp giấc cỏ ở các nơi, thằng nào chém một lúc mấy cái thủ cấp, được nể đây, thằng nào bắt sống tên đầu sỏ, được lên lon... Ông *thầy tướng* cũng hết lời tán tụng mấy thầy đội, đoán thầy này phát công danh, thầy kia sắp có hỉ sự, thầy này sắp có tài có lộc...

Lát sau, tên trưởng phố bước lên gác. Y đằng hắng:

- Làm gì mà tụ tập đông người thế, ông chủ?

Nhiều Sáu lật đật đứng dậy mời trưởng phố vào:

- Có gì đâu, chả nhà tôi có giỗ, nên mời anh đội đây là cháu gọi tôi bằng chú đến ăn giỗ. Anh ấy lại mời thêm mấy thầy đội cùng một cơ đến cho vui. Còn ông thầy tướng này, đoán cho các thầy ấy hay quá, nên tôi mời lên đây đoán nốt...

Trưởng phố nhìn thấy toàn là các viên đội nên cũng có ý nể, giơ tay bắt tay Nhân, rung tit:

- À, thế là ngài đội đây là người nhà ông chủ đấy. Quý hóa

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

quá. Xin mời các ngài đội cứ tự nhiên. Các ngài bỏ quá cho, tôi cũng vì phận sự mà quấy rầy các ngài. Ấy từ khi có cái vụ Đông kinh nghĩa thực, ông Cẩm bắt tôi tối phải đến kiểm soát các nhà hàng cơm xem khách trọ có đủ thẻ thuế thân không. Thấy trên gác có tiếng nhiều người, nên phải lên xem qua đấy thôi...

Lang Seo làm bộ ân cần:

- Mời ông trưởng phố ngồi xơi rượu với anh em chúng tôi cho vui. Chả mấy khi...

- Thôi các vị tha lỗi cho, tôi đang dở việc quan, xin để cho khi khác...

Trưởng phố đi rồi, mấy người lại bàn tiếp công việc.

Đội Nhân mãi trút nỗi uất hận của mình vào chén rượu, nên từ nãy đến giờ không nghe lang Seo và các bạn mình nói gì. Mãi đến lúc lang Seo hỏi gặng:

- Anh em có cách gì giúp quan Đề đem binh về đánh Hà Nội được không?

Nhân sực tỉnh khi nghe thấy tiếng đội Cốc nói đến việc giết lính, mở cổng trại, giúp quan Đề. Đội Nhân chăm chăm nhìn vào mồm đội Cốc, Cốc ta không nói gì nữa mà đưa mắt nhìn mọi người chung quanh. Nhân ngừng lên tinh trí, thấy đầu óc bình tĩnh sáng suốt lạ lùng. Ngay trong lúc bình tĩnh, sáng suốt ấy, Nhân tính đến cái được cái mất của bản thân: "Giết chúng nó, việc ấy mình làm được, ma, làm việc ấy là từ rầy mình không còn là mình hiện nay nữa. Không lĩnh lương đội, vợ con mình cũng không còn sinh sống bằng đồng lương, bổng lộc của một

người đội có thể có". Mới hôm kia là đầu kỳ lương, vợ Đội Nhân đã sáng mắt lên khi đón mấy chục đồng bạc xòe mà Đội Nhân đưa về. Đêm đã khuya, Nhân nằm ngủ lơ mơ vẫn nghe thấy tiếng vợ đếm từng cọc bạc lọc xọc, mà mừng tượng dáng vợ đang ngồi chờ dẫn mồm lẩm nhẩm tính từng khoản tiền, đóng gạo, mua thức ăn, sắm quần áo rét, sắm chăn bông...

Sau khi làm việc giết lính Pháp, hẳn là không còn món tiền này nữa... Vợ con mình sẽ trông cậy vào đâu? Bỗng Đội Nhân nhớ đến những câu dè bủ mỉa mai của những người xung quanh: *Chớ tham đồng bạc con cò, bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang Sa*. Dù bây giờ Tây đã bỏ loại giấy bạc con ó của Mẽ Tây Cơ mà dùng bạc hoa xòe, nhưng lời chỉ trích ấy vẫn nguyên giá trị một lời cảnh tỉnh những kẻ lầm đường. Nhân bậm môi. Ngay từ khi trong óc chợt lóe lên ý nghĩ giết lính Pháp, Đội Nhân đã thấy mình trở thành một con người khác. Những ràng buộc bởi đồng lương, manh áo hình như đã được giứt tung ra và những cam lòng nhần nhục đã thoát ra khỏi mình rồi.

Nhân chậm rãi bảo Cốc:

- Anh nói lại rõ ràng việc ấy xem nào?

- Hay là thế này! Quan Đề cứ hẹn ngày đem binh về Hà Nội, chúng tôi sẽ giết lính gác, mở cổng trại làm nội ứng!

- Không được! - Bình lắc đầu - Quân quan Đề kéo về đây dù khéo cải trang nhưng đông người thì thế nào cũng lộ liễu, mà lực anh em ta ở trong trại thì còn mỏng quá, liệu có đối phó được với tụi lính Tây không? Chúng nó canh phòng ngặt lắm, lại không tin người mình nên đều cất lính Tây gác cả...

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

Trời đã tối, ngọn đèn tọa đăng hắt bóng mấy người lung lay trên vách, khi chụm vào nhau thành một mảng, khi lại tách rời ra, bóng ôm đầu, bóng chống tay vào cằm suy nghĩ... Ngoài đường vọng vào tiếng xe bánh sắt lọc cọc, tiếng roi vun vút trong không khí, tiếng lửa kéo xe nhà binh thổi phì phò, móng sắt lớp lớp trên mặt đường đá rấn khắc... Tiếng những con bạc vừa thua ở sòng về, than vãn, chửi tục... Tiếng Cẩm quát tháo biên phạt nhà nào đánh đổ nước ra cửa... Tiếng ngáy của khách trọ ngủ dưới nhà... Tiếng côn trùng ở bãi cỏ phía sau nhà rên rĩ... Từng ấy thứ tiếng quyện vào đêm đặc sệt.

Nhân soi bóng mình vào chén rượu trong vắt. Bỗng Nhân ngừng lên nhìn mọi người xung quanh một lượt. Nhiều Sáu đã ngồi xồm hai tay bó gối từ lúc nào. Dáng điệu ấy nhắc Nhân nhớ một lần đến hàng cơm không thấy Nhiều Sáu đâu, xuống bếp thì thấy ông đang ngồi ủ rũ bó gối... Từ ngoài hàng vọng vào tiếng bọn lính vừa đi đánh dẹp nghĩa quân các nơi về được thăng thưởng, kể cho bạn nghe về những công trạng của mình: Giết được bao nhiêu tên giặc cỏ, triệt hạ được bao nhiêu làng cứng đầu. Nhìn vẻ mặt Nhiều Sáu, Nhân chợt hiểu nỗi khổ tâm của ông mỗi khi thấy bọn lính đến ăn uống, tuy chúng chưa nói gì đã thấy trước bao nhiêu chuyện đầu rơi máu chảy. Rồi rượu vào, lời ra, chúng kể hết những chuyện tàn bạo ấy, cười sằng sặc, tăng bốc lẫn nhau. Ấy thế mà ông vẫn phải kính cẩn bưng từng đĩa thịt, mang từng chai rượu đến cho chúng nó ăn uống... rồi lủi thủi xuống bếp ngồi bó gối. Nhiều Sáu nói với Nhân:

- Ấy, mọi hôm thì tôi đóng cửa ngách lại khỏi phải nghe những lời lẽ ghê tởm ấy, nhưng vừa rồi tôi lại mở toang ra. Phải nghe thấy hết những chuyện nó chém giết mình...

Giờ thấy Nhân nhìn mình, Nhiều Sáu bưng tỉnh cũng nhìn thẳng vào mắt Nhân. Đọc được vẻ kiên nghị trong ánh mắt Nhân, Nhiều Sáu tin rằng Nhân có thể làm nên việc. Ông toan nói một điều gì thì Nhân đã vội nói trước:

- Thôi, chú không cần phải nói nữa, tôi đã hiểu rồi...

- Hiểu cái gì đã chứ?

- Chai rượu làng Mơ...

Nhân lại im lặng. Mùi rượu nồng nhắc Nhân nhớ lại một chuyện đã lâu. Có lần Nhân thấy bếp Nhiếp tất tả đến tìm mình, hỏi dồn dập:

- Thầy đội là người Mơ phỏng?

- Vâng, tôi ở Bạch Mai, bác hỏi gì?

- Chả là lão quan hai Tây nó không thích vang, cô nhắc, sâm banh. Một lần được lão Đoan thết rượu Mơ, nó thích cái tang ấy, cứ bắt đi lòng bằng được. Mà thầy tính, người nhà binh về thì đời nào dân họ bán. Thấy người làng Mơ, thầy có quen nhà nào nấu thì mách tôi để tôi về mua...

Từ hôm mách chỗ mua rượu, bếp Nhiếp thân với Nhân thường chuyện trò với anh. Câu chuyện lân la, Nhân biết Nhiếp rất căm tên quan hai thường đánh phạt mình, có lúc tức mình đã nói ra mồm:

- Nó cứ hành tôi mãi, bực lên tôi bỏ tí thuốc độc vào món ăn cho nó chết mất ngáp!

Câu chuyện vô tình ấy khiến óc Nhân lóe một tia sáng. Ừ sao

CHAI RƯỢU LÀNG MƠ

ta không bàn với bếp Nhiếp, nhân ngày Tây làm việc chiêu đãi sĩ quan binh lính, thì người của mình bỏ thuốc độc vào món ăn. Khi bọn lính Tây trúng độc rồi, một phát súng hiệu nổ, quân quan Đề phục sẵn ở ngoài vào đánh chiếm trại, hưởng ứng với binh lính từ trong đánh ra! Ô, quả là diệu kế! Nhân biết có thứ cà độc dược, chỉ cần trộn một ít vào thức ăn là đủ công hiệu. Còn thằng quan hai thì sẽ dành cho nó hẳn một chai rượu Mơ, bỏ vào một ít nhân ngôn. Nhà Nhân mấy đời làm thuốc nên đã trữ sẵn cái của ấy.

Mùi rượu Mơ vẫn thoang thoảng bốc lên, thứ rượu đã đi vào tục ngữ từ ngàn xưa: *Rượu làng Mơ, Cờ Mộ Trạch...* Bên tai Nhân còn văng vẳng tiếng mẹ ru mình từ thuở bé:

Em là con gái Kẻ Mơ,

Em đi bán rượu tình cờ gặp anh

Rượu ngon chẳng quản be sành...

Không ngờ những sản vật quê hương đã vào lời ru của mẹ đến nay lại là phương tiện để giết quân thù. Thế đấy! Thế đấy!

Đội Nhân nhìn vào chén rượu vẫn còn đầy. Nhân mừng tượng từ những chén rượu mình sắp sửa pha ra, quân thù nằm xuống như ngã rạ. Chúng nó chết, còn mình thì từ bỏ hẳn được những ràng buộc của cuộc đời một anh đội, cùng hành động, ăn nói với kẻ thù của đất nước...

Những ý nghĩ chôn chặt trong lòng bao lâu bật ra như mùi rượu men ủ kỹ lại đựng trong chai đóng nút chặt, giờ bốc lên mạnh mẽ, ngậy ngất...

Đúng! Hôm chiến thắng thì phải khao quân một bữa túy lúy
rượu làng Mơ!

CHIẾC ROI

Mông-tơ, tên xếp ở đồn điền cao su có cái thú mỗi ngày kiểm tra roi hai lần. Mỗi ngày y cử hai người phu chuyên đi chặt roi. Y quy mức cho mỗi người phải chặt đủ mười bó, mỗi bó mười chiếc roi. Người phu phải nộp đủ số roi thì mới được lãnh lương ngày hôm đó. Song, số lượng roi mang về nộp vẫn chưa đủ, y còn kiểm tra “chất lượng” roi, xem cái roi ấy đánh có đau không? Giống như ông tướng thời xưa thử xem đao có sắc không bằng cách “khai đao” chém đầu người thợ rèn vừa đánh đao cho mình, Mông-tơ cũng “khai roi” bằng cách quất ngay lên lưng người nộp roi. Nếu roi đập ngay thì y phạt bằng cách cúp lương, còn nếu thấy người bị đánh thấm đau mà roi vẫn còn tốt, y mới thu nhận. Thành thử người kiểm roi phải lựa những khúc mây nhỏ nhưng dẻo, hoặc lớn bằng đầu ngón tay cái, đốt dài đến ba tấc, mới chặt về nộp cho y mặc dầu biết rằng roi ấy sẽ quất thử lên lưng mình đau thấu xương. Có người phải lặn lội vào sâu trong rừng để kiếm được mây lớn. Phu không có quần áo, chỉ đóng độc một chiếc khố bằng bao tải rách. Có người vào rừng bị chết vì rắn chàm quạp cắn. Kiến vàng to bằng cọng rơm, bám đầy vào cây, bò chập đất, đốt rất đau. Muỗi đùn sọc màu vàng hoe, cánh dài, tua tua bầu quanh người mà hút máu. Mùa mưa thì vất nhiều. Người bị ong vò vẽ đốt, kiến, vắt, muỗi cắn, gai cào, những vết thương ấy không được băng bó, bị bụi bặm bám vào làm lở loét, sinh sâu quặng. Nhiều khi mụn loét ra to bằng miệng bát, sâu tới xương, nhức nhối và hôi thối vô cùng.

Bữa nay, đến phiên Bài nộp roi. Anh vừa oằn lưng dưới từng nhát roi của xếp vừa nhớ lại hồi mình còn đi học trường tiểu học, có một ông thầy giáo dữ đòn. Mỗi tuần ông phân công cho một học sinh giữ roi mây, hàng ngày phải mang đến trường. Khi đứa nào không thuộc bài, trả lời ngắc ngứ hay nghịch ngợm, nói chuyện trong giờ học, ông bắt nằm sấp xuống quất cho mấy roi quần đít. Tuy nhiều lần bị đòn nhưng Bài không oán thầy vì nghĩ rằng: “Yêu cho vọt, ghét cho chơi”, thầy muốn cho mình học giỏi nên mới răn dạy bằng cách ấy. Cha mẹ Bài cũng thường khuyên nhủ: “Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn”, thầy có dữ đòn thì mới kèm cặp được học trò nên người. Có lần thấy thầy đánh không được mạnh như trước nữa, Bài lại chạnh lòng thương thầy đã già, tay yếu rồi. Nhưng bây giờ bị tên xếp đồn điền cao su đánh, Bài chỉ thấy tủi nhục và uất hận. Bài chỉ ao ước có một ngày nào sẽ dùng những chiếc roi này quất lên lưng nó để trả thù. Nghĩ vậy thôi nhưng Bài cũng hiểu rằng cái ngày đó không biết bao giờ mới tới.

Nhận đủ số roi để dùng trong ngày hôm sau, Mông-tơi lại đợi những tên cai mang số roi đã dùng trong ngày hôm ấy về nộp. Khi cai mang roi về, y lại kiểm tra từng chiếc một. Thấy chiếc roi nào oằn đi, hoặc đập nát, xây xước thì y khen tên cai. Nhưng nếu thấy chiếc roi nào còn nguyên vẹn, chưa xây xước gì, tức khắc tên cai ấy phải nằm xuống đất mà thế mạng.

Ngắm nghía chiếc roi, y gầm lên với cai Mô:

- Hôm nay mày không đánh đám dân phu, roi không nát, vậy mày phải nằm xuống đất để ông đánh mày!

Mô oằn oại dưới từng ngọn roi tưởng chừng lửa đốt bỏng da

CHIẾC ROI

rất thật. Trên lưng Mô lần ngang lần dọc, những vết roi để lại nổi nhức nhối không thể tả. Mô thầm nghĩ: Phu ở đây vẫn truyền tụng câu: “Xếp đánh cai, cai nhai chết dân phu”. Mình cứ đánh đập thả sức tội gì phải nương tay để đến giờ phải lấy thân mình ra đền bù. Mô đã chứng kiến những tên cai khác đánh phu rất dữ. Phu đặt bát hứng mủ hơi nghiêng, không kịp lau kỹ bên trong và bên ngoài: đánh! Cạo không ngay, miệng cạo không thẳng: đánh! Cạo không đúng quy định sâu một mi-li-mét: đánh! Cạo dày hơn một mi-li-mét: đánh! Cạo vào xương cây: đánh! Mủ rơi xuống đất vài giọt mà không vét lên hết: đánh! Trời mưa để mủ tràn dính thân cây mà không gỡ kịp: đánh...! Tên cai bắt người cạo phạm nằm xuống bên gốc cao su rồi dùng roi quật túi bụi. Đánh xong y lấy mủ nước cao su giội lên đầu. Thứ mủ ấy đã bám vào đầu, vào tóc ai thì khó-bề gỡ sạch được. Họ phải giội dầu hôi lên đầu, rồi lần lần gỡ ra từng mảng. Cho đến khi gỡ hết mủ thì da đầu tróc hết, đầu đỏ ối như người bị bỏng...

Nhưng Mô lại nghĩ: mình không thể ác độc như những tên cai khác được. Lương hàng tháng của cai không hơn lương phu bao nhiêu. Về quyền lợi thì ngoài việc được ở một mình một gian nhà lán ra, cai không được hưởng quyền lợi gì hơn phu. Một số cai muốn ngoi lên Xú-vây-dăng để được hưởng quyền lợi cao hơn. Mỗi tên xú được cấp từ 2 đến 3 gian nhà ngói thoáng mát và một gara ô-tô. Trong nhà xu được trang bị từ 3 đến 4 giường lò so đệm, một bộ sa lông cùng rất nhiều các thứ khác như tủ, nồi niêu, xoong, chảo... Mỗi nhà cũng đều có kẻ hầu người hạ. Những cai muốn được hưởng cảnh sung sướng ấy nên đối với phu, chúng thẳng tay đàn áp, còn đối với chủ chúng sẵn sàng quỳ gối, có thể làm bất cứ việc gì dù là đê tiện nhất...

Mô cũng là phu mộ như những người ở đây nhưng vì có đôi chút chữ nghĩa nên được nâng lên làm cai. Phu đồn điền này phần lớn cũng là dân Hà Nam như Mô. Có lần một người phu cùng quê với Mô làm việc liền mười hai tiếng mệt quá lên cơn sốt không thể đứng được phải nằm lại “săng-chi-ê”⁽¹⁾. Anh ta mới lên không biết ở đây có giống mối rừng thích ăn thịt người. Giống mối này nhiều hơn kiến, hai nanh cong vắt, vừa nhọn vừa sắc. Chúng cắn ai, mồm và nanh ngoạm sâu vào da thịt, không thể dứt ra được. Đêm ấy mối rừng xuất hiện, cứ thế xơi đến sáng, người bất hạnh chỉ còn bộ xương trắng. Mỗi lần đi làm về muộn, nghe tiếng mối ăn rào rào, Mô lại sởn gai ốc nghĩ đến người bạn đồng hương xấu số.

Đêm ấy nằm trên chiếc giường tre bương trong gian lán ẩm thấp, mùi rác mùi nước đọng thành vũng quanh nhà xông lên nhức óc, tiếng ruồi muỗi bay vo ve khiến Mô trần trọc không sao ngủ được. Mô nằm suy nghĩ, bỗng nhớ ra tên xếp thường đem những chiếc roi đã đập chứa trong một kho riêng để có dịp sẽ báo cáo với quan trên về thành tích trị phu của y, y cũng muốn thiết lập một bảo tàng lưu lại kỷ vật về công cuộc khai hóa thuộc địa bằng roi vọt.

Nghĩ vậy, Mô rón rén trở dậy, lần đến chỗ kho chứa roi, tìm cách mở khóa vào ăn cắp một bó roi lớn đem về giấu đi một chỗ cẩn thận. Hôm sau, Mô giấu những chiếc roi còn nguyên vẹn, lấy mười chiếc roi đã đập mang về nộp. Quả nhiên Mông-tơi thấy roi đều bị đập nát, khen ngợi Mô làm việc tốt.

Nhưng thấy ngày nào Mô cũng nộp roi đập nát, lại thấy nhiều

⁽¹⁾ Khu vực công trường.

CHIẾC ROI

roi đã cũ, Mông-tơi sinh nghi. Y liền thân hành đến kiểm tra tại chỗ.

Bữa đó đến phiên Bài cạo mủ cao su. Đứng nấp rình, thấy Bài cạo vào xương cây mà Mô đứng đó không đánh, Mông-tơi xuất hiện, bắt Bài nằm sấp chống chân lên dùng roi đánh vào hai bàn chân. Y giao hẹn đánh năm mươi roi nhưng cấm không được kêu la, thấy Bài buột miệng kêu “đau quá”, y xóa hết số roi đã đánh, đánh trở lại từ đầu cho đến khi bàn chân Bài tóe máu. Đánh xong, y bắt Bài phải lạy và hứa từ nay không được phạm lỗi.

Sau đó, y lại bắt Bài phải dùng roi đánh Mô. Thấy Mô vì không đánh mình nên bị đòn, Bài thương Mô quá chỉ đánh gượng nhẹ lấy lệ. Mông-tơi giăng lấy roi, quất túi bụi vào người Mô không thương tiếc...

Thấy Mô gần như ngất xỉu đi dưới trận mưa roi, anh em phu cầm hờn bèn nhất tề xông lại. Một anh hô lớn: “Đánh”. Thế là mọi người cầm những chiếc roi nguyên vẹn mà Mô mang theo xông vào đánh Mông-tơi. Y hoảng hốt vùng chạy, Bài cầm dao phang vào đầu y khiến y vỡ đầu chết ngay tại chỗ. Lòng căm tức đang bốc cao, mọi người xông vào nhà bọn cai, xếp khác, tìm diệt chúng. Bọn chủ đồn điền đã cho lính xả súng bắn vào đám dân phu, làm một số người chết và bị thương. Bài bị bọn lính bắt, chúng dùng giày đinh đá vào mạng mỡ, giận giày lên ngực anh khiến máu mồm ứa ra. Sau đó chúng bắt anh về giam ở nhà tù Thủ Dầu Một. Khi mãn hạn tù anh lại xin vào làm trong đồn điền cao su Dầu Tiếng.

Kể xong câu chuyện cho tôi nghe, bác Bài nói với tôi:

- Qua câu chuyện chiếc roi, tôi thấm thía một điều này: mình

đừng bao giờ nên kiếm roi để cho kẻ khác đánh người cùng cảnh ngộ với mình vì có khi chính chiếc roi ấy sẽ quật vào mình. Nhất là đừng bao giờ nên biến chính mình thành chiếc roi để hành hạ người khác. Sau khi anh Mô vì không chịu đánh tôi là bị thằng xếp Tây đánh chết, tôi có lượm lấy chiếc roi thấm máu anh để giữ làm kỷ niệm.

Bác vào trong nhà lấy ra chiếc roi bầm dập đen xì ra cho tôi xem. Bất giác tôi nhìn ra những lô cao su xanh tươi phía trước. Có phải màu xanh ấy đã phải đổi bằng bao nhiêu cực hình và máu đổ. Và những cây mây trong rừng không bị biến thành roi vọt của kẻ thù mà hóa thân thành bộ sa lông mây thanh nhã mà tôi đang ngồi êm ái trong ngôi nhà gạch khang trang của người phu cao su cũ này...

PHỐ SỬ

Lượng vẫn đi quanh bờ hồ. Trời đã về chiều. Những buổi chiều mùa đông sầm sì không có hoàng hôn. Phố vắng một cách lạ. Đường như rộng thêm với những ngày sơ tán. Cuộc chiến càng ngày càng quyết liệt trên đất Thăng Long vốn được các cụ cho là “phi chiến địa”. “Bò” Mỹ đã lần vào đánh phá ác liệt ngoại thành phía bắc Hà Nội. Các phố nội thành đã được lệnh triệt để sơ tán. Gió bỗng nổi lạnh đánh rớt những chiếc lá muồng đào cuối cùng xuống mặt con hồ dâng đầy như lòng người nhiều tâm sự.

Mấy anh công nhân hối hả đạp xe trên đường. Chiều rồi. Sắp đến giờ của B.52.

Hà Nội vào những ngày tháng Mười hai dương lịch im ắng đến lạnh lẽo. Phần lớn các nhà đều đóng cửa. Chiếc tàu điện sơn đỏ chạy lạnh canh trên đường, nhiều toa không có người, trong một chiều sương mù như một chuyến tàu nào rất xa của kỷ ước.

Lượng bỗng nghĩ đến đứa con nhỏ ở chỗ sơ tán. Lượng vừa lên thăm nó hôm kia. Một chiếc xe đạp linh kinh thổ bao nhiêu thứ. Nước mắm, gạo, mỡ, củi, dầu, đường. Lại cả mấy mớ rau nữa. Lượng lóng ngóng mãi không làm sao mà thổ tất cả các thứ đó lên xe được. Nhất là cái túi gạo, cứ đi một lúc là nó lại ngoẹo hẳn sang một bên như người trúng gió. Lượng toát cả mồ hôi.

May gặp một cô công nhân *mồng 8 tháng 3*⁽¹⁾, người cùng phố đi mua rau về. Thấy Lượng vất vả quá, cô phì cười:

- Anh buộc thế thì đi thế nào được. Thôi, để lại em buộc cho.

Không biết do một bản năng sẵn có, hay do kinh nghiệm mà phụ nữ họ buộc giỏi thế. Cũng từng ấy thứ mà cô ta buộc cứ gọn như không ấy. Thành Sử, con trai của Lượng mới lên bốn. Nhưng nó đã biết rất nhiều thứ. Hình như trẻ thơ bây giờ khôn hơn ngày trước nhiều. Gặp bố, thành Sử tíu tít hỏi về các thứ ở Hà Nội. Kem còn không hở bố... Con voi còn không hở bố... Khi nghe nói voi cũng đã sơ tán rồi, thành bé bốn tuổi mắt bỗng đắm chiêu nhìn mãi về phía tí chân trời mịt mờ mây trắng, giọng hơi buồn:

- Có lẽ voi đi sơ tán xa lắm, phải đi tàu điện mới đến được, bố nhỉ?

Nhưng được cái trẻ nhỏ buồn cũng không lâu. Đứa bé lại chuyển sang cái tàu điện. Tàu điện có còn không bố? Có phải sơn xám không? Có còn được kêu leng keng nữa không? Con thích đi tàu điện lắm. Tàu điện hình như gắn liền với những thế giới xa xôi đầy kỳ lạ của tuổi nhỏ.

- Đấy, cái lần ấy, mẹ cho con đi tàu điện.

Chuyến tàu điện từ từ đi về phía Hàng Đào. Những toa tàu không có trẻ nhỏ, buồn vắng một cách lạ. Nó lù lù đi hình như cũng chẳng buồn leng keng nữa.

“Đồng bào chú ý... Đồng bào chú ý...!”

⁽¹⁾ Nhà máy dệt mang tên Mồng Tám tháng Ba ở Hà Nội.

PHỐ SỬ

Mấy người đi đường ngo ngác nhìn lên trời rồi vội xuống xe chạy nhanh về phía mấy chiếc hầm cá nhân.

Máy bay địch đã đi xa.

Lượng vẫn đi quanh bờ hồ. Cái hồ nhỏ này có gì lạ mà Lượng cứ đi quanh mãi. Đúng, cái hồ bé nhỏ này quá quen thuộc, còn có điều gì lạ với Lượng nữa mà anh cứ đi quanh quẩn mãi. Lượng không muốn rời bỏ. Đối với Lượng, cái hồ bé nhỏ lúc này là cả Hà Nội.

Và khi Hà Nội sớm bước vào một cuộc đấu tranh một mất một còn với giặc, Lượng càng thấy gắn bó với cái hồ nhỏ một cách kỳ lạ, gắn bó đến day dứt, xót xa... Hiện tại như bỗng nhuộm cái màu kỳ ảo, băng khuâng của kỷ niệm, của lịch sử.

Đi qua khu tòa báo Nhân dân, mặc dầu vào một ngày cuối năm, Lượng vẫn cứ thấy thoang thoảng một mùi hoa y lãng, cái mùi y lãng ép cùng với những trang Anbum và những trang kỷ niệm ngày đi học, mà một nhà thơ đã gọi là *mùi hoa năm ngoái*.

Thanh ngày trước cũng rất thích mùi hoa y lãng.

Thanh là người yêu cũ của Lượng. Hồi đó Thanh còn là một sinh viên khoa văn. Người cán bộ dạy sử kia đã say mê cách nói bóng bẩy, đầy hình ảnh của cô sinh viên khoa văn trường Tổng hợp. Nhất là những bức thư dày hàng chục trang của cô. Lượng là người ít nói. Anh cảm thấy hết sức khó khăn trong việc diễn đạt những ý nghĩ cũng như tình cảm của mình. Những ngày khai quật hiện vật vùng Cổ Loa, nhiều đêm nằm dưới chiếc lều vệt giữa đồng nghe gió mùa Đông Bắc trăn trở trên mái lá và mưa xối xả trên những giấc ngủ không thành. Lượng nghĩ nhiều đến

Thanh và trong đêm lại lẩm nhẩm đọc thầm những dòng thư đầy hình ảnh của người yêu mà anh đã thuộc lòng.

“Đêm ngan ngát mùi hoa y lảng... Đêm càng sâu càng nhớ người đi xa. Thời gian làm cho không gian thêm rộng. Sao ở hai đầu chân trời đánh mãi những tín hiệu đương chờ giải mã...”.

Lượng nhớ lắm, thương lắm, nhưng đến khi viết thư cho Thanh anh cũng chỉ viết được ít câu ngắn ngủi:

“Những đêm nằm ở lều canh hiện vật, không ngủ được, anh lại đọc nhẩm những dòng em viết cho anh, thấy ấm hân như ngồi bên bếp củi đương lùi khoai. Anh nhớ em vô cùng, nhớ lắm v... v...”

Chữ nghĩa hình như khó tính với anh. Lượng khẽ động đến là y như chúng chạy đi đâu cả. Và Lượng chỉ đành dùng những chữ mà người ta vẫn cho là sáo mòn: “Anh nhớ nhiều lắm, em có biết anh rất yêu em không, anh rất quý em không...”. Thanh tuy rất thông minh nhưng có lẽ vì còn quá trẻ nên chưa đủ từng trải để hiểu rằng những lời của Lượng lắng sâu tận đáy lòng của con người cán bộ khoa sử chân thật, như những hiện vật cố lắng sâu dưới đáy thời gian, và cái mòn tưởng chừng như sáo cũ kia chỉ là một lớp patin thời gian, nó như một sự chứng nhận của năm tháng phủ lên những hiện vật đó, làm cho chúng càng thêm phần quý giá.

Thanh càng ngày càng cảm thấy Lượng khô khan “thế nào ấy” và một hôm, hai người chia tay nhau. Mối tình của Thanh bay đi như con chim di cư tìm sự rục rờ của những mùa hè chói nắng.

PHỐ SỬ

“Em chẳng có gì giận anh cả, nhưng chúng mình không hợp nhau...”. Và không biết có phải do sự trở trêu nào của cuộc đời không mà mối tình đẹp đẽ kia lại kết thúc một cách sáo cũ như trong một cuốn tiểu thuyết rẻ tiền, nghĩa là vào mùa thu.

Lượng đương bận khai quật ở vùng đất di chỉ Thanh Hóa. Chắc hẳn một vài mũi tên đá nào đó từ một thời Đông Sơn xa xôi không khỏi chất mặn đôi giọt nước mắt của người cán bộ sử học ít nói kia.

Lượng buồn lắm. Cái đó là lẽ dĩ nhiên. Vốn ít nói, nên nỗi buồn không thoát ra được lại càng âm ỉ, gặm nhấm, nung nấu.

Nhưng cũng may giữa những ngày đó, đoàn khai quật do Lượng phụ trách phát hiện được ngôi mộ cổ, trong đó còn nguyên di hài của một “nàng công chúa” từ cách đây ba bốn thế kỷ. Nàng công chúa lẽ dĩ nhiên không phải là “người đẹp ngủ trong rừng” và người cán bộ sử học vừa đánh mất một mối tình kia không phải là “chàng hoàng tử xinh trai” trong cổ tích. Nhưng những tìm kiếm, những xác định khoa học làm Lượng túi bụi ngày đêm. Và di hài của nàng công chúa cổ đã choán hết phần lớn thời gian cho di ảnh của một người đẹp còn sống.

Một năm sau, Lượng lấy vợ. Ngát, vợ Lượng là một cô giáo cấp một vừa được chuyển cấp lên dạy toán cấp hai. Một số lớn bạn bè đều nghĩ rằng Lượng lấy Ngát là để “làm xong một việc”, để lấp một lỗ trống quá lớn do Thanh để lại. Hay như một số người thường nói, đó là một “cuộc hôn nhân lẽ phải” của một anh chàng đã mệt yêu. Họ nghĩ thế cũng có lý vì thoát nhìn, Ngát hình như “yếu” hơn Thanh về rất nhiều điểm. Ngát không có cái đẹp lộng lẫy của Thanh, Ngát không có cái thông minh,

cái mẫn tiệp của Thanh. Ngát kém Thanh về trình độ văn hóa. Và, một điểm nữa hết sức quan trọng là Ngát tuy còn rất trẻ nhưng cũng đã qua một đời chồng. Chồng Ngát là một kỹ sư, có đủ xe máy, tivi, tủ lạnh... nghĩa là đủ những tiêu chuẩn “mười yêu” của nhiều cô gái. Nhưng trong thực tế vợ chồng, anh đã tỏ ra là một người thiếu văn hóa. Anh hay quát mắng vợ và trong một lần cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt nào đó, anh đã đánh Ngát. Ngát vốn là một người vợ dịu hiền và tốt nhin, nhưng tốt nhin không có nghĩa là hèn. Sau lần đó, Ngát đã chủ động viết đơn ra tòa xin ly dị. Tòa án buộc Thiệp, chồng Ngát phải chia phần lớn tài sản chung cho vợ. Nhưng Ngát không nhận “khi lấy anh Thiệp tôi muốn chia sẻ với anh một tình cảm vợ chồng. Tình cảm đó anh Thiệp không có, vậy thì những tài sản của anh ấy đối với tôi vô nghĩa”. Thậm chí cái phòng mà tòa bắt Thiệp phải ngăn đôi cho Ngát, chị cũng không lấy. Ngát dọn những đồ đạc riêng của chị về ở với mẹ.

Khi được tin Lượng hỏi Ngát làm vợ, một người bạn ngạc nhiên hỏi anh:

- Một thanh niên như cậu, quơ đâu chẳng được vợ, mà lại đi lấy vợ thừa thiên hạ?

Lượng nhìn bạn ngạc nhiên và nhất là hơi buồn. Một người có học thức như anh ta mà sao lại có một ý nghĩ quá sơ đẳng như vậy. Nhưng vốn tính điềm đạm, Lượng chỉ vắn tắt trả lời bạn: “Ngát có một tâm hồn rất đẹp”. Anh bạn nhún vai cười. Tuy anh ta không nói ra, nhưng qua ánh mắt và nét mặt giấu cợt, Lượng biết anh ta cho mình là gàn.

Hình như không có một cặp trai gái nào yêu nhau ở Hà Nội

mà lại không từng đi với nhau ít nhất là một lần quanh hồ Gươm, chiếc hồ cổ và luôn luôn mới, nó là một yếu tố không thể thiếu được trong đời sống tình cảm của người Hà Nội. Bao nhiêu mối tình đã soi bóng xuống mặt hồ, đem lại cho nước hồ màu xanh băng khuâng khó tả của mơ ước và hò hẹn.

Lượng và Ngát đi bên hồ. Ngày trước, qua những hình ảnh ngộ nghĩnh kỳ ửởng của Thanh, Lượng đã thấy được bao nhiêu nét đẹp của trời nước Bờ hồ. Ngát không nói nhiều như Thanh, không nhiều những hình ảnh tân kỳ như Thanh, nhưng chỉ qua bàn tay Ngát khi nắm lấy cổ tay Lượng và đôi con mắt thăm thăm đến thiết tha, đến da diết của Ngát, nhìn một ánh nắng cuối ửng vàng trên thân cây thau đã rụng hết lá, hoặc một ánh đèn nông tím bằng lăng hồi hộp in hình trên mặt nước hồ đầy bông động sóng một đêm sắp ỉở gió mùa Đông Bắc... Lượng cũng thấy nổi lên bao hình ảnh mới mẻ tưởng như đó là những hình ảnh mới xuất hiện trong vũ trụ của ngày đầu Sáng Thế. Người ta có thể diễn tả bằng lời nói và người ta cũng có thể diễn tả bằng sự im lặng, cái im lặng nó phần phật bao nhiêu âm thanh, nó xao động bao nhiêu màu sắc.

Không biết sự xói mòn của thời gian rồi có tác động gì tới hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ kia không, nhưng hiện tại thì cuộc sống của họ thật tốt đẹp, Ngát có cái dịu dàng nét na của những người đàn bà cố hữu Việt Nam, cộng thêm cái ân cần, tế nhị của người phụ nữ mới. Sự chăm sóc kín đáo của chị đem lại một cảm giác đầm ấm đặc biệt. Lượng nói chung là một cán bộ nghiên cứu rất chăm chỉ, nhưng anh mắc một bệnh lười, đặc biệt trong vấn đề tự "chăm sóc" bản thân. Đã nhiều lần, quần áo Lượng thay ra quên giặt vo viên đút vào tủ, để ít lâu sau có khi

lại lấy ra mặc lại. Áo thì thường xuyên đứt khuy phải gài kim bằng. Ngát kín đáo, giặt giũ, khâu vá cho chồng. Lượng bắt đầu cảm thấy cái thích thú của một chiếc áo lót thơm tho còn tươi mùi nắng, cái mát mẻ dễ chịu của một chiếc cổ áo trắng, nó sáng lên như một niềm vui bất chợt... Ngát đối với Lượng có cái âu yếm của một người vợ, cái chu đáo, cái thể tất của một người bạn. Ngát xuất hiện như một vòm lá tỏa ra nhiều bóng mát xuống tổ ấm bé nhỏ của cái phố Khâm Thiên nhiều nắng, bụi đường run rẩy những tán lá bàng của Tết trồng cây đầu tiên.

Lượng có thói quen làm việc rất khuya, nhiều khi mệt quá lăn ra ngủ giấy má, tài liệu ngổn ngang trên bàn. Khi tỉnh dậy, bao giờ Lượng cũng thấy bàn giấy gọn gàng ngăn nắp như có một người nào đó từ trong quả thị cổ tích hiện ra dọn dẹp mọi thứ trong giấc ngủ của Lượng. Nhưng vì không nắm vững công việc của Lượng nên đôi khi cái ngăn nắp của Ngát cũng làm cho Lượng mất khá nhiều thời giờ vì Ngát xếp lộn tài liệu. Điều đó làm cho người vợ yêu chồng kia hết sức khổ tâm.

Một hôm, vì khó ở, Lượng đi ngủ sớm, đến khuya, chợt tỉnh giấc, Lượng vẫn thấy Ngát đương cầm cúi làm việc. Lượng lặng lẽ đến gần, những tưởng vợ bận chấm bài, thì thấy Ngát đương mải mê đọc một cuốn sách về cổ sử. Lượng khẽ vuốt tóc vợ và không hiểu sao mắt anh cứ cay xè như muốn khóc.

Thằng Sử hình thành vào những ngày đó.

Nghĩ đến thằng Sử, Lượng lại bật cười. Lần đầu tiên đến thăm Ngát ở nhà hộ sinh, Lượng vẫn chưa làm quen được với ý nghĩ rằng từ nay mình đã là một người bố, và khi gặp vợ, Lượng lúng túng hỏi: "*Cháu* có khỏe không?", làm tất cả các sản phụ

PHỐ SỬ

có mặt ở đó phì cười: “Cái ông này lạ thật, lại gọi con bằng cháu?”. Và thỉnh thoảng về sau này, mỗi lần muốn đùa yêu chồng, Ngát lại bảo bé Sử: “Cháu lại với bố đi, con...”

Trời càng ngày càng tối dần. Các con đường vắng người càng mênh mông. Người công nhân quét rác đã quét những nhát chổi cuối cùng của một ngày, thu gọn những chiếc lá vàng cuối năm vẫn còn xào xạc trên ghế lạnh. Chiếc đồng hồ ở bờ hồ đã chỉ sáu giờ chiều.

Mấy chiếc xe kéo tên lửa hăm hở chạy về phía cầu Long Biên.

Gió Đông Bắc bắt đầu ùa về trên các ngã đường... Sóng ập oạt mỗi lúc một vỗ mạnh hơn vào bờ.

Lượng tự hỏi tại sao vào lúc Mỹ anh còn lang thang ở đây như vào một buổi chiều nhàn tản nào của những ngày thanh bình cũ. Một giờ, hai giờ nữa không chừng B.52 sẽ tới đây. Lượng ở hẳn lại Hà Nội làm gì? Lượng vào giờ cao điểm này còn loanh quanh bên bờ hồ này làm gì. Sự khôn ngoan không những bảo anh sớm về nhà mà còn bảo anh nên lánh xa Hà Nội về nơi trường sơ tán từ buổi sớm kia. Anh đã mua bán xong mọi thứ và đã thổ lên cho hai mẹ con thằng Sử ở một vùng quê xa xôi. Anh không có nhiệm vụ gì ở thành phố, một thành phố đương bị B.52 và bom rải thảm hăm dọa. Lượng không phải là một kẻ liều lĩnh xốc nổi, thích những hình dung từ oai vệ không cần thiết. Anh cũng không phải là một người thèm khát những tiện lợi của đời sống thành thị. Vợ con anh cũng đã sơ tán. Vậy thì tại sao anh vẫn nấn ná ở lại Hà Nội vào những giờ phút đầy nguy hiểm này. Cái gì đã níu chân người cán bộ nghiên cứu sử học kia vốn quen thuộc

với những chiếc trống đồng, những rìu đá, những mũi tên thời dựng nước hơn là tên lửa và máy bay phản lực hiện đại.

Tiếng rì rì như cối xay mỗi lúc một gần, vang động cả phía Nam thành phố. Rồi từng chùm bom nổ dữ dội, chói tai. Tiếng bom nổ gần. Cả một góc trời thành phố như muốn đổ ụp xuống. Lửa bốc cao lẫn với bụi đỏ quanh. Chiếc hầm cá nhân của Lượng đảo đi đảo lại như muốn bật tung ra ngoài.

Thấy có bóng người phóng xe đạp từ phía bom nổ tới, Lượng hỏi:

- Chúng nó ném bom ở đâu thế bác?

- Khâm Thiên.

Lượng chạy về phía Đông, bỗng vấp một viên gạch ngã chúi xuống. Lượng nhăn nhó ngồi ôm chân một lát cho đỡ đau rồi lại cầm cúi chạy.

Khâm Thiên... Khâm Thiên... bị ném bom. Sao lại có thể như thế được. Lượng không muốn, không thể tin như vậy. Cái khu phố đông đúc của Lượng, cái nơi ở đó Lượng đã lớn, đã sống, cái khu phố vừa mới buổi chiều đây thôi, còn... Khâm Thiên bị ném bom thật sao?

Lượng không muốn tin, nhưng không tin cũng không được. Hiện thực đập vào mắt tàn nhẫn, phũ phàng. Cả dãy phố quen thuộc của Lượng chỉ còn là gạch đổ. Mắt Lượng mờ đi. Ngôi nhà thân yêu của Lượng không còn nữa. Trong một lúc Lượng như bỗng mất nhận thức về mọi việc chung quanh. Lượng không còn nghe rõ những tiếng gọi nhau, những tiếng nói của đội cứu sập,

PHỐ SỬ

tiếng động cơ máy ủi. Lượng đứng sững người. Không phải anh tiếc cái ngôi nhà bé nhỏ của mình. Lượng mơ hồ cảm thấy mình vừa mất một cái gì to lớn hơn, thân thiết hơn. Cả người anh lơ lửng trong một tình trạng phi trọng lượng đột ngột. Bỗng như một người chợt tỉnh mộng, Lượng chạy vội về phía cuối phố. Anh gào đến lạc giọng: “Lý... Lý...!”. Chỉ thấy tiếng gạch đổ, tiếng còi của các đội cứu sập, tiếng động cơ máy ủi và tiếng gió mùa Đông Bắc tung hoành trên dãy phố bụi ngổn ngang những xác nhà.

Lý là em con dì con già với Ngát, nhưng được hai vợ chồng Lượng quý như em ruột. Khác hẳn với chị, Lý là một cô gái sôi nổi, hiếu động, “như con trai”. Mẹ Lý thường cười nhìn con gái nói với các bà bạn: “Nó là con trai hệt đấy. Các thầy đoán số bảo nếu sinh sớm hai giờ nữa thì nó sẽ là con trai”. Lý không đẹp nhưng có duyên, nhất là hai chiếc răng nanh nghịch ngợm, làm cho nụ cười của Lý có một cái gì vừa tươi vừa hóm hỉnh một cách đặc biệt. Không biết các thầy tướng số dựa vào đâu mà đoán rằng nếu sinh sớm hai giờ nữa thì Lý sẽ là con trai, nhưng cứ bằng vào tính hiếu động, sôi nổi, nghịch ngợm nhiều khi đến táo tợn của Lý thì cô gái có cái tên thơm mát kia không thua gì con trai cả. Lý rất mê thể dục thể thao và nhất là môn bóng đá. Cô thuộc gần hết tên các cầu thủ. Không những thế, cô còn sành sỏi cả luật và các chiến thuật bóng đá. Một lần cô kéo hai vợ chồng Lượng đi xem. Cô giải thích cho Lượng biết thế nào là 4-2-4 thế nào là 4-3-3 và hết sức bất mãn vì trọng tài đã phạt việt vị con số 10 trong vùng cấm địa. Lượng không hiểu sao Lý lại có thể quan tâm đến cục diện trên sân như vậy, “tưởng như mọi việc diễn biến trên sân bãi là việc nhà của cô”. Trận đấu bóng hôm đó làm cho Lý không hài lòng. Lúc về, cô lẩm lỉ

không nói nửa lời. Đến lúc ăn cơm, khi Lượng nói: “Việc gì mà Lý phải bực tức như vậy”. Cô gái đặt bát xuống *sửng cồ*: “Không tức! Thi đấu thế mà cũng đòi! Đá đến sáu hậu vệ giữa nhà, không sợ trẻ con nó cười cho thối mũi! Thanh niên mà làm ăn như vậy thì cứ cầm mỗi người một bộ râu vào cầm cho nó được việc. Chưa đá đã sợ thua, sao không ở nhà bú mẹ cho nó xong ra sân bãi làm gì cho tủi cở”. Nhìn nét mặt bực tức của Lý lúc đó, một người kín đáo như Ngát mà cũng phải phì cười.

Lý cũng cười theo: “Đã thế em phải bắt đền anh chị mới được”. Và Lý ngồi ăn thì tì cho đến khi nồi cơm nhấc thín mới đứng dậy.

Lý là một con người sống rất sôi nổi, sôi nổi và can đảm.

Một lần hai chị em đi chơi. Ngát bị hai thanh niên càn quấy chèn suýt ngã. Không những không xin lỗi, hai đứa còn cười lên sằng sặc, buông ra những lời lẽ thô bỉ và khệnh khạng phóng xe đi. Thấy nét mặt Lý đỏ bừng, Ngát bảo em: “Thôi đi em, lời thôi với chúng nó làm gì?”.

Nhưng Lý gạt tay Ngát ra phóng lên trước và quay xe ngang đường chặn đứng hai thanh niên càn quấy kia lại. Chưa để cho hai người kịp sừng sộ, Lý đã xuống xe nắm lấy ghi đông của tên lớn nhất, nghiêm khắc nói:

- Anh phải xin lỗi chị ấy, nếu không mời anh đi với tôi lên đồn.

Mọi người xúm quanh lại. Lý dần giọng:

- Tôi nhắc lại, các anh đã xử sự một cách rất thiếu văn hóa.

PHỐ SỬ

Các anh có xin lỗi không?

Hai chàng thanh niên lơ láo nhìn nhau, rồi một tên lí nhí nói:

- Vâng, tôi xin lỗi chị.

Khi về, Lượng trách Lý:

- Sao cô hay lời thôi thế, nhờ chúng nó gây gỗ thì làm thế nào?

Lý cười:

- Ai cũng cứ như anh thì chúng nó làm trời. Vả lại trông chúng nó càn quấy thế thôi nhưng thật ra chúng rất hèn. Chúng chỉ bắt nạt những người nhút nhát thôi.

Ngừng một lát hình như suy nghĩ một điều gì, Lý chậm rãi nói tiếp:

- Anh có thấy một người con trai nào can đảm mà lại đi bắt nạt một phụ nữ không?

Thỉnh thoảng Lý lại có những ý nghĩ đột ngột và hết sức sâu sắc như vậy.

Một hôm khác, không biết nhân một câu chuyện gì, Lượng đùa bảo Lý:

- Giá cô nhường cho chị Ngát một phần cái sôi nổi, mãnh liệt của cô thì phải?

Lý tròn mắt nhìn Lượng:

- Lý hy vọng rằng anh Lượng nói đùa. Một người như chị

Ngát mà lại không sôi nổi, mãnh liệt? Không sôi nổi mãnh liệt mà lại có cái đảm, cái kiên trì học một môn học xa lạ với mình để giúp đỡ người yêu.

Rồi Lý nói rất nghiêm trang:

- Nếu anh không nói đùa thì anh có khuyết điểm với chị Ngát- Và Lý cười, hai chiếc răng nanh nổi bật trên hàm răng trắng bóng, nghịch ngợm một cách lạ - Và có khuyết điểm lẽ dĩ nhiên là phải sửa. Đề nghị anh mời chị Ngát và em đi làm một châu phở.

Nhưng thích thú nhất vẫn là nghe Lý kể về những mơ ước của cô sau mỗi chuyến đi xa về. Cô cán bộ hải sản say mê ngành đại dương học kia mỗi lần đi về hình như còn mang cả mùi gió mặn của biển, cái chao động của những con sóng bạc đầu và cái mênh mông của những khoảng nước rộng làm trông tránh cả không khí của căn gác nhỏ phố Khâm Thiên này.

- Chắc anh chị đã nghe nói nhiều đến những buổi bình minh rực rỡ và hùng tráng trên biển rộng. Em thì em thích những đêm sáng trắng hơn. Những đêm mênh mông tưởng như mình lạc trong một thế giới ánh sáng huỳnh quang kỳ lạ, sáng đến mức mình thấy ngủ quên đi mất là có khuyết điểm với cái đẹp của trời đất. Quay mặt về phía nào cũng tràn ngập ánh sáng và biển phập phồng trần trở như một tâm hồn đầy những hoài bão.

Lý đứng dậy ra mở tung tất cả các cửa sổ. Mắt cô sáng lên lung linh, có phải đó là cái sáng của những đêm trắng biển. Quay về phía Ngát, Lý nói tiếp:

- Chị có nhớ cái truyện ngắn của Goócki nói về một ông thủy

PHỐ SỬ

thủ già lội ra khơi xa để chết với biển rộng không? Ai cũng biết đó là một tình tiết hử cấu, nhưng nó đúng một cách lạ. Quả thật, có nhiều đêm trăng sáng trên biển rộng, em cảm thấy xấu hổ với những lo toan quá chật chội, quá nhỏ hẹp của mình.

Rồi Lý nói về tương lai:

- Bao giờ thống nhất với một vùng biển trù phú như vùng biển của nước ta, ngành đại dương học nhất định sẽ phát triển.

Em thêm được tham gia những đoàn cán bộ nghiên cứu đại dương trong những phòng thí nghiệm đặc biệt nằm sâu dưới đáy biển.

Và Lý triền miên nhắc đến những tên cá kỳ lạ như trong huyền thoại, những con tu sĩ, những con thiên thần biển, những con mập hành hương, những con cá đèn lồng, cá ghi-ta biển, cá hói đầu...

“Và biển phập phồng trần trở như một tâm hồn đầy những hoài bão”.

Không biết Lý dùng hình ảnh đó để nói về biển cả hay về bản thân mình, chỉ biết rằng cái bệnh “biển cả” kia hình như là một bệnh rất hay lây.

Đêm đó, Lượng thấy Ngát cứ trở mình luôn. Đêm tháng tám, gió heo thổi những vì sao, xào xạc... xào xạc...

Người yêu của Lý là một chiến sĩ điều khiển tên lửa. Hai người yêu nhau từ khi còn đi học. Viễn, tên người yêu của Lý là một sinh viên khoa vật lý thiên văn. Không biết chàng sinh viên say mê bầu trời kia khi yêu cô gái Khâm Thiên có biết rằng nơi

đây thời xưa, vào những triều Trần, triều Lê gì đó, cái phố hò hẹn của hai người là nơi đặt đài thiên văn cổ sơ của người Việt Nam và nhà thiên văn Việt Nam Đặng Lộ đã sáng chế ra một “linh lung nghi” để quan sát bầu trời. Chàng Đặng Lộ thời nay, nếu có nhìn lên bầu trời Khâm Thiên từ một ống kính viễn vọng nào, chắc là phải nhìn thấy một ngôi sao linh lung màu thiên lý.

Nhưng giặc Mỹ đã đem chiến tranh đến bầu trời Việt Nam. Và người sinh viên kia, một buổi sớm lặng lẽ từ biệt những tinh cầu, những dải thiên hà, với những chuỗi số dài dặc, từ biệt vòm trời Khâm Thiên đầy sao và kỷ niệm để lên đường đánh Mỹ. Vòm trời anh quan sát hôm nay không còn phải là bầu trời thanh bình của khoa học, của tình yêu mà là vòm trời trên màn hiện sáng, vòm trời đương chảy máu vì những con siêu âm Mỹ.

Tình yêu của đôi trai gái đầu trời cuối biển này cũng thật lạ. Họ gặp nhau thoáng qua như một vì tinh tú lạc trên vòm trời đạn lửa của đất nước. Lần này Lý được nghỉ phép vào đúng những ngày B.52 đánh phá. Không hiểu do sáng kiến của ai mà hai người quyết định kết hôn vào sau ngày không lực Hoa Kỳ tấn công vào Hà Nội “đánh cho Bắc Việt một đòn gãy xương sống” và bị hạ ba B.52 một lúc trên vòm trời thủ đô. Đơn vị của Viễn đã lập thành tích xuất sắc trong trận độ sức quyết liệt đó. Đám cưới giữa trận địa còn ngổn ngang bom đạn và những xóm làng bị cháy trụi vì trận bom rải thảm hồi đêm cũng là một thách thức đối với đế quốc Mỹ. Cuộc vui tổ chức vào những ngày “tơi bời khói lửa” mà cũng không kém phần rôm rả. Có văn công xung kích đến phục vụ và đặc biệt lại có lẵng hoa của Bác Tôn gửi tặng đơn vị. Cô dâu và chú rể đầu đội mũ sắt. Chiếc áo màu xanh côban của Lý nổi bật trên nền nắng trơ trụi của trận địa

PHỐ SỬ

như một ốc đảo dịu mát. Đơn vị tặng cô dâu chú rể mỗi người một bông hồng nổi tiếng ở vườn Bác Hồ. Tiếng cô văn công thiết tha một điệu dân ca hết sức trữ tình:

*Một bấy tang tình con nhện dăng tơ, dăng tơ ấy mấy đi tìm Em
nhớ thương ai đôi con mắt lim dim...*

Mấy chàng lính tên lửa ngồi trên chiếc “chuồng chim cu” cao ít bên dàn radar lắc lư theo nhịp câu hát, “mắt lim dim” như đang ngả đến một màu xanh cô ban chờ đợi ở một vùng xa nào... Gió khẽ rì rào gợn sóng như một hàng mi chớp dài trên những cành lá nguyệt trang nơi bệ phóng.

Em nhớ thương ai đôi con mắt lim dim...

Câu hát bị cắt đứt bởi lệnh báo động. Chính trị viên dẫn các cô văn công ra hầm. Các chiến sĩ trực thủ nhanh nhẹn mở cửa trèo vào lòng xe,

Cả trận địa rộn ràng tiếng máy nổ. Các quả đạn cối áo nguyệt trang ngóc đầu nhòm lên trời, nhọn hoắt như những ngọn móc búp đa chuẩn bị xung kích vào ngực quân thù. Radar đảo mắt cảnh giới bao quát bầu trời.

Cô dâu được mời vào xe chỉ huy và chú rể cũng trở về vị trí chiến đấu trước màn hiện sóng. Trong xe chỉ huy bọc thép kín mít, những màn hiện sóng sáng xanh bỗng nhắc Lý nghĩ đến cái xanh của biển cả.

Không biết Viễn có nhìn thấy cái ngôi nhà bé nhỏ của Lý ở cái phố Khâm Thiên đông đúc kia trên màn hiện sóng không. Lý không tiện hỏi. Ai lại hỏi như vậy, “Bất lịch sự” chết. Nhưng chắc Viễn phải nhìn thấy. Viễn không thể không nhìn thấy.

Hồi chiều, Lượng gặp Lý về nhà chuẩn bị để mai lên đường sớm. Liệu...

- Lý... Lý...

Lượng vừa chạy vừa gọi. Chỉ thấy bốn bề ngổn ngang gạch ngói và bụi đỏ.

Ngôi nhà của Lý giờ đây chỉ còn là một hố sâu. Lý đã “đi” rồi. Tìm mãi cũng chỉ thấy một mảnh áo xanh côban rớt lại đó như một mảnh biển xanh, một hoài bão bất diệt. Lượng bỗng ngồi bệt xuống, nước mắt rơi lã chã.

Khi đưa cho Viễn mảnh áo xanh côban của Lý, Lượng xin lại một miếng nhỏ.

Và bên cạnh những mũi, tên đồng Cổ Loa, những cọc gỗ hiện vật thời Trần lấy được ở Bạch Đằng, cùng với các di vật lịch sử khác của người cán bộ sử học kia, ta thấy có mảnh vải xanh côban của Lý, cô gái nhiều hoài bão của thời đại Hồ Chí Minh và mảnh B.52 do đơn vị của Viễn bắn rơi đúng đêm giặc Mỹ đến rải thảm lên ngõ phố Khâm Thiên. Mặc dầu không một bằng chứng nào có tính chất xác định, Viễn vẫn quả quyết rằng đó chính là mảnh chiếc máy bay đã ném bom xuống căn nhà của anh.

Hàng tháng sau người ta vẫn thấy Lượng loanh quanh ở phố Khâm Thiên, ở những ngõ Thổ Quan, ngõ Trung Phụng, ngõ Tô Tiên, ngõ Vạn Ứng... thăm từng đồng gạch, hỏi về từng người đã mất, về tất cả những cái mới hôm qua đây thôi, Lượng còn bàng quan nhưng hôm nay bỗng trở thành thân thiết một cách lạ, như những tài liệu lịch sử vô giá.

PHỐ SỬ

Và cũng như Ngát, người đàn bà yêu chồng, quyết tâm học môn Lịch sử học búa, người cán bộ sử học kia tự cảm thấy không thể không học viết về những con người bình thường ở cái phố Khâm Thiên của anh vì cuộc đời, việc làm và khát vọng của họ cũng chính là lịch sử.

Việc đó lẽ dĩ nhiên là khó, rất khó, nhất là đối với một người vựng chữ như Lượng. Nhưng anh có cái quyết tâm của một tình yêu mãnh liệt, dữ dội. Anh tin rằng, cũng như Ngát, anh sẽ làm được.

MỤC LỤC

NHÀ VĂN HOÀI ANH, ĐA TÀI VÀ LẶNG LẼ	5
HƯNG ĐẠO VƯƠNG	37
TỪ NGƯỜI ĐAN SỢT LÀNG PHÙ ỦNG.....	95
NGƯỜI LÍNH GIÀ CHẶN NGỰA	110
VUA ĐÔ	147
DŨNG SĨ NÚI BÓNG	128
HÌNH RỒNG XĂM.....	137
BÁT CANH LƯƠN	148
NGƯỜI LÍNH DẠY VOI VÀO VIỆN HÀN LÂM	154
CHÚ LÍNH ĐỀ THƠ TRONG HỘI TAO ĐÀN.....	162
NGƯỜI NHUỘM XUÂN.....	166
HỘI HOA MẪU ĐƠN.....	184
ĐÍCH NGẮM	191
CHÀNG CHẶN TRÂU MƯU NGHIỆP LỚN.....	199
QUÁN ĐANH	214
NGƯỜI TỰ MỔ BỤNG	220
VỤ ÁN MẠNG GÀ CHỌI.....	225
CHẤM SON ĐẦU NGỌN BÚT.....	230
TẮM ÁO NÊN DUYÊN	236

ÔNG THÀNH HOÀNG SỐNG.....	244
VỊ TƯỚNG ĐỘI QUÂN DÊ	253
SỢI LÔNG TRÂU TRẮNG	260
MÙA XUÂN CHINH PHỤ NGÂM	270
CUỘC HỘI KIẾN KỲ THÚ	281
ĐI TIẾP ĐƯỜNG CHA	290
HÙNG KÊ QUYỀN	296
TIẾNG TRỐNG VÕ TÂY SƠN.....	304
NGƯỜI VÀ LUẬT	314
BÁNH TRÔI NƯỚC	320
LÁ ĐƠN PHÊ CHIỀU XUÂN MUỘN	344
KIỆM BÊN ROI	348
CÓ CÔNG MÀI SẮT	358
CON CÒ BAY LÊN THÀNH CHIM PHƯỢNG	372
GƯƠNG MẶT CON LÂN.....	382
YÊN ĐỔ ĐÊM ĐẦU XUÂN	388
CÔ GÁI NHẢY NGỰA.....	408
CHAI RƯỢU LÀNG MƠ.....	418
CHIẾC ROI	435
PHỐ SỬ.....	441

TUYỂN TẬP TRUYỆN LỊCH SỬ CỦA HOÀI ANH
QUYỂN 4: HÙNG ĐẠO VƯƠNG
VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Nguyễn Cừ**

Biên tập: **Triệu Xuân**

Trình bày, chế bản: **Thế Hiệp**

Bìa: **Họa sỹ Đỗ Duy Ngọc**

Sửa bản in: **Chi nhánh**

Độc bản in thử: **Triệu Xuân**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội

*ĐT: (84.4) 829 4685 * Fax: (84.4) 829 4781*

E-Mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM

*ĐT: (84.8) 848 3481; 846 9858 * Fax: (84.8) 848 3481*

E-Mail: xuantrieu@yahoo.com

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công Ty Cổ Phần Thanh Niên, số 62 Trần Huy Liệu, Q.PN, TPHCM. Số đăng ký KHXB: 100-2006/CXB/30-04/XBVH/NXBVH. Quyết định số 255/QĐ-VH do NXB Văn học cấp ngày 23-06-2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2006.